HỒ CHÍ MINH

TOÀN TẬP

2

1924-1930

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

ĐÀO DUY TÙNG	Chủ tịch Hội đồng
NGUYỄN ĐỨC BÌNH	Phó Chủ tịch Hội đồng
HÀ ĐĂNG	Uỷ viên Hội đồng
ĐẶNG XUÂN KỲ	"
TRẦN TRỌNG TÂN	"
NGUYỄN DUY QUÝ	"
ĐỖ NGUYÊN PHƯƠNG	"
HOÀNG MINH THẢO	"
TRẦN NHÂM	"

BAN CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG BẢN THẢO

ĐẶNG XUÂN KỲ
SONG THÀNH

NHÓM XÂY DỰNG BẢN THẢO TẬP 2

PHAN NGỌC LIÊN (Chủ biên)
NGUYỄN VĂN KHOAN
NGUYỄN THỊ GIANG

HỒ CHÍ MINH

TOÀN TẬP

2

1924 - 1930

Xuất bản lần thứ hai

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HÀ NỘI - 2000

LỜI GIỚI THIỆU TẬP 2

Tập 2 của bộ sách *Hồ Chí Minh Toàn tập,* xuất bản lần thứ hai, bao gồm những tác phẩm do Chủ tịch Hồ Chí Minh viết từ tháng 11-1924 đến đầu năm 1930. Đây là thời gian kể từ lúc Nguyễn Ái Quốc từ Liên Xô đến Quảng Châu (Trung Quốc) hoạt động đến khi thành lập Đảng. Thời gian không dài song có nhiều sự kiện quan trọng đối với phong trào cách mạng thế giới và Việt Nam, đánh dấu một bước tiến quan trọng trong quá trình phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Với cương vị Uỷ viên Ban Phương Đông của Quốc tế Cộng sản, phụ trách Văn phòng Phương Nam, Nguyễn Ái Quốc đảm nhận việc truyền bá chủ nghĩa cộng sản vào châu Á nói chung và Đông Dương nói riêng, theo dõi và chỉ đạo phong trào cách mạng ở một số nước, chuẩn bị mọi điều kiện cho việc thành lập chính đảng của giai cấp vô sản. Đồng thời, Người dành nhiều thì giờ trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, đặc biệt quan tâm đến việc ra đời của Đảng. Đối với lịch sử cách mạng nước ta, có thể coi những năm 1925- 1930 là thời gian Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức để tiến tới sự kiện trọng đại này. Đối với phong trào cách mạng các nước phương Đông, chủ yếu ở châu Á, Người cũng có nhiều đóng góp cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và sự thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản.

Người đã tiến hành nhiệm vụ cao cả đó trong những điều kiện cực kỳ khó khăn và phức tạp, nhưng cũng có nhiều thuận lợi cơ bản: Phong trào chống Pháp ở Việt Nam vẫn rầm rộ, Quốc tế Cộng sản đã mở rộng ảnh hưởng và tổ chức của mình ra nhiều nước, kể cả các nước thuộc địa. Quốc tế thứ hai ngày càng dấn sâu vào con đường thoả hiệp với giai cấp tư sản, đi theo chúng để chống lại giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức. Varen, đảng viên Đảng Xã hội Pháp là một ví dụ. Hắn đã nhận chức Toàn quyền Đông Dương, tìm cách đàn áp phong trào yêu nước của nhân dân ba nước Đông Dương. Giai cấp tư sản dân tộc ở các nước phụ thuộc và thuộc địa ngày càng tỏ ra không đảm đương nổi sứ mệnh lãnh đạo sự nghiệp giải phóng dân tộc của nước mình, chống lại những thủ đoạn đàn áp đi đôi với

lừa bịp của bọn đế quốc thực dân. Khuynh hướng cải lương, thoả hiệp ngày càng rõ rệt trong hàng ngũ tư sản dân tộc; ở một số nước, chúng đã phản bội, đầu hàng. Ngay tại Trung Quốc, nơi hoạt động của Nguyễn Ái Quốc lúc bấy giờ, cuộc phản biến của Tưởng Giới Thạch, tháng 4 năm 1927, đã bộc lộ bản chất phản cách mạng của những kẻ đại diện cho một bộ phận tư sản gắn với chủ nghĩa đế quốc.

Cuộc đấu tranh chống Pháp của nhân dân Việt Nam lúc bấy giờ vẫn sục sôi, nhưng chưa ra khỏi cuộc khủng hoảng sâu sắc về đường lối cứu nước và lãnh đạo. Các cuộc vận động cứu nước do Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh khởi xướng suy yếu dần. Chủ nghĩa cải lương "đề huề", do bọn thực dân nuôi dưỡng, đang ra sức làm tê liệt tinh thần yêu nước của nhân dân ta. Tuy nhiên, cùng với cuộc vận động yêu nước, đòi tự do dân chủ, phong trào đấu tranh của công nhân đã có bước phát triển mới, làm cơ sở cho các tổ chức và phong trào chính trị cao hơn về sau. Cuộc bãi công của thợ máy xưởng Ba Son (sửa chữa và đóng tàu thuỷ của hải quân Pháp) ở cảng Sài Gòn (8-1925) đánh dấu một bước tiến mới của phong trào công nhân Việt Nam, giai cấp công nhân nước ta từ đây bước đầu đi vào đấu tranh tự giác. Sự ra đời của Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội, do Nguyễn Ái Quốc thành lập (6-1925), làm cho phong trào đấu tranh của nhân dân ta mang thêm sắc thái mới - sắc thái của giai cấp vô sản. Cùng khoảng thời gian này, Việt Nam Quốc dân đảng được thành lập (25-12-1927). Đây là một đảng chính trị theo xu hướng dân chủ tư sản, tiêu biểu cho bộ phận tư sản dân tộc Việt Nam. Sau sự kiện Yên Bái năm 1930, vai trò lịch sử của Việt Nam Quốc dân đảng chấm dứt.

Sứ mệnh lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc theo con đường của chủ nghĩa Mác - Lênin được trao trọn vẹn cho giai cấp công nhân Việt Nam và Đảng của nó, do Nguyễn Ái Quốc thành lập, giáo dục và lãnh đạo. Với tư cách là một nhà yêu nước chân chính, một chiến sĩ cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã tiến hành nhiều công việc to lớn - truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, xác định đường lối cứu nước đúng, chuẩn bị thành lập Đảng để bảo đảm cho thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đồng thời, Người không quên trách nhiệm của một chiến sĩ quốc tế, đại diện của Quốc tế Cộng sản tham gia tổ chức xây dựng phong trào cách mạng ở nhiều nước khác của châu Á.

Những hoạt động phong phú của Nguyễn Ái Quốc, về tư duy lý luận cũng như thực tiễn trong thời kỳ 1924-1930, được phản ánh trong tập 2 của bộ *Hồ Chí Minh Toàn tập,* xuất bản lần này. Nhờ kết quả sưu tầm, xác

minh của nhiều cơ quan lưu trữ, bảo tàng... và của các nhà khoa học, nhiều tài liệu đã được phát hiện, dịch, xử lý, và lần đầu tiên được công bố bằng tiếng Việt.

Quyển *"Bản án chế độ thực dân Pháp",* xuất bản năm 1925, trước in ở tập 1, lần xuất bản này được đưa vào tập 2, cho phù hợp với thời điểm ra đời của tác phẩm. Các tài liệu mới được xác định theo những nguyên tắc của văn bản học: tài liệu có ghi tên của Nguyễn Ái Quốc, hoặc những bút danh khác nhau đã được xác nhận; có trong hồ sơ lưu trữ của Quốc tế Cộng sản trao cho Trung ương Đảng ta đã được khẳng định... Một số tài liệu chưa xác định chắc chắn là của Nguyễn Ái Quốc thì được xếp ở phần Phụ lục để nghiên cứu thêm.

Qua khối lượng tài liệu được đưa vào tập 2 này, chúng ta nhận thấy bước phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh và công lao to lớn của Người đối với dân tộc, giai cấp và phong trào cách mạng thế giới. Người đã sớm tiếp thu ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm thấy con đường giải phóng các dân tộc thuộc địa gắn chặt với cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản, từ đó Người đã tiến hành đấu tranh và phê phán mạnh mẽ những nhận thức sai lầm về vấn đề dân tộc và thuộc địa trong phong trào công nhân ở các nước châu Âu, đồng thời, Người đã ra sức đẩy mạnh việc truyền bá những tư tưởng của Lênin và Quốc tế Cộng sản, vào các dân tộc thuộc địa.

Trong bài *"Lênin và các dân tộc thuộc địa"* Người viết: *"Lênin là người đầu tiên đã hiểu và đánh giá hết tầm quan trọng lớn lao của việc lôi cuốn nhân dân các nước thuộc địa vào phong trào cách mạng. Lênin là người đầu tiên đã chỉ rõ rằng, nếu không có sự tham gia của các dân tộc thuộc địa, thì cách mạng xã hội không thể có được" (tr. 136).*

Trong một bài khác cùng nhan đề, nhưng để nói với các dân tộc bị áp bức, Người viết: *"Khi còn sống, Lênin là người thầy, người cha của nhân dân bị áp bức. Sau khi mất, Người là ngôi sao chỉ đường tiến tới sự nghiệp giải phóng vĩ đại của nhân dân bị áp bức.*

Lênin sống mãi trong lòng mọi người dân nô lệ ở các nước thuộc địa!" (tr.209).

Khi hoạt động ở Quảng Châu, Người đã lập ra "Việt Nam Thanh niên cách mệnh đồng chí hội", trong đó có cộng sản đoàn làm nòng cốt. Đó là bước đi thích hợp để tiến tới thành lập một chính đảng vô sản kiểu mới theo chủ nghĩa Lênin ở một nước thuộc địa, nông nghiệp lạc hậu. Đây là

bước chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức và phương pháp đấu tranh cách mạng cho đội tiên phong chiến đấu của giai cấp công nhân Việt Nam. Những bài giảng của Người ở các lớp huấn luyện chính trị Quảng Châu (1925-1927), sau được tập hợp thành cuốn *Đường cách mệnh* đã đặt cơ sở cho việc hình thành đường lối và phương pháp của cách mạng Việt Nam theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Đường cách mệnh là sự tiếp nối hợp lôgíc. *Bản án chế độ thực dân Pháp;* nó chỉ rõ mục tiêu con đường và những biện pháp cụ thể để đi tới thắng lợi. Điều kiện quan trọng hàng đầu là phải có Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo *"để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công"* (tr.267-268), *Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt... Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tầu không có bàn chỉ nam" (tr.268). Người khẳng định: "Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin" (tr.268).*

Bằng sự phân tích sâu sắc trên cơ sở cứ liệu lịch sử chính xác, Nguyễn Ái Quốc đã chỉ cho nhân dân Việt Nam cũng như nhân dân nhiều nước thuộc địa thấy rằng công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc không thể đi theo con đường cách mạng tư sản, vì đó là "*cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hoà và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lục công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa"* (tr. 268). Con đường đúng theo Nguyễn Ái Quốc là con đường Cách mạng tháng Mười Nga: "*Cách mệnh Nga dạy cho chúng ta rằng muốn cách mệnh thành công thì phải dân chúng (công nông) làm gốc, phải có đảng vững bền, phải bền gan, phải hy sinh, phải thống nhất. Nói tóm lại phải theo chủ nghĩa Mã Khắc Tư và Lênin"* (tr.280).

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng vạch rõ sự cần thiết phải gắn cách mạng giải phóng dân tộc với cách mạng vô sản thế giới. Trong *Bản án chế độ thực dân Pháp,* Người viết: *"Đứng trước chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc, quyền lợi của chúng ta là thống nhất"* (tr.128). Vì vậy, cần có sự liên minh chiến đấu giữa các lực lượng cách mạng vô sản và cách mạng giải phóng dân tộc chống chủ nghĩa đế quốc nhằm thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Điều đó đã được Nguyễn Ái Quốc đúc kết thành nguyên lý:

..."Làm cho đội tiên phong của lao động thuộc địa tiếp xúc mật thiết với giai cấp vô sản phương Tây để dọn đường cho một sự hợp tác thật sự sau này, chỉ có sự hợp tác này mới bảo đảm cho giai cấp công nhân quốc tế giành được thắng lợi cuối cùng" (tr.124).

"Làm cho các dân tộc thuộc địa, từ trước đến nay vẫn cách biệt nhau, hiểu biết nhau hơn và đoàn kết lại để đặt cơ sở cho một Liên minh phương Đông tương lai, khối liên minh này sẽ là một trong những cái cánh của cách mạng vô sản". (tr.124).

Trong khi chăm lo xây dựng Đảng mácxít lêninnít, xây dựng khối đoàn kết quốc tế, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn tiếp tục lên án, tố cáo tội ác của chủ nghĩa đế quốc thực dân ở Đông Dương và ở các nước thuộc địa, phụ thuộc khác trên các mặt chính trị, kinh tế, quân sự, văn hoá, giáo dục... Trong bài phát biểu tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Quốc dân đảng Trung Quốc (14-1-1926), Nguyễn Ái Quốc đã tố cáo một cách toàn diện *"sự tàn ác của ách áp bức của người Pháp"* và đi tới kết luận rằng: *"Bọn đế quốc cố nhiên là áp bức người An Nam, nhưng đồng thời chúng cũng áp bức cả người Trung Quốc... Chúng ta biết rằng, các dân tộc bị áp bức trên thế giới hiện nay có Ai Cập, Marốc, Xyri, An Nam, Trung Quốc và rất nhiều nước khác. Cho nên, chúng ta phải liên hiệp lại, cùng nhau chống chủ nghĩa đế quốc"* (tr.216). Bằng nhiều dẫn chứng chính xác, cụ thể về tội ác của chủ nghĩa thực dân đế quốc ở khắp mọi nơi, Nguyễn Ái Quốc kết luận: "*... mọi chế độ thực dân đế quốc đều tiêu diệt hết các nòi giống bản xứ, và muốn cứu vãn những nòi giống này, ta phải lật đổ chủ nghĩa đế quốc!"* (tr.340).

Khi cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới ngày càng tới gần thì ách áp bức và bóc lột thực dân ngày càng tăng; đồng thời cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam, cũng như nhân dân Trung Quốc, Ấn Độ, dưới sự tác động của những tư tưởng tiến bộ cũng mỗi ngày một sôi nổi. Hồ Chí Minh đã thể hiện tinh thần quốc tế vô sản không chỉ trên lời nói mà còn bằng hành động cụ thể cho sự phát triển của phong trào cách mạng thế giới.

Ở Việt Nam, những tổ chức cộng sản đầu tiên được hình thành vào cuối những năm 1920 đánh dấu sự chín muồi cho sự ra đời của một chính đảng vô sản mácxít - lêninnít của giai cấp công nhân. Vì vậy, Người đã thay mặt Quốc tế Cộng sản đứng ra thống nhất các tổ chức cộng sản ở trong nước, chính thức thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Toàn bộ tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong tập 2 của lần xuất

bản này phản ánh sự sáng tạo độc đáo của Người không chỉ trong việc vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, và các nước thuộc địa, phụ thuộc khác, mà còn góp phần phát triển và làm phong phú thêm lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa.

Tư tưởng Hồ Chí Minh ở giai đoạn này đã đặt cơ sở khoa học cho đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo của Đảng ta. Đường lối đó là ngọn đèn pha soi sáng cho cách mạng Việt Nam tiến tới, đồng thời là vũ khí sắc bén để chiến thắng những tư tưởng cải lương, dân tộc hẹp hòi, tư tưởng thoả hiệp của giai cấp tư sản góp phần xác lập vững chắc địa vị lãnh đạo của giai cấp vô sản và chính Đảng của nó đối với cách mạng Việt Nam. Nó cũng giúp cho nhiều chiến sĩ yêu nước chuyển sang lập trường của giai cấp vô sản khắc phục những biểu hiện của tư tưởng tả khuynh, hẹp hòi, biệt phái...

Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng đã nhanh chóng thâm nhập vào quần chúng nhân dân, biến thành sức mạnh to lớn đưa đến những thắng lợi vĩ đại.

VIỆN NGHIÊN CỨU CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN
VÀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

GỬI TỔNG THƯ KÝ QUỐC TẾ NÔNG DÂN [1)]

Quảng Châu, ngày 12-11-1924

Gửi đồng chí Đômban, Tổng thư ký Quốc tế Nông dân[1],

Đồng chí thân mến,

Chuyến đi của tôi từ Mátxcơva được quyết định hơi đột ngột, và tôi không thể báo trước cho đồng chí điều đó. Tôi xin đồng chí thứ lỗi và chuyển sự tạ lỗi của tôi đến các đồng chí chúng ta ở Hội đồng.

Ở đây, chúng ta có một phong trào nông dân rất đáng chú ý: dưới sự bảo trợ của Quốc dân đảng và dưới sự lãnh đạo của những người cộng sản, những nông dân nghèo đã tự tổ chức lại. Về phía các địa chủ, họ cũng có tổ chức nhưng tất nhiên với một mục đích khác. Đó là một cơ hội tuyệt diệu cho sự tuyên truyền của chúng ta. Vậy tôi đề nghị đồng chí vui lòng gửi cho tôi tất cả mọi tài liệu mà đồng chí có thể có như các báo, các tuyên ngôn, v.v.. Tôi sẽ đảm nhiệm thu xếp với các đồng chí chúng ta ở đây để phổ biến chúng.

Về việc liên quan tới vị trí của tôi là uỷ viên Đoàn Chủ tịch Quốc tế Nông dân thì đồng chí cứ làm nếu như đồng chí xét là tốt hoặc là đề nghị thay thế tôi, ở trường hợp này đồng chí nói là tôi ốm, chứ đừng nói là tôi *vắng mặt*, bởi vì tôi sống bất hợp pháp ở đây. Hoặc là nếu đồng chí thấy có ích thì cứ giữ lại cái danh nghĩa dân thuộc địa Nguyễn Ái Quốc để trang trí cho những tuyên ngôn và những lời kêu gọi của Hội đồng.

---

1) Đầu đề do BBT đặt.

Xin gửi đồng chí và tất cả các đồng chí của chúng ta lời chào cộng sản.

Địa chỉ để gửi tài liệu:

Ô.Lu, Hãng thông tấn Rôxta, Quảng Châu, Trung Quốc.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Thư đánh máy bằng tiếng Pháp,
bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

GỬI BAN BIÊN TẬP TẠP CHÍ *RABOTNHITXA*

Quảng Châu, ngày 12-11-1924

Các nữ đồng chí thân mến,

Khi tôi còn ở Quốc tế Cộng sản[2] , tôi phấn khởi được đôi lần cộng tác với tờ báo của các đồng chí. Nay tôi muốn tiếp tục sự cộng tác ấy. Nhưng vì ở đây tôi hoạt động bất hợp pháp, cho nên tôi gửi bài cho các đồng chí dưới hình thức "Những bức thư từ Trung Quốc" và ký tên một phụ nữ. Tôi nghĩ rằng làm như vậy những bài viết có tính chất độc đáo hơn và phong phú hơn đối với độc giả, đồng thời cũng bảo đảm giấu được tên thật của tôi.

Xin các đồng chí gửi đều đặn cho tôi không chỉ riêng báo của các đồng chí, mà cả những sách báo Nga mà phụ nữ và thiếu nhi có thể ưa thích, bởi vì ở đây còn phải làm nhiều việc vận động phụ nữ và thiếu nhi, nhưng các đồng chí của chúng ta ở đây lại chưa có đủ tài liệu huấn luyện và tuyên truyền. Về phần tôi, tôi hứa sẽ cung cấp cho các đồng chí tin tức về phong trào phụ nữ ở phương Đông nói chung và ở Trung Quốc nói riêng.

Nếu phải trả tiền đặt mua các thứ báo mà các đồng chí sẽ gửi cho tôi, xin các đồng chí cứ giữ lại tiền thù lao các bài báo tôi viết để trả.

Xin các đồng chí nhận lời chào cộng sản của tôi.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Địa chỉ nhận báo:
Ô.Lu, Hãng thông tấn Rôxta,
Quảng Châu, Trung Quốc.

Thư đánh máy bằng tiếng Pháp,
bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

GỬI MỘT ĐỒNG CHÍ TRONG QUỐC TẾ CỘNG SẢ[1]

Quảng Châu, ngày 12-11-1924

Đồng chí thân mến,

Chỉ có một dòng chữ để báo cho đồng chí biết rằng tôi đã đến đây hôm qua, và đang ở nhà đồng chí Bôrôđin với 2 hoặc 3 đồng chí Trung Quốc. Tôi chưa gặp ai cả.

Mọi người ở đây đều bận về việc Bác sĩ Tôn lên phương Bắc.

Tôi sẽ viết thư cho đồng chí sớm.

Xin gửi lời chào anh em của tôi đến đồng chí và tất cả các đồng chí chúng ta ở Quốc tế Cộng sản.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Địa chỉ:

Ô.Lu, Hãng thông tấn Rôxta, Quảng Châu, Trung Quốc.

Vui lòng chuyển giúp bức thư sau đây tới Văn phòng Đảng Pháp.

Thư đánh máy bằng tiếng Pháp,
bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

1) Thư không đề tên người nhận. Có thể là gửi đến một đồng chí trong Ban phương Đông của Quốc tế Cộng sản.

THƯ TỪ TRUNG QUỐC, SỐ 1

Các nữ đồng chí thân mến,

Các đồng chí biết rằng nước tôi, Trung Quốc, bị kìm kẹp tàn nhẫn trong một cái kìm mà những đế quốc nước ngoài là một gọng và những tay sai trung thành của chúng - những bọn quân phiệt Trung Quốc - là gọng khác. Bọn chúng giúp nhau để bóc lột chúng tôi. Mỗi khi chúng thấy phong trào giải phóng nảy sinh - dù của đàn ông hay đàn bà - chúng không từ việc gì để bóp chết nó. Sự áp bức đè nặng lên chúng tôi, nhưng chúng tôi bị áp bức nặng nề hơn gấp nghìn lần đàn ông ... Không có chút quyền tự do chính trị, kinh tế và xã hội, chúng tôi bị bóc lột gấp đôi bởi vì là lao động và vì là đàn bà. Việc không có học vấn, tính thụ động, tập tục còn làm cho những nỗi khổ cực của chúng tôi càng nặng nề thêm.

Tiếng vang của cách mạng Nga[3] làm cho chúng tôi dường như thoát khỏi cơn ác mộng đau đớn. Dần dần chúng tôi bắt đầu nghe, nhìn, suy nghĩ và trở nên ý thức được rằng chúng tôi cũng vậy, chúng tôi là những con người như những đàn ông, rằng chúng tôi cũng vậy, chúng tôi phải có quyền sống và làm việc, và sau hết rằng để giành được quyền đó, chúng tôi cũng phải đấu tranh như những đàn ông và cùng với đàn ông chống lại những kẻ bóc lột chúng tôi. Từ đó, những người tiến bộ nhất trong chúng tôi vào Đảng cộng sản, vào Thanh niên cộng sản; những người khác gia nhập đảng cách mạng là Quốc dân đảng. Đảng này có cảm tình thành thật với nước Cộng hoà Xôviết.

Nước Nga cách mạng không chỉ nêu một tấm gương mà còn cho chúng tôi người hướng dẫn nữa. Chúng tôi được may mắn là ở đây có nữ đồng chí, đồng chí Bôrôđin. Đồng chí này nỗ lực làm cho chúng tôi hiểu và làm việc trên con đường giải phóng. Đồng chí tổ chức, giáo dục, khuyến khích, làm thức tỉnh tại mọi nơi mà đồng chí đến. Khi làm cho chúng tôi cảm phục Cách mạng Nga, đồng thời, đồng chí cũng làm cho chúng tôi cảm thấy sự tất yếu của cách mạng Trung Quốc. Đồng chí có cách đặc biệt để nói chuyện với chúng tôi. Những lời rõ ràng, đơn giản và thành thực của đồng chí khiến chúng tôi hiểu được và suy nghĩ. Đồng chí biết khuyến khích những chị đã hiểu chút ít và làm cho những chị khác còn chưa hiểu thì hiểu. Các đồng chí biết rằng chúng tôi, phụ nữ Trung Quốc, còn rất lạc hậu, nhút nhát và hững hờ. Đó là một nhiệm vụ khá khó khăn để làm cho chúng tôi đột nhiên thoát khỏi tập quán hàng nghìn năm đó, vậy mà đồng chí thân mến của chúng tôi đã làm cái đó khéo léo đến thế và ân cần niềm nở đến thế, nếu như tôi có thể bày tỏ như vậy. Các đồng chí hãy ghi nhận đây là một ví dụ: Tháng trước, tại buổi lễ kỷ niệm Cách mạng Nga, do lời kêu gọi của nữ đồng chí Bôrôđin, hơn 3.000 nữ công nhân và nữ sinh viên Quảng Châu đã đi biểu tình với nam giới và đã dự mít tinh. Sau khi nghe người đồng chí chúng ta nói trong một giờ mà bài diễn văn bị ngắt quãng bởi những tràng vỗ tay kéo dài, một chị của chúng tôi đã đọc nghị quyết sau đây:

Hôm nay, chúng tôi ở đây để làm lễ kỷ niệm cuộc Cách mạng vĩ đại nhất mà lịch sử đã chứng kiến: Cuộc Cách mạng Nga. Chính nhờ cuộc cách mạng này mà cơ sở của quyền tự do chân chính và quyền bình đẳng thực sự đã được đặt ra cho loài người. Chính nhờ cuộc cách mạng này mà sự giải phóng phụ nữ sẽ có giá trị và có những ý nghĩa đầy đủ, trọn vẹn.

Thay mặt cho tất cả các chị em, cảm ơn nữ đồng chí và cam kết làm việc hết sức mình để hợp sức vào sự chiến thắng cuối cùng của cách mạng thế giới, mở đầu một cách thắng lợi bởi giai cấp vô sản anh hùng nước Nga.

Nghị quyết này đã được biểu quyết nhất trí với tiếng hô to:

Cách mạng Nga muôn năm!

Cách mạng Trung Quốc muôn năm!

Đả đảo chủ nghĩa đế quốc!

Người ta chưa bao giờ thấy phấn khởi nhiều như thế trong phụ nữ chúng tôi! Đó thật sự đã là cuộc cách mạng nhỏ!

Trong thư sau, tôi sẽ cho các đồng chí biết chúng tôi hoạt động ở đây như thế nào. Trong khi chờ đợi niềm vui được đọc thư các đồng chí, thay mặt các đồng chí của tôi, xin gửi đến các đồng chí lời chào chân thành nhất.

Quảng Châu, 12-11-1924.

LOO SHING [1]

nữ đảng viên Quốc dân đảng

Thư đánh máy bằng tiếng Pháp,
bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

---

1) Trong thư gửi tạp chí *Rabotnhitxa* ngày 12-11-1924, Nguyễn Ái Quốc thông báo: các bài báo gửi tạp chí lấy tên "Thư từ Trung Quốc" và ký tên một phụ nữ.

GỬI CHỦ TỊCH ĐOÀN QUỐC TẾ CỘNG SẢN

Tôi đến Quảng Châu[4] vào giữa tháng 12. Tôi đã gặp tại đây vài ba nhà cách mạng quốc gia An Nam, trong số này có một người đã xa rời xứ sở từ ba mươi năm [1]. Trong thời gian đó ông ta đã tổ chức nhiều cuộc nổi dậy chống Pháp. Tất cả những cuộc nổi dậy ấy đều đã đưa tới cái chết của mấy tên sĩ quan và binh lính Pháp, sự chiếm đoạt mấy khẩu súng và... là việc người của chúng ta chạy thoát, do không được giúp đỡ và viện trợ.

Mục đích duy nhất của ông này là trả thù cho nước, cho nhà đã bị bọn Pháp tàn sát. Ông không hiểu chính trị, và lại càng không hiểu việc tổ chức quần chúng. Trong các cuộc thảo luận, tôi đã giải thích cho ông hiểu sự cần thiết của tổ chức và sự vô ích của những hành động không cơ sở. Ông đã đồng ý. Và đây là những việc mà chúng tôi bắt đầu cùng nhau tiến hành:

a) Tôi đã vạch một kế hoạch tổ chức và xin gửi kèm bản sao theo đây.

b) Sau khi đã tán thành kế hoạch này, ông đã đưa cho tôi một bản danh sách 10 người An Nam đã cùng ông hoạt động bấy lâu.

c) Tôi đã chọn 5 người quê ở 5 tỉnh khác nhau. Chúng tôi sẽ cử một người An Nam đưa họ tới Quảng Châu. Tôi sẽ huấn luyện cho họ về phương pháp tổ chức. Chúng tôi sẽ gửi họ trở

1) Nguyên bản tiếng Pháp viết là: "ba mươi năm nay". Có lẽ "hai mươi năm nay" đúng hơn.

về Đông Dương hoạt động sau 3 tháng học tập; và chúng tôi sẽ lấy ra một đoàn khác. Trong lúc này, đây là biện pháp duy nhất.

Để chi vào các phí tổn, tôi đã lấy số còn lại trong món tiền đi đường của các đồng chí đã cho tôi (150 đồng) và về sau thì sao ?

Tôi làm việc mỗi ngày vài giờ cho hãng Rôxta; nhưng tiền lương của tôi không cho phép tôi có thể một mình bao cho "các học viên" của tôi. Và khi các học viên đến Quảng Châu, rất có thể rồi sẽ phải đem tất cả hoặc gần tất cả thì giờ của tôi vào việc huấn luyện họ, lúc đó tình hình tài chính của tôi sẽ không có lối thoát. Bởi vậy, tôi đề nghị đồng chí chỉ thị cho các đại diện của đồng chí ở Quảng Châu cũng phải chăm lo đến Đông Dương.

Tôi thiết tưởng chưa cần phải thảo một bản báo cáo về tình hình Trung Quốc bởi vì các đồng chí Trung Quốc và Nga đã làm việc đó; tuy nhiên, bây giờ tôi lưu ý đồng chí vấn đề tuyên truyền trong phụ nữ và thiếu nhi. Nữ đồng chí Bôrôđin đã phàn nàn là không nhận được tài liệu (báo chí, chương trình, v.v.) mà nữ đồng chí đã xin Mátxcơva. Điều đó đã ngăn cản không cho công tác của nữ đồng chí ấy tiến triển và cũng có lúc đã cản trở hoàn toàn công tác của nữ đồng chí ấy. Nữ đồng chí ấy đã viết thư nhiều lần cho Quốc tế Phụ nữ, nhưng các bức thư đều không có hồi đáp và không mang lại kết quả.

Mong các đồng chí nhận cho lời chào cộng sản.

Quảng Châu, ngày 18 tháng 12 năm 1924.

(Trong lúc này tôi là một người Trung Quốc chứ không phải là một người An Nam, và tên tôi là Lý Thuỵ chứ không phải là Nguyễn Ái Quốc).

Tài liệu tiếng Pháp, lưu tại
Cục lưu trữ Văn phòng
Trung ương Đảng.

TÌNH HÌNH ĐÔNG DƯƠNG

Tháng 11 và 12-1924

Tình hình kinh tế:

1. Một tổng ngân sách 76.743.000 đồng Đông Dương đã được biểu quyết. 1/5 số tiền đó là tiền lãi trong việc bán thuốc phiện (14.900.000 đồng Đông Dương).

2. Vào tháng 10, nhiều tỉnh đã bị lụt và bão tàn phá. Những sự thiệt hại không được rõ; Chính phủ không muốn cho biết điều này. Theo những thông tin cá nhân thì có những nơi có tới nửa số dân bị chết đuối hay chết đói. Trừ Nam Kỳ, sự khốn cùng ngự trị ở khắp nơi.

3. Ngân hàng công nghiệp Trung Quốc - mà sự phá sản và sự cứu trợ đã gây nên nhiều tin đồn trong báo chí Pháp - đã hoàn lại tiền cho khách hàng người nước ngoài của nó, nhưng không trả cho Đông Dương chút nào tiền góp 30 triệu phrăng. Vào những ngày chót này, những chủ nợ người Pháp và người An Nam đã lập thành một mặt trận thống nhất để đòi nợ của họ.

4. Hình như Chính phủ thuộc địa sắp đồng ý cho thương nghiệp Nhật Bản biểu giá thấp nhất. Những người An Nam lo sợ, còn những nhà buôn Pháp chống lại sự đồng ý này.

Tình hình chính trị:

1. Chính phủ cố sức ngăn cản thanh niên An Nam đi học ở Pháp. Điều đó chắc chắn vì lo sợ tuyên truyền cộng sản.

2. Những tờ báo An Nam đã nói đến một Uỷ ban được lập nên ở Pari, gồm 10 nhà chính trị, nhà báo và nhà tài chính người Pháp. Uỷ ban này có mục đích nghiên cứu khả năng bán Đông Dương cho một nước khác. Đó là vấn đề đã nêu ra từ trong chiến tranh.

Căn cứ hải quân của Anh ở Xanhgapo, những cuộc diễn tập của hải quân Mỹ ở Thái Bình Dương và sự xâm nhập khéo léo của Nhật Bản hình như làm cho thực dân Pháp thật sự lo lắng. Ở đây, việc lo sợ chủ nghĩa bônsêvích cũng đáng kể.

Bằng nhiều bài diễn văn và quảng cáo, Chính phủ thông báo một cuộc cải cách lớn: Chính phủ sắp tổ chức "Đại hội Đông Dương" thường trực. Đại hội sẽ gồm có 27 người Pháp - phần lớn là viên chức - được bầu 4 năm một lần; và 17 người An Nam - tất nhiên là được chọn trong số những người trung thành nhất với chủ - được bầu một năm một lần. Đại hội có tiếng nói tham khảo cho công việc của Chính phủ, điều đó nghĩa là đại hội này sẽ rất vô tích sự.

3. Chính trị bản xứ:

Có một đảng gọi tên là "Đảng lập hiến An Nam"[5] . Đó không phải là một đảng có tổ chức, mà đơn thuần chỉ là một vài nhà trí thức theo kiểu Pháp đặt tên đảng. Những thủ lĩnh của đảng này là những người theo quốc tịch Pháp (có 250 người Nam Kỳ).

Cương lĩnh của họ. Những yêu sách của họ là như sau:

a) Cải cách giáo dục (hiện nay có 90% trẻ em An Nam không có trường học).

b) Cải cách về tư pháp: cho những người An Nam tốt nghiệp về luật pháp được làm luật sư (tới nay, những người tốt nghiệp ấy thường có thể hành nghề ở Pháp, nhưng không bao giờ ở chính đất nước họ, trừ phi họ được nhập quốc tịch Pháp).

Chuẩn y cho những người An Nam quyền có Ban hội thẩm (hiện nay chỉ có Ban hội thẩm Pháp, vì thế, tất cả những người Pháp đã giết hại người An Nam hay phạm những tội ác khác đối với người bản xứ luôn luôn được miễn nghị).

c) Giới thiệu người An Nam vào Quốc hội Pháp.

d) Mở rộng việc nhập quốc tịch Pháp.

Để trình bày những yêu sách của họ với Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, họ đã phái một người nguyên là tên vô chính phủ người Pháp: Gioócgiơ Grăngiăng.

Báo chí của họ.

a. Do có quyền tự do báo chí như những công dân Pháp, họ lợi dụng điều đó để xuất bản 2 hoặc 4 tờ báo mà 2 tờ lớn nhất có số lượng phát hành mỗi ngày 2000 bản.

b. Họ bao giờ cũng núp sau cái mộc "lòng trung thành" khi phê bình công khai những khuyết điểm của Chính phủ thuộc địa. Trong tất cả các bài báo, họ tuyên bố "vĩnh viễn gắn bó với mẫu quốc". Họ theo khuynh hướng của Đảng Xã hội cấp tiến Pháp[6] (đảng của Eriô), ít nhất trong lúc này là thần tượng lớn của họ.

c. Họ vốn rất kính trọng Triều đình nước Nam. Đột nhiên, họ đổi giọng và bắt đầu công kích nó khá thậm tệ. Thậm chí họ còn viết: "Tư tưởng cộng hoà đã thắng trên thế giới, và những người An Nam đã dân chủ về căn bản, đã được chuẩn bị kỹ để hiểu cái đẹp của nó. Một vương quyền để phô trương chỉ có thể làm mờ ý nghĩa của nó trước quần chúng".

Điều đó ở An Nam đáng khép tội khi quân. Giả dụ rằng những người ở Đảng lập hiến của chúng ta, đã cảm thấy cái gì đó từ Pari dội về: Đấng uy nghiêm Khờ khạo ngồi trên ngôi vua nước An Nam là người được che chở bởi Anbe Xarô, cựu Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, bị khai trừ khỏi đảng của Eriô, bị khai trừ vì đã bầu cho Poăngcarê. Khi bỏ đảng, Xarô đã công bố một bức thư ngỏ rất vô lễ gửi Eriô, Chủ tịch đảng này. Eriô sắp thải vua An Nam để trả thù Xarô chăng? Rất có thể.

Những đảng viên Đảng lập hiến An Nam và chủ nghĩa cộng sản.

Họ là những người có thiện cảm với chủ nghĩa cộng sản ư ? Không hơn gì những người dân chủ xã hội của những nước khác. Tuy nhiên họ khá khôn khéo chiếm lấy mọi cơ hội để làm Chính phủ thuộc địa sợ hãi bóng ma bônsêvích. Về việc Pháp công nhận Liên Xô, họ viết:

"Một số kẻ thực dân đã dự đoán một tương lai đen tối cho Đông Dương, tiếp sau việc Chính phủ Pháp công nhận Liên Xô; trên thực

tế, người Nga dự định nâng đỡ những người bản xứ ở các thuộc địa của châu Âu chống lại sự thống trị của nước ngoài tại châu Á. Tình hình sục sôi của các sinh linh trong nước chúng tôi do những sai lầm của ách cai trị thực dân thiển cận gây ra thì *cái gì cũng có thể xảy ra ở đất nước này* (tôi gạch dưới) chỉ cần những phương pháp khai hoá ấy tiếp tục được áp dụng đối với các dân tộc bị lệ thuộc và được bảo hộ". Đe dọa như thế rồi, họ tiếp tục cho tới cuối bài báo, kêu nài sự hợp tác Pháp- An Nam. Nhưng còn một ví dụ khác nữa. Họ đã in lại một bài của báo *Les Continents* xuất bản ở Pari của Rơnê Marăng. Đây là bài báo đó:

"*Sự tuyên truyền cộng sản ở những thuộc địa Pháp.*

Chúng tôi mới báo tin rằng những người Liên Xô chuẩn bị một chiến dịch tuyên truyền rộng rãi ở những thuộc địa của chúng ta. Đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản của Mátxcơva[7] vừa cho thấy chúng ta có lý. Thật vậy, việc thiết lập một Ban thuộc địa gồm có những người Anh, người Bỉ, người Hà Lan và người Tây Ban Nha đã được quyết định.

Trụ sở của Ban này đặt ở Giơnevơ. Nhiệm vụ của nó là dấy lên những sự nổi dậy và khởi nghĩa trong những thuộc địa.

Thuộc địa chính được nhằm tới là Mađagátxca rồi Đahômây. Người ta cũng phải hoạt động ở Tuynidi, ở Marốc, ở Goađơlúp, ở Ăngtiơ và ở Bắc Kỳ.

Chính phủ Xôviết đã để 10 triệu phrăng vàng cho Ban sử dụng nhưng những đảng cộng sản Pháp, Anh, Bỉ phải đóng góp nhiều, vì những chi phí dự tính là to lớn.

Những uỷ viên người Pháp của Ban là các ông Casanh, Tơranh, Xeliê, Ghinbô và Côxta.

Đứng trước nguy cơ này, những sự tế nhị quá đáng, khúm núm của ông Đenphốtxơ không thể làm gì hơn. Vấn đề không còn là tìm ra bàn tay của Mátxcơva ở khắp mọi nơi nữa. Phải tố cáo nơi nó ẩn nấp. Không phải bằng cặp mắt bị bưng bít bởi óc bè phái thuộc địa mà chúng ta sẽ tìm được bàn tay ấy. Sau đó, nhất là Nghị viện hiện nay và Chính phủ phải ngay lập tức cho người bản xứ của các thuộc địa *những quyền sơ đẳng mà họ đòi* (tôi gạch dưới). Những cựu

chiến binh, những giáo viên và những viên chức người bản xứ sẽ là những người đầu tiên bị xúc động bởi sự tuyên truyền này... Chính nhờ đấu tranh chống lại các nhà cai trị vụng về và chống lại những thống đốc chuyên chế quá đáng mà chúng ta sẽ làm yên được sự bất bình chính đáng của người bản xứ.

Nếu không thì những nữ thần Xiren sẽ có dịp tốt để ca tụng sự nổi loạn".

Nguyện vọng của những đảng viên lập hiến An Nam.

G.Grăngiăng, đại biểu của họ ở Pháp đã tóm tắt đúng những nguyện vọng ấy: "Họ chỉ muốn đơn giản là chính sách hợp tác (Pháp- An Nam) được thực hành ... Họ muốn được dần dần tham gia vào những công việc của đất nước họ ... Không muốn gì hơn".

Vả lại, tất cả những gì họ đòi là quyền nhập quốc tịch Pháp, miễn trừ quân dịch (4 năm đối với người An Nam), bầu cử, v.v.. Họ chỉ đòi cho "lớp thượng lưu đã được giáo dục thôi". Còn quần chúng thì chẳng được gì.

Chúng ta có thể dùng họ không? Điều đó tuỳ thuộc hai điều: thái độ của Chính phủ Pháp và sự khôn khéo của chúng ta.

Linh tinh -

Một lính Pháp đã giết một người An Nam; hắn đã bị kết án *một tháng tù án treo*.

200 học sinh trẻ tuổi của một tỉnh ở Nam Kỳ đã biểu tình trước đồn cảnh sát đòi thả hai người bạn của họ bị bắt giữ. Đồng thời, họ doạ bãi khoá nếu các bạn của họ không được thả ngay. Họ đã thắng lợi. Đây là lần đầu tiên, ở Đông Dương xảy ra một việc như vậy. Đó là một dấu hiệu của thời đại.

19-12-[1]

Tài liệu tiếng Pháp, bản chụp
lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

1) Báo cáo của Nguyễn Ái Quốc gửi Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản.

THƯ GỬI MỘT ĐỒNG CHÍ TRONG QUỐC TẾ CỘNG SẢ[1]

Đồng chí thân mến,

Tôi gửi đến đồng chí một báo cáo về tình hình Đông Dương. Tôi đã tìm thấy ở đây vài người Đông Dương mà với họ, tôi hy vọng làm được việc gì đó. Xin đồng chí chỉ thị cho những đồng chí người Nga ở đây cũng nhận trách nhiệm về các công việc của Đông Dương, bởi vì một mình tôi không thể làm nhiều được. Tôi đang công tác ở hãng Rôxta. Tôi chỉ gặp đồng chí Malaca một lần; đồng chí ấy ốm và nói với tôi rằng đồng chí cố gắng trở về nước. Tôi nghĩ rằng đồng chí ấy đã về rồi, bởi vì đã rất lâu tôi không gặp nữa.

Tôi sẽ gửi đến đồng chí một báo cáo về công tác chính trị của tôi tiếp sau. Địa chỉ của tôi: ông Lu, Hãng thông tấn Rôxta, Quảng Châu. Nếu đồng chí viết thư về thì nhờ đồng chí nhắn các đồng chí chúng ta gửi những thư của tôi đến đây cho tôi. Tôi tin rằng thế nào cũng có một vài cái.

Chào cộng sản.

Quảng Châu, ngày 22-12-1924. NGUYỄN ÁI QUỐC

Thư đánh máy bằng tiếng Anh,
bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

1) Có thể thư này gửi đồng chí đại diện Văn phòng Ban Phương Đông của Quốc tế Cộng sản ở Thượng Hải.

VẤN ĐỀ ĐÔNG DƯƠ[1]

1- Nếu đồng chí đồng ý cho tôi gửi *ngay* một hoặc hai sinh viên thì điều đó sẽ cho phép tôi tuyên truyền tốt, và nói rằng cách mạng Nga đang và sẽ có thể làm gì cho dân chúng thuộc địa. Điều đó cũng sẽ cho phép tôi - từ nay đến tháng tám - tranh thủ được những phần tử tốt của Quốc dân đảng Đông Dương. Hơn nữa, điều đó cho phép tôi chọn ngay được vài người trong số họ để phái về nước.

2- Tôi không hiểu rõ vì sao đồng chí ngần ngại cho tôi vay tiền. Đó là một việc giữa đồng chí với tôi, và không một ai khác biết được tý nào về việc này. Tiền vay đó sẽ cho phép tôi:

a/ Có được một cơ sở ở trong nước.

b/ Có người sẵn sàng làm tuyên truyền viên.

c/ Thực hiện việc tuyên truyền đến nơi đến chốn và,

d/ Bắt đầu ngay công tác tổ chức.

Không có người nào khác có thể giúp tôi trong việc này, bởi vì tôi là một dây liên lạc giữ bí mật kế hoạch của chúng ta.

3- Tuyên truyền và làm công tác khác, tôi phải:

a/ Dịch tài liệu

b/ In ấn nó

c/ Lấy người từ trong nước đến Quảng Châu

d/ Huấn luyện họ

1) Thư không đề ngày tháng và tên người nhận. Căn cứ nội dung, chúng tôi dự đoán thư gửi cho một đồng chí đại diện Đảng Cộng sản Pháp tại Quốc tế Cộng sản, khoảng đầu năm 1925.

e/ Phái họ trở về.

Không có tiền, tất cả những điều đó đều không thể làm được. Vì thế tôi muốn đề nghị đồng chí cấp cho một quỹ nào đó.

4- Không có sự đồng ý và sự giúp đỡ của các đồng chí Nga của chúng ta thì tôi sẽ khó mà tránh khỏi sai lầm. Nhưng tôi cũng không nhận được gì nếu không có chỉ thị của đồng chí. Và họ có thể không làm gì cho tôi khi tôi đến tay không.

5- Nếu 4 yêu cầu này không có kết quả thì triển vọng về sau đối với tôi sẽ là như sau:

a/ Tôi không có chứng cứ để chỉ ra được những phần tử tốt nhất ở Quốc dân đảng Đông Dương để nhận họ đến với ta.

b/ Tôi không thể về nước được.

c/ Do đang mắc nợ trên 350 đôla cho công tác đầu tiên, tôi sẽ phải làm việc ít ra là 5 tháng để trả nợ. Ở điều kiện đó, tôi sẽ không có thời giờ, không có tiền để làm công tác khác.

Tôi rất hy vọng đồng chí sẽ ủng hộ yêu cầu của tôi.

Thư đánh máy bằng tiếng Anh,
bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

THƯ GỬI MỘT ĐỒNG CHÍ Ở QUỐC TẾ CỘNG SẢN

Đồng chí thân mến,

Quốc dân đảng Đông Dương vừa được thành lập vào ngày 3 tháng này với 3 đảng viên lúc bắt đầu.

Một người sẽ được phái đi Trung Kỳ và Lào. Một người khác (chưa phải là đảng viên) sẽ được phái đến Bắc Kỳ để lấy 5 người đi Quảng Châu học cách làm công tác tổ chức.

Tôi nghĩ có thể tìm nam thanh niên để gửi đi học ở Trường đại học Mátxcơva[8] . Xin đồng chí vui lòng cho biết có thể cho tôi gửi bao nhiêu sinh viên.

Đồng thời, tôi xin đồng chí chỉ thị cho các đồng chí Nga ở đây cũng nhận trách nhiệm về các công việc của Đông Dương bởi vì có một mình, tôi không thể làm quá nhiều việc được.

Quảng Châu, ngày 5-1-25. *Chào cộng sản*

N.A.Q

Thư đánh máy bằng tiếng Anh,
bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

GỬI ĐOÀN CHỦ TỊCH QUỐC TẾ CỘNG SẢN

Quảng Châu, ngày 10-1-1925

Kính gửi Đoàn Chủ tịch Quốc tế Cộng sản,

Các đồng chí thân mến,

Quốc dân đảng (Quốc dân đảng Đông Dương), chiều hôm qua đã kết nạp người đảng viên thứ tư.

Một trong số những đảng viên đó, xế trưa nay, đã đi Trung Kỳ và Lào, với nhiệm vụ là tổ chức những cơ sở ở các xứ đó và tìm thanh niên để đi học Trường đại học cộng sản chủ nghĩa ở Mátxcơva.

Các đồng chí cho tôi biết các đồng chí muốn nhận bao nhiêu sinh viên An Nam vào học Trường đại học ấy.

Ngày 15 sắp tới, một đảng viên thứ hai sẽ được gửi đến Bắc Kỳ để lấy 5 người Bắc Kỳ sang học Trường nông dân ở Quảng Châu. Những người này sẽ học cách tổ chức như thế nào.

Phải chi phí cho phái viên thứ nhất là 290 đôla và cho phái viên thứ hai 230 đôla. Số tiền đó là do số tiền đi đường còn lại của tôi, gộp với số tiền lương mà Rôxta đã ứng trước cho tôi.

Q.D.Đ[1)] có thể có nhiều triển vọng, nhưng những phương tiện tài chính của nó rất eo hẹp: ít ra là tới lúc này, những phương tiện ấy chỉ do tôi cung cấp thôi.

---

1) Viết tắt Quốc dân đảng.

Chuyến thư sắp khởi hành rồi. Tôi xin kết thúc bản báo cáo của tôi. Chuyến thư sau, tôi sẽ gửi các đồng chí một bản báo cáo chi tiết hơn.

Xin gửi lời chào cộng sản

NGUYỄN ÁI QUỐC

T.B. Yêu cầu các đồng chí chỉ thị cho các đại diện của các đồng chí ở Quảng Châu cũng phải chăm lo đến Đông Dương.

Tài liệu tiếng Pháp, lưu tại
Cục lưu trữ Văn phòng
Trung ương Đảng.

BẢN ÁN CHẾ ĐỘ THỰC DÂN PHÁP[9]

Viết bằng tiếng Pháp,
xuất bản lần đầu tiên tại
Pari (Pháp) năm 1925,
xuất bản lần đầu tiên
ở Việt Nam năm 1946.

Dịch theo cuốn sách
xuất bản lần đầu tiên và đã
đối chiếu với cuốn xuất bản
năm 1946 ở Việt Nam.

Ký tên: NGUYỄN ÁI QUỐC.

CHƯƠNG [1]

THUẾ MÁU

I- CHIẾN TRANH VÀ "NGƯỜI BẢN XỨ"

Trước năm 1914, họ chỉ là những tên da đen bẩn thỉu, những tên "Annamít" bẩn thỉu, giỏi lắm thì cũng chỉ biết kéo xe tay và ăn đòn của các quan cai trị nhà ta. Ấy thế mà cuộc chiến tranh vui tươi vừa bùng nổ, thì lập tức họ biến thành những đứa "con yêu", những người "bạn hiền" của các quan cai trị phụ mẫu nhân hậu, thậm chí của cả các quan toàn quyền lớn, toàn quyền bé nữ[2]. Đùng một cái, họ (những người bản xứ) được phong cho cái danh hiệu tối cao là "chiến sĩ bảo vệ công lý và tự do". Nhưng họ đã phải trả bằng một giá khá đắt cái vinh dự đột ngột ấy, vì để bảo vệ cho cái công lý và tự do mà chính họ không được hưởng một tí nào, họ đã phải đột ngột xa lìa vợ con, rời bỏ mảnh ruộng hoặc đàn cừu của họ, để vượt đại dương, đi phơi thây trên các bãi chiến trường châu Âu. Trong lúc vượt biển, nhiều người bản xứ, sau khi được mời chứng kiến cảnh kỳ diệu của trò biểu diễn khoa học về phóng ngư lôi, đã được xuống tận đáy biển để bảo vệ tổ quốc của các loài thuỷ quái. Một số khác đã bỏ xác tại những miền hoang vu thơ mộng vùng Bancăng, lúc chết còn tự hỏi phải chăng nước mẹ muốn chiếm ngôi nguyên phi trong cung cấm vua Thổ, - chả thế sao lại đem nướng họ ở những miền xa xôi ấy? Một số khác nữa thì đã anh dũng đưa thân cho người ta tàn sát trên bờ sông Mácnơ, hoặc trong bãi lầy miền Săm panhơ, để lấy máu mình tưới những vòng nguyệt quế của các cấp chỉ huy và lấy xương mình chạm nên những chiếc gậy của các ngài thống chế.

---

1) Bản in năm 1925 có lời giới thiệu của Nguyễn Thế Truyền.

2) Nguyên văn: nos gouverneurs plus ou moins généraux.

Cuối cùng, ở hậu phương, những người làm kiệt sức trong các xưởng thuốc súng ghê tởm, tuy không phải hít hơi ngạt của bọn "bôsơ"[1], nhưng lại nhiễm phải những luồng khí độc đỏ ối của người Pháp; đằng nào cũng thế thôi, vì những kẻ khốn khổ ấy cũng đã khạc ra từng miếng phổi, chẳng khác gì đã hít phải hơi ngạt vậy.

Tổng cộng có 700.000 người bản xứ đã đặt chân lên đất Pháp; và trong số ấy, 80.000 người không bao giờ còn trông thấy mặt trời trên quê hương đất nước mình nữa!

II- CHẾ ĐỘ LÍNH TÌNH NGUYỆN

Một bạn đồng nghiệp nói với chúng tôi: dân lao khổ bản xứ ở Đông Dương từ bao đời nay bị bóp nặn bằng đủ mọi thứ thuế khoá, sưu sai, tạp dịch, bằng cưỡng bức phải mua rượu và thuốc phiện theo lệnh quan trên, từ 1915-1916 tới nay, lại còn phải chịu thêm cái vạ mộ lính nữa.

Những biến cố trong mấy năm gần đây là cái cớ để người ta tiến hành những cuộc lùng ráp lớn về nhân lực trên toàn cõi Đông Dương. Những người bị bắt đều bị nhốt vào trại lính với đủ thứ tên: lính khố đỏ, lính thợ chuyên nghiệp, lính thợ không chuyên nghiệp, v.v..

Theo ý kiến của tất cả các cơ quan có thẩm quyền không thiên vị được giao cho sử dụng ở châu Âu "*vật liệu biết nói*" châu Á, thì vật liệu này đã không đưa lại kết quả tương xứng với chi phí rất lớn về chuyên chở và bảo quản.

Sau nữa, việc săn bắt thứ "*vật liệu biết nói*" đó, mà lúc bấy giờ người ta gọi là "chế độ lính tình nguyện" (danh từ mỉa mai một cách ghê tởm) đã gây ra những vụ nhũng lạm hết sức trắng trợn.

Đây! Chế độ lính tình nguyện ấy được tiến hành như thế này: vị "chúa tỉnh"- mỗi viên công sứ ở Đông Dương quả là một vị "chúa tỉnh"- ra lệnh cho bọn quan lại dưới quyền, trong một thời hạn nhất định phải nộp cho đủ một số người nhất định. Bằng cách nào, điều đó không quan trọng. Các quan cứ liệu mà xoay xở. Mà cái ngón xoay xở kiểu) thì các ông tướng ấy thạo hết chỗ nói, nhất là xoay xở làm tiền.

---

1) "*Boches*". Từ có nghĩa xấu chỉ quân Đức.

2) Nguyên văn: *Le Système D*. D, chữ đầu của từ *débrouillard*, có nghĩa là xoay xở, tháo vát.

Thoạt tiên, chúng tóm những người khoẻ mạnh, nghèo khổ, những người này chỉ chịu chết thôi không còn kêu cứu vào đâu được. Sau đó, chúng mới đòi đến con cái nhà giàu. Những ai cứng cổ thì chúng tìm ngay ra dịp để sinh chuyện với họ hoặc với gia đình họ, và nếu cần, thì giam cổ họ lại cho đến khi họ phải dứt khoát chọn lấy một trong hai con đường: "đi lính tình nguyện, hoặc xì tiền ra".

Những người bị tóm đi như thế còn hào hứng gì nữa với cái nghề cột vào cổ họ. Cho nên, bước chân vào trại lính là họ liền tìm mọi cơ hội để trốn thoát.

Còn những người nào thấy không thể thoát khỏi số phận hẩm hiu, thì tìm cách tự làm cho mình nhiễm phải những bệnh nặng nhất, mà thông thường hơn cả là bệnh đau mắt toét chảy mủ, gây ra bằng cách xát vào mắt nhiều thứ chất độc, từ vôi sống đến mủ bệnh lậu.

*
* *

Ấy thế mà trong một bản bố cáo với những người bị bắt lính, phủ toàn quyền Đông Dương, sau khi hứa hẹn ban phẩm hàm cho những lính sẽ còn sống sót và truy tặng những người sẽ hy sinh "cho Tổ quốc", đã trịnh trọng tuyên bố rằng:

"Các bạn đã *tấp nập* đầu quân, các bạn đã *không ngần ngại* rời bỏ quê hương xiết bao trìu mến để người thì hiến dâng xương máu của mình như lính khố đ), kẻ thì hiến dâng cánh tay lao động của mình như lính thợ".

Nếu quả thật người An Nam phấn khởi đi lính đến thế, tại sao lại có cảnh, tốp thì bị xích tay điệu về tỉnh lỵ, tốp thì trước khi xuống tàu, bị nhốt trong một trường trung học ở Sài Gòn, có lính Pháp canh gác, lưỡi lê tuốt trần, đạn lên nòng sẵn? Những cuộc biểu tình đổ máu ở Cao Miên, những vụ bạo động ở Sài Gòn, ở Biên Hoà và ở nhiều nơi khác nữa, phải chăng là những biểu hiện của lòng sốt sắng đầu quân "tấp nập" và "không ngần ngại"?

Những vụ trốn đi lính và đào ngũ (tính ra có đến 50 phần trăm

---

1) Bản tiếng Pháp: "Les tirailleurs".

trong hàng ngũ quân dự bị) đều bị đàn áp không gớm tay và những cuộc đàn áp lại gây ra những cuộc binh biến bị dìm trong biển má[1].

Bản bố cáo của phủ toàn quyền còn cẩn thận nhắc thêm rằng, tất nhiên muốn xứng đáng với "lòng tốt rõ rệt" và "độ lượng lớn lao" của chính phủ thì "các anh (binh lính Đông Dương) cần phải cư xử đúng đắn và không được làm một điều gì cho người ta phải phàn nàn cả".

Viên chỉ huy tối cao quân đội Đông Dương còn có một lối đề phòng khác: ông ta bắt thích vào lưng hoặc cổ tay của từng người lính mới mộ một con số không thể nào tẩy xoá được bằng một dung dịch nitơrát bạc.

Ở đây cũng giống như ở châu Âu, sự khốn khổ của những người này là nguồn lợi nhuận của những kẻ khác: nào là bọn đeo lon chuyên nghiệp may mắn vớ được công việc tuyển mộ và quản lý lính mới bản xứ mà lánh xa được càng lâu càng tốt những cuộc giao chiến nguy hiểm ở châu Âu; nào là bọn chủ thầu lương thực làm giàu vùn vụt bằng cách bỏ đói những lính mộ khốn khổ; nào là bọn độc quyền tiếp liệu thông đồng với bọn quan chức để gian lận, đầu cơ.

Về chuyện này, cần nói thêm là còn một loại chế độ tình nguyện khác nữa: tình nguyện mua công trái. Biện pháp tiến hành thì cũng như thế. Ai có máu mặt là phải bỏ tiền ra. Kẻ nào khó bảo thì người ta dùng cách dụ dỗ và cưỡng bách đến phải mua mới thôi.

Phần đông những người mua công trái ở Đông Dương không hiểu gì về thể thức tài chính cả; họ coi việc mua công trái cũng như đóng một thứ thuế mới và coi các phiếu công trái không khác gì những biên lai nộp thuế.

*
* *

Bây giờ thử xem chế độ mộ lính tình nguyện đã được tổ chức ở các thuộc địa khác như thế nào.

Lấy Tây Phi làm thí dụ:

Ở đây, bọn chỉ huy quân đội kéo quân đến từng làng bắt bọn

1) Bản tiếng Pháp: "... qui ont été étouffées dans le sang" chỉ có nghĩa "bị dìm trong máu".

hào mục phải nộp *ngay lập tức* đầy đủ số người chúng muốn tuyển mộ. Để buộc những thanh niên Xênêgan bỏ trốn phải ra nhận đội mũ lính, chẳng phải một viên chỉ huy đã tra tấn, hành hạ các thân nhân của họ, và cho rằng làm như thế là tài giỏi đó sao? Chính hắn đã bắt các ông bà già, đàn bà có thai, con gái, đem lột trần truồng, rồi đốt hết quần áo trước mặt họ. Những nạn nhân khốn khổ đó mình trần như nhộng, tay trói cánh khuỷu buộc phải chạy khắp các thôn xã dưới làn roi vọt, để "nêu gương"! Một người đàn bà cõng con phải van xin mãi mới được cởi trói một tay để đỡ đứa bé. Trong khi chạy, hai cụ già đã ngã chết ngất đi; nhiều em gái khiếp sợ trước những hành vi bạo ngược đó, đã hành kinh trước tuổi; một người đàn bà truỵ thai, một chị khác đẻ một đứa con mù.

*
* *

Có rất nhiều thủ đoạn bắt lính.

Thủ đoạn sau đây đã tỏ ra nhanh và tiện nhất:

Lấy dây chăng ngang hai đầu con đường chính trong làng lại. Thế là tất cả những người da đen ở vào giữa đều coi như chính thức phải tòng quân.

Một nhân chứng đã viết cho chúng tôi như sau: "Giữa trưa ngày 3 tháng 3 năm 1923, bọn hiến binh vây ráp các bến cảng Ruyphixcơ và Đ[1] rồi tóm tất cả những người bản xứ làm việc ở đó. Những anh chàng này vì không tỏ vẻ sốt sắng đi bảo vệ văn minh ngay, nên người ta rước họ lên ô tô cam nhông mời về nhà lao. Ở đấy, sau khi họ có đủ thì giờ để thay đổi ý kiến rồi, người ta mới đưa họ sang trại lính.

"Ở trại lính, sau những nghi lễ biểu dương tinh thần yêu nước, 29 lính tình nguyện được tuyên dương có thể trở nên anh hùng của cuộc chiến tranh cuối cùng nay mai... Bây giờ thì tất cả đều nóng lòng muốn lấy lại miền [2] cho nước mẹ.

1) *Rufisque et Dakar*. Tên những hải cảng của nước Xênêgan.

2) *Ruhr*. Vùng công nghiệp của Đức, sau Chiến tranh thế giới thứ nhất bị cắt giao cho Pháp từ năm 1921 đến năm 1925.

Nhưng theo tướng Mă [1], người hiểu rõ họ nhất, thì đó chỉ là những đội quân để đem nướng trước mùa đông".

Chúng tôi hiện có trong tay bức thư của một người Đahômây, vốn là cựu binh, đã từng làm "nghĩa vụ" trong cuộc chiến tranh "vì công lý". Một vài đoạn trích trong bức thư sẽ vạch rõ cho các bạn thấy người " [2] đã được bảo vệ như thế nào và các quan cai trị thuộc địa nhà ta đã nặn ra lòng trung thành của người bản xứ như thế nào để tô điểm cho tất cả những bài diễn văn của các nhà cầm quyền và làm đề tài cho tất cả những bài báo của bọn Rêgixmăngxê và Hô [3] thuộc đủ cỡ.

Bức thư viết: "Năm 1915, khi ông M.Nuphla, thống đốc Đahômây, ra lệnh bắt lính, thì làng tôi bị bọn cảnh sát cùng lính cơ cướp phá và đốt sạch. Tất cả tài sản của tôi đều bị mất hết trong các cuộc đốt phá đó. Tuy thế, tôi vẫn bị cưỡng bách nhập ngũ, và mặc dầu là nạn nhân của việc xúc phạm bỉ ổi đó, tôi đã làm nghĩa vụ của tôi ở mặt trận bên Pháp. Tôi bị thương ở trận Exnơ.

"Ngày nay, chiến tranh đã chấm dứt, tôi sắp trở về nước, nhưng không còn nhà cửa, của cải gì cả.

"Người ta đã cướp của tôi:

1000 phrăng tiền mặt;

12 con lợn;

15 - cừu;

10 - dê;

60 - gà;

8 tấm vải quấn mình;

5 áo mặc ngoài;

10 quần;

1) *Mangin*. Tướng Pháp (1866-1925) đã tham gia chiến thắng Vécđoong, từng chỉ huy đội quân xâm lược Xuđăng, Bắc Kỳ, Marốc.

2) *Batouala*. Tên một bộ lạc ở vùng xích đạo châu Phi.

3) *Régismanset et Hauser*. Tên những người viết báo tay sai, có nghĩa như những tên bồi bút.

7 mũ;

1 dây chuyền bằng bạc;

2 hòm đồ vặt.

"Đây là tên những bạn cùng ở một xóm đã bị cưỡng bách nhập ngũ cùng ngày với tôi, và nhà cửa cũng đã bị cướp phá và đốt sạch. (Ghi tiếp theo tên bảy người).

"Còn nhiều nạn nhân nữa của những chiến công kiểu ấy của ngài thống đốc Nuphla, nhưng tôi không biết rõ tên những người đó để gửi cho các anh hôm nay...".

Chắc bọn "bôsơ" của vua Ghiôm cũng không làm được hơn thế.

III- KẾT QUẢ CỦA SỰ HY SINH

Khi đại bác đã ngấy thịt đen, thịt vàng rồi, thì những lời tuyên bố tình tứ của các ngài cầm quyền nhà ta bỗng dưng im bặt như có phép lạ, và cả người Nêgrô[1] lẫn người "Annamít" mặc nhiên trở lại "giống người bản thỉu".

Để ghi nhớ công lao người lính An Nam, chẳng phải người ta đã lột hết tất cả của cải của họ, từ chiếc đồng hồ, bộ quần áo mới toanh mà họ bỏ tiền túi ra mua, đến các vật kỷ niệm đủ thứ, v.v. trước khi đưa họ đến Mácxây xuống tàu về nước, đó sao? Chẳng phải người ta đã giao họ cho bọn súc sinh kiểm soát và đánh đập họ vô cớ đó sao? Chẳng phải người ta đã cho họ ăn như cho lợn ăn và xếp họ như xếp lợn dưới hầm tàu ẩm ướt, không giường nằm, không ánh sáng, thiếu không khí đó sao? Về đến xứ sở, chẳng phải họ đã được một quan cai trị biết ơn đón chào nồng nhiệt bằng một bài diễn văn yêu nước. "Các anh đã bảo vệ Tổ quốc, thế là tốt. Bây giờ, chúng tôi không cần đến các anh nữa, cút đi!", đó sao?

Thế là những "cựu binh" - đúng hơn là cái xác còn lại - sau khi đã dũng cảm bảo vệ chính nghĩa và công lý nay tay không trở về với chế độ bản xứ của họ, một chế độ không biết gì đến chính nghĩa và công lý cả.

*
* *

1) *Négro.* Từ chỉ người da đen.

Theo báo chí Đông Dương thì thương binh người Pháp bị mất một phần thân thể và vợ của tử sĩ người Pháp đều được cấp môn bài bán lẻ thuốc phiện.

Như thế là trong một việc mà chính quyền thuộc địa đã phạm tới hai tội ác đối với nhân loại. Một mặt, họ vẫn chưa thoả khi tự tay làm cái việc bỉ ổi của người đầu độc, mà còn muốn lôi kéo vào đây cả những nạn nhân đáng thương hại của cuộc huynh đệ tương tàn nữa. Mặt khác, họ coi rẻ tính mạng và xương máu của những kẻ đã bị họ lừa bịp, đến nỗi tưởng rằng chỉ cần quẳng cho những người này khúc xương thối ấy là đủ đền bù được một phần của cánh tay bị mất hoặc mạng của một người chồng.

Chúng tôi chắc rằng thương binh và quả phụ chiến tranh sẽ đá văng món quà nhơ nhớp ấy và nhổ vào mặt kẻ tặng quà. Chúng tôi cũng tin chắc rằng thế giới văn minh và người Pháp lương thiện sẽ đứng về phía chúng tôi để lên án bọn cá mập thực dân đang không ngần ngại đầu độc cả một dân tộc để vơ vét cho đầy túi.

*
* *

Theo tục lệ An Nam, khi trong làng có người chết thì những người xay lúa, giã gạo phải tỏ lòng kính trọng vong linh người chết và thông cảm nỗi đau buồn của tang gia bằng cách im lặng không hát hò trong khi xay giã như họ vẫn thường làm. Nhưng nền văn minh hiện đại được đưa vào nước chúng tôi bằng bạo lực có cần gì phải tế nhị đến như thế. Xin đọc câu chuyện sau đây đăng trên một tờ báo ở Nam Kỳ:

Những ngày hội ở Biên Hoà

"Để lấy tiền bỏ vào quỹ xây dựng đài *kỷ niệm người An Nam trận vong* của tỉnh Biên Hoà, ban tổ chức ngày hội đang tích cực chuẩn bị một chương trình tuyệt diệu.

"Người ta bàn tán sẽ có nào là *yến tiệc giữa vư*[1], nào là *chợ phiên*, nào là *khiêu vũ ngoài trời*, *v.v.,* tóm lại, *sẽ có nhiều và đủ thứ trò chơi* để ai ai cũng có thể góp phần làm việc nghĩa *một cách thú vị nhất đời*.

1) Nguyên văn: *Garden - Party*.

"Quý ông phi công ở sân bay Biên Hoà có nhã ý sẽ góp phần vào cuộc vui, và ngay từ bây giờ ban tổ chức đã có thể khẳng định rằng sự có mặt của các quan chức cao cấp nhất ở Sài Gòn sẽ làm cho ngày hội thêm phần rực rỡ.

"Xin tin thêm cho các bạn nam nữ ở Sài Gòn lên dự hội biết rằng, các bạn sẽ không cần phải *bỏ dở cuộc vui* để về nhà dùng cơm, vì ngay tại chỗ, *sẽ có phòng ăn tổ chức cực kỳ chu đáo và đặc biệt đầy đủ, các bạn sành ăn uống nhất cũng sẽ được hài lòng*.

"Ngày 21 tháng 1 tới, tất cả chúng ta hãy đi Biên Hoà, chúng ta sẽ vừa được dự *những hội hè linh đình vui tươi*, vừa được dịp tỏ cho những gia đình tử sĩ An Nam ở Biên Hoà thấy rằng chúng ta biết tưởng nhớ đến sự hy sinh của con em họ".

Thật là thời đại khác, phong tục khác.

Nhưng phong tục kỳ quái làm sao!

Người ta còn cho chúng tôi xem bức thư sau đây nữa:

Sài Gòn, ngày...

"Nếu trên đời này mà có một việc quái gở vừa thương tâm lại vừa lố bịch, thì đó hẳn là việc bắt một dân tộc vẫn đang chịu đựng đủ mọi thứ bất công và không có bất cứ thứ quyền nào phải làm lễ mừng cuộc chiến thắng của "công lý" và "chính nghĩa". Ấy thế mà ở bên này chúng tôi đã làm như thế đấy. Tôi tưởng không cần thuật lại cho anh nghe về những hội hè và "trò vui công cộng" trong thành phố này ngày 11 tháng 11 làm gì. Ở đâu và bao giờ cũng thế thôi, rước đèn, đốt pháo bông, duyệt binh, khiêu vũ ở dinh thống đốc, đua xe hoa, mở lạc quyên vì nước, quảng cáo, diễn văn, tiệc tùng, v.v.. Trong tất cả những trò hề đó, tôi chỉ còn nhớ lại một việc đáng chú ý về phương diện tâm lý như sau: cũng như công chúng ở tất cả các nước, công chúng Sài Gòn rất thích xi nê. Vì thế, một đám người dày đặc đã tụ tập trước khách sạn Palaxơ để xem phim, nào hề Sáclô, nào bọn cao bồi, nào những người "lính quang vinh" lần lượt diễn trên màn ảnh. Công chúng tràn ngập cả đại lộ, đứng chật cả mặt đường và hè phố. Lúc bấy giờ ông chủ khách sạn Sài Gòn - Palaxơ không muốn cho người ta đứng đông trên vỉa hè trước cửa tiệm của ông ta, ông ta liền vung roi mây quất túi bụi. Bà chủ

cũng ra giúp một tay và đánh bừa vào đám đông. Mấy chú trẻ ranh mãnh không biết làm thế nào mà lại "cướp" được ngọn roi của bà, làm cho mọi người vỗ tay cười ầm lên. Ông chủ điên tiết chạy lại tiếp viện cho bà chủ. Lần này, ông cầm một cái ba toong và hùng dũng phang tới tấp xuống đầu người ta, cứ mỏi tay này thì đổi tay khác. Những người "nhà quê" phải chạy dồn xuống đường; nhưng vì say sưa với "chiến thắng" của mình, ông người Pháp quý hoá ấy liền hùng hổ vượt qua đường và cứ tiếp tục vụt túi bụi cái gậy to tướng xuống đầu, xuống vai, xuống lưng những người dân bản xứ đáng thương ấy. Một em bé bị ông túm lấy và "đả" cho một trận nên thân"...

IV- HÀNH VI QUÂN PHIỆT TIẾP DIỄN

Bước chân đến [1], thống chế Liôtây gửi cho binh sĩ của đạo quân chiếm đóng Marốc một bản nhật lệnh như sau:

"Bản chức có vinh dự được Chính phủ nước Pháp cộng hoà phong quân hàm cao nhất là nhờ, trong chín năm nay, các người đã hiến dâng lòng trung thành và *máu xương của các người* mà không hề tính toán.

"Chúng ta sắp mở một chiến dịch để hoàn thành công cuộc bình định xứ Marốc, *vì lợi ích chung của dân chúng trung thực trên đất nước này*, cũng như vì lợi ích của quốc [2] bảo hộ, v.v.".

Nhưng, cũng trong ngày ấy (ngày 14 tháng 4), lại có bản thông cáo sau đây:

"Trong một cuộc giao chiến với bọn Bơni [3] ở Báp en Hácbe, bên ta đã có 29 binh sĩ hy sinh và 11 bị thương".

Khi người ta nhớ rằng đã phải tốn xương máu của một triệu rưỡi người lao động mới tạo nên được sáu chiếc gậy thống chế, thì cái chết của 29 kẻ khốn khổ chưa đủ để hoan hô bài diễn văn hùng

---

1) *Casablanca*. Hải cảng lớn của nước Maroocs.

2) Bản tiếng Pháp: "nation protectrice".

3) *Beni - Bouzert*. Quân khởi nghĩa do Áptlen Crim, lãnh tụ phong trào chống Pháp của Marốc, lãnh đạo.

hồn của ngài thống chế - khâm sứ! Nhưng như vậy thì cái quyền dân tộc tự quyết, mà vì nó trong suốt bốn năm trời, người ta đã chém giết lẫn nhau, cái quyền ấy, các ngài để đâu mất rồi? Thật là một cách khai hoá kỳ khôi: để dạy mọi người sống cho ra sống, người ta bắt đầu bằng việc giết họ đi đã!

*
* *

Ở đây (Hải Phòng), cũng có những cuộc bãi công của thuỷ thủ. Chẳng hạn như hôm thứ năm (ngày 15 tháng 8) là ngày mà hai chiếc tàu phải nhổ neo để chở một số lớn lính khố đỏ An Nam đi *Xyri*.

Nhưng thuỷ thủ không chịu đi, vì người ta không chịu phát lương cho họ bằng tiền Đông Dương. Theo giá thị trường, thì một đồng Đông Dương ăn khoảng mười phrăng chứ không phải 2 phrăng 50, thế mà các công ty hàng hải lại làm một việc hà lạm trắng trợn là định trả lương cho thuỷ thủ bằng phrăng chứ không trả bằng tiền Đông Dương như đã trả cho công chức.

Thế là người ta liền xua tất cả mọi người ở dưới tàu lên, rồi lập tức bắt hết các thuỷ thủ.

Rõ ràng là thuỷ thủ Hoàng Hải chẳng có gì phải so bì với thuỷ thủ Hắc Hải.

Chúng tôi cực lực phản đối việc đưa lính An Nam sang Xyri. Phải chăng các nhà cầm quyền cấp cao cho rằng bao nhiêu anh em da vàng xấu số của chúng tôi bị giết hại trên các chiến trường từ năm 1914 đến năm 1918, trong cuộc "chiến tranh vì văn minh và công lý", vẫn còn chưa đủ hay sao?

*
* *

Các ngài chiến thắng quang vinh của chúng ta thường quen thói "giáo dục" người bản xứ bằng đá đít hoặc roi vọt.

Anh Nahông đáng thương hại đã bị ám sát đến hai lần. Lần thứ nhất bởi tay tên đại uý Vida, lần thứ hai bởi tay tên lang băm đóng lon quân nhân coi việc phẫu nghiệm xác chết. Tên này đã

đánh cắp và giấu biệt bộ óc người chết để phi tang, đặng cứu hung thủ là bạn của hắn. Nhưng than ôi! Anh Nahông không phải là nạn nhân duy nhất của bọn quân phiệt thuộc địa! Một bạn đồng nghiệp của chúng tôi ở thuộc địa đã thuật chuyện một nạn nhân khác như sau:

"Lần này, sự việc xảy ra trong trung đoàn lính khố đỏ thứ 5 ở Medông -). Nạn nhân là một người lính trẻ tuổi tên là Terie quê ở Tênét[18] thuộc lớp quân dịch năm 1921.

"Anh chết trong trường hợp rất thương tâm. Ngày 5 tháng 8, anh lính trẻ Terie đến bệnh xá của trung đoàn để xin thuốc tẩy. Người ta đưa thuốc tẩy cho anh, nói đúng hơn là đưa cho anh một thứ thuốc mà anh tưởng là thuốc tẩy. Anh uống và vài giờ sau anh đau bụng quằn quại, rồi lăn đùng ra chết.

"Cụ thân sinh ra Terie nhận được một bức điện báo tin rằng người con độc nhất của cụ đã chết và sáng hôm sau, chủ nhật, sẽ đưa đám. Bức điện không có đến nửa lời an ủi hay giải thích.

"Đau xót đến cực độ, cụ Terie đến ngay Angiê, tìm trung đoàn lính khố đỏ thứ 5 ở Medông- Carê. Ở đấy cụ được biết xác con đang để ở bệnh viện Maiô. (Mà làm sao xác Terie lại chở đến đây được nhỉ? Phải chăng để tránh việc khám nghiệm mà luật lệ đã quy định là bắt buộc đối với mọi trường hợp chết ở trạm y tế, người ta đã chở *xác* anh ta đến bệnh viện làm ra vẻ như bệnh nhân đã chết ở dọc đường?).

"Đến bệnh viện, người cha đau khổ xin thăm xác con; *người ta bảo hãy chờ đã.*

"Mãi sau, một quan tư thầy thuốc mới đến báo cho cụ biết là việc phẫu nghiệm *không phát hiện dấu vết gì khả nghi cả.* Nói xong hắn bỏ mặc cụ đứng đó, *không cho phép cụ vào thăm xác con*.

"Theo tin cuối cùng thì hình như cụ thân sinh ra Terie đã đến hỏi viên đại tá chỉ huy trung đoàn lính khố đỏ thứ 5 về nguyên do cái chết của Terie và đã được trả lời là *con ông chết vì ngộ độc!*".

---

1) *Maison- Carée*. Một thị xã thuộc tỉnh Angiê ở Angiêri.

2) *Ténès*. Hải cảng của Angiêri.

CHƯƠNG II

VIỆC ĐẦU ĐỘC NGƯỜI BẢN XỨ

Cứ theo lời ngài Xarô quý mến, đảng viên đảng cấp tiến, nguyên Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, thì ngài là người cha hiền của dân bản xứ, ngài rất quý mến người An Nam và được người An Nam quý mến lại.

Để nhồi nhét văn minh "Đại Pháp" cho người An Nam, ngài Xarô, người trùm của sự nghiệp đó đã không từ một thủ đoạn nào, kể cả những thủ đoạn bỉ ổi nhất và những tội ác. Đây, một chứng cớ: đó là bức thư mà ngài đã gửi cho những người thuộc quyền ngài, với tư cách là toàn quyền Đông Dương và nhằm vơ vét cho đầy túi tham của bọn kẻ cướp thực dân và cả của ngài nữa:

"Kính gửi ông công sứ,

"Tôi trân trọng yêu cầu ông vui lòng giúp đỡ những cố gắng của nha thương chính trong việc đặt thêm đại lý bán lẻ thuốc phiện và rượu, theo chỉ thị của ông tổng giám đốc nha thương chính Đông Dương.

"Để tiến hành việc đó, tôi xin gửi ông một bản *danh sách những đại lý cần đặt* trong các xã đã kê tên; phần lớn các xã này, tới nay, vẫn hoàn toàn chưa có rượu và thuốc phiện.

"Qua các tỉnh trưởng và các xã trưởng Cao Miên, ông có thể dùng ảnh hưởng to tát của ông để làm cho một số tiểu thương người bản xứ thấy rằng buôn thêm rượu và thuốc phiện là rất có lợi.

"Về phần chúng tôi, thì những viên chức lưu động trong khi đi kinh lý sẽ tìm cách đặt đại lý, trừ phi ông muốn họ đợi ông tranh thủ được sự giúp đỡ của các quan chức địa phương trước đã. Trong trường hợp này, tôi đề nghị ông vui lòng báo cáo cho tôi biết.

"Chúng ta chỉ có thể đạt kết quả mỹ mãn, nếu chúng ta hợp

đồng với nhau chặt chẽ và liên tục, vì lợi ích tối cao của ngân khố".

"Ký tên: Anbe Xarô"

Lúc ấy, cứ một nghìn làng thì có đến một nghìn năm trăm đại lý bán lẻ rượu và thuốc phiện. Nhưng cũng trong số một nghìn làng đó lại chỉ có vẻn vẹn mười trường học.

Trước khi có bức thư quý hoá trên, hằng năm người ta cũng đã tọng từ 23 đến 24 triệu lít rượu cho 12 triệu người bản xứ, kể cả đàn bà và trẻ con.

*
* *

"Nói đến các món độc quyền, người ta có thể hình dung Đông Dương như một con nai béo mập bị trói chặt và đương hấp hối dưới những cái mỏ quặp của một bầy diều hâu rỉa rói mãi không thấy no".

Trong số người có cổ phần trong công ty độc quyền rượu, có các nhân vật cao quý nhất ở Đông Dương và tất cả các ngành cai trị đều có đại diện tai to mặt lớn trong ấy. Phần đông các quan lớn này đều rất có ích cho công ty, không ai chối cãi được:

Ngành tư pháp, có ích để giải quyết những vụ lôi thôi với những kẻ mà người ta muốn cưỡng bức, có:

2 chưởng lý;

1 biện lý;

1 lục sự - chưởng khế.

Ngành quân đội, có ích để đàn áp một cuộc nổi loạn mà người ta tính là có thể xảy ra do chỉ riêng cái việc thi hành chế độ độc quyền béo bở, có:

1 thiếu tướng;

1 trung tá;

2 quân y sĩ cao cấp;

1 thiếu tá;

2 đại uý.

Ngành hành chính mà sự ân cần vô tư là điều đảm

bảo nhất cho việc kinh doanh thành công, thì có:

1 công sứ;

1 giám đốc tài chính;

1 tổng giám đốc ngân khố;

1 thanh tra bưu chính;

1 giám đốc trước bạ;

1 quan cai trị;

2 giáo sư, v.v..

Và cuối cùng là: ngài Clêmăngten đáng kính, nghị viên hạt Puyđơ- Đôm.

*
* *

Trong hội chợ triển lãm thuộc địa ở Mácxây[10], ông Xarô lớn tiếng ba hoa: "Nước Pháp hãy nhìn vào đây và lấy đó làm tự hào!". Mà quả thế thật. Những anh lạc đà Tuynidi thản nhiên đứng ngáp bên cạnh mấy chú cá sấu oai vệ của Tây Phi và những anh chàng cá sấu[1)] đáng yêu của Mađagátxca chuyện trò thân mật với các ả bò cái mỹ miều của Đông Dương. Chưa bao giờ lại có một sự hoà hợp tuyệt diệu đến thế, và trước sự xâm nhập hoà bình của các loài thú thuộc địa, chị cá trích trong huyền thoại của Hải cảng cũ[11] nở nụ cười duyên dáng của một bà chủ nhà mến khách.

Người đi xem nhìn một cách rất thích thú chiếc trường kỷ lịch sử của một vị toàn quyền nọ, thanh gươm của viên công sứ Đáclơ từng dùng để đâm vào đùi tù nhân Bắc Kỳ và cây đuốc mà viên quan cai trị Bruye đã dùng để thui sống hơn 200 thổ dân Huátxa[2)].

Gian hàng Camơrun được đặc biệt chú ý. Ở đấy có tấm bảng đề mấy dòng chữ yêu nước sau đây:

"Trước kia người Đức nhập vào xứ Camơrun rất nhiều rượu.

"Ngày nay người Pháp lại cấm rượu".

---

1) Tác giả dùng chữ *crocodile, caiman*, chúng tôi tạm dịch là cá sấu cả.

2) *Houassas.* Tên một bộ tộc ở châu Phi.

Nhưng, một bàn tay ranh mãnh nào đó đã dán ngay vào dưới tấm bảng bức thư của ngài Xarô chỉ thị cho người thuộc quyền ngài tăng số đại lý bán lẻ rượu và thuốc phiện ở các làng An Nam, kèm theo lời phê:

"Thế mà người An Nam lại đã có: những 10 trường học, những 1.500 đại lý rượu và thuốc phiện cho 1.000 làng kia đấy!".

*
* *

Đây là một sự kiện đầy ý nghĩa của một viên chức đứng đầu tỉnh Sơn Tây, một tỉnh ở Bắc Kỳ.

Số dân tỉnh này ước tính chỉ độ 200.000 người. Nhưng để nâng số lượng rượu phải tiêu thụ lên, số dân ấy bỗng nhiên tăng vọt nhanh như chớp tới 230.000 người. Nhưng vì 230.000 dân này uống quá ít, viên công sứ Sơn Tây đã ra công một năm đẩy số lượng rượu tiêu thụ lên 560.000 lít.

Ngay lập tức, viên công sứ được thăng cấp và được khen.

Ông đờ C... khẳng định rằng một viên công sứ khác đã đưa ông xem một bức thư của cấp trên, trong đó có đoạn viết: "Số rượu tiêu thụ trong phủ X, đã tụt xuống dưới con số Z, cho mỗi dân đinh. Vậy ông có nghĩ rằng cần phải có biện pháp làm gương không?". Viên công sứ bị cảnh cáo gián tiếp như thế bèn đòi tổng lý trong phủ ấy đến hiểu thị rằng sở dĩ họ tiêu thụ ít rượu đến như thế là vì họ nấu rượu lậu. Để được yên chuyện, các làng liền mua ngay số rượu quy định chiểu theo dân số mà sự tính toán của các phòng giấy bắt họ phải chịu.

Rõ ràng là người ta đã ấn định trên thực tế - nếu không phải bằng cách hợp pháp - mức rượu mà mỗi người bản xứ buộc phải uống hằng năm. Và khi nói *mỗi người bản xứ* thì cũng đừng tưởng đó chỉ là người đứng tuổi mà là *toàn bộ* dân số, kể cả người già, phụ nữ, trẻ em, cả đến đứa còn bú mẹ. Như thế là buộc thân nhân của họ phải uống thay, không phải chỉ một lít mà hai, ba lít.

Dân một làng Bắc Kỳ, buộc phải uống rượu, thấy trước nguy cơ đe doạ ấy, đã kêu với viên quan người Pháp "của họ" rằng:

"Ngay đến cái ăn, chúng tôi cũng không có gì cả". Quan đáp: "Chúng mày quen ngày ba bữa, bây giờ bớt đi một bữa, hay nếu cần thì bớt đi một bữa rưỡi để có thể mua rượu của nhà nước".

Trước đây, người bản xứ quen mua rượu từng ít một; họ mang chai lọ thế nào cho vừa thì thôi. Nay thì người ta đóng rượu vào chai sẵn. Rượu chỉ bán trong chai nửa lít hay một lít. Người An Nam quen dùng rượu từ 20 đến 22 độ; ngày nay người ta bắt họ dùng rượu từ 40 đến 45 độ. Họ quen dùng loại rượu có mùi vị thơm dịu do chất lượng của những nguyên liệu mà họ vẫn dùng; trong số nguyên liệu này có thứ gạo thuộc vào loại ngon nhất. Còn thứ rượu mà nay người ta buộc họ phải uống lại cất bằng thứ gạo rẻ tiền, pha thêm chất hoá học, có mùi vị nồng nặc khó chịu.

Bọn chủ độc quyền còn ra thông tư bắt nhân viên của chúng pha thêm nước lã vào rượu đem bán; cứ mỗi héctôlít rượu pha thêm 8 lít nước lã.

Như thế, tính trên toàn cõi Đông Dương mỗi ngày cứ bán 500 héctôlít rượu thì có 4.000 lít nước lã pha thêm vào; 4.000 lít, mỗi lít giá ba hào, thành 1.200 đồng một ngày, 36.000 đồng một tháng. Như thế chỉ cần mở vòi nước lã không thôi, mỗi năm công ty cũng thu được một món lãi nho nhỏ 432.000 đồng, hay 4 triệu phrăng.

Xem thế, đủ biết thứ rượu mà bọn độc quyền cất và đem bán ở Đông Dương là không hợp với khẩu vị của người bản xứ về độ cũng như về mùi vị, cho nên người ta phải cưỡng bức họ mua.

Vì bắt buộc phải trả những khoản chi tiêu thường xuyên, phải trang trải những món kinh phí ngày càng tăng của phủ toàn quyền, của những trái khoản lớn, của những công trình kiến thiết quân sự và phải đặt ra - nếu không phải là những chức vụ thực sự- thì ít ra cũng là những khoản lương cho một đám đông công chức từ Pari gán sang, cho nên Chính phủ đã tìm mọi cách thúc đẩy các viên chức, từ công sứ đến nhân viên hạng bét, phải làm tăng mức tiêu thụ rượu lên.

CHƯƠNG III

CÁC QUAN THỐNG ĐỐC

I- ÔNG PHUỐC

Ông Phuốc, thống đốc xứ Đahômây, cai trị giỏi đến nỗi người bản xứ nào ở thuộc địa ấy cũng kêu ca về ông ta. Để xoa dịu lòng công phẫn, người ta vờ phái sang đó một viên thanh tra. Viên thanh tra này kiểm tra giỏi đến nỗi chưa thèm xét gì đến đơn khiếu nại của nhân dân đã cuốn gói chuồn thẳng[1].

Về việc này, chúng tôi có nhận được một bức thư của uỷ ban hành động Pháp - Hồi ở Poóctô - Nôvô[2] trong đó có những đoạn chính như sau:

"Trước lúc người Pháp đến Đahômây rất lâu, ở Poóctô - Nôvô đã có một thủ lĩnh Hồi giáo gọi là Imăng có nhiệm vụ đại diện cho tập thể người Hồi ở bất cứ chỗ nào cần thiết, quản lý tài sản của tập thể Hồi giáo ấy và trông nom việc lễ bái.

"Theo tục lệ, Imăng phải do một đoàn cử tri bầu lên, chọn trong những người Hồi giáo ngoan đạo, có tiếng là đức độ và đã từng làm phó Imăng một thời gian lâu. Hơn nữa, trước khi chết, Imăng đương quyền có ý kiến về vị phó nào có đủ tư cách để thay thế mình.

"Ý kiến của Imăng lúc đó là ý kiến không được sửa đổi.

"Trước khi qua đời, Imăng Cátxumu đã chỉ định viên phó

1) Bản tiếng Pháp: "Celuici inspecte si biên qu'il f ... le camp", viết tắt của từ *foutre le camp*, có nghĩa là "chuồn thẳng". Từ này bắt đầu chữ f như tên ông thống đốc *Fourn*.

2) *Porto Novo*. Thủ phủ Đahômây.

Xarucu làm người kế vị mình. Đoàn cử tri và đa số người Hồi giáo cũng đã tán thành.

"Khi Cátxumu mất, đáng lẽ Xarucu phải được bầu lên, nhưng tên Inhaxiô Paredô *dựa vào thế của thống đốc* đã độc đoán cản trở, bắt ép người Hồi giáo phải nhận tên Lavani Cốtxôcô là bạn thân của y, làm Imăng. Tên Cốtxôcô, cũng như y, chỉ theo đạo Hồi trên danh nghĩa.

"Thấy đoàn cử tri và đa số người Hồi giáo chống lại việc cử tên Cốtxôcô một cách bất hợp pháp, Paredô liền nhờ viên thủ lĩnh cao cấp là Hútgi can thiệp. Hútgi là tín đồ đạo bái vật, *được chính phủ che chở*, nên hắn cứ cử tên Lavani Cốtxôcô làm Imăng, bất chấp nguyện vọng người Hồi giáo.

"Kể ra, nếu Lavani Cốtxôcô là một người Hồi giáo tốt và lương thiện thì chúng tôi cũng làm ngơ việc hắn được cử làm Imăng, nhưng hắn lại là một tên bất lương chưa từng thấy trên đời này. Chúng tôi nói như thế là có bằng cứ:

"Lavani Cốtxôcô sinh ở Lagốt (xứ Nigiêria thuộc Anh). Hắn là dân thuộc địa Anh. Vì can nhiều tội giết người và nhiều tội ác khác ở Nigiêria thuộc Anh, nên bị nhà chức trách Anh truy nã.

"Ông thống đốc của chúng tôi hồi đó đã thu dụng tên dân thuộc địa Anh bất lương này và như để thưởng công cho hắn, đã cử hắn làm tù trưởng các xã ven hồ như Ápphôtônu Aghêghê, Áplăngcăngtăng, v.v.. Toàn dân vùng ấy ngày nay đều ghê tởm những hành vi nhũng lạm, những tội ác của hắn, và kêu ca về hắn.

"Nguyên chúng tôi có một điện thờ ở khu phố Atpatxa tại Poóctô- Nôvô. Nhà đương cục Pháp đã phá huỷ điện thờ ấy với lý do vì lợi ích công cộng rồi bồi thường cho chúng tôi năm nghìn phrăng.

"Tiền bồi thường không đủ để xây dựng một điện thờ mới. Chúng tôi đã mở một cuộc lạc quyên riêng, thu được 22.000 phrăng.

"Paredô là người có chân trong tiểu ban mua sắm vật liệu và phát lương cho thợ.

"Khi viên phó Imăng Bítxiriu - người nắm giữ chìa khóa két - chết, thì Paredô trở thành người giữ chìa khoá két. Hắn lợi dụng địa vị ấy để biển thủ số tiền 2.775 phrăng. Tiểu ban bắt buộc phải khai trừ hắn ra khỏi tiểu ban.

"Inhaxiô Paredô căm tức, bèn bàn mưu tính kế với *ông thống đốc*. *Thế là ông này cho thi hành những biện pháp độc đoán đối với chúng tôi, và làm trở ngại việc xây dựng điện thờ của chúng tôi*.

"Giờ đây, do mưu mô của Inhaxiô Paredô được ông thống đốc tiếp tay cho trong việc cử một cách trái đạo tên Cốtxôcô làm Imăng, dân Hồi giáo ở Poóctô - Nôvô đã chia thành hai phe. Tình trạng ấy làm tổn thương tình đoàn kết, hoà hợp của người Hồi giáo, làm hại cho việc tự do hành đạo của chúng tôi và gây ra những vụ lộn xộn lớn".

II- ÔNG LÔNG

Dưới đây là mấy đoạn trích ở một lá thư của đại tá Bécna gửi cho báo *La République Française*, ngày 6 tháng 12 năm 1922. Thưa ngài Bộ trưởng, xin ngài vững tâm, đại tá Bécna không phải là cộng sản đâu.

"Con số hàng xuất khẩu ở Đông Dương, bức thư viết, hiện đang giẫm chân tại chỗ, thậm chí còn đang sụt xuống. Năm 1914, Đông Dương đã xuất khẩu 45.000 kilô tơ lụa, 99.000 tấn ngô, 480 tấn chè; năm ngoái chỉ xuất khẩu có 15.000 kilô tơ lụa, 32.000 tấn ngô, 156 tấn chè.

Người ta cũng tưởng rằng hiện nay chính phủ Đông Dương đang tích cực tiến hành những công trình lớn cần thiết cho việc khai thác thuộc địa. Ấy thế mà, từ năm 1914 đến nay, người ta *không hề đặt thêm được một kilômét đường sắt nào, cũng không khai thác được lấy một hécta ruộng nào*. Cách đây 10 năm, ông Xarô có đưa thông qua một chương trình kiến thiết, bao gồm việc xây dựng con đường sắt từ Vinh đến Đông Hà và bốn hệ thống đại thuỷ nông; tất cả những công trình đó đều đã ngừng lại từ hơn 5 năm nay, lấy cớ là không có kinh phí. Nhưng, cũng trong thời gian ấy, xứ Đông Dương lại bỏ ra 65 triệu đồng tức là 450 triệu phrăng để làm đường và dinh thự. Mời ông Phaghê hãy suy nghĩ về những con số đó xem! Tiêu gần nửa tỷ để làm những đường ô tô mà trên đó không hề lưu thông một tấn hàng hoá nào; để xây dựng những dinh thự và phòng giấy cho đám công chức đang mọc đầy rẫy lên ở Đông Dương như cỏ cây vùng nhiệt đới; trong khi ấy thì những công trình đã được thừa nhận là cần thiết và đã được Nghị viện thông qua, lại bị bỏ rơi!

Nhưng đừng tưởng là người ta có ý muốn thay đổi phương pháp ở Đông Dương. Để hoàn thành chương trình năm 1912, ông Lông đã xin Nghị viện cho phép phát hành một đợt công trái. Nay, ông ta lại xin phát hành một đợt thứ hai nữa. Những kẻ hiện đang điều khiển việc khai thác Đông Dương hình như đã định tâm không làm cái gì thật sự có ích lợi cả nếu trước hết người ta không cho phép họ vay nợ. Còn đối với tài nguyên ngân sách, đối với những dự trữ tích luỹ được trong và sau thời kỳ chiến tranh, thì họ quyết vung tay ném qua cửa sổ nếu Nghị viện không đưa vào nền nếp".

III - ÔNG GÁCBI

Ông Gácbi, toàn quyền đảo Mađagátxca, vừa về Pháp. Cũng như tất cả các viên thống đốc, bạn đồng nghiệp của ông, ông Gácbi rất lấy làm hài lòng về cái thuộc địa "của mình": tiến bộ, giàu có, trung thành, an cư lạc nghiệp, có tổ chức, có dự án này, chương trình nọ, v.v.. Đó là cái bọc hành lý muôn thuở, bất di bất dịch của các ngài thống đốc về nghỉ, mà nay đến lượt ông Gácbi lại ân cần mở ra cho tất cả những ai muốn xem... Và vượt lên trên tất cả những ngón bịp bợm cũ rích ấy, ông Gácbi còn khéo léo giở ra ngón bịp khác (hay đúng hơn ngón bịp của người khác) rất mực tinh vi: việc khai thác thuộc địa. Chúng tôi xin chào mừng quan toàn quyền mới về, và xin hỏi ngài:

"Phải chăng phái đoàn thanh tra của bộ đã không có đủ xà phòng để xá[1] lên đầu quan toàn quyền, đồng thời thoa trơn cái dốc, trên đó cụ lớn phải trượt thẳng về chính quốc để ở lại đó mãi mãi đến mãn đời trọn kiếp?

"Phải chăng để cứu vớt thể diện cho ngài, một vài tên tay sai đắc lực đã tổ chức một tiệc rượu tiễn hành, và để làm việc đó, chúng đã phải chạy bở hơi tai, vì ngoài ban tổ chức ra, không ma nào buồn đến dự tiệc cả?

"Phải chăng bọn tay chân của quan toàn quyền đã định làm một lá đơn ái mộ xin ngài trở lại thuộc địa, nhưng lại không dám đưa ra vì sợ có đơn chống lại?

---

1) *Savonner*. Nghĩa đen là xát xà phòng, nghĩa bóng là khiển trách kịch liệt.

"Sau cùng, phải chăng nhân dân bản xứ đã tặng ngài lời chúc thân ái này: "Thôi nhé, chú Gácbi! Xin chúc không bao giờ gặp lại chú nữa!"

IV- ÔNG MÉCLANH

Vận mệnh hai mươi triệu người An Nam tốt số đang nằm trong tay ông Mácxian Méclanh.

Các bạn sẽ hỏi tôi: "Cái ông Méclanh ấy là ai vậy?". Đó là một ông đã từng làm quan cai trị ở quần đảo Gămbiê, sau giữ chức phó thống đốc Tây Phi, rồi lên làm thống đốc xứ ấy. Đó là một ông đã bỏ ra ba mươi sáu năm của đời mình để nhồi nhét cái văn minh đầy ân huệ của nước Pháp vào đầu óc người bản xứ.

Có lẽ các bạn cho rằng đưa một người không hiểu gì về Đông Dương đến nắm vận mệnh Đông Dương thì thật là một trò hề lớn kiểu Đông Dương chứ gì.

Đúng đấy! Nhưng đó là cái "mốt". Một bạn đồng nghiệp cho biết rằng: tại Bộ Thuộc địa, một viên quan cai trị cũ ở Đông Dương ngồi chễm chệ tại vụ Tây Phi thuộc Pháp; một viên quan cai trị cũ ở Tây Phi phụ trách vụ châu Phi xích đạo thuộc Pháp; một viên chức cũ ở Xuđăng phụ trách những vấn đề về Mađagátxca; còn đại diện cho xứ Camơrun ở hội chợ triển lãm thuộc địa lại là một viên chức chưa hề bao giờ đặt chân lên đất Camơrun.

Thế nên, trước khi sang Đông Dương khai hoá cho người Đông Dương, quan toàn quyền Méclanh định bắt đầu khai hoá những người Đông Dương chết ở Pháp, tức là những người đã hy sinh vì tổ quốc, vì công lý, và *vì vân vân* ấy mà!

Cười trong nghĩa địa là một cái thú đối với những vĩ nhân, nhưng cười một mình ở đó thì có lẽ là không khoái lắm. Bởi vậy, Cụ lớn Méclanh đã ra lệnh cho những thanh niên An Nam được trợ cấp phải theo Cụ lớn đến nghĩa trang Nôgiăng trên bờ sông Mácnơ để đọc một bài diễn văn trước sự chứng kiến long trọng của ngài. Nhưng bài diễn văn ấy phải đệ trình cho Cụ lớn kiểm duyệt trước. Họ đã làm đúng như thế. Nhưng Cụ lớn thấy bài diễn văn quá ư quá khích, nên Cụ bỏ phắt đi và thay bằng một bài khác do Cụ tự tay vạch ra dàn bài.

Dĩ nhiên, bài diễn văn được xào xáo theo kiểu nhà quan như vậy thì phải sặc mùi trung thành và quyến luyến.

Nếu người chết mà nói được, như bọn phù thuỷ thường bảo, thì hồn ma của những người An Nam chôn ở Nôgiăng, hẳn đã nói rằng: "Ngài toàn quyền ôi! Xin c... cảm ơn ngài! Nhưng xin Ngài làm ơn... xéo đi cho!"[1].

V- ÔNG GIÊRÊMI LƠME

Chúng tôi đọc tờ *Annales coloniales* thấy mẩu tin ngắn như sau:

"Chúng tôi được tin Giêrêmi Lơme, cựu thống đốc thuộc địa, cựu nghị viên của Ấn Độ thuộc Pháp, đương bị truy tố trước toà. Ông ta nguyên là chủ tịch một nhà băng do ông Phrơdun làm quản trị- uỷ nhiệm. Nhà băng ấy đã tuyên bố vỡ nợ cách đây hai năm.

"Đó là sự kết liễu đích đáng con đường công danh của tên vô lại ấy".

Ô! Ô! Thế ra cũng có những tên vô lại trong cái giới thống đốc và nghị viên thuộc địa cao quý ấy ư? Ai ngờ nhỉ!

VI- ÔNG UTƠRÂY

Ông Utơrây là một nghị viên Nam Kỳ (ông ta là người Nam Kỳ cũng giống như ông P. Lôti là người nước Thổ vậy). Ông ta đọc diễn văn ở nghị viện, và kinh doanh ở Sài Gòn. Là nghị viên ông ta nhận cấp phí đều đặn; là thực dân, ông ta không nộp thuế. Ông nghị liêm chính này có một đồn điền 2.000 hécta, và mười lăm năm nay, ông chủ đồn điền đáng kính đó không nộp một xu nhỏ thuế nào. Khi sở thuế yêu cầu ông làm đúng luật lệ thì ông trả lời: c...ảm ơn. Vì ông ta là nghị viên nên người ta không động đến ông.

Đã có một thời, cái ông Utơrây ấy đã giữ chức quyền thống đốc

---

1) *M... erci à toi,... F... nous la paix*! Trong Pháp văn chữ M viết tắt, người ta thường hiểu là Merde, là một tiếng chửi rủa rất tục, cũng có nghĩa là phân; chữ F. là Foutre, có nghĩa là cút, xéo đi, để yên... *(Foutre le camp, Foutre la paix...).* Đây là lối chơi chữ của tác giả.

Nam Kỳ.

Xứ Nam Kỳ do một thống đốc cai trị, viên thống đốc này do sắc lệnh tổng thống Pháp bổ nhiệm. Để làm tròn nhiệm vụ *cao cả* của mình, vị quan *cao cấp* này dựa vào một hội đồng hỗn hợp gồm cả người Pháp lẫn người An Nam, gọi là hội đồng quản hạt. Một trong những quyền hạn chắc là quan trọng nhất của hội đồng này là hằng năm biểu quyết dự toán ngân sách của thuộc địa. Chúng tôi xin nói ngay rằng nguồn thu của ngân sách ấy là các khoản thuế trực thu và gián thu do *người An Nam nộp*, còn các khoản dự chi, thì trên nguyên tắc *(nhưng không bao giờ trên thực tế!)* là phải được chi tiêu cho những công cuộc *có lợi cho người An Nam*; tóm lại là *quyền lợi của người An Nam* được giao phó cho cái hội đồng quản hạt ấy. Thế nhưng cái hội đồng quản hạt quý hoá này lại gồm *nhiều người Pháp hơn là người An Nam: có 18 người Pháp*, thì 12 là đại biểu do tuyển cử bầu ra, 6 là đại biểu của các công ty, phòng thương mại, phòng canh nông v.v., và *6 người An Nam*. Cứ cho rằng luôn luôn đủ mặt đi nữa thì 6 phiếu của người An Nam kia tài nào mà chống lại được 18 phiếu của người Pháp? Vì thế chính phủ cứ việc tuỳ ý mà dự toán và chắc chắn là tất cả các khoản dự toán đều đã được biểu quyết trước rồi.

Hầu như sự việc luôn luôn xảy ra như thế. Cho nên năm 1905, cũng bằng cách ấy, quan quyền thống đốc Utơrây nay là nghị viên của người Pháp ở Nam Kỳ đã tăng thuế điền thổ vốn đã quá nặng, lên *một trăm phần trăm*. Việc tăng thuế này đã làm cho tên tuổi Utơrây trở thành bất tử trong trí nhớ của người An Nam, nó đã làm cho các đại biểu người An Nam trong hội đồng nhất loạt từ chức! Cần quái gì! Utơrây liền thay họ bằng những người khác do ông ta đích thân bắt cử tri An Nam phải bầu. Trước ngày bầu phiếu, một tay chân của ông ta là viên quan cai trị Maxperô (tỉnh Biên Hoà) chẳng đã bắt giam tất cả cử tri ở tỉnh ấy lại, không cho họ tiếp xúc với những người ứng cử đó hay sao? Người ta doạ trừng phạt để buộc họ phải bỏ phiếu cho Bùi Thế Khâm, người do Utơrây đưa ra nhằm ngăn cản việc bầu lại ông Hoài, một đại biểu vừa từ chức đã có lỗi là không làm theo ý muốn của Utơrây.

CHƯƠNG IV

CÁC QUAN CAI TRỊ

I- ÔNG [1]

Như các bạn đều biết, các thuộc địa vẫn được gọi là những nước Pháp hải ngoại, và người Pháp của những nước Pháp ấy là người An Nam, người Mađagátxca hoặc người...v.v.. Bởi thế, cái gì ở bên này là phải thì ở bên kia là trái, và cái gì ở bên kia được phép thì ở bên này bị cấm. Thí dụ: Ở bên ấy, tất cả người Pháp đều được phép làm cho dân bản xứ ngu muội đi bằng thuốc phiện, họ càng bán được nhiều thuốc phiện, thì càng được quý trọng; nhưng ở bên này, nếu anh đem bán thứ thuốc độc ấy thì, anh sẽ bị tóm cổ ngay lập tức. Nếu ở bên Pháp, một viên chức cao cấp được phép vận quần áo lót để đi ra đường, thì ngược lại một ông hoàng bản xứ không có quyền mặc áo bản xứ, ngay cả khi ở nhà và đang ốm.

Vì đang ốm, nên cố quốc vương Tuynidi đã cứ mặc nguyên áo ngủ mà tiếp quan khâm sứ. Như thế đã là bậy rồi; nhưng còn bậy hơn nữa là cháu nội và cháu họ nhà vua lại quên chào quan khâm sứ nói trên. Thế là sau hai ngày, đúng vừa đủ thời gian để suy nghĩ, quan lớn khâm sứ bèn mặc nhung phục, kéo binh mã đến bắt nhà vua phải xin lỗi. Thế mới đúng chứ. Một khi anh là quốc vương và chịu sự bảo hộ của một ông thánh (ông Xanh) thì dù là thánh cha, thánh con hoặc thánh thần, anh cũng không có quyền được đau ốm. Còn các chú "nhóc con" bản xứ, các chú phải biết rằng, một

---

1) *Saint.* Vừa là tên viên khâm sứ, vừa có nghĩa là thánh. Đây là lối dùng chữ của tác giả để chế giễu viên khâm sứ Saint, dựa theo điển tích Chúa ba ngôi - thánh cha, thánh con, thánh thần *(Sainte Trinité: Saint père, Saint fils, Saint esprit).*

khi đã sinh ra dưới đôi cánh mẹ hiền của nền dân chủ thì các chú không được nô đùa, reo cười, hò hét, mà phải học chào lạy.

Ở Đông Dương cũng như ở các thuộc địa khác, đối với những người bản xứ không kịp lạy chào các "quan bảo hộ" thì nhiều quan cũng chỉ khiêm tốn "giã cho một trận" thôi, chứ chưa bao giờ lại huy động quân đội để bắt trẻ con phải lạy chào. Dĩ nhiên trong bọn họ không phải ai cũng đều là khâm sứ cả!

Mặc dầu: "sự việc nghiêm trọng" ấy đã bị vạch ra trên diễn đàn nghị viện và theo lời ông Poăngcarê, nó có thể làm tổn thương đến ảnh hưởng của nước Pháp, chúng ta sẽ là những người vong ân đối với quan khâm sứ Xanh, nếu chúng ta buộc cho ông cái tội "thất bại chủ nghĩa"; bởi vì, nhờ có cuộc biểu diễn lực lượng thân thiện, trẻ con và hoà bình ấy mà từ đó người bản xứ biết cách nên lạy chào một "người anh em da trắng" như thế nào. Ai cũng còn nhớ khi ông Milơrăng sang thăm châu Phi, người bản xứ đã đón chào ông, và để tỏ lòng trung thành vô hạn và lòng tôn kính sâu sắc với vị quốc trưởng nước bảo hộ, họ đã kéo áo sơmi ra ngoài quần đấy.

II- ÔNG ĐÁCLƠ

Tập *Cahier des droits de l'Homme* vừa mới đăng một bức thư của ông Phécđinăng Buytxông, chủ tịch Hội nhân quyền[12] , gửi ông Xarô, Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, nói về cuộc khởi nghĩa ở Thái Nguyên[13] (Đông Dương) năm 1917 và việc đàn áp cuộc khởi nghĩa đó.

Bức thư vạch rõ trách nhiệm của viên công sứ tỉnh Thái Nguyên là ông Đáclơ: chính vì sự lạm quyền của ông Đáclơ mà cuộc khởi nghĩa bùng nổ. Toà án Sài Gòn cũng đã xác định tội của ông ta ngay từ năm 1917.

Thế nhưng, có ai ngờ rằng ông Đáclơ không hề bị một sự trừng phạt nào về mặt hành chính cả. Trái lại, ông ta lại được cử làm uỷ viên hội đồng thành phố Sài Gòn. Còn sự trừng phạt về mặt tư pháp thì thật là đáng buồn cười: nộp vẻn vẹn có 200 phrăng tiền phạt!

Cái ông Đáclơ ấy quả là một nhà cai trị có tài. Khoa cai trị của ông ta, ông ta đã học được ở khu phố latinh khi ông còn là một anh hàng cháo.

Lúc ấy, ông Đáclơ không có một xu dính túi và mắc nợ như chúa chổm. Nhưng nhờ một chính khách có thế lực, ông ta được bổ nhiệm làm quan cai trị ở Đông Dương.

Chễm chệ đứng đầu một tỉnh có hàng vạn dân, và được giao cho quyền hành tuyệt đối, ông ta vừa là tỉnh trưởng, vừa là thị trưởng, vừa là quan toà, vừa là mõ toà, vừa là người đốc thuế; tóm lại, ông ta nắm trong tay tất cả mọi quyền hành: Toà án, thuế khoá, điền thổ, tính mạng và tài sản của người bản xứ, quyền lợi của viên chức, việc bầu cử lý trưởng và chánh tổng, tức là vận mạng của cả một tỉnh được đặt vào tay cái anh hàng cháo ngày xưa ấy.

Ở Pari, không làm giàu nổi bằng cách bóc lột khách hàng, sang Bắc Kỳ ông ta gỡ gạc lại bằng cách bắt bớ, giam cầm, xử tội người An Nam một cách độc đoán, để bòn rút họ.

Đây là một vài việc làm rạng rỡ thời thống trị độc tài của vị quan cai trị dễ thương ấy mà nước mẹ cộng hoà đã có nhã ý gửi sang để khai hoá cho chúng tôi.

Một số lính tình nguyện (!) bản xứ, bị điệu về để sung vào lính khố đỏ và vì thế họ phải đi khám sức khoẻ. Đó là những người mù chữ, nhút nhát, khi hỏi thì trả lời chậm chạp, nên quan công sứ đã chửi bới, đấm đá và lấy gậy phang họ túi bụi.

Ba người lính khố xanh để xổng một người tù, đã bị ông Đáclơ đánh đập một cách rất tàn nhẫn, nắm tóc họ kéo lê dưới đất và đập đầu họ vào tường toà sứ.

Khi hỏi cung tù nhân, quan công sứ thường lấy thanh gươm đâm vào đùi họ. Có người khi về đến nhà lao thì lăn ra bất tỉnh.

Một đoàn tù khốn khổ, gầy đói, quần áo tả tơi, bị lôi dậy từ tờ mờ sáng, cổ mang gông, chân buộc xiềng, người nọ bị xích vào người kia, cùng kéo một chiếc xe lu to tướng trên những lớp sỏi dày. Hoàn toàn kiệt sức, họ ỳ ạch kéo chiếc xe lu nặng nề dưới ánh nắng

như thiêu như đốt. Bỗng quan công sứ đến. Như lệ thường, quan cầm theo một cái gậy to tướng, rồi bỗng dưng vô cớ, quan xông vào đám người khốn khổ ấy, như con thú dữ, đánh túi bụi, tàn nhẫn không tưởng tượng được, vừa đánh vừa chửi họ là đồ lười.

Một hôm nhà khai hoá của chúng ta vừa quở trách một nhân viên người Âu xong, không biết trút cơn giận lên đầu ai được, vớ cái thước sắt trên bàn giấy đập nát hai ngón tay của một viên thư ký người An Nam chẳng liên can gì đến việc kia cả.

Một hôm khác, ông ta vụt roi gân bò vào mặt một viên đội người bản xứ trước những người lính dưới quyền anh ta.

Lại một lần khác, có mấy người lính khố xanh làm trái ý ông ta, ông ta bèn cho đem chôn họ đến tận cổ, mãi đến khi họ ngất ngoải mới cho moi lên.

Cứ mỗi khi ông ta đi xem xét các con đường có dân phu làm việc thì số chân người bị đánh què bằng lưỡi xẻng, cán cuốc, phải tính bằng đơn vị nửa tá. Những người dân phu làm đường ấy đều là những người bị ông ta bắt ép đi làm với tiền công mỗi ngày một, hai xu, sau khi họ đã phải nộp tiền chuộc phần tạp dịch của họ với giá mười lăm xu mỗi ngày.

Một lần, ở một công trường, ông ta đã giật súng của một người lính coi tù để đánh một người tù. Người tù tránh được, quan công sứ quay lại đánh người lính, cũng bằng cây súng ấy. Bà công sứ, người vợ xứng đáng của quan lớn, cũng tham gia, bà đánh tù một cách tự nhiên và phạt lính lúc nào cũng được.

Người ta đã trông thấy quan công sứ dùng gậy đánh một viên đội lòi mắt. Quan còn làm nhiều việc cao cả khác nữa mà ở đây chúng tôi không thể nào kể xiết được.

Tất cả những việc kể trên, mọi người đều tai nghe, mắt thấy, kể cả cấp trên của ông ta là các quan toàn quyền, quan khâm sứ. Để khen thưởng tinh thần "cương quyết" và "đức độ rất cộng hoà" của ông ta, những vị này đã thẳng tay thăng quan tiến chức cho ông ta.

III- QUÝ NGÀI BUĐINÔ, BÔĐOANH VÀ NHỮNG NGÀI KHÁC

Mặc các cuộc triển lãm ồn ào, những bài diễn văn rùm beng, những cuộc kinh lý đế vương và những bài báo hoa mỹ, tình hình ở Đông Dương vẫn chẳng ổn chút nào.

Chiếc ghế bị cáo mà quan cai trị liêm chính Lanô vừa rời khỏi chưa kịp nguội thì người ta lại báo cho chúng tôi biết về những vụ xấu xa khác nữa.

Trước hết là vụ Buđinô. Ông Buđinô là một nhà khai hoá điển hình, một vị quan cai trị chuyên ăn hối lộ. Trong số vụ ông ta bị tố cáo, chúng tôi xin kể vụ sau đây:

"Làng Tân An, nơi lỵ sở của tổng, đã lấy quỹ làng và vay tiền để xây dựng một nhà máy điện. Việc kinh doanh rất có lợi, vì thu vượt chi rất nhiều. Ngoài ra, các công sở và đường sá của làng còn được thắp đèn điện không mất tiền.

"Nhưng bỗng một quan cai trị khá xảo quyệt (ông Buđinô), đã khéo xoay sở thế nào mà làng Tân An phải chịu nhường không nhà máy điện cho một anh chàng thầu khoán, để được hưởng cái thú phải trả tiền đèn đường và đèn công sở. Ngày nay làng nhận thấy chuộc lại nhà máy nhượng không ấy là có lợi, và chuộc lại thì phải xuất ra hàng chục nghìn đồng. Câu chuyện này là cả một thiên tiểu thuyết trong đó tài năng hư cấu của một tên cựu tỉnh trưởng đã được tự do phát huy với một sự đểu cáng không thể tưởng tượng nổi".

Vụ xấu xa thứ hai trước mắt là vụ Têa. Một bạn đồng nghiệp ở Đông Dương đã viết về vụ đó như sau:

"Chúng ta đang sống trong một bầu không khí thật là... không bình thường chút nào: chưa xong vụ Buđinô, vụ Lanô, lại đến vụ Têa.

"Ông Têa là một kỹ sư xuất sắc, giám đốc một hãng lớn của người Pháp ở Hải Phòng. Ông đã đến tìm ông Xcala, giám đốc thương chính, và tặng trước ông này số tiền chè lá một vạn đôla để ký kết một chuyến buôn thuốc phiện với cơ quan nhà nước. Chắc là

ông Têa có những lý do rất đặc biệt để nghĩ rằng việc vận động như thế không có gì là bất thường cả. Như vậy có nghĩa là việc hối lộ là việc thông thường trong chính giới ở Đông Dương. Tất cả những kẻ nào có quyền thế như vậy đều lợi dụng để vơ vét cho đầy túi tham của mình và làm hại lớn cho xã hội".

Nếu như ông Đáclơ, công sứ khát máu ở Thái Nguyên mà được cử làm uỷ viên hội đồng thành phố Sài Gòn, và ông Bôđoanh, người đang được quan toà Oaren nóng lòng chờ đợi, mà được cử giữ chức toàn quyền Đông Dương, thì các ông Têa và Buđinô ít ra cũng nên được gắn bội tinh mới phải.

CHƯƠNG V

NHỮNG NHÀ KHAI HOÁ

Xin hỏi: có phải là ở sở mật thám của phủ toàn quyền Đông Dương có một nhân viên người Pháp là C...không? Có phải chính tên C... ấy trong khi được phái đi "công cán" ở Phú Xuyên, đã bắt người An Nam ở đây gọi hắn bằng "Quan lớn", và đã đánh đập tàn nhẫn những ai không nhanh miệng chào hắn như thế không? Có phải cũng chính tên C... này đã hiếp dâm một người lính lệ không? À té ra cái gì người ta cũng được phép và có thể làm được ở cái thiên đường Đông Dương ấy.

*
* *

Giữa tháng 12 năm 1922, một viên đội phó cảnh binh Pháp[1] của sở cảnh sát đô thị Sài Gòn, "say mềm", đã vào nhà một người bản xứ và làm bị thương nặng hai người trong nhà, trong đó có một người đàn bà.

Khi ông dự thẩm hỏi cung thì tên cảnh binh ấy khai là *hắn không còn nhớ gì cả*, và chối phăng là hắn không say.

Trái lại, các nhân chứng, trong đó có một người Âu, đều xác nhận rằng lúc xảy ra vụ thương tâm ấy, *người bảo vệ trật tự* kia quả là không ở trong trạng thái bình thường.

Người khai hoá ấy say hay là điên, điều đó không quan trọng, chúng tôi chỉ thiết tha mong rằng anh ta sẽ được tặng thưởng huân chương về hành động dũng cảm của anh ta.

*
* *

1) Bản tiếng Pháp: *sous brigadier européen* (phó cảnh binh người Âu).

Ở thuộc địa, hễ có màu da trắng là quý phái, là thuộc chủng tộc thượng đẳng.

Để giữ thể thống, anh tây đoan hạng bét cũng có ít nhất một người ở, một người "bồi", và người này thường thường lại bị dùng làm "người hầu gái vạn năng".

Đày tớ người bản xứ đã dễ bảo lại rẻ tiền, nên nhiều viên chức thuộc địa về nghỉ hoặc về hưu mang theo cả người ở về nước.

Chẳng hạn như ông Giăng Lơ M...rinhy ở phố Cácnô, thành phố Sécbua. Ông ấy ở Đông Dương về, mang theo một người bồi lương tháng 35 quan. Chẳng cần phải nói bạn cũng biết rằng, người bồi ấy phải làm quần quật từ mờ sáng đến đêm khuya. Trong nhà ấy, không có chủ nhật cũng chẳng có ngày lễ. Hơn nữa, người ta cho anh ăn uống hết sức kham khổ, và chỗ ở rất tồi tệ.

Một hôm ông Giăng Lơ M...rinhy muốn sai người "được bảo hộ" của mình về làm lụng ở thôn quê. Vì đã từng được nếm cuộc sống sung sướng ở thôn quê mà ông chủ quý hoá dành cho, nên người con của xứ An Nam không chịu đi.

Thế là nhà cựu khai hoá kia nổi cơn thịnh nộ nện cho anh ta một trận nên thân, rồi đuổi ra khỏi [1], nhưng lại giữ tất cả tài sản của anh ta: tiền bạc, hòm xiểng, quần áo, v.v., mà nhất định không chịu trả lại, mặc dù anh ta đã nhiều lần van nài. Bị đuổi đột ngột, trơ hai bàn tay trắng, không biết tiếng Pháp, không bạn bè thân thích, bơ vơ lạc lõng, con người bất hạnh đó đang lâm vào cảnh cùng khốn ghê gớm.

*
* *

Viên chức thuộc địa là nguyên nhân chính gây ra nạn đời sống đắt đỏ ở thuộc địa. Muốn biết nhân tố ăn bám ấy đè nặng lên ngân sách đến mức nào, nghĩa là đè nặng lên lưng nhân dân lao động như thế nào, hãy so sánh những con số sau đây:

1) Bản tiếng Pháp: *f... l'Annamite à la porte...* (đuổi người An Nam ra khỏi nhà).

Ở Ấn Độ thuộc Anh, dân số 325 triệu người, có 4.898 viên chức người Âu.

Ở Đông Dương thuộc Pháp, dân số 15 triệu người, có 4.300 viên chức người Âu.

Như thế nghĩa là ở thuộc địa Anh, cứ 66.150 người dân thì có một viên chức người Âu, còn ở thuộc địa Pháp, thì cứ 3.490 người dân đã có một viên chức người Âu.

Ở Ấn Độ, ngành thương chính có 240 viên chức người Âu. Ở Đông Dương, ngành thương chính có 1.100 viên chức người Âu.

Ở Ấn Độ, có 26.000 nhà dây thép với 268 viên chức người Âu.

Ở Đông Dương có 330 nhà dây thép với 340 viên chức người Âu.

Tại sao ở Đông Dương, cái loài ăn hại ngân sách ấy lại nhiều đến thế? Bởi vì thuộc địa là một thiên đường ở trần gian; ở đó, trừ một vài trường hợp rất hiếm hoi, còn thì tất cả những cặn bã trong các ngành chính trị, tài chính, báo chí, v.v., mà chính quốc thải ra, đều tìm được môi trường rất thích hợp để phát triển... Hãy bắt đầu từ nhân vật quan trọng nhất là viên toàn quyền. Về vấn đề này, một người thực dân không thiên vị đã viết: "Sang Bắc Kỳ, các ông toàn quyền chỉ nhằm một mục đích là: tìm chỗ bổ dụng bạn bè con cháu thân thuộc và bọn vận động bầu cử của những bậc quyền thế có thể làm chỗ dựa cho mình; thường thường bọn này là những người mắc nợ như chúa chổm, bị chủ nợ săn lùng, phải có tiền cho chúng mới được ...".

Đối với nhà văn thanh cao nào muốn viết lịch sử huy hoàng của công cuộc khai hoá thuộc địa, thì cuộc chiến tranh gọi là vì công lý và chính nghĩa sẽ là nguồn tài liệu vô tận. Với một cử chỉ say sưa và hùng biện, ông Anbe Xarô nói: "Chính công cuộc chinh phục thuộc địa đã đào tạo nên phần lớn những vị tướng lĩnh vĩ đại đã đưa chúng ta đến chiến thắng và đã từng được dư luận nước Pháp ca tụng chiến công và thanh danh khi họ đưa ngọn cờ của chúng ta đi khắp đất Á, trời Phi".

Cũng với ý nghĩ thẳng thắn như thế, nhưng bằng lời lẽ kém bay bướm hơn, tờ *Le Journal de Genève* (à, lại có quỷ sứ ở Giơnevơ chăng?) đã nói toạc ra rằng: "Chính phủ cộng hoà đã đi tìm thuộc địa để *gỡ gạc lại trận thất bại năm 1870*. Dân tộc Pháp coi việc

chinh phục thuộc địa như là một *sự đền bù lại những thất vọng cay đắng của mình ở châu Âu*, và bọn quân nhân thì vớ được dịp *để trổ tài trong những trận thắng dễ dàng*".

Nghe những lời chứng có thẩm quyền như thế, mà các bạn vẫn cứ khăng khăng không tin rằng việc khai thác thuộc địa là một sứ mệnh khai hoá và nhân đạo không hơn không kém, thì thật là hết chỗ nói!

*
* *

1. Ông Ghinôđô bị mất trộm số tiền 5.000 phrăng. Muốn bắt những người bản xứ làm việc ở nhà ông phải thú nhận, ông chủ tốt bụng và nhà khai hoá vĩ đại đó đã đem họ ra tra điện. Nhưng sau, người ta tìm ra kẻ cắp thì lại không phải là một người bản xứ, mà chính là một nhà khai hoá khác: ấy là cậu ấm con ngài Ghinôđô! Thế mà ông Ghinôđô vẫn được vô tội, còn tám người bản xứ giúp việc ông thì hiện vẫn còn nằm nhà thương.

2. Ông Vônla, nhà khai hoá kiêm nhà buôn, không trả lương đều đặn cho những nhân viên bản xứ làm cho ông. Một trong những nhân viên đó nhờ viên đốc công hỏi hộ cho anh số lương chủ còn thiếu. Ông Vônla bèn đưa cho viên đốc công một mảnh giấy ghi mấy chữ sau đây: "Bảo cái con lợn ấy lấy C... mà ăn, chỉ có món ấy là hợp với nó thôi".

Việc này xảy ra ở Tuynidi, năm 1923, ngay giữa lúc ông tổng thống Milơrăng đi kinh lý ở đó.

*
* *

Khi người ta có màu da trắng thì nghiễm nhiên người ta là một nhà khai hoá. Mà khi người ta đã là một nhà khai hoá thì người ta có thể làm những việc dã man mà vẫn cứ là người văn minh nhất.

Cho nên, một viên đốc công lục lộ ở Nam Kỳ đã bắt những người An Nam gặp hắn trên đường phải lạy chào hắn theo đúng nghi thức của chủng tộc chiến bại đối với chủng tộc chiến thắng.

Một hôm, một viên thư ký người bản xứ ở sở ra, vừa đi vừa đọc

một quyển tiểu thuyết. Đến một đoạn hài hước, anh bật lên cười. Vừa lúc ấy viên đốc công lục lộ đi tới. Ông ta nổi cơn giận lên, thứ nhất là vì người bản xứ ấy mải đọc truyện đến nỗi không nhìn thấy ông mà chào; thứ hai là vì một người bản xứ mà lại dám cười khi đi qua trước mặt một người da trắng. Thế là nhà khai hoá nắm viên thư ký lại, buộc anh phải khai tên và hỏi anh có muốn ăn một cái tát không. Tất nhiên là người thư ký từ chối món quà quá hào hiệp đó, và tỏ vẻ ngạc nhiên tại sao lại có chuyện thoá mạ như thế được. Thế là chẳng nói chẳng rằng, người viên chức Pháp túm áo người bản xứ ấy lôi đến trước quan chủ tỉnh.

Cũng vẫn cái lão đốc công lục lộ ấy, lấy cớ là phải sắp xếp nhà cửa, vườn tược lại cho ngay ngắn, đã ra lệnh cho nhân dân ở hai bên đường hàng tỉnh phải dọn nhà đi, chặt cây và phá vườn trong một thời hạn do hắn quy định, nếu không thì sẽ bị phạt tiền.

Như thế đấy mà người ta vẫn cứ ngạc nhiên vì sao người bản xứ ở các thuộc địa lại cứ bất bình!

Chẳng những bọn thống đốc, công sứ muốn làm gì thì làm, mà cả các nhân viên nhà đoan, cảnh binh và tất cả những ai có tý chút quyền hành trong tay cũng đều sử dụng và lạm dụng quyền hành để thả cửa làm bậy vì họ biết chắc rằng sẽ không bị tội vạ gì hết.

Một viên cẩm ở Tuyên Quang (Bắc Kỳ) đã đánh một người bản xứ gãy cả hai cánh tay. Một viên cẩm khác ở Đà Lạt (Trung Kỳ)[1] vừa mới sáng tạo ra một lối mua bán cực kỳ lý thú, chúng tôi xin thuật ra đây để hiến quý ngài Điô và Xarô. Một hôm ông cẩm cần gỗ ván, ông sai lính ra phố mua. Mua là một cách nói thôi, chứ ông ta có đưa tiền cho lính của ông ta đâu. Tuy vậy, lính của ông ta cũng cứ ra phố, vào hàng chọn gỗ và định mang đi, cố nhiên là không trả tiền. Người bán gỗ không cho. Lính trở về báo cáo với quan Tây yêu sách quái gở của nhà buôn ấy.

Điên tiết lên, ông cẩm phái ba người lính mang súng đến bắt người bán gỗ to gan đó. Người này đang bị cảm không chịu đi. Lính về báo lại với ông cẩm. Tức giận đến cực độ, ông liền phái thêm ba

---

1) Bản tiếng Pháp: *Cochinchine* (Nam Kỳ).

người lính nữa nhập với tốp trước, và hạ lệnh cho họ phải bắt bằng được tên cứng đầu cứng cổ kia đem về dù sống hay chết.

Toán lính vũ trang đến bao vây cửa hiệu bán gỗ và sắp sửa thi hành mệnh lệnh.

Lúc ấy, một nhà buôn người Âu can thiệp bênh người bán gỗ bản xứ và viết thư cho ông cẩm. Nhưng người cộng sự đầy nghị lực của ông Môrixơ Lông, vẫn không chịu thu hồi "trát đòi" người bán gỗ và cho biết rằng nếu anh ta không chịu đến thì sẽ gặp nhiều chuyện rắc rối.

Nhà buôn người bản xứ ấy đành phải bỏ công việc làm ăn, bỏ cả quê hương để lẩn tránh cơn tức giận "khai hoá" của vị quan da trắng.

*
* *

Bảy người An Nam đáng thương đang bơi một chiếc xuồng dài mỏng mảnh; đã xuôi dòng nước, lại có đến bảy tay chèo nên chiếc xuồng đi vùn vụt như một chiếc xuồng máy. Bỗng thuyền của một nhân viên nhà đoan khuất sau đám cây đước trong lạch hiện ra, với quốc kỳ Pháp cắm sau lái. Một thuỷ thủ trên thuyền nhà đoan gọi, bảo xuồng kia dừng lại; người trên xuồng vẫn chèo. Thuyền của viên tây đoan đi chậm không đuổi kịp. Viên đoan liền cầm súng oanhsitơ bắn theo. Đoàng! Đoàng! Một người đang chèo thét lên rồi ngã gục. Đoàng! Lại một người nữa ngã gục. Lúc ấy, một người Âu khác, làm nghề gạch ngói, vừa đi xuồng tới, cũng tham gia đột kích "bọn cướp" kia ở một khúc ngoẹo. Đoàng! Đoàng! Đoàng! Quả là tay súng cừ! Ba viên đạn, ba nạn nhân. Chiếc xuồng cùng hai người sống sót mất hút trong lạch ...

Một hôm khác, cũng viên đoan ấy đi với sáu thuỷ thủ vũ trang, phát hiện được một người khốn khổ đang trốn dưới ao, ngâm mình dưới bùn, thở bằng một cái ống, một đầu ngậm ở miệng, một đầu để ló ra khỏi mặt nước; trên mặt nước lá sen che phủ một cách rất khéo. Viên tây đoan liền bắt và chặt đầu "tên cướp" ấy đem về toà sứ. Thật ra, đó chỉ là một nông dân bình thường khiếp sợ vì thấy có

nhiều người lạ đến làng, mặt mày hung tợn, mang đầy súng lục, túi đạn, lăm lăm súng oanhsitơ trên tay. Số là bọn nhà đoan vào các túp lều trong làng đã tìm thấy ba chiếc vỏ đạn, mấy cái bánh tàu và một cái búa đi rừng. Vậy đích thị là một làng làm giặc và tiếp tế cho giặc rồi còn nghi ngờ gì nữa!

Một sĩ quan trẻ tuổi vừa ở Pháp sang, đến một làng nọ, thấy nhà cửa vắng vẻ, còn dân chúng thì tụ tập lại một chỗ. Tưởng đâu đã lọt vào ổ phục kích, hắn bắn xả vào đám đông vô tội. Thật ra thì dân chúng đương họp để cúng tế. Bị bắn, họ kinh hoảng bỏ chạy tán loạn. Tên sĩ quan đuổi theo và tàn sát họ.

Một người Pháp đã từng ở Bắc Kỳ lâu năm kể: Khi từ chiếc tàu của một nhà kinh doanh lớn, tôi đặt chân lên Bắc Kỳ, anh có biết mạng của một người An Nam đáng giá bao nhiêu không ? Không đáng một trinh! Thật đấy.

- Này nhé, tôi còn nhớ, khi chúng tôi ngược sông Hồng, người ta đã đem rượu ra đánh cuộc xem ai ngồi dưới tàu, bắn mười phát mà "hạ sát" được nhiều người An Nam nhất ở trên bờ.

Một đôi kẻ súng cầm tay đi lùng bắt dân làng, thuyền bè để đòi tiền chuộc.

Một đại đội thuỷ quân lục chiến hành quân đến Vĩnh Thượng. Theo phép lịch sự, viên quan địa phương dàn lính (bọn lính lệ) nghênh tiếp. Tên chỉ huy toán lính đi dò đường của đại đội thấy thế đã ra lệnh bắn vào họ, làm nhiều người chết.

Khi người ta không trừ nổi một nghĩa quân thì người ta đốt cả làng người ấy. Người ta đã triệt hạ cả một vùng chung quanh Hưng Hoá như vậy.

Một người An Nam đang đi lảo đảo trên một con đường nhỏ hẻo lánh, vai gánh hai thúng to đầy lạc. Chúng tôi tới gần, hắn ta không kịp tránh. Tức thời người ta bắt hắn và bắn chết.

Suốt ngày, người ta vác gậy hoặc sống gươm nện vào người An Nam để bắt họ làm việc.

Người An Nam rất hiền lành, rất ngoan ngoãn, nhưng người ta

lại nói chuyện với họ chỉ bằng những cái đá đít thôi.

Chúng ta coi những người An Nam yêu nước là những tên cướp. Chẳng hạn như Đội Văn, một người yêu nước đã từng chiến đấu mấy năm trời chống lại sự thống trị của người nước ngoài, bị chém tại Hà Nội, bêu đầu ở Bắc Ninh, ném xác xuống sông Hồng.

Tống Duy Tân, sau mười năm ròng rã chiến đấu tuyệt vọng, đã bị bắt và bị chém.

Phan Đình Phùng, một vị quan to, kháng chiến trong mười năm trời rồi chết trong rừng sâu. Ông ta chết rồi mà chúng ta vẫn không tha; người ta vào rừng quật mộ ông lên, ném thi hài ông mỗi nơi một mảnh. Người ta báo thù ông ngay sau khi ông đã nằm sâu dưới mộ.

Ở tỉnh Quảng Trị, một viên cai lục lộ người Pháp say rượu đã "hạ" một người bản xứ ngồi trên lưng voi, chỉ vì tội không nghe rõ hay là không hiểu lệnh của hắn.

Một viên tây đoan ở Bà Rịa (Nam Kỳ) cũng say rượu, phang một gậy trúng lá lách một thuỷ thủ An Nam thuộc quyền hắn, làm cho anh ta chết tươi.

Một viên thầu khoán người Pháp giết một lính khố xanh ở Đà Lạt. Cũng ở đấy, một nhà khai hoá khác đã đánh một người thợ mộc bản xứ đến chết.

Một viên thầu khoán bắt thợ làm việc ngày đêm dưới nước để đào một đường hầm. Một số đông thợ chết, những người còn sống sót bãi công. Viên thầu khoán đã tự tay đốt nhà những người bãi công để buộc họ phải đi làm trở lại. Cả một làng cháy rực giữa đêm tối.

Một viên chánh quản pháo binh nửa đêm vào nhà một bà vắng chồng. Bà ta không chịu tiếp hắn. Thế là hắn nổi lửa đốt nhà bà. Dĩ nhiên, người đàn bà đau khổ kia hết sức sợ hãi.

Một viên quan hai nhiều vợ, đã quật ngã một thiếu phụ, dùng gậy song đánh chị đến chết chỉ vì chị không chịu ăn ở với hắn.

Một viên chức ở xưởng đóng tàu của hải quân giết một nhân viên hoả xa người An Nam bằng cách xô anh vào một đống than hồng sau khi đánh đập anh hết sức tàn nhẫn.

*
* *

Ông Vinhê Đốctông viết: "Trên thế giới không có dân tộc chiến bại nào bị đàn áp và hành hạ như người dân thuộc địa".

Một nhà du lịch khác viết: "Đời sống ở thuộc địa chỉ làm cho tật xấu của cá nhân phát triển: những kẻ đã nếm mùi chiến tranh thì càng mất hết ý thức đạo đức, càng truỵ lạc, bất lương và độc ác; những bọn con buôn và bọn phiêu lưu khác thì càng quen mùi trộm cắp, cướp giật. Ở bên Pháp ít có dịp để làm những việc đó, và người ta sợ cảnh sát hơn! Ở đây, bọn nói trên, đôi khi chỉ có một mình với vài người bản xứ, trên một con thuyền hoặc trong một thôn xóm; vì vậy chúng cướp bóc trắng trợn hơn là người Âu trên thị trường, và đối xử tàn nhẫn hơn với những nông dân nào phản đối chúng".

Một nhà du lịch thứ ba viết: khi đặt chân đến đây, tất cả những người Pháp đều nghĩ rằng người An Nam là hạng người thấp kém và phải làm nô lệ cho họ. Họ coi người An Nam như những súc vật phải điều khiển bằng roi vọt. Tất cả đều quen tự coi mình thuộc một đẳng cấp quý tộc mới, có đặc quyền đặc lợi. Binh sĩ hay là thực dân, họ đều cho rằng giữa họ và người bản xứ không có cách đối xử nào khác hơn là sự đối xử giữa chủ và tớ. Hình như đối với họ, người bồi là tiêu biểu của cả chủng tộc da vàng. Phải nghe một người Pháp ở Đông Dương nói về người da vàng mới thấy hết cái ngu xuẩn trong lối nói ngạo mạn của hắn. Phải nhìn một người Âu đối xử với người bản xứ mới thấy hết cái cục cằn thô lỗ của hắn.

Kẻ đi chinh phục rất quan tâm đến thái độ phục tùng và cung kính của người bị chinh phục. Người An Nam ở thành thị cũng như ở nông thôn đều bắt buộc phải ngả nón trước mặt người Âu.

Một tên mật thám Pháp đánh đập tàn nhẫn những người An Nam nào quên không gọi hắn ta bằng quan lớn. Một tên tham tá nhà đoan buộc những người bản xứ khi đi qua nhà hắn phải ngả mũ hoặc xuống xe, xuống ngựa. Một hôm, nhà khai hoá này đánh đập tàn nhẫn một chị người An Nam đang có mang, chỉ vì tuy chị có chào hắn, nhưng lại quên gọi hắn là quan lớn. Hắn đá một cái

rất mạnh vào bụng chị làm chị truỵ thai, ít lâu sau thì người đàn bà khốn khổ ấy chết.

Các quan bảo hộ của chúng ta buộc người An Nam phải khúm núm, ngoan ngoãn, dễ bảo và lễ phép, nhưng ngược lại, về phía các quan, thì như một nhà văn sang thăm Đông Dương đã viết: "Hình như họ chỉ làm những điều khiến cho sự có mặt của chúng ta trở thành một điều xấu xa bỉ ổi không ai chịu được". Nhà văn ấy còn viết tiếp: "Ở châu Âu người ta coi giống người da vàng chứa đựng tất cả những thói điêu ngoa, xảo trá. Ấy thế mà, chính chúng ta thì lại rất ít chú ý tỏ ra là mình ngay thẳng, thành thật".

Có những sĩ quan đã giật râu thầy cúng ngay trong lúc họ làm lễ. Một cậu ấm người Pháp đã đánh nhừ đòn một viên chức người An Nam, vì ông này đã ngồi trước trên một chiếc xe hàng mà không chịu nhường chỗ cho cậu.

Một viên toàn quyền vừa về tới Mácxây, người ta thết tiệc ông ta và đề nghị cho mấy viên quan Nam triều đang có mặt ở cảng đến cùng dự. Viên toàn quyền Đông Dương đáp: "Nếu các ông mời các tên quan lại ấy, thì tôi cũng sẽ đưa tên bồi của tôi đến".

*
* *

Chúng tôi xin trích trong nhật ký đi đường của một anh lính thuộc địa, sự việc sau đây:

- Trong khi "những người từng ở Bắc Kỳ" đang vui chơi nhởn nhơ trên tàu, thì dưới mạn tàu phía bên phải, có mấy chiếc xuồng bán hoa quả, ốc hến. Để đưa hàng đến tận tay chúng tôi, những người An Nam buộc giỏ đựng hàng vào đầu ngọn sào, rồi giơ lên. Chúng tôi chỉ có mất công chọn. Nhưng đáng lẽ trả tiền, thì người ta lại có nhã ý bỏ vào giỏ đủ thứ như sau: ống điếu, khuy quần, mẩu tàn thuốc (có lẽ họ làm như thế để giáo dục tính ngay thật trong việc mua bán cho người bản xứ chăng!). Đôi khi để đùa vui, một anh sốp phơ hất một thùng nước sôi xuống lưng những người bán hàng khốn khổ. Thế là, những tiếng kêu rú lên, mái chèo vung lên loạn xạ để bơi tránh, làm cho xuồng va chạm vào nhau lộc cộc.

"Ngay bên dưới tôi, một người An Nam bị giội nước sôi, *bỏng từ đầu đến chân*, phát điên lên muốn nhảy xuống biển. Người anh của anh ta, quên cả nguy hiểm, bỏ chèo, ôm lấy anh, bắt anh nằm xuống lòng thuyền. Cuộc vật lộn chớp nhoáng vừa chấm dứt thì một thùng nước sôi khác do một bàn tay thành thạo lại giội xuống; thế là đến lượt *chính người đi cứu, bị luộc chín*. Tôi trông thấy anh ta giẫy giụa trong thuyền, da bị lột ra trời thịt đỏ rói gào rống lên như một con vật. Thế nhưng cảnh đó lại làm cho chúng tôi cười, chúng tôi cho là rất ngộ nghĩnh. *Quả thật chúng tôi đã có tâm hồn thực dân!*".

Ở một trang khác, anh lính viết:

- Trong thời kỳ tôi ở đây (ở Bắc Kỳ), không có tuần nào là tôi không thấy vài cái đầu rụng.

Trong những cảnh ấy, tôi chỉ còn ghi nhớ được một điều là chúng ta còn độc ác, còn dã man hơn cả bọn kẻ cướp nhà nghề. Tại sao lại có những hành vi quái ác đến thế đối với một con người tù sắp phải chết ? Tại sao lại dùng nhục hình, tại sao phải giải từng đoàn tù đi bêu khắp xóm làng ?

*
* *

Ông Đume, cựu toàn quyền Đông Dương, đã trịnh trọng phát biểu tại Hạ nghị viện như sau: "Tôi hiểu rõ những cảnh binh ở thuộc địa. Tôi đã từng cho tăng số đội cảnh binh lên, vì tôi đã nhận thấy rằng lực lượng cảnh binh bảo đảm cho người bản xứ tránh được những sự hà lạm có thể do một số tên thực dân gây ra. *Cảnh binh rất được lòng người bản xứ*".

Chúng ta hãy xem các ông cảnh binh đã làm thế nào để "được lòng dân". Phải nói ngay rằng, nhìn chung, các ông rất hiền từ đối với bọn côn đồ, đó là điều chắc chắn rồi. Nhưng đối với dân hiền lành thì lại là chuyện khác. Chúng ta chưa cần nói đến chuyện thương tâm xảy ra tại khám lớn Sài Gòn năm 1916, năm mà các ngài cảnh binh, do "nhiệt tình yêu nước", đã bắt người bừa bãi, và những người vô tội bị bắt ấy đã bị kết án và hành hình. Dù máu người An Nam nhuộm đỏ "đồng Mả nguỵ"[14] có phai đi với thời gian

chăng nữa, thì vết thương lòng của những bà mẹ già, những người vợ goá, những đứa con côi không bao giờ hàn gắn được. Bọn thủ phạm gây ra vụ đó, mà cảnh binh là công cụ hèn mạt của chúng, không hề bị trừng trị, chúng cũng chưa hề bị truy tố. Bây giờ, chỉ xin nêu một vài trường hợp đặc biệt:

Một viên cẩm ở Bắc Kỳ suốt ngày đi dọc các cống rãnh, bảo là để giữ gìn vệ sinh. Hễ bắt gặp được dù chỉ một cuộng cỏ trên dòng nước, là tức khắc hắn trừng trị và phạt tiền những người dân nghèo khổ ở quanh đấy.

Ở miền Tây Nam Kỳ, nhằm tránh tai nạn trong các kênh có thuyền bè đi lại, mỗi con kênh đều có một trạm cảnh binh làm nhiệm vụ kiểm soát không cho thuyền bè đi quá nhanh hoặc làm trở ngại giao thông. Nhưng với sự có mặt của bọn cảnh binh, thì đó là một cái "cửa cống" tuôn ra không biết bao nhiêu vụ phạt tiền, phạt vi cảnh. Hầu hết thuyền bè qua lại trên các kênh lạch có trạm cảnh binh ấy đều bị phạt từ một đến hai đồng. Như thế là ngoài các khoản thuế của nhà nước chồng chất lên ngập đầu, còn thêm thuế sông nước do các ngài cảnh binh "được lòng dân" đặt ra nữa; nên người dân An Nam thật là sung sướng, sung sướng lắm!

Ngoài việc thăng thưởng dành cho những người đắc lực nhất, nghe đâu các ngài cảnh binh còn được hưởng món hoa hồng bằng 20% số tiền phạt nữa thì phải! Chế độ tốt đẹp thay!

Một tờ báo bản xứ viết: "Dân bản xứ không muốn có cảnh binh Pháp nữa vì đó thường là mối tai hoạ cho người lương thiện".

*
* *

Một gã Puốcxinhông nào đó thấy một người An Nam dám tò mò và cả gan nhìn vào nhà hắn trong vài giây, hắn đã nhảy xổ ra đánh và giết anh ta bằng một phát súng lục vào đầu.

*
* *

Một nhân viên hoả xa người Pháp ở Bắc Kỳ, lấy roi mây quất một người lý trưởng, rồi bắt nhốt vào cũi chó.

Ông Bếc đấm vỡ sọ người lái xe cho ông ta.

Ông Brét thầu khoán, trói một người An Nam cho chó cắn, rồi đá anh ta cho đến chết.

Ông Đépphi, chủ sự thuế quan, đá vào hông người đày tớ một cái rất mạnh làm anh này chết tươi.

Ông Hăngri, thợ máy, nghe có tiếng ồn ào ngoài phố; cửa nhà ông vừa mở; một chị người An Nam chạy xộc vào, có một người đàn ông bản xứ đuổi theo. Hăngri tưởng người đàn ông kia ghẹo "con gái"[1] của mình, liền vớ ngay khẩu súng săn, bắn một phát, người kia ngã gục.

Một người Pháp đem ngựa của hắn buộc vào một tàu ngựa trong đó đã có con ngựa cái của một người dân bản xứ. Con ngựa đực lồng lên làm cho người Pháp tức điên đầu. Hắn liền đánh người bản xứ ấy hộc máu mồm máu mũi, rồi trói anh ta lại, treo lên cầu thang.

Một nhà truyền giáo (vâng, một tông đồ hiền lành của Chúa!) nghi cho một học sinh chủng viện bản xứ lấy cắp một nghìn đồng; hắn trói anh ta lại rút lên xà nhà mà đánh. Người học sinh tội nghiệp kia ngất đi. Hắn hạ anh ta xuống. Anh hồi tỉnh, hắn lại rút anh lên, tra khảo. Người bản xứ đó dở sống dở chết. Có lẽ hôm nay thì đã chết thật.

Vân vân và vân vân.

Toà án có trừng phạt những kẻ ấy, những nhà khai hoá ấy không?

Một số đã được tha bổng, còn một số thì chẳng hề bị động tới lông chân.

*
* *

Một tên thực dân Pháp thấy ba người bản xứ thả cừu vào vườn ôliu của hắn. Hắn bảo vợ đem súng đạn ra; nấp vào bụi rậm, hắn

---

1) Hồi Pháp thống trị nước ta, người Pháp thường nuôi những người thiếu nữ Việt Nam vừa làm người hầu hạ, may vá, vừa làm trò chơi; chúng gọi những người ấy là "*con gái*". Khi một người Pháp nói "*ma con gái*" *(đứa con gái của tôi)* cũng như nói "*mon boy*" *(người bồi của tôi)* vậy.

bắn ba phát, làm bị thương nặng cả ba người.

Một tên thực dân Pháp khác có hai công nhân người bản xứ giúp việc là Amđuni và Ben Benkhia. Hai người này hình như có hái trộm vài chùm nho. Tên thực dân liền cho gọi họ đến, lấy roi gân bò quất xối xả vào họ cho đến chết ngất. Khi họ tỉnh lại thì quan lớn bảo hộ sai trói giật cánh khuỷu lại và treo lên. Mặc dù hai người khốn khổ kia đã mê man bất tỉnh, cuộc hành hạ ghê tởm đó vẫn cứ kéo dài suốt bốn tiếng đồng hồ cho đến khi có người láng giềng phản đối mới thôi.

Khiêng vào bệnh viện, mỗi người bị cưa mất một bàn tay. Còn bàn tay kia cũng không chắc gì cứu khỏi.

*
* *

Một người An Nam, 50 tuổi, từng làm việc 25 năm ở sở xe lửa Nam Kỳ, đã bị một viên chức da trắng giết chết. Đầu đuôi như sau:

Ông Lê Văn Tài có bốn người An Nam khác giúp việc dưới quyền mình. Phận sự của họ là đóng cầu mỗi khi có xe lửa đi qua và mở cầu cho thuyền bè qua lại. Theo lệ thì phải đóng cầu mười phút trước khi xe lửa đi qua.

Ngày 2 tháng 4, hồi 16 giờ 30 phút, một người trong bọn họ vừa mới đóng cầu và treo tín hiệu xong thì một *xuồng máy công đi đến; trên xuồng có một viên chức người Pháp của xưởng đóng tàu hải quân đi săn về*. Chiếc xuồng kéo còi. Nhân viên bản xứ liền ra giữa cầu phất cờ đỏ báo cho những người trên xuồng biết xe lửa sắp chạy qua. Thế là chiếc xuồng cập vào một trụ cầu. Người viên chức Pháp nhảy lên bờ, hầm hầm đi về phía người An Nam. Anh này khôn ý chạy về phía nhà ông Tài là "xếp" của mình. Người Pháp đuổi bắt, lấy đá ném theo. Nghe tiếng ồn ào, ông Tài chạy ra, đón viên đại diện của văn minh, thì viên này sừng sộ mắng vào mặt ông: "Đồ súc sinh! Tại sao mày không mở cầu ra?". Vốn không biết nói tiếng Pháp, ông Tài chỉ còn biết trả lời hắn bằng cách trỏ tay vào cái tín hiệu màu đỏ. Cử chỉ đơn giản ấy làm cho vị cộng sự của ngài toàn quyền Lông phát khùng lên. Không phân phải trái, hắn ta nhảy xổ vào ông Tài và *sau khi đánh ông nhừ tử, hắn xô ông vào một đống than hồng gần đó*.

Người An Nam gác cầu ấy bị bỏng một cách rùng rợn, phải chở đến nhà thương, và sau sáu ngày giãy giụa, ông đã chết.

Người viên chức kia vẫn được vô sự, không bị đòi hỏi gì cả. Trong lúc ở Mácxây người ta trưng bày sự phồn vinh giả tạo của xứ Đông Dương, thì ở Trung Kỳ dân đang chết đói. Ở đây, người ta ca ngợi lòng trung thành, thì ở bên kia, người ta đang giết người!

Trong khi tính mạng một con người An Nam bị rẻ rúng không đáng giá một trinh, thì ngài tổng thanh tra Rêna chỉ bị sướt một chút da ở cánh tay lại được lĩnh đến 120.000 phrăng tiền bồi thường.

*
* *

Công cuộc khai hoá người Marốc bằng đại bác vẫn tiếp diễn.

Một viên chỉ huy bộ binh Duavơ[1)] đóng ở Xéttát, đã nói với binh sĩ như thế này: "Chúng ta phải diệt cho xong lũ man rợ này. Đất Marốc giàu khoáng sản và nông sản. Chúng ta, những người Pháp, những người văn minh, chúng ta đến đây với hai mục đích: khai hoá và *làm giàu cho chúng ta*".

Viên chỉ huy ấy nói đúng đấy. Nhất là ông ta đã thành thật thú nhận rằng người ta sang thuộc địa là để cướp bóc người bản xứ. Bởi vì chỉ sau 10 năm đặt dưới chế độ bảo hộ, xứ Marốc đã bị người châu Âu cướp mất 379.000 hécta đất trồng trọt, trong đó 368.000 hécta đã lọt vào tay những người Pháp khai hoá. Diện tích Marốc có 815.000 kilômét vuông; nếu công cuộc khai hoá cứ tiếp tục với đà ấy thì chẳng mấy năm nữa, người dân Marốc khốn khổ sẽ không còn lấy một tấc đất tự do nào để trồng trọt và sinh sống trên Tổ quốc mình mà không phải chịu cái ách bóc lột và nô dịch của chủ nghĩa thực dân.

---

1) *Zouaves*. Danh từ dùng để chỉ những binh lính thuộc những đơn vị quân đội thực dân Pháp lúc mới thành lập chỉ gồm những người bản xứ Angiêri ở vùng Zouagha, một địa phương thuộc miền núi nước Angiêri, giáp Tuynidi.

CHƯƠNG VI

TỆ THAM NHŨNG TRONG BỘ MÁY CAI TRỊ

Ngân sách Nam Kỳ chẳng hạn, năm 1911 là 5.561.680 đồng (12.791.000 phrăng); năm 1912 là 7.321.817 đồng (16.840.000 phrăng). Năm 1922, ngân sách đó lên tới 12.821.325 đồng (96.169.000 phrăng). Một con tính đơn giản cho chúng ta thấy giữa hai năm 1911 và 1922, trong ngân sách của thuộc địa này có một sự chênh lệch là 83.369.000 phrăng. Số tiền đó chạy vào đâu? Tất nhiên là vào các khoản chi về nhân sự, vì các khoản này ngốn gần hết 100% tổng số thu.

Hết hành vi điên rồ này đến hành vi điên rồ khác đã phung phí đồng tiền mà người dân An Nam khốn khổ đã phải đổ mồ hôi nước mắt mới kiếm được. Chúng tôi chưa biết đích xác số tiền chi tiêu cho vua An Nam sang ngao du bên Pháp, chỉ biết rằng, để đợi ngày lành cho con Rồng tre[15] xuống tàu, người ta đã phải bồi thường cho tàu Poóctốtxơ trong bốn ngày chờ đợi, mỗi ngày 100.000 phrăng (tức là 400.000 phrăng tất cả). Tiền tàu hết 400.000 phrăng. Tiền chiêu đãi hết 240.000 phrăng (chưa kể tiền lương trả cho bọn mật vụ để theo dõi người An Nam ở Pháp), 77.600 phrăng trả tiền ăn ở tại Mácxây cho lính khố xanh dùng để "bồng súng chào" Cụ lớn và Hoàng thượng.

Vì nói đến Mácxây, nên nhân tiện cũng thử xem cuộc triển lãm thuộc địa ở đây đã tốn phí bao nhiêu. Trước hết, ngoài bọn có thế lực ở chính quốc ra, người ta còn cho mời ba chục viên chức cao

cấp ở các thuộc địa về; bọn này phè phỡn ở đường phố Cannơ[1] mà vẫn được lĩnh phụ cấp cả ở triển lãm lẫn ở thuộc địa. Riêng Đông Dương phải bỏ ra 12 triệu cho cuộc triển lãm này. Và các bạn có biết người ta đã chi tiêu số tiền đó như thế nào không? Một ví dụ: việc dựng lại cái mô hình nổi tiếng của các cung điện Ăngco đã tốn 3.000 mét khối gỗ, giá 400 hoặc 500 phrăng một mét khối. Tức là: từ 1 triệu 200 nghìn đến 1 triệu 500 nghìn phrăng!

Còn nhiều ví dụ khác về sự phung phí nữa. Trong việc đi lại của quan toàn quyền, xe hơi và xe luých vẫn chưa đủ, còn phải có một toa xe lửa đặc biệt nữa kia; việc sửa sang toa xe đó tốn cho ngân khố 125.250 phrăng.

Trong vòng mười một tháng hoạt động, nha kinh tế (?) đã làm hao phí công quỹ Đông Dương một số tiền 464.000 phrăng.

Tại trường thuộc địa, nơi "chế tạo" ra những nhà khai hoá tương lai, 44 giáo sư đủ các loại được đài thọ để dạy từ 30 đến 35 học viên. Lại phải tốn hàng nghìn phrăng nữa.

Công việc thanh tra thường xuyên các công trình phòng thủ thuộc địa hằng năm tốn cho ngân sách 785.168 phrăng. Thế nhưng các ngài thanh tra thì không bao giờ rời khỏi Pari và đối với các thuộc địa thì các ngài cũng không hiểu biết gì hơn là hiểu biết ông trăng già!

Nếu chúng ta đến các thuộc địa khác, thì ở đâu chúng ta cũng thấy một tình trạng tệ lậu như vậy. Để đón tiếp một phái đoàn "kinh tế" không chính thức, ngân khố Máctiních "nhẹ bổng đi" mất 400.000 phrăng. Trong vòng 10 năm, ngân sách Marốc từ 17 triệu lên 290 triệu phrăng, mặc dầu người ta đã giảm 30% các khoản chi tiêu cho lợi ích địa phương, tức là những khoản chi tiêu có thể có lợi cho nhân dân bản xứ!

*
* *

Một cựu nghị sĩ đi thăm thuộc địa về, đã phải kêu lên: "So với bọn viên chức thuộc địa thì những tên cướp đường còn là những người lương thiện!". Mặc dù đồng lương rất hậu (một nhân viên Pháp mới bổ dụng, dù có dốt đặc đi nữa, lương ít nhất cũng 200 đồng =

---

1) *La Cannebière*. Tên một đường phố đông đúc ở Mácxây.

2.000 phrăng mỗi tháng), nhưng các ngài viên chức ấy vẫn không bao giờ thoả mãn, họ muốn kiếm chác nhiều hơn, bằng đủ cách.

Học bổng thì cấp cho các cậu ấm con các quan công sứ, hoặc các quan cai trị tại chức mà lương được coi như quá thấp (từ 4 vạn đến 10 vạn phrăng).

Có thể nói một số phiên họp của hội đồng quản hạt chỉ là để bàn việc cướp giật công quỹ một cách có phương pháp. Riêng một ông chủ tịch nào đó của hội đồng đã được lãnh thầu những công việc trị giá hai triệu phrăng rồi. Ông đổng lý sự vụ nọ, đại diện của chính phủ trong hội đồng, đã xin tăng lương mình lên gấp đôi và đã được chấp thuận. Việc làm một con đường kéo dài năm này qua năm khác chẳng ai kiểm tra đem lại cho một vị thứ ba những món lợi thường xuyên đều đặn. Chức vụ thầy thuốc của các viên chức Đông Dương đem lại cho vị thứ tư một khoản lương khá hậu. Vị thứ năm được bổ làm thầy thuốc các công sở thành phố. Vị thứ sáu nhận cung ứng giấy và in tài liệu cho chính phủ. Cứ thế, vân vân và vân vân.

Kho bạc có vơi đi chút ít thì đã có những quý quan làm cho nó đầy lại một cách nhanh chóng. Với quyền hành sẵn có, họ sức cho dân bản xứ biết nhà nước cần một khoản tiền bao nhiêu đó, rồi họ phân bổ cho các làng phải đóng góp. Và các làng lo vội vàng tuân lệnh để khỏi bị trừng phạt ngay lập tức.

Khi một viên khâm sứ cần thanh toán một khoản tiền gì đó thì ngài phát hành các bằng sắc để bán. Người ta kể lại ở một tỉnh nọ, một vụ kinh doanh kiểu ấy đã thu được tới 10.620 phrăng. Mà những vụ như thế không phải hiếm.

Một trong những quan khâm sứ của chúng ta, vì tiêu hết trước hạn mấy tháng tất cả kinh phí cho chiếc xàlúp đã bắt công quỹ hoàn lại cho ngài các khoản chi phí về một cuộc lễ tiết nào đó không ai biết rõ, nhưng nói rằng nhà vua đã được mời ngự trên xàlúp.

Các tay chào hàng cho văn minh và dân chủ quả thật thông thạo về cái ngón xoay xở kiểu D.

*
* *

Một cựu toàn quyền Đông Dương, một hôm đã thú nhận rằng thuộc địa này đầy rẫy những viên chức ăn hại ngân sách mà thường chẳng được tích sự gì cả.

Một người thực dân viết: quá nửa số viên chức ấy, từ các quan đầu tỉnh đến các quan chức khác, đều không đủ tư cách cần thiết của những con người được giao phó những quyền hạn rộng rãi và ghê gớm như thế.

Tất cả bọn chúng chỉ có mỗi cái tài là phung phí công quỹ, còn người An Nam khốn khổ thì cứ nai lưng đóng góp, đóng góp mãi. Họ đóng góp không những để trả lương cho những viên chức giữ những chức vụ vô dụng, mà còn để trả lương cho cả những viên chức không có chức vụ gì cả! Năm 19..., 250.000 phrăng đã tan biến đi như thế.

Một chiến hạm đã được dành riêng cho sự đi lại của một cụ lớn. Việc sửa sang chiếc chiến hạm đã tốn 250.000 phrăng, ấy là chưa kể những khoản "chi phí linh tinh" mà Đông Dương phải đài thọ cho mỗi chuyến đi là trên 80.000 phrăng.

Quan toàn quyền chưa vừa ý với những lâu đài tráng lệ mà ngài ở tại Sài Gòn và Hà Nội, còn phải cần thêm cho ngài một biệt thự ở bãi biển nữa. Ngân sách Đông Dương lại phải "è lưng ra gánh".

Năm 19... một tay nước [1] tai to mặt lớn nào đó ghé qua Sài Gòn, đã được viên thống đốc đón tiếp một cách đế vương. Bốn ngày liền ăn chơi phè phỡn thả cửa, yến tiệc, rượu chè lu bù, rốt cuộc xứ Nam Kỳ tội nghiệp phải tính sổ trả 75.000 phrăng.

Các quan cai trị đều là những ông vua con. Họ muốn xung quanh mình cái gì cũng xa hoa tráng lệ, và nói rằng, có thế mới

---

1) Nguyên văn: *Un Tartempion de marqué étranger*. *Tartempio*n là một danh từ riêng đặt ra dùng để chỉ một anh chàng cha căng chú kiết nào đó.

nâng cao được uy tín của họ đối với người bản xứ. Một viên công sứ nọ đã lập cả một đội kỵ mã cận vệ và không bao giờ hắn đi đâu mà không có đội ấy theo hầu. Ở tất cả các toà sứ đều có từ 6 đến 11 con ngựa và 5, 6 cỗ xe sang trọng đủ kiểu: độc mã, song mã, tứ mã[1)], v.v.. Ngoài những phương tiện đi lại đã quá thừa ấy, còn thêm những xe hơi mỹ lệ, tốn cho công quỹ hàng vạn đồng. Một viên quan cai trị nọ còn có cả một tàu ngựa đua.

Tiền nhà cửa, bàn ghế, điện nước của các vị đó đều do công quỹ đài thọ cả. Ngoài ra, những người đánh xe, lái xe, giữ ngựa, làm vườn, tóm lại, tất cả những kẻ hầu người hạ của họ cũng đều do nhà nước trả tiền công.

Thậm chí những cuộc giải trí về văn chương của những người tốt số ấy cũng lại do nhà nước trang trải. Một viên quan cai trị đã ghi vào ngân sách 900 đồng tiền sưởi ấm, và 1.700 đồng mua báo chí! Một vị khác đã dùng mánh lới kế toán để biến tiền mua sắm áo khoác ngoài, đàn dương cầm, đồ trang sức thành những khoản vật liệu tu bổ toà sứ, hoặc những khoản tương tự như thế để bắt ngân sách nhà nước phải chịu.

*
* *

Dù trước kia họ là những anh hàng cháo, hoặc giám thị trong các nhà trường, nhưng khi đã đặt chân đến thuộc địa là các nhà khai hoá ấy của chúng ta sống một đời sống đế vương. Một viên quan cai trị dùng năm sáu lính khố xanh để chăn dê cho mình; một viên khác bắt lính có nghề điêu khắc chạm trổ cho mình những tượng Phật xinh xắn hoặc đóng cho mình những rương hòm rất đẹp bằng gỗ dạ hương.

Theo lệ, một viên giám binh chỉ được lấy một lính hầu, thế mà người ta kể, có một ngài đã dùng:

1 viên đội làm quản gia, 1 đầu bếp, 3 bồi, 2 phụ bếp, 3 người

1) Trong bản tiếng Pháp, tác giả kể đủ các kiểu xe như: victorias, muylords, tilburys, malabars, v.v..

làm vườn, 1 hầu phòng, 1 người đánh xe, 1 người giữ ngựa.

Còn bà lớn thì dùng: 1 thợ may, 2 thợ giặt, 1 thợ thêu ren, 1 thợ đan lát.

Và cậu ấm thì có một người bồi riêng không lúc nào rời cậu nửa bước.

Một người mắt thấy kể lại: chỉ trong một bữa ăn thường, không phải yến tiệc gì, ở nhà một viên quan cai trị, cũng thấy đằng sau mỗi người ngồi ăn có một lính đứng hầu chờ thay đĩa và đưa món ăn. Và tất cả lính hầu trong phòng ăn đều do một viên đội nhất chỉ huy!

CHƯƠNG VII

BÓC LỘT NGƯỜI BẢN XỨ

"Sau khi cướp hết những ruộng đất màu mỡ, bọn cá mập Pháp đánh vào những ruộng đất cằn cỗi những thứ thuế vô lý gấp trăm lần thuế đất thời phong kiến".

VINHÊ ĐỐCTÔNG

Trước khi Pháp chiếm cứ xứ này, trong bộ thuế điền thổ các làng, người ta xếp đất ruộng, công cũng như tư, thành nhiều hạng dựa theo các loại cây trồng. Thuế suất ruộng từ 5 hào đến l đồng một mẫu, còn đất từ một hào hai đến một đồng tư một mẫu. Mẫu là đơn vị diện tích hình vuông mỗi cạnh 150 thước. Thước thì dài, ngắn không chừng, tuỳ từng tỉnh, có thước 42, 47, hoặc 64 xăngtimét. Vì thế, diện tích mẫu rộng hẹp khác nhau, có nơi bằng 3.970 mét vuông, nơi 4.900, nơi 6.200 mét vuông.

Để tăng thu nhập cho nhà nước, người ta đã định một thước thống nhất là 40 xăngtimét, non hơn tất cả các thứ thước thông dụng, do đó mỗi mẫu chỉ bằng 3.600 mét vuông. Với cách này, thuế điền thổ tăng lên theo tỷ lệ khác nhau tuỳ từng tỉnh: có nơi tăng một phần mười hai, có nơi một phần ba, nơi không may nhất tăng đến hai phần ba.

Từ năm 1890 đến năm 1896, thuế trực thu tăng gấp đôi; từ năm 1896 đến năm 1898 lại tăng lên gấp rưỡi. Làng nào bị tăng thuế cũng cắn răng mà chịu; hỏi còn biết kêu vào đâu? Được thể các

ngài công sứ càng làm già. Nhiều người Pháp coi việc các làng ngoan ngoãn đóng thuế như vậy là một bằng chứng rõ ràng rằng mức thuế không có gì là quá đáng!

*
* *

Thuế thân tăng từ một hào tư lên hai đồng rưỡi. Những thanh niên chưa vào sổ đinh, nghĩa là còn dưới 18 tuổi, trước kia không phải nộp gì cả, nay phải nộp ba hào mỗi người, tức là hơn gấp đôi một suất đinh trước kia.

Theo nghị định ngày 11 tháng 12 năm 1919 của thống sứ Bắc Kỳ, thì tất cả người bản xứ, từ 18 đến 60 tuổi đều phải đóng một suất thuế thân đồng loạt là hai đồng rưỡi.

Mỗi người An Nam lúc nào cũng phải mang theo mình thẻ thuế thân, khi hỏi phải xuất trình; ai quên hoặc đánh mất sẽ bị bỏ tù.

Để bù vào chỗ đồng bạc bị sụt giá, toàn quyền Đume chỉ cần làm một việc đơn giản là tăng số đinh lên!

Mỗi năm người ta phân bổ cho mỗi làng một số nhất định về đinh và điền thuộc các hạng. Nhưng khi cần tăng thêm nguồn thu thì thế nào? Thì cứ việc chữa lại các con số của tài khoá rồi bắt các làng phải đóng thuế cho số đinh và điền cao hơn con số đã phân bổ đầu năm. Vì thế, tỉnh Nam Định (Bắc Kỳ) tổng diện tích chưa đến 120.000 hécta nhưng thống kê đã ghi đến 122.000 hécta ruộng, và người dân An Nam buộc phải nộp thuế cho những ruộng không có trên thực tế! Có kêu cũng chả ai thèm nghe!

Thuế má không những nặng oằn lưng, mà còn luôn luôn thay đổi.

Một số thuế lưu thông hàng hoá cũng giống như thế. Vả lại, đánh thuế như cách sau đây thì làm sao mà công bằng được: người ta cấp giấy phép lưu thông cho 150 kilôgam thuốc lá, sau đó lại bố trí để đánh thuế được nhiều lần cũng món hàng đó mỗi khi nó chuyển sang tay chủ khác, mỗi khi số 150 kilôgam ấy được phân phối cho ba, bốn khách mua? Chẳng còn luật lệ nào khác ngoài sự tuỳ tiện của bọn nhà đoan. Bởi vậy, người An Nam rất sợ bọn nhà

đoan, cứ thoáng thấy chúng là họ vứt ngay giữa đường những thúng muối, thúng cau, hoặc thuốc lá của họ: thà vứt của đi còn hơn là phải đóng thuế hết khoản này đến khoản khác mãi mãi không thôi. Ở một số vùng, nhân dân buộc lòng phải nhổ thuốc, chặt cau, để tránh những phiền nhiễu vì thuế mới.

Ở Luông Prabăng, nhiều phụ nữ nghèo khổ thảm thương phải mang xiềng đi quét đường chỉ vì một tội không nộp nổi thuế.

Tỉnh Bắc Ninh (Bắc Kỳ) bị lũ lụt tàn phá, thế mà cũng phải nộp 500.000 đồng tiền thuế.

*
* *

Các bạn đã nghe ông Môrixơ Lông, toàn quyền Đông Dương, ông Anbe Xarô, Bộ trưởng Bộ thuộc địa, và báo chí của họ - một thứ báo chí vô tư - khua chiêng gõ trống về thành công của công trái Đông Dương. Nhưng họ lại giữ kín không nói là đã dùng biện pháp gì để đi đến thành công đó. Họ sợ lộ bí quyết nhà nghề. Kể cũng phải. Và bí quyết ấy là như thế này: trước hết, họ đem khoản lợi tức công trái ra để câu những kẻ ngây thơ. Nhưng ngón ấy không ăn thua mấy, họ bèn bắt các xã phải bán công sản đi để mua công trái. Cũng vẫn không đủ, họ liền đòi những người có máu mặt đến, ấn cho mỗi người một biên lai trước, thế là những người này chỉ còn có việc chạy vạy nộp cho đủ khoản tiền đã ghi sẵn trong biên lai. Vì ruột két của chính phủ thì rộng thênh thang, mà số những nhà công thương bản xứ thì không nhiều, cho nên số công trái ấn vào cho họ không đủ để nhét đầy cái ruột két không đáy kia. Thế là cái nhà nước quen gõ cứ gõ mãi vào đám đông đã bị gõ nhiều nhất: người ta bắt hai, ba, bốn người dân nghèo, hoặc nhiều hơn nữa, phải mua chung một cổ phiếu!

Dưới đây là một thí dụ về cái ngón mà các quan cai trị của chúng ta thường dùng để móc tiền trong túi người bản xứ.

Ở một tỉnh thuộc miền Tây Nam Kỳ, trước ngày mở công trái mấy tuần, viên tỉnh trưởng họp tất cả các chánh tổng trong tỉnh lại để hiểu dụ về thể thức mua công trái. Sau khi những lời hiểu dụ của ông ta được người thông ngôn dịch xong, viên tỉnh trưởng kết luận:

- Thế đấy. Nhiệm vụ của tôi là giải thích cho các ông hiểu. Bây giờ thì mua đi! Rồi "quan lớn" quay lại hỏi viên chánh tổng đứng bên cạnh:

- Thế tổng ông nhận mua bao nhiêu nào?

Viên chánh tổng thảm hại kia bị hỏi đột ngột, ấp úng trả lời rằng, vì chưa gặp được dân để tìm hiểu khả năng của họ, nên chưa thể nói ngay được con số sẽ mua là bao nhiêu.

Quan lớn liền thét:

- Câm cái mõm lại, anh không xứng đáng là chánh tổng! Tôi cách chức anh!

.....

Công trái đã mở. Viên thống đốc Nam Kỳ đi kinh lý, ghé lại tỉnh lỵ hỏi xem từ một tuần nay số công trái bán được là bao nhiêu.

Nghe báo cáo là 73.000 đồng, quan lớn tỏ vẻ không hài lòng, vì tỉnh này có tiếng giàu nhất miền Tây Nam Kỳ, vả lại trong những đợt công trái trước, tỉnh này *đã mua được nhiều hơn thế kia mà.*

Viên thống đốc đi rồi, viên chủ tỉnh quyết định đi một vòng để cổ động trong toàn hạt. Ông ta đến thăm tất cả các nhà giàu bản xứ có súng và ấn cho mỗi người một số công trái. Để cho họ hiểu rằng đây không phải là chuyện đùa, quan lớn tịch thu súng của họ và bảo:

- Phải biết, nếu cứ ỳ ra thì đừng có hòng được trả lại súng!

Thế là ai nấy đều phải cúi đầu chịu mua cả.

Nhân đây cũng nên nói, chính ông quan lớn này đã chi 30.000 đồng để đắp một con đường dài 9 kilômét hiện nay nó đang sụt lở xuống dòng kênh bên cạnh. Mong rằng con đường sắt xuyên Đông Dương sẽ tốt số hơn.

*
* *

Người ta xây một ngôi chùa. Nhân công làm chùa toàn là người nhà pha, do một thân hào hướng dẫn. Sổ chấm công thợ hằng ngày ghi rõ ràng đều đặn và thầu khoán cũng trả tiền sòng phẳng. Thế

nhưng tiền thì lại chính quan lớn công sứ bỏ túi.

Quan lớn công sứ vừa được thưởng mề đay. Để mừng ngài, người ta mở một cuộc lạc quyên. Mức đóng góp bắt buộc đối với các quan lại, viên chức, hào lý, tối thiểu phải là 6 đồng. Tất cả thu được l0.000 đồng. Chiếc mề đay ấy quý đấy chứ nhỉ!

Việc cho bao thầu vật liệu để bắc mấy chiếc cầu gỗ và dựng mấy trường làng, đã mang lại cho quan công sứ thanh liêm nhà ta một món quà nhỏ gần 2.000 đồng.

Việc đăng ký trâu bò không mất tiền, nhưng quan lớn công sứ cứ cho phép những kẻ thừa hành thu mỗi con từ 5 hào đến 5 đồng.

Để đáp lại, bọn này cứ đóng cho ngài mỗi tháng 200 đồng.

Việc xếp hạng ruộng đất một cách gian dối còn đem thêm 4.000 đồng cho ông quan vừa mới được gắn mề đay ấy.

Việc nhượng trưng bất hợp pháp mấy hécta đất lại cho chui thêm vào túi ngài 2.000 đồng nữa.

Là nhà khai hoá, là nhà ái quốc, và cũng là môn đồ của chủ nghĩa cực đoan, quan lớn công sứ đã biết lợi dụng rất có kết quả những đợt "công trái Chiến thắng" - xin nhớ rằng cứ mỗi lần chiến thắng là một lần mở công trái, và cứ mỗi năm lại có một lần chiến thắng. Trong lần mở công trái năm 1920, có mấy làng đã mua 55.900 phrăng, theo hối suất một đồng ăn 10 phrăng 25, tức là họ đã bỏ ra 5.466 đồng. Năm 1921, đồng bạc sụt giá chỉ còn 6 phrăng, cụ sứ bèn hào hiệp thu về cho cụ các cổ phiếu đó và bỏ ra 5.466 đồng hoàn lại cho các làng. Về sau, do giá đồng bạc Đông Dương lên, cụ đã vớ gọn 9.325 đồng.

*
* *

Tin sau đây chúng tôi trích ở tờ *Công báo,* nói về buổi họp thứ nhất, ngày 22 tháng 12 năm 1922: "Trong thời kỳ chiến tranh, nhiều lính Phi gửi ngân phiếu cho gia đình, với những số tiền nhiều khi rất lớn. *Nhưng các ngân phiếu ấy không bao giờ đến tay người nhận cả"*.

Một bạn đồng nghiệp lại vừa cho chúng tôi biết một "hiện tượng" tương tự như thế. Lần này, thì sự việc xảy ra ở đảo Rêuyniông. Đã nhiều tháng nay nhân dân trên đảo không hề nhận được một bưu kiện nào gửi đến cho họ cả. Tờ báo viết:

"Hiện tượng ấy làm cho cả người gửi hàng lẫn người không nhận được hàng đều phải lấy làm lạ.

"Nhiều người khiếu nại. Cuộc điều tra mới mở đã rọi ngay được ánh sáng vào điều bí mật nói trên, và phát hiện ra một loạt vụ đánh cắp được tiến hành một cách chu đáo và kiên trì lạ thường.

"Người ta bắt một nhân viên, rồi một nhân viên nữa, rồi đến lượt ông "xếp", và cuối cùng, khi tất cả nhân viên đã bị còng tay thì đến phiên ông giám đốc ngành bưu điện cũng theo họ vào tù nốt.

"Mỗi ngày cuộc điều tra lại đưa ra ánh sáng vài sự việc mới. Số bưu kiện bị đánh cắp trị giá trên 125.500 phrăng. Giấy tờ kế toán đều làm gian cả. Sổ sách gian lận rối beng đến nỗi phải mất hơn 6 tháng mới gỡ ra được.

Ở trong một ngành nào đó đôi khi có thể có một vài viên chức gian tham, song rất ít khi lại có cả một ngành suốt từ trên xuống dưới nhiễm phải bệnh ăn cắp đến như vậy; điều lạ kỳ hơn nữa là *tại sao tất cả bọn ăn cắp ấy lại có thể hoành hành được trong mấy năm ròng mà vẫn được bình yên vô sự*".

*
* *

Trong dịp nghị viện thảo luận dự luật về kinh phí hàng không quân sự, trong đó có khoản kinh phí mà các thuộc địa, nghĩa là người bản xứ, buộc phải nhả tiền ra đóng (Đông Dương 375.000 phrăng, Tây Phi 100.000 phrăng), ông Môrinô, nghị viên Angiêri, có nói về việc này:

"Thưa các bạn thân mến, trong dịp này, các bạn hãy cho phép tôi tiếp theo những lời ca tụng những người Pháp dũng cảm đã lập được một chiến công đẹp đẽ như thế, chiến công mà tờ *Times* đánh giá là kỳ diệu, được nói lên tấm lòng cảm phục của tất cả chúng ta đối với họ; sự cảm phục đó *ông Xitrôen, nhà công nghiệp "chí công*

vô tư" cũng xứng đáng được dự phần, vì ông đã không ngần ngại giúp đỡ phương tiện tài chính và kỹ thuật cho họ. *(Vỗ tay).*

"Việc gì đã xảy ra sau sự kiện vĩ đại ấy? *Ấy là việc các đồn đóng ở miền Nam Angiêri lập tức đặt mua thứ phương tiện vận tải vô song ấy cho sa mạc Xahara mà người ta gọi là ôtô dây xích.*

"*Đồn Túcguốc và đồn Uácgla vừa đặt mua hai chiếc* - tin này gần đây quan toàn quyền Angiêri vừa cho tôi biết.

"Tất cả các đồn bốt khác của ta tất nhiên rồi cũng sẽ mau chóng được trang bị bằng những thứ đó.

"Trong một thời gian ngắn, chúng ta cần phải thiết lập thêm bốn, năm đồn mới nữa, để cho có một tuyến đồn bốt nối tiếp nhau, cứ khoảng 200 kilômét có một đồn.

"Đồn mới sẽ được thiết lập, rồi sẽ đặt mua ôtô dây xích. Thế là tất cả các đồn bốt ở Xahara sẽ liên lạc được với nhau không khó khăn gì. Việc chuyển vận quân nhu, lương thực từ đồn này sang đồn khác sẽ hết sức dễ dàng. Thư từ sẽ nhận đều đặn (*Vỗ tay)".*

(Trích *Công báo* ngày 22 tháng 1 năm 1923)

*
* *

Người dân đi tạp dịch không phải chỉ có dọn dẹp, sửa sang những lối đi quanh toà sứ để cho vui bước chân nhàn hạ của một vài người Âu đâu, mà họ còn phải luôn luôn làm những việc nặng nhọc hơn nhiều tuỳ theo ý thích của các quan công sứ.

Mới được tin ông Bộ trưởng Bộ Thuộc địa sang thăm Đông Dương, thế là người ta bắt ngay l0.000 dân đi làm cho xong con đường V.L.[1)], để kịp cho ngài Bộ trưởng làm lễ khánh thành.

Mùa hè năm 18..., một thời gian ngắn trước khi nạn đói tàn phá miền Trung Trung Kỳ, người ta đã bắt một vạn dân, có lý trưởng từng làng áp giải, đi nạo vét bùn một con sông. Đến nơi một số lớn trong đoàn nhân công khổng lồ ấy không có việc làm. Thế nhưng người ta vẫn giữ họ lại hàng tháng trong lúc đồng ruộng

l) Có lẽ là con đường từ Vinh sang Lào.

đang cần đến những cánh tay nhàn rỗi ấy. Phải chú ý một điều là chưa bao giờ người ta huy động một lực lượng đông đến như thế, khi cần ngăn ngừa một tai hoạ chung cho nhân dân. Cuối năm 18..., nếu người ta tổ chức từ Đà Nẵng trở đi một đường dây vận chuyển để tiếp tế cho các địa phương bị đói thì đại đa số những người chết đói ở miền Trung đã khỏi bị chết oan; l0.000 dân phục dịch ở sông nói trên, rất có thể đủ sức phân phối trong vòng một tháng 2.000 tấn gạo cho các nơi bị đói trong các tỉnh của họ.

Công việc làm các con đường đi Đà Nẵng, đi Trấn Ninh và đi Lào còn để lại cho mọi người biết bao kỷ niệm đau đớn. Dân phu phải đi bộ hàng trăm kilômét mới đến công trường. Đến nơi, họ phải chui rúc trong những túp lều tranh thảm hại. Không có mảy may vệ sinh; không có tổ chức y tế. Trên đường không trạm nghỉ chân, không nhà tạm trú. Họ chỉ được một suất cơm ăn không đủ no với một chút cá khô và phải uống nước bẩn, thứ nước khe núi mà họ rất sợ. Bệnh hoạn, cực nhọc, hành hạ tàn tệ đã gây nên chết chóc khủng khiếp.

Nếu không bắt dân đi tạp dịch thì người ta trưng tập họ đi phu, giữa hai cách đó chỉ có một điểm khác nhau là đi tạp dịch thì có thời hạn, còn đi phu thì không. Cả hai cách đều dùng để giải quyết mọi nhu cầu: nhà đoan muốn chở muối chăng? thì trưng dụng thuyền; muốn làm kho chăng? thì trưng tập thợ và trưng dụng luôn cả vật liệu xây dựng.

Trưng tập đi phu thì quả là một sự phát lưu trá hình vụng về. Người ta xua cả từng làng đến công trường, bất chấp công việc đồng áng, bất chấp cả những ngày hội tôn giáo. Số người được trở về rất ít. Vả lại, người ta có làm gì để giúp cho người dân phu trở về quê quán đâu!

Trên đường đi lên cao nguyên Lang Biên, đi lên rừng xanh núi đỏ, nơi mà thần chết đang đợi chờ, từng đoàn người dân đi tạp dịch hoặc đi phu trưng tập, lương thực thiếu thốn, có ngày không có lấy một hột cơm vào bụng, họ đã bỏ trốn từng đoàn, hoặc nổi dậy chống lại, và mỗi khi như thế là bị bọn lính áp giải đàn áp ghê rợn, xác họ rải khắp dọc đường.

Nhà cầm quyền Quảng Châu [1] được lệnh bắt phu. Thế là người ta bắt giữ tất cả những người bản xứ đang làm việc ở bến cảng, trói gô lại ném xuống tàu.

Nhân dân Lào, những thổ dân khốn khổ, sống trong cảnh luôn luôn nơm nớp sợ đi phu. Mỗi khi bọn sĩ quan phụ trách bắt phu đến làng, bản là chỉ thấy nhà hoang cửa trống, vì dân đã trốn biệt.

Ở tỉnh Thủ Dầu Một, một viên quan cai trị cần một chiếc xe lu. Làm thế nào? Hắn thương lượng với một công ty đấu thầu đang cần nhân công rẻ tiền. Công ty bỏ tiền ra mua xe lu với giá 13.500 phrăng. Còn quan thì bắt dân đi tạp dịch cho công ty với giá ngày công 0,50 phrăng. Ba năm liền, dân Thủ Dầu Một phải *đặt* dưới quyền sử dụng của công ty kia, làm xâu để trả tiền chiếc xe lu mà quan lớn cai trị thích mua để dùng trong vườn của ngài.

Ở một tỉnh khác, người dân đi tạp dịch làm hết ngày, còn phải gánh đá không công trên đường dài một kilômét để xây tường quanh dinh của viên quan cai trị chủ tỉnh.

Như thế là bất cứ lúc nào, người dân An Nam cũng có thể bị bắt đi, bị ép làm những công việc cực nhọc, mà cơm ăn không no, tiền công rẻ mạt; bị trưng tập không thời hạn, rồi bị vứt bỏ xa quê hương hàng trăm kilômét.

*
* *

Nói chung, người An Nam đều phải è ra mà chịu công ơn bảo hộ của nước Pháp. Riêng người nông dân An Nam lại càng phải è ra mà chịu sự bảo hộ ấy một cách nhục nhã hơn: là người An Nam, họ bị áp bức, là người nông dân, họ bị tước đoạt. Chính họ là những người lao khổ, làm để nuôi lũ người ăn bám, bọn đi khai hoá và những bọn khác. Chính họ phải sống cùng khổ, trong khi bọn đao phủ của họ lại sống phè phỡn; hễ mất mùa là họ chết đói. Họ bị cướp giật từ mọi phía, bằng mọi cách, bởi nhà nước, bởi bọn phong kiến tân thời, bởi giáo hội Thiên chúa. Xưa kia, dưới chế độ phong

1) Một phần lãnh thổ Trung Quốc ở phía Đông Nam thành phố Quảng Châu, bấy giờ là thuộc địa của Pháp.

kiến An Nam, ruộng đất xếp thành đẳng hạng theo tốt xấu. Thuế đánh theo sự phân hạng ấy. Dưới chế độ thuộc địa hiện nay, những điều đó đã thay đổi. Khi cần tiền, nhà nước bảo hộ Pháp chỉ có việc thay đổi hạng ruộng. Chỉ một nét bút thần kỳ là họ biến một đám ruộng xấu thành ruộng tốt.

Như thế cũng vẫn chưa hết. Người ta còn tăng diện tích ruộng đất lên một cách giả tạo bằng thủ đoạn rút bớt đơn vị đo đạc. Bằng cách đó, thuế lập tức tăng lên, nơi thì một phần ba, nơi thì hai phần ba. Thế mà vẫn chưa đủ thoả lòng tham không đáy của nhà nước bảo hộ và hằng năm thuế cứ tăng lên mãi. Thí dụ, từ năm 1890 đến năm 1896, thuế đã tăng gấp đôi. Từ năm 1896 đến năm 1898 lại tăng lên gấp rưỡi và cứ như thế mà tiếp tục. Người An Nam cứ chịu để cho người ta róc thịt mãi, thì các quan lớn bảo hộ nhà ta quen ăn bén mùi lại càng tiếp tục bóc lột thêm.

Năm 1895, viên công sứ một tỉnh ở Bắc Kỳ đã tước mất của một làng nọ nhiều hécta ruộng đất để cấp cho một làng khác theo đạo Thiên chúa. Những người mất ruộng khiếu nại. Người ta bắt họ bỏ tù. Các bạn đừng tưởng chế độ cai trị vô liêm sỉ ấy chỉ dừng lại ở đó thôi. Người ta còn bắt những kẻ xấu số bị mất ruộng phải tiếp tục nộp cho đến năm 1910, tiền thuế của những ruộng đất đã bị tước đoạt từ năm 1895!

Thêm vào nạn ăn cướp của chính quyền, là nạn ăn cướp của bọn chủ đồn điền. Người ta cấp cho những người Âu chỉ có cái bụng phệ và màu da trắng những đồn điền có khi rộng trên 20.000 hécta.

Phần lớn những đồn điền này đều được lập ra bằng lối cướp giật được hợp pháp hoá. Trong thời kỳ chiến tranh xâm lược, dân cày An Nam - cũng như người Andátxơ năm 1870, - đã bỏ ruộng đất của mình lánh sang những vùng còn tự do. Khi trở về thì ruộng vườn của họ đã "thành đồn điền" mất rồi. Hàng bao nhiêu làng đã bị tước đoạt theo kiểu đó, và người bản xứ lâm vào cảnh phải lao động cho bọn chúa đất tân thời, bọn này chiếm đoạt có khi đến 90% thu hoạch.

Lấy cớ khuyến khích khai thác thuộc địa, người ta miễn thuế điền thổ cho số lớn chủ đồn điền kếch sù.

Sau khi đã được cấp không ruộng đất, bọn chủ đồn điền còn được cấp không hoặc gần như không, cả nhân công nữa. Nhà nước cung cấp cho chúng một số tù khổ sai làm không công, hoặc dùng uy quyền để mộ nhân công cho chúng với một đồng lương chết đói. Nếu dân phu đến không đủ số hoặc tỏ ra bất mãn, thì người ta dùng vũ lực; bọn chủ đồn điền tóm cổ hào lý, đánh đập, tra tấn họ cho đến khi họ chịu ký giao kèo hẹn nộp đủ số nhân công mà chúng đòi hỏi.

Bên cạnh uy lực phần đời ấy, còn có những đấng cứu thế phần hồn nữa. Các đấng này, trong khi thuyết giáo "đức nghèo" cho người An Nam, cũng không quên làm giàu trên mồ hôi và máu của họ. Chỉ riêng ở Nam Kỳ, hội thánh truyền đạo cũng đã độc chiếm đến l/5 ruộng đất trong vùng. Kinh thánh tuy không dạy, song thủ đoạn chiếm đất rất giản đơn: cho vay nặng lãi và hối lộ. Nhà chung lợi dụng lúc mất mùa để cho nông dân vay và buộc phải có ruộng đất để làm bảo đảm. Vì lãi suất tính cắt cổ, nên người An Nam không thể trả nợ đúng hạn; thế là ruộng đất cầm cố vĩnh viễn rơi vào tay nhà chung (hội thánh).

Các viên toàn quyền lớn, toàn quyền bé được nước mẹ ký thác vận mệnh xứ Đông Dương, nói chung đều là bọn ngu xuẩn, bọn đểu cáng. Nhà chung chỉ cần nắm được một vài giấy tờ bí mật, thuộc đời tư, có tính chất nguy hại đối với thanh danh, địa vị của chúng, là có thể làm cho chúng hoảng sợ và phải thoả mãn mọi yêu cầu của nhà chung. Chính vì thế mà một viên toàn quyền đã nhường cho nhà chung 7.000 hécta đất bãi bồi của người bản xứ, khiến họ phải đi ăn xin.

Phác qua như thế, cũng đủ thấy dưới chiêu bài dân chủ, đế quốc Pháp đã cắm vào đất An Nam chế độ đáng nguyền rủa của thời trung cổ; người nông dân An Nam bị hành hình vừa bằng lưỡi lê của nền văn minh tư bản chủ nghĩa, vừa bằng cây thánh giá của giáo hội sa đoạ làm ô danh Chúa.

*
* *

Angiêri đau khổ vì nạn đói. Tuynidi cũng bị tàn phá vì nạn đói.

Để giải quyết tình trạng ấy, chính phủ bắt giam một số đông người đói. Để cho bọn "người đói" đừng coi nhà tù là nơi cứu tế, người ta không cho họ ăn gì hết. Cho nên nhiều người đã chết đói trong lúc bị giam cầm. Trong những hang động En Ghiria, nhiều người đói lả phải gặm xác một con lừa chết thối lâu ngày.

Ở Bêgia, người [1] giành giật xác thú vật với quạ. Ở Xúc en Acba, ở Ghiđa, Uét Mơlidơ, mỗi ngày hàng chục người chết đói.

Đi đôi với nạn đói, nạn dịch tễ phát sinh ở nhiều nơi và có nguy cơ lan rộng.

*
* *

Để che đậy sự xấu xa của chế độ bóc lột đầy tội ác, chủ nghĩa tư bản thực dân luôn luôn trang điểm cho cái huy chương mục nát của nó bằng những châm ngôn lý tưởng: Bác ái, Bình đẳng, v.v..

Cùng làm một việc trong cùng một xưởng, người thợ da trắng được trả lương cao hơn nhiều so với bạn đồng nghiệp khác màu da.

Trong các công sở, những người bản xứ dù đã làm việc lâu năm và dù rất thành thạo công việc, cũng chỉ được lĩnh một khoản tiền lương chết đói; trái lại một người da trắng mới được đưa vào, làm việc ít hơn, thì lại lĩnh lương cao hơn.

Có những thanh niên bản xứ đã học các trường đại học của chính quốc, đỗ bác sĩ y khoa hay tiến sĩ luật khoa thế mà vẫn không được làm nghề nghiệp của mình trong nước mình, nếu không vào quốc tịch Pháp. Mà ai cũng đã biết, một người bản xứ muốn được nhập quốc tịch Pháp như vậy thì phải vượt qua bao nhiêu khó khăn và tốn bao nhiêu công chạy vạy nhục nhã.

Còn những người bản xứ bắt buộc phải lìa bỏ ruộng nương, gia đình đi "lính tình nguyện" thì đều sớm được nếm hương vị tuyệt vời của món "bình đẳng".

Cùng một cấp bậc, nhưng người da trắng hầu như bao giờ cũng

---

1) *Khammès.* Danh từ người Bắc Phi thường dùng để gọi những người lính canh ruộng chỉ được hưởng một phần năm hoa lợi trong các vụ thu hoạch (tiếng Arập là ***Khams,*** có nghĩa là một phần năm).

được coi là cấp trên của người bản xứ. Cái chế độ đẳng cấp có tính chất "nhân chủng - quân sự" ấy lại càng rõ rệt hơn khi những quân nhân da trắng và quân nhân khác màu da cùng đi trên một chuyến xe lửa hoặc tầu thuỷ.

*
* *

Một người bản xứ làm thế nào để có thể nhập quốc tịch Pháp? Đạo luật ngày 25 tháng 3 năm 1915 về việc dân thuộc địa Pháp nhập quốc tịch Pháp quy định:

Điều 1. - Những người dân thuộc địa Pháp hoặc dân được Pháp bảo hộ, trên 21 tuổi, không phải là quê hương ở Angiêri, Tuynidi hoặc Marốc, đã cư trú ở Pháp, Angiêri hoặc trên đất bảo hộ của Pháp và có được một trong những điều kiện sau đây thì có thể được thừa nhận cho hưởng quyền lợi công dân Pháp:

1. Đã được thưởng Bắc đẩu bội tinh hoặc đã tốt nghiệp một trong những trường đại học hay là chuyên nghiệp mà danh sách sẽ do sắc lệnh ấn định.

2. Đã có công lớn trong việc khai thác thuộc địa hoặc phục vụ quyền lợi của nước Pháp.

3. Đã phục vụ trong quân đội Pháp và được giữ chức sĩ quan hay hạ sĩ quan, hoặc được thưởng huân chương quân công.

4. Đã lấy vợ Pháp và có chỗ ở tương đối ổn định trên đất Pháp được một năm.

5. Đã cư trú hơn mười năm tại các xứ kể trên, và biết tiếng Pháp đến một trình độ khá.

Tuy đạo luật còn có thiếu sót, song cứ trung thực thi hành thì cũng còn khá; nhưng không, các ngài viên chức có kể gì luật pháp và, như những tên ngu xuẩn tò mò ưa xoi mói, chúng buộc những người xin nhập quốc tịch Pháp phải trả lời trên giấy các câu hỏi sau đây:

A- Vợ con có nói tiếng Pháp không ?

B- Họ có mặc Âu phục không ?

C- Nhà có đồ đạc như giường, nệm, bàn, tủ, v.v. không ?

D- Và ghế dựa nữa ?

E- Ăn trên bàn hay trên chiếu ?

P- Ăn gì ?

G- Ăn cơm hay bánh mì ?

H- Anh có tài sản không ?

I- Vợ có tài sản không ?

J- Thu hoạch đồng niên của anh bao nhiêu ?

K- Anh theo tôn giáo gì ?

L- Anh vào những hội nào ?

M- Trong các hội ấy, anh giữ chức vụ gì ?

N- Chế độ bản xứ tốt và nhân từ, thế vì có gì anh lại xin nhập quốc tịch Pháp ? Có phải để làm viên chức không ? Hay để có địa vị cao? Hay để đi tìm mỏ vàng, mỏ ngọc?

O- Bạn bè thân thiết nhất là những ai?

Chỉ còn thiếu điều mà các ngài ấy chưa hỏi: Vợ anh có cắm S... lên đầu anh không!

CHƯƠNG VIII

CÔNG LÝ

Có phải vì quá thừa tình nhân đạo, như ông Xarô đã nhiều lần tuyên bố, mà người ta bắt các phạm nhân ở nhà lao Nha Trang (Trung Kỳ) phải ăn khan, nghĩa là ăn cơm mà không được uống nước, không ? Có phải người ta đã quệt tanhtuya điốt lên mũi phạm nhân để dễ nhận ra họ khi họ vượt ngục không?

*
* *

Báo *L'Indépendant* ở Mađagátxca số ra ngày 13 tháng 7 năm 1921 có đăng một bài tường thuật về cách phòng bệnh "dịch hạch", chúng tôi xin trích đoạn sau đây:

"Vô số nhà bị đốt, trong đó, có cái nhà khá đẹp của Racôtômanga ở phố Galiêni cùng bị đốt hôm thứ hai vừa qua. Nhưng nhà của ông Đêrô thì lại thoát khỏi số phận chung ấy, tính ra cái nhà ấy, với tất cả đồ đạc đắt tiền quá (50.000 phrăng), vì thế nhà chức trách quyết định không đốt mà chỉ tẩy uế và cấm ở một thời gian khá dài, có lẽ là sáu tháng".

Chúng tôi xin nói thêm rằng, ông Đêrô là công dân Pháp, còn Racôtômanga chỉ là dân lệ thuộc vì là người bản xứ. Nhân đây xin nhắc để bạn đọc nhớ lại rằng, đạo luật năm 1841 được biểu quyết là để áp dụng cho tất cả nông dân Pháp.

*
* *

Cũng ở Mađagátxca, sáu người bản xứ bị bắt trong đồn điền của một thực dân người Pháp về tội trốn thuế. Trước toà, các bị can khai rằng, ông chủ đồn điền Đơla Rôsơ đã cam kết với họ: 1. sẽ đóng thuế cho họ; 2. sẽ xin miễn sai dịch cho họ; 3. trả tiền công cho họ cứ ba mươi ngày công là l0 quan. Cần chú ý là nhà thực dân kia chỉ thuê họ mỗi tuần làm có một ngày thôi. Muốn đủ sống họ phải đi làm thuê cho người Mangát ở gần đồn điền. Mặt khác, ông Đơla Rôsơ chẳng những không đóng thuế cho họ như đã hứa, mà hình như còn lờ luôn số tiền họ đã gửi ông để đóng thuế nữa.

Quý hoá làm sao, lần này chính phủ đã mở một cuộc điều tra. Nhưng rồi các bạn xem...

Khi được biết vụ này, nghiệp đoàn nông nghiệp Mahanôrô, mà chắc hẳn ông Đơla Rôsơ là đoàn viên, liền điện cho quan toàn quyền phản kháng việc cảnh binh đã đến xét hỏi không đúng lúc tại đồn điền ông Đơla Rôsơ và yêu cầu trừng trị viên trưởng đồn về tội cả gan phát hiện sự nhũng lạm của một người Pháp đối với người bản xứ.

Vì không muốn "mua việc" vào mình, quan toàn quyền đã cho xếp ngay vụ rắc rối ấy lại.

*
* *

Toà án binh Linlơ vừa kết án 20 năm khổ sai tên Phôn Seven, sĩ quan Đức, về tội dùng roi da đánh đập những người bản xứ ở Rôngcơ[1] trong thời gian quân Đức chiếm đóng.

Thế thì tại sao ở Đông Dương, ông người Pháp nọ bắn vỡ sọ một người Trung Kỳ bằng súng lục; ông viên chức Pháp kia nhốt một người Bắc Kỳ vào cũi chó sau khi đánh đập tàn nhẫn anh ta; ông thầu khoán Pháp này trói tay một người Nam Kỳ cho chó cắn, rồi đem giết đi; ông thợ máy Pháp kia "hạ sát" một người An Nam bằng súng săn; ông nhân viên hàng hải Pháp khác xô người gác cầu bản xứ vào đống than hồng cho chết, v.v. và v.v. lại không bị trừng trị?

Tại sao mấy ông thanh niên Pháp ở Angiê đấm đá một em bé

---

1) *Roncp*. Tên một làng miền Bắc nước Pháp.

người bản xứ 13 tuổi, rồi xóc em lên đầu một trong những ngọn giáo ở giữa hàng giáo cắm quanh "cây chiến thắng", chỉ bị phạt có 8 ngày tù án treo?

Và tại sao tên hạ sĩ quan đã đánh anh Nahông cũng như tên sĩ quan đã giết chết anh, không bị trừng phạt gì cả ?

Phải rồi, An Nam và Angiêri đều là những xứ bị chiếm - cũng như Rôngcơ đã có lúc bị chiếm, - nhưng vì những người Pháp ở các thuộc địa ấy không phải là lũ "bôsơ", cho nên cũng cùng một hành động, nếu là của lũ "bôsơ" thì là tội ác, nhưng nếu là của người Pháp thì lại là văn minh! Mà Annamít và Angiêriêng đâu phải là người! Đó là bọn "nhà quê" bẩn thỉu, bầy "bicốt"[1)] bẩn thỉu. Cần quái gì phải có công lý đối với những giống ấy.

Cái ông Vinhê Đốctông châm biếm kia quả là không lầm khi ông viết: "Pháp luật, công lý đối với người bản xứ ư ? Thôi đi! Chỉ có ba toong, súng ngắn, súng dài, đấy mới là thứ xứng đáng với lũ rồi bọ ấy!".

*
* *

Trong cái kho đầy ắp những hình phạt để giáng vào đầu người bản xứ, có những khoản phạt tiền từ 200 đến 3.000 đồng.

Không phải ông Đume không biết rằng người An Nam không bao giờ đóng nổi những khoản tiền to đến thế. Nhưng ông ta cứ muốn xoay tiền bằng bất cứ giá nào; nên con người khôn ngoan ấy đã dự kiến rằng *có thể bắt làng xã phải chịu trách nhiệm.* (Điều 4).

Bạn sẽ bảo, muốn kết án cả một làng thì phải xác định làng ấy là đồng loã chứ.

Không, với điều 4, việc ấy không cần thiết. Làng nào không biết ngăn ngừa một tội phạm, thì phải chịu trách nhiệm về tội phạm ấy.

Cái điều 4 này quả là một mánh khoé ác nghiệt, bởi vì chỉ cần những tay chân của bọn chủ bao thầu thuế - những tay chân đó được thuê tiền để phát giác càng nhiều vụ vi phạm càng hay - khai

1) *Bicot.* Nghĩa đen là con dê con, nghĩa bóng dùng để gọi một cách khinh bỉ những người Arập nói chung.

rằng làng sở tại chẳng hề làm gì để ngăn chặn vụ vi phạm, là đủ.

Tiết 3 quy định cách thức kiểm chứng những vụ vi phạm mà bọn tay sai của chủ bao thầu thuế có quyền làm.

Ở đây có một trở ngại. Thường thường bọn tay chân ấy đều dốt nát, làm biên bản không hợp thức. Người ta khắc phục trở ngại ấy bằng cách uỷ cho viên chức nhà đoan ở tỉnh lỵ hoặc phủ lỵ, huyện lỵ làm biên bản theo báo cáo của bọn tay chân của chủ bao thầu.

*
* *

Đông Dương là cô gái cưng, rất xứng đáng với nước mẹ Pháp. Mẹ có gì, con có nấy: Đông Dương có chính phủ của nó, những bảo đảm của nó, công lý của nó và cũng có âm mưu phiến loạn nho nhỏ của nó nữa. Dưới đây chúng tôi chỉ nhắc lại hai vấn đề sau thôi.

Công lý được tượng trưng bằng một người đàn bà dịu hiền, một tay cầm cân, một tay cầm kiếm. Vì đường từ Pháp đến Đông Dương xa quá, xa đến nỗi sang được tới đó thì cán cân đã mất thăng bằng, đĩa cân đã chảy lỏng ra và biến thành những tẩu thuốc phiện hoặc những chai rượu ty, nên người đàn bà tội nghiệp chỉ còn lại độc cái kiếm để chém giết. Bà chém giết đến cả người vô tội, và nhất là người vô tội.

Còn âm mưu phiến loạn thì lại là một chuyện khác.

Chúng tôi sẽ không nhắc lại những vụ phiến loạn nổi tiếng năm 1908 hoặc năm 1916[16], những vụ mà nhờ đó rất nhiều người dân được nước Pháp bảo hộ đã có thể nếm mùi công ơn khai hoá trên máy chém, trong nhà tù hoặc ở nơi đầy ải. Những vụ phiến loạn ấy đã cũ rồi, chỉ còn để lại dấu vết trong trí nhớ của người bản xứ nữa thôi.

Chúng tôi chỉ nói đến vụ vừa xảy ra gần đây nhất. Vì ở chính quốc có vụ phiến loạn bônsêvích chấn động dư luận, nên các ngài thực dân ở Đông Dương - y như con nhái trong truyện ngụ ngôn[1)] -

1) Truyện ngụ ngôn của La Fontaine, kể rằng: có một con ếch thấy một con bò to hơn mình, liền cố phình bụng ra cho bằng con bò, cuối cùng vỡ bụng chết.

cũng muốn có một vụ phiến loạn, bèn cố phình bụng lên và cuối cùng cũng đẻ ra được một vụ.

Chúng đã làm như thế này.

Một quan lớn Tây (quan công sứ Đại Pháp kia đấy ạ!), một quan huyện và một ông lý trưởng đã đảm nhiệm việc chế tạo ra vụ đó.

Bộ ba quan lại này phao tin là có một bọn phiến loạn chôn giấu hai trăm rưỡi quả bom âm mưu làm nổ tung cả xứ Bắc Kỳ.

Nhưng ngày 16 tháng 2, toà đại hình Hà Nội công nhận rằng chẳng những không có bằng chứng nào để kết luận có một tổ chức cách mạng có vũ khí phá hoại, mà cả cái vụ mưu phản kia chẳng qua cũng chỉ là một thủ đoạn khiêu khích do một số nhân viên chính phủ muốn được thăng thưởng tạo ra mà thôi.

Chắc các bạn tưởng rằng sau khi toà đã phán quyết như thế rồi thì những người An Nam bị giam giữ sẽ được thả ra. Không đâu! Bằng bất cứ giá nào, nhất thiết phải giữ uy tín cho kẻ đi chinh phục! Muốn thế, lẽ ra chỉ gắn huân chương cho bọn đã khéo phịa ra vụ án là đủ rồi; đằng này người ta lại còn phạt tù 12 người An Nam từ 2 đến 5 năm, mà phần lớn là nhà nho. Và trên cửa nhà lao giam giữ họ, nổi lên mấy chữ: Tự do, Bình đẳng, Bác ái - dĩ nhiên là bằng tiếng Pháp hẳn hoi.

Thế rồi những tờ báo gọi là thân người bản xứ vội vã ca tụng tính công bằng, không thiên vị của cái trò hề công lý ấy!

Nhưng hãy đọc tờ *La Dépêche Coloniale,* tờ báo giữ giải vô địch về chủ nghĩa bài An Nam:

"Toà án Pháp vừa tuyên án xong. Một nửa can phạm được tha bổng, còn một nửa được kết án *nhẹ.* Những người bị án là những nhà nho can tội làm thơ cảm hứng lăng nhăng để *ca tụng ân huệ của tự do".*

Các bạn thấy không, đối với người An Nam, ca tụng tự do là một tội nặng, chỉ vì thế thôi, người ta cũng phết cho họ 5 năm tù!

Tờ báo viết tiếp: "Chúng ta phải nhiệt liệt hoan nghênh bản phán quyết *hết sức công bằng ấy* của các quan toà và các vị bồi thẩm của chúng ta, v.v.".

Và cũng lại tờ *La Dépêche Coloniale* ấy đã *vui mừng* ghi nhận bản phán quyết rất mực vô tư của toà án Pháp về vụ mưu loạn nổi tiếng ở Vĩnh Yên. Tờ báo ấy viết: *"những người An Nam ở Pari,* cũng như đồng bào của họ ở bên quê nhà xa xôi, đều tỏ lòng tin tưởng ở các quan toà của chúng ta và tuyên bố rằng toà án đã xử đúng, vụ án kết thúc như thế làm cho họ *hoàn toàn thoả mãn".* Không đâu! ông Puvuốcvin ạ, ông bịp đời vừa chứ!

*
* *

Tờ *Le Journal France-Indochine* có đăng việc sau đây: Cách đây mấy hôm, hãng Xôvagiơ báo với sở mật thám là xưởng họ bị mất trộm một số sắt khá nhiều, độ một tấn. Nhận được đơn khiếu nại, sở mật thám lập tức mở cuộc điều tra để tìm cho ra bọn trộm và chúng tôi vui mừng được tin rằng một viên thanh tra mật thám người Âu cùng với mấy nhân viên người An Nam giúp sức đã tóm được bọn trộm và cả tên đồng loã của chúng nữa.

"Ông S..., quản lý hãng Xôvagiơ, cùng với những tên Trần Văn Lộc, thợ máy học việc và Trần Văn Xa đã bị bắt và đưa ra toà về tội ăn trộm và đồng loã...".

Các bạn có để ý thấy bạn đồng nghiệp của chúng tôi hết sức tế nhị không nào ? Khi nói về ông ăn trộm người Pháp, quản lý hãng Xôvagiơ, thì người ta không nói tên, mà thay vào bằng mấy dấu chấm. Chả là dù sao thì trước hết cũng phải bảo vệ uy tín của chủng tộc thượng đẳng. Nhưng khi nói đến bọn kẻ trộm thông thường người An Nam thì lại kê cả tên lẫn họ, và không gọi là ông mà gọi là những "tên".

*
* *

Ngày l0 tháng l0 năm 1922, chính phủ vừa ra sắc lệnh quyết định một cuộc thuyên chuyển quan trọng trong ngạch quan toà thuộc địa. Trên danh sách, đáng chú ý có tên hai ông Luyxơ và Oabrăng.

Cần nhắc lại sơ lược lai lịch của hai vị quan toà này.

Ông Luycaxơ lúc làm phó chưởng lý ở Tây Phi thuộc Pháp, đã từng dính dáng vào các vụ làm xôn xao dư luận xứ Tôgô. Trong một bản thông báo cho báo chí, ông Bộ trưởng Bộ Thuộc địa đã bắt buộc phải thừa nhận rằng, "cuộc điều tra cũng đã phát giác ra là sự tham gia của ông Luycaxơ vào các vụ phạm pháp có thể làm cho ông ta phải gánh phần TRÁCH NHIỆM NẶNG NỀ NHẤT".

Chắc là để thưởng cho phần trách nhiệm nặng nề ấy mà ngày nay người ta cất nhắc ông lên chức chánh án toà thượng thẩm xứ Phi châu xích đạo thuộc Pháp.

Còn về Oabrăng thì câu chuyện của hắn đơn giản hơn và ít người biết đến. Năm 1920, một người Pháp tên là Đuyếchgri, nhân viên hãng buôn Pêrítxác ở Căngcăng (Ghinê), đi săn. Hắn bắn một con chim rơi xuống sông. Lúc ấy có một em bé người bản xứ đi ngang qua. Đuyếchgri tóm cổ em bé ném xuống sông, bắt phải tìm vớt con chim. Nước sâu, sóng lớn, lại không biết bơi, em chết đuối. Cha mẹ em đi kiện. Đuyếchgri được lệnh viên quan tư chỉ huy quận đòi đến, và nhận bồi thường cho gia đình đau xót kia một trăm phrăng.

Cha mẹ em bé không nhận cách dàn xếp bỉ ổi như vậy. Viên quan tư nổi giận, đứng về phía người đồng bào của ông, tức là tên sát nhân, doạ bỏ tù cha mẹ em bé nếu tiếp tục kháng cáo, rồi ông ta "xếp" vụ án lại.

Nhưng, một bức thư nặc danh đã phát giác việc này với ông chưởng lý ở Đaca. Ông chưởng lý liền phái ông biện lý Oabrăng đi điều tra. Ông Oabrăng đến Căngcăng, ngủ lại nhà viên xếp ga, rồi ngày hôm sau đến nhà ông Cudanh đờ Lavalie là phó của viên quan tư quận, ở lại cả ngày. Rồi sáng hôm sau, chưa hề bắt tay vào công việc điều tra gì cả, ông đã lên đường trở về. Tuy thế ông Oabrăng vẫn cứ kết luận rằng lá thư nặc danh kia là vu khống. Hội Liên hiệp thuộc địa đã báo vụ này với Hội nhân quyền (ngày 22 tháng 12 năm 1921). Nhưng có lẽ Hội nhân quyền cho sự việc không lấy gì làm giật gân lắm nên chẳng thèm quan tâm đến.

Từ khi đi chơi Căngcăng về, ông Oabrăng vẫn ngồi yên ở địa vị cũ để thỉnh thoảng nhận gà và những túi khoai tây do ông bạn

Cudanh đờ Lavalie gửi đến biếu, và chờ được thăng quan. Các bạn thấy chưa, ông Oabrăng quả thật xứng đáng với... phần thưởng công minh mà chính phủ vừa tặng ông bằng cách bổ nhiệm làm biện lý Đaca(?).

Nền văn minh thượng đẳng mà được giao phó vào tay những bọn Đáclơ, bọn Bôđoăng, bọn Oabrang và bọn Luycaxơ thì thật là tuyệt, và số phận dân bản xứ cũng tuyệt!

*
* *

Toà tiểu hình vừa xử phạt Phécnăng Etxơlanh và mụ goá Gierơ, mỗi người 13 tháng tù; Gióocgiơ Coócđiê l0 tháng, về tội tàng trữ, chuyên chở và bán một kilôgam thuốc phiện.

Tốt lắm! Tính sơ qua cũng thấy một kilôgam thuốc phiện đáng ba mươi sáu tháng tù!

Giá mà mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, như người ta thường nói, thì tuổi thọ của ông Xarô, toàn quyền Đông Dương, phải dài ghê lắm mới đủ để cho ông ngồi hết hạn tù. Vì rằng *mỗi năm* ông sẽ bị phạt ít ra là *một triệu ba mươi lăm vạn* (1.350.000) tháng tù về tội mỗi năm bán cho người An Nam trên *mười lăm vạn* kilôgam thuốc phiện.

*
* *

Bất lực trong việc trừ khử ông Đề Thám trứ danh, vì mọi âm mưu bắn giết ông, thủ tiêu ông bằng thuốc độc hoặc bằng mìn, đều thất bại, người ta bèn đào mả cha mẹ ông lên, đem hài cốt đổ xuống sông.

Sau những vụ biểu tình ở miền Nam Trung Kỳ, nhiều văn thân bị xử tử hoặc bị đầy biệt xứ. Trong số ấy có ông tiến sĩ Trần Quý Cáp, một nhà nho thanh cao ai cũng kính phục. Ông bị bắt trong lúc đang giữ chức giáo thụ và chỉ hai mươi bốn tiếng đồng hồ sau, là bị đem chém, không được xét hỏi gì cả. Chính phủ cũng không chịu giao trả thi hài ông cho gia đình ông.

Ở Hải Dương, một vụ nổi dậy chưa làm chết một ai, thế mà người ta đã làm rụng hết sáu mươi tư cái đầu, không cần xét xử gì cả.

Khi hành hình những người lính khố đỏ ở Hà Nội, chính phủ đã cho áp giải cha, mẹ, vợ con họ đến pháp trường để bắt họ phải mục kích cảnh tàn sát long trọng những người thân yêu của mình. Để gây một ấn tượng khủng khiếp lâu dài, và để "dạy cho dân chúng một bài học", người ta làm lại cái việc đã làm ở nước Anh hồi thế kỷ thứ XVIII, tức là xóc đầu lâu những người Giacô[1] bại trận lên mũi giáo đem bêu ở các đường phố khu Xiti và dọc theo cầu Luân Đôn. Hàng tuần lễ, dọc các đường lớn ở Hà Nội, người ta nhìn thấy nhiều đầu lâu của những nạn nhân bị người Pháp hạ sát, đang cau mày, nhăn mặt trên những chiếc cọc tre.

Năm 1908, nhân dân miền Trung không chịu nổi sưu cao thuế nặng và bao nhiêu sự hà lạm áp bức, đã phải biểu tình. Các cuộc biểu tình ấy mặc dù diễn ra hết sức ôn hoà, nhưng đều bị đàn áp thẳng tay. Hàng trăm đầu rơi, vô số người bị đi đầy.

Người ta làm đủ mọi cách để vũ trang cho người An Nam chống lại đồng bào họ và gây nên những vụ phản bội.

Người ta tuyên bố các làng phải chịu trách nhiệm về những vụ hỗn loạn xảy ra trên địa phận mình. Làng nào cho một người yêu nước trú ngụ thì bị kết án. Để khai thác tin tức, người ta dùng một phương pháp đơn giản - bao giờ cũng vậy - là tra khảo lý hào, ai không nói thì bị xử tử tức khắc. Cứ như thế, TRONG VÒNG HAI TUẦN LỄ, MỘT VIÊN GIÁM BINH ĐÃ XỬ TỬ BẢY MƯƠI LĂM LÝ HÀO!

Không bao giờ người ta nghĩ đến chuyện phân biệt những người yêu nước đang chiến đấu tuyệt vọng với bọn côn đồ ở các thành thị.

Muốn dập tắt sự kháng cự, người ta không thấy có cách nào khác hơn là phó thác việc "bình định" cho lũ phản bội bán nước. Và người ta duy trì ở vùng đồng bằng Bắc Kỳ, ở Bình Thuận, ở Nghệ Tĩnh những đội quân càn quét hung hãn mà hình ảnh ghê tởm sẽ không bao giờ phai mờ trong trí nhớ.

---

1) *Jacobites*. Tên gọi những đồ đảng của Vua Anh Giáccơ II bị dòng Orănggiơ đánh bại sau cuộc chiến tranh năm 1688.

CHƯƠNG IX

CHÍNH SÁCH NGU DÂN

Để có thể đánh lừa dư luận bên Pháp và bóc lột dân bản xứ một cách êm thấm, bọn cá mập của nền văn minh không những đầu độc nhân dân An Nam bằng rượu và thuốc phiện, mà còn thi hành một chính sách ngu dân triệt để.

Cho nên, theo sắc lệnh năm 1898, báo chí bản xứ phải chịu kiểm duyệt trước khi in.

Sắc lệnh đó viết: "Việc lưu hành báo chí bất cứ bằng thứ tiếng gì, đều có thể bị cấm do nghị định của quan toàn quyền.

"Báo tiếng Việt không được xuất bản, nếu không được phép của quan toàn quyền. Giấy phép chỉ cấp với điều kiện là các bài báo phải được quan thống đốc duyệt trước. Giấy phép ấy có thể rút lúc nào cũng được.

"Mọi cuộc trưng bày hoặc phổ biến những bài hát, biếm hoạ hoặc tranh ảnh làm thương tổn đến sự tôn kính đối với các nhà cầm quyền đều bị trừng trị".

Đấy, bạn thấy bà kiểm duyệt ở thuộc địa cầm kéo khéo đến mức nào!

Với biện pháp đó, chính quyền Đông Dương có thể ỉm được tất cả mọi vụ nhơ nhớp và tha hồ mà lạm quyền.

Trong một cuộc bầu cử hội đồng thành phố Sài Gòn, viên thống đốc cấm ba ông chủ nhiệm báo tiếng Việt không được đăng lên báo của họ bản sắc lệnh quy định thể lệ bầu cử hội đồng thành phố ở

Nam Kỳ. Họ là ứng cử viên, thế mà báo của họ bị cấm tuyệt không được đăng một cái gì dính dáng, dù xa hay gần, đến chương trình của họ! Vì người An Nam không có quyền hội họp quá số 20 người, nên ứng cử viên phải gặp 3.000 cử tri lần lượt từng người một. Cũng trong lúc ấy, ông thống đốc còn thông tri cho các tờ báo tiếng Việt khác biết là sở kiểm duyệt sẽ thẳng tay cắt những bài báo, cột báo, đầu đề hoặc bất cứ một lời bóng gió nào nói đến các cuộc bầu cử thuộc địa hoặc thành phố. Một tờ báo tiếng Việt dịch đăng đạo luật nói về việc trừng trị những hành động hối lộ trong bầu cử, bài ấy đã bị cắt. Trong lúc đó thì quan thống đốc trắng trợn cho đòi những người đứng đầu các tập đoàn cử tri đến văn phòng và truyền cho họ phải bỏ phiếu và cổ động bỏ phiếu cho danh sách được ngài có cảm tình nhất.

Bàn tay bỉ ổi của kiểm duyệt không dừng lại ở các xuất bản phẩm tiếng Việt mà còn rờ mó cả vào thư từ riêng và các tờ báo tiếng Pháp không chịu ca tụng đức độ của các "Cụ lớn" thuộc địa: Sở bưu điện và sở mật thám Nam Kỳ (giám đốc sở này là con rể ông Anbe Xarô) đã nhận được lệnh không để lọt - bất cứ với lý do gì - những thư từ, bài vở, v.v. gửi cho báo *Le Paria* xuất bản ở Pari hoặc của tờ báo ấy gửi về.

Một người Mangát nguyên là lính tình nguyện tham gia đại chiến trong quân đội Pháp và có vợ người Pháp, đã bị trục xuất khỏi tổ quốc anh, và bị kết án 5 năm đầy biệt xứ, chỉ vì đã viết bài cho báo *Le Paria* và vài tờ báo khác ở Pháp, để tố cáo những sự nhũng lạm của bọn quan cai trị Pháp ở xứ sở anh.

*

* *

Nhân dân Đông Dương khẩn khoản đòi mở trường học vì trường học thiếu một cách nghiêm trọng. Mỗi năm, vào kỳ khai giảng, nhiều phụ huynh phải đi gõ cửa, chạy chọt mọi nơi thần thế, có khi chịu trả gấp đôi tiền nội trú, nhưng vẫn không tìm được chỗ cho con học. Và hàng ngàn trẻ em đành chịu ngu dốt vì nạn thiếu trường.

Tôi còn nhớ một người anh em họ tôi muốn được vào một trong

những "thiên đàng trường học" kia, đã phải chạy chọt đủ kiểu, gửi hết đơn này đến đơn khác cho quan khâm sứ, cho quan công sứ, cho quan đốc trường quốc học và quan đốc trường tiểu học. Tất nhiên, chẳng ai thèm trả lời anh. Một hôm, anh đánh bạo mang đơn đến xin quan đốc, một người Pháp, phụ trách cái trường mà tôi đã được đặc ân vào học trước đó ít lâu.

"Quan đốc" thấy anh cả gan như thế, nổi khùng quát tháo: "Ai cho phép mày đến đây?" rồi xé vụn lá đơn trước những cặp mắt ngơ ngác của cả lớp học.

Người ta bảo ngân sách không cho phép chính phủ mở trường mới. Không hẳn thế đâu. Trong số 12 triệu đồng của ngân sách Nam Kỳ, thì l0 triệu đã tìm đường chui sâu vào túi các ngài viên chức rồi.

Ngoài ra, chính phủ thuộc địa lại tìm đủ mọi cách để ngăn cản không cho thanh niên An Nam sang du học bên Pháp, vì sợ nhiễm phải chủ nghĩa cộng sản. Điều 500 (bis) trong nghị định ngày 20 tháng 6 năm 1921 về học chính ở Đông Dương quy định:

"Người bản xứ nào, vô luận là dân thuộc địa Pháp hoặc dân do Pháp bảo hộ muốn sang chính quốc du học đều *phải được quan toàn quyền cho phép.* Quan toàn quyền sẽ quyết định, sau khi hỏi ý kiến quan thủ hiến kỳ và quan giám đốc nha học chính.

"Trước khi lên đường, người đó phải đến nha học chính xin một quyển học bạ có dán ảnh và ghi rõ căn cước lý lịch của mình, địa chỉ cha mẹ, những trường đã học, những học bổng hoặc trợ cấp đã hưởng, những bằng cấp đã có, và địa chỉ của người bảo lãnh tại Pháp. Học bạ ấy phải được quan toàn quyền chứng thực.

"Hồ sơ của người bản xứ theo học bên Pháp phải lưu trữ tại nha học chính".

"*Làm cho dân ngu để dễ trị",* đó là chính sách mà các nhà cầm quyền ở các thuộc địa của chúng ta ưa dùng nhất.

*

* *

Báo *L' Humanité* đã thuật lại việc kiểm duyệt thư tín vẫn còn tiến hành nghiêm ngặt như thế nào ở Mađagátxca khi cuộc chiến

tranh vì công lý đã kết thúc bốn năm rồi.

Đông Dương cũng vậy, chẳng có gì đáng phân bì với Mađagátxca cả.

Chúng tôi đã nêu lên trường hợp tờ báo *Le Paria.*

Như là tình cờ xui nên, việc lạm quyền ấy xảy ra đúng lúc ông thống đốc gian lận Bôđoanh đến Sài Gòn, cùng với người phụ tá xuất sắc của ông là con rể ông Anbe Xarô đồng thời là trùm mật thám.

Mặt khác, nhà cầm quyền vẫn tiếp tục chặn lại và lục soát thư tín của tư nhân.

Trong khi người ta tàn sát người bản xứ, cướp đoạt tài sản của họ một cách ngang nhiên, không hề bị trừng trị, thì ngay đến cả cái quyền sơ đẳng là viết thư cho nhau họ cũng không được hưởng! Sự vi phạm quyền tự do cá nhân ấy lại ghi thêm một thành tích cho cái chế độ lạm quyền, cái chế độ mật thám bỉ ổi đương hoành hành ở các thuộc địa.

*

* *

Chính phủ Đông Dương tổ chức phá hoại tờ báo *Le Paria;* Chính phủ Tây Phi thuộc Pháp cấm nhập các báo của người da đen châu Mỹ; Chính phủ Tuynidi trục xuất chủ nhiệm tờ *L'Avenir social,* ông Liôtây đuổi chủ nhiệm tờ *La Guêpe Marocaine* ra khỏi Marốc. (Người ta chỉ cho nhà báo *một giờ* để thu xếp hành lý).

*

* *

Giữa lúc khai mạc hội chợ Hà Nội, và trong khi ông Bôđoanh, quyền toàn quyền Đông Dương, đang đi thăm các gian hàng, thì bọn cảnh binh xông vào một gian nọ tịch thu các tập tranh biếm hoạ do báo *L'Argus Indochinois* trưng bày, vì tờ báo này có những lối phê bình và châm biếm không hợp khẩu vị của những nhà đương quyền.

Ông Clêmăngti, chủ nhiệm tờ báo, đã bị bắt và tống giam.

CHƯƠNG X

CHỦ NGHĨA GIÁO HỘI

Trong thời kỳ bình định, các sứ giả của Chúa cũng hoạt động chẳng kém. Hệt như bọn gian phi rình lúc mọi người đang hoảng hốt để nhảy vào hôi của sau khi nhà cháy, các nhà truyền giáo chúng ta cũng thừa lúc đất nước rối loạn sau cuộc xâm lăng để... phục vụ Chúa. Kẻ thì tiết lộ những bí mật mà con chiên đã nói ra khi xưng tội và nộp những người An Nam yêu nước cho bọn chiến thắng đem lên máy chém hay giá treo cổ. Kẻ thì toả đi khắp nơi để vơ vét những tín đồ bị bắt buộc phải theo đạo. Có linh mục nọ "chân đi đất, quần xắn đến mông, lưng thắt bao đạn, vai khoác súng dài, hông đeo súng ngắn, dẫn đầu một đoàn con chiên vác giáo mác và súng kíp; đó là lối vũ trang phát triển tín đồ của một linh mục với sự yểm hộ của quân đội chúng ta do ông ta hướng dẫn, xông vào các làng bên lương mà ông đã báo trước với các nhà cầm quyền là làng phản nghịch".

Sau cuộc hành quân đánh chiếm Bắc Kinh, chỉ riêng một mình giám mục Phavie, sứ đồ của giáo hoàng, ngũ hạng bắc đẩu bội tinh, đã bỏ túi 600.000 phrăng của ăn cướp được. Một người thấy tận mắt kể lại: "Dưới sự chỉ huy của giám mục Phavie, một đoàn dài xe bò và xe ngựa có 300 đến 400 giáo dân cùng lính bộ và lính thuỷ Pháp hộ tống đã kéo đến trước phủ đệ của hoàng thân Lý. *Họ đóng vai những kẻ dọn nhà vì lợi ích của Chúa!...* Xong việc, lính tráng mỗi người nhận được một ngân phiếu 200 phrăng, do dòng tu thánh Vanhxăng đờ Pôn trả". Trong một bản báo cáo chính thức, chúng tôi đọc thấy lời buộc tội đanh thép này: "Việc cướp bóc tập

thể do giám mục Phaviê điều khiển là gương xấu làm cho kỷ luật ngấm ngầm bị đổ vỡ".

Tất nhiên không phải chỉ có một mình giám mục Phavie truyền giáo theo lối ấy. Đức cha còn có nhiều đối thủ nữa. Người ta kể: "Khi lệnh giới nghiêm vừa bãi bỏ, thì các giáo sĩ liền dẫn lính xông vào nhà các chủ ngân hàng quen thuộc mà họ biết có cất giấu vàng thoi. Họ mang theo học sinh chủng viện hoặc những người Hoa mới theo đạo, để những người này làm việc thiện bằng cách giúp họ cướp giật đồng bào của mình và kiếm tiền cho các cha cố từ thiện làm công việc Chúa".

Nếu kể hết ra đây tất cả những hành vi ác quỷ của bọn tông đồ xứng đáng của đạo từ thiện này thì sẽ quá dài. Nhân đây chỉ kể sơ một vài việc: Một cha xứ nọ đã nhốt một em bé bản xứ, đánh đập em, trói em vào cột; khi người chủ của em, một người Âu, đến xin em về, thì cha xô đẩy, đánh đấm, rút súng lục doạ bắn ông. Một cha xứ khác đã bán một em gái An Nam đi đạo cho một người Âu lấy 300 phrăng. Một cha khác đánh gần chết một học sinh chủng viện người bản xứ. Dân làng người bị nạn rất căm phẫn, trong khi chờ công lý của Chúa, đã làm đơn kiện tên súc sinh - xin lỗi, tôi muốn nói vị cha đáng kính -, thì công lý thế tục đã doạ những người đi kiện ngây thơ ấy rằng: "Dè chừng! các con ạ! chớ có kiếm chuyện, nếu không thì..." Đức cha M... chẳng đã tuyên bố rằng nền học vấn Pháp là nguy hiểm cho người An Nam đó sao? Còn đức cha P... thì chả đã nói rằng Chúa cho cây mây mọc cạnh m... ông người An Nam là Chúa đã có dụng tâm sáng suốt đó sao.

Nếu thiên đường có thật, thì sẽ quá chật không đủ chỗ để chứa chấp tất cả bọn tông đồ thuộc địa can đảm đó. Và nếu Chúa bất hạnh đã chịu đóng đanh trên cây thánh giá trở về cõi thế này, thì chắc Ngài sẽ vô cùng ngao ngán khi thấy "các môn đồ trung thành" của mình thực hiện đức khổ hạnh như thế nào: giáo hội Xiêm chiếm đoạt một phần ba diện tích ruộng đất canh tác trong xứ; giáo hội Nam Kỳ chiếm một phần năm; giáo hội Bắc Kỳ, chỉ riêng ở Hà Nội đã chiếm một phần tư đất đai, cộng thêm một cái vốn bé xíu 10

triệu phrăng. Không cần nói cũng biết là phần rất lớn tài sản ấy, giáo hội giành được bằng những thủ đoạn mà họ không thể và cũng không bao giờ thú nhận.

Đại tá B... viết: "Điều mà người thực dân phải dựa vào nhà nước để làm - thì người truyền giáo cứ làm, bất chấp nhà nước. Bên cạnh lãnh thổ của người chủ đồn điền, mọc lên lãnh thổ của nhà chung. Chẳng bao lâu nữa, sẽ không còn rẻo đất nào cho người An Nam có thể sinh cơ lập nghiệp nếu không cam chịu kiếp nông nô!".

Amen! Lạy Chúa tôi.

*

* *

Chúa đầy lòng nhân ái và toàn năng. Là đấng sáng thế tối cao, Người đã nặn ra một chủng tộc gọi là thượng đẳng để đặt lên lưng một chủng tộc gọi là hạ đẳng cũng do Người nặn ra. Bởi vậy, mọi đoàn đi khai hoá - dù đến Ăngtiơ, Mađagátxca, Tahiti hay là Đông Dương - cũng đều có móc theo một đoàn gọi là đoàn truyền giáo. Chẳng hạn, chúng ta biết rằng Chính phủ Pháp quyết định việc chinh phục Bắc Kỳ là do sự xúi giục của các ngài giáo phẩm thực dân được mụ vợ Napôlêông đệ tam đỡ đầu. Và các vị đó đã làm những gì ? Họ đã lợi dụng lòng hiếu khách của người An Nam để đánh cắp những bí mật quân sự, vẽ những bản đồ nộp cho quân đội viễn chinh. Chúng tôi không hiểu tiếng latinh gọi cái công việc ấy là gì, chứ tiếng Pháp thông dụng thì gọi đó là làm gián điệp.

Bọn Gácniê, bọn Rivie và bè lũ không am hiểu địa phương và không biết tiếng bản xứ thì đã có bọn truyền giáo làm thông ngôn và chỉ điểm cho chúng. Trong vai trò này, các vị mang chức thánh không bỏ lỡ dịp nào để thực hiện đức nhân của đạo Chúa. Có linh mục đã bảo lính: "Đốt làng này đi, nó đã không nộp thuế cho chúng ta", hay là: "tha cho làng này, nó đã quy thuận chúng ta" (GI.B). Chúng ta đây tức là giáo hội.

Hàng giáo sĩ thuộc địa không những phải chịu trách nhiệm gây ra chiến tranh thuộc địa, mà còn là bọn kéo dài chiến tranh, bọn chủ trương đánh đến cùng, không chịu điều đình "non". Đô đốc

R.đờ Giơnuiy trong một bản báo cáo với Bộ Hải quân đã viết rằng: "Tôi muốn tìm cách giao thiệp với nhà cầm quyền An Nam để ký kết một hoà ước, nhưng đã gặp những trở ngại rất lớn do các nhà truyền giáo gây ra... Một hoà ước với người An Nam, dù có lợi bao nhiêu, cũng chẳng thoả mãn được lòng ham muốn của các ông ấy. Họ muốn đánh chiếm hết cả nước và lật đổ triều đại đang trị vì. Giám mục Penlơranh đã nhiều lần nói như thế và đó cũng là ý kiến của giám mục Lơphevrơ".

Phải chăng đó là vì yêu nước ? Không, bởi vì ở đoạn sau của bản báo cáo, đô đốc đã nói rõ rằng, "những giáo sĩ hoạt động ở Nam Kỳ hy sinh quyền lợi của nước Pháp cho những mục đích riêng tư".

Mẩu chuyện sau đây chứng minh cho ý kiến đó:

Vua Hàm Nghi rời bỏ kinh thành của mình bị quân Pháp chiếm. Ông đem nghĩa quân vây một làng do người theo đạo chống giữ, trong đó có sáu nhà truyền giáo. Một tướng Pháp được tin báo, liền điều đình với một cố đạo cho mượn thuyền chở quân đi giải vây. Cố đạo khước từ, bảo rằng thuyền đi đánh cá ngoài khơi hết, ba bốn ngày nữa mới về. Sau khi điều tra, viên tướng biết là tên cố đạo đã cố ý phân tán thuyền bè để quân tiếp viện không thể đi được. Viên tướng bèn đòi cố đạo đến bảo: "Nếu không có thuyền cho tôi trong sáu giờ nữa thì tôi sẽ cho bắn ông". Thuyền đến, viên tướng hỏi vị cha đáng kính: “Tại sao lại nói dối ?" - “Thưa tướng quân, nếu để các giáo sĩ bị chết rồi tướng quân mới đến, thì chúng tôi sẽ có thêm sáu người tử vì đạo để phong thánh".

Đấy là những hành động phúc âm mà các "Cha nhà ta" nỗ lực làm hằng ngày và bao giờ cũng là nhân danh Chúa cả.

CHƯƠNG XI

NỖI KHỔ NHỤC CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ BẢN XỨ

Đọc những trang trên đây cũng đã thấy người phụ nữ An Nam được các nhà khai hoá của chúng ta "bảo hộ" như thế nào. Không một chỗ nào người phụ nữ thoát khỏi những hành động bạo ngược. Ngoài phố, trong nhà, giữa chợ hay ở thôn quê, đâu đâu họ cũng vấp phải những hành động tàn nhẫn của bọn quan cai trị, sĩ quan, cảnh binh, nhân viên nhà đoan, nhà ga. Một người Âu mắng một phụ nữ An Nam là *con đĩ, con bú dù* là một việc thông thường. Ngay giữa chợ Bến Thành ở Sài Gòn - mà người ta bảo là một thành phố Pháp-, bọn gác chợ người Âu cũng không ngần ngại dùng roi gân bò, dùi cui đánh phụ nữ bản xứ để bắt họ tránh khỏi làm nghẽn lối!

Những chuyện đáng buồn như thế, có thể kể mãi không hết, song chúng tôi hy vọng rằng mấy việc kể trên cũng đủ làm cho chị em ở chính quốc biết rõ phụ nữ An Nam sống quằn quại trong cảnh lầm than và bị áp bức như thế nào. Bây giờ hãy xem người phụ nữ bản xứ ở các thuộc địa khác - cũng ở dưới sự bảo hộ của nước mẹ- có được tôn trọng hơn không.

Ở Phết Mơdala (Angiêri), một người bản xứ bị kết án một năm tù vì tội ăn trộm. Anh ta trốn khỏi nhà lao. Người ta phái một toán quân, do một quan hai chỉ huy, đến bao vây làng anh ta. Toán quân sục sạo rất kỹ nhưng không tìm thấy. Chúng bèn tập trung 35 phụ nữ họ hàng thân thuộc của anh ta lại. Trong số người này có những em gái 12 tuổi, những cụ bà 70 tuổi, những phụ nữ có thai, những bà mẹ đang cho con bú. Dưới con mắt bao dung của viên quan hai và của viên quan cai trị vừa đến, mỗi tên lính vồ lấy một phụ nữ. Các hào mục, các người cầm đầu các tổ chức từ thiện

trong làng cũng bắt buộc phải đứng xem cảnh ấy. Người ta bảo làm thế để cho họ sợ. Xong rồi, người ta phá nhà cửa, bắt súc vật, nhốt những người đàn bà đã bị hãm hiếp vào một căn nhà để cho chính bọn đao phủ kia canh gác và tiếp tục mọi hành động ô nhục như thế đến hơn một tháng.

Người ta thường nói: "Chế độ thực dân là ăn cướp". Chúng tôi xin thêm: là hiếp dâm và giết người.

*

* *

Dưới đầu đề: "Bọn thực dân kẻ cướp", Víchto Mêrích đã kể lại một hành vi bạo ngược không thể tưởng tượng được của một viên quan cai trị thuộc địa nọ: hắn đổ nhựa cao su vào âm hộ của một phụ nữ da đen. Sau đó, hắn bắt chị ta đội một tảng đá to tướng đứng phơi nắng cho đến chết.

Tên viên chức dâm bạo ấy hiện đang tiếp tục lập công ở một địa phương khác.

Khốn thay, những hành vi bỉ ổi như thế lại không hiếm gì ở cái nơi mà làng báo bồi bút thường gọi là "nước Pháp hải ngoại".

Tháng 3 năm 1922, một nhân viên nhà đoan ở Bà Rịa (Nam Kỳ) đã đánh gần chết một phụ nữ An Nam làm phu đội muối, lấy cớ chị đã làm ồn ào dưới hiên nhà hắn làm hắn mất giấc ngủ trưa.

Tuyệt hơn nữa là người phụ nữ ấy còn bị đe doạ đuổi khỏi công trường muối nếu chị kêu kiện.

Tháng 4, một nhân viên nhà đoan khác đến thay, cũng tỏ ra xứng đáng với tên trước bởi những hành vi tàn ác của hắn.

Một bà cụ An Nam, cũng là phu gánh muối, vì bị khấu lương nên cãi nhau với mụ cai. Mụ cai thưa với viên đoan. Viên này không cần xét hỏi gì cả, tát luôn bà cụ hai cái tát nên thân, và khi bà cụ cúi xuống nhặt nón, thì nhà khai hoá đó lại đá luôn một cái rất ác vào bụng dưới làm cho máu ộc ra lênh láng.

Bà cụ ngã xuống bất tỉnh. Đáng lẽ phải đỡ bà cụ dậy thì người cộng sự của ông Xarô lại đòi lý trưởng sở tại đến và ra lệnh đem

người bị thương đi. Lý trưởng từ chối không làm. Viên đoan liền cho đòi chồng bà già đến, - *ông này mù,* - ra lệnh đem vợ về.

Các bạn có muốn đánh cuộc rằng cũng như bạn đồng sự của họ là viên quan cai trị nọ ở châu Phi, hai viên chức nhà đoan Nam Kỳ này đã được hoàn toàn vô sự không ? Thậm chí có thể chúng đã được thăng thưởng nữa là khác!

*

* *

Các em bé Angiê đói. Nhiều em mới lên sáu, lên bảy đã phải đi đánh giầy hay xách giỏ thuê ở chợ để kiếm ăn.

Chính phủ thuộc địa và khai hoá cho rằng các em cùng khổ kia kiếm được quá nhiều tiền nên bắt mỗi em phải có một sổ đăng ký và trả môn bài hằng tháng từ 1 phrăng rưỡi đến 2 phrăng.

Các bạn công nhân chính quốc! Các bạn đang phản đối món thuế vô lý đánh vào tiền lương, các bạn nghĩ thế nào về món thuế bỉ ổi đánh vào các em bé kia?

*

* *

Trước chiến tranh, ở Mácticích, giá đường là 280 phrăng một tấn, rượu rom 35 phrăng một trăm lít.

Nay giá đường 3.000 phrăng, rượu rom 400 phrăng.

Như thế bọn chủ được lời 1000%.

Trước chiến tranh, lương công nhân mỗi ngày 3 phrăng, nay từ 3 phrăng 75 đến 4 phrăng.

Như thế tiền lương công nhân tăng chưa đầy 30%.

Giá sinh hoạt thì lại tăng lên ít nhất 300%. Nếu cộng thêm sự giảm sút sức mua của đồng phrăng vào sự chênh lệnh ghê gớm nói trên thì các bạn sẽ thấy đời sống của người công nhân bản xứ cùng cực đến thế nào.

Tháng 2 năm 1923, vì chủ không chịu tăng lương, công nhân đã bãi công.

Cũng như bất cứ ở đâu, mà ở thuộc địa lại còn hơn ở nơi khác, bọn chủ không bao giờ ngần ngại làm cho công nhân đổ máu. Cho nên trong cuộc bãi công ấy, hai công nhân trẻ người Mácticích, một anh 18, một anh 19 tuổi, đã bị giết một cách hèn nhát.

Bọn chủ hung ác không từ trẻ con, không từ phụ nữ. Tờ *Le Paria,* số ra tháng 5 năm 1923, đã đăng tin dưới đây:

"Nhà chức trách đối xử rất bất công với nhân dân lao động. Những người không nhận làm việc theo mức tiền công do bọn chủ ấn định đều bị tố giác, bị cảnh binh bắt giữ và khám xét. Ở đâu, bọn cảnh binh cũng tỏ ra đầy ác ý đối với dân nghèo khổ.

"Chẳng hạn hôm kia, hai cảnh binh đã đến viện cứu tế Tơrinitê bắt một phụ nữ tên là Luybanh, chị này hai đùi bị trúng nhiều vết đạn trong vụ nổ súng ở Rátxinhắc ngày 9 tháng 2. Người ta đã bỏ tù chị, lấy cớ rằng "chị đã vi phạm quyền tự do lao động bằng bạo hành hoặc bằng lời doạ dẫm".

"Nhưng một điều chắc chắn là người phụ nữ đáng thương đó đi không được, thế mà bọn cảnh binh vẫn cứ *muốn giải chị đi bộ 32 kilômét đến chỗ ông dự thẩm.*

"Lúc chị bị bắt thì đã năm, sáu ngày chị không được thầy thuốc ở mãi Pho đơ Phrăngxơ[1)], cách đấy 32 kilômét, đến khám.

"Thế thì ai đã cấp giấy cho chị ra viện, khi mà người mẹ có ba con nhỏ và bị bắt giam kia vẫn bảo rằng mình chưa lành, mình còn thương tích và không đi lại được?

"Tôi nêu sự việc này trong số bao nhiêu sự việc đáng căm phẫn thường tái diễn hầu như ở khắp nơi trong thuộc địa.

"Trong cuộc bãi công, ở một số doanh nghiệp, những người "được tuyển dụng" bị bắt buộc làm việc dưới sự giám sát của cảnh binh và lính thuỷ, y như dưới thời đại nô lệ".

*

* *

1) *Fort de France.* Thủ phủ Mácticích.

Chúng tôi đọc trong một tờ báo, thấy như sau:

"Ở Côngxtă), từng đoàn phụ nữ lũ lượt kéo đi ăn xin. Một người trong đám người cùng khổ đó đã chết bên cầu En Căngtara, tay còn ẵm đứa con nhỏ.

"Từ Bôgari đến) vô số ông già, trẻ em và phụ nữ bế con bao vây đoàn xe lửa để xin bố thí.

"Họ chỉ còn là những bộ xương, quần áo tơi tả. Người ta cấm họ lảng vảng đến các ga".

*

* *

Thật là một sự mỉa mai đau đớn khi thấy rằng nền văn minh - dưới nhiều hình thức khác nhau như tự do, công lý, v.v., được tượng trưng bằng hình ảnh dịu hiền của một người phụ nữ và được một hạng người tự cho là phong nhã ra sức điểm tô - lại đối xử một cách hết sức bỉ ổi với người phụ nữ bằng xương, bằng thịt và xúc phạm tới phong hoá, trinh tiết và đời sống của họ một cách cực kỳ vô liêm sỉ.

Thói dâm bạo thực dân là hiện tượng phổ biến và tàn ác không thể tưởng tượng được. Ở đây, chúng tôi chỉ nêu ra một vài việc mà những nhân chứng không thiên vị đã trông thấy và kể lại, để các chị em phương Tây hiểu rõ giá trị của cái gọi là "sứ mạng khai hoá" và nỗi đau khổ của chị em mình ở thuộc địa.

Một người ở thuộc địa kể lại rằng: Khi bọn lính kéo đến, tất cả dân chúng đều chạy trốn, chỉ còn lại hai cụ già, một thiếu nữ, một thiếu phụ đang cho đứa con mới đẻ bú và tay dắt một em gái lên tám. Bọn lính đòi tiền, rượu và thuốc phiện. Vì không ai hiểu tiếng Pháp nên chúng nổi giận, lấy báng súng đánh chết một cụ già. Còn cụ già kia thì bị hai tên lính, khi đến đã say mềm, đem thiêu sống trong một đống lửa hàng mấy giờ liền để làm trò vui với nhau. Trong khi đó thì những tên khác thay phiên nhau hiếp cô thiếu nữ, người mẹ và đứa con gái nhỏ của bà. Xong, chúng vật ngửa cô thiếu

1) *Constantine.* Tên một quận của Angiêri, đồng thời cũng là tên quận lỵ của quận ấy.

2) *Boghari, Djelfa.* Tên những địa phương ở Angiêri.

nữ ra, trói lại, nhét giẻ vào miệng, rồi một tên cầm lưỡi lê đâm vào bụng cô, chặt ngón tay cô để lấy chiếc nhẫn và cắt đầu cô để lột cái vòng cổ.

Trên đám đất bằng phẳng trước kia là ruộng muối, ba cái xác chết nằm đó: một em bé bị lột trần truồng, một thiếu nữ ruột gan lòi ra, cánh tay trái cứng đờ giơ nắm tay lên chĩa vào ông trời vô tình, một xác cụ già ghê rợn khủng khiếp, thân thể trần truồng, mặt mũi cháy không nhận ra được nữa, mỡ chảy lênh láng đã đông lại da bụng phồng lên, láng xầy, vàng óng như da lợn quay.

Buổi tối hôm đánh chiếm Chợ Mới (Bắc Kỳ), một sĩ quan của tiểu đoàn châu Phi còn thấy một người tù khoẻ mạnh, không thương tích. Sáng hôm sau, viên sĩ quan ấy đã thấy anh ta bị thiêu chết, mỡ chảy nhầy nhụa, da bụng phồng lên và vàng ánh. Đó là vì một bọn lính đã suốt đêm thui con người tay không ấy, trong khi bọn khác hành hạ một phụ nữ.

Một tên lính buộc một người phụ nữ An Nam phải hiến thân cho con chó của hắn. Chị không chịu. Hắn liền đâm một nhát lưỡi lê vào bụng chị, chết tươi. Cũng vẫn người ấy kể lại: "Một ngày lễ nọ, một tên lính trong cơn vui, tự nhiên vô cớ nhảy bổ vào một bà già người An Nam, lấy lưỡi lê đâm bà một nhát chết ngay.

Một tên lính làm vườn nhìn thấy một toán người, nam có, nữ có, đi vào vườn hắn lúc mười giờ sáng. Đó là những người trồng rau hiền lành, tò mò muốn xem vườn. Nhưng tên lính đã lấy súng săn bắn xả vào họ, làm chết hai thiếu nữ.

Một nhân viên nhà đoan đòi vào nhà một người bản xứ, chủ nhà không chịu, hắn bèn đốt nhà, và đánh gãy chân chị vợ chủ nhà giữa lúc chị này bị khói xông mờ mắt, dắt con chạy ra để khỏi chết cháy".

Thói dâm bạo vô độ của bọn xâm lược thật không có giới hạn nào cả. Cái tinh vi của một nền văn minh khát máu cho phép chúng tưởng tượng được đến đâu thì chúng cứ thực hiện tính tàn ác lạnh lùng của chúng đến đó.

Thuế má nặng nề không phải chỉ đánh vào ruộng đất, vào súc vật và vào nam giới mà thôi, mà cái ơn mưa móc (!) ấy còn tưới rộng ra cho cả nữ giới nữa:

Nhiều phụ nữ bản xứ khốn khổ, phải mang nặng gông xiềng đi quét đường chỉ vì một tội là không nộp nổi thuế.

Trong tất cả những cố gắng của các nhà khai hoá nhằm làm cho nòi giống An Nam lành mạnh hơn và đưa họ lên con đường tiến bộ (?), phải kể đến việc *cưỡng bức mua rượu ty*. Không sao kể xiết tất cả sự nhũng lạm chung quanh việc bán rượu, một thứ thuốc độc dùng để pha chế thế nào cho người ta nuốt trôi được cái món "dân chủ".

Trên kia chúng tôi đã nói rõ rằng, để nuôi béo bọn cá mập ở chính quốc, cái chính phủ đầy tội ác ở Đông Dương đã cho phép bọn tôi tớ của nó bắt đàn bà, trẻ con không uống rượu cũng phải mua rượu. Muốn làm vừa ý bọn độc quyền, người ta đặt ra những luật lệ để trừng trị việc nấu và buôn rượu lậu; người ta đặt lên đầu người dân bản xứ cả một lô đủ thứ hình phạt; người ta cấp vũ khí cho nhân viên nhà đoan. Bọn này có quyền xông xáo vào nhà cửa, ruộng vườn của tư nhân.

Chúng ta hơi lấy làm ngạc nhiên - mà kể cũng đáng ngạc nhiên thật - khi thấy cảnh binh giải về Hà Nội hay Hải Phòng từng đoàn *ông già, phụ nữ có mang, trẻ con*, *cứ hai người trói chung một dây,* để trả lời về tội vi phạm luật lệ thương chính.

"Nhưng thế cũng chưa thấm gì so với những việc xảy ra ở các tỉnh, nhất là ở Trung Kỳ; ở đấy, viên công sứ kết án và bỏ tù hàng loạt, già, trẻ, đàn ông, đàn bà".

Tác giả đoạn văn trên tả dám thân quyến của họ ở cổng nhà lao như sau: "ông già, đàn bà, trẻ con, tất cả đám người ấy đều bẩn thỉu, rách rưới, mặt mũi hốc hác, mắt đỏ ngầu lên vì sốt; trẻ con bị lôi theo vì ngắn chân bước không kịp. Tất cả cái đám người đã kiệt sức ấy mang theo đủ mọi thứ: nón, quần áo rách, cơm nắm, đủ thứ thức ăn, để lén trao cho người bị can là cha, là chồng, là trụ cột của gia đình, và hầu như luôn luôn là chủ gia đình". Tất cả những điều

mà người ta đã có thể nói ra vẫn còn ở dưới mức sự thật. Chưa có bao giờ, ở một nước nào mà người ta lại vi phạm mọi quyền làm người một cách dã man, độc ác trắng trợn đến thế.

Không phải chỉ có những cuộc khám nhà hàng loạt, liên tục, mà còn có *những cuộc khám xét thân thể người bản xứ bất kể ở chỗ nào, bất kể là nam hay nữ.* Nhân viên nhà đoan vào nhà người bản xứ, *bắt đàn bà, con gái cởi hết áo quần trước mặt chúng, và khi họ đã trần truồng như nhộng thì chúng giở trò dâm đãng kỳ quặc đến mức đem cả con dấu nhà đoan đóng lên người họ.*

Ôi! Hỡi những người mẹ, những người vợ, những người phụ nữ Pháp, chị em nghĩ gì về tình trạng đó? Và các bạn, những người con, những người chồng, những anh em người Pháp nữa? Có phải đó là phép lịch sự của người Pháp đã bị "thực dân hoá" đi không nhỉ?

Nhiệt tình của người An Nam đối với nền giáo dục hiện đại làm cho chính phủ bảo hộ lo sợ. Bởi thế, chính phủ đóng cửa các trường làng, biến trường học thành chuồng ngựa cho các quan nhà binh, đuổi học trò và bỏ tù thầy giáo. Một cô giáo bản xứ đã bị bắt giải về tỉnh lỵ, cổ đeo gông, đầu phơi trần dưới ánh nắng như thiêu đốt.

Một viên chánh quản pháo binh, đã đốt nhà một phụ nữ An Nam, vì người ấy không chịu tiếp hắn vào lúc nửa đêm.

Một viên quan hai có nhiều vợ đã quật ngã một thiếu phụ An Nam và dùng gậy song đánh chị đến chết chỉ vì chị không chịu làm vợ lẽ hắn.

Một sĩ quan khác hiếp một em bé gái bằng những cách dâm bạo vô cùng ghê tởm. Bị truy tố trước toà đại hình, hắn được trắng án, chỉ vì nạn nhân là người An Nam.

Trong tất cả các bài diễn văn, tất cả các bản báo cáo ở khắp những nơi mà các nhà cầm quyền của chúng ta có dịp mở miệng, và có bọn ngốc ngồi nghe, họ luôn luôn khẳng định rằng, chỉ có nước Đức dã man mới là đế quốc, là quân phiệt, còn nước Pháp, cái nước Pháp yêu hoà bình, nhân đạo, cộng hoà và dân chủ, cái nước Pháp

mà họ đại diện thì không phải là đế quốc, cũng không phải là quân phiệt. Ồ! hoàn toàn không phải! Nếu chính các nhà cầm quyền ấy đưa binh lính - là con em công nhân hay chính là công nhân - đi giết hại những công nhân ở các nước khác, thì đó chẳng qua là để dạy cho những người này biết sống cho tốt mà thôi!

CHƯƠNG XII

NÔ LỆ THỨC TỈNH

I- Ở ĐÔNG DƯƠNG

Tháng 11 năm 1922, 600 thợ nhuộm ở Chợ Lớn (Nam Kỳ) vì bị bớt lương nên đã quyết định bãi công.

Cuộc phản công của bọn chủ liền diễn ra ở khắp nơi, và khắp nơi giai cấp công nhân cũng bắt đầu giác ngộ về lực lượng và giá trị của mình.

Nếu những công nhân bản xứ khốn khổ kia, thường là rất ngoan ngoãn, dễ sai, dễ bảo, không được giáo dục và tổ chức, đã đi đến chỗ phải tập hợp nhau lại - do bản năng tự vệ, nếu có thể nói như thế- và đấu tranh chống những đòi hỏi tàn bạo của chủ, thì đó là vì tình cảnh của họ quá ư khốn khổ, khốn khổ đến mức mà ở châu Âu người ta không tưởng tượng được. Đây là lần đầu tiên, một phong trào như thế nhóm lên ở thuộc địa. Chúng ta hãy ghi lấy dấu hiệu đó của thời đại và chúng ta đừng quên rằng bổn phận của chúng ta - những người lao động ở chính quốc - không phải chỉ tỏ tình đoàn kết với những anh em cùng giai cấp ở đấy bằng lời nói, mà còn phải giác ngộ họ, giáo dục họ về ý thức tổ chức và về phương pháp tổ chức.

II- Ở ĐAHÔMÂY

Lo sợ về giai cấp công nhân ở chính quốc đã thức tỉnh, chủ nghĩa tư bản Pháp tìm cách di chuyển nền thống trị của nó qua các thuộc địa. Tại đó, nó vơ vét nguyên liệu cho các nhà máy và sử dụng những lực lượng phản động và lạc [1] để chống lại cách mạng.

1) Bản tiếng Pháp xuất bản năm 1946: "... et du matériel humain pour sa contre révolution" (sử dụng nhân lực để chống lại cách mạng).

Báo chí tư sản ở Pari và các tỉnh thường xuyên dành hàng trang cho mục thuộc địa. Các tướng tá và nghị sĩ tổ chức những cuộc diễn thuyết về thuộc địa. Những cây bút quan liêu và những người nói khoác ấy không tìm đâu ra đủ lời lẽ để ca ngợi công ơn khai hoá "của họ" và lòng trung thành của người bản xứ.

Đôi khi các ngài ấy trơ tráo đến mức đem lòng... nhân từ của họ đối lập với sự cướp bóc của thực dân Anh; họ cho chính sách của người Anh là "phương pháp tàn nhẫn" hoặc "thái độ thô bạo" và quả quyết rằng cách làm của người Pháp là đầy công bằng và từ thiện!

Chỉ cần nhìn qua các thuộc địa Pháp một chút cũng đủ thấy công cuộc khai hoá đó là "đẹp đẽ và nhân từ" biết chừng nào?

Ở Đahômây, người ta tăng thêm thuế vốn đã quá nặng đối với người bản xứ. Người ta bắt thanh niên phải bỏ nhà cửa, ruộng nương để đi làm "những người bảo vệ văn minh". Người ta cấm người bản xứ mua sắm và sử dụng vũ khí để chống thú dữ thường phá hoại sạch trơn hàng loạt làng xóm. Giáo dục, vệ sinh đều thiếu. Trái lại, người ta không từ một thủ đoạn nào để bắt người Đahômây "được bảo hộ" phải chịu cái chế độ "dân bản xứ" đáng phỉ nhổ, một chế độ đã hạ con người xuống hàng con vật và làm ô nhục cho cái thế giới gọi là văn minh. Dân bản xứ không cam chịu nhục được mãi, phải vùng lên. Thế là đàn áp đẫm máu. Người ta dùng những biện pháp cứng rắn. Người ta điều quân đội, súng liên thanh, súng cối và tàu chiến đến, người ta ra lệnh giới nghiêm. Người ta bắt bớ và bỏ tù hàng loạt. Đấy! Công cuộc khai hoá nhân từ là như thế đấy!

III- Ở XYRI[17]

Dân Xyri lấy làm hài lòng, rất hài lòng về chính sách cai trị của tướng Gurô, các nhà đương cục đều nói như thế. Nhưng các sự việc sau đây đã chứng minh trái ngược lại:

Tháng 3 năm 1922, ông Muyxtapha Kêman đến Métxin. Để đón tiếp ông, người Hồi giáo Xyri dựng một khải hoàn môn có cắm cờ đen mang các khẩu hiệu: "Thổ và Arập là anh em!", "Xin chớ quên những người anh em Xyri", "Hãy giải phóng cho chúng tôi", v.v..

Việc ông Muyxtapha Kêman đến thăm Ađana đã gây nên những cuộc biểu tình sôi nổi. Trong hai ngày liền, những người trong phong trào phục quốc ở Ăngchiôsơ và Alếchxăngđrét[18] đã giương cờ đen kéo qua các phố và hô lớn những khẩu hiệu chống chế độ uỷ trị Pháp.

Đáp lời kêu gọi của phái đoàn phục quốc Xyri, nghe đâu ông Muyxtapha Kêman đã nói: "Một trung tâm văn minh đã tồn tạ) từ bao thế kỷ như Xyri không thể nằm trong tay người ngoại quốc được".

Chủ nghĩa thực dân Pháp không hề thay đổi cái châm ngôn "chia để trị" của nó. Chính vì thế mà nước An Nam, một nước có chung một dân tộc, chung một dòng máu, chung một phong tục, chung một lịch sử, chung một truyền thống, chung một tiếng nói, đã bị chia năm sẻ bảy. Lợi dụng một cách xảo trá sự chia cắt ấy, người ta hy vọng làm nguội được tình đoàn kết, nghĩa đồng bào trong lòng người An Nam và tạo ra những mối xung khắc giữa anh em ruột thịt với nhau. Sau khi đẩy họ chống lại nhau, người ta lại ghép một cách giả tạo các thành phần ấy lại, lập nên một "Liên bang" gọi là Liên bang Đông Dương.

Trong các thuộc địa mới, người ta cũng lại thấy cái sách lược ấy. Sau khi chia cắt đất nước Xyri thành "một số quốc gia", cao uỷ Pháp ở Bâyrút lại lập một "Liên bang" Xyri, gồm các "nước" Alép, Đamát, và). Một lá quốc kỳ đã được bày đặt ra nhằm mục đích đó. Cũng như đối với lá cờ An Nam, người ta không quên vá vào lá cờ liên bang đó một miếng "cờ bảo hộ", ở góc trên gần cán. Ngày 11 tháng 12 năm 1922 là ngày lễ "long trọng", lần đầu tiên lá cờ ấy được kéo lên nóc phủ liên bang ở Alép.

Trong dịp ấy, nhiều nhà cầm quyền đã đọc diễn từ. Ông Xubi Baraca Bây, chủ tịch liên bang, đã nói nào là "nước bảo hộ rộng lượng", nào là "người hướng đạo chân thành", nào là "những vị

1) Bản tiếng Pháp năm 1946: *"Un foyer qui date..."* (một trung tâm đã tồn tại).

2) *Alep, Damas, Alaouites. Alep* là một thành phố của Xyri; Damas là thủ đô của Xyri; Alaouites là lãnh thổ của Xyri bị thực dân Pháp cắt ra thành một khu vực tự trị từ năm 1924 đến năm 1930.

tướng lĩnh chiến thắng", và hàng tràng những điều khác nữa. Ông Bôbe đơ Ke, quyền cao uỷ, cũng đọc đítcua rất dài. Ngoài những điều khác ra, vị quan cao cấp ấy đã nhắc lại rằng, "nước Xyri độc lập không phải là dân tộc đầu tiên được nước Pháp săn sóc từ trong nôi", v.v.. Nhưng, tất cả những lời lẽ huênh hoang rỗng tuếch ấy chẳng đánh lừa được ai. Phái đoàn Xyri - Palextin lãnh nhiệm vụ đấu tranh cho độc lập và thống nhất - chân chính - của nước Xyri ở Hội nghị Lôdannơ[19] đã gửi một bức thư phản kháng. Bức thư này đã được đăng trên tờ *La Tribune d'Orient,* và chúng tôi rất sung sướng được sao lại dưới đây:

"Thưa ngài,

"Giữa lúc người ta đương cố hàn gắn những lỗ hổng mà Hiệp ước Xevơrơ đã khoét ra trong vấn đề Cận Đông và giữa lúc dân tộc Arập đang phải chịu đựng, so với mức hy sinh tự nguyện của mình, những điều tai hại trực tiếp nhất do hiệp ước đó gây ra, thì ở hội nghị của các ngài, hội nghị tổ chức ra với mục đích thiết lập một nền hoà bình vững chắc và lâu dài, tiếng nói của các đại biểu dân tộc Arập ở các khu vực khác nhau vẫn chưa được lắng nghe.

"Thế mà chính lúc này lại là lúc các nhà cầm quyền Pháp chọn để khánh thành một cách long trọng công cuộc thực dân hoá mà họ đã tiến hành từ bốn năm nay bằng cách gắn cái tượng trưng cho chế độ nô lệ vĩnh viễn là những miếng cờ tam tài lên lá cờ mà người ta vừa mới gán cho cái gọi là "Liên bang Xyri". Thế là một lần nữa, người ta lại phủ nhận những lời tuyên bố của Đồng minh, những điều mà nước Anh đã nhân danh Đồng minh cam kết với các dân tộc Arập, và ngay cả những lời của các chính khách Pháp hứa bảo đảm nền độc lập cho xứ Xyri bất hạnh. Nước Xyri hiển nhiên có đủ tư cách để được độc lập nhanh chóng, hoàn toàn, và xứng đáng với nền độc lập ấy không kém bất cứ một nước nào khác ở phương Đông hay ở phương Tây. Thế mà Xyri lại không được phép có một quốc kỳ riêng của mình. Người ta đã buộc Xyri phải đính vào quốc kỳ của mình cái mảnh tam tài làm dấu hiệu cho chế độ uỷ trị, là một sự thôn tính trá hình.

"Thưa ông chủ tịch, từ trước tới nay chúng tôi luôn luôn phản đối chế độ uỷ trị, không bao giờ chúng tôi công nhận chế độ ấy cả, ngày nay chúng tôi lại cực lực phản đối việc gắn cái dấu hiệu tượng trưng của chế độ ấy vào lá cờ của chúng tôi.

"Hầu hết các cường quốc, kể cả những nước lớn mạnh không kém gì nước Pháp, đều không bao giờ dùng phương pháp làm nhục ấy đối với những thuộc địa lạc hậu nhất của họ.

"Hiến chương Hội quốc liên[20] quy định rõ tính chất tạm thời của chế độ uỷ trị (điều 22, đoạn 4). Vậy thì nhà chức trách Pháp dựa trên cơ sở nào để gán ghép màu cờ của họ cho một nước mà họ đòi dìu dắt đến độc lập, một nền độc lập đã được Hiến chương Hội quốc liên công nhận?

"Thưa ngài, chúng tôi trân trọng yêu cầu ngài xét lời phản kháng của chúng tôi về vấn đề ấy, và một lần nữa, chúng tôi nhắc lại nguyện vọng tha thiết nhất của chúng tôi là những yêu sách chính đáng của chúng tôi sẽ được bênh vực tại hội nghị.

"Kính mong, v.v..

"Thay mặt trưởng đoàn đại biểu
Xyri - Palextin
Tổng thư ký
EMIA SEKIP ACXLAN"

Ngoài ra, những người ở Hama, phần nhiều là công chức, luật sư, giáo sư, nhà báo, nhà buôn, đã gửi cho thủ tướng Pháp một bức thư mà sau đây là những đoạn chính:

"Thưa ngài Thủ tướng, chúng tôi được hân hạnh trình bày với ngài các yêu sách của chúng tôi, đồng thời chúng tôi phản đối sự phản ứng của cái hội đồng đó, sự phản ứng mà chúng tôi cho là đã đi ngược lại lợi ích của chúng tôi và lợi ích của cả nước Xyri nói chung.

"1. Cái hội đồng liên bang ấy không phải là do quốc dân bầu ra. Vì thế, các uỷ viên của hội đồng đó hoàn toàn không có tư cách là đại biểu của quốc dân, cũng không thể phản ánh ý chí của quốc dân.

"2. Hội đồng ấy không có quyền hành gì cả; nó bị bắt buộc chỉ được thảo luận những vấn đề nào mà người ta muốn đưa ra trước nó, nên ngay cả những vấn đề sống còn của đất nước, nó cũng không thể đề cập đến được. Sau hết, các nghị quyết của hội đồng lại hoàn toàn phụ thuộc vào quyền hành của cao uỷ, cao uỷ có thể tuỳ tiện thi hành hay bác bỏ.

"3. Chính ngay cơ sở của hội đồng ấy cũng không vững, bởi vì mỗi bang chỉ có một đại biểu, mặc dầu dân số các bang không bằng nhau. Lại còn điều kỳ quặc phi lý này nữa là hội đồng không theo nguyên tắc đa số, có một ý kiến bất đồng là cuộc biểu quyết coi như không có giá trị và vấn đề phải đưa lên cao uỷ quyết định.

"4. Người ta giới thiệu hội đồng này như là một bước tiến trên con đường đi đến thống nhất, thật ra nó là sự phủ nhận thống nhất, phủ nhận ngay đến cả tư cách của đất nước nữa, vì đã là một hội đồng chỉ định ra thì nó hoàn toàn không phản ánh được ý chí của quốc dân; thậm chí nó còn có thể đi ngược lại ý chí đó, trong khi trước con mắt của toàn thế giới, nó lại có thể được coi như là cơ quan để đạt nguyện vọng của nhân dân Xyri, và do đó sẽ cung cấp cho người ta những lý do để khước từ những yêu sách chính đáng của quốc dân chúng tôi.

....

"Còn về nguyện vọng của chúng tôi, thì có thể nêu lên như sau:

"a) Công nhận nền độc lập thật sự và sự thống nhất của Xyri.

"b) Sau khi làm xong cuộc điều tra dân số đang tiến hành thì sẽ tổ chức phổ thông đầu phiếu để bầu ra quốc hội. Quốc hội sẽ ban hành hiến pháp và quyết định chính thể. Quốc hội có thể được triệu tập vào cuối năm 1922, tức là lúc hội đồng liên bang sẽ được triệu tập.

"c) Thành lập một chính phủ chịu trách nhiệm trước quốc hội, và quốc hội, trong những quyền hạn của nó, phải có toàn quyền lập pháp.

"Đó mới là những nguyện vọng thật sự của nhân dân Hama,

mà cũng là nguyện vọng của tuyệt đại đa số nhân dân Xyri".

*

* *

Từ khi tập sách nhỏ này viết xong, thì nhiều biến cố nghiêm trọng đã xảy ra ở nhiều thuộc địa. Đó là quả bom ở Quảng Châu[21] do một người An Nam ném, là những quả bom ở Ăngtiơ, những vụ bãi công đẫm máu ở Guyađolúp, những cuộc biểu tình không kém đổ máu ở Đamát, những vụ bãi công ở Bidéctơ[1)], ở Hammă[2)] và tình hình sôi sục ở Tuynidi.

IV- CÁCH MẠNG NGA VỚI CÁC DÂN TỘC THUỘC ĐỊA

Chủ nghĩa tư bản là một con đỉa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở thuộc địa. Nếu muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi. Nếu người ta chỉ cắt một vòi thôi, thì cái vòi còn lại kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản, con vật vẫn tiếp tục sống và cái vòi bị cắt đứt lại sẽ mọc ra.

Cách mạng Nga hiểu rất rõ điều đó. Cho nên nó không dừng lại ở việc đọc những bài diễn văn lý tưởng đẹp đẽ và thông qua những kiến nghị nhân đạo để ủng hộ các dân tộc bị áp bức, mà cách mạng Nga dạy cho họ đấu tranh. Cách mạng Nga giúp đỡ họ về tinh thần và vật chất như Lênin đã viết trong luận cương của Người về vấn đề thuộc địa. Cách mạng Nga đã triệu tập họ đến Đại hội Bacu[22]: hai mươi mốt dân tộc phương Đông đã phái đại biểu tới dự. Những đại biểu của các đảng công nhân phương Tây cũng tham gia Đại hội. Đó là lần đầu tiên trong lịch sử, giai cấp vô sản ở các nước xâm lược và giai cấp vô sản ở các nước bị xâm lược đã nắm tay nhau trong tình anh em và cùng nhau tìm cách đấu tranh cho có hiệu quả chống chủ nghĩa tư bản là kẻ thù chung của họ.

---

1) *Bizerte.* Quân cảng của nước Tuynidi.

2) *Hammanlif.* Một thành phố của nước Angiêri.

Sau cuộc Đại hội lịch sử ấy, mặc dù đang phải đương đầu với những khó khăn dồn dập trong nước và ngoài nước, nước Nga cách mạng vẫn không hề một phút do dự trong việc giúp đỡ các dân tộc ấy, những dân tộc mà nó đã thức tỉnh bằng tấm gương cách mạng anh dũng và thắng lợi của nó. Việc làm đầu tiên của nó là thành lập Trường đại học phương Đông.

Hiện nay, Trường đại học phương Đông có l.025 sinh viên mà 151 là nữ sinh. Trong số sinh viên đó, có 895 người là đảng viên cộng sản. Thành phần xã hội của sinh viên như sau: 547 nông dân, 265 công nhân, 210 trí thức. Ngoài ra còn có 75 học sinh thiếu niên từ l0 đến 16 tuổi.

Có 150 giáo sư phụ trách giảng dạy về khoa học xã hội, về toán học, về chủ nghĩa duy vật lịch sử, về lịch sử phong trào công nhân, về khoa học tự nhiên, về lịch sử các cuộc cách mạng, về khoa kinh tế - chính trị, v.v., v.v.. Trong lớp học, thanh niên của sáu mươi hai dân tộc sát cánh nhau như anh em ruột thịt.

Trường có 10 ngôi nhà lớn dành cho sinh viên. Lại có một rạp chiếu bóng, thứ năm và chủ nhật chiếu cho sinh viên xem không lấy tiền, các ngày khác thì cho một người thầu thuê. Có hai thư viện với 47.000 quyển sách giúp cho các nhà cách mạng trẻ tuổi bồi dưỡng tư tưởng và đi sâu vào việc nghiên cứu. Mỗi dân tộc hoặc "nhóm" lại có một tủ sách riêng gồm sách báo bằng tiếng mẹ đẻ của mình. Phòng đọc sách được sinh viên trang trí rất có mỹ thuật, và có đầy đủ các báo hằng ngày và tạp chí.

Sinh viên tự mình cũng ra một tờ báo có "một bản duy nhất" dán vào một cái bảng to đặt trước cửa phòng đọc sách. Những người đau ốm được điều trị trong bệnh viện của nhà trường. Một trại điều dưỡng ở Crimê được dành riêng cho những sinh viên mới ốm dậy. Chính phủ Xôviết tặng nhà trường hai trại nghỉ gồm có chín ngôi nhà. Mỗi trại có một nhà chăn nuôi để nghiên cứu việc chăn nuôi. Đồng chí bí thư nông nghiệp của trường không giấu nổi niềm tự hào khi nói với tôi: "Chúng tôi đã có 30 con bò cái và 50 con lợn". Trại còn có 100 hécta đất để cho sinh viên trồng trọt. Trong các kỳ

nghỉ, sau giờ làm việc và tập luyện, sinh viên đi giúp đỡ nông dân.

Nhân đây cũng nói thêm rằng, một trong hai trại nghỉ ấy trước kia là tài sản của một đại công tước [1]. Thật là ngộ nghĩnh khi trông thấy lá cờ đỏ kiêu hãnh phấp phới trên đỉnh ngọn tháp được trang điểm bằng chiếc mũ miện đại công tước và thấy những người nông dân trẻ tuổi Triều Tiên hay Ácmêni chuyện trò và vui đùa không chút kiêng nể trong phòng lễ của "hoàng tử điện hạ".

Sinh viên ăn, mặc, ở đều không mất tiền. Mỗi tháng, mỗi người còn được lĩnh năm rúp vàng để tiêu vặt.

Để sinh viên có những kiến thức cơ bản về khoa nuôi trẻ, nhà trường nhận đỡ đầu một nhà nuôi trẻ và một nhà gửi trẻ kiểu mẫu gồm 60 em nhỏ xinh xắn.

Mỗi năm Trường đại học phương Đông chi tiêu đến 516.000 rúp vàng.

Các đại biểu của 62 dân tộc trong Trường đại học lập thành một "công xã". Chủ tịch và các cán sự của công xã đều do đầu phiếu phổ thông bầu ra, ba tháng một lần. Một đại biểu sinh viên tham gia việc quản lý kinh tế và hành chính. Tất cả các sinh viên đều lần lượt thay phiên nhau làm bếp, làm công tác thư viện, câu lạc bộ, v.v.. Tất cả những vụ tranh chấp và "phạm pháp" đều do một toà án được bầu ra xét xử trước mặt toàn thể các đồng chí. Mỗi tuần, công xã họp một lần để thảo luận tình hình chính trị và kinh tế thế giới. Thỉnh thoảng lại tổ chức những cuộc mít tinh và những buổi tối giải trí, trong đó có những nghệ sĩ tài tử đột xuất làm cho anh em được thưởng thức nghệ thuật và văn học muôn màu muôn vẻ của những đất nước xa xôi.

Một điểm đặc biệt làm nổi bật sự "dã man" của những người bônsêvích là không những họ coi những người dân thuộc địa "thấp kém" ấy như anh em, mà còn mời họ tham gia đời sống chính trị của nước Nga nữa. Những sinh viên khi ở quê hương mình chỉ là những "dân thuộc địa", "dân bị bảo hộ", nghĩa là những người không có quyền gì khác ngoài quyền nộp thuế, những người không được góp ý kiến vào công việc của nước mình, không được phép bàn

1) Tước của thái tử thời Nga hoàng.

bạc chính trị, thì nay được tham gia tổng tuyển cử của nhân dân để bầu những đại biểu của mình vào các Xôviết. Mong rằng những anh em của tôi ở các thuộc địa đang hoài công tốn của cầu cạnh xin xỏ thay đổi quốc tịch mãi mà không được, hãy thử so sánh nền dân chủ tư sản với nền dân chủ vô sản xem![1].

Tất cả những sinh viên ấy đều đã từng chịu đau khổ và trông thấy cảnh đau khổ. Tất cả đều đã sống dưới "nền văn minh cao đẳng" và dưới sự áp bức bóc lột của chủ nghĩa tư bản nước ngoài. Cho nên, tất cả đều phấn khởi và thiết tha học hỏi. Họ rất hăng hái và nghiêm túc. Họ hoàn toàn không có vẻ công tử ăn chơi nhàn nhã[2] như những thanh niên phương Đông du học ở Pari, Ôxpho, hoặc Béclin. Người ta có thể nói không ngoa rằng Trường đại học phương Đông ấp ủ dưới mái của mình tương lai của các dân tộc thuộc địa.

Miền Cận Đông và Viễn Đông, kể từ Xyri đến Triều Tiên - chỉ tính những nước thuộc địa và nửa thuộc địa thôi - có một diện tích rộng hơn 15 triệu kilômét vuông, với số dân hơn l.200 triệu người. Tất cả những nước rộng lớn ấy hiện đang ở dưới ách của chủ nghĩa đế quốc tư bản. Và mặc dầu dân số của họ đáng lẽ phải làm cho họ có sức mạnh, các dân tộc bị áp bức đó vẫn chưa bao giờ ra sức tìm tòi thật đến nơi đến chốn con đường tự giải phóng, cho nên họ chưa hiểu được giá trị của sự đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế. Họ chưa có những mối liên hệ giữa các lục địa như các dân tộc châu Âu và châu Mỹ. Họ có sẵn trong bản thân một sức mạnh vô cùng to lớn mà họ chưa biết! Việc thành lập Trường đại học phương Đông đánh dấu một kỷ nguyên mới; trong khi tập hợp những người trẻ trung, hoạt bát, thông minh của các nước thuộc địa lại, nhà trường đang tiến hành một sự nghiệp vĩ đại là:

1) Bản tiếng Pháp xuất bản năm 1946: "... *la démocratie bourgeoise et la démocratie ouvrière*!" (nền dân chủ tư sản và nền dân chủ của công nhân).

2) Nguyên bản: *Ils n'ont pas du tout l'air boulevardier et quartier latiniste.* Có nghĩa là: họ không có vẻ hạng người rong chơi trên các đại lộ hoặc ở khu phố latinh.

a) Giáo dục cho các chiến sĩ tương lai ấy nắm được nguyên lý đấu tranh giai cấp là nguyên lý mà một mặt, những cuộc đấu tranh chủng tộc, mặt khác, những tập tục gia trưởng đã làm cho mơ hồ, lẫn lộn trong đầu óc họ.

b) Làm cho đội tiên phong của lao động thuộc địa tiếp xúc mật thiết với giai cấp vô sản phương Tây để dọn đường cho một sự hợp tác thật sự sau này; chỉ có sự hợp tác này mới bảo đảm cho giai cấp công nhân quốc tế giành được thắng lợi cuối cùng.

c) Làm cho các dân tộc thuộc địa, từ trước đến nay vẫn cách biệt nhau, hiểu biết nhau hơn và đoàn kết lại để đặt cơ sở cho một Liên minh phương Đông tương lai, khối liên minh này sẽ là một trong nhưng cái cánh của cách mạng vô sản.

d) Nêu lên cho giai cấp vô sản ở những nước mà giai cấp tư sản có thuộc địa, một tấm gương về những điều họ có thể làm và phải làm cho những người anh em của họ đang bị nô dịch.

V. HỠI ANH EM VÔ SẢN VÀ NÔNG DÂN CÁC THUỘC ĐỊA!

Cuộc chém giết đẫm máu thế giới đã mở mắt cho hàng triệu vô sản và nông dân các thuộc địa thấy rõ hoàn cảnh sinh sống không sao chịu nổi của mình. Một loạt những cuộc bùng nổ cách mạng mãnh liệt, nhưng chưa được tổ chức, đã đánh dấu sự kết thúc của cuộc chiến tranh thế giới. Lực lượng tự phát không gì ngăn nổi và khát khao chiến đấu cho một tương lai tốt đẹp hơn ấy, là do giai cấp tư sản dân tộc bản xứ tổ chức và lãnh đạo. Lớn mạnh lên trong thời kỳ chiến tranh, giai cấp tư sản dân tộc đó không muốn nằm mãi trong nanh vuốt của chủ nghĩa đế quốc và để cho chúng nắm phần to lớn nhất trong việc bóc lột "công nhân và nông dân của mình" nữa. Khẩu hiệu đấu tranh giải phóng dân tộc của giai cấp tư sản trẻ tuổi ở thuộc địa đề ra, được quần chúng lao động ở Ấn Độ, Ai Cập, Thổ Nhĩ Kỳ, v.v. hoan nghênh nhiệt liệt và ủng hộ mạnh mẽ.

Quốc tế Cộng sản đấu tranh không ngừng chống bọn cá mập tư sản ở tất cả các nước trên thế giới. Có thể nào nó lại giả vờ quay

lưng lại với phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa được không ?

Không! Quốc tế Cộng sản đã công khai tuyên bố ủng hộ và giúp đỡ cuộc đấu tranh ấy, và trung thành với mục tiêu của mình, Quốc tế Cộng sản vẫn tiếp tục ủng hộ cuộc đấu tranh ấy.

(Trích Tuyên ngôn của
Ban Chấp hành Quốc tế thứ ba)

VI- MỘT BẢN HIỆU TRIỆU CỦA QUỐC TẾ NÔNG DÂN GỬI NÔNG DÂN LAO ĐỘNG CÁC THUỘC ĐỊA

Quốc tế Nông dân mới đây họp Đại hội lần đầu tiên ở Mátxcơva đã ra lời kêu gọi dưới đây để tỏ rõ sự quan tâm của mình đối với nông dân lao động các thuộc địa:

Hỡi anh chị em nông dân lao động các thuộc địa!

Hỡi anh chị em nông dân thuộc địa, anh chị em là những người nô lệ hiện đại: hàng triệu anh chị em ở ngoài đồng ruộng, trên thảo nguyên và trong núi rừng của hai lục địa, đang rên xiết dưới hai tầng áp bức của chủ nghĩa tư bản nước ngoài và bọn chủ bản xứ.

Họp lần đầu tiên ở Mátxcơva để thành lập một tổ chức đấu tranh mà cho đến nay nông dân chưa có, Đại hội Quốc tế Nông dân kêu gọi ý thức giai cấp của anh chị em và yêu cầu anh chị em hãy gia nhập hàng ngũ tổ chức đó.

Anh chị em còn khốn khổ hơn các bạn nông dân ở chính quốc, vì ngày công quá dài, vì đói khổ, vì ngày mai bấp bênh.

Anh chị em thường bị cưỡng bách lao động như khổ sai, bị bắt đi khuân vác đến chết người và đi lao dịch không thời hạn.

Anh chị em bị đè bẹp dưới thuế khoá.

Chủ nghĩa tư bản bóc lột dìm anh chị em trong cảnh tối tăm ngu dốt, áp bức anh chị em về mặt tư tưởng và tiêu diệt nòi giống của anh chị em bằng rượu và thuốc phiện.

Chế độ bản xứ bỉ ổi do bọn đế quốc tư bản đặt ra, tước mất của anh chị em mọi quyền tự do cá nhân, mọi quyền lợi chính trị và xã hội, do đó, đã hạ anh chị em xuống thân phận trâu ngựa.

Đẩy anh chị em vào cảnh cùng khổ và phá sản như vậy chưa đủ, chủ nghĩa tư bản còn bắt anh chị em lìa bỏ gia đình, đồng ruộng, đưa anh chị em ra làm bia đỡ đạn, ném anh chị em vào những cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn đánh lại nhân dân bản xứ khác hoặc chống lại nông dân, công nhân ở chính quốc.

Hỡi anh chị em cùng khổ ở các thuộc địa!

Hãy đoàn kết lại!

Hãy tổ chức lại!

Hãy phối hợp hành động của anh chị em với hành động của chúng tôi, chúng ta cùng nhau đấu tranh cho công cuộc giải phóng chung!

Công cuộc giải phóng nhân dân thuộc địa thành công muôn năm!

Quốc tế lao động muôn năm!

Quốc tế Nông dân muôn năm!

VII- TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN Ở THUỘC ĐỊA

Trích biên bản phiên họp ngày 27 tháng 6 năm 1923, kỳ họp thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương Quốc tế Công hội đỏ.

Đấu tranh công đoàn ở thuộc địa

Chủ nghĩa đế quốc hiện đại đặt nền móng trên sự bóc lột hàng triệu người lao động ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa. Bởi thế, nó chỉ tan rã hoàn toàn và vĩnh viễn khi nào chúng ta phá bỏ được nền móng đó của lâu đài đế quốc chủ nghĩa. Theo quan điểm đó, việc tổ chức công đoàn ở các nước thuộc địa có một tầm quan trọng đặc biệt. Thế mà đoàn viên của Quốc tế Công hội đỏ hầu như chưa hề làm được gì ở Ai Cập, ở Tuynidi và ở tất cả các nước đương nằm dưới gót sắt của chủ nghĩa đế quốc Pháp. Mối liên hệ hiện có giữa các nhóm công nhân ở các thuộc địa Pháp và các công đoàn Pháp chỉ là do ngẫu nhiên. Không có một hoạt động có hệ thống nào cả, mà rõ ràng là nếu chưa tranh thủ được quần chúng ở thuộc địa thì chúng ta không đủ sức phá huỷ bộ máy đế quốc chủ nghĩa. Việc cần thiết hiện nay là phải phát động một cuộc tuyên truyền rộng lớn để thành lập các tổ chức công đoàn ở các nước thuộc địa và phát triển

các công đoàn hiện có dưới hình thức phôi thai. Ngoài ra, chúng ta cần phải tỏ rõ tình hữu ái giai cấp thực sự giữa những người lao động thuộc mọi dân tộc, mọi chủng tộc để khắc phục sự nghi kỵ của những người lao động thuộc địa đối với những đại diện của những chủng tộc thống trị. Mối liên hệ hữu cơ giữa công đoàn thuộc địa và công đoàn chính quốc chỉ có thể là kết quả của một quá trình công tác rất lâu dài trong các thuộc địa.

Không được quên những người lao động thuộc địa, phải giúp đỡ các tổ chức của họ, đấu tranh bền bỉ chống những chính phủ của chính quốc đang áp bức các thuộc địa, đó là một trong những nhiệm vụ cấp thiết nhất của tất cả các công đoàn cách mạng, nhất là ở các nước có giai cấp tư sản đi nô dịch và bóc lột các nước thuộc địa và nửa thuộc địa.

*

* *

TUYÊN NGÔN CỦA "HỘI LIÊN HIỆP THUỘC ĐỊA"[23], TỔ CHỨC CỦA NHỮNG NGƯỜI DÂN BẢN XỨ Ở TẤT CẢ CÁC THUỘC ĐỊA

"Hỡi anh em ở các thuộc địa! Năm 1914, vì phải đương đầu với một tai hoạ ghê gớm, những người cầm quyền nhà nước đã quay về phía anh em và yêu cầu anh em đồng tình góp phần hy sinh của mình để cứu vãn một tổ quốc mà người ta nói là của anh em, nhưng thật ra cho đến khi đó, anh em chỉ biết có cái đầu óc thống trị của nó mà thôi.

"Để làm cho anh em không ngần ngại, họ không quên làm loé lên trước mắt anh em những quyền lợi mà sự hợp tác với họ sẽ đưa lại cho anh em. Nhưng qua cơn bão táp rồi, thì đâu lại hoàn đó, anh em vẫn phải sống trong chế độ bản xứ, với những toà án đặc biệt, thiếu hẳn các quyền lợi gắn liền với phẩm giá con người như quyền tự do lập hội, tự do hội họp, tự do báo chí, tự do đi lại ngay cả trên đất nước của anh em. Đó là về mặt chính trị.

"Về mặt kinh tế, anh em vẫn phải chịu nạn sưu dịch nặng nề mà nhân dân oán ghét, vẫn phải đóng thuế muối, vẫn bị đầu độc và

cưỡng bách tiêu thụ rượu và thuốc phiện như ở Đông Dương, vẫn bị đi gác đêm để canh giữ tài sản cho bọn cá mập thực dân, như ở Angiêri.

"Lao động như nhau, nhưng công sức của anh em lại bị trả tiền ít hơn các bạn người Âu của anh em.

"Cuối cùng, người ta hứa hẹn với anh em đủ mọi thứ trên trời dưới biển, nhưng giờ đây anh em thấy toàn là những lời lừa dối cả.

"Anh em phải làm thế nào để được giải phóng?

"Vận dụng công thức của Các Má[1], chúng tôi xin nói với anh em rằng, công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em.

"Hội Liên hiệp thuộc địa thành lập chính là để giúp đỡ anh em trong công cuộc ấy.

"Với sự giúp đỡ của các đồng chí ở chính quốc đồng tình với sự nghiệp của chúng ta, Hội tập hợp tất cả những người quê ở thuộc địa hiện sống trên đất Pháp.

"*Biện pháp hoạt động:* Để thực hiện sự nghiệp chính nghĩa ấy, Hội quyết định đưa vấn đề ra trước dư luận bằng báo chí và ngôn luận (tổ chức nói chuyện, mít tinh, thông qua các bạn dân biểu mà đặt vấn đề ra trên diễn đàn các nghị viện) và bằng tất cả mọi biện pháp mà chúng ta có thể làm.

"Hỡi các bạn bị áp bức ở chính quốc! Giai cấp tư sản trong nước các bạn đã lừa dối các bạn, dùng các bạn làm công cụ đi xâm lược đất nước chúng tôi. Ngày nay, vẫn dùng cái chính sách quỷ quyệt ấy *giai cấp tư sản nước các bạn lại định dùng chúng tôi để đàn áp mọi cố gắng tự giải phóng của các bạn.*

"Đứng trước chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc, quyền lợi của chúng ta là thống nhất, các bạn hãy nhớ lời kêu gọi của Các Mác:

"Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!".

"Hội Liên hiệp thuộc địa"

---

1) Nguyên bản: *Formule de Karl Marx.* Công thức này Mác nêu trong Điều lệ của Hội Liên hiệp lao động quốc tế: "Sự giải phóng của giai cấp công nhân phải là sự nghiệp của bản thân giai cấp công nhân".

PHỤ LỤC

GỬI THANH NIÊN AN NAM

Ông Đume, nguyên toàn quyền Đông Dương đã viết: "Khi nước Pháp đến Đông Dương, thì dân tộc An Nam đã chín muồi để làm nô lệ". Từ đó đến nay hơn một nửa thế kỷ đã trôi qua. Nhiều biến cố phi thường đã làm đảo lộn thế giới. Nhật Bản đã đứng vào hàng đầu các cường quốc trên thế giới. Trung Hoa đã làm cách mạng. Nga đã tống cổ lũ bạo chúa đi để trở thành một nước cộng hoà vô sản. Một luồng gió giải phóng mạnh mẽ đã làm cho các dân tộc bị áp bức vùng lên. Người Airlan, Ai Cập, Triều Tiên, Ấn Độ, tất cả những người chiến bại hôm qua và nô lệ hôm nay đó, đương đấu tranh dũng cảm cho nền độc lập ngày mai của họ. Riêng người An Nam, thì vẫn cứ thế: sẵn sàng làm nô lệ.

Hãy nghe đoạn văn khốn nạn này của một tên khách An Nam trong một bữa tiệc hai trăm người ăn, tổ chức ra để chiêu đãi bọn Utorây, Valuyđơ và bè lũ và để được ngửi mùi bít tất thối của bọn "liên minh dân tộc" này. Anh chàng An Nam ấy đã không ngại bỏ ra 85 quan cho một bữa chè chén. Hắn đọc diễn văn tại bữa tiệc:

"Tôi lấy làm tự hào được thay mặt cho toàn thể cử toạ nói lên tấm lòng tôn kính sâu sắc, niềm vui mừng và lòng biết ơn của chúng tôi đối với các vị. Đối với con mắt khâm phục của chúng tôi, các vị thật là những người tiêu biểu cho chính phủ của dân tộc Pháp vinh quang.

"Tôi không tìm ra được danh từ nào đủ đẹp để nói lên cho thật đúng ý nghĩa của tư tưởng sâu kín trong chúng tôi, nhưng thưa các vị, các vị hãy tin ở tình gắn bó thuỷ chung, ở lòng trung thành, ở sự sùng bái của chúng tôi đối với nước Đại Pháp, là người đỡ đầu và

bảo hộ, đã coi chúng tôi như con, không phân biệt màu da và chủng tộc.

"Mỗi người chúng tôi đều đã tự mình nhận thấy tất cả những ân huệ mà Nhà nước chí tôn và những vị đại diện cho nước Đại Pháp đã ban cho chúng tôi bằng cách áp dụng đúng đắn và sáng suốt những luật pháp rộng rãi và khoan hồng".

Trong đám tang viên toàn quyền Lông, ông N.K.V, tiến sĩ luật, tiến sĩ khoa chính trị và kinh tế, làm việc tại toà biện lý Sài Gòn, đã quả quyết rằng, nếu có thể phát biểu thay toàn thể nhân dân Đông Dương, thì ông sẽ đau đớn nói lên lời cảm tạ thiết tha đối với quan toàn quyền về tất cả những gì mà Ngài đã làm cho dân tộc An Nam. Rồi ông V. kêu to lên rằng:

"Những người mà nhờ những biện pháp bao dung của Ngài, ngày nay đang được cùng các vị đại diện của Nhà nước bảo hộ góp phần vào sự phồn vinh không ngừng tăng lên của xứ Đông Dương, những người ấy cảm tạ Ngài tự đáy lòng và sùng bái hình ảnh của Ngài. Kinh tế là vấn đề mà Ngài lo nghĩ đến nhiều nhất. Ngài đã muốn cho Đông Dương có đủ trang bị kinh tế để trở thành một nước Pháp thứ hai, một nước Pháp hùng cường ở Viễn Đông, một chi nhánh của nước Pháp Cộng hoà!

"Ngài đã đem hết tâm hồn, trí não vào sứ mệnh của Ngài là khai hoá cho một dân tộc bị ngăn cản trên con đường tiến bộ vì nhiều điều kiện lịch sử và khí hậu. Ngài là người chiến sĩ vô song của tiến bộ và là sứ giả của văn minh ...".

Còn ông Cao Văn Sen, kỹ sư, hội trưởng hội những người Đông Dương tại Pháp, thì nói rằng việc ông Lông chết quá sớm là một cái tang cho Đông Dương. Rồi ông kết thúc bài điếu văn bằng những lời sau đây:

"Thưa quan toàn quyền, chúng tôi chân thành thương tiếc Ngài vì đối với tất cả chúng tôi, Ngài là một ông chủ bao dung, khoan thứ như một người cha".

Từ những việc trên, tôi xin kết luận rằng, nếu quả thật tất cả

mọi người An Nam đều rạp mình sát đất như bè lũ tay sai ấy của chính quyền thì người An Nam có phải chịu số kiếp nô lệ cũng là đáng đời.

*

* *

Thanh niên ta cũng cần biết là hiện nay có hơn hai nghìn thanh niên Trung Quốc trên đất Pháp và độ năm vạn ở châu Âu và châu Mỹ. Hầu hết những thanh niên ấy đều đã tốt nghiệp Hán văn và tất cả đang là sinh viên - công nhân. Còn chúng ta, thì chúng ta có những sinh viên được học bổng và những sinh viên thường, nhờ ơn nhà nước hay tiền của cha mẹ (hại thay, hai cái nguồn ấy lại không bao giờ cạn cả), mà đang dành một nửa thì giờ vào các việc... chơi bi a, một nửa của nửa thì giờ còn lại để đến các chốn ăn chơi; số thì giờ còn lại, mà ít khi còn lắm, thì để vào trường đại học hoặc trường trung học. Nhưng sinh viên - công nhân Trung Quốc thì lại không có mục đích nào khác hơn là nhằm *thực sự* chấn hưng nền kinh tế nước nhà và họ theo châm ngôn: "Sinh sống bằng lao động của bản thân và vừa học hỏi vừa lao động".

Họ đã làm như thế này: vừa đặt chân lên đất nước người là tất cả những người có năng khiếu giống nhau và cùng muốn học một nghề thì tập hợp lại thành nhóm để vận động xin việc với bọn chủ. Khi được nhận vào xưởng thợ hay nhà máy, thì cố nhiên là họ bắt đầu bằng cách học việc, rồi sau trở thành thợ. Đối với nhiều người đã được nuôi dưỡng trong cảnh giàu sang và được gia đình chiều chuộng, thì làm những việc nặng nhọc là một điều gian khổ. Nếu họ không có một quyết tâm vững chắc, không được một sức mạnh tinh thần phi thường thúc đẩy thì phần lớn đã phải chùn bước. Nhưng cho tới nay, tất cả vẫn tiếp tục làm việc. Một trở lực thứ hai là ngôn ngữ bất đồng, họ đã khắc phục được trở lực ấy nhờ biết lợi dụng khiếu quan sát, cái khiếu gần như là một bản năng đặc biệt của những người Viễn Đông chúng ta. Nếu họ không hiểu được hay hiểu một cách khó khăn những lời chủ họ nói, thì họ chăm chú quan sát những cái mà chủ chỉ cho họ.

Họ kiếm không được bao nhiêu tiền. Với số tiền công ít ỏi, trước

hết họ phải tính sao cho đủ sống. Và, họ coi việc không xin tiền chính phủ, không xin tiền gia đình là một vấn đề danh dự. Sau nữa, tuỳ theo số tiền kiếm được họ trích một phần để đóng vào quỹ tương tế do họ lập ra. Quỹ này nhằm hai mục đích: 1) giúp đỡ những sinh viên đau ốm có giấy chứng nhận của thầy thuốc, và những sinh viên thất nghiệp có giấy chứng nhận của chủ; 2) trợ cấp một số tiền trong một năm cho tất cả những người mới học nghề xong để giúp họ bổ túc nghiệp vụ.

Lao động ở nước nào, họ cũng xuất bản ở đấy một tờ tạp chí (luôn luôn là do sinh viên - công nhân đóng góp). Tạp chí ấy viết bằng chữ Hán, cung cấp tin tức của Tổ quốc và đăng những vấn đề thời sự lớn trên thế giới, v.v.. Tạp chí dành một mục cho độc giả trao đổi những điều bổ ích cho việc học nghề của họ, báo cho nhau biết sự tiến bộ của từng người, khuyên nhủ và động viên nhau. Ban ngày họ làm việc, ban đêm, họ học tập.

Kiên trì, quyết tâm và đoàn kết như thế, các "ông chú trẻ tuổi"[1)] của chúng ta chắc chắn sẽ đạt mục đích. Với một đạo quân 50.000 công nhân dũng cảm đáng khâm phục, lại được đào tạo trong kỷ luật và kỹ thuật hiện đại, thì không bao lâu nữa, Trung Quốc sẽ có một địa vị trong hàng các cường quốc công nghiệp và thương nghiệp thế giới.

Ở Đông Dương, chúng ta có đủ tất cả những cái mà một dân tộc có thể mong muốn như: hải cảng, hầm mỏ, đồng ruộng mênh mông, rừng rú bao la; chúng ta có những người lao động khéo léo và cần cù.

Nhưng chúng ta thiếu tổ chức và thiếu người tổ chức! Bởi thế công nghiệp và thương nghiệp của chúng ta là một con số không. Thế thì thanh niên của ta đang làm gì? Nói ra thì buồn, buồn lắm: họ không làm gì cả. Những thanh niên không có phương tiện thì

1) Từ "chú" thường dùng để chỉ Hoa kiều ở Việt Nam ("chú khách" hay "khách trú").

không dám rời quê nhà; những người có phương tiện thì lại chìm ngập trong sự biếng nhác; còn những kẻ đã xuất dương thì chỉ nghĩ đến việc thoả mãn tính tò mò của tuổi trẻ mà thôi!

Hỡi Đông Dương đáng thương hại! Người sẽ chết mất, nếu đám Thanh niên già cỗi của Người không sớm hồi sinh.

VĂN MINH TƯ BẢN CHỦ NGHĨA VÀ PHỤ NỮ Ở CÁC THUỘC ĐỊA

Hiếm mới có dịp những tiếng nói được cất lên - tuy rất rụt rè - trong các nghị viện của các chính quốc để làm cho người ta chú ý đến tình cảnh thê thảm của giai cấp vô sản thuộc địa. Còn thảm thương hơn nữa là số phận của phụ nữ và trẻ em làm thuê trong những công việc nặng nhọc như làm than và làm việc trong các hầm mỏ.

Trong các nước bị chiếm đó, không có luật hay sự hạn chế nào để kiềm chế bớt bọn bóc lột. Những người thợ bản xứ bị coi như súc vật. Người ta chỉ cho họ những gì vừa đủ để khỏi chết đói. Người ta dùng roi để thúc họ đi. Không có bảo hộ lao động, không có bồi thường tai nạn. Người ta thấy lại trong các thuộc địa đó tất cả hệ thống phong kiến trung cổ và dã man của chủ nghĩa tư bản. Hãy lấy sự bóc lột trong các hầm mỏ ở Ấn Độ thuộc Anh làm ví dụ, chúng ta sẽ thấy thứ nhân đạo và văn minh của bọn con buôn của đế quốc Anh. Một nghị sĩ Anh vừa cho chúng tôi biết rằng, cho đến năm 1921, ở Ấn Độ, có 252 hầm mỏ được khai thác.

Các hầm mỏ đó dùng 42.000 phụ nữ và 1.171 trẻ em. Thật là một sự nhục nhã cho thế kỷ XX phải thấy những phụ nữ bước run run, đầu đội thúng than nặng, mà vẫn phải bước vì đói; và những trẻ em từ 12 đến 13 tuổi bò trong những đường hầm chật hẹp, vừa đi bằng bốn chân, vừa dùng răng kéo một thúng đầy!

Tư bản đầu tư vào các hầm mỏ đó là 5.681.000 livrơ.

Lợi nhuận từ 35 đến 50%. Có khi lên tới 80-90%. Một công ty thừa nhận rằng trong thời gian 1911-1921, trung bình lợi nhuận mỗi năm là 110%.

Trong lúc các nhà đi khai hoá của chúng ta ngày càng béo ra với những món lợi nhuận khổng lồ, thì sau đây là những điều đã xảy ra đối với nam nữ công nhân người bản xứ:

1.465 tai nạn chết người,

1.871 người chết,

2.212 người bị thương nặng.

40% vô sản hầm mỏ là phụ nữ và trẻ em, chúng ta có thể kết luận rằng, trong thời gian 10 năm, không dưới 2.200 phụ nữ và trẻ em Ấn Độ đã phải hy sinh trên bàn thờ của chủ nghĩa tư bản đi khai hoá.

Vừa rồi, một đạo luật được thông qua quy định ngày làm việc dưới hầm là 9 giờ cho người lớn, và cho phép chính phủ "cải thiện" tình cảnh của phụ nữ và trẻ em làm việc trong hầm mỏ. Nhưng đạo luật đó chỉ được thi hành sau năm 1924. Trong lúc chờ đợi, bọn chủ tiếp tục bóc lột một cách vô liêm sỉ, và phụ nữ, trẻ em Ấn Độ vẫn tiếp tục đau khổ.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tài liệu tiếng Phá[)], lưu tại
Cục lưu trữ Văn phòng
Trung ương Đảng.

---

1) Trong nguyên bản có dòng chữ "Les vertueuses emigrées" (Những phụ nữ tiết hạnh lưu vong).

LÊNIN VÀ CÁC DÂN TỘC THUỘC ĐỊA[24]

Bài viết của đại diện các thuộc địa Pháp bên cạnh Quốc tế Cộng sản

Lênin đã đặt tiền đề cho một thời đại mới, thật sự cách mạng trong các nước thuộc địa.

Lênin là người đầu tiên đã kiên quyết lên án mọi thành kiến về vấn đề này còn âm ỷ trong đầu óc của nhiều nhà cách mạng châu Âu và châu Mỹ.

Mọi người đều biết rõ những luận cương của Quốc tế Cộng sản về vấn đề thuộc địa. Trong tất cả các Đại hội của Quốc tế Cộng sản, của Quốc tế Công đoàn[25] và Quốc tế Thanh niên cộng sản[26], vấn đề các nước thuộc địa đã được nêu lên hàng đầu. Lênin là người đầu tiên đã hiểu và đánh giá hết tầm quan trọng lớn lao của việc lôi cuốn nhân dân các nước thuộc địa vào phong trào cách mạng. Lênin là người đầu tiên đã chỉ rõ rằng, nếu không có sự tham gia của các dân tộc thuộc địa, thì cách mạng xã hội không thể có được.

Lênin đã tìm ra những phương pháp có hiệu quả để tiến hành có kết quả công tác trong các nước thuộc địa và đã nhấn mạnh là cần phải sử dụng phong trào cách mạng dân tộc ở những nước này.

Các đại biểu của các nước thuộc địa tham dự các Đại hội của Quốc tế Cộng sản, vẫn còn nhớ vị lãnh tụ - người đồng chí đã dành cho họ sự chú ý dường nào, và Người đã biết đi sâu tìm hiểu như thế nào những điều kiện công tác phức tạp nhất và thuần tuý có

tính chất địa phương. Mỗi người chúng ta đều có đủ thời gian cần thiết để tin chắc rằng những điều nhận xét của Người là đúng và những lời giáo huấn của Người là quý giá đến mức nào. Với phương pháp khéo léo của mình, Lênin đã lay chuyển được quần chúng nhân dân chưa giác ngộ và lạc hậu nhất trong các nước thuộc địa. Sách lược của Lênin về vấn đề này đã được các đảng cộng sản trên toàn thế giới áp dụng, đang lôi cuốn tất cả những phần tử ưu tú và tích cực ở các nước thuộc địa vào phong trào cộng sản.

Việc Lênin giải quyết vấn đề dân tộc hết sức phức tạp ở nước Nga Xôviết là một thứ vũ khí tuyên truyền mạnh mẽ trong các nước thuộc địa.

Trong con mắt của các dân tộc thuộc địa, trong lịch sử cuộc đời khổ đau và bị mất quyền của các dân tộc thuộc địa, Lênin là người sáng tạo ra cuộc đời mới, là ngọn hải đăng chỉ dẫn con đường đi tới giải phóng cho toàn thể nhân loại bị áp bức.

NGUYỄN ÁI)

Tạp chí Đỏ (Liên Xô), tiếng Nga,
số 2, năm 1925.

---

1) Trong nguyên bản, các chữ NGUYỄN ÁI QUỐC viết bằng chữ Hán.

THƯ GỬI CHO MỘT ĐỒNG CHÍ ĐẢNG VIÊN ĐẢNG CỘNG SẢN PHÁP

Quảng Châu, ngày 19-2-1925

Đồng chí thân mến,

Tôi không biết đồng chí là ai, nhưng tôi đoán rằng đồng chí phải là Maran. Có đúng vậy không? Trước khi đi, tôi đã yêu cầu Đảng gửi đến tôi báo chí và các tài liệu khác cho công tác tuyên truyền. Tôi ở Trung Quốc đã 5 tháng nay, và tôi chưa nhận được gì cả. Tôi hoàn toàn không biết những gì đã xảy ra trong Đảng và ở châu Âu.

Ở đây, có nhiều công tác phải làm, mà công tác thì rất thú vị, ở trong Đảng Trung Quốc cũng như ở trong Đảng mới của An Nam mà chúng tôi đang xây dựng.

Tôi gửi đến đồng chí bản sao bức thư của tôi gửi Đoàn Chủ tịch. Trong thư có 3 nội dung:

1) Yêu cầu kinh phí - vì tôi không thể xin ở Đảng khi mà Đảng không có đồng nào, đồng chí hãy cố gắng để Đoàn Chủ tịch đáp ứng yêu cầu của tôi. Không được như vậy sẽ không có tiền để làm việc có kết quả.

2) Đề nghị gửi sinh viên - Đối với một thuộc địa như Đông Dương, chúng tôi phải có ít nhất 10 sinh viên - tuyên truyền viên. Nhưng chúng tôi có thể gửi 5 hay 7 người. Điều chủ yếu là cho tôi biết càng sớm càng tốt con số được chấp nhận để tôi có thể chọn trong số những người đang ở Trung

Quốc hay phải đi tìm người ở trong nước. Với cả hai đề nghị này, tôi chắc rằng đồng chí sẽ phải đấu tranh vất vả; vì đồng chí Tơranh đã đấu tranh vất vả cho việc đi của tôi.

3) Về tài liệu tuyên truyền - Tôi chẳng có gì cả trừ phi đồng chí viết một bức thư thúc giục rất khẩn cấp cho Ban Bí thư hay cho Bộ Chính trị của Đảng. Địa chỉ của tôi là: Lý. Hãng thông tấn Rôxta-Quảng Châu - Trung Quốc.

Báo chí nói rằng Misen Mácty đã ra khỏi Đảng và cũng khuyên Ăngđrê làm mạnh hơn nữa. Có đúng không?

Tôi quên một việc khá quan trọng. Đồng chí hỏi Ban Nghiên cứu thuộc địa của Đảng chúng ta: *Nguyễn Thế Truyền* có phải là đảng viên hay không? Nếu đúng là đảng viên, phải chỉ thị cho Truyền gia nhập *nhóm lập hiến*, vừa được tổ chức ở Pari để làm hạt nhân.

Tôi tin tưởng ở đồng chí và gửi tới đồng chí lời chào cộng sản anh em.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tài liệu tiếng Pháp,
lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

GỬI ĐOÀN CHỦ TỊCH QUỐC TẾ CỘNG SẢN

Vấn đề Đông Dương

Quảng Châu, ngày 19-2-1925.

Kính gửi Đoàn Chủ tịch Quốc tế Cộng sản.

Các đồng chí thân mến,

Tình hình Đông Dương hiện nay vẫn giống như tôi đã mô tả trong bản báo cáo đầu tiên của tôi. Tôi chỉ xin trình bày với các đồng chí 3 việc sau đây:

1. Đảng Lập hiến mà tôi đã nói đến trong bản báo cáo gần đây nhất với các đồng chí vừa mới được tăng cường do sự gia nhập của một nhà cách mạng An Nam lão thành, một nhà nho, bị kết án tử hình, được ân xá, bị trục xuất sang Pháp, và cuối cùng được chính phủ Eriô cho nhập quốc tịch Pháp. Chương trình được công bố của Đảng ấy là: Pháp - An Nam hợp tác và việc tầng lớp thượng lưu của người An Nam được nhập quốc tịch Pháp.

2. Những người bảo thủ và những người dân chủ người Pháp đang đấu tranh với nhau ở Đông Dương như những ông chủ của họ đang đấu tranh với nhau ở Pháp. Mới đây, nhiều truyền đơn chống đế quốc đã được rải ở Nam Kỳ (căn cứ vào những đoạn trích, tôi cho rằng, những truyền đơn ấy là của Ban thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp). Những người bảo thủ kêu lên: Hãy coi chừng chủ nghĩa bônsêvích! Còn những

người dân chủ lại trả lời họ rằng: Chính các anh đã bày ra những trò ấy để doạ chúng tôi!

3. Chính phủ Xiêm mới trao cho Chính phủ Pháp một nhà cách mạng An Nam lão thành từ Trung Quốc đến. Chính phủ Pháp thường quen yêu cầu trục xuất các nhà cách mạng An Nam lưu vong ở Xiêm; người vừa mới bị trục xuất đã bị chặt đầu không xét xử sau khi đến Sài Gòn được 24 tiếng đồng hồ.

Công tác đã làm được:

Chúng tôi đã lập một nhóm bí mật gồm 9 hội viên, trong đó có:

2 người đã được phái về nước.

3 người ở tiền tuyến (trong quân đội của Tôn Dật Tiên).

1 người đang đi công cán quân sự (cho Quốc dân đảng).

Trong số hội viên đó, có 5 người đã là đảng viên dự bị của Đảng Cộng sản.

Chúng tôi còn có 2 đoàn viên dự bị của Đoàn Thanh niên Cộng sản Lênin.

Chúng tôi có tại Xiêm một trạm - cơ sở (để đưa đón người ra vào) khá vững. Ở đó có chừng 50 người làm ruộng đoàn kết chặt chẽ và trước đây đã giúp được rất nhiều việc. Giờ đây, chúng tôi phải tổ chức họ lại về mặt chính trị và củng cố cơ sở đó về mặt kinh tế, bằng cách mở rộng nó.

Những việc chúng tôi phải làm trong năm nay:

a) Thiết lập một cơ sở hoạt động tại Quảng Châu.

b) Thiết lập những cơ sở giao thông:

1. Ở Quảng Tây.

2. Ở phía cực Nam Quảng Đông.

3. Ở Băng Cốc.

4. Ở Tích Kho (điểm kết thúc của đường xe lửa Băng Cốc và cách Lạc Phách 20 ngày đường).

5. Ở Lạc Phách, trên tả ngạn sông Mê Kông và cách Trung Kỳ

15 ngày đường.

c) Phái một đồng chí về ở trong nước để thu thập và chuyển tin tức.

d) Phái một hoặc nhiều đồng chí làm việc trên các tàu thuỷ đi lại giữa Trung Quốc và Đông Dương.

Tất cả những công việc cần thiết ấy sẽ tốn chừng 5.000 đôla.

e) Gửi sinh viên An Nam sang học Trường đại học cộng sản ở Mátxcơva.

Những điều tôi yêu cầu các đồng chí:

Một đồng chí khác và tôi, chúng tôi chỉ có thể để dành dụm - đến mức cao nhất - từ 100 đến 150 đôla mỗi tháng, số tiền này hoàn toàn không đủ cho công tác khẩn cấp của chúng tôi. Vậy tôi yêu cầu các đồng chí:

1. Vui lòng cấp cho tôi một số tiền.

2. Cho tôi biết là có thể gửi bao nhiêu sinh viên An Nam sang Mátxcơva.

3. Tôi sẽ cám ơn các đồng chí rất nhiều nếu các đồng chí trả lời những yêu cầu của tôi bằng điện báo.

4. Gửi cho tôi tài liệu tuyên truyền bằng tiếng Pháp (để cho sinh viên An Nam và binh lính Pháp).

Xin gửi lời chào cộng sản

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tài liệu tiếng Phá[1], lưu tại
Cục lưu trữ Văn phòng
Trung ương Đảng.

---

1) Trong bản tiếng Pháp cuối báo cáo có vẽ bản đồ ghi các địa điểm là cơ sở giao thông.

CON RÙA

(Truyện)

Cốc! Cốc! Cốc!

- Ai đấy? Ông Xã, lý trưởng làng La [1], vừa hỏi to vừa bước ra mở cổng cái vườn con... Chào ông anh ạ! Ông nói với người vừa ló ra. May mắn làm sao tệ xá lại được vinh hạnh đón tiếp ông anh quá bộ lại chơi thế này?

- Trời bao nhiêu sao thì xin mừng bác phúc lộc bấy nhiêu, khách lạ trả lời. Chả là tôi mang đến bác tờ trát của quan sứ.

Xem lướt xong lệnh của quan trên, ông Xã gãi đầu gãi tai. Ông có vẻ quýnh lắm.

- Gì thế, ông? Bà vợ lo lắng hỏi.

Ông Xã không đáp, chỉ ra hiệu cho người bạn đời thân quý của ông đi theo ông.

Khi chỉ còn hai người, ông nói: "Hiền thê ta ơi! Sự thể như thế này. Quan sứ đòi tôi lên dinh ngài. Nhà nó cũng biết đấy: Quan là một ông Tây tốt chỉ thích của tốt, cho nên mình mà vào nhà ngài hai tay rỗng không thì khi ra khỏi nhà ngài là đôi mông no đòn. Thế nhưng nhà mình có gì coi được: gà, thỏ, vịt, gà tây, thì đã bán sạch để nộp thuế cả rồi còn đâu! Lấy gì dâng quan bây giờ?".

Đến lượt bà vợ ông Xã trở nên tư lự. Bà biết rằng cái con người đáng sợ mà ông chồng thân yêu của bà sắp phải lên trình diện này, trước kia - trong thời kỳ bình định - đã từng chặt 75 cái đầu hào mục xứ Bắc Kỳ. Lên làm quan sứ, ông ra lệnh cứ nện đòn bất luận

---

1) *La Lo*, tên làng đặt hài hước bằng cách gộp yếu tố ngữ pháp Pháp *la* thường đứng trước danh từ, có thể coi tương đương như *sự, cái, nỗi*... và từ Việt *lo* (lo lắng).

tên dân An Nam nào, đàn ông hay đàn bà cũng thế, qua cổng nhà ông mà không hạ mũ nón. Tính ông hung bạo làm dân chúng khiếp vía. Muốn vui chuồng gà, ông mượn gà mái của dân trong vùng, rồi chẳng bao giờ trả lại sau khi đã có cả trứng lẫn gà con. Nói tóm lại là bà biết rằng ông quan da trắng này dữ tợn lắm, và bà run sợ sẵn khi nghĩ trước đến cảnh tượng chồng bà sẽ được tiếp đón như thế nào nếu không mang gì đến đấm cái mõm công sứ.

- Tôi nghĩ ra rồi, im lặng mấy phút rồi bà nói, nghĩ cái hay lắm!

...

Đặt xong xuôi con rùa ngay ngắn trên cái khay bạc thuê của chính nàng hầu quan sứ, bày xong xuôi cả khay lẫn rùa lên chiếc chiếu trải trước cửa phòng giấy ngài công sứ, ông Xã đến trình diện với tất cả nỗi niềm cung kính tất phải có đối với vị đại diện của Nhà nước bảo hộ.

- Lạy quan lớn, ông vừa thưa vừa quay lại phía chiếu, dám xin quan lớn nhận cho, của mọn thôi ạ! Cái món qu... qu...[1].

Ông không nói hết được tiếng quà, vì thoắt nhận ra rằng trên khay thế là đã khuất bóng rùa. Cái con vật, không buộc, đã thừa lúc ông Xã khốn khổ nhà ta quay đi mà chuồn mất.

Nhưng quan sứ - ngài khoan hoà rất mực - reo to lên:

- Ô cái khay đẹp quá thôi! Để ta phải gửi lên biếu quan toàn quyền mới được! Đúng hôm nay lại là ngày lễ sinh nhật toàn quyền phu nhân, hẳn bà thích lắm đấy.

"Và ông thì ông sẽ thăng cấp cho ta", ngài công sứ nghĩ thầm thêm trong bụng.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Le Paria,* số 32,
tháng 2 và tháng 3-1925.
Nguyễn Ái Quốc: *Truyện và ký,*
Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội,
1974, tr.39-41.

Theo bài in trong sách
Truyện và ký.

1) Nguyên bản: *Ce petit ca... ca...* (Chơi chữ: Mời quan ăn lễ nhận "quà" là *cadeau,* nhưng cuống không nói hết được, lắp bắp thành ca... ca...; mà *caca* thì có nghĩa là phân người. Chỉ chuyển được phần nào ý đùa nhạo sang tiếng Việt).

CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC PHÁP Ở VIỄN ĐÔNG-VAREN VÀ ĐÔNG DƯƠNG

Panhlơ[1] cử Varen sang Đông Dương vì sao?

1. Vì trước nguy cơ một sự chia rẽ trong Cá[2], Panhlơvê tìm cách (thật khổ cho tôi phải nói ra) lấy lòng đảng viên xã hội, qua cá nhân Varen, kẻ được chọn trong số những kẻ độc ác nhất. Còn Varen, trước và sau đều có đối thủ ganh đua, không mong gì hơn là được ngoạm, miễn là miếng đáng ngoạm mà miếng này thì đáng ngoạm thật!

Có nghĩa là 20 triệu dân Đông Dương, một lần nữa sẽ phải trả giá cho sự tha hóa của Nhà nước chính quốc và tham vọng của bọn hãnh tiến ở chính quốc.

Số phận của một dân tộc mất độc lập là như thế đấy... Và cũng là số phận của vô sản ở chính quốc, vì họ lại cũng sắp bị Chính phủ và thủ lĩnh của họ gạt cho một lần nữa.

Vấn đề là còn phải liệu xem có ăn thua gì không?

2. Vì tình hình Đông Dương và quanh Đông Dương là nghiêm trọng.

1) *Panhlơvê* (1863-1933). Thủ tướng Pháp năm 1917 và 1925.

2) *Cáctel*. Một hình thức tổ chức độc quyền, tập hợp những chủ doanh nghiệp của một ngành để độc chiếm thị trường và thu lợi nhuận nhiều nhất. Ở đây, tác giả dùng để ám chỉ sự liên minh giữa Đảng Xã hội và Đảng Xã hội cấp tiến lúc bấy giờ.

Người An Nam chán ngấy nền đô hộ Pháp lắm rồi. Nỗi căm hờn âm ỉ trong lòng họ và chỉ chờ có dịp là nổ bung ra. Và, dịp ấy, là đây: Trung Quốc, sát nách Đông Dương, đã cựa mình và bắt đầu đánh đuổi chủ nghĩa đế quốc.

Ở biên giới Bắc Kỳ thì đây là Vân Nam. Pháp đã mấy lần toan xâm chiếm tỉnh này và tiến hành thuộc địa hoá về kinh tế nhờ vào con đường sắt của mình. Pháp đã mua chuộc tên tỉnh trưởng gần đây, nhưng làm sao mua chuộc được nhân dân, và tên tỉnh trưởng bị mua chuộc thì hiện đang bỏ chạy. Ngân hàng B.I.[1] bị phá sản đã kéo theo một cuộc tấn công vào số người Pháp ở Vân Nam phủ. Không biết hôm nay thì việc gì xảy ra?

Bây giờ đến Quảng Tây. Tháng sáu vừa qua, ở Pho [2], xảy ra một cuộc đụng độ, trong trận này, viên giám binh Pháp, ông Lagác, bị thương nặng và nhiều lính khố xanh An Nam bị giết.

Ở Thượng Hải, chủ nghĩa đế quốc Pháp không bị đòn như các đế quốc khác. Nhưng rồi... sẽ đến lượt mình. Ở Quảng Châu, súng máy Pháp đã giết 30 người Trung Quốc, làm bị thương 70. Người Trung Quốc hẳn còn nhớ đấy.

Chuyện Marốc còn chưa xong, lại lạm phát, lại chuyện Xyri, có một hạm đội thì thuộc loại xoàng, làm sao Pháp có thể bảo vệ Đông Dương, không phải chỉ chống lại cuộc nổi dậy của người bản xứ mà còn phải chống lại cả một cuộc xâm lược từ bên ngoài. Chỉ có Nhật có thể giúp Pháp, nên Pháp tiến hành đàm phán kinh tế với Nhật nhưng Nhật thì lại hướng về khối Nga - Á.

Cuối cùng cái hoa đỏ vẫn rình nhà ngươi đó, hỡi tên cướp Utơrây! Quảng Châu, nơi cư trú của những người cách mạng An Nam. Quảng Châu, nơi có một trường võ bị, mà theo lời nhà ngươi, có đông người An Nam đến đăng ký học. Quảng Châu, mà nước Pháp thuê lính Vân Nam cũng không triệt hạ nổi. Quảng Châu, trung tâm của chủ nghĩa bônsêvích! Đó

1) Ngân hàng Đông Dương - Trung Hoa.

2) *Fort Bayard*. Một nhượng địa của Pháp ở Quảng Tây.

còn là một mối hoạ nữa. Mà là mối hoạ lớn hơn cả, phải loại trừ nó trước tiên bằng cách ngăn không cho người bản xứ nghe lời người bônsêvích!

Nhưng mà làm thế nào? Làm thế nào?

Vậy thì trong một ánh chớp vui sướng hệt như Ácsimét vừa ra khỏi nhà tắm, Panhlơvê tự nhủ: ta sẽ cử đến đấy một đảng viên xã hội! Một "đảng viên xã hội" chứ không phải một đảng viên xã hội - cấp tiến (ta đã đưa Đume và Xarô mà nào có ăn thua gì). Một đảng viên xã hội, đúng thế! Các ngài có biết một đảng viên xã hội là thế nào không? Là kẻ ở đây thì không ra gì, nhưng ở nơi xa kia thì ghê lắm. Bất kể điều gì y nói ra, người bản xứ sẽ ngốn cả, và họ sẽ xa lánh bọn bônsêvích, và họ sẽ ngồi yên. Ta sẽ ru ngủ dân bản xứ không chỉ bằng thuốc phiện và rượu cồn, mà còn bằng hứa hẹn hàng đống những cải cách. Ta sẽ thực hiện mấy điều cho phải cách, vì trong "cải cách" thì có "cách" mà! Như thế đâu phải là sẽ không nắm được bọn da vàng, mà ngược lại thì có!

Vấn đề là còn phải liệu xem có ăn thua gì không?

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Le Paria*, số 35,
tháng 2-1925.

NHỮNG VẤN ĐỀ CHÂU Á

Nội chiến ở Trung Quốc. - Việc chuẩn bị về quân sự của Anh - Mỹ ở Thái Bình Dương. - Mấy ý tưởng của Nhật Bản

Những sự biến ở Trung Quốc ngày càng đáng cho ta chú ý đến nhiều hơn, nếu ta coi đó là những sự biến gắn liền với toàn cục, tức tình hình chung ở châu Á.

Cuộc nội chiến nhen lên ở Trung Quốc thực ra chỉ là một cuộc đọ gươm giữa các đế quốc Pháp - Nhật và Anh - Mỹ.

Ngô Bội Phu, người của đế quốc Anh - Mỹ thua. Trương Tác Lâm người của đế quốc Pháp - Nhật được: nhưng được cuộc, thì lại chẳng phải là Nhật, mà cũng chẳng phải là Pháp. Số là, may thay có một lực lượng thứ ba không làm tôi tớ cho tập đoàn đế quốc nào cả. Ý tôi muốn nói đảng cách mạng của Tôn Dật Tiên.

Những vị tướng Trung Quốc vừa mới hạ vũ khí - trong bao lâu?- thì Pháp đã đòi những khoản còn thiếu trong số tiền gọi là bồi thường về phong trào Nghĩa hoà đoàn[27]; Nhật đòi nhượng cho mình những căn cứ điện báo; Mỹ đòi phải áp dụng một kế hoạch na ná như kế hoạch Đaoxơ[28]; Anh đòi kiểm soát đường sắt ở Trung Quốc. Trước những yêu sách đó, Tôn Dật Tiên và đảng Quốc dân cách mạng của mình, tức *Quốc dân đảng* đáp lại rằng: "Hãy khoan! Chúng tôi, chúng tôi đòi phải huỷ bỏ những hiệp ước bất công, xoá bỏ những nhượng bộ nhục nhã; tóm lại Trung Quốc phải là của người Trung Quốc và người Trung Quốc phải được tự do giải quyết công việc của mình theo ý mình muốn. Còn sau sẽ hay".

Vì vậy ở Trung Quốc, Tôn Dật Tiên là một trong những nhà chính trị mà bọn đế quốc ghét nhất và gờm nhất. Nhưng Carakhan, đại sứ Liên Xô ở Bắc Kinh, cũng bị họ thù ghét chẳng kém gì.

Từ sau Hội nghị Oasinhtơn[29], Nhật không liên minh với Anh nữa. Xét rằng hoạt động ở Trung Quốc và ở Ấn Độ của người bạn đồng minh cũ có phần nguy hiểm, Anh đã cắt đứt liên hệ bạn bè với Nhật để bắt tay với chú) chặt chẽ hơn, vì quyền lợi của chú Sam ở Trung Quốc dễ thoả thuận với quyền lợi của Anh. Việc bỏ rơi đó mới chỉ là bước đầu: đế quốc Nhật sẽ còn bị nhiều vố nữa! Trái lại, Pháp đã tỏ vẻ rất trọng vọng Nhật và đã cho Nhật hưởng một mức thuế nhập khẩu ưu đãi ở Đông Dương. Thật là một ân huệ nhỏ bé chẳng gây được một tiếng vang nào trên thế giới, mà trái lại thì thế giới đã vừa được nghe thấy tiếng bom nổ trong vụ mưu sát ở Quảng Châu.

Nhật vừa bị Anh bỏ rơi thì luôn ngay ở Mỹ người ta lại bỏ phiếu cấm người Nhật di cư sang Mỹ. Đế quốc Nhật không thể nào lại không nhăn mặt về điều nhục nhã này; họ đã phản ứng lại bằng những cuộc phản đối và những cuộc biểu tình kịch liệt nhưng vô hiệu quả. Bị bạn đồng minh cũ bỏ rơi, bị kẻ thù luôn luôn chửi vào mặt, Nhật đã sôi sục căm phẫn. Họ mới nảy ra cái ý nghĩ thành lập Khối Liên Á. Tại sao lại không thành lập một liên minh Nga - Hoa-Nhật? Đề xướng ra ý kiến mới này là những giáo chức đại học, những chính khách, trong đó có chủ tịch phòng tài chính. Báo chí thạo tin ở phương Tây (*Tạp chí Bỉ,* chẳng hạn) nhất là báo chí Anh đều nghiên cứu ý kiến đó một cách lo ngại, nhưng làm ra vẻ không có gì là quan trọng cả.

Việc khởi công quy hoạch lại căn cứ thuỷ quân Xanhgapo, tốn đến 11 triệu đồng bảng Anh, phải chăng là một cái chấm dứt của "tình hữu nghị" Anh - Nhật và là một lời đáp thiết thực đối với cái ý định thành lập một liên minh châu Á? Nhưng dù sao cũng là một hành động chuẩn bị ăn ý của chủ nghĩa đế quốc Anh - Mỹ.

---

1) Chỉ đế quốc Mỹ.

Nước Mỹ, đã có một ngân sách thuỷ quân là 300 triệu đôla và một hạm đội gồm 840 thuỷ phi cơ, 18 chiến hạm, 81 tàu ngầm, 103 khu trục hạm, 113 tuần dương hạm, phóng ngư lôi hạm và các chiến thuyền nhỏ khác, cùng với 4.785 sĩ quan hải quân và 86.000 thuỷ thủ, lại sắp đóng thêm 8 tuần dương hạm mới. Hình như đó chỉ cốt để đạt số "5-5-3" (xin giải thích để những người không sành về vấn đề này được rõ rằng, đây là công thức về tỷ lệ các lực lượng hải quân mà hội nghị "tài giảm binh bị" ở Oasinhtơn đã quy định cho Mỹ, Anh và Nhật). Và nay mai, ở Thái Bình Dương, sẽ có những cuộc diễn tập lớn của hạm đội Mỹ.

Dư luận ở Nhật thấy: nào là hội nghị Đế quốc[30] - hội nghị phòng thủ Đế)- ở Luân Đôn, nào là các công trình ở Xanhgapo, nào là các cuộc diễn tập lớn ở Thái Bình Dương. Và tự hỏi: Chuẩn bị như thế để đánh ai đây? Nhật là cường quốc duy nhất ở châu Á có lực lượng vũ trang, là kình địch duy nhất của các đế quốc Anh và Mỹ ở Thái Bình Dương. Nhật cảm thấy mũi dùi chĩa thẳng vào mình. Kết quả là trong nước cứ sôi lên sùng sục. Tiếp sau ý kiến thành lập một liên minh châu Á, lại nảy ra ý kiến thành lập một liên bang các chủng tộc da vàng. Theo lời của những người đề xướng ý kiến đó, 1.000.000.000 người da vàng có nhiệm vụ phải trút bỏ ách thống trị của 60.000.000 người da trắng đi. Đó là một chủ trương không thể thực hiện được do lòng ích kỷ của người Nhật và do những điều mà họ đã làm. Trong khi phản đối đạo luật Mỹ cấm người da vàng di cư đến Mỹ, trong khi tự xưng là người đứng đầu các chủng tộc da vàng bị áp bức, Nhật lại trục xuất ra khỏi lãnh thổ của mình hơn 6.000 công nhân Trung Quốc và sẽ tiếp tục trục xuất "những người lao động nước ngoài". Còn người Triều Tiên có thể nghĩ thế nào về lòng thành thật của người Nhật, thì đừng nói đến là hơn.

Đối với người Nhật thì, 10 năm trước đây, Mikađô[2)] là một đấng chí tôn; chiến đấu để phục vụ một vị hoàng đế chí tôn là một vinh dự. Người Nhật ngày nay có một tâm lý khác hẳn rồi. Vừa rồi, nhân một cuộc du hành của hoàng gia tại vùng lân cận Đông Kinh,

1) Đế quốc ở đây chỉ nước Anh và hệ thống thuộc địa của nó.

2) Mikađô tức Thiên hoàng.

cảnh sát đã bắt giữ 3.400 thanh niên "để đề phòng". Thật là một sự đề phòng có ý nghĩa! Chính phủ muốn đưa mục huấn luyện quân sự vào chương trình giảng dạy ở nhà trường, giáo sư và sinh viên đều nhất trí phản đối. Chủ nghĩa sô vanh[31], dù có những sự đe doạ của Anh - Mỹ giúp thêm vào, cũng không thể thành công như xưa được nữa. Liệu thế hệ thanh niên Nhật sẽ có hiểu rằng sự cứu vãn là do ở chỗ những người vô sản tất cả các nước liên hiệp lại với nhau không ? Điều chắc chắn là thanh niên đang tiến nhanh và tiến về phía tả.

Để kết thúc những dòng này, xin thêm một chi tiết: cái mộng một "liên bang những chủng tộc da vàng" vừa mới được nói đến ở Nhật, thì một thượng nghị sĩ Mỹ, ông Britơn, đã đề nghị triệu tập một "hội nghị những người da trắng ở Thái Bình Dương...".

NGUYỄN ÁI QUỐC
(Vlađivôxtốc)

Tập san *Inprekorr,*
tiếng Pháp, số 19, năm 1925.

NÔNG DÂN TRUNG QUỐC

Nông dân Trung Quốc nghèo khổ là do những nguyên nhân chủ yếu sau đây:

1. Dân số quá đông, còn đất đai thì không đủ để canh tác.

2. Phương tiện canh tác thô sơ.

3. Công nghiệp phát triển rất kém nên không thu hút được số dân dư thừa không có việc làm, do đó trộm cướp như rươi, chúng sống bám vào nông dân.

4. Chủ nghĩa quân phiệt là một dạng cướp bóc khác.

5. Sự xâm nhập của chủ nghĩa tư bản nước ngoài buộc nông dân phải bán rẻ nông phẩm và mua hàng hoá đắt.

6. Lụt lội và các thiên tai khác. Hầu như năm nào cũng vậy, vùng này hay vùng khác, có khi nhiều vùng một lúc, bị lụt hoặc bão cuốn sạch, phá sạch.

7. Lòng tham của bọn địa chủ.

Hằng năm, tá điền phải chi phí cho một [1] ruộng

3,5 đôla tiền giống

3,5 - phân bón

1 - hao mòn dụng cụ

6 - ăn uống cho lao động

Cộng 14 đôla.

Được mùa, một mẫu thu được 32 đôla. Trong số tiền ấy, địa chủ lấy mất 75% tức là 24 đôla; phần tá điền chỉ còn lại

1) Trong nguyên bản, chữ *mẫu* viết bằng tiếng Việt.

25% tức là 8 đôla. Như vậy tá điền lỗ 6 đôla. Tuy có thu hoạch thêm về chăn nuôi, đánh cá, nghề phụ và chịu thiếu thốn, người tá điền cũng khó có đủ tiền để chi tiêu. Nếu bọn kẻ cướp số 1 và số 2, hoặc bão lụt lại tiến công nữa thì người nông dân nghèo chỉ có tuyệt vọng. Anh ta chỉ còn có một cách để khỏi chết đói là dấn thân đi bổ sung cho đội ngũ bọn kẻ cướp hoặc quân phiệt để rồi lại đi tước đoạt nông dân ở các vùng khác.

Để chống lại những lực lượng áp bức ấy, với sự thúc đẩy của công nhân công nghiệp có tổ chức và được Chính phủ miền Nam cổ vũ, nông dân Trung Quốc bắt đầu tổ chức nhau lại. Điều lệ tổ chức của họ có những đặc điểm sau đây: Không được tổ chức vào hội:

a) Địa chủ có trên 100 mẫu đất.

b) Địa chủ phạm tội cưỡng bức nông dân.

c) Thầy cúng, mục sư.

d) Những người có quan hệ với đế quốc.

e) Những người hút thuốc phiện, cờ bạc.

Trước phong trào cách mạng ấy, địa chủ và kỳ hào ở thôn xã đều cảm thấy bị uy hiếp. Và chúng cũng tổ chức nhau lại. Chúng trở thành những tên phát xít và dùng những biện pháp phát xít để chống lại nông dân có tổ chức. Hăm doạ, hành hung cá nhân, vu khống trên báo chí phản động, cướp bóc trụ sở các tổ chức, ám sát, biện pháp nào chúng cũng dùng đến, miễn là nếu không xóa bỏ được thì cũng có thể làm cho các tổ chức cách mạng bị thiệt hại. Đã có những chứng cớ cho thấy rằng có một số đại địa chủ đã treo thưởng đến 5.000 đôla cho ai giết được một chiến sĩ tích cực.

Dù sao, nông dân đã được tổ chức cũng không chịu thua. Ngay khi thấy xuất hiện tổ chức đối địch, họ tổ chức dân quân để đối phó lại.

Sinh viên và công nhân đã vào công hội đều tích cực giúp đỡ nông dân.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tài liệu tiếng Pháp, có ghi ngày
19-3-1925 - 21-3-1925 ở trang đầu, lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

"LỐI CAI TRỊ CỦA NGƯỜI ANH"[1)]

Trung Quốc, Ấn Độ, Xuđăng

Những người bảo thủ trở lại nắm quyền, việc đó đã làm cho chủ nghĩa đế quốc Anh thêm sức mạnh. Chủ nghĩa đế quốc Anh muốn thi hành ở Trung Quốc một chính sách tích cực và "mạnh mẽ". Để bắt đầu, người ta đã đề nghị với Hội nghị Luân Đôn ngày 24 tháng 11 vừa rồi rằng những đường sắt ở Trung Quốc phải do các lực lượng quân sự Mỹ, Nhật, Bỉ, Pháp và Anh kiểm soát và giám sát. Nước Anh bỏ nhiều vốn nhất vào những đường sắt ấy và sẽ đóng một vai trò quyết định trong việc kiểm soát và chiếm giữ những hệ thống đường sắt đó. Dự án tốt đẹp ấy chưa được thông qua.

Đầu năm nay, thủ đô chính thức của Ấn Độ thuộc Anh bỗng nhiên thấy buộc phải áp dụng "Đạo luật phòng thủ Ấn Độ"[2)] năm 1918, tức là đạo luật bất thường thiết lập tình trạng giới nghiêm tăng cường. Dưới chế độ ấy, tất cả những viên chức và cảnh sát người Anh, từ cấp thanh tra trở lên, đều có quyền bắt bớ và giam giữ những người Ấn Độ bị tình nghi, không làm thủ tục cũng chẳng cần xét xử gì cả. Chỉ trong một buổi sáng mà các trường trung học, các ký túc xá của sinh viên và khoảng 100 toà nhà đã bị khám xét. Hàng trăm vụ bắt bớ đã xảy ra. Trong số những người bị bắt giam, có: S. Sunđe Rôđơ, lãnh tụ trong Ban Chấp hành Đảng Quốc đại Ấn Độ[32]; Baran Roy, bí thư tỉnh uỷ của đảng này; S.Míttrơ, bí thư của

1) Bài viết đăng báo *Le Paria*, số 33, tháng 4 và 5 năm 1925 dưới nhan đề *Rule Britania.*

2) Trong nguyên bản, cụm từ "*Defence of India Act*" viết bằng tiếng Anh.

Đảng Svaragít; và nhiều người Svaragít khác có tiếng tăm và được tôn trọng. Văn phòng các công ty của người Ấn Độ đều bị quân đội và cảnh sát chiếm đóng. Các nhà cầm quyền Anh ở Bengan lại định giải quyết bằng vũ lực tất cả những khó khăn về chính trị.

Ở đây, chúng tôi sẽ không nhắc lại những sự biến xảy ra ở Nhật Bản và Ai Cập mà mọi người còn nhớ. Điều mà người ta ít biết đến là đã từ lâu các nhà công nghiệp Anh hằng ôm ấp cái mộng thi hành một cách kiên quyết một "chính sách bông" ở châu Phi. Họ đã biến Xuđăng thành một đồn điền rộng lớn, và để thực hiện mục đích đó, họ sẽ chuyển hướng dòng sông Nin ở miền thượng lưu. Đồn điền được tưới nước như vậy sẽ đem lại một năng suất kỳ diệu; nhưng... nông nghiệp miền hạ lưu sông Nin sẽ bị thiệt hại nghiêm trọng; vì dòng nước màu mỡ tốt tươi đã bị đổi đi hướng khác. Vì vậy, người Ai Cập đã phản đối việc thực hiện kế hoạch đó. Việc ngài Lixtếch, tổng tư lệnh người Anh trong quân đội Ai Cập bị ám sát được người Anh dùng làm cớ để hoàn toàn tự do hành động ở Xuđăng; từ nay họ là những người chủ duy nhất ở đấy. Máu đổ ở Xuđăng và Ai Cập có lẽ sẽ chỉ để tăng thêm màu mỡ cho đồn điền của họ ở Xuđăng mà thôi...

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tập san *Inprekorr,* tiếng Pháp,
số 33, ngày 8-4-1925.

THƯ TRẢ LỜI ÔNG H. (THƯỢNG HUYỀN)

Tôi xin cảm ơn ông đã gửi cho tôi hai tập viết của ông: *Cách* [1]. Tôi đã đọc cả hai tập ấy. Ông còn yêu cầu tôi góp ý kiến nhận xét. Vâng, xin chiều theo ý ông!

Đứng về mặt phê bình, nghĩ như thế nào tôi xin nói thẳng với ông như thế ấy. Tôi không chắc rằng tất cả những nhận xét của tôi đều sai cả; nhưng xin ông cứ bác bỏ những nhận xét nào ông cho là khó hiểu. Việc trao đổi này sẽ có lợi cho cả hai chúng ta.

Trước hết tôi xin nói rằng tôi rất phấn khởi thấy ông đã dũng cảm và thiện ý viết hai tập này. Dũng cảm là vì ông đã viết bằng quốc ngữ[2] về một đề tài khá rộng mà từ trước đến nay chưa ai dám đề cập đến. Còn tinh thần thiện ý thì đã thể hiện rõ ở trên 32 trang giấy mà ông đã viết. Tất nhiên là 32 trang ấy chưa đủ để in thành sách. Nhưng nếu viết để đăng báo, thì cũng đã khá tốt rồi!

Bài viết của ông có nhiều điển tích và dẫn chứng lịch sử. Điều đó chứng tỏ rằng ông rất thích đọc sách.

Bây giờ tôi xin bắt đầu nhận xét. Tôi luôn luôn nhớ rằng phê bình thì dễ, còn sáng tác nghệ thuật thì khó. Ví như, khi xem một bức tranh vẽ, chỉ ra được những sai sót hoặc nêu lên được những ưu điểm này nọ, thì dễ. Khi nghe một người khác dạo một bản nhạc, tôi có thể nhận xét anh ta chơi có hay hay không. Còn nếu ông bảo tôi hãy cầm bút vẽ bức tranh ấy hoặc cầm lấy nhạc cụ có dây kéo cho ra tiếng, thì tôi chịu...

1, 2) Trong nguyên bản, các từ "Cách mệnh", "quốc ngữ" viết bằng tiếng Việt.

Trên đây tôi có nói rằng, bài viết của ông có nhiều điển tích, nhưng tôi ngại điển tích ông nêu ra quá nhiều. Dùng điển tích là tốt, nhưng nếu lạm dụng sẽ làm cho độc giả khó chịu. Bởi vì tính chất cao xa, thâm thuý của các điển tích thường cũng hay bao hàm những ý nghĩa mơ hồ có thể làm cho người ta hiểu lầm. Một câu tục ngữ Pháp có nói: "Hứa hẹn nhiều bơ hơn là bánh mì". Tôi nghĩ rằng một tác phẩm văn chương không cứ dài mới hay. Khi nào tác phẩm ấy chỉ diễn đạt vừa đủ những điều đáng nói, khi nó được trình bày sao cho mọi người ai cũng hiểu được, và khi đọc xong độc giả phải suy ngẫm, thì tác phẩm ấy mới xem như là một tác phẩm hay và biên soạn tốt. Ý kiến của tôi dựa vào hai câu trích dẫn sau làm bằng chứng:

Trong sách *Luận ngữ,* chúng tôi dẫn câu này: Tăng Tử trả lời "Tất nhiên". Câu ấy chỉ gồm có một từ. Một từ mà cũng đã rất đủ để thể hiện cả nghị lực và toàn bộ kiến thức của Tăng Tử. Khi đọc từ ấy, lẽ nào người ta không hình dung được niềm vui sáng lên trong cái nhìn của Khổng Tử và tâm trạng vui của vị sư phụ đang đàm đạo với môn đệ.

Tôi thách ai có thể thêm, bớt một chữ nào trong câu ấy. Đó là lối hành văn thật sự trong sáng và cao xa.

Có một lần, một vị tướng của Napôlêông đệ nhất bị bao vây ở Oatéclô. Kẻ địch ra lệnh cho ông ta đầu hàng; ông đáp cộc lốc: "Cứt". Câu nói ấy chỉ có một từ, lại là một từ tục tĩu. Nhưng trong tình thế nguy kịch nghiêm trọng ấy của vị tướng, nghìn lời nói khác cũng không thể nào thể hiện được hơn lòng dũng cảm và sự khinh bỉ của ông đối với kẻ thù. Và chỉ một lời đáp ấy cũng đủ để vị tướng củng cố được đội ngũ của mình. Chỉ câu nói ấy cũng đủ làm cho tên ông vang dội khắp châu Âu. Nó còn được ghi vào biên niên sử cho đến ngày nay và người Pháp ai cũng biết đến lời đáp ấy.

Vì vậy, một lối hành văn giản dị, chính xác hơn hẳn cái lối hành văn rườm rà, hoa mỹ.

Ngôn ngữ của ta còn nghèo. Khi nói, chúng ta phải vay mượn nhiều từ ngữ nước ngoài, nhất là từ ngữ Trung Quốc. Tôi nghĩ rằng

lạm dụng từ ngữ Trung Quốc chỉ làm cho văn thêm khó hiểu, trừ những từ thông dụng mà ai cũng đã biết và trừ những từ mới, như người bônsêvích, chủ nghĩa bônsêvích, tài chính... Ông nói, chúng ta phải giúp cho đồng bào ta làm quen với những từ mà nay họ chưa hiểu, lâu rồi họ cũng sẽ hiểu. Có thể làm như vậy được, nếu ông chỉ nghĩ đến viết cho họ tác phẩm văn học... Còn nếu tác phẩm của ông lại định dùng để tuyên truyền thì đó phải là một tác phẩm ai đọc cũng hiểu được. Một tác phẩm hành văn hay mà khó hiểu thì chẳng có ích gì. Ví như, bảo đồng bào chúng ta hãy lắng nghe một người Pháp hay một người Trung Quốc hát: dù cho những ca sĩ ấy là những nghệ sĩ tuyệt vời đi nữa thì họ cũng không lôi cuốn được đồng bào ta.

Tôi xin chia những điều phê bình của tôi thành hai phần: phần thứ nhất nói về hình thức bài viết của ông, và phần thứ hai nói về nội dung.

PHẦN MỘT

Trang 1 - Nếu ông đến nói với nhân dân làng tôi: "Chúng ta phải dạy bảo lẫn nhau; người biết phải dạy cho người không biết ..." thì người ta sẽ hiểu ngay. Còn như ông nói với họ "gióng trống rung chuông", thì ít người hiểu được ông muốn nói gì.

Trang 2 - Ông nói: "Là người dùng sức mạnh của mình cốt để chống lại gió đông! ..." Tại sao không nói thẳng: "Người Pháp sẽ cấm..."? Một câu dài dòng: "một người lạ mặt dừng lại ở bên ngoài để nhìn trộm xem có ai đứng sau vách không"; câu ấy nhất định là không gọn bằng câu: "một tên ăn trộm đứng rình"; cũng nói ý ấy, câu này chỉ dùng có vài ba chữ. Nếu chúng ta muốn bắt kẻ trộm thì chúng ta phải chỉ cho mọi người thấy nó. Cần gì phải dùng đến một câu ẩn dụ.

Trang 3 - "Người ta cũng dùng từ ngữ cách mệnh ấy để chỉ những thay đổi ấy" nhưng ý không rõ bằng câu "người ta cũng gọi những thay đổi ấy là cách mệnh" [4][1].

[5][2] Thay câu "tranh giành của cải, quyền lực ..." bằng câu

1), 2) [4], [5] nghĩa là dòng 4, 5.

"tuyên bố chiến tranh không suy tính". Như vậy có thể rút bớt được 10 chữ mà câu lại sáng tỏ hơn.

Trang 4 - Ông có nêu tên "Nicôlai đệ nhị" và "Oasinhtơn". Tại sao ông lại không nêu tên "Găngđi" ? Người Trung Quốc đọc hai từ này là "Canđi"[1] còn nếu ông đọc theo âm Việt thì sẽ là Camđi[1], như vậy là không đọc đầy đủ Găngđi. Nếu cần viết tên một nhân vật hoặc tên một làng nước ngoài bằng tiếng Việt, tôi nghĩ cứ nên viết đúng tên ấy hơn là diễn đạt thông qua tiếng Trung Quốc.

[5] Chúng ta đã hiểu "tẩy chay"[1] là gì rồi, nhưng tôi không rõ nguồn gốc của từ này, tại sao lại còn thích dùng câu ẩn dụ "phong trào bất hợp tác" ? Nếu chúng ta muốn dùng những từ ngữ mới, thì có thể dùng chữ "boycot" (boycottage)[2] một từ ngắn gọn đã thường dùng ở nhiều nước.

Trang 5 - [7] "Cách mệnh vĩ đại và nhân đạo biết bao", một câu rất hay, nhưng tiếc rằng những người không học chữ Hán thì không hiểu được. Tôi cũng nhận xét như vậy về tám câu sau.

[8]" ... những hy sinh không thể nào tránh khỏi, những hậu quả cần thiết", đó là một lối hành văn cầu kỳ.

[9] Ông viết: "chống lại một cách thụ động", và để trong ngoặc kép, "thụ động kháng cự". Như vậy là ông đã giải thích một thành ngữ tiếng Trung Quốc bằng một thành ngữ tiếng Pháp cho những người không biết tiếng Trung Quốc mà cũng không biết tiếng Pháp! Sau đó, ông còn viết "một vũ khí duy nhất lợi hại".

Nếu ông định viết cho những người vừa biết tiếng Trung Quốc vừa biết tiếng Pháp đọc, thì tôi không có ý kiến. Còn viết cho nông dân, công nhân đọc thì nên dùng tiếng Việt.

Khi viết: "khi cầu xin những người bảo hộ mình cho mình được tự do, người ta nuôi một ảo tưởng thật kỳ lạ...", có lẽ ông muốn nói đó "là một điều vô lý" hay đó "là một điều ngu xuẩn". Vì ông cứ

1) Trong nguyên bản, các từ "Canđi", "Camđia", "tẩy chay" viết bằng tiếng Việt.

2) Trong nguyên bản dùng "*boycot" (boycottage).*

muốn viết cho văn vẻ cho nên ông đã viết "người ta nuôi một ảo tưởng thật kỳ lạ!". Khi người ta đã nuôi những ảo tưởng lớn lao thì không bao giờ người ta cầu xin tự do ở những kẻ áp bức mình ...

Còn những câu: "đến lúc đó người ta mới chịu chia tay với anh, mắt đẫm lệ . .." và "không có vũ khí nào trong tay...", cách viết này chịu ảnh hưởng quá nhiều của lối văn Trung Quốc.

Dịch hai chữ "mẫu âm"[1] từ tiếng Trung Quốc và hai chữ "langue maternelle" dịch từ tiếng Pháp sang tiếng Việt, thì nhất định nông dân và công nhân sẽ không hiểu ông nói gì ..., trừ một vài viên ký lục và thông ngôn hiểu được ông nói. Tại sao ông lại không dùng những từ "tiếng ta" hay "tiếng nước ta" để cho ai cũng hiểu được?

Xin dừng lại ở đây. Tôi đã nêu nhiều nhận xét về hình thức tác phẩm. Mong ông kiểm tra lại bài viết của mình. Nếu tôi cứ tiếp tục thì chẳng hoá ra là người thích tìm kiếm khe khắt những sai sót của người khác.

PHẦN HAI

I - Ông cho rằng từ ngữ "cách mệnh"[2] lấy ở trong Kinh Dịch. Có lẽ không đúng. Song tôi cũng không dám khẳng định. Nhưng tôi không tin rằng khi dùng từ ngữ cách mệnh, người Trung Quốc đã mượn từ ấy của Kinh Dịch, mà họ dịch từ tiếng phương Tây. Những từ ngữ "Cải cách", "Kinh tế", "Độc lập", "Xã hội" cũng được tạo ra như vậy ở Trung Quốc.

Trong tiếng Pháp cũng có những từ "réforme", "évolution" và "révolution"[3]. Tiến hoá là một loạt những biến đổi liên tiếp và có tính chất hoà bình. Còn cải cách là những thay đổi xảy ra ít hay nhiều trong thể chế một nước, những biến đổi ấy có kèm theo hoặc không kèm theo bạo lực. Sau những cải cách, vẫn còn tồn tại một

1) Nghĩa là "tiếng mẹ đẻ".

2) Trong nguyên bản, từ "cách mệnh" viết bằng tiếng Việt.

3) *"Réforme"* (cải cách), *"évolution"* (tiến hoá), *"révolution"* (cách mạng).

cái gì đấy của hình thức ban đầu. Còn cách mệnh thì đem một chế độ mới thay thế hẳn cho một chế độ cũ.

Theo nghĩa mà chúng ta hiểu ngày nay về Cách mệnh thì Thành Thang và Võ Vương không phải là đã hoàn thành một sự nghiệp cách mệnh. Khi họ đấu tranh chống lại các vua Trụ và Kiệt, họ đã dấy lên trong nước một cuộc cách mệnh. Nhưng khi Trụ, Kiệt bị đánh bại rồi, thì họ lại lên ngôi hoàng đế và vẫn duy trì chế độ quân chủ. Nói rằng họ đã làm cách mệnh là không đúng.

Găngđi là một nhà cải cách chứ không phải là một nhà cách mệnh. Ông Găngđi đòi Chính phủ Anh tiến hành những cải cách về thể chế ở trong nước, nhưng ông không cổ vũ nhân dân Ấn Độ nổi lên giành lại độc lập, và ông cũng không bao giờ đòi người Anh thực hiện những thay đổi toàn bộ trong Chính phủ Ấn Độ. Và chỉ khi người Anh đã bác bỏ mọi yêu cầu của ông thì ông mới chủ trương tẩy chay. (Tẩy chay là một hành động chứ không phải là một đảng). Ở Ấn Độ có Đảng Quốc đại; Găngđi là một trong những nhà lãnh đạo của Đảng chứ không phải là người sáng lập Đảng.

Không phải chỉ có Chính phủ là đối tượng của cách mệnh. Tất cả những biến đổi xảy ra trong mọi sự vật trên thế giới cũng đều có thể gọi là cách mệnh. Đácuyn là một nhà vạn vật học cách mệnh; Các Mác là một nhà kinh tế học cách mệnh.

2. Trong đoạn văn ông phê phán những hành động của Chính phủ Pháp, ông đã hai lần nhắc đến lời nhận xét của ông về nền giáo dục mà họ ban cho chúng ta, và về những tờ báo mà họ cho phép chúng ta xuất bản, lần đầu viết ở trang 12, lần thứ hai ở trang 16. Nhưng ông lại hoàn toàn quên không nói đến những lao dịch và thuế má mà chúng ta phải gánh chịu; quên không nói đến rượu, thuốc phiện mà họ "bán" cho chúng ta; quên không nói đến việc mộ phu đi lao dịch; quên không nói đến việc cấm bán muối; quên không nói đến việc đưa đồng bào ta sang Tahiti để phục vụ họ như những nô lệ ... Chúng ta thật đau xót trước cảnh người Pháp cấm không cho phép chúng ta lập hội và không cho chúng ta tiếp thụ một nền giáo dục hoàn chỉnh, còn họ thì cũng ít người viết được sách và báo ...

Ông nói rằng: "Ngày nay, một vài ngành công nghiệp nhỏ phát triển hơn xưa chút ít". Vậy ông muốn nói đến những ngành công nghiệp nào ? Những ngành công nghiệp ấy phát triển là nhờ người Pháp xúc tiến hay là nhờ vào sự nỗ lực của bản thân chúng ta ? Sự phát triển ấy có lợi cho bản thân người Pháp hay có lợi cho nhân dân ta ? Những ngành công nghiệp ấy có phát triển hơn công nghiệp ở các nước không bị nước Pháp thống trị không ? Trong khi ông nói đến "tội ác" của kẻ thù chúng ta, có nên nói đến điều đó không?

Tôi trích câu này ở trang 13: "Ngay cả những người trước đây đã tỏ ra trung thành với lý tưởng cách mệnh cũng tưởng rằng nước An Nam sẽ được tự trị khi cải cách đã được thực hiện ở mọi cơ cấu tổ chức của chế độ cũ. Còn một số rất hiếm người thật trung thành với lý tưởng cách mệnh lại bị buộc phải nằm im". Điều đó là do sự dại dột và kém ý chí của đồng bào ta. Có người không biết đi theo con đường nào; có những người khác thì lại không biết cách chỉ đường đi cho họ. Chúng ta đã bị trừng phạt vì sự dại dột của mình, chúng ta không thể kêu ca với người Pháp. Chúng là bọn ăn cướp: nếu chúng không biết hành động kẻ cướp thì chúng chỉ là một bọn ngu xuẩn. Còn chúng ta là nạn nhân: nếu chúng ta không biết phản ứng chống lại, thì chúng ta cũng là kẻ khờ dại. Thật là dại dột mà đi phàn nàn rằng kẻ khác thông minh, rõ thật là vô ích!

Ông nói rằng cách mệnh của chúng ta không thành công là vì người Pháp tàn bạo!

Vậy thì ông muốn thế nào ? Ông muốn chúng để cho ta tự do muốn làm gì thì làm ư, và để cho chúng ta tìm mọi cách để đương đầu với chúng ư ? Ông muốn chúng sẽ không làm gì ngăn cản chúng ta làm hại đến quyền lợi của chúng ư ? Thay vì cho việc chê bai người khác, tôi nghĩ rằng hợp lý hơn là tự chê trách. Chúng ta phải tự hỏi: "... (mất một câu tiếng Pháp - ND) ... Tại sao nhân dân ta lại dại dột như vậy ? Tại sao chúng ta lại không đưa được sự nghiệp cách mệnh đến thành công ? Vậy nay chúng ta phải làm gì?".

Ông muốn nhân dân An Nam làm cách mệnh như người Ai Cập hoặc tiến hành tẩy chay như người Ấn Độ ư ? Hay lắm! Nhưng ông quên nói rõ tại sao người Ai Cập lại làm được cách mệnh, người Ấn Độ lại có thể tẩy chay người Anh.

Giả thiết rằng có ba chiếc ô tô: xe thứ nhất là xe Ấn Độ, xe thứ hai là xe Ai Cập, còn xe thứ ba là xe An Nam. Hai xe đầu, bánh xe lắp vững vàng, có đủ xăng dầu, máy móc tốt, các xe ấy lại có hai hoặc ba người lái giỏi thay nhau lái xe. Còn xe thứ ba chỉ là một bộ khung (?); bánh xe lắp xộc xệch, lại thiếu xăng dầu và không có người lái; thế mà ông muốn xe thứ ba chạy theo hai xe kia đang bon bon ở phía trước. Làm sao mà xe thứ ba có thể nổ máy được ?

Ở Ấn Độ và Ai Cập, các chính đảng có nhiều đảng viên, người thì phụ trách tuyên truyền, người thì phụ trách nhóm, hội. Trong sinh viên, nông dân, công nhân, viên chức ... đều có các tổ chức hội. Tất cả đều một mực tuân theo mệnh lệnh của đảng họ. Những người đi tuyên truyền luôn luôn thức tỉnh nhân dân. Ai cũng biết yêu nước, ai cũng hiểu cách mệnh là gì. Cương lĩnh của mỗi đảng đều được nghiên cứu kỹ, cương lĩnh dự kiến cả đường lối, phương pháp thực hiện mọi dự án dù lớn dù nhỏ. Số lượng đảng viên, hội viên rất đông, điều lệ hội rất chặt chẽ, đảng nào cũng có cơ sở vững vàng.

Khi Găngđi ngỏ ý muốn có một triệu đồng để vận động phong trào tẩy chay thì ba ngày sau, nhân dân gửi ngay đến cho ông hơn hai triệu đồng. Khi một hội viên hoạt động vì đảng bị Chính phủ Anh bắt giam, thì hội viên khác đến xin ngồi tù thay. Ví dụ có người bị án một tháng tù, thì có 30 người đến xin ở tù thay; nếu bị hai tháng tù thì 60 người đến thay, để công việc của đảng khỏi bị ngừng trễ vì thiếu mặt người ấy.

Ngày mà Đảng Quốc gia Ai Cập cho niêm yết một bản tuyên ngôn, tám người đã ký tên vào tuyên ngôn bị Chính phủ Anh bắt đem đi đầy. Lập tức ngày hôm sau, có tám đảng viên quốc gia khác đến ký vào bản tuyên ngôn ấy. Họ cũng bị bắt. Nhưng lại có tám đảng viên khác cũng hành động như tám người kia. Người Anh cũng định bắt họ nhưng không dám làm, sợ rằng bắt bớ càng làm cho cuộc chống đối lan tràn khắp nước.

Những sự việc ấy có thể xảy ra ở nước ta không ? Và ở nước ta đã có tổ chức đảng chưa ?

Ông nói rằng một cuộc cách mệnh hoà bình sẽ không gây chết chóc. Thế thì, những yêu sách đòi giảm thuế năm 1908 ở Trung Kỳ, có kèm theo bạo lực không; thế mà biết bao nhiêu người đã bị bọn

Pháp xử tử, bắt đi đày.

Chúng ta chưa có một đảng phái nào, chúng ta chưa tiến hành một cuộc tuyên truyền nào, chúng ta chưa tổ chức được gì, mà ông đã muốn nhân dân ta tẩy chay người Pháp! Vâng, tôi đã đọc kỹ sáu trang mà ông viết về "Những công việc chuẩn bị" thành lập Hội liên hiệp đại biểu nhân dân với sinh viên, thương gia.

Khi tôi đọc đến phần này, tôi liên tưởng ngay đến bài thơ ngụ ngôn của La Phôngten: *Hội đồng chuột* . Thơ ngụ ngôn ấy đại thể kể như sau: Trong một nhà kia có một chú mèo cật lực săn diệt chuột không thương tiếc. Chuột ra quyết định sẽ treo chuông lên cổ mèo để khi bị mèo săn bắt, nghe tiếng chuông, chuột biết mà kịp chạy trốn. Nhưng không có chuột nào dám tình nguyện treo chuông lên cổ mèo cả.

Phải, không một con chuột nào của La Phôngten nói trong thơ ngụ ngôn dám buộc chuông lên cổ mèo; tuy vậy, chúng đều căm ghét kẻ thù của chúng và đồng tình sẽ treo cổ nó lên. Những con chuột ấy thật là hơn hẳn "những con chuột An Nam" không biết căm thù "những con mèo Pháp" vì những con chuột này không biết đoàn kết lại để bàn việc tiêu diệt những con mèo kia, chúng sợ rằng trong hàng ngũ chuột của chúng sẽ có con đi báo với mèo Pháp.

Những người tự hào là dòng giống Rồng Tiên lại không bằng chuột! Thật là hổ thẹn, có phải không thưa ông!

Để thành lập Hội liên hiệp đại biểu nhân dân, ông đã kể trước hết đến Hội khai trí tiến đ), lại như thế à ! Ông muốn gọi Hoàng Trọng Phu và đồng bọn đến giúp nhân dân An Nam đấu tranh chống người Pháp ư ? Tôi không hiểu ông nói đùa hay nói thật ... Nếu ông nói thật, tôi xin đề nghị với ông thành lập một "Hội cứu nước An Nam" gồm có viên toàn quyền, các viên thống sứ, công sứ, nếu chưa đủ thì gồm cả những tên mật thám nữa. Rồi chúng ta nói với họ hãy bảo vệ lấy người An Nam chống Pháp. Và đề nghị của tôi cũng hợp lý như đề nghị của ông!

Thư này viết cũng đã dài. Tôi không dám lợi dụng lòng kiên nhẫn của ông. Xin phép tóm tắt ý kiến nhận xét của tôi trong vài câu sau đây:

Đề tài biên soạn của ông là vấn đề cách mệnh. Tôi có

1) Trong bản tiếng Pháp viết A.F.I.M.A.

thể chia bài viết của ông thành bốn phần:

1- Giải thích từ ngữ cách mệnh.

2- Phê phán những việc làm của Chính phủ Pháp.

3- Công việc chuẩn bị để tiến hành tẩy chay.

4- Dịch thuật một đoạn văn của một tạp chí Pháp.

Ông đã viết tất cả là 32 trang.

Phần dịch thuật chiếm 5 trang.

Phần chuẩn bị tẩy chay 6 trang.

Lời nói đầu 1 trang.

Như vậy là ông đã dành cả 20 trang để viết về cách mệnh. Trong hai mươi trang ấy, ông không nói 1) Phải làm gì trước cách mệnh, 2) Phải làm gì trong cách mệnh, 3) và phải làm gì sau cách mệnh.

Ông chưa bàn đến lực lượng mà người Pháp có thể sử dụng (ở nước ta) và cũng chưa bàn đến lực lượng của ta.

Ông đã nhầm lẫn tẩy chay với cách mệnh và ngược lạ).

Khi mở đầu, ông gióng trống rung chuông; đến lúc kết thúc ông đưa ra một bản dịch thuật trong một tạp chí Pháp; mà lại không phải là một tạp chí cách mệnh.

Tôi đã nói thẳng những ý kiến của tôi về bài viết của ông; và cũng nhân cơ hội này, nêu lên một số vấn đề để thảo luận; mong rằng có thể rút ra từ đó một cái gì để mở rộng thêm kiến thức của tôi. Xin thành thực và nhiệt liệt hoan nghênh tài cao trí lớn của ông. Bất cứ một người lao động nào, dù thông minh đến đâu, đôi lúc cũng có thể sai lầm. Chỉ có những kẻ ngồi không mới không sai lầm mà thôi. Nhưng làm việc mà có sai lầm còn hơn là sợ sai lầm mà khoanh tay ngồi không!

Mong ông hãy cố gắng!

Ngày 9-4-1925

L.T.

Tài liệu tiếng Pháp,
lưu tại Viện Lịch sử Đảng.

1) Trong bản tiếng Pháp dùng *vice vasa.*

ĐẠI HỘI CÔNG NHÂN VÀ NÔNG DÂN

Đây là Đại hội lần thứ nhất của nông dân tỉnh Quảng Đông và là Đại hội lần thứ hai của công nhân toàn Trung Quốc, cả hai Đại hội cùng họp chung.

Đại hội lần thứ nhất của công nhân Trung Quốc họp năm 1922 ở Quảng Châu. Lúc đó cũng đã quyết định sẽ họp Đại hội lần thứ hai vào năm sau. Nhưng bọn quân phiệt áp bức đã giết hại và bắt giam các chiến sĩ, buộc các tổ chức công nhân miền Bắc phải đi vào hoạt động bất hợp pháp. Vì vậy, các đại biểu những tổ chức ấy không thể họp đại hội vào thời điểm đã ấn định.

Khi Ngô Bội Phu và đồng bọn bị đánh đổ, hoạt động của vô sản mới lại xuất hiện trở lại ở Hoa Bắc.

Điều cần chú ý là trong khi các tổ chức công nhân phía Bắc bị bọn quân phiệt giải tán thì các tổ chức công nhân phía Nam dựa vào Chính phủ cách mạng Quốc dân đảng lại phát triển nhanh chóng.

Sau khi tập hợp được lực lượng và chấn chỉnh lại đội ngũ ở phía Bắc, vô sản trong toàn Trung Quốc mới triệu tập Đại hội lần thứ hai ở Quảng Châu ngày 1 tháng 5.

Những người cách mạng Quảng Đông, trong khi giúp đỡ vô sản ở thành phố cũng không quên vô sản ở nông thôn. Trong hai năm, họ đã tập hợp được hơn 200.000 bần nông và công nhân nông nghiệp vào tổ chức.

Để có một sự lãnh đạo thống nhất về công tác và đấu tranh, nông dân có tổ chức ở các huyện quyết định họp Đại hội tỉnh lần thứ nhất.

Do đã nhất trí với nhau và nhằm thực hiện một mặt trận thống nhất giữa những người bị bóc lột ở các thành phố với những người bị bóc lột ở nông thôn, những người lãnh đạo đã triệu tập đồng thời vào một lúc hai Đại hội họp ở cùng một địa điểm.

Khai mạc Đại hội - Cổng chính và đại lễ đường Trường đại học Quảng Châu trang trí rất đẹp bằng cờ đỏ và cờ đuôi nheo. Ở ngay cửa vào có treo một tấm bảng lớn kết toàn bằng hoa, trên có câu "Vô sản và nông dân đoàn kết" (tất nhiên là bằng chữ Trung Quốc). Trên lễ đài có chân dung bác sĩ Tôn Dật Tiên, chân dung Các Mác, Lênin, Lipnếch và Rôda Lucxămbua. Ở hai bên phòng họp, có treo ảnh các chiến sĩ đã hy sinh vì sự nghiệp của vô sản Trung Quốc, có tranh vẽ và khẩu hiệu cách mạng, những lời chúc mừng của các tổ chức công nhân, binh lính và nông dân.

Trước giờ, phòng họp đã chật ních. Lễ khai mạc mở đầu bằng bản nhạc và bài Quốc tế ca. Những người đại diện của Quốc dân đảng và trong ban tổ chức đọc diễn văn chào mừng các đại biểu. Đại diện Quốc tế Công hội đỏ[33] được nhiệt liệt hoan nghênh; diễn từ của vị đại diện ấy bị ngắt quãng bằng những tràng vỗ tay vang lên như sấm.

Lễ kết thúc, các đại biểu ra tham dự cuộc biểu tình do nhân dân Quảng Châu chuẩn bị. Binh lính, sinh viên, nông dân từ các xã đến, công nhân, học sinh các trường quân sự, tất cả thanh niên cách mạng và lao động đều có mặt. Có hơn 100.000 người tham gia biểu tình. Các báo đều thừa nhận chưa khi nào có một cuộc tập trung đông đảo và phấn chấn như vậy.

Cờ đỏ dẫn đầu, đoàn biểu tình kéo đi qua các đường phố lớn, vừa đi vừa hát những bài ca cách mạng. Lời hô "Đả đảo chủ nghĩa đế quốc!", "Cách mạng muôn năm!" vang đến tận các tô giới nước ngoài. Hàng nghìn thuyền bè trương cờ kéo đi trên sông, hưởng ứng lời hô của những người biểu tình bằng những lời hoan hô của những tràng pháo nổ. Thật là một cảnh tượng hùng vĩ. Những cụ già người Trung Quốc, thích cảnh phúng dụ, cho rằng rồng đỏ đã giáng trần trong thành phố. Đúng như vậy, những người biểu tình ai cũng cầm trong tay một lá cờ đỏ, hình nhỏ, có ghi một trong những khẩu hiệu sau đây:

a) Liên minh công nông muôn năm!

b) Trung Quốc giải phóng muôn năm!

c) Vô sản tất cả các nước, liên hiệp lại!

d) Đả đảo chủ nghĩa đế quốc!

đ) Đả đảo chủ nghĩa quân phiệt!

e) Vô sản Trung Quốc, chúng ta hãy đoàn kết!

g) Đả đảo bọn phản bội giai cấp công nhân!

h) Ngày làm 8 giờ muôn năm!

v.v. và v.v..

Không xảy ra một sự cố gì. Tôi phải nói đến điều này, bởi vì trừ ở nước Nga Xôviết và Quảng Châu cách mạng, giai cấp tư sản tất cả các nước đều có thói quen lợi dụng ngày 1 tháng Năm[34] để tàn sát công nhân.

Một bức điện tín. Sau cuộc lễ, Đại hội đã gửi bức điện sau đây cho Quốc tế Công hội đỏ:

"Kính gửi Quốc tế Công hội đỏ, nhờ chuyển cho các tổ chức công nhân và tổ chức cách mạng tất cả các nước.

"Bị nhiều tầng áp bức của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa quân phiệt và chủ nghĩa tư bản, từ mấy năm nay, giai cấp vô sản Trung Quốc đã ra sức tổ chức nhau lại để chống bóc lột.

Trong ngày 1 tháng Năm này, ngày giai cấp vô sản quốc tế biểu tình chống kẻ tử thù của mình là chủ nghĩa tư bản, chúng tôi, đại biểu cho quần chúng nhân dân lao động Trung Quốc họp Đại hội toàn quốc lần thứ hai ở Quảng Châu.

"Đồng thời, chúng tôi đã có một cuộc họp chung với đại biểu của 300.000 nông dân đã có tổ chức. Chúng tôi sẽ cùng nhau hoạt động vì lợi ích của công nhân, nông dân nghèo Trung Quốc.

"Chúng tôi đều biết rằng giải phóng nhân dân lao động phải là sự nghiệp của bản thân những người lao động. Chúng tôi cũng biết rằng bọn đế quốc có mặt trận thống nhất của chúng, và rằng nếu

vô sản nước Mỹ, vô sản châu Âu và vô sản Nhật Bản mà không cùng nhau tay nắm tay hành động cùng với các dân tộc bị áp bức các nước thuộc địa và nửa thuộc địa thì không thể nào đánh đổ được chủ nghĩa đế quốc. Vì vậy, chúng ta phải xây dựng một tổ chức rộng lớn của những người vô sản toàn thế giới và của quần chúng bị áp bức bóc lột ở tất cả các nước. Có đoàn kết chúng ta mới chiến thắng được đế quốc, chiến thắng được bọn phản động và những tên phản bội Quốc tế vàng Amxtécđam[35].

"Mặt trận thống nhất vô sản quốc tế muôn năm!

"Cách mạng vô sản muôn năm!"

Đó là ngày đầu tiên của hai cuộc Đại hội.

Việc gia nhập Quốc tế Công hội đỏ và gia nhập Hội đồng Quốc tế Nông dân ở Mátxcơva đã được ghi vào biên bản.

Sắp tới tôi sẽ gửi báo cáo chi tiết cho các đồng chí.

Quảng Châu ngày 2-5-1925 HOWANG T.S

Tài liệu tiếng Pháp,
lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

NHỮNG TRÒ LỐ HAY LÀ VAREN VÀ PHAN BỘI CHÂU

Do sức ép của công luận ở Pháp và ở Đông Dương, ông Varen đã nửa chính thức hứa sẽ chăm sóc vụ Phan Bội Châu. Ông hứa thế; giả thử cứ cho rằng một vị toàn quyền Đông Dương mà lại biết giữ lời hứa đi chăng nữa, thì chúng ta vẫn được phép tự hỏi liệu quan toàn quyền Varen sẽ "chăm sóc" vụ ấy vào lúc nào và ra làm sao.

Trước hết, ngài chỉ muốn chăm sóc đến khi nào yên vị thật xong xuôi ở bên ấy đã.

Nhưng ngài lại chỉ vừa mới xuống tàu, mà hành trình từ Mácxây đến Sài Gòn kéo chừng bốn tuần lễ cơ. Như vậy có nghĩa là trong bốn tuần lễ đó, Phan Bội Châu vẫn bị giam trong tù.

*
* *

Đến Sài Gòn thì ông Varen, có gì mà không lường trước được, sẽ bị quấn quýt lấy, lôi kéo đi, giằng co, ru vỗ, ấp ủ trong mớ bòng bong những buổi chiêu đãi, những cuộc tiếp với rước, những lời chúc với tụng. Tiếp đấy là một cuộc tuần du linh đình qua khu phố bản xứ, giữa hàng nghìn người da vàng đã được nước Pháp hàng phục bằng sức mạnh của lưỡi lê, nay giao phó vận mệnh trong tay quan toàn quyền. Và đó cũng là lần đầu tiên trong đời mình, hai con mắt của ông Varen được thấy hiển hiện cái huyền diệu của một thành phố Đông Dương, dưới lòng đường, trên vỉa hè, trong cửa tiệm.

Những cu li [1] kéo xe tay phóng cật lực, đôi bàn chân trần giẫm lạch bạch trên mặt đường nóng bỏng; những quả dưa hấu bổ phanh đỏ lòm lòm; những xâu lạp xường lủng lẳng dưới mái hiên các hiệu cơm; cái rốn một chú khách trưng ra giữa trời; một viên quan uể oải bước qua, tay phe phẩy cái quạt, ngực đeo tấm bắc đẩu bội [1] hình chữ thập. Thật là lộn xộn! Thật là nhốn nháo!

Bỗng dưng tất cả dừng lại, dưới cây đũa thần, hay đúng hơn dưới ngọn roi gân bò mà viên đội xếp Tây vừa vung lên vừa quát tháo: "Cái giống tởm nhà mày! Có cút đi không, cái giống tởm!". Thế là cái đám đông lúc nhúc đứng sắp hàng, vừa yên lại vừa lặng, hai bên lề đường. Gì thế nhỉ ? Xe ô tô quan toàn quyền sắp đi qua đấy ... Xe kia rồi! Lại cả ông Toàn quyền đây rồi!

- Quan có cái mũ hai sừng trên chóp sọ! Một chú bé con thầm thì.
- Ồ! Cái áo dài đẹp chửa! Một chị con gái thốt ra.
- Ngài sắp diễn thuyết đấy! Một anh sinh viên kêu lên.
- Đôi bắp chân ngài bọc ủng! Một bác cu li xe thở dài.
- *Rậm râu, sâu mắt*[1*2] ! Một nhà nho lẩm bẩm.

Thế là ô tô ông Varen chạy qua giữa hai hàng rào con người, lưng khom lại khi ngài đến gần. Cùng lúc, một tiếng rào rào nổi lên: "*Lạy quan lớn! Bẩm lạy quan lớn ạ!*"[3].

Trong khi đó thì Phan Bội Châu vẫn nằm tù.

*
* *

Từ Sài Gòn ra Hà Nội, ông Varen sẽ dừng lại Huế. Triều đình An Nam, do hoàng đế hay hình bóng hoàng đế dẫn đầu sẽ tất tưởi đi nghênh tiếp hiện thân tôn nghiêm của nước Pháp. Đức kim thượng Khải Định sẽ thỉnh ông Varen thăm hoàng cung, và ông

---

1) Trong nguyên bản, từ "xe" viết bằng tiếng Việt.

1) Tên quen gọi trước đây của một thứ huân chương của Pháp.

1* "Rậm râu, sâu mắt": Ngạn ngữ nước Nam, chỉ đồ bất lương (Chú thích của tác giả).

2) Trong nguyên bản viết bằng tiếng Việt, "Dậm dâu, sâu mắt" có dịch ra tiếng Pháp và giảng nghĩa trong chú thích của tác giả.

3) Câu này trong nguyên bản cũng viết bằng tiếng Việt, nhưng dịch ngay ra tiếng Pháp.

Varen sẽ vào. Hoàng thượng Khải Định sẽ thỉnh ông Varen dự yến, và ông Varen sẽ ăn. Đến lúc tráng miệng, hoàng thượng đứng dậy, ngài uy nghi tiến đến gần quan toàn quyền; đưa những ngón tay dài và mảnh, lấp lánh châu ngọc đỏ xanh, ngài cài lên ngực ông Varen loại tưởng lệ phong tặng cao quý nhất của hoàng triều: Nam long bội tinh, và thế là ông Varen được gắn mề đay.

Trong khi đó thì Phan Bội Châu vẫn nằm tù.

*

* *

Nhưng chúng ta hãy theo dõi, theo dõi bằng đôi cánh của trí tưởng tượng, những trò lố chính thức của ông Varen. Hãy theo ông đến tận Hà Nội, tận cổng nhà lao chính, tận xà lim, nơi người đồng bào tôn kính của chúng ta đang rên xiết.

Ôi thật là một tấn kịch! Ôi thật là một cuộc chạm trán! Con người đã phản bội giai cấp vô sản Pháp, tên chính khách đã bị đồng bọn đuổi ra khỏi tập đoàn, kẻ đã ruồng bỏ quá khứ, ruồng bỏ lòng tin, ruồng bỏ giai cấp mình, lúc này mặt đối mặt với người kia, con người đã hy sinh cả gia đình và của cải để xa lánh khỏi thấy mặt bọn cướp nước mình, sống xa lìa quê hương, luôn luôn bị lũ này săn đuổi, bị chúng nhử vào muôn nghìn cạm bẫy, bị chúng kết án tử hình vắng mặt, và giờ đây đang bị, vẫn chúng, đeo gông lên vai, đày đoạ trong nhà giam, ngày đêm bị bóng dáng của máy chém như một bóng ma ám kề bên cổ.

Giữa kẻ phản bội nhục nhã và bậc anh hùng, vị thiên sứ, đấng xả thân vì độc lập, được 20 triệu con người trong vòng nô lệ tôn sùng, giữa hai con người đó xảy ra chuyện gì đây?

- Tôi đem tự do đến cho ông đây! Varen tuyên bố vậy, tay phải giơ ra bắt tay Phan Bội Châu, còn tay trái thì nâng cái gông to kệch đang xiết chặt Bội Châu trong nhà tù ảm đạm.

"Nhưng, có đi phải có lại, tôi yêu cầu ông lấy danh dự hứa với tôi là sẽ trung thành với nước Pháp, hãy cộng tác, hãy hợp lực với nước Pháp để tiến hành ở Đông Dương một sự nghiệp khai hoá và công lý.

"Ông Phan Bội Châu, tôi biết rõ tâm hồn cao thượng và cuộc

đời đầy hy sinh, nhiều nguy nan của ông, và chính tôi, tôi xin là người đầu tiên, với tư cách là toàn quyền Đông Dương, được bày tỏ tấm lòng rất mực quý trọng ông. Song những ý tưởng hào hiệp nhất phải chăng bao giờ cũng hay nhất? Phải chăng bao giờ cũng thực hiện được? Than ôi, không đâu, ông ạ! Vả lại, trời ơi! Tại sao chúng ta lại cứ cố chấp cãi lộn nhau mãi thế này, trong lúc ông và tôi, tay nắm chặt tay, chúng ta có thể làm được biết bao công việc tốt đẹp cho xứ Đông Dương này? Chúng ta có thể cùng nhau làm cho nước ông trở thành một quốc gia tân tiến lớn, một xứ tự trị, một nước Pháp ở châu Á!

"Ô! Ông nghe tôi, ông Phan Bội Châu này! Ông hãy để mặc đấy những ý nghĩ phục thù của ông, hãy từ bỏ đi những mưu đồ xưa cũ, và, thôi, chớ tìm cách xúi giục đồng bào ông nổi lên chống lại chúng tôi nữa; trái lại, ông hãy bảo họ cộng tác với người Pháp, và, làm như vậy là ông sẽ được tất cả, được cho đất nước ông, được cho bản thân ông!

"Về chuyện này, tôi có thể kể ông nghe gương của một trong những trợ thủ cũ của ông, là ông Nguyễn Bá Trác; ông biết đấy, ông này đã biết điều rồi và hiện nay thì đã đứng về phía chúng tôi. Nhưng nếu gương của người đồng bào ông, ông cho là chưa đủ, thì tôi xin kể gương đồng bào của chính tôi cho ông nghe, gương các bạn học của tôi từ hồi còn nhỏ, các chiến hữu của tôi, Guyxtavơ, Alếchxăng, Arixtít, Anbe, Pôn và Lêô[*1)]. Những vị ấy, ngày nay lừng danh cả, đều đã lần lượt đốt cháy những cái mà mình đã tôn thờ và đang tôn thờ những cái mà mình đã đốt cháy. Như vậy các vị ấy có sao không ? Chẳng sao cả. Nền dân chủ của chúng tôi, nhờ Chúa! Rất là tốt! Thật thế, nền dân chủ hào hùng của nước Pháp,

---

1* *Gustave Hervé, Alexandre Millerand, Aristide Briand, Albert Thomas, Paul Boncour, Léon Jouhaux.* (Chú thích của tác giả).

1) Chỉ dùng tên trước để gọi một cách thân mật, nhấn mạnh sự quen biết nhau.

Với cách gọi thân mật không đầy đủ tính danh đó, có thể không biết đích xác là chỉ ai, nhưng tác giả đã ghi rõ là ai trong chú thích. Đó là một số chính khách, cũng như Varen, vốn là đảng viên Đảng Xã hội Pháp nhưng đã phản bội quyền lợi của giai cấp công nhân, trở nên toàn quyền, thượng thư, thủ tướng, tổng thống, v.v..

mà hôm nay tôi được vinh dự thay mặt giữa các ông, khoan dung với những người, như tôi, đã đoạn tuyệt với những lầm lạc của tuổi trẻ.

"Nhưng sao thế, ông hãy nhìn tôi này, ông Phan Bội Châu! Trước tôi là đảng viên xã hội đấy, và giờ đây thì tôi làm toàn quyền...!".

Ừ thì Phan Bội Châu nhìn Varen. Nhưng, lạ chưa! Những lời nói của Varen hình như lọt vào tai Bội Châu chẳng khác gì "nước đổ lá khoai"[1*], và cái im lặng dửng dưng của Bội Châu suốt buổi gặp gỡ hình như làm cho Varen sửng sốt cả người.

Không phải vì một bên nói tiếng Nam, một bên nói tiếng Tây: đã có một viên quan ở đấy làm thông ngôn cơ mà. Nhưng cứ xét binh tình, thì đó chỉ là vì Bội Châu không hiểu Varen cũng như Varen không hiểu Bội Châu

*

* *

Cuộc gặp gỡ chấm dứt ở đấy, hay ít ra là không ai biết được gì hơn nữa. Chỉ có anh lính dõng An Nam bồng súng chào ở cửa ngục là cứ bảo rằng, nhìn qua chấn song, có thấy một sự thay đổi nhẹ trên nét mặt người tù lừng tiếng. Anh quả quyết - cái anh chàng ranh mãnh đó- rằng có thấy đôi ngọn râu mép người tù nhếch lên một chút rồi lại hạ xuống ngay, và cái đó chỉ diễn ra có một lần thôi.

Nếu quả thật thế, thì có thể là lúc ấy Bội Châu có mỉm cười, mỉm cười một cách kín đáo, vô hình và im lặng, như cánh ruồi lướt qua vậy[2*].

1* Một ngạn ngữ mà nông dân Bắc Kỳ ưa thích. Lá khoai trơn và không thấm nước, nước đổ lên chảy tuột đi ngay. Nông dân Pháp thì nói: "Không cắn câu!" (Chú thích của tác giả).

2* "Cười ruồi": lời ví von quen thuộc của người Nam, dùng để tả cái cười bí ẩn của người da vàng. Tiếng Pháp có nói: "cỡ cân ruồi", "chim ruồi", "tàu ruồi"[1)] (Chú thích của tác giả).

1) "Cỡ cân ruồi" chỉ loại nhẹ cân trong các đấu sĩ môn quyền Anh.

"Chim ruồi" chỉ loại chim sâu rất nhỏ.

"Tàu ruồi" chỉ thứ tàu thuỷ nhỏ chạy chơi sông hồ.

T.B. - Một nhân chứng thứ hai của cuộc hội kiến Varen - Phan Bội Châu (xin chẳng dám nêu tên nhân chứng này) lại quả quyết rằng Bội Châ[1)] đã nhổ vào mặt Varen; cái đó thì cũng có thể.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Le Paria*, số 36 - 37, tháng 9 và tháng 10 - 1925.
Nguyễn Ái Quốc: *Truyện và ký,* Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1974, tr. 31-37.

Theo bài in trong sách *Truyện và ký*.

---

1) Ở đoạn cuối, nhiều chỗ chỉ gọi Phan Bội Châu bằng Bội Châu. Trong khi đó, cũng không gọi Varen bằng ông nữa, mà gọi trống không Varen. Cũng cùng gọi trống không cho "thân" nhưng tác giả đã khéo sử dụng song song hai chữ thân có thể có trong cách xưng hô của Pháp: thân quý mến đối với Phan Bội Châu, thân coi thường đối với Varen.

BÁO CÁO GỬI QUỐC TẾ NÔNG DÂN VỀ NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẢNG BỘ QUỐC DÂN ĐẢNG QUẢNG ĐÔNG VỀ VẤN ĐỀ NÔNG DÂN

Bản nghị quyết mở đầu rằng, cuộc cách mạng dân tộc không thể hoàn thành nếu không có sự ủng hộ của quần chúng; và rằng, ở Trung Quốc, 85% quần chúng là nông dân. Nhận thức rõ điều quan trọng đó, Quốc dân đảng - từ khi được cải tổ - đã chú ý đến mức tối đa vấn đề nông dân.

Lòng hăng hái của nông dân. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nông dân rất muốn tự tổ chức nhau lại. Sau một năm kể từ tháng 5 năm ngoái, 22 Hội nông dân đã được thành lập.

Ngày 1 tháng 5, một hội nghị có 117 đại biểu dự - đại diện cho 210.000 nông dân đã tham gia tổ chức -, thành lập Hội nông dân tỉnh. Chưa đầy 6 tháng sau, đã có thêm 11 Hội nông dân huyện nữa được thành lập, nâng tổng số Hội nông dân huyện lên tới 33 hội với 450.000 hội viên.

Ngay cả những nông dân sống dưới sự áp bức của bọn quân phiệt Đặng Phù Ninh và bè lũ, cùng những anh em của họ ở Huệ Nam, Quảng Tây, Hà Nam, Hồ Nam và các tỉnh khác đều noi gương. Họ tổ chức một cách bí mật hoặc công khai, nhưng họ đã có tổ chức.

Tinh thần cách mạng của họ. Khi bác sĩ Tôn tiến hành cuộc khảo sát ở miền Bắc thì chính tự vệ nông dân cùng với tự vệ công nhân đã hộ vệ ông tới Thiều Châu. Trong thời gian xảy ra cuộc bạo động của bọn hổ thương, chính tự vệ nông dân đã hợp tác với tự vệ công nhân để bảo vệ Chính phủ cách

mạng, trong khi nông dân Đông San đã dùng vũ lực ngăn chặn bọn lính tình nguyện của thương nhân huyện này không để chúng xuất quân đi đánh Quảng Châu. Trong cuộc chiến tranh sông Đông vừa qua, nông dân ở Đông Hoàn, Hải Phong, Lục Phong và Phù Nguyên đã làm tất cả mọi việc để giúp đỡ quân đội của Đảng. Trong thời gian cuộc phản loạn của Lưu và Dương, nông dân nhiều huyện đã nổi dậy và tiến công những đội quân phản loạn và giúp đỡ Chính phủ cách mạng tiêu diệt bọn quân phiệt phản loạn trong vòng mấy ngày. Gần đây, nông dân Đông Hoàn đã hỗ trợ một cách có hiệu quả binh lính của Chính phủ tước vũ khí khi bọn lính ngoan cố của Lam Sooyai và những tên khác. Lần này nông dân Hải Phong lại chịu đựng những sự hy sinh lớn để giúp đỡ quân đội của Đảng trong cuộc chinh phạt sông Đông hiện nay.

Sự đau khổ của họ. Thế nhưng những nông dân anh dũng đó lại là những người bị bóc lột và bị áp bức hơn ai hết! Trước hết, họ bị đội hương dũng áp bức. Tổ chức này do bọn địa chủ lớn và bọn hào lý xây dựng nên, chúng trang bị vũ khí cho những người nông dân để chống lại những người anh em cùng giai cấp của mình. Bọn địa chủ và bọn hào lý có ý định dùng đội hương dũng để bảo vệ nông dân chống lại bọn phỉ, nhưng trong thực tế tổ chức này còn tồi tệ hơn cả bọn phỉ.

Ở một xã như Lisao, nông dân bị buộc phải nộp mỗi năm 100.000 đôla để duy trì đội hương dũng. Ở một làng nhỏ như Huệ Đức người ta lột của nông dân mỗi năm hơn 20.000 đôla. Ở Thuận Đức, viên chỉ huy đội hương dũng cứ mỗi năm kiếm lợi được 70.000 đôla. Ở các huyện khác, nông dân cũng bị bóc lột như vậy. Để moi tiền của nông dân, đội hương dũng đã thu ít nhất là 20 loại thuế.

Những kẻ áp bức họ. Trước kia nông dân thụ động. Hiện nay, với tổ chức của mình, họ tự bảo vệ mình. Do đó những kẻ áp bức họ chỉ còn trông cậy vào những hành động tội ác.

Không có tháng nào mà không có một vài Hội nông dân bị triệt phá hoặc một vài chiến sĩ bị sát hại. Đây là bản tóm tắt một sổ đen:

1924 - tháng 5 - tháng 6, hai Hội nông dân ở Quảng Ninh bị triệt phá. Tháng 7 - tháng 8, Hội nông dân Nam Phố và Nam Hội bị triệt phá. Tháng 9 - tháng 10, Hội nông dân Đông Hoàn cũng cùng chung một số phận. Tháng 11 - tháng 12, thì Hội nông dân của vùng 2 thuộc Quảng Ninh, Hội nông dân Hoa huyện và Hội nông dân Phiên Ngung bị triệt phá. Bọn hào lý và bọn địa chủ thuê bọn phỉ cướp phá các vùng, đốt trụ sở của Hội nông dân và giết hại các hội viên của hội.

Chuỗi tội ác đó mỗi tháng một tiếp tục kéo dài thêm, tội ác của bọn hào lý Hồ Giang gây ra tháng 5 vừa qua đặc biệt dã man. Nhiều nhà cửa của nông dân bị đốt, các cán bộ của Hội nông dân bị giết hại, phụ nữ và nữ thanh niên trong làng bị hãm hiếp.

Mới gần đây thôi, bọn hào lý ở Thuận Đức, Phù Nguyên, Thông San đã phạm cùng một tội ác đáng xấu hổ như vậy đối với nông dân ở huyện của chúng.

Nghị quyết. Những sự thật đó cho thấy rõ ràng rằng đội hương dũng là công cụ áp bức nông dân. Hơn nữa, nhiều đội lại thường gồm những tên phỉ và những kẻ không thể chấp nhận được, trong khi một số khác không thể giữ gìn được an ninh và trật tự trong huyện của họ. Song tất cả những đội đó đều là những trở ngại cho chính sách nông dân của Đảng. Hơn nữa, sự thật đã được chứng thực đầy đủ là ở bất cứ nơi nào mà nông dân đã thành lập đội tự vệ của mình thì đội tự vệ đó chẳng những duy trì được an ninh và trật tự ở làng và huyện mà còn có thể ủng hộ Chính phủ cách mạng, tăng cường cơ sở của Đảng.

Vì vậy đảng bộ Quảng Đông của Quốc dân đảng quyết định đề nghị Chính phủ giải tán các đội hương dũng ở những nơi có đội tự vệ nông dân và xoá bỏ - càng sớm càng tốt - cơ quan tổng chỉ huy các đội đó. Đồng thời yêu cầu Chính phủ tổ chức đội tự vệ nông dân để giữ gìn an ninh và trật tự ở các làng và các huyện, phù hợp với chương trình nông dân của Đảng.

Những sự áp bức khác. Bên cạnh đội hương dũng còn có bọn quan lại và bọn quân phiệt, bọn này tự gọi mình là đảng viên của Đảng, nhưng hành động hoàn toàn trái với các quy tắc của Đảng.

Mục đích duy nhất của chúng là kiếm tiền. Chính sách duy nhất của chúng là hợp tác với bọn hào lý xấu bóc lột nông dân và áp bức Hội nông dân.

Quân đoàn 3 đóng ở Quảng Ninh và huyện trưởng Tài đã nhúng tay vào vụ đổ máu ở huyện đó. Binh lính của Phúc ở Thuận Đức và viên huyện trưởng Tăng phải chịu trách nhiệm trực tiếp về việc tàn sát đã xảy ra ở 6 làng. Ở Đông San hiến binh trưởng Ngô, đại uý Yiép thuộc quân đoàn 2 và binh lính của Phúc - cùng với bọn hào lý - đã đốt phá và cướp bóc 30 làng.

Nơi nào có phong trào nông dân thì đều có tình hình như vậy. Những hành động đó của quân đội và của bọn quan lại không những làm cho nông dân xa lìa Đảng, mà còn phá hoại kế hoạch của Đảng.

Để gạt bỏ những trở ngại đó và để làm cho sự hợp tác giữa Đảng và nông dân trở thành một sự hợp tác thực sự, cần phải xử sự quyết liệt đối với bọn quân nhân phản bội và bọn quan lại cũng như bọn hào lý mục nát. Chỉ có bằng cách như vậy Hội nông dân mới có thể phát triển được, chương trình nông dân của Đảng mới có thể thực hiện được.

Bọn cho vay nặng lãi. Bọn cho vay tiền nặng lãi là những kẻ không thương xót gì nông dân cả. Ở các huyện quanh Quảng Châu, chúng lấy lãi ít nhất là 36%. Ở huyện Cao Yên chúng lấy lãi 73% và ở Lôi Châu 108%! Hơn nữa, nếu người cha không trả được nợ thì con anh ta bị buộc phải làm cái việc trả nợ đó.

Những cửa hiệu cầm đồ, những thương nhân vô lương tâm cũng chẳng nhân từ gì hơn. Thuế khoá nặng nề dồn thêm sức nặng lên gánh nặng của nông dân vốn đã quá nặng rồi!

Những sự khốn cùng của nông dân. Những người làm thuê cho nông trại được trả công thật thảm hại trong lúc con cái nông dân làm việc thật sự chẳng được gì.

Người lĩnh canh làm việc vất vả quanh năm mà chỉ được 35

hoặc 40% sản lượng. Ngay cả với cái phần còm cõi đó, mỗi vụ gặt họ vẫn phải biếu xén địa chủ. Thế vẫn chưa hết. Địa chủ có thể lấy lại ruộng, không cho người lĩnh canh thuê vào bất kỳ lúc nào y muốn. Địa chủ dùng hai thủ đoạn khác nhau: địa chủ nhỏ thì cho thuê, địa chủ lớn hơn thì tập hợp các khoản cho thuê.

Các công ty độc quyền ruộng đất giữ chặt nông dân nghèo dưới gót giày tàn bạo của chúng. Chúng cướp hết ruộng đất rồi sau đó cho thuê ruộng với mức lãi 80%.

Hoàn cảnh của những người sở hữu nhỏ thật quá xa với điều mong muốn. Họ bị buộc phải nộp 30 loại thuế. Ở Hải Phong và Lôi Châu chẳng hạn, bọn quân phiệt đã thu thuế ruộng đến năm 1930.

Nghị quyết. Đảng bộ khẩn thiết yêu cầu:

Xoá bỏ sự nô dịch của nợ nần, các thứ thuế nặng và ngoại ngạch, sự độc quyền ruộng đất.

Cấm cho vay nặng lãi, cấm thu hồi ruộng đất, không cho nông dân thuê nữa mà không có đủ lý do; đòi ấn định địa tô tối đa, thống nhất đo lường, miễn thuế khi mất mùa.

Đòi thiết lập ngân hàng và các hợp tác xã nông dân, cải cách hệ thống nông nghiệp, hoàn thiện công trình tưới nước.

Về những người làm thuê cho các nông trại, Đảng bộ yêu cầu rút ngắn ngày lao động, tăng lương, đối xử bình đẳng đối với công nhân nam nữ trẻ tuổi.

Đòi xoá bỏ đội hương dũng, đội hương vệ, cục bảo vệ bãi cát và các tổ chức ăn bám khác. Các quỹ và các nguồn tiền của các tổ chức này phải được chuyển cho Hội nông dân để sử dụng vào việc cải thiện nông nghiệp.

Đòi chuẩn bị cho việc trồng rừng ở tất cả những đất công và đất chưa canh tác.

Ngoài ra Đảng bộ còn yêu cầu cấp ruộng cho những nông dân không có ruộng.

Giáo dục. Đại đa số nông dân bị thất học. Còn nữ thanh niên và phụ nữ nông dân thì trên thực tế bị tước mọi loại học vấn. Sự dốt nát đã khiến cho nông dân trở thành một công cụ dễ sai khiến trong tay thế lực phản cách mạng. Để khắc phục tình trạng đó, Đảng bộ yêu cầu:

Tổ chức lớp học buổi tối cho người lớn và trường không thu học phí cho trẻ con.

Để thực hiện chương trình này, Đảng bộ yêu cầu Chính phủ mở rộng hệ thống giáo dục không thu tiền đến tất cả các huyện và lập một ngân sách đặc biệt để dùng vào mục đích đó. Đảng bộ còn đề nghị thêm rằng tất cả các chùa chiền, đền đài, các quỹ và các nguồn của cải công phải được sử dụng cho công việc giáo dục.

Tài liệu tiếng Anh,
lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

PHONG TRÀO NÔNG DÂN TỈNH QUẢNG ĐÔNG

1. Phong trào Hội nông dân bắt đầu từ huyện Hải Phong vào tháng 5-1922. Nông dân vốn bị tầng lớp quý tộc nhỏ, bọn địa chủ, bọn quan lại và bọn quân phiệt áp bức và bóc lột. Nhưng chưa bao giờ họ bị bóp nặn nặng nề như bị Trần Quýnh Minh bóp nặn hiện nay.

Thoạt đầu, nông dân Hải Phong nghĩ rằng Trần là người quê quán ở huyện này, có lẽ ông ta sẽ theo cái truyền thống "một người con quý, cả huyện hạnh phúc". Nhưng hoá ra lại không phải thế. Những kẻ đi theo Trần đã đem tiền cướp được trong các cuộc phiêu lưu quân phiệt của chúng - mua ruộng và trở thành địa chủ mới. Chúng có nhiều phương pháp để có ruộng. 1/ Chúng làm cho Trần đánh thuế ruộng rất nặng. Những địa chủ nhỏ không thể nộp thuế được nên phải bán ruộng với giá rẻ. 2/ Trần yêu cầu tất cả các chủ đất phải đem giấy tờ để kiểm tra, nếu ai không có giấy tờ thì ruộng đất của người ấy sẽ bị tịch thu. Các gia đình nông dân đều sống chết ở đất này từ bao thế kỷ, nên đại đa số họ biết rất rõ ruộng nào là của mình, nhưng không biết giấy tờ ở đâu. Vì lẽ đó, một số lớn nông dân đã bị Trần cướp đoạt.

Ruộng đất đã đổi chủ nên hoàn cảnh của nông dân, tất nhiên, bị xáo trộn. Và những người chủ mới, có lực lượng vũ trang trong tay tha hồ bóp nặn nông dân. Toàn bộ đội quân những người chủ nhỏ bị tước đoạt đã làm tăng đội ngũ nông dân nghèo. Vì thế đời sống trở nên khó khăn không thể chịu được và sự nghèo khổ ngự trị khắp nơi.

Nhiều nông dân nghèo bị dồn ra khỏi làng để đi tìm việc ở Hương Cảng.

Rồi nổ ra cuộc bãi công thắng lợi của thuỷ thủ. Những công nhân mới, khi về thăm quê, lại là người đưa tin và người tuyên truyền.

Thế là con đường đi được chuẩn bị, chúng tôi liền thừa cơ đó phát động một cuộc vận động xây dựng Hội nông dân. Ngay lập tức 5.000 nông dân đã tham gia phong trào.

2. Hiện tại 11 Hội nông dân huyện đã chính thức được thành lập. Và 13 Hội nữa sắp được thành lập. Tổng số hội viên là 465.000 người (riêng Hải Phong đã có 200.000 hội viên).

16 Hội nông dân huyện đã có đội tự vệ (Hải Phong có 500 đội viên tự vệ nông dân).

Trước đại hội Hội nông dân tỉnh vào tháng 5 năm ngoái đã có 20 huyện có Hội nông dân. Hiện nay, các Hội nông dân đã được thành lập ở 32 huyện.

Tháng 2-1923, *Hải Phong* có một vụ kiện giữa địa chủ và nông dân. Nông dân được kiện. Bọn địa chủ tung tin đồn rằng Hội nông dân sẽ thực hiện chủ nghĩa cộng sản và rằng bọn địa chủ phải tự tổ chức nhau lại để bảo vệ tài sản của mình. Một hiệp hội đã được thành lập với hơn 100 địa chủ tham gia, dưới sự lãnh đạo của một người chú của Trần. Rồi chúng buộc viên quan toà phải xét lại vụ án. Trong lúc xét xử, bọn địa chủ đến dự phiên toà rất đông. Sợ hãi, viên quan toà đã ra lệnh bắt giam 6 nông dân. Lập tức 6000 nông dân đã họp mít tinh, sau đó là một cuộc diễu hành. Càng sợ hơn, viên quan toà phải thả mấy người tù đó. Những người nông dân chiến thắng đã hân hoan đón các đồng chí của mình, họ vừa hoan hô vừa hô lớn: "Đả đảo bọn địa chủ!".

Từ đó sự phân cách giữa địa chủ và nông dân càng rộng thêm. Vào tháng 7-1923, do tai họa về bão, 20.000 nông dân đã xuống đường tuần hành, đòi giảm 70% tô. Được lực lượng của Trần Quýnh Minh che chở, bọn địa chủ đã thu tô và không giảm chút nào. Một cuộc chiến đấu đã xảy ra và 3 nông dân đã bị bắt.

Bọn quân phiệt, bọn quý tộc, bọn quan lại và bọn hiến binh đứng về phía bọn địa chủ. Hội nông dân đã kêu gọi nông dân tiến hành một cuộc mít tinh, và 30.000 người đã hưởng ứng lời kêu gọi. Bọn địa chủ và chiến hữu của chúng đào hào, dựng chiến luỹ, tiến hành việc chuẩn bị tựa hồ như để đương đầu với cả một đội quân lớn.

Sau cuộc mít tinh, hiến binh bắt thêm 25 nông dân nữa. Nông dân muốn tiến công nhà tù, nhưng các thủ lĩnh của họ thấy rằng kẻ thù được trang bị vũ khí đầy đủ trong khi nông dân không có gì ngoài nắm tay không, nên đã ngăn họ lại.

Sáu tháng sau 28 nông dân bị bắt mới được thả.

Từ tháng 7-1923 đến tháng 2-1924, Hội nông dân hoạt động bất hợp pháp. Sau tháng 2, Hội nông dân thử mở cửa trở lại, nhưng đã bị bọn quân phiệt đóng cửa. Chẳng bao lâu sau quân đội Quốc dân đảng đã đánh bật Trần Quýnh Minh và Hội nông dân xuất hiện trở lại một cách hợp pháp.

Với quân đội Quốc dân đảng và những thuỷ thủ bãi công ở Hương Cảng.

Trong cuộc chiến đấu giữa Trần và Quốc dân đảng (tháng 4) nông dân Hải Phong đã dành cho quân đội của Đảng mọi sự giúp đỡ dẫn đường, vận tải, giao liên, v.v.. Một vài nông dân đã nhập ngũ ra hoả tuyến.

Khi cuộc bãi công nổ ra, nông dân đã tiến hành nhiều cuộc biểu tình đoàn kết, họ đã quyên góp nhiều nghìn đôla vào quỹ bãi công; họ giúp đỡ đội bảo vệ của những người bãi công ngăn chặn việc tuồn thực phẩm vào Hương Cảng.

Tháng 9, khi quân đội của Trần lại trở về Hải Phong, đội tự vệ nông dân đã chiến đấu rất dũng cảm và chỉ rút lui khi họ bị quân thù đông hơn về số lượng đè bẹp, 50 nông dân bị giết.

Huyện Quảng Ninh.

Bọn địa chủ được vũ trang mạnh. Nông dân chỉ được hưởng 30% sản phẩm, còn 70% thì rơi vào bọn địa chủ.

Một vài người quê quán ở huyện này làm việc ở các xưởng dầu tại Quảng Châu. Chính họ là những người thúc đẩy Hội nông dân. Lúc đầu bọn địa chủ coi khinh nông dân, công nhân và không chú ý đến tổ chức của họ. Nhưng khi Hội nông dân đã thành lập và nông dân đã biểu lộ nhiệt tình và có ưu thế về số lượng thì bọn địa chủ liên kết lực lượng của chúng với lực lượng của bọn quân phiệt. Chúng đốt phá các trụ sở của Hội nông dân, giết và làm bị thương nhiều hội viên. Hành động tàn ác đó của bọn địa chủ khiến cho nông dân càng thêm trung thành với tổ chức của mình và càng kiên quyết đấu tranh. Vì bọn địa chủ tập trung lực lượng của chúng vào 3 làng nên nông dân đã rút sang những làng khác và bí mật tổ chức đội tự vệ của mình.

Mùa đông năm ngoái, họ bắt đầu tiến hành phong trào giảm tô. Bọn địa chủ đã thuê bọn phỉ dùng vũ lực để thu tô.

Đó là một cuộc chiến tranh thật sự. Mỗi bên tham chiến đều có lãnh thổ và sở chỉ huy của mình. Để thúc giục Chính phủ giúp đỡ, nông dân đã tiến hành một cuộc mít tinh với 10.000 người tham dự. Phụ nữ và trẻ em cũng tham gia cuộc biểu tình. Chính phủ đã phái đội vệ sĩ và đội xe bọc thép đến giúp nông dân.

Viên chỉ huy đội vệ sĩ đã ăn hối lộ của bọn địa chủ và đề nghị nông dân ký một bản hoà ước với điều kiện là 7 địa chủ cầm đầu cuộc gây rối sẽ bị trừng phạt. Một tên cầm đầu khác được quan toà che chở thì muốn đánh lừa mọi người bỏ qua tội lỗi của mình nên mời các thủ lĩnh nông dân và các sĩ quan đội xe bọc thép đến dự một tiệc lớn. Các khách đã đến dự và khi tiệc tan họ đã bắt giữ y.

Trước khi hội nghị hoà bình có thể diễn ra, 5 nông dân ở những làng khác đã bị bọn địa chủ giết hại. Lập tức, cuộc chiến đấu lại tiếp diễn. Viên chỉ huy vệ sĩ ăn hối lộ đã bị thải hồi và một sĩ quan khác lên chỉ huy, nhưng đó mới chỉ là biện pháp đầu tiên. Quân thù cố thủ trong pháo đài, song pháo đài cũng bị nông dân vây hãm. Khi nước tiếp tế của chúng đã hết, bọn địa chủ đã phải quy phục.

Cuộc xung đột kéo dài 3 tháng, kết thúc bằng thắng lợi của nông dân.

Huyện Hoa Yên.

Bọn địa chủ ở đây không những chống lại Hội nông dân mà còn âm mưu lật đổ chính quyền. Vụ âm mưu này đã bị Chủ tịch Hội nông dân phát giác và đã báo cho nhân dân biết. Sau khi bị thất bại trong vụ này, bọn địa chủ đã chi một số tiền lớn để lo lót cho viên quan ở toà án huyện. Nhưng khi đã ngồi vào cương vị của mình rồi, viên quan toà mới vì thiếu can đảm nên đã chẳng làm gì để chống lại Hội nông dân.

Thấy mọi mưu toan của mình bị thất bại, bọn địa chủ đã dùng đến hành động trực tiếp. Chúng thuê phỉ giết hại các chiến sĩ và phá hoại Hội nông dân. Trong thời gian có những biến động chính trị ở Quảng Châu, bọn địa chủ đã tấn công. Đây đó đã diễn ra cuộc chiến đấu nhỏ, bởi vì nông dân tuy không được vũ trang, nhưng đã không từ bỏ cuộc chiến đấu. Chủ tịch Hội đã bị giết trong một cuộc chiến đấu, và kẻ thù đã chặt chân tay, cắt tai và mổ bụng ông.

Khi cuộc bạo loạn của bọn quân phiệt thất bại và những phần tử phản cách mạng đã bị Chính phủ Quốc dân đảng diệt sạch thì bọn địa chủ vì đã mất chỗ dựa, nên chấp nhận tất cả các yêu sách của nông dân.

Huyện Vệ Hoa.

Trong cuộc chiến tranh mới đây giữa Chính phủ Quốc dân đảng và Trần Quýnh Minh, nông dân huyện Vệ Hoa giống như các đồng chí của họ ở các huyện khác, đã dành cho binh lính của Đảng bất kỳ sự giúp đỡ nào mà họ có thể làm được. Vì lẽ đó, Trần đã trả thù, khi quay lại vùng này. Y đã giải tán các Hội nông dân bằng lực lượng quân sự. Y đã đánh thuế nặng. Hội nông dân đã kêu gọi 2.000 hội viên và tiến hành một trận chiến đấu công khai chống tên quân phiệt này. Nông dân có 120 người bị giết và bị thương. Sau trận chiến đấu, mặc dù bị thất bại, nông dân vẫn tập trung lực lượng của mình, tiến hành phòng ngự và loan tin rằng họ đang chờ quân đội của Đảng. Họ đã giữ vững được trận địa

của mình trong một thời gian. Về sau, khi phát hiện quân tiếp viện của Đảng không tới, quân địch đã đánh bật nông dân ra khỏi sở chỉ huy của họ, đốt cháy 50 ngôi nhà, cướp đi 410 con trâu, đấy là chưa nói đến việc cướp bóc tiền bạc và các thứ khác.

Các huyện khác cũng ở vào một hoàn cảnh gần như thế về mặt tổ chức, hoạt động và chiến đấu.

Bọn địa chủ: Chúng không có tổ chức vững chắc. Việc chúng lên hay xuống liên quan đến sự lên xuống của những phần tử phản cách mạng. Trong thời gian xảy ra vụ Thương Hô, cuộc bạo loạn của Lưu và Dương, sự ổn định của Trần Quýnh Minh và việc để cho bọn quân phiệt nhỏ nhập ngũ phục vụ Chính phủ làm cho bọn địa chủ lên đến mây xanh. Một khi bọn bè bạn phản cách mạng của chúng bị đè bẹp thì chúng lại rơi sụp xuống đất và trở thành những "người bạn tốt" của nông dân.

Thanh niên và phụ nữ. Khoảng 1/3 hội viên Hội nông dân là thanh niên. Nhiều người trong số họ là cán bộ của Hội nông dân. Cũng có phụ nữ và nữ thanh niên, nhưng rất ít. Thuận Đức và Hải Phong có câu lạc bộ thanh niên nông dân. Ở Hải Phong có một nhóm thiếu niên tiền phong, song tiếc thay nhóm này tổ chức chưa hoàn chỉnh.

Trao đổi tin tức. Sẽ là một điều rất lý thú nếu thiết lập được sự trao đổi tin tức giữa thanh niên nông dân với Ban thanh niên của Quốc tế Nông dân. Nhưng hiện nay việc này không thực hiện được vì có khó khăn về giao thông liên lạc cũng như khó khăn về ngôn ngữ.

Ngày 16-10-1925. NILỐPXKI

Tài liệu tiếng Anh,
lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

PHONG TRÀO NÔNG DÂN TỈNH QUẢNG ĐÔNG

Những câu hỏi sau đây đã được gửi đi tất cả các Hội nông dân huyện.

1/ Nguồn gốc của Hội nông dân và tình hình hiện nay của nó.

2/ Kinh nghiệm.

3/ Hội viên.

4/ Đội tự vệ nông dân.

5/ Quan hệ giữa Hội nông dân và các tổ chức khác.

6/ Thanh niên nông dân và giáo dục của họ.

7/ Tuyên truyền chính trị.

8/ Tiếng vang chính trị từ Quảng Châu.

9/ Quan hệ với công nhân công nghiệp.

10/ Ảnh hưởng của đạo Cơ đốc.

11/ Những yêu sách trước mắt của nông dân.

...

A) TRẢ LỜI CỦA HUYỆN THANH VIỄN

1/ Phong trào có cùng một nguồn gốc như nhau đối với tất cả các huyện, không trừ một huyện nào. Đó là sự áp bức về kinh tế và chính trị.

Ở tất cả các nơi, phong trào vấp phải sự chống đối mạnh mẽ của bọn địa chủ và bọn kỳ hào bằng các thủ đoạn từ tung tin nhảm đến ám hại những người đấu tranh. Nông dân hăng hái tổ chức nhau lại. Nhưng vì chưa giác ngộ về lực

lượng của chính mình, họ vẫn giữ thói quen tin vào Chính phủ.

2/ Khi thành lập, Hội nông dân Thanh Viễn đã trải qua những cuộc đấu tranh dưới đây:

a/ Có một cường hào độc ác quen thói áp bức nông dân đã ngăn cản họ tham gia Hội nông dân. Ngay khi được tổ chức, phong trào nông dân đã bắt và giải y đến huyện trưởng, người này đã nhận được thư của ông Lưu Trọng Khải, đã quá cố, nên đã giam tên cường hào một thời gian dài. Thắng lợi này đã tăng cường ảnh hưởng và tiếng tăm của Hội nông dân; và nông dân đã nhanh chóng tham gia tổ chức.

b/ Có hai làng ở gần nhau, làng A và làng B cách nhau một quả đồi và quả đồi đó là của làng A. Có một tục lệ là nông dân cả hai làng đều có thể lên đồi cắt cỏ và kiếm củi khô trừ những cây do làng A trồng. Có một lần nông dân làng B (đã có Hội nông dân của mình) đi cắt cỏ trên đồi, nhưng họ bị bọn kỳ hào làng A (làng này không có Hội nông dân) đuổi đánh. Phong trào nông dân làng B đã tới để bảo vệ dân làng mình và bắt giữ những viên kỳ hào xúc phạm. Những viên kỳ hào đã thừa nhận lỗi lầm của họ và trả 800 đôla để bồi thường thiệt hại. Nhưng về sau người ta đã tuyên bố tình trạng chiến tranh giữa hai làng và tình trạng chiến tranh kéo dài đến 3 tháng.

Làng A nhận thấy Hội nông dân các nơi khác mỗi ngày một mạnh thêm, nên đã phải chịu trả 300 đôla tiền phạt và ký một hiệp nghị có lợi cho làng B.

c/ Một tuyên truyền viên của Hội nông dân bị tiến công. Nông dân yêu cầu viên huyện trưởng trừng trị những kẻ cầm đầu cuộc tiến công. Bọn này đều là kỳ hào. Quan toà xử phạt bọn kỳ hào phải trả cho Hội nông dân 150 đôla.

3/ *Hội viên*. 40 làng có 2303 hội viên. 8 làng nữa sẽ chính thức thành lập Hội nông dân của mình trong tương lai gần đây nhất.

4/ *Đội tự vệ nông dân*. 684 người với 563 súng trường (do địa phương chế tạo).

5/ *Đội hương dũng*. Lúc đầu được thành lập để bảo vệ dân làng

chống lại bọn kẻ cướp, giờ đây đã trở thành công cụ của bọn kỳ hào chống lại nông dân. Mỗi năm mỗi người nông dân phải nộp cho tổ chức này:

Thuế đầu người 15 cân thóc

Thuế nhà 15 cân thóc mỗi gia đình

Thuế trâu 15 cân thóc mỗi gia súc

Thuế thu hoạch mùa màng 50% sản lượng thóc.

Đội hiến binh hương lý. Nông dân phải nộp cho tổ chức này:

Thuế gia đình 0,20 đôla

Thuế trâu 0,20 đôla mỗi con

Thuế thu hoạch mùa màng 5% sản lượng.

Những tổ chức này nói chung đều chống lại Hội nông dân.

Bọn kẻ cướp. Chúng chống lại Hội nông dân khi chúng bị bọn địa chủ, bọn kỳ hào thuê. Nếu không thì chúng trung lập, thậm chí đôi khi có cảm tình với chúng ta.

Binh lính. Thái độ của họ tuỳ thuộc thái độ các sĩ quan của họ. Một số thì ủng hộ Hội nông dân; một số khác - bị bọn địa chủ mua chuộc - thì chống lại Hội nông dân.

6/ *Thanh niên nông dân*. Hoàn toàn thất học: trên 30% số còn lại chỉ được đi học một hoặc hai năm, và chỉ có học vấn hoàn toàn sơ đẳng và rất lạc hậu. Làm việc rất vất vả. Sống rất nghèo túng. Số người thất nghiệp tăng, không có sự vui chơi giải trí nào. Trình độ học vấn rất thấp. Nhiều người tham gia Hội nông dân.

7/ *Tuyên truyền chính trị.* Lúc đầu nông dân rất sợ chủ nghĩa cộng sản, vì họ nghe nói (do bọn địa chủ nói) rằng những người cộng sản xã hội hoá phụ nữ. Bây giờ họ đã hiểu chút ít rằng chủ nghĩa cộng sản thật ra là cái gì và họ tin rằng Đảng cộng sản là đảng duy nhất có thể giải thoát họ khỏi sự khốn cùng hiện tại của họ.

8/ Chúng ta có 8 đảng viên cộng sản và 5 đoàn viên thanh niên cộng sản hoạt động trong nông dân ở huyện này.

9/ Nông dân có tổ chức vốn đứng về phía Chính phủ dân tộc chủ nghĩa. Nhưng khi chúng tôi trình bày trong báo cáo này, vì chưa giác ngộ về sức mạnh của chính mình, họ cảm thấy băn khoăn và nghi ngờ trước mỗi thay đổi về chính trị ở Quảng Châu. Bọn địa chủ đã lợi dụng mọi cơ hội - cuộc nổi dậy của Lưu và Dương, vụ ám hại Liêu Trọng Khải, v.v., để tung tin đồn nhảm nhằm làm cho nông dân lo sợ. Nhưng lần nào cũng vậy, chúng ta đều nhanh chóng chống lại bằng cách tăng cường công tác tuyên truyền và giờ đây nông dân đã hiểu hoàn toàn rõ tình hình chính trị.

10/ Một số ít công nhân trong huyện này còn chưa được tổ chức, vì thế giữa Hội nông dân với họ không có mối liên hệ.

Từ khi có cuộc bãi công chống đế quốc, những người bãi công quê quán ở huyện này đã trở về làng và thành lập ra Hiệp hội những người bãi công. Giữa Hội nông dân và Hiệp hội những người bãi công có mối liên hệ rất chặt chẽ.

11/ *Có 3 trường truyền giáo* nhưng có rất ít học viên. Những trường này không có ảnh hưởng đối với nông dân là những người phản đối đạo Cơ đốc, không phải vì coi đạo Cơ đốc là công cụ của chủ nghĩa đế quốc (họ còn chưa hiểu), mà vì coi đạo Cơ đốc là một tôn giáo ngoại quốc và phản tổ tiên. Một trong những trường đó gần đây đã bị đóng cửa.

12/ *Những yêu sách trước mắt:*

Xoá bỏ đội hương dũng

Xoá bỏ thuế nặng nề

Súng giá rẻ (nhà nước phải bán cho họ)

Tổ chức hợp tác xã

Ấn định chuẩn mực thuế.

B) TRẢ LỜI CỦA HOA UYÊN

1/ Hội nông dân được thành lập vào tháng 10-1924. Tuy còn non trẻ nhưng Hội đã dạy cho các hội viên biết dựa vào sức mình hơn là dựa vào người khác. Trong thời kỳ đầy những tin đồn đại về

chính trị, một số làng đã không ngần ngại chính thức hành động mở màn. Đó là một tiến bộ lớn. Trở ngại chủ yếu trên con đường phát triển đầy đủ của Hội nông dân là những khó khăn về tài chính.

2/ Những trận chiến đấu lớn đã diễn ra giữa nông dân và địa chủ, chúng phá hoại các trụ sở của nông dân và giết hại những người lãnh đạo của họ. Cuối cùng địa chủ đã thất bại và buộc phải ký những hiệp định dưới đây:

a/ Trừng phạt những kẻ chịu trách nhiệm về việc gây ra xung đột

b/ Bồi thường 1000 đôla cho Hội nông dân

c/ Bồi thường 2000 đôla cho người bị giết

d/ Phải trả 800 đôla phí mai táng

e/ Cam kết sau này không gây rắc rối cho Hội nông dân nữa.

3/ *Hội viên.* 19 làng có 2100 hội viên.

4/ Chỉ có một làng đã tổ chức phong trào nông dân với 15 hội viên.

5/ Trước kia, *đội hương dũng* có hơn 10.000 đội viên và 4000 khẩu súng. Nhưng hiện nay nó đang teo dần đi đến tan rã.

Một vài băng cướp muốn lợi dụng phong trào nông dân, một số khác chống lại phong trào nông dân, nhưng chỉ trên lời nói.

Binh lính đóng ở huyện thì trung lập.

6/ *Thanh niên.* Trình độ tri thức cao hơn một chút so với trình độ tri thức của thanh niên Thanh Viễn. Có nhiều trường học hơn. Đại đa số thanh niên phụ thuộc vào gia đình của họ. Nhiều người đã tham gia Hội nông dân.

7/ Trình độ hiểu biết chính trị cũng giống như trình độ hiểu biết chính trị ở Thanh Viễn. Thoạt đầu, nông dân cũng sợ chủ nghĩa cộng sản. Giờ đây họ mong mỏi thực hiện chế độ cộng sản. Họ nghĩ rằng Quốc dân đảng và Hội nông dân cũng giống nhau thôi.

8/ Chúng ta có 13 đảng viên cộng sản hoạt động trong phong trào; 4 người trong số đó là nông dân ở địa phương.

9/ *Tiếng vang chính trị.* Bất chấp sự tuyên truyền của bọn địa chủ, nông dân rất ít bị kích động bởi những lời đồn nhảm về chính trị.

10/ Công nhân dầu mỏ ở Quảng Châu, người quê ở huyện này, đã giúp đỡ Hội nông dân rất nhiều trong việc tuyên truyền cũng như trong việc tổ chức hoạt động. Nhưng bản thân công nhân sống ở trong huyện thì chưa được tổ chức, vì vậy không có mối liên hệ giữa họ với Hội nông dân.

11/ Có 4 trường truyền giáo, nhiều học viên. Nhưng chỉ có khoảng 1 hoặc 2% học viên trở thành người theo đạo.

12/ *Những yêu sách trước mắt :*

Dẹp yên bọn cướp

Cấm trò cờ bạc và chơi bời, do bọn kỳ hào bảo trợ vì trò cờ bạc và chơi bời này gây tai hại trong gia đình nông dân

Thống nhất Quảng Đông

Xoá bỏ thuế khoá nặng nề.

C) THUẬN ĐỨC

1/ Hội nông dân ở đây bắt đầu hoạt động năm 1921. Do cánh hữu của Quốc dân đảng khởi xướng, nhằm tăng cường lực lượng của họ. Cuối năm 1922, chúng tôi bắt đầu công tác tuyên truyền của mình. Năm 1923, hai Hội nông dân làng được thành lập, với 300 hội viên. Từ tháng 7 đến tháng 10 lại có thêm 18 Hội nông dân nữa được thành lập bởi 5 học viên Trường nông dân. Tháng 3-1925 số hội viên đã lên tới 1400 người.

2/ *Đấu tranh.* Có một làng bị bọn lính của Lý Phúc Lâm đốt trụi và 30 nông dân bị chúng giết hại. Một kỳ hào ở làng bên vì xung đột cá nhân với làng bị triệt hạ, nên đã dẫn bọn lính đến đốt phá.

Một vài chiến sĩ đã bị giết hại và một số khác bị bọn kỳ hào bắt giữ. Những sự áp bức đó khiến cho nông dân vô cùng phẫn nộ và hiểu

rằng phải tự tổ chức nhau lại để bảo vệ lợi ích và an ninh của mình.

3/ *Hội viên.* 48 Hội nông dân làng với 4000 hội viên.

4/ Đội tự vệ nông dân chưa được tổ chức.

5/ Một vài *đội hương dũng* vẫn giữ trung lập, và một số khác chống lại chúng tôi. Bọn này đã giết hại một chiến sĩ của chúng tôi, chúng đã cướp bóc và bắt giữ nhiều người trong số các chiến sĩ của chúng tôi.

Dù bọn *kẻ cướp* rất mạnh nhưng chúng chưa phạm một điều gì chống lại Hội nông dân.

Bề ngoài binh lính đồn trú có thái độ trung lập, nhưng trong thực tế chúng chống lại chúng tôi, việc giết chóc kể trên đã cho thấy rõ điều này.

6/ *Thanh niên.* Trình độ học vấn rất thấp. Điều kiện sinh sống khá hơn ở các huyện khác. 40% hội viên Hội nông dân là thanh niên nông dân. Có một "Câu lạc bộ thanh niên nông dân và công dân" mới được thành lập trong thời gian gần đây.

7/ Một vài nông dân rất muốn biết về chủ nghĩa cộng sản. Họ yêu cầu chúng tôi cung cấp nhiều sách báo của Đảng hơn nữa và tài liệu để đọc khác. Nhiều người khác chăm chú nghe chúng tôi dù rằng họ chưa xác định lập trường.

8/ Chúng tôi có 6 đảng viên cộng sản hoạt động tại đây.

9/ Nông dân vẫn còn lo sợ khi có biến động chính trị nào đó ở Quảng Châu.

10/ Có quan hệ tốt giữa Hội nông dân và các tổ chức công nhân.

11/ Đạo Cơ đốc. Chưa nghiên cứu, không thể báo cáo được.

12/ Trong huyện có 20 phân bộ Quốc dân đảng.

13/ *Những yêu sách trước mắt:*

Xoá bỏ thuế cây dâu

Trừng trị những hào lý gây thiệt hại cho Hội nông dân.

D) KHÚC GIANG

1/ Hội nông dân này bắt đầu hoạt động tháng 5-1925.

2/ *Đấu tranh.* Có một chiếc cầu, muốn đi qua nông dân phải trả 1 xu trong lúc binh lính hoặc người ăn mặc sang trọng không phải trả gì hết. Một lần, một hội viên nông dân muốn đi qua cầu mà không trả tiền; người gác cầu không để cho anh ta qua cầu như vậy. Tiếp đó đã gây ra một trận đánh nhau. Hiến binh đã bắt người hội viên nông dân. Hội nông dân can thiệp và thứ thuế này bị bãi bỏ. Nông dân coi đó là một thắng lợi lớn về tinh thần.

b/ Hiến binh không phải là bạn tốt của nông dân và nông dân căm ghét chúng đến xương tuỷ. Có một lần, một tên hiến binh bị mấy người nông dân giết ở trên núi. Pháp luật không thể buộc tội được vì không tìm được bằng chứng.

c/ Một cuộc biểu tình của nông dân đã nổ ra. Khẩu hiệu là "Đả đảo việc bắt bớ phu phen!". Thông thường, chính hiến binh là kẻ tiến hành việc bắt bớ, nên nông dân coi họ là những kẻ phải chịu trách nhiệm. Trên đường tuần hành, họ gặp một viên trưởng hiến binh. Họ đã nện cho y một trận đòn nên thân rồi giải tới huyện. Mặc dù họ phải bồi thường 42 đôla cho gã hiến binh, nhưng lại hài lòng vì đã cho hiến binh một bài học.

3/ Hội viên - 120 làng có 6.740 hội viên.

4/ Đội tự vệ còn chưa được tổ chức.

5/ Giữa bọn hương dũng và Hội nông dân chưa có xung đột, mặc dù bọn hương dũng bí mật giúp đỡ bọn địa chủ chống chúng ta.

Một vài toán cướp vẫn còn có thái độ trung lập. Một số khác có thái độ thân thiện.

6/ Trước khi Hội nông dân được thành lập, quân đồn trú thường phá hoại các cây quả trong vườn của nông dân. Nhưng hiện nay chúng không dám đụng đến nữa. Chúng cũng tôn trọng nông dân hơn trước.

Phải vạch rõ rằng viên huyện trưởng hiện nay rất thân thiện với Hội nông dân.

7/ Thanh niên: 80% thất học. Trong 120 làng đã có Hội nông

dân không có một người nào đọc được báo. Trong những làng này, chúng tôi thấy chỉ có 15 trường nhỏ với 280 học sinh.

Thanh niên nông dân ở đây cùng khổ hơn ở bất kỳ huyện nào khác. Bên cạnh công việc nặng nhọc hằng ngày, họ còn phải làm những công việc mà người lớn tuổi không muốn làm, như canh sông ban đêm chẳng hạn.

Có chừng 2400 thanh niên nông dân đã tham gia Hội nông dân.

8/ Nông dân tán thành cương lĩnh của Đảng cộng sản. Nhiều người trong nông dân đã tham gia Quốc dân đảng.

Một phân đoàn của "Liên đoàn đấu tranh giải phóng phụ nữ" mới được thành lập gần đây, do một đồng chí nữ của chúng ta tổ chức, 20 hội viên, tất cả đều là nông dân nữ.

Chúng ta có 13 đảng viên cộng sản hoạt động trong phong trào, trong số đó 6 người là nông dân địa phương.

9/ Tiếng vang chính trị - Nông dân ở đây đau khổ rất nhiều vì thuế quân sự và vì việc bắt phu phen. Vì thế họ lo ngại trước bất kỳ biến động nào về chính trị hay quân sự ở Quảng Châu.

Họ rất lo ngại về cái chết của Liêu Chung Khải. Nhưng khi Chính phủ xét xử nghiêm khắc những phần tử phản cách mạng và bọn lính ngoan cố và khi chúng ta giải thích cho họ biết ý nghĩa của sự kiện thì họ hoàn toàn hiểu rõ tình hình. Trong cuộc trường chinh sông Đông hiện nay, 300 nông dân đã tình nguyện giúp đỡ quân đội cách mạng.

10/ Mặc dù giữa các tổ chức của công nhân và Hội nông dân chưa có quan hệ với nhau, nhưng nông dân hoàn toàn hiểu đúng sự cần thiết phải hợp tác và đoàn kết giữa các tổ chức của công nhân và Hội nông dân.

11/ Có 7 trường truyền giáo (Anh, Pháp, Mỹ và Đức) ở huyện lỵ với khoảng 1000 học sinh. Sinh viên và nhà buôn có vẻ rất ngả theo ảnh hưởng của đạo Cơ đốc, trong khi nông dân triệt để chống lại ảnh hưởng của đạo Cơ đốc.

Không thấy có nông dân nào theo đạo.

12/ *Những yêu sách trước mắt:*

Giảm thuế

Cung cấp vũ khí để tổ chức đội tự vệ nông dân.

E) PHÙ NGUYÊN (GẦN HƯƠNG CẢNG)

1/ Huyện này có 2 địa chủ lớn có hơn 500 mẫu ruộng; 10 địa chủ có từ 200 đến 500 mẫu; 50 địa chủ có từ 100 đến 200 mẫu; 200 địa chủ có từ 50 đến 100 mẫu; 1.000 địa chủ có từ 30 đến 50 mẫu; 3.000 địa chủ có dưới 30 mẫu.

Một người làm mướn cho nông trại mỗi năm được từ 20 đến 100 đôla.

Phong trào bắt đầu bùng nổ vào đầu năm nay - nổ ra là do sự bóc lột của bọn quân phiệt, bọn hào lý và bọn hiến binh.

Tình hình của Hội nông dân là tốt.

2/ *Đấu tranh*. Hội nông dân đã thành công trong việc tước vũ khí một vài đội hương dũng, đã làm cho một hiến binh trưởng bị cách chức, đã chống lại quân đồn trú (6 nông dân đã bị giết).

3/ *Hội viên.* 55 làng với 7635 hội viên và 300 hội viên dự bị.

4/ Đội tự vệ nông dân có 1500 người có súng, nhưng chưa được huấn luyện, 2 chi đội thường trực, mỗi chi đội có 30 người.

5/ Hội nông dân đã giúp đỡ đội bảo vệ cuộc bãi công ngăn chặn trộm cắp. Điều này làm cho bọn *kẻ cướp* tức tối; để trả thù, chúng đã ủng hộ bọn quân phiệt chống lại chúng ta. Một vài *đội hương dũng* đã bị Hội nông dân thu hút, một số khác còn trung lập, trong khi đó có một số chống lại chúng ta.

6/ *Thanh niên.* Mỗi làng có 1 hay 2 trường tư. Rất mê tín (một phong tục kỳ lạ: khi cô dâu mới cưới về thăm bố mẹ mình ba ngày sau khi cưới, cô ta phải kêu khóc khi về đến gần làng). 10% hội viên

Hội nông dân là những nông dân trẻ dưới 28 tuổi.

7/ Khoảng 150 nông dân ở huyện này là đảng viên Quốc dân đảng.

8/ Khác với nông dân các huyện khác, nông dân Phù Nguyên không dễ dàng bị xao xuyến bởi những sự kiện chính trị xảy ra ở Quảng Châu.

9/ Quan hệ giữa nông dân và công nhân rất chặt chẽ và có hiệu quả, như việc nông dân tham gia ngăn ngừa trộm cắp để tiếp tế cho Hương Cảng đã cho thấy rõ điều này.

10/ *Yêu sách trước mắt:*

Giảm thuế.

F) TÂN HỘI

1/ Nông dân ở đây rất khổ vì bị bọn phỉ, bọn quan lại, bọn quân phiệt và tầng lớp quý tộc cũ cướp bóc. Ở một vài nơi thậm chí còn tồn tại chế độ nô lệ. Nét đặc trưng của huyện này là phỉ lại đẻ thêm ra phỉ, và có những người nông dân lương thiện trở thành phỉ không phải để cướp bóc, mà là để tự vệ. Trong xã Lý Ắc, một xã lớn, 3.000 trong số 10.000 dân đã trở thành phỉ, vì nếu một gia đình nào đó không có một người tham gia băng phỉ thì gia đình đó sẽ bị những tên phỉ khác áp bức. Nhiều người trong bọn phỉ đó là những người kiên quyết ủng hộ Hội nông dân.

2/ *Đấu tranh.* Có một tài chủ nào đó có 10.000 đôla công trái. Viên huyện trưởng tịch thu thuyền (20 chiếc) của nông dân trong làng gã tài chủ kia với ý định đem bán để trả nợ. Những nông dân nghèo không biết phải làm gì ngoài việc nguyền rủa cho chúng gặp những điều khốn khổ. Hội nông dân và Liên đoàn lao động đã đến cứu họ. Được công luận tạo cho sức mạnh - công luận phản đối hành động độc đoán của viên huyện trưởng -, các đại biểu của Hội

nông dân và của Liên đoàn lao động gửi một tối hậu thư cho viên chánh án yêu cầu trả lại các thuyền đó trong 24 giờ. Việc đó được thực hiện đúng như vậy và thắng lợi này đã đem lại uy tín cho Hội nông dân. Từ đó nông dân hiểu rằng Hội nông dân hoạt động vì lợi ích của họ.

b/ Có một địa chủ lớn muốn sử dụng sức nước của một con sông bằng cách đắp một cái đập chặn nửa dòng sông lại. Việc đó gây ra nhiều bất tiện cho những nông dân sống ở bờ sông. Hội nông dân đã can thiệp và đã làm cho cái đập bị phá. Thắng lợi thứ hai này đã đem lại cho Hội nông dân thêm nhiều hội viên nữa.

3/ *Hội viên.* 14 làng. Việc điều tra số lượng hội viên chưa tiến hành được.

4/ Đội tự vệ nông dân: chỉ có 40 người và rất ít súng.

5/ *Đội hương dũng*. Mặc dù có 5.000 người nhưng không nguy hiểm vì tổ chức kém.

Ở huyện này ít nhất có 30.000 tên phỉ; nhưng chúng rất thân thiện với Hội nông dân. Nhiều tên phỉ còn tham gia Hội nông dân.

Binh lính đồn trú trước kia rất tàn ác đối với nông dân; từ khi chúng bị Chính phủ Quốc dân đảng giải tán, toán quân mới có quan hệ với Hội nông dân.

6/ *Thanh niên.* Trình độ học vấn rất thấp. Làm việc rất vất vả.

7/ Do tuyên truyền phản cách mạng của bọn hào lý và bọn địa chủ, nông dân sợ hãi Quốc dân đảng. Nhưng hiện nay Hội nông dân đã thành công trong việc làm cho họ hiểu đảng này thực sự là cái gì.

8/ Trước mỗi sự kiện chính trị xảy ra ở Quảng Châu, bọn hào lý ở đây, giống như anh em chúng ở các huyện khác, đã tung tin đồn nhằm để làm cho nông dân lo sợ. Ở đây chúng ta chỉ có 1 đảng viên cộng sản và hai học viên Trường nông dân để chống lại sự tuyên truyền phản cách mạng đó. Kết quả là nông dân tin những điều bọn hào lý nói với họ và do đó làm cho công tác của chúng ta trở nên khó khăn.

9/ Quan hệ giữa công nhân và nông dân rất tốt.

10/ Những yêu sách trước mắt:

Giảm thuế,

Dẹp yên bọn phỉ.

G) TÙNG SƠN (NƠI SINH CỦA BÁC SĨ TÔN)

1/ Kẻ thù lớn nhất của Hội nông dân là đội hương dũng. Một lần trong khi Hội nông dân đang họp, đội hương dũng đã vây nhà, giết chết một hội viên Hội nông dân và làm bị thương một người khác. Tên hào lý chỉ huy cuộc tấn công ấy về sau đã bị trừng trị.

Một đội hương dũng khác đã cấm hội viên của Hội nông dân không được đi qua làng của mình. Trong một vài trường hợp, Hội nông dân đã thành công trong việc tước vũ khí của đội hương dũng.

Tình hình Hội nông dân là tốt, nhưng chúng ta còn phải phấn đấu để đuổi ra khỏi Hội bọn hào lý cơ hội chủ nghĩa đã gia nhập Hội nông dân nhằm củng cố vị trí của chúng hơn là hoạt động vì lợi ích của nông dân nghèo.

2/ *Hội viên.* 120 làng; 15.600 hội viên.

3/ Một vài toán phỉ chống lại chúng ta; một số khác muốn giúp đỡ chúng ta. Nông dân đã hợp tác với Chính phủ Quốc dân đảng tước vũ khí quân phản cách mạng.

Quân đồn trú hiện nay rất thân thiện với Hội nông dân. Hiến binh chống lại chúng ta.

4/ *Thanh niên*. Trình độ học vấn hầu như là số không. Trong một số làng có 1000 gia đình, chỉ có một hoặc 2 trường với 50 hoặc 60 học sinh, tất cả đều là con cái phú nông và trung nông. Chưa có cái gì để phục vụ con em nông dân nghèo.

5/ Khi nông dân nghe nói về cương lĩnh của Đảng cộng sản thì họ đã tán thành. Tiếc thay, bản thân các đồng chí của chúng ta

không hiểu thật sâu sắc chủ nghĩa Mác - Lênin để tuyên truyền rộng hơn, và để tìm kiếm đảng viên cho Đảng từ trong hàng ngũ nông dân.

6/ Ở đây chúng ta có 9 đảng viên cộng sản và 4 đảng viên dự bị.

7/ Bọn hào lý cũng rất khôn ngoan, chúng lợi dụng mọi cơ hội để tung tin đồn nhảm hòng làm cho nông dân sợ hãi. Nhưng chúng tôi đã chống lại có hiệu quả sự tuyên truyền của chúng. Sau khi Liêu Chung Khải bị giết hại, bọn hào lý vô cùng mừng rỡ. Chúng nói với nông dân: "các người thấy đấy, họ đã giết vị thủ lĩnh đầy sức mạnh của các người rồi đấy; sắp đến lượt các người nếu các người không rời bỏ Hội nông dân ngay lập tức!". Nhưng khi chúng tôi đã tăng cường công tác tuyên truyền - liên tục từ làng này sang làng khác - giải thích cho mọi người hiểu rõ ý nghĩa của việc đó thì nông dân chẳng những không sợ nữa, mà còn nôn nóng muốn trả thù cho người bạn bị giết hại của mình là ông Liêu.

Hiện nay, đội hương dũng hợp tác với bọn địa chủ để tung tin đồn nhảm. Chúng nói rằng Quảng Châu chẳng bao lâu nữa sẽ bị Trần Quýnh Minh chiếm và ông này sẽ đem bắn tất cả các hội viên của Hội nông dân, v.v..

8/ *Với công nhân*. Nông dân ở huyện này, những người sản xuất nhiều rau cho thị trường Hương Cảng và thị trường Ma Cao, bị đụng chạm nặng nề do việc phong toả những cảng này. Thoạt tiên họ rất phản đối những người bãi công. Nhưng khi nghe chúng tôi giải thích, họ không những quên tất cả những sự phẫn nộ đối với những người bãi công mà còn quyên góp rất hào phóng vào quỹ bãi công. Sự bực bội của họ đối với người công nhân một phần đã biến thành lòng yêu nước, mến thương những người bãi công yêu nước và phần khác biến thành sự căm ghét bọn đế quốc.

9/ Có nhiều trường truyền giáo. Các trường đó đã cố gắng rất nhiều để làm cho người ta chuyển sang theo đạo, nhưng kết quả rất bé nhỏ. Tuy vậy, ở một làng chúng tôi thấy một số lớn nông dân đã theo đạo Cơ đốc. Những người theo tôn giáo này nói với chúng tôi:

"Chúng tôi không biết và không quan tâm xem đạo Cơ đốc là cái gì, chúng tôi tin theo vì cần sự giúp đỡ của họ. Bây giờ chúng tôi có Hội nông dân để bảo vệ lợi ích của mình, chúng tôi có thể cáo biệt nhà thờ!".

10/ *Những yêu sách trước mắt:*

a. Giải tán đội hương dũng.

b. Nông dân kiểm soát bãi cát.

c. Giảm thuế.

Tài liệu tiếng Anh,
lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

GỬI ĐOÀN CHỦ TỊCH QUỐC TẾ NÔNG DÂN

Các đồng chí thân mến,

Những thư của các đồng chí đề các ngày 1, 2, 13, 17, 18, 30 tháng 8 và các ngày 1, 2, 5, 7, 9 tháng 9 đến tôi cùng vào một ngày: ngày 14 tháng 10.

1/ Số tiền các đồng chí gửi cho sẽ do đồng chí Bôrôđin xử lý theo sự chỉ dẫn của các đồng chí. Bản thanh toán về số tiền đó sẽ được gửi đến các đồng chí sau. Việc xuất bản các tài liệu, việc cử người đi tuyên truyền, và việc gửi đều đặn các tin tức cho các đồng chí sẽ được thực hiện. Song việc cử người trong số các đồng chí đi Mátxcơva - theo ý kiến của tôi - thì chưa được vì tất cả các đồng chí chúng ta bây giờ đang cần ở đây. Không có ai trong số họ biết tiếng nước ngoài.

2/ Ban Chấp hành Trung ương Quốc dân đảng không hề cử một đoàn đại biểu nông dân nào. Không ai biết ông Cho-ngao là ai.

3/ Tôi gửi đến các đồng chí một báo cáo về công tác nông dân ở tỉnh Quảng Đông. Bản báo cáo đó trả lời những vấn đề trong thư của các đồng chí đề ngày 5-9-25.

4/ Thư gửi Quốc tế thứ hai[36] đăng ở tờ *"Dân quốc nhật báo",* cơ quan của Quốc dân đảng; và báo *"Con đường công nhân"*.

5/ Tôi yêu cầu các đồng chí gửi cho chúng tôi những tài liệu

bằng tiếng Pháp hoặc tiếng Anh, nhưng không bằng tiếng Đức bởi vì chúng tôi không hiểu tiếng Đức.

Xin gửi các đồng chí lời chào cộng sản .

Quảng Châu, ngày 17-10 NILỐPXKI

Tài liệu tiếng Anh,
lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

GỬI ĐOÀN CHỦ TỊCH QUỐC TẾ NÔNG DÂN

Các đồng chí thân mến,

Những báo cáo và nghị quyết sau đây của Phân bộ Quốc dân đảng Quảng Đông sẽ cho thấy rằng:

1/ Nông dân bị sự áp bức của bọn kỳ hào, bọn kẻ cướp, bọn tham quan ô lại, bọn hương dũng, bọn quân phiệt, bọn địa chủ, bọn cho vay nợ, bọn độc quyền.

2/ Những yêu sách mà họ nhất trí đưa ra là giảm thuế, dẹp yên bọn cướp, giải tán hương dũng.

3/ Học vấn của họ nói chung là rất thấp.

4/ Do truyền thống gia trưởng, người đại diện cho tất cả các thành viên trong gia đình mình, nên người phụ nữ nông dân không- hoặc không được phép - tham gia hoạt động của tổ chức.

5/ Họ tán thành cương lĩnh của Đảng Cộng sả[1] khi nỗi lo của họ về "xã hội hoá phụ nữ" được xua tan.

6/ Họ có thể chịu sự hy sinh to lớn để bảo vệ giai cấp của họ hoặc để ủng hộ Chính phủ cách mạng.

7/ Phong trào đang được tổ chức và được lãnh đạo bởi các đồng chí cộng sản của chúng ta dưới danh nghĩa Quốc dân đảng.

8/ Bức thư của đồng chí gửi cho tôi (ngày 17 tháng 8) chỉ rõ rằng: "Hiện thời sự tham gia của Hội nông dân Trung Quốc vào Quốc tế Nông dân chỉ thuần tuý mang *tính chất tuyên cáo.* Chúng ta sẽ phải làm gì để cho sự tham gia đó trở thành *thực sự* ?

---

1) Trong nguyên bản, viết tắt là C.P (communist party).

9/ Tôi chưa chính thức liên lạc được với Ban Chấp hành Trung ương Quốc dân đảng[1] như đồng chí đã chỉ thị, tôi sẽ hỏi các đồng chí của chúng ta ở đấy xem tôi được giới thiệu chính thức thì hơn hay làm việc thông qua các đồng chí Trung Quốc của chúng ta thì hơn. Trong thư sau, tôi sẽ báo cáo về vấn đề đó.

10/ Tôi không nhận được một *tuyên ngôn* nào từ đồng chí Hanlơ.

11/ Tôi không nhận được một đề cương nào về vấn đề nông dân Trung Quốc như đồng chí nói là đã gửi cho tôi.

12/ Cùng với bản báo cáo này, tôi gửi tới đồng chí một vài tấm ảnh và một vài tập sách mỏng do Phân bộ nông dân Quốc dân đảng xuất bản.

Xin gửi lời chào cộng sản.

Quảng Châu, ngày 5-11-1925. NILỐPXKI (NAQ)

Tài liệu tiếng Anh,
lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

1) Trong nguyên bản, viết tắt là CEC (BCH).

THƯ GỬI ĐOÀN CHỦ TỊCH QUỐC TẾ NÔNG DÂN

Kính gửi Đoàn Chủ tịch Quốc tế Nông dân,

Các đồng chí thân mến,

1/ Tôi đã hỏi ý kiến C.E.[1] của C.C.[2] vấn đề về những quan hệ trực tiếp của tôi với C.E.C của Quốc dân đảng với tư cách là đại diện chính thức của các đồng chí. Các đồng chí của chúng ta nói rằng điều đó là không cần thiết, bởi vì tôi có thể có tất cả mọi thông tin liên quan tới vấn đề nông dân thông qua các đồng chí đảng viên cộng sản Trung Quốc của chúng ta. (Mặc dù Chủ tịch Nông hội ở trong Quốc dân đảng, tất cả mọi công việc - tổ chức cũng như tuyên truyền đều do các đồng chí của chúng ta làm).

2/ Quốc dân đảng đang xuất bản tạp chí *"Nông dân"* bán nguyệt san, bắt đầu từ tháng này. Số đầu tiên sẽ ra mắt trong vài ngày tới. Tôi sẽ gửi tới các đồng chí.

3/ Tiếp theo là phong trào nông dân diễn ra hằng ngày (trên *Nhật báo Quảng Châu*)[3] và tranh ảnh đã được xuất bản trong cuộc họp nông dân tháng 5 vừa qua.

4/ Xin gửi cho tôi tư liệu về phong trào nông dân quốc tế (bằng tiếng Pháp hoặc tiếng Anh) để dịch và đăng tải trên tạp chí Quốc dân đảng.

Gửi các đồng chí lời chào cộng sản.

Quảng Châu, ngày 3-12-25. NILỐPXKI (NAQ)

Tài liệu tiếng Anh, lưu tại
Viện Hồ Chí Minh.

1) Ban Chấp hành trung ương.
2) Đảng Cộng sản Trung Quốc.
3) Nguyên văn: *Canton gazette.*

LÊNIN VÀ CÁC DÂN TỘC THUỘC ĐỊA

Cho tới ngày Lênin mất, vẫn còn có nhiều dân tộc thuộc các màu da chưa hiểu rõ Lênin là ai và nước Nga ở đâu. Bởi vì chủ nghĩa đế quốc thực dân cố ý không cho họ biết điều đó. Nhưng tại những nơi xa xăm hẻo lánh ở Đông Dương, người ta cũng đã nghe nói có một dân tộc ở miền Bắc xa xôi đã đánh đuổi được bọn áp bức và tự quản lý lấy mình. Ở các nơi xa xăm hẻo lánh nhất, người ta cũng biết rằng nước đó là nước Nga, và Lênin là người ưu tú nhất của nước đó.

Không phải là không có lý do khi Trường đại học Bắc Kinh tổ chức thăm dò ý kiến xem ai là người ưu tú nhất trên thế giới, thì ai cũng trả lời: người ưu tú nhất trên thế giới là Lênin.

Từ lâu, nhân dân bị áp bức ở phương Đông đã được biết rằng con người vĩ đại đó, sau khi đã giải phóng nước Nga, còn muốn giải phóng tất cả các dân tộc khác nữa. Điều này cũng đủ để kích thích lòng ngưỡng mộ sâu sắc và phấn khởi đối với lãnh tụ Lênin. Các dân tộc da đen và da vàng biết rằng Lênin vĩ đại đã kêu gọi những người da trắng đấu tranh để giải phóng các dân tộc thuộc các màu da bị áp bức thoát khỏi bọn bóc lột.

Thật dĩ nhiên là tất cả những hy vọng của người nô lệ bị áp bức ở các nước thuộc địa vào một tương lai tốt đẹp đều gắn liền với tên tuổi của Lênin - một con người đặc biệt mà trong thời gian đầu, thậm chí còn có nhiều người chưa tin là có. Rất dễ hiểu rằng tin Lênin mất cách đây một năm đã gây cho quần chúng các nước thuộc địa một ấn tượng không sao tả nổi, không sao diễn tả được.

Nhưng dần dần những người bị áp bức sống trong cảnh tăm tối đó được biết tin về Đảng Cộng sản, về tổ chức gọi là Quốc tế Cộng sản. Nhất là họ càng ngạc nhiên khi được tin rằng Đảng và tổ chức này đều do Lênin sáng lập ra, và mặc dù Lênin đã mất, nhưng còn có Đảng Cộng sản và Quốc tế Cộng sản tiếp tục sự nghiệp của Người.

Các dân tộc da đen và da vàng kém phát triển chưa phải đã nhận ra ngay rằng Lênin và Đảng Cộng sản chỉ là một. Nhưng khi họ biết điều đó thì họ sung sướng vô hạn. Họ bắt đầu hiểu rằng sự nghiệp của Lênin không bao giờ mất, và họ vẫn hy vọng được giải phóng vì vẫn còn Đảng của Lênin.

Vì vậy, năm vừa qua, kể từ ngày Lênin mất, ảnh hưởng của Đảng Cộng sản được lan rộng trong nhân dân các nước thuộc địa và nhân dân những nước đó hết sức chú ý đến Đảng Cộng sản.

Khi Lênin còn sống, nhân dân bị áp bức coi Người là người giải phóng mình. Khi Người mất đi, họ tự hỏi nhau: "Lênin đã mất rồi, chúng ta biết làm sao bây giờ?". Họ hỏi nhau: "Tìm đâu ra những người có đủ tinh thần dũng cảm và nhân từ như Lênin để chăm lo đến việc giải phóng những người nô lệ ở các nước thuộc địa?".

Trong năm qua, nhân dân bị áp bức ở các nước phương Đông đã nhận ra rằng, họ đã tìm thấy một Đảng lớn mạnh lấy tên là Đảng Lênin để thay thế cho một vài cá nhân. Và bây giờ, nhân dân các nước thuộc địa đều đặt hy vọng được giải phóng vào Đảng này cũng như một năm trước đây đã đặt hy vọng vào Lênin.

Khi còn sống, Lênin là người thầy, người cha của nhân dân bị áp bức. Sau khi mất, Người là ngôi sao chỉ đường tiến tới sự nghiệp giải phóng vĩ đại của nhân dân bị áp bức.

Lênin sống mãi trong lòng mọi người dân nô lệ ở các nước thuộc địa!

NGUYỄN ÁI QUỐC
Đại diện Đông Dương
ở Quốc tế Cộng sản

Báo *Công nhân Bacu*
(Liên Xô), số 16, năm 1925.

THƯ GỬI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ II CỦA QUỐC DÂN ĐẢNG TRUNG)

Kính gửi Đoàn Chủ tịch Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II Quốc dân đảng Trung Quốc,

Xin thưa, tệ nhân) là một người An Nam mất nước phải lưu vong bôn ba đến chốn này. May thay gặp lúc quý Hội họp Đại hội, tuyên bố viện trợ cho công cuộc giải phóng các dân tộc bị áp bức trên thế giới, không nén nổi sự vui mừng. Song "muốn bốc thuốc, trước hết phải biết bệnh". Cho nên, tệ nhân yêu cầu quý Hội cho phép đến Hội nghị để bộc bạch tình cảnh đau khổ của đất nước kém cỏi chúng tôi, mong những người muốn giúp chúng tôi tiện nghiên cứu để tìm phương châm. Nước tôi sẽ may mắn biết bao! Cách mạng sẽ may mắn biết bao! Trước khi ngừng lời, xin kính chúc:

Cách mạng Trung Quốc muôn năm!

1) Bức thư do Tưởng Vĩnh Kính công bố, trong cuốn *Hồ Chí Minh ở Trung Quốc,* Đài Bắc Truyện ký xuất bản xã, 1972. Bản gốc lưu tại Bảo tàng cách mạng Quảng Châu.

2) Tệ nhân có nghĩa là tôi, một lối nói khiêm nhường. Do bức thư viết theo lối văn cổ nên chúng tôi giữ nguyên từ Nguyễn Ái Quốc dùng.

Quốc dân đảng Trung Quốc muôn năm! 1)

Ngày 6 tháng 1 Trung Hoa dân quốc năm thứ 15

LÝ THỤY

Địa chỉ liên lạc: Sứ quán Bôrôđin, ngài Trương Xuân)) chuyển.

Hoàng Tranh:
Hồ Chí Minh và Trung Quốc,
tiếng Trung Quốc, Nxb. Giải phóng quân, Bắc Kinh, 1987, tr.35.

1) Quốc dân đảng Trung Quốc ở thời kỳ này theo đuổi những mục đích rất tiến bộ do Tôn Trung Sơn đề xướng, nên Nguyễn Ái Quốc nêu khẩu hiệu trên.

2) Một bí danh của Trương Thái Lôi.

GỬI ĐOÀN CHỦ TỊCH QUỐC TẾ NÔNG DÂN

Các đồng chí thân mến,

Tôi đã viết thư nhiều lần cho các đồng chí để xin các đồng chí tài liệu về nông dân *bằng tiếng Pháp hay tiếng Anh* cho tập san nông dân chúng tôi. Nhưng cho đến nay tôi không nhận được gì cả.

Tôi sẽ rất cảm ơn các đồng chí nếu gửi cho tôi nhật báo của Quốc tế Nông dân từ số 1 cho tới số hiện nay *bằng tiếng Pháp hay tiếng Anh,* để tôi có thể dịch sang *tiếng Trung Quốc* cho việc tuyên truyền của chúng tôi.

Cùng một chuyến thư, các đồng chí sẽ nhận được 2 tấm ảnh to của phong trào nông dân Hải Phòng, và những bài cắt ở báo.

Các đồng chí thân mến, xin nhận những lời chào cộng sản của tôi.

Quảng Châu 13-1-1926

NILỐPXKI
N.A.Q

Tài liệu tiếng Pháp,
lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

BÀI PHÁT BIỂU TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ II QUỐC DÂN ĐẢNG TRUNG [1]

Thưa các đồng chí, thưa các anh em,

Chúng tôi vui mừng được gặp mặt và nói chuyện với các vị, đồng thời cũng rất cảm tạ chư vị đã chân thành hoan nghênh. Qua đó, chúng tôi hiểu rằng tư tưởng cách mạng đã thâm nhập vào toàn thể dân chúng, và đặc biệt là Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II này càng phát huy chủ nghĩa vĩ đại, chính sách vĩ đại của Tôn Tổng lý, để cùng với các dân tộc bị áp bức phấn đấu. (Vỗ tay).

Các đồng chí, chúng tôi muốn nói rằng, cách mạng cũng giống như khám bệnh vậy, trước hết phải biết căn nguyên của bệnh. Tất cả các dân tộc bị áp bức làm cách mạng là do mong muốn thoát khỏi nỗi thống khổ của dân tộc bị áp bức, cho nên tôi muốn trình bày về những nỗi thống khổ mà dân tộc An Nam đã phải chịu đựng.

Thưa các đồng chí,

Dân tộc An Nam chịu đau khổ đã sáu mươi năm, dân tộc An Nam bị xâm lược và áp bức đã sáu mươi năm. Chúng nó thường rêu rao rằng người Pháp chúng tôi đem văn hoá phương Tây đến, chúng tôi đối xử hoà bình với người An Nam các anh là vì chúng tôi muốn làm cho các anh được sung sướng. Nhưng sự thật là sáu mươi năm nay, chúng nó chỉ càng ngày càng áp bức thậm tệ nhân dân An Nam. Bây

1) Phát biểu lấy tên Vương Đạt Nhân, bí danh của Nguyễn Ái Quốc, trong phiên họp ngày 14-1-1926.

giờ xin nói qua một chút nhân dân An Nam đã cực khổ như thế nào trong sáu mươi năm qua để các đồng chí cách mạng ta được rõ.

Nỗi thống khổ thứ nhất mà người Pháp mang đến cho nhân dân An Nam chính là thuế thân. Bất cứ ai, từ mười tám tuổi trở lên, đều phải đóng thứ thuế này. Sau khi đóng thuế, Chính phủ phát cho một tấm thẻ để làm bằng chứng, không được để mất; nếu mất thì bị chúng bắt, đến khi nào nộp tiền lần thứ hai mới được tha. Chúng cho cảnh binh đi khám thẻ khắp mọi nơi mọi lúc, hầu như cứ một giờ khám xét một lần, vì thế dân chúng khổ không kể xiết. Đó là một kiểu người Pháp áp bức dân An Nam. Ngoài thuế thân ra, còn thuế nhà, thuế hàng hoá, v.v.. Không những nguồn lực kinh tế của người An Nam hoàn toàn bị người Pháp nắm giữ là chuyện đương nhiên, mà còn làm tăng thêm gánh nặng cho người An Nam, khiến nhân dân An Nam không còn khả năng sinh tồn về kinh tế nữa. Tất cả đất đai của An Nam, đại bộ phận cũng bị người Pháp chiếm làm tài sản, người An Nam không được quyền lập nghiệp. Đại thể, một bộ phận là sở hữu Chính phủ, một bộ phận là đất đồn binh của người Pháp, một bộ phận là đất các giáo sĩ chiếm cứ. Chỉ có một phần rất nhỏ là đất thổ cư của người An Nam thì lại phải đóng thuế nhà.

Tôi có thể nêu một ví dụ để chứng minh sự tàn ác của ách áp bức của người Pháp. Như thuế thân, năm 1914, mỗi tháng tôi đóng mười phrăng, nhưng đến năm ngoái, năm 1924, đã tăng lên đến một trăm phrăng. Đủ thấy sự tàn ác của bọn xâm lược Pháp là thế nào. ấy là chưa kể ngoài công trái như ở nước Pháp, chúng còn bắt nhân dân An Nam phải mua hàng của Pháp như một thứ thuế hàng hoá. Hàng hoá đó là gì? Nhiều nhất là rượu do Pháp sản xuất. Chúng làm ra thứ rượu tồi tệ nhất rồi bắt dân An Nam mua. Dù anh là chính khách, nhà buôn, thợ thuyền hay dân cày gì gì, ít nhất mỗi người một chai. Không thể không mua. Ngoài rượu ra, còn một thứ tệ hại hơn, độc hơn, đó là phải mua thuốc phiện. Thuốc phiện có lẽ là một khoản lớn trong dự toán thu nhập của nước Pháp, chiếm đến một phần tư dự toán. Tính thành con số, mỗi năm là bốn trăm triệu phrăng, đủ thấy nỗi khổ của người An Nam. Nhưng sự

xâm lược của đế quốc Pháp không chỉ có thế. Chiến tranh lại là một chuyện lớn nữa. Hồi chiến tranh Âu châu, người Pháp bắt dân An Nam đi lính, tổng số trên mười vạn. Họ phải bỏ xác ngoài mặt trận chẳng được nhìn thấy quê hương. Cho nên, quả thật là nhân dân An Nam chẳng những phải nộp tiền mà còn phải nộp mạng cho chúng.

Còn một điểm nữa. Đế quốc Pháp một mặt áp bức dân tộc An Nam, mặt khác lại cấm những người anh em chống áp bức. Bởi vì chúng còn sang Trung Quốc dùng súng gươm giết những người anh em Trung Quốc của chúng tôi. Quả thật, đế quốc Pháp chưa bao giờ vừa lòng với sự áp bức của chúng, đã phải nộp thuế thân, còn bắt đóng thuế hàng hoá, đã mua rượu, còn bắt mua thuốc phiện, đã hy sinh tính mạng cho chúng mà chúng chẳng hề mảy may thương xót. Vậy mà người Pháp lại còn có một cách nữa làm khổ nhân dân An Nam, đó là làm thuê. Mỗi năm chúng bắt hàng mấy chục vạn người An Nam vào làm thuê trong các xưởng máy của Pháp. Hoàn toàn là làm trâu ngựa nô lệ cho chúng, không được một chút lợi lộc gì.

Thứ hai, người An Nam ở trên đất nước mình mà tuyệt đối không có quyền tự do ngôn luận, tự do xuất bản, ngay cả đi lại cũng chẳng được tự do, trong nước mình mà mình cũng không được tuỳ ý đi lại. Thí dụ, từ tỉnh này sang tỉnh khác phải có giấy thông hành mới được. Đi ra nước ngoài tất nhiên càng khỏi phải nói. Nếu làm trái thì phải xử tội rất nặng. Theo báo cáo của Chính phủ Pháp, mỗi xã hầu như tháng nào cũng có mấy trăm người bị xử tội như vậy.

Về giáo dục, trước kia người An Nam học sách Trung Quốc, chịu ảnh hưởng văn hoá Trung Quốc. Từ ngày người Pháp chiếm An Nam, thấy người An Nam cũng giống người Trung Quốc, cho nên cũng ra lệnh học sách Trung Quốc. Không ngờ từ sau Cách mạng Tân Hợi[37] của Trung Quốc, thấy rằng cho tiếp tục học sách Trung Quốc thì không ổn, cho nên chúng đã không cho phép người An Nam đọc sách Trung Quốc và học chữ Trung Quốc nữa. Chẳng những thế, chúng càng không muốn để cho người An Nam biết tình hình gần đây của Trung Quốc, bởi vì điều khiến bọn đế quốc không vui hơn cả là ý thức dân tộc của nhân dân bị áp bức.

Các đồng chí! Cách xâm lược của bọn đế quốc chúng nó, về vật

chất là dùng đủ loại thuế má và các chất độc như thuốc phiện, về tinh thần là chính sách ngu dân; đó là những âm mưu thâm độc của chúng để xâm lược An Nam.

Thưa các đồng chí,

Bọn đế quốc cố nhiên là áp bức người An Nam, nhưng đồng thời chúng cũng áp bức cả người Trung Quốc. Điều đó, các đồng chí có mặt trong Đại hội đại biểu lần thứ II này chắc chắn đều biết. Vì người Trung Quốc cũng bị đối xử như vậy. Họ cũng phải đóng thuế thân. Và tất nhiên, dù là gái trai già trẻ, họ cũng không được tự do đi lại, muốn đi lại cũng phải có thẻ thông hành. Đồng thời, chúng còn cấm cả tổ chức hội họp, trục xuất các đồng chí Quốc dân đảng. Vì chúng cho rằng, phàm là người của đảng cách mạng thì đều nguy hiểm, cho nên không đuổi không được. Có điều, cách chúng làm thật là hiểm độc, bởi vì chúng đã lợi dụng những phần tử xấu trong người Trung Quốc để chống lại các đồng chí cách mạng, chống lại Chính phủ cách mạng Quảng Châu. Tôi có thể nêu một ví dụ, như lúc Tôn Trung Sơn tiên sinh tạ thế, toàn Trung Quốc cố nhiên đều truy điệu, mà các nước trên thế giới cũng rầm rộ truy điệu. Nhân dân An Nam chúng tôi đương nhiên cũng muốn làm lễ truy điệu như người Trung Quốc, nhưng bọn Pháp cấm không cho phép làm. Tôi có thể nói rằng, ở An Nam bọn đế quốc chẳng những dùng mọi cách để chống lại cách mạng, mà đồng thời còn tìm mọi cách công kích Quốc dân đảng, công kích Chính phủ Quảng Châu.

Chúng ta biết rằng, các dân tộc bị áp bức trên thế giới hiện nay có Ai Cập, Marốc, Xyri, An Nam, Trung Quốc và rất nhiều nước khác. Cho nên, chúng ta cần phải liên hiệp lại, cùng nhau chống chủ nghĩa đế quốc. (Vỗ tay).

Đế quốc Pháp chẳng những thấy cách mạng thì sợ, mà đặc biệt thấy cách mạng Trung Quốc lại càng sợ. Cho nên, chúng không ngần ngại dốc toàn lực ra để giúp bọn phản cách mạng, giúp vũ khí cho bọn Trương Tác Lâm, hòng can thiệp vào phong trào cách mạng quốc dân của chúng ta.

Thưa các đồng chí, như đồng chí Uông Tinh Vệ nói, cách mạng không có biên giới quốc gia. Dù là Ai Cập, Marốc hay tất cả các dân tộc bị áp bức nào, hễ cùng bị chủ nghĩa đế quốc áp bức, thì phải cùng nhau liên hiệp lại. Đả đảo đế quốc Pháp! Đả đảo chủ nghĩa đế quốc trên thế giới! Quốc dân đảng nhất định giúp chúng tôi giải phóng, giúp tất cả các dân tộc bị áp bức giải phóng. Không phân biệt nước nào, dân tộc nào, tất cả hãy đứng lên chống kẻ thù chung của chúng ta. (Vỗ tay).

Hôm nay tôi rất vui mừng, bởi vì Quốc dân đảng có được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II này, sắp tới nhất định sẽ giúp nhiều cho người cách mạng. Vì thế tôi xin chúc: Quốc dân đảng Trung Quốc muôn năm! Cách mạng Trung Quốc thành công muôn năm! Cách mạng An Nam thành công muôn năm! Cách mạng thế giới thành công muôn năm!

(Chủ tịch: Đề nghị mọi người cùng hô to: Cách mạng An Nam thành công muôn năm!).

Tài liệu Trung văn, lưu tại
Bảo tàng cách mạng Quảng Châu,
bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

LÊNIN VÀ PHƯƠNG ĐÔNG

Quốc tế thứ nhất[38] đã đặt cơ sở cho học thuyết cộng sản, nhưng vì tồn tại trong một thời gian ngắn nên chỉ kịp đề ra những đường lối cơ bản của học thuyết đó mà thôi. Vấn đề các nước thuộc địa chưa được Quốc tế thứ nhất nghiên cứu đầy đủ.

Còn Quốc tế thứ hai với những đại biểu của nó như Mácđônan, Văngđécvendơ, Henđécxôn, Blum và nhiều người khác thì lại quá chú ý đến vấn đề này. Trong bất cứ trường hợp thuận lợi nào, những người này cũng nhấn mạnh sự nhất trí của họ với chính sách đế quốc chủ nghĩa mà bọn tư bản thực hiện ở các nước ấy. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa cho sự nghiệp giải phóng của mình, không những không được sự đồng tình của họ mà *còn ngược lại*. Ví dụ, sau khi lên nắm chính quyền, Mácđônan chẳng kém gì Bônđuin và Sămbéclanh đã đàn áp nhân dân Ấn Độ, Xuđăng và các dân tộc khác đã can đảm đấu tranh chống lại bọn người nước ngoài ức hiếp họ.

Với sự tán thành của các ngài đó, người ta đã dội bom xuống các làng mạc bản xứ, và đã đàn áp nhân dân các nước thuộc địa dã man, tàn bạo không sao tả xiết. Mọi người đều biết về chính sách phân biệt công nhân da trắng với công nhân da màu mà bọn thoả hiệp luôn luôn thi hành, về việc các công đoàn chịu ảnh hưởng của bọn xã hội giả hiệu đó không muốn kết nạp các công nhân da màu vào hàng ngũ của mình. Trong chính sách thuộc địa của Quốc tế thứ hai,

bất cứ ở đâu cũng lộ rõ bộ mặt thật của tổ chức tiểu tư sản này. Bởi vậy, cho tới tận Cách mạng Tháng Mười, ở các nước thuộc địa, học thuyết xã hội chủ nghĩa đã bị coi là một thứ học thuyết chỉ dành riêng cho những người da trắng, một thứ thủ đoạn mới để lừa dối và bóc lột người bản xứ.

Lênin là người đầu tiên đã đặt cơ sở cho một thời đại mới, thật sự cách mạng trong các nước thuộc địa.

Lênin là người đầu tiên đã kiên quyết lên án mọi thành kiến đối với nhân dân các nước thuộc địa đã ăn sâu vào tận xương tuỷ của nhiều công nhân châu Âu và châu Mỹ. Những luận cương của Lênin về vấn đề thuộc địa[39] được Quốc tế Cộng sản tán thành đã gây ra một cuộc cách mạng hoàn chỉnh trong tất cả các nước bị áp bức trên thế giới.

Đồng chí Lênin là người đầu tiên đã nhấn mạnh và nhận thức hết tầm quan trọng to lớn của việc giải quyết một cách đúng đắn vấn đề thuộc địa đối với cách mạng thế giới. Trong tất cả các Đại hội của Quốc tế Cộng sản, của Quốc tế Công đoàn, và của Quốc tế Thanh niên cộng sản, vấn đề thuộc địa luôn luôn được đặt lên hàng đầu.

Lênin là người đầu tiên đã nhận thức và đánh giá hết tầm quan trọng lớn lao của việc lôi cuốn nhân dân các nước thuộc địa vào phong trào cách mạng. Lênin là người đầu tiên đã nhận thức rằng nếu không có sự tham gia của họ thì không thể có cách mạng xã hội.

Với tất cả sự sáng suốt vốn có của mình, Lênin đã nhận thấy rằng muốn cho công tác trong các nước thuộc địa được thành công tốt đẹp thì cần phải lợi dụng triệt để phong trào giải phóng dân tộc trong các nước đó, rằng giai cấp vô sản trên thế giới, bằng việc ủng hộ phong trào ấy thì sẽ có nhiều bạn đồng minh mới hùng mạnh trong cuộc đấu tranh của mình cho cách mạng xã hội.

Tất cả các đại biểu các nước thuộc địa đã tham dự các Đại hội của Quốc tế Cộng sản sẽ không bao giờ quên được rằng lãnh tụ

Lênin, đồng chí Lênin đã quan tâm đến họ dường nào, rằng Người đã biết đi sâu tìm hiểu như thế nào những điều kiện công tác phức tạp và thuần tuý có tính chất địa phương. Từ đó đến nay, mỗi người trong chúng ta đã có đủ thời gian để thấy rõ hàng chục lần rằng những nhận xét của Lênin đúng biết chừng nào, và những lời giáo huấn của Người thật quý giá biết bao.

Chỉ nhờ có thái độ khôn khéo của Lênin đối với vấn đề thuộc địa, mới có thể lay động quần chúng chưa được giác ngộ, và lạc hậu nhất trong các nước thuộc địa. Sách lược của Lênin về vấn đề này được các đảng cộng sản trên toàn thế giới áp dụng đã ngày càng lôi cuốn được những phần tử ưu tú và tích cực ở các nước thuộc địa vào phong trào cộng sản. Việc Lênin giải quyết vấn đề dân tộc phức tạp ở nước Nga Xôviết, việc đảng cộng sản thực hiện trong thực tiễn vấn đề này là một vũ khí tuyên truyền mạnh mẽ nhất trong các nước thuộc địa.

Đối với tất cả các dân tộc bị áp bức và bị nô dịch, Lênin đã thể hiện một bước ngoặt trong lịch sử cuộc đời đau khổ và bị mất quyền của họ, là tượng trưng cho một tương lai mới, xán lạn.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Tiếng còi* (Liên Xô), tiếng Nga,
ngày 21-1-1926.

GỬI ĐOÀN CHỦ TỊCH QUỐC TẾ NÔNG DÂN

Mátxcơva

Các đồng chí thân mến,

Tôi gửi đến các đồng chí số đầu tiên của tờ *"Nông dân Trung Quốc"* do Quốc dân đảng xuất bản, và tờ "Li-tao" do P.O.[1)] của Quảng Đông xuất bản, đồng thời với những báo cáo về phong trào nông dân đăng ở "*Tạp chí Quảng Châu"*.

Tôi sẽ rất cảm ơn các đồng chí nếu gửi cho tôi tư liệu tuyên truyền bằng tiếng Pháp hay tiếng Anh - nhất là báo hằng ngày của Quốc tế Nông dân từ số đầu tiên để tôi có thể dịch cho báo chí Trung Quốc chúng tôi.

Tôi đã viết cho các đồng chí nhiều lần về vấn đề này. Nhưng cho đến nay, tôi *không nhận được gì cả*.

Chào cộng sản.

Quảng Châu, ngày 3-2-26. NGUYỄN A.Q.

Thư đánh máy bằng tiếng Pháp,
bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

---

1) *P.O: Peasant Organisation* (Tổ chức nông dân).

GỬI ĐOÀN CHỦ TỊCH QUỐC TẾ NÔNG DÂN

Các đồng chí thân mến,

Tôi muốn biết tại sao tất cả những thư mà tôi đã gửi đến các đồng chí đều không được trả lời, và nhất là những yêu cầu của tôi về báo cáo và tài liệu khác dùng cho tuyên truyền.

Tất cả những thư mà các đồng chí giao cho tôi để gửi đi Giava, Manila, Ấn Độ và những nơi khác đã được gửi đi. Chỉ có một thư quay trả lại tôi, vì không có người nhận, đó là thư gửi Ban biên tập *Petir, Langiơ, Átgét - Xumatơ*[1].

Tôi gửi đến các đồng chí những bài cắt ở báo có liên quan đến phong trào nông dân (tháng 2 và tháng 3), và một số báo nông dân của Quốc dân đảng.

Tôi vẫn hy vọng các đồng chí vui lòng gửi cho tôi tài liệu để tuyên truyền. Xin gửi các đồng chí lời chào anh em.

Quảng Châu, ngày 8-3-1926. NILỐPXKI (N.A.Q)

Thư đánh máy bằng tiếng Pháp,
bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

1) Nguyên bản là:
Redactie Petir, Langeh, Atjes - Sumatra.

BÁO CÁO GỬI QUỐC TẾ CỘNG SẢN

(Báo cáo của Đông Dương)

Đồng chí thân mến,

A. Sau đây là những việc tôi đã làm cho Đông Dương từ khi đến đây:

1. Tổ chức một tổ bí mật.

2. Tổ chức một Hội liên hiệp nông dân (những người An Nam sống ở Xiêm).

3. Tổ chức một tổ thiếu nhi (7) lựa chọn trong con em nông dân và công nhân. Các em đang ở Quảng Châu và được nuôi dạy bằng tiền của chúng tôi.

4. Tổ chức một tổ phụ nữ cách mạng (bắt đầu từ tháng 4 gồm khoảng 12 hội viên).

5. Tổ chức một trường tuyên truyền[40]. Các học viên được bí mật đưa đến Quảng Châu. Sau một tháng rưỡi học tập họ trở về nước. Khoá thứ nhất được 10 học viên. Khoá thứ hai sẽ mở vào tháng 7 tới, sẽ có khoảng 30 người.

Vì đi đường thì lâu ngày (khoảng 2 tuần lễ), nguy hiểm và tốn kém nhiều và khả năng tài chính của chúng tôi thì eo hẹp (với tiền lương của tôi, tiền lương của một trong số các đồng chí của tôi và một ít trợ cấp của các đồng chí Nga), nên công việc không được nhanh chóng như chúng tôi mong muốn.

B. Về tình hình chính trị Đông Dương thì đồng chí hãy đọc bài của tôi gửi cho *Inprekorr*[3] kèm theo đây.

1) Tên viết tắt của tờ tạp chí *Thư tín quốc tế (Correspondance internationale),* cơ quan nghiên cứu lý luận của Quốc tế Cộng sản.

C. Ở Pari có một tổ chức của thuộc địa - Hội liên hiệp các thuộc địa[41] - trong đó có nhiều người An Nam. Những người An Nam này có 2 tờ báo: tờ *Le Paria*[42] bằng tiếng Pháp và tờ *L'Ame*) bằng tiếng quốc ngữ. Trong số người An Nam đó có một người, Nguyễn Thế Truyền, mà các đồng chí chúng ta ở Ban nghiên cứu thuộc địa biết rõ. Tôi nhờ đồng chí *giúp tôi liên lạc với Nguyễn Thế Truyền* do Ban nghiên cứu thuộc địa làm trung gian và nói với Nguyễn Thế Truyền gửi các tờ báo đó cho tôi. Tất cả thư từ gửi cho tôi phải qua Mátxcơva, vì không thể liên lạc trực tiếp được.

D. Ở đây, chúng tôi đã xuất bản tờ báo hằng tuần *"Thanh niên"*[43].

3. Từ 20 tháng 4, tôi có gửi cho hiệu sách của Đảng 550 phrăng và nhờ gửi cho tôi báo *L' Humanité*, báo *La Vie Ouvrière* và tạp chí *Inprekorr* bằng tiếng Anh và tiếng Pháp, mà các đồng chí Trung Quốc đã yêu cầu tôi cung cấp. Hôm nay là ngày 3 tháng 6 mà tôi vẫn chưa nhận được gì cả. Nhờ đồng chí hỏi giùm hiệu sách vì sao?

Cảm ơn và gửi đồng chí lời chào cộng sản thân thiết.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Địa chỉ: Nilốpxki

Nhờ ông lãnh sự Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xôviết tại Quảng Châu chuyển.

Tài liệu tiếng Pháp, lưu tại
Cục lưu trữ Văn phòng
Trung ương Đảng.

1) *An Nam hồn.*

GỬI UỶ BAN TRUNG ƯƠNG THIẾU)

Các đồng chí thân mến,

Chúng tôi có tại đây (Quảng Châu, Trung Quốc) một nhóm thiếu nhi An Nam[44]. Các em đều từ 12 đến 15 tuổi. Đó là những thiếu nhi cộng sản đầu tiên của nước An Nam, bị chủ nghĩa đế quốc Pháp áp bức, và ở đó mọi việc giáo dục đều bị cấm. Các em còn nhỏ nhưng các em đã đau khổ nhiều. Các em đã để cha mẹ ở nhà cách hàng nghìn kilômét để bí mật đến Trung Quốc. Nhiều em có cha mẹ bị người Pháp bắt giam vì các em đã bỏ gia đình đi ra nước ngoài, như những người cách mạng!

Khi chúng tôi nói với các em về Cách mạng Nga, về Lênin và về các bạn, - những chiến sĩ lêninnít Nga nhỏ tuổi - thì các em rất sung sướng và đòi sang với các bạn, để thăm các bạn, ở với các bạn, học tập với các bạn, và để trở thành như các bạn - những chiến sĩ lêninnít chân chính nhỏ tuổi.

Chúng tôi đã hứa với các em là sẽ viết thư cho các bạn về vấn đề đó. Và giờ đây tôi đã làm việc ấy. Chúng tôi hy vọng rằng các bạn sẽ không từ chối tiếp nhận 3 hay 4 bạn nhỏ An Nam của các bạn, có phải không? Nếu các bạn đồng ý cho các em đến thì các bạn sẽ làm những việc sau đây:

1. Uỷ nhiệm cho đồng chí Bôrôđin, đại diện của Liên Xô tại Quảng Châu, làm mọi điều cần thiết cho hành trình của các em (gửi thư của các bạn cho Quốc tế Cộng sản hay cho Bộ Dân uỷ ngoại giao)[4)].

1) Uỷ ban trung ương Đội thiếu niên tiền phong trực thuộc Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Lênin.

2) Bản tiếng Pháp viết "Narkomindel".

2. Nói rõ các bạn có thể tiếp nhận bao nhiêu thiếu nhi An Nam.

3. Đến tháng nào thì ở Mátxcơva bắt đầu rét? (Vì các em thiếu nhi đó đến từ một nước rất nóng, phải chọn thời gian cho các em đi).

4. Tới Mátxcơva thì các em sẽ đến địa chỉ nào?

Tôi đợi các bạn trả lời và gửi đến các bạn lời chào cộng sản.

Ngày 22 tháng 7 năm 1926

NGUYỄN ÁI QUỐC

Địa chỉ của tôi: Nilốpxki, Hãng thông tấn Rôxta, Quảng Châu, Trung Quốc.

Tài liệu tiếng Phá[1], lưu tại
Cục lưu trữ Văn phòng
Trung ương Đảng.

1) Trong bản tiếng Pháp có dấu của "Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức - chi hội Việt Nam".

GỬI ĐẠI DIỆN ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN PHÁP TẠI QUỐC TẾ THANH NIÊN CỘNG SẢN

Đồng chí thân mến,

Chúng tôi đã đưa đến Quảng Châu một số trẻ em An Nam. Chúng tôi đã lập một nhóm thiếu nhi. Chúng tôi muốn gửi 3 hay 4 em qua Nga để các em được tiếp thụ một nền giáo dục cộng sản chủ nghĩa tốt đẹp. Tôi đã viết thư cho Uỷ ban trung ương thiếu nhi Mátxcơva. Tôi đề nghị đồng chí ủng hộ yêu cầu của tôi và tiến hành mọi hoạt động cần thiết để người ta trả lời tôi được mau chóng và thuận lợi hơn.

Tôi chờ thư trả lời của đồng chí và gửi đến đồng chí lời chào cộng sản anh em.

Địa chỉ:

Ô. Lu, Thông tấn xã Rôxta, Quảng Châu, Trung Quốc.

(Đồng chí hãy đưa thư của đồng chí cho người liên lạc của Quốc tế Cộng sản và đừng gửi qua bưu điện, vì ở đây tôi hoạt động bất hợp pháp).

Quảng Châu, ngày 22 tháng 7 năm 1926

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tài liệu tiếng Pháp, lưu tại
Cục lưu trữ Văn phòng
Trung ương Đảng.

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG Ở ĐÔNG DƯƠNG

Tình hình kinh tế. Xứ Đông Dương bị Ngân hàng Đông Dương, thành lập năm 1875, thống trị về mặt kinh tế. Đến năm 1924, vốn của ngân hàng là 64.400.000 phrăng. Cũng trong thời kỳ này, doanh số lên tới 4.503.000.000 phrăng và thu được 34.000.000 phrăng tiền lãi. Chính Ngân hàng Đông Dương đã chỉ huy tín dụng công nghiệp, thương nghiệp ở Đông Dương, Công ty mỏ than Bắc Kỳ (công ty này hằng năm xuất cảng 1.400.000 tấn than trị giá 12.000.000 đồng hay 201.000.000 phrăng) và Công ty hoả xa Vân Nam.

Về thương nghiệp nói chung, ở Đông Dương, doanh số hơn 4 tỷ phrăng. Bán thuốc phiện thu được 215.000.000 phrăng và bán rượu thu được khoảng 1 tỷ phrăng tiền lãi. Trong số 1 tỷ phrăng này, Chính phủ thu 200.000.000 phrăng, số còn lại vào túi bọn tư bản độc quyền. Như vậy là chỉ có đầu độc dân bản xứ mà đế quốc Pháp đã thu được 415.000.000 phrăng!

Ngân sách toàn Đông Dương là 1.327.000.000 phrăng.

Người ta xuất cảng 1.500.000 tấn gạo trị giá 252.000.000 phrăng và 80.000 tạ cao su.

Đông Dương thịnh vượng như vậy. Nhưng sự thịnh vượng ấy chỉ làm lợi riêng cho người Pháp mà thiệt hại cho người An Nam. Mỗi ngày, đàn ông chỉ kiếm được 32 xu, đàn bà 28 xu, trẻ con 16 xu. Hơn nữa, họ không được trả lương đều đặn và không phải bao giờ cũng nhận bằng tiền mặt. Công ty mỏ than tổ chức ra những

cửa hàng bán thực phẩm và các vật dụng khác. Thợ bắt buộc phải mua hàng ở đấy, giá đắt hơn thị trường 10%. Thường thì người ta trả lương bằng hàng hoá lấy ở các cửa hàng đó, người thợ chỉ được lĩnh một ít tiền mặt và mãi 15 ngày hay một tháng sau mới được lĩnh; chính bằng cách này mà công ty ngăn được thợ thuyền bỏ trốn.

Theo lời thú nhận của toàn quyền Đông Dương thì đời sống của thợ mỏ quá khổ cực và công việc của họ quá nặng nề nên trong số 15.907 thợ mỏ thống kê được vào năm 1906, không ai sống đến 60 tuổi. Và bọn tư bản thuộc địa cũng lại viện cớ đó để từ chối không tổ chức quỹ hưu bổng cho thợ thuyền bản xứ!

Đời sống nông dân cũng chẳng hơn gì. Đất thì xấu, phương pháp canh tác thì lạc hậu, do đó năng suất rất thấp kém. Sản lượng một hécta ở châu Âu là 4.670 kilô thóc, ở Nhật Bản 3.320 kilô, ở Nam Dương 2.150 kilô, còn ở Đông Dương sản lượng chỉ có 1.210 kilô.

Người bản xứ đo ruộng đất bằng "mẫu", chứ không đo bằng hécta. Một mẫu đất tốt sản xuất khoảng 50 thùng thóc trị giá 24đ75. Trong số tiền này, Chính phủ đã trích thu 2đ10, khoảng 10%. Nhưng cày cấy mỗi mẫu ruộng, người nông dân đã phải chi hết 28đ50 về tát nước, phân bón, giống má, thuê trâu bò, nhân công, v.v.. Như vậy là lỗ vốn mất 3đ75.

Người ta sẽ hỏi: "Thế thì người nông dân sống thế nào được và lấy gì mà đóng thuế?". Có thể trả lời đơn giản như thế này: sống thế nào cũng được, nhưng người nông dân vẫn phải sống và phải đóng góp. Một câu tục ngữ An Nam có nói: "Không làm cũng chết, mà làm cũng chết". Tập quán nghìn xưa cũng như sức mạnh của trăm ngàn mối quan hệ khác đã trói chặt người nông dân với ruộng đất. Nếu biết nơi nào thoát thân được thì họ cũng đã rứt bỏ ra đi. Suốt năm, phần lớn những người nông dân phải ăn rau ăn khoai. Rất ít khi họ ăn cơm, chỉ trong những ngày giỗ tết chẳng hạn, thì họ mới dám động tới hạt cơm quý giá ấy.

Ngoài thuế má nặng nề, tăng lên 550% trong khoảng mười năm, người dân bản xứ còn bị khổ sở với trăm nghìn thứ hạch sách. Tờ báo "*Khai hoá*" của người bản xứ ở Bắc Kỳ mới đây có viết: "Biết

bao người đã bị bắt trái phép. Họ bị giam cầm hàng tháng trời... Lính tráng bắt họ đóng tiền này tiền kia, rồi còn hành hạ họ nữa... Có người bị đánh đập tàn nhẫn đến nỗi phải vào nhà thương. Tóm lại, nếu người nào vô phúc bị bắt mà nghèo đói thì đành cam phận, còn kẻ hơi khá giả thì phải bán vợ đợ con để nộp tiền phạt dù có bị bắt oan cũng vậy".

Còn có những trường hợp nghiêm trọng hơn nhiều. Như một tên công sứ ở Cao Miên đã bòn rút tiền thuế của những người dân cùng khổ để xây dựng một lâu đài nghỉ mát tốn 57.600.000 phrăng, tên ấy còn bắt dân đắp thêm một con đường từ nhà ở đến lầu nghỉ mát. Hơn 1.900 người đã thiệt mạng trên con đường này!

Tình hình chính trị. Tháng 11 năm ngoái, khi Varen, "nhà xã hội" tới nhận chức toàn quyền, dân bản xứ có đưa "Tập dân nguyện của người An Nam", đòi tự do báo chí, tự do ngôn luận, quyền lập hội và hội họp, v.v.. Cũng như bọn toàn quyền trước, Varen đã hứa hẹn nhiều để không làm gì cả.

Cũng thời kỳ ấy, bọn mật thám Pháp bắt cụ Phan Bội Châu ở Thượng Hải. Cụ là một nhà lão thành yêu nước xuất dương từ 20 năm nay. Người ta đưa cụ về Bắc Kỳ để xử án. Mặc dầu Chính phủ Pháp giữ bí mật vụ bắt bớ này, nhưng người An Nam ai cũng biết tin, một phong trào phản đối sôi nổi khắp nơi.

Khi Varen đến Bắc Kỳ, sinh viên biểu tình đòi thả nhà lão cách mạng bị bắt giữ. Họ mang cờ và biểu ngữ kêu gọi: "Ân xá cho cụ Phan Bội Châu!", "Đả đảo chế độ thực dân tàn bạo!".

Đây là lần đầu tiên người ta được thấy một sự kiện như vậy ở Đông Dương. Varen buộc phải ân xá cho cụ Phan Bội Châu, nhưng vẫn bí mật giám sát cụ.

Từ đó phong trào sinh viên tiếp tục phát triển sôi nổi, đến tháng 3 vừa rồi, phong trào mới thật mạnh.

Khi Bùi Quang Chiêu, một người thuộc phái quốc gia, mới ở Pháp về - Chiêu vừa tổ chức ở Pháp một cuộc vận động chống những tên quan cai trị thuộc địa thối nát - hàng nghìn người An Nam do sinh viên hô hào, đã đi đón và đón tiếp rầm rộ[45]. Hôm đó, bọn phát xít Pháp cũng tổ chức phản biểu tình, chúng huy động cả quân lính, mật thám và cảnh sát. Bọn phát xít bắn súng lục chỉ thiên, và đá ông Chiêu. Mặc dầu có sự khiêu khích đê tiện ấy, người bản xứ vẫn giữ một thái độ rất bình tĩnh. Điều đó đã làm thất bại âm mưu của bọn Pháp định gây ra một "ngày đẫm máu" hòng dạy cho người An Nam biết phục tùng chúng!

Cũng đúng vào dịp này, nhà chí sĩ Phan Chu Trinh, một người thuộc phái quốc gia khác, vừa qua đời. 30.000 người An Nam ở khắp xứ Nam Kỳ đã làm lễ an táng theo quốc lễ và khắp nước đã tổ chức lễ truy điệu nhà chí sĩ. Chỉ trong vài ba ngày, một cuộc lạc quyên đã thu được 100.000 đồng. Tất cả học sinh, sinh viên đều để tang cụ.

Trước phong trào yêu nước của toàn dân, bọn thực dân Pháp sợ hãi, bắt đầu phản công lại. Chúng cấm học sinh để tang và tổ chức lạc quyên. Chúng cấm tổ chức các lễ truy điệu, v.v.. Để phản đối lại, học sinh đã bãi khoá. Ở Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Huế, Sài Gòn, Phú Lâm, v.v. đâu đâu học sinh cũng đều bãi khoá. Nữ sinh cũng tham gia phong trào. Một sự việc đầy ý nghĩa sau đây đã chứng tỏ tinh thần yêu nước của học sinh: Tại trường Saxlu Lôba ở Sài Gòn có người đã viết lên bảng mấy chữ: "A.B. L.F." (A bas les Français - Đả đảo thực dân Pháp). Các giáo sư Pháp bắt học sinh lên xoá bảng. Chẳng một em nào chịu xoá cả.

Tên "xã hội" Varen ra lệnh cho hiệu trưởng các trường "phải thẳng tay trừng trị những hành động vô kỷ luật". Thế là đã xảy ra nhiều cuộc khám xét, bắt bớ và đuổi hàng loạt học sinh. Riêng ở Sài Gòn, hơn 500 học sinh đã bị đuổi ra khỏi trường.

Các tổ chức chính trị. Ở Bắc Kỳ, có một hội bí mật gọi là "Phục Việt"[46]. Mới đây hội này có rải truyền đơn, mà sau đây là vài đoạn trích dẫn:

"Nước Pháp dùng vũ lực để bắt nước ta làm nô lệ ... họ đã áp bức dân ta nhiều năm nay ... Trong cảnh ô nhục và căm thù đó, chúng ta, người An Nam không thể đội trời chung với người Pháp.

Hỡi hai mươi lăm triệu đồng bào! Những ai không chịu đem lòng sắt đá ra lật đổ cường quyền, thì thà hãy để cho thịt xương tự tan nát mà đền nợ nước.

"... Cường quyền đã đến ngày mạt vận. Các dân tộc đang hưởng ứng lời kêu gọi của nước Nga cách mạng. Ấn Độ và Ai Cập đã vùng dậy đòi lại tự do... Lẽ nào người An Nam chúng ta lại vẫn chìm đắm trong giấc ngủ triền miên?... Hỡi dân tộc An Nam! Nếu chúng ta không đạt được (việc tự giải phóng) bằng phương pháp ôn hoà, thì chúng ta không ngần ngại hành động quyết liệt để trả thù nhà, nợ nước và để chen vai thích cánh với năm châu... Hỡi dân tộc An Nam! Hãy mau mau thức tỉnh...".

Ở Nam Kỳ, có một nhóm trí thức Tây học tự xưng là "Đảng lập hiến", họ là một nhóm ôn hoà chủ trương "Pháp - An Nam đề huề". Theo chúng tôi biết thì nhóm này không có hệ thống tổ chức, không có điều lệ, không có cán bộ. Đó là một tổ chức tập hợp nhau về mặt tinh thần. Vì họ thường đả kích chế độ cai trị thối nát ở thuộc địa trong khi vẫn tôn trọng "chủ quyền Pháp" nên họ có ảnh hưởng khá lớn trong quần chúng người bản xứ.

Có một nhóm khác là nhóm "Thanh niên An Nam". Nhóm này tiến bộ và hoạt động hơn. Cơ quan báo chí của nhóm này do một người đã gia nhập quốc tịch Pháp làm chủ nhiệm, thường trích in bài của báo *L'Humanité* xuất bản ở Pari. Nhóm này cũng xuất bản, dưới hình thức những sách nhỏ, bản Tuyên ngôn Dân quyền và bản Tuyên ngôn của Đảng cộng sản[47] của Mác.

Tất nhiên là Chính phủ Pháp hết sức tìm cách phá bỏ nhóm này, nhưng không kết quả, vì nhóm đó đưa tổ chức thành đảng. Vì thế Chính phủ Pháp bèn đàn áp các thành viên của nhóm đó.

Tháng 3, nhóm "Thanh niên An Nam" có tổ chức một cuộc mít tinh phản đối việc trục xuất một người Bắc Kỳ. Cuộc mít tinh thông qua kiến nghị như sau:

"Chúng tôi 3.000 người An Nam... sau khi nghe diễn thuyết nói chuyện ... nhận thấy rằng việc trục xuất những người An Nam quê ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ ra khỏi địa phận Nam Kỳ là một hành động độc đoán..., chúng tôi cực lực phản đối sự lạm quyền này... và khẩn thiết đòi Chính phủ Pháp ở Đông Dương phải tôn trọng những quyền tự nhiên và bất khả xâm phạm của con người và của công dân đã được xác nhận trong Hiến pháp của nước Cộng hoà Pháp, nhất là: 1) tự do báo chí viết bằng tiếng bản xứ, 2) bỏ câu thúc thân thể về dân sự và thương sự, 3) tự do học tập, hội họp và tự do đi lại".

Trước cuộc mít tinh, người ta đã rải truyền đơn, cuối tờ truyền đơn có câu: "Nếu Chính phủ không chịu trả lại cho chúng tôi những quyền tự do cần thiết nói trên (quyền tự do báo chí, v.v.) thì chúng tôi không còn chút tin tưởng nào ở thiện ý của Chính phủ và chúng tôi nguyện cùng nhau tận tâm tận lực hoạt động để *giải phóng dân tộc An Nam"*.

Cũng vì đã viết những tiếng giải phóng dân tộc An Nam và đã phát hành số đầu tiên và cũng là số cuối cùng của báo *An Nam trẻ-Diễn đàn giải phóng quốc gia*, trong đó có đăng lại bài của báo *L'Humanité* và báo *Le Paria*, mà hai tác giả, những người đã viết truyền đơn, đã tổ chức mít tinh, vừa là chủ nhiệm vừa là quản lý tờ báo, đã bị kết án hai năm tù!

Do hai vụ án này, học sinh lại tiếp tục bãi khoá. Thực dân Pháp lại dùng những biện pháp hành chính để trấn áp trả thù.

Tình hình chính trị ở Đông Dương có thể tóm tắt trong lời than vãn sau đây của một tờ báo tiếng Pháp ở Bắc Kỳ:

"Vụ biến động này... đã làm cho nước ta xưa nay yên ổn biết bao, đã trở thành trung tâm của những cuộc biến động và hỗn loạn".

Tập san *Inprekorr*, tiếng Pháp,
số 91, ngày 14-8-1926.

"VĂN MINH" PHÁP Ở ĐÔNG DƯƠNG

Nền "văn minh" Pháp tại Đông Dương thể hiện ở những chiều hướng khác nhau. Trước hết, thông qua sự cướp bóc trơ tráo nhân dân bản xứ - những người nông dân nghèo An Nam và Cao Miên bị chiếm đoạt trắng trợn -, nhằm thực hiện một nền kinh tế đồi bại đáng hổ thẹn. Điều đó cũng diễn ra như vậy ở Nam Kỳ. Những người bản xứ tại nơi này đã bị cướp đoạt không dưới 115.000 hécta ruộng đất, và người ta tính rằng, trong ít năm nữa, số diện tích này sẽ lên đến 200.000 hécta.

Tất cả các tầng lớp thực dân đại diện cho nền "văn minh" đều nhúng tay vào những cuộc cướp đoạt đó. Tất nhiên, đi đầu là những viên chức cao cấp nhất của Pháp tại những thuộc địa này. Tiến sĩ Cônhắc, thống đốc Nam Kỳ, đã bị công khai kết tội trong Uỷ ban thuộc địa là đã xuyên tạc, giả mạo và đánh cắp các biên bản của Uỷ ban. Một viên chức cao cấp khác, viên công sứ Sabachiê, đã áp dụng một chế độ thống trị chuyên quyền ghê gớm nhằm thực hiện các kế hoạch của mình, mà qua đó, các nhà giam chật ních tù nhân; không những thế, chúng đã quyết định và thi hành vô số những bản án tử hình chưa từng biết đến ở nơi đây cho tới lúc bấy giờ.

Trong lần trở về nước của lãnh tụ những người theo chủ nghĩa dân tộc Bùi Quang Chiêu, khi đó đã trở thành một kẻ thỏa hiệp nổi tiếng xấu xa, các tay súng An Nam đã bị tước vũ khí, nhưng vô số súng liên thanh lại được chuẩn bị sẵn sàng để chống lại đám đông khổng lồ đang ồ ạt kéo tới gần để chào mừng ông ta. Tại một vụ xử hai nhà báo An Nam trẻ tuổi, người ta đã huy động cả quân đội, sen đầm, dân binh,

cảnh sát thành phố và mật vụ. Dân bản xứ không được phép đặt chân tới nhiều nơi của thành phố Sài Gòn.

Chúng không còn tin vào binh lính Pháp và tất nhiên, càng ít tin hơn vào binh lính An Nam. Vì thế chúng đưa tới thuộc địa những người Xênêgan, họ bị cấm không được giao tiếp với dân bản xứ. Vì lo sợ binh lính châu Phi được đưa đến sẽ có thể liên hệ với dân châu Á, nên chúng chủ trương tuyên truyền sự thù ghét và chia rẽ binh lính da đen và những người bản xứ da vàng.

Khi "đảng viên xã hội" Varen được bổ nhiệm làm toàn quyền từ Pháp đến, súng ống và đạn dược cũng thường được gửi tới. Nhiều chuyến tàu vận tải đưa những công cụ "văn minh" của Pháp đã sang Đông Dương.

Sự khủng bố mạnh nhất vẫn tiếp diễn ở tất cả các miền của Đông Dương, ở Nam Kỳ, Cao Miên, Trung Kỳ và Bắc Kỳ. Ngày nào cũng có những cuộc bắt bớ giam cầm hàng loạt người. Bị theo dõi đặc biệt chặt chẽ là những sinh viên, mà một số họ đang tìm cách tiếp tục học tập ở nước ngoài. Bởi vì từ sau cuộc bãi khoá rộng lớn của sinh viên, trường học của các thuộc địa đã bị đóng cửa đối với họ.

Ở một loạt thuộc địa Pháp, như đảo Rêuyniông nằm sát hòn đảo lớn Mađagátxca bên bờ biển phía Đông châu Phi, hay như đảo Tân Calêđôni nằm ở phía Tây châu Úc, số dân đã nhanh chóng bị giảm sút vì rượu mạnh và lao dịch. Do đó, bọn thực dân không có đủ lực lượng lao động làm cho các đồn điền của chúng, và bởi thế, chúng yêu cầu chính phủ Nam Kỳ phải bảo đảm cung cấp các lực lượng lao động. Thế là người ta thường đọc được những tin tức về việc tổ chức đưa 2.000 thợ thuyền sang Tân Calêđôni, nơi đã có 62.000 dân vào năm 1875, và nay dân số giảm xuống còn 27.000 vì công việc "khai hoá" của Pháp.

Việc di cư của các lực lượng lao động này tất nhiên cũng là "tự nguyện" như khi vận chuyển "những người tình nguyện" từ Đông Dương sang những nơi trận mạc của châu Âu, và mới đây, sang Marốc và Xyri. Người ta hay nghe nói đến những cuộc ra đi, nhưng

không bao giờ nghe nói tới ngày trở về của "những người tình nguyện" đã bị cưỡng bức bằng bạo lực mà phải đi. Hiện nay đang có khoảng 6.000 "người tình nguyện" từ Bắc Kỳ trên đảo Tân Calêđôni.

Sau hơn sáu mươi năm người Pháp chiếm đóng Đông Dương, nền giáo dục ở Đông Dương vẫn luôn luôn dừng lại ở trình độ vô cùng thấp kém. Các lực lượng lao động không được đào tạo để có trình độ . Thay vào đó, ở Đông Dương, lại có 2.000 nơi buôn bán rượu mạnh và thuốc phiện. Trong năm 1924, toàn Đông Dương có 20 triệu dân, song chỉ có 213.977 học sinh và 4.193 giáo viên bản xứ, trong khi ngay tại quần đảo Philippin bị đế quốc Hoa Kỳ áp bức với 10 triệu dân đã có 1.128.977 học sinh và 25.451 giáo viên bản xứ. Ở Đông Dương, không chỉ thiếu trường học, mà trường sở hiện có cũng thật kém cỏi.

Người ta còn thấy rõ sự thối nát của thực dân Pháp qua thú nhận của tờ *L'Impartial,* cơ quan ngôn luận của Pháp ở Đông Dương rằng viên thống đốc Cônhắc đã phạm một loạt hành động tham nhũng. Cả người "đảng viên xã hội" Varen cũng tham gia hăng hái vào việc tham nhũng vì chỉ một vài tháng sau khi tới Đông Dương, ông ta đã gửi về Pháp 74 hòm tặng phẩm có trọng lượng 4.910 kilô và kích cỡ là 30 mét khối.

Để bảo vệ Hà Nội, dinh luỹ của bọn Pháp bất tài và vô lương tâm, bọn cai trị Bắc Kỳ đã có tội trong việc phá vỡ đê mà không thông báo kịp thời cho dân biết, làm cho 20.000 dân chúng ở nông thôn đã bị chết đuối. Chúng cấm các báo đăng tin về hành động dã man đó.

A.P.

Tập san *Inprekorr,*
tiếng Đức, số 17, năm 1927.

HÃY NHỚ ĐẾN NHỮNG NGƯỜI BỊ TÙ ĐÀY VÌ CHÍNH TRỊ CỦA CHÚNG TA

Trường hợp Lê Ngọc Liên

Bị đày sang Tân Calêđô[1] năm 1913, được tha năm 1924, người đồng bang của chúng ta lại bị khước từ việc trả về quê hương.

Ngày 5-9-1913, sau những quả bom ở Hà Nội và Thái Bình, toà đề hình Hà Nội, trong một phiên toà xử kín, căn cứ vào những báo cáo của cảnh sát, quyết định kết án tử hình vắng mặt Phan Bội Châu và hoàng thân Cường Để, đưa lên máy chém khoảng chục người vô tội và đưa đi đày khoảng ba chục người khác.

Lê Ngọc Liên bị nỗi bất hạnh và được vinh dự liệt vào số sau này với lời nhận xét khó hiểu như sau: "Âm mưu chống an ninh quốc gia và đồng loã tụ tập với bọn bất lương"[2].

Chúng ta thử tìm cách giải đáp trò đố chữ này.

Năm 1913, Lê Ngọc Liên với tư cách một người thợ đã "hợp tác" với Khánh Ký, một người anh em của mình. Ông Khánh Ký hiện nay là một trong những nhà nhiếp ảnh lớn nhất ở Sài Gòn và ông ta chưa bao giờ, theo tôi biết, bị tai tiếng hoặc tố cáo là bất lương.

---

1) *Nouvelle Calédonie*. Một hòn đảo trong Thái Bình Dương, phía đông Ôxtrâylia, bị Pháp chiếm từ 1853 và biến thành nơi giam giữ tù đày những người tham gia phong trào chống Pháp, giải phóng dân tộc.

2) Tác giả muốn nói đến vụ những người của Việt Nam Quang phục hội là Phạm Văn Tráng ném tạc đạn giết chết tổng đốc Thái Bình Nguyễn Duy Hàn (19-4-1913) và vụ Nguyễn Khắc Cần ném tạc đạn vào khách sạn Hà Nội (26-4-1913).

Như thế, không phải vì là một người đã hợp tác với Khánh Ký mà Lê Ngọc Liên bị kết án phát vãng.

Vậy thì vì lý do gì? - Như thế này: thời bấy giờ có một hội lớn theo chủ nghĩa dân tộc gọi là "Đông kinh nghĩa thục". Được thành lập do những nho sĩ có danh vọng nhất ở Bắc Kỳ, trong đó có ông Cử Can, thân sinh Lương Ngọc Quyến, người anh hùng của cuộc khởi nghĩa lớn Thái Nguyên, các ông Phan Tiên Phong và Phan Trọng Kiên, anh em của Phan Văn Trường, trạng sư ở toà thượng thẩm Pari, hội "Đông kinh nghĩa thục" dự định truyền bá học vấn trong quảng đại quần chúng nhân dân của chúng ta. Hội mở tại Hà Nội những lớp học công khai và không lấy tiền. Lê Ngọc Liên dự những lớp ấy, kết thân với vài người bạn và mời họ về nhà uống trà, chỉ có thế.

Bỗng những vụ đánh bom xảy ra. Một sự đàn áp khốc liệt đã ập xuống những hội viên của "Đông kinh nghĩa thục". Nhà cầm quyền bắt giam bừa bãi giáo sư, học sinh và bạn bè của họ. Khi cảnh sát xông vào nhà Lê Ngọc Liên, họ thấy người đồng hương của chúng ta đang ngủ trưa với một trong những người bạn cùng lớp. Thế là đủ lắm rồi: đấy là những người âm mưu chống an ninh quốc gia, đấy những kẻ đồng loã tụ tập với bọn bất lương!

Lê Ngọc Liên đã bị đày sang Tân Calêđôni vào tháng 9-1913 như thế đấy.

Ngày 29-12-1924, anh chính thức biết tin mình được tha. Đến thời điểm này, anh đã trải qua 11 năm bị đày ải. Quả thật, cũng đã đến lúc, vì những gì anh sai phạm..., người ta phải để cho anh trở về xứ sở với gia đình của mình.

Các bạn tin như thế à? - Các bạn đã nhầm. Ngay lúc đó, Lê Ngọc Liên được bọn quản lao báo cho biết là họ hoàn toàn không có trách nhiệm gì về việc hồi hương của anh và anh phải tự mình xoay sở mọi phí tổn từ [1] đến Hải Phòng.

Anh ta, một người bị đày ải, thế họ muốn anh ta trả bằng

1) *Numêa*. Thủ phủ của Tân Calêđôni.

cái gì mới được chứ? Thật là ngu xuẩn và đê tiện. Nhưng, chính quyền thực dân là như thế đấy.

Ngày 20-1-1926, Lê Ngọc Liên gửi đơn lên thống đốc Tân Calêđôni. Không được trả lời. Ngày 25-2-1926, gửi đơn lên Bộ trưởng thuộc địa. Không được trả lời. Lê Ngọc Liên nhờ Hội những người lao động Đông Dương ở Mácxây can thiệp, hội này nhờ phân hội Nhân quyền Mácxây và phân hội Mácxây lại nhờ Uỷ ban trung ương của Hội ở Pari (tháng 6-1926). Không được trả lời.

Trước sự lẩn tránh chung ấy, ở phía hữu và phía tả, người đồng hương của chúng ta sẽ buộc phải, theo người ta nói với tôi, nhờ đến Hội chữ thập đỏ quốc tế và cả Đảng Cộng sản. Như thế người ta sẽ có thêm một bằng chứng rằng chính là Chính phủ đẩy những người An Nam đến với chủ nghĩa bônsêvích mà về chủ nghĩa này, Chính phủ lại không ngừng vung vẩy một con ngoáo ộp, cố nhiên là để lừa dối hòng che lấp những việc làm bẩn thỉu của mình. Nhưng ngoại trừ Chính phủ và bọn thống đốc, phải chăng người ta có thể tin chắc rằng những tổ chức gọi là thuộc phái tả, cụ thể ở đây là Hội nhân quyền, đã hơi quá hững hờ khi phải bảo vệ quyền của những quân khốn khổ người da màu?

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *L'Ame Annamite,*
ngày 1-2-1927.

THƯ GỬI CHI BỘ ĐẢNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHƯƠNG ĐÔNG

Mátxcơva, ngày 25 tháng 6 năm 1927

Gửi chi bộ cộng sản Trường đại học cộng sản của nhân dân lao động phương Đông mang tên đồng chí Xtalin,

Các đồng chí thân mến,

Theo quyết định của Ban phương Đông, Ban bí thư latinh của Quốc tế Cộng sản và đại diện Đảng Cộng sản Pháp ở Ban Chấp hành, một nhóm cộng sản An Nam đã được thành lập với các đồng chí sau đây:

- Phon Shon,
- Le Man,
- Jiao,
- Min Khan,
- [1].

Đồng chí cuối cùng được cử làm bí thư nhóm.

Vì các đồng chí đó đều là sinh viên trường các đồng chí và để cho họ có thể học cách làm việc, chúng tôi yêu cầu chi bộ đồng chí chỉ định một hay hai đồng chí chăm lo việc giáo dục cộng sản cho nhóm đó, để đào tạo các đồng chí đó theo sinh hoạt của Đảng.

Ban bí thư latinh
của Quốc tế Cộng sản
G. HUMBE

Đại biểu An Nam
NGUYỄN ÁI QUỐC

Tài liệu tiếng Pháp, lưu tại Cục lưu trữ
Văn phòng Trung ương Đảng.

---

1) Tức Nguyễn Thế Rục, Ngô Đức Trì, Bùi Công Trừng, Bùi Lâm và Trần Phú.

BÁO CÁO GỬI BAN PHƯƠNG ĐÔNG QUỐC TẾ CỘNG SẢN

1) Từ tháng 11-1924, tôi được Ban phương Đông và Đảng Cộng sản Pháp phái đến Quảng Châu để làm việc cho Đông Dương.

Vì trong suốt thời gian ấy (1924-1927), tôi không nhận được quỹ cũng không được lương của Quốc tế Cộng sản, tôi phải làm việc dịch thuật để kiếm sống và để phụ thêm cho công tác mà nó ngốn từ 75 đến 80% tiền lương của tôi, cộng với tiền đóng góp của các đồng chí.

Mặc dù thiếu thời gian và tiền, nhờ sự giúp đỡ của các đồng chí người Nga và An Nam, chúng tôi đã có thể: 1) Đưa 75 thanh niên An Nam đến học ở Trường tuyên truyền do chúng tôi tổ chức ở Quảng Châu, 2) Xuất bản 3 tờ tuần báo nhỏ, 3) Phái những người tuyên truyền vừa mới được đào tạo về Xiêm, Trung Kỳ, Bắc Kỳ và Nam Kỳ, 4) Thành lập một liên đoàn cách mạng do một uỷ ban gồm 5 uỷ viên ở Quảng Châu lãnh đạo, liên đoàn đã bắt rễ khắp nơi trong tất cả các xứ Đông Dương đó.

Tuy nhiên việc đi lại của các sinh viên và tuyên truyền viên, việc tổ chức các lớp học, v.v. tốn kém nhiều tiền (cho mỗi sinh viên từ Đông Dương đến Quảng Châu và trở về, chúng tôi chi hết 200 đôla). Vả lại sự giúp đỡ tài chính của các đồng chí không đều đặn và khó nhận nên tôi không thể tiếp tục làm như vậy được. Vì thế những đồng chí người Nga ở Quảng Châu đã tán thành dự kiến đi Mátxcơva để xin tiền của tôi.

Khi đoàn Đại biểu Quốc tế Công nhân đến Quảng Châu, đồng

chí Đôriô (đại diện Đảng Cộng sản Pháp), đồng chí Vôlin (đại diện những đồng chí người Nga ở Quảng Châu) và tôi, chúng tôi đã chuẩn bị và gửi Ban phương Đông một kế hoạch công tác và một dự án tài chính. Cho đến ngày 5 tháng 5, tôi không nhận được câu trả lời về vấn đề đó, cũng không nhận được chỉ thị nào khác.

2) Khi cuộc đảo chính nổ [1], 3 trong 5 uỷ viên của Uỷ ban Đông Dương chúng tôi bị bắt giữ, tôi suýt bị bắt, tướng Lý Tế Thâm có quan hệ mật thiết với bọn đế quốc Pháp ở Đông Dương và ở Hạ Môn, một đồng chí người Nga duy nhất có trách nhiệm lúc đó đang ở Quảng Châu cũng không thể giúp đỡ được chúng tôi, hoặc cho một lời khuyên nào, thậm chí ngừng trả tiền cho tôi với tư cách là người phiên dịch. Không thể làm gì được, trụ sở của chúng tôi bị cảnh sát đến khám xét và giám sát. Khi đó, tôi chỉ còn cách là phải chọn gấp giữa hai con đường hoặc là để bị bắt hay tiếp tục qua Mátxcơva về công tác ở Xiêm.

3) Chính trên tàu từ Thượng Hải đến Vladivôxtốc, đồng chí Đôriô đã gặp tôi và đề nghị trước khi đi Xiêm, hãy đến Pari đã. Đồng chí nói để đồng chí sẽ hỏi Ban Chấp hành.

Ở Vladivôxtốc, đồng chí Vôitinxki từ Trung Quốc đến sau tôi vài ngày, đã đề nghị tôi quay trở lại Thượng Hải.

Như vậy, vấn đề đặt ra với tôi là: tôi phải theo đề nghị nào chứ không thể nhận cả hai đề nghị cùng một lúc. Tôi phải đi đâu, Xiêm hay Thượng Hải ? Công tác của tôi ở nước nào cần hơn cả ? Phải chăng chúng tôi sẽ thử tổ chức một số lính An Nam ở Thượng Hải (vả lại theo họ nói với tôi thì họ đã sẵn sàng trở về nước) và bỏ lại tất cả công việc đã được bắt đầu ở Đông Dương ?

Vấn đề đó do các đồng chí quyết định. Tôi chỉ được phép nói quan điểm của tôi như sau:

Dù rằng về bản thân và về mặt vật chất thì đối với tôi, tôi ở Thượng Hải sẽ tốt hơn nhiều, nhưng tôi muốn đi Xiêm hơn. a) Vì công tác trong binh lính An Nam ở Thượng Hải

1) Cuộc chính biến phản cách mạng tháng 4-1927 của Tưởng Giới Thạch.

chắc chắn là rất hay, song công việc hoặc nói cho đúng hơn là sự tiếp tục công việc ở Đông Dương - dù kết quả còn xa xôi và ít nhưng lại quan trọng hơn. b) Vì ở Thượng Hải chứ không phải ở Xiêm, nhiều đồng chí khác có thể thay tôi. c) Vì những tin tức về cuộc phản biến Trung Quốc do đế quốc Pháp truyền lan đang gieo rắc sự nhụt chí trong người An Nam và trong lúc này, nếu chúng ta để công tác không liên tục thì tất cả những gì chúng ta đã làm trong 3 năm qua sẽ mất hết và chúng ta sẽ rất khó làm lại từ đầu vì tâm trạng những người An Nam đã nhiều lần thất vọng.

Vì thế, tôi tiếp tục đi Mátxcơva để trình bày yêu cầu của tôi.

4) *Yêu cầu của tôi* : Ngay bây giờ tôi không thể lập một dự trù ngân sách chi tiết cho công tác của tôi ở Đông Dương (đi qua Xiêm). Vì vậy, tôi chỉ có thể lập dự trù theo cách áng chừng với những con số phù hợp với hoàn cảnh. Biết sự khó khăn về liên lạc từ Đông Dương đi Mátxcơva, và định thời gian cư trú ở thuộc địa này khoảng chừng 2 năm, tôi trình bày với các đồng chí một yêu cầu về ngân sách tính theo Mỹ kim như sau:

Lương tháng 150 đôla trong 2 năm (cho tôi và những người giúp việc)	3.600 $
Quỹ để công tác trong 2 năm (mỗi tháng 200 đôla)	4.800 $
Tiền chi bất thường	1.100 $
Tổng cộng	9.500 $

Tất nhiên, ở đây *tiền lương* chỉ là tượng trưng vì ngoài phần trợ giúp tối cần thiết cho chúng tôi, phần còn lại sẽ chuyển sang quỹ công tác. Và nếu các đồng chí vui lòng chấp thuận thì ngân sách này chỉ được thực hiện từ ngày tôi đến Băng Cốc.

Trong khi chờ đợi quyết định của các đồng chí, xin các đồng chí vui lòng: 1) đưa tôi vào bệnh viện, 2) khi tôi ra bệnh viện cho phép

tôi được học vài kinh nghiệm cần thiết cho công tác của tôi 3) và cho tôi lên đường càng sớm càng tốt.

Gửi các đồng chí lời chào cộng sản.

Mátxcơva tháng 6-1927

1) Cấu tạo của một phân ban

2) Việc gửi các sinh viên

3) Chương trình nghiên cứu và tư [illegible].

Tài liệu đánh máy, tiếng Pháp,
bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

1) Ba dòng thêm này viết tay.

THƯ GỬI PH. BI-U

Đồng chí thân mến,

Nhờ đồng chí nói với nữ đồng chí thay chị Mácgô rằng, nếu tôi có thư từ gì xin gửi theo địa chỉ dưới đây:

Ái Quốc

Krưm - Eppatôria

Nhà an dưỡng Lênin.

Xin chào tất cả

Tháng 8 năm 1927

Bưu ảnh của Nguyễn Ái Quốc
gửi Francois Billoue (bản tiếng Pháp).
Bản chụp lưu tại
Bảo tàng Hồ Chí Minh.

NHỮNG TỘI ÁC KINH KHỦNG CỦA CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC PHÁP Ở ĐÔNG DƯƠNG

Sau cuộc xâm chiếm của đế quốc Pháp, nhân dân các đảo Tân Ê[1] đã bị tiêu diệt bởi rượu, các bệnh hoa liễu và lao động khổ sai, những tai hoạ do nền văn minh đế quốc chủ nghĩa du nhập vào trong nước. Sự kiện này đã được ông nghị Ácxinbô, báo cáo viên về ngân sách thuộc địa, chính thức thú nhận tại Nghị viện Pháp.

Nòi giống bản xứ thì bị giết chóc, nhưng đất đai các đảo vẫn phì nhiêu và vẫn mang lợi cho bọn thực dân Pháp. Tuy nhiên, bọn này không tự canh tác được trong các đồn điền của mình. Chúng cần có nô lệ. Chúng tìm đến nô lệ ở Đông Dương.

Ngày xưa người ta dùng phương pháp tuyển mộ. Công nhân và nông dân Đông Dương - bị thuế má đè nặng đến lụn bại, bị cái nghèo khổ theo đuổi và bị mua chuộc bởi hứa được lương bổng cao - tự đưa mình vào tròng, xuống tàu đi sang "Tân lục địa". Nhưng họ bị giết hại bởi sự ngược đãi của chủ đồn điền không kém gì các bệnh tật của vùng nhiệt đới, phần lớn những người "cam kết ra đi" không bao giờ còn thấy đất nước và gia đình mình nữa. Từ đó trở đi, những người Đông Dương khác thà chết đói trên đất nhà còn hơn đem thân sang chết ở đồn điền Pôlinêdi thuộc Pháp.

---

1) *Nouvelle Hébrides: Tên cũ của các đảo Vanuatu ở Thái Bình Dương, từ 1887 bị thực dân Anh và Pháp đô hộ, năm 1906 được quyền tự trị, năm 1980 giành được độc lập, lấy tên nước là Vanuatu.*

Những cuộc tuyển mộ đầy tội ác

Hiện nay, để cung cấp nhân công cho đồn điền của họ, người Pháp không lùi bước trước những phương tiện đầy tội ác nhất. Dưới đây là một vài thí dụ: Những tên thực dân Pháp yêu cầu các quan cai trị Pháp ở Đông Dương - những kẻ luôn luôn là đồng loã và đôi khi chung vốn với họ - bắt các làng ở Đông Dương cung cấp một số cu li. Nếu các làng - biết là mình phải làm gì đối với số phận của người mình - không thi hành ngay mệnh lệnh thì bị trừng phạt. Hoặc là, lợi dụng tình trạng đói kém luôn xảy ra ở Đông Dương, người Pháp cho người Đông Dương vay tiền rồi ít lâu sau cho bắt họ vì không trả được nợ, buộc họ phải đáp tàu sang Ôxtrâylia. Hoặc nữa, chúng làm như dùng cu li vào một công việc gì đó trên tàu biển, rồi bỗng nhiên, cu li thấy mình bị trói và giam trong khoang tàu, khi tàu sắp khởi hành. Chúng đánh lừa những người Đông Dương thất nghiệp, hứa cho họ một việc làm ở một tỉnh bên. Chúng đưa các nạn nhân xuống tàu và, giữa đường, đổi hướng đi. Thế là, chúng bắt cóc những người Đông Dương bằng sức mạnh hoặc bằng thủ đoạn và đưa họ đi trong những chuồng bằng sắt, đến tận Tân Êbrít.

Những chứng cớ không thể chối cãi

Trên tàu biển, người Đông Dương chen chúc như những con vật trong những khoang thiếu không khí, không có ánh sáng. Chúng cho họ ăn uống chẳng là bao. Người ốm bị ném xuống biển "để khỏi lây sang những người khác". Họ luôn bị những người mang súng canh giữ. Tới các đảo, họ bị giam trong một trại, tức là một cái chợ; chủ đồn điền đến xem họ, chọn và mua một đầu người với giá bao nhiêu đó.

Để đưa phụ nữ đi, chúng cho họ được mang con theo. Nhưng một khi họ đã xuống tàu, chúng quăng trẻ em xuống nước "để thủ tiêu những cái mồm vô ích". Điều này đã từng xảy ra với những người đàn bà Bắc Kỳ.

Tháng 7 vừa qua, một tàu biển cập bến Taoxvin với 480 người Đông Dương nhốt trong những chuồng ở đáy tàu. Được một thuỷ

thủ báo cho biết, những người Trung Quốc ở Taoxvin định xuống giúp các nạn nhân, nhưng họ bị những người gác có vũ trang trên tàu cản lại. Trong lời kêu gọi người Trung Quốc đăng trên báo *Daily Standard*, những người Đông Dương khốn khổ kia nói rằng: Người ta đã dùng thuốc mê bằng thuốc lá tẩm độc, để kéo họ đến tô giới Pháp ở Quảng Châu Loan rồi bắt cóc; trên tàu biển họ chịu đựng đến mức kinh khủng đói, khát và nhất là sự độc ác của những kẻ canh gác: người ốm bị ném xuống nước.

WANG

Tập san *Inprekorr*, tiếng Pháp,
số 99, ngày 28-9-1927.

SỰ THỐNG TRỊ CỦA ĐẾ QUỐC PHÁP Ở ĐÔNG DƯƠNG

CUỘC XUNG ĐỘT "HOA - VIỆT"

Từ 19 đến 22-8, giữa người An Nam và Hoa kiều ở Hải Phòng, một hải cảng ở Bắc Kỳ, đã xảy ra những cuộc ẩu đả đổ máu. Có 8 Hoa kiều chết và 125 người bị thương, 8 nhà máy và 12 căn nhà Hoa kiều bị đốt cháy. Báo chí Pháp ở Đông Dương và ở Pháp cho rằng cuộc xung đột này chỉ liên can đến người An Nam và Hoa kiều thôi, và nguyên nhân là do hai dân tộc đó "hiềm thù" nhau, còn người Pháp thì không dính dáng gì đến vụ xung đột ấy cả.

Khẳng định như vậy là không đúng. Chẳng phải hôm nay mà cũng không phải hôm qua người Hoa mới đến Đông Dương. Họ đã ở đây hàng thế kỷ nay rồi. Và từ khi họ đến ở đây, họ đã luôn luôn giữ một vị trí rất quan trọng trong đời sống kinh tế của Đông Dương. Nhưng chưa bao giờ lại có những cuộc xung đột giữa người An Nam và các "chú" khách của họ cả.

Cuộc xung đột hiện nay, cũng như cuộc tẩy chay hàng hoá của Hoa kiều năm 1919 là do bọn thực dân Pháp gây nên vì những lý do sau đây:

Ít lâu nay, trong dân chúng An Nam, đang có một sự sôi sục mạnh mẽ: những cuộc biểu tình của những người có tinh thần dân tộc, những cuộc bãi khoá của giới đại học, những cuộc bãi công của thợ thuyền, những cuộc nổi dậy của nông dân, hoạt động của các tổ chức cách mạng bí mật, việc bầu những cựu chính trị phạm vào

"Viện dân biểu" bản xứ, v.v. và v.v.. Tất cả tình hình ấy đã làm cho bọn thực dân Pháp hoảng sợ, chúng tìm mọi cách để lái hoạt động chính trị đó đi theo một hướng khác.

Trong năm qua, người An Nam đã tỏ ra có nhiều cảm tình với cách mạng Trung Quốc. Khi tàu chiến Misơlê của Pháp, trên đường sang Trung Quốc, cập bến Sài Gòn để tu sửa, anh em công nhân xưởng tàu ở hải cảng đó đã đình công không chịu tu sửa[48]. Cũng năm ấy, khi năm Hoa kiều ở Sài Gòn bị nhà chức trách Pháp trục xuất vì tuyên truyền cách mạng, thì hàng nghìn người An Nam đã tự động họp nhau lại để tiễn chân. Mối tình thân thiện Hoa - Việt ấy đã làm cho bọn Pháp rất hoảng sợ.

Hoa kiều sống ở Đông Dương đều bị bọn thực dân Pháp ra sức áp bức và bóc lột. Thuế khoá nặng nề. Cũng như người An Nam, Hoa kiều đều bắt buộc phải có giấy thông hành mới được đi từ nơi này đến nơi khác, tốn rất nhiều tiền và mất nhiều thì giờ, đồng thời lại bị trở ngại rất lớn trong công việc buôn bán. Công nhân Hoa kiều không có quyền tự do tổ chức. Tất cả những sự việc đó và những sự hà lạm khác đã gây nên một phong trào chống Pháp trong giới người Hoa, phong trào này kết hợp với tinh thần quật khởi của người An Nam sẽ là một nguy cơ rất lớn cho chủ nghĩa đế quốc.

Chính vì tất cả những lý do ấy đã khiến đế quốc Pháp tìm cách chia rẽ Hoa kiều và người An Nam, làm cho họ chống lẫn nhau.

Nhưng âm mưu của bọn đế quốc từ ngày 19 đến 22-8 quá ư lộ liễu khiến ngay những người không chú ý lắm cũng thấy rõ được. Trong một nước có chế độ kiểm duyệt thường xuyên, có tất cả những viên chức kể cả các đốc học và giáo viên đều làm mật thám, một nước mà mỗi tháng người ta trả ba mươi đồng cho mỗi học sinh tình nguyện làm mật thám, một nước mà bất kỳ cuộc hội họp và tập hợp nào cũng đều bị cấm đoán cả, làm thế nào mà trong những điều kiện ấy, người ta lại có thể tổ chức những cuộc ẩu đả đổ máu như vậy được? Làm sao mà bọn cảnh sát và nhà chức trách Pháp - luôn luôn được thông báo về bất kỳ một hành động nhỏ nào của người bản xứ và lúc nào cũng sẵn sàng đàn áp - lại chỉ can thiệp rất

muộn, sau khi đã có nhiều người bị giết chết, nhiều thiệt hại đã xảy ra? Vì sao mà những cuộc ẩu đả ấy lại có thể kéo dài từ 19 đến 22-8 mà không có lấy một biện pháp nào để ngăn chặn c¶?

Bởi vậy, người ta bắt buộc phải kết luận rằng cuộc xung đột ấy không những được bọn đế quốc Pháp làm ngơ mà chúng còn có dụng ý nhen lên và gây ra nữa.

VIỆN "ĐUMA" AN NAM[49]

Do sự thúc ép của quần chúng bản xứ, bọn đế quốc Pháp buộc phải nhân nhượng hoặc nói cho đúng hơn là giả bộ nhân nhượng. Chúng phái một "đảng viên Đảng Xã hội" sang làm toàn quyền. Chúng tung ra khẩu hiệu "Pháp - An Nam hợp tác". Chúng tổ chức ra "Viện dân biểu".

Song kết quả lại hoàn toàn trái với điều mong muốn của chúng. Sau một thời kỳ nuôi ảo tưởng, người An Nam bây giờ đã biết thế nào là một đại biểu của Quốc tế thứ hai. Họ thấy rằng, sự "hợp tác" được ca tụng nhiều như thế đã thể hiện thành những sự bóc lột bỉ ổi và những cuộc đàn áp thẳng tay đối với bất kỳ một cuộc biểu dương chính trị nào của người bản xứ.

Viện "Đuma" An Nam (không phải do cuộc đầu phiếu phổ thông mà chỉ do các kỳ mục, địa chủ và thương nhân bầu ra) không hề xoa dịu được người An Nam, mà còn đưa lại cho họ cơ hội để tỏ rõ tinh thần phản kháng của mình.

Trong các cuộc bầu cử vừa qua, những người ra ứng cử, mà nhiều người biết rõ những hoạt động yêu nước của họ và việc họ chỉ trích chế độ cai trị của người Pháp, cũng như những chính trị phạm đi đày về, đều trúng cử. Mặc dù nhà chức trách Pháp dùng mưu kế và hăm doạ, nhưng không có một người ứng cử nào do Chính phủ giới thiệu, lại trúng cử cả.

Tất cả những "vị dân biểu" này chỉ có tiếng nói tư vấn thôi. Các vị dân biểu Trung Kỳ thì mỗi năm hội họp một lần và lúc nào họp là do khâm sứ quyết định. Thậm chí họ không có lấy một phòng họp, hay một phòng để làm việc. Mỗi một kỳ họp đều do một viên

chức người Pháp chủ toạ. Nhưng cái đó vẫn không làm cho các vị đại biểu An Nam đáng thương ấy rụt rè lên tiếng và phát hiện ra được những điều khá bổ ích.

Trong kỳ họp hồi tháng 8, "người phát ngôn"[1)] của Viện dân biểu Trung Kỳ đã tuyên bố:

"Chúng tôi không có phòng để làm việc, không có ngân sách, không có gì hết. Năm ngoái, thậm chí chúng tôi cũng không có cơ hội nào để thảo luận được. Trong số hàng trăm yêu sách của chúng tôi, không một yêu sách nào được thực hiện cả...

"Chính bản thân các đại biểu cũng không có quyền ăn nói, thử hỏi trong những điều kiện như vậy, làm thế nào mà họ lại có thể giúp đỡ được người khác? Thế mà nhân dân lại tin rằng chúng tôi có quyền tham gia giải quyết mọi vấn đề có liên quan đến đất nước nên trông mong nhiều ở chúng tôi... Tờ thông tri tháng 2 vừa rồi của Chính phủ thuộc địa đã hoàn toàn làm mất hết phẩm cách của chúng tôi, nên chúng tôi không thể làm được một việc gì cả. Thật là nhục nhã và buồn thảm biết bao!...

"Với những thủ đoạn đàn áp của Chính phủ sử dụng trong tất cả mọi cơ hội, thì tất phải có an ninh và trật tự. Thế mà chẳng có kết quả gì. Các cuộc rối loạn vẫn liên tiếp nổ ra... Nhiều người An Nam đã bị hành hạ, truy nã, bắt giữ và cầm tù vì tội đã đọc báo chí đã có phép của sở kiểm duyệt. Cả nhà đều bị phạt nếu người nhà phạm một tội là phát biểu trong một cuộc họp. Trẻ em chỉ không đi học một buổi là bị đuổi và như thế là suốt đời bị dốt nát... Vì trung thành với lợi ích của nhân dân, mà một số đại biểu đã bị thoá mạ trước công chúng...".

Viên khâm sứ đã trả lời một câu tinh tế. Ông ta trình bày chương trình của Chính phủ thuộc địa, chương trình đó có thể tóm tắt như sau: "Hỡi dân An Nam! Các người hãy nhẫn nhục mà chịu đựng" và ông ta nói: "Sau khi Chính phủ đã trình bày rất rõ ràng và dứt khoát rồi, nếu các ông còn ngần ngại không chấp thuận hoặc nếu các ông phản đối lại mà không có lý do căn bản, thì Chính phủ sẽ tin rằng các ông không thiết gì đến tương lai của xứ này... Các

1) Trong nguyên bản: *"speaker"*.

ông nên biết rằng, muốn văn minh và tiến bộ, thì phải có kỷ luật và phải tôn trọng chính quyền đã được thiết lập".

ĐÓI, DỊCH TẢ, THUẾ KHOÁ, V.V..

Dân số Đông Dương giảm đi nhanh chóng vì nạn đói kém, dịch tả và... chủ nghĩa đế quốc Pháp.

Số người chết so với số người sinh ra nhiều hơn gấp bội. Số trẻ em chết thật là khủng khiếp. Ta hãy lấy thành phố Hải Phòng làm thí dụ. Theo thống kê hồi tháng 7-1927, trong thành phố này, người An Nam sinh được 147 trẻ. 81 là con trai và 66 là con gái. Cùng trong thời gian đó, có 204 người chết, trong đó có 84 là trẻ em. Trong số 147 trẻ em mới đẻ, chỉ còn sống được 63 em!

Để chứng minh rõ rằng vì nghèo khổ mà người An Nam bị chết nhiều, chúng ta hãy so sánh những thống kê về số người sinh ra và chết đi giữa người nước ngoài và người bản xứ cùng ở thành phố đó. Đối với người Âu, cứ số trẻ sinh ra là 8 thì số người chết là 3, trong số chết đó có một là trẻ em. Đối với Hoa kiều, cứ số trẻ sinh ra là 22 thì số người chết là 23, trong số chết này có 6 trẻ em.

Các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi (Trung Kỳ) đều bị nạn dịch tả hoành hành. Dân cư hoảng sợ. Đầu tháng 8, mỗi ngày có hàng trăm người ốm được đưa đến nhà thương Huế. Chỉ riêng tỉnh Quảng Nam đã có hơn 7.000 người bị bệnh trong tháng 8.

Chưa phải đã hết. Trời nắng như đốt làm cho lúa má khô héo trước khi nảy hạt. Trời nắng như thế là nguy cơ của nạn đói, đồng thời lại làm cho nạn dịch hạch tăng lên. Mặt khác, Bắc Kỳ thì bị tàn phá vì đói kém do nạn lụt gây ra. Để bảo vệ người Pháp ở Hà Nội khỏi bị cảnh lụt lội, khi Bắc Kỳ bị nước tràn về, Chính phủ thuộc địa đã cho phá vỡ đê Gia Lâm ở phía bên kia Hà Nội, để tháo nước về phía ấy. Họ làm như vậy mà không báo cho người bản xứ biết trước, nên 20.000 người An Nam đã bị cơ quan cai trị của người Pháp làm cho bị chết đuối!

Sau những trận lụt, người An Nam ở Trung Kỳ và Nam Kỳ đã

tổ chức quyên góp để cứu giúp các đồng bào bất hạnh của mình. Nhà chức trách Pháp đã xoáy mất phần lớn số tiền đó bỏ vào quỹ để nâng giá đồng phrăng lên! Mặc dù những hiện vật quyên góp rất nhiều, nhưng nhà chức trách chỉ phân phát cho những người bị nạn mỗi người một tháng được có hai kilô rưỡi gạo thôi!

Chỉ riêng ở Bắc Kỳ, người ta đã tính ra có đến 155 đồn điền lớn thuộc quyền của người Pháp, mỗi cái rộng trên 200 hécta. Trong số đồn điền ấy, 11 cái rộng trên 500 hécta, 4 cái trên 600 hécta, 5 cái trên 700 hécta, 1 cái trên 800 hécta, 5 cái trên 900 hécta, 9 cái trên 1.100 hécta, 7 cái từ 1.200 hécta đến 1.500 hécta, 2 cái từ 1.500 hécta đến 2.500 hécta, 3 cái từ 3.150 đến 3.750 hécta, 1 cái trên 4.100 hécta, 1 cái trên 5.500 hécta, 1 cái trên 6.900 hécta, 1 cái trên 7.500 hécta, 1 cái trên 8.515 hécta.

Rồi đến 34 khu mỏ không những chỉ có mỏ mà còn có ruộng đất ở xung quanh nữa, trong số đó có 7 khu rộng từ 800 đến 1.500 hécta, 8 khu từ 1.500 đến 2.900 hécta, 1 khu trên 3.000 hécta, 2 khu từ 3.600 đến 4.900 hécta, 1 khu trên 6.100 hécta, 3 khu từ 13.000 đến 13.800 hécta, 1 khu trên 18.000 hécta, 1 khu trên 22.000 hécta, 1 khu trên 25.000 hécta.

Như vậy thì người An Nam chẳng còn được bao nhiêu nữa. Bất chấp tất cả tình trạng đó và mặc dù xứ này đã bị đủ thứ tai hoạ tàn phá, người Pháp vẫn cứ tiếp tục tăng thuế khoá. Ngân sách của Bắc Kỳ sắp được nâng từ 18.017.180 (?) đến 18.200.670 đồng. Chế độ của đế quốc Pháp ở Đông Dương là như thế đấy!

Tập san *Inprekorr*, *tiếng Pháp*, số 104, ngày 15-10-1927.

N.K.

GỬI ĐOÀN CHỦ TỊCH QUỐC TẾ NÔNG DÂN

Các đồng chí thân mến,

Trong 2 hoặc 3 tuần lễ tôi sẽ trở về đất nước tôi. Chuyến đi của tôi tốn chừng 500 đôla Mỹ. Vì tôi không có tiền, nên tôi mong các đồng chí giúp tôi.

Xin vui lòng trả lời tôi ở địa chỉ như sau: *Ông Lai, ở nhà ông Écxten, 21 phố Halesơ, Béclin*. Trong trả lời này, hãy viết đơn giản "có" hoặc "không". Nếu là có, hãy gửi tiền đến Uỷ ban Trung ương của Đảng Đức, cho "Liwang".

Có hay không có tiền, tôi yêu cầu các đồng chí gửi cho tôi một chương trình tổ chức thực hành để tôi có thể làm việc một cách có ích.

Trong khi chờ đợi sự trả lời mà tôi hy vọng có được tức thời, xin các đồng chí thân mến nhận lời chào cách mạng của tôi.

Béclin, ngày 16-12-1927. N. ÁI QUỐC

Thư đánh máy bằng tiếng Pháp, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

ĐƯỜNG CÁCH MỆNH[50]

In lần đầu tiên tại Quảng Châu
(Trung Quốc), năm 1927.
Tài liệu lưu tại Bảo tàng
Cách mạng Việt Nam.

Theo cuốn sách lưu tại
Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.

ĐƯỜNG CÁCH MỆNH

Không có lý luận cách mệnh, thì không có cách mệnh vận động... Chỉ có theo lý luận cách mệnh tiền phong, đảng cách mệnh mới làm nổi trách nhiệm cách mệnh tiền [1].

LÊNIN

BỊ ÁP BỨC DÂN TỘC LIÊN HỢP HỘI
TUYÊN TRUYỀN BỘ ẤN HÀNH

---

1) Hai câu này trích trong cuốn *Làm gì*? của Lênin.

TƯ CÁCH MỘT NGƯỜI CÁCH MỆNH

Tự mình phải:

Cần kiệm.
Hoà mà không tư.
Cả quyết sửa lỗi mình.
Cẩn thận mà không nhút nhát.
Hay hỏi.
Nhẫn nại (chịu khó).
Hay nghiên cứu, xem xét.
Vị công vong tư.
Không hiếu danh, không kiêu ngạo.
Nói thì phải làm.
Giữ chủ nghĩa cho vững.
Hy sinh.
Ít lòng tham muốn về vật chất.
Bí mật.

Đối người phải:

Với từng người thì khoan thứ.
Với đoàn thể thì nghiêm.
Có lòng bày vẽ cho người.
Trực mà không táo bạo.
Hay xem xét người.

Làm việc phải:

Xem xét hoàn cảnh kỹ càng.
Quyết đoán.
Dũng cảm.
Phục tùng đoàn thể.

VÌ SAO PHẢI VIẾT SÁCH NÀY?

1. Phàm làm việc gì cũng vậy, bất kỳ lớn bé, bất kỳ khó dễ, nếu không ra sức thì chắc không thành công. Tục ngữ Tàu có câu: "Sư tử bắt thỏ tất dùng hết sức". Sư tử mạnh biết chừng nào, nếu bắt thỏ thì có khó gì, thế mà còn phải dùng hết sức, huống gì làm việc to tát như việc giải phóng gông cùm nô lệ cho đồng bào, cho nhân loại, nếu không hết sức thì làm sao được.

2. Lại nhiều người thấy khó thì ngã lòng, không hiểu rằng "nước chảy đá mòn" và "có công mài sắt có ngày nên kim". Việc gì khó cho mấy, quyết tâm làm thì làm chắc được, ít người làm không nổi, nhiều người đồng tâm hiệp lực mà làm thì phải nổi. Đời này làm chưa xong thì đời sau nối theo làm thì phải xong.

3. Muốn đồng tâm hiệp lực, muốn bền gan thì trước ai ai cũng phải hiểu rõ vì sao mà phải làm, vì sao mà không làm không được, vì sao mà ai ai cũng phải gánh một vai, vì sao phải làm ngay không nên người này ngồi chờ người khác. Có như thế mục đích mới đồng; mục đích có đồng, chí mới đồng; chí có đồng, tâm mới đồng; tâm đã đồng, lại phải biết cách làm thì làm mới chóng.

4. Lý luận và lịch sử cách mệnh có nhiều sách lắm. Pháp nó sợ, nên cấm chúng ta học, cấm chúng ta xem, cho nên đồng bào ta đối với hai chữ cách mệnh còn lờ mờ lắm. Có người biên chép đề xướng ra một chút lại làm một cách rất hồ đồ; hoặc xúi dân bạo động mà không bày cách tổ chức; hoặc làm cho dân quen tính ỷ lại, mà quên tính tự cường.

5. Mục đích sách này là để nói cho đồng bào ta biết rõ: (1) Vì sao chúng ta muốn sống thì phải cách mệnh. (2) Vì sao cách mệnh

là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người. (3) Đem lịch sử cách mệnh các nước làm gương cho chúng ta soi. (4) Đem phong trào thế giới nói cho đồng bào ta rõ. (5) Ai là bạn ta? Ai là thù ta? (6) Cách mệnh thì phải làm thế nào?

6. Sách này muốn nói cho vắn tắt, dễ hiểu, dễ nhớ. Chắc có người sẽ chê rằng văn chương cụt quằn. Vâng! Đây nói việc gì thì nói rất giản tiện, mau mắn, chắc chắn như 2 lần 2 là 4, không tô vẽ trang hoàng gì cả.

Hơn sáu mươi năm nay, đế quốc chủ nghĩa Pháp đạp trên đầu; hơn hai mươi triệu đồng bào hấp hối trong vòng tử địa. Phải kêu to, làm chóng để cứu lấy giống nòi, thì giờ đâu rảnh mà vẽ vời trau chuốt!

Sách này chỉ ước ao sao đồng bào xem rồi thì nghĩ lại, nghĩ rồi thì tỉnh dậy, tỉnh rồi thì đứng lên đoàn kết nhau mà làm cách mệnh.

Văn chương và hy vọng sách này chỉ ở trong hai chữ: Cách mệnh! Cách mệnh!! Cách mệnh!!!

CÁCH MỆNH

I. Cách mệnh là gì?

Cách mệnh là phá cái cũ đổi ra cái mới, phá cái xấu đổi ra cái tốt. Thí dụ: ông Galilê (1633) là khoa học cách mệnh. Ngày xưa ai cũng tưởng rằng giời tròn đất vuông, nhân kinh nghiệm và trắc đạ[1], ông ấy mới quyết rằng trái đất tròn và chạy chung quanh mặt giời.

Ông Stêphenxông (1800) là cơ khí cách mệnh. Ngày xưa chỉ đi bộ và đi xe ngựa kéo; ông ấy mới làm ra xe lửa.

Ông Đácuyn (1859) là cách vật cách [2]. Ngày xưa không ai hiểu rõ sự sinh hoá[3] của vạn vật, ông ấy mới nghiên cứu ra vì sao mà có sự sinh hoá ấy.

Ông Các Mác là kinh tế học cách mệnh. Ông ấy nghiên cứu rõ ràng tư bản chủ nghĩa, đế quốc chủ nghĩa, giai cấp tranh đấu, vân vân ở đâu mà sinh ra; lịch sử nó thế nào, hiện tượng nó thế nào, và kết quả nó sẽ ra thế nào.

2. Cách mệnh có mấy thứ?

Ấy là tư tưởng cách mệnh, dân chúng cách mệnh thì có 3 thứ:

A- Tư bản cách mệnh.

B- Dân tộc cách mệnh.

C- Giai cấp cách mệnh.

---

1) Trắc đạc: đo đạc.

2) Cách vật cách mệnh: sinh vật cách mệnh.

3) Sinh hoá: nảy nở và biến đổi.

Tư bản cách mệnh như Pháp cách mệnh năm 1789. Mỹ cách mệnh độc lập năm 1776 (đuổi Anh), Nhật cách mệnh năm [1].

Dân tộc cách mệnh như Ytali đuổi cường quyền Áo năm 1859. Tàu đuổi Mãn Thanh năm 1911.

Giai cấp cách mệnh như công nông Nga đuổi tư bản và giành lấy [2] năm 1917.

3. Vì sao mà sinh ra tư bản cách mệnh?

A. Tư bản ở thành phố là tư bản mới, nó có lò máy và làm ra hàng hoá. Có lò máy thì muốn có nhiều thợ làm công cho nó. Làm ra hàng hoá thì muốn nhiều người mua của nó. Muốn nhiều người mua bán thì muốn giao thông tiện lợi.

B. Tư bản ở hương thôn là địa chủ, nó muốn giữ những chế độ phong kiến, thổ địa nhân dân; ở chỗ nào chủ quyền đều là về tay bọn quyền quý ở đấy cả; nó đối với nhân dân, nó coi như trâu, như lợn, nó bắt ở yên một chỗ để cày ruộng cho nó, nó đối với người đi buôn, thì hàng hoá nó muốn lấy thuế bao nhiêu thì lấy, không có chừng độ, tiền bạc mỗi xứ một thứ, đi lại phải xin chúng nó cho phép, nó làm nhiều cách trở ngại cho việc buôn bán mới.

Địa chủ hết sức ngăn trở tư bản mới, tư bản mới hết sức phá địa chủ, hai bên xung đột nhau làm thành ra tư bản cách mệnh.

Không bao giờ hai tụi này chống nhau kịch liệt và rõ ràng, dễ thấy bằng bên Mỹ. Năm 1861 đến 1865, mấy tỉnh phía Bắc (tư bản mới) cử binh đánh lại mấy tỉnh phía Nam (điền chủ) như 2 nước thù địch [3].

4. Vì sao mà sinh ra dân tộc cách mệnh?

Một nước cậy có sức mạnh đến cướp một nước yếu, lấy võ lực cai trị dân nước ấy, và giành hết cả quyền kinh tế và chính trị. Dân nước ấy đã mất cả tự do độc lập, lại làm ra được bao nhiêu thì bị cường quyền vơ vét bấy nhiêu.

1) Cuộc Minh Trị duy tân từ năm 1868.

2) Giành lấy chính quyền.

3) Cuộc nội chiến ở Mỹ kéo dài từ 1861 đến 1865 giữa các tập đoàn tư sản công nghiệp miền Bắc và các tập đoàn chủ nô miền Nam.

Nó đã cướp hết sản vật, quyền lợi của dân rồi, khi có giặc dã, nó lại bắt dân đi lính chết thay cho nó. Như trong trận Âu chiến 1914-1918, Tây bắt ta đi lính, sau lại gia thuế gia sưu. Đánh được thì nó hưởng lợi quyền, thua thì mình đã chết người lại hại của.

Nói tóm lại là bọn cường quyền này bắt dân tộc kia làm nô lệ, như Pháp với An Nam. Đến khi dân nô lệ ấy chịu không nổi nữa, tỉnh ngộ lên, đoàn kết lại, biết rằng thà chết được tự do hơn sống làm nô lệ, đồng tâm hiệp lực đánh đuổi tụi áp bức mình đi; ấy là dân tộc cách mệnh.

5. Vì sao mà sinh ra giai cấp cách mệnh?

Trong thế giới có 2 giai cấp:

A. Tư bản (không làm công mà hưởng lợi).

B. Công và nông (làm khó nhọc mà chẳng được hưởng).

Như người thợ An Nam, làm ở mỏ than Hòn Gay, một ngày làm 11 giờ, đầu năm làm đến cuối, một ngày chỉ được 3 hào, ăn chẳng đủ ăn, mặc không có mặc, đau không có thuốc, chết không có hòm.

Còn anh chủ mỏ ấy không bao giờ nhúng tay đến việc gì, mà nó ăn sung mặc sướng, lên ngựa xuống xe, mỗi năm lại được mấy mươi triệu đồng lời (năm 1925 nó được 17.000.000 đồng). Thử hỏi 17 triệu ấy thằng chủ Tây làm ra hay là công nhân An Nam làm ra? Dân cày ta ruộng không có mà cày, mà tụi đồn điền Tây nó chiếm hết 122.000 mẫu ruộng tốt ở Trung Kỳ, 150.000 mẫu ở Nam Kỳ.

Dân ta nơi thì không đủ ăn, nơi thì chết đói, mà điền chủ mỗi năm nó bán gạo gần 1.000 triệu quan tiền Tây[1] (năm 1925 nó bán 911.477.000 quan).

Nước ta như vậy, các nước cũng như vậy. Công nông không chịu nổi, đoàn kết nhau đánh đuổi tư bản đi, như bên Nga, ấy là giai cấp cách mệnh; nói tóm lại là giai cấp bị áp bức cách [2] để đạp đổ giai cấp đi áp bức mình.

6. Cách mệnh chia làm mấy thứ?

Cách mệnh chia ra hai thứ:

1) Đồng phrăng Pháp.

2) *Giai cấp bị áp bức cách mệnh,* tức là giai cấp bị áp bức làm cách mạng.

A. Như An Nam đuổi Pháp, Ấn Độ đuổi Anh, Cao [1] đuổi Nhật, Philíppin đuổi Mỹ, Tàu đuổi các đế quốc chủ nghĩa để giành lấy quyền tự do bình đẳng của dân nước mình, ấy là dân tộc cách mệnh.

B. Tất cả dân cày, người thợ trong thế giới bất kỳ nước nào, nòi nào đều liên hợp nhau lại như anh em một nhà, để đập đổ tất cả tư bản trong thế giới, làm cho nước nào, dân nào cũng được hạnh phúc, làm cho thiên hạ đại đồng - ấy là thế giới cách mệnh.

Hai thứ cách mệnh đó tuy có khác nhau, vì dân tộc cách mệnh thì chưa phân giai cấp, nghĩa là sĩ, nông, công, thương đều nhất trí chống lại cường quyền. Còn thế giới cách mệnh thì vô sản giai cấp đứng đầu đi trước. Nhưng 2 cách mệnh ấy vẫn có quan hệ với nhau. Thí dụ: An Nam dân tộc cách mệnh thành công thì tư bản Pháp yếu, tư bản Pháp yếu thì công nông Pháp làm giai cấp cách mệnh cũng dễ. Và nếu công nông Pháp cách mệnh thành công, thì dân tộc An Nam sẽ được tự do.

Vậy nên cách mệnh An Nam với cách mệnh Pháp phải liên lạc với nhau.

7. Ai là những người cách mệnh?

Vì bị áp bức mà sinh ra cách mệnh, cho nên ai mà bị áp bức càng nặng thì lòng cách mệnh càng bền, chí cách mệnh càng quyết. Khi trước tư bản bị phong kiến áp bức cho nên nó cách mệnh. Bây giờ tư bản lại đi áp bức công nông, cho nên công nông là người chủ cách [2].

1. Là vì công nông bị áp bức nặng hơn,

2. Là vì công nông là đông nhất cho nên sức mạnh hơn hết,

3. Là vì công nông là tay không chân rồi, nếu thua thì chỉ mất một cái kiếp khổ, nếu được thì được cả thế giới, cho nên họ gan góc. Vì những cớ ấy, nên công nông là gốc cách mệnh; còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ cũng bị tư bản áp bức, song không cực khổ bằng công nông; 3 hạng ấy chỉ là bầu bạn cách mệnh của công nông thôi.

---

1) Nay là nước Triều Tiên.

2) *Công nông là người chủ cách mệnh,* tức là công nhân và nông dân là lực lượng nòng cốt, là đội quân chủ lực của cách mạng.

8. Cách mệnh khó hay là dễ ?

Sửa cái xã hội cũ đã mấy ngàn năm làm xã hội mới, ấy là rất khó. Nhưng biết cách làm, biết đồng tâm hiệp lực mà làm thì chắc làm được, thế thì không khó. Khó dễ cũng tại mình, mình quyết chí làm thì làm được. Nhưng muốn làm cách mệnh thì phải biết:

A- Tụi tư bản và đế quốc chủ nghĩa nó lấy tôn giáo và văn hoá làm cho dân ngu, lấy pháp luật buộc dân lại, lấy sức mạnh làm cho dân sợ, lấy phú quý làm cho dân tham. Nó làm cho dân nghe đến 2 chữ cách mệnh thì sợ rùng mình.

Vậy cách mệnh trước phải làm cho dân giác ngộ.

B- Dân khổ quá hay làm bạo động, như dân An Nam ở Trung Kỳ kháng thuế, Hà Thành đầu độc, Nam Kỳ phá khám; không có chủ nghĩa, không có kế hoạch, đến nỗi thất bại mãi.

Vậy cách mệnh phải giảng giải lý luận và chủ [1] cho dân hiểu.

C- Dân vì không hiểu tình thế trong thế giới, không biết so sánh, không có mưu chước, chưa nên làm đã làm, khi nên làm lại không [2].

Cách mệnh phải hiểu phong triều thế giới, phải bày sách lược cho dân.

D- Dân thường chia [3] phái này bọn kia, như dân ta người Nam thì nghi người Trung, người Trung thì khinh người Bắc, nên nỗi yếu sức đi, như đũa mỗi chiếc mỗi nơi.

Vậy nên sức cách mệnh phải tập trung, muốn tập trung phải có đảng cách mệnh.

9. Cách mệnh trước hết phải có cái gì ?

Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản

---

1) *Giảng giải lý luận và chủ nghĩa,* tức là giảng giải lý luận cách mạng và chủ nghĩa Mác - Lênin.

2) Tức là không biết nắm thời cơ cách mạng.

3) Dân thường bị chia rẽ (do âm mưu của bọn thực dân là chia rẽ để dễ cai trị).

giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam.

Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin.

LỊCH SỬ CÁCH MỆNH MỸ

l. Lịch sử Mỹ thế nào ?

Thế kỷ thứ 14 về trước, chưa ai biết Mỹ ở đâu. Đến năm 1492, người buôn tên là Christophe Colomb đi tàu buôn muốn qua Ấn Độ, nhưng đi lạc đường, may lại gặp châu Mỹ. Dân xứ ấy là loài da đỏ, chỉ đi săn bắn không biết buôn bán và làm nghề.

Từ lúc Colomb tìm ra châu Mỹ, thì người các nước bên Âu tràn qua đấy làm ăn. Người da trắng muốn bắt người da đỏ làm nô lệ, nhưng nó không chịu làm, thì chúng giết mòn giết mỏi người da đỏ đi, rồi bắt người da đen bên Phi qua làm cho chúng nó.

Người Âu qua Mỹ thì nước nào cũng có, nhưng đông nhất là người Anh (3.000.000 người). Vì vậy, Anh giành Mỹ làm thuộc địa.

2. Vì sao mà Mỹ làm cách mệnh ?

Thổ sản Mỹ rất giàu, đồng, sắt, than, bông, lúa, trâu bò, vân vân, vật gì cũng nhiều. Anh thì tham, muốn hốt về cho mình cả, cho nên đặt ra 3 phép như sau này:

1. Có bao nhiêu thổ sản, Mỹ phải cung cấp cho Anh hết, không được bán cho các nước khác.

2. Dân Mỹ không được lập ra lò máy và hội buôn bán.

3. Các nước không được vào buôn bán với Mỹ, chỉ Anh được buôn bán mà thôi.

Vì 3 điều ấy, lại thêm thuế má nặng nề, làm cho kinh tế Mỹ rất khốn đốn, nên từ năm 1770, dân Mỹ tức mình "tẩy chay" Anh.

3. Phong triều ấy kết quả ra thế nào ?

Phong triều "tẩy chay" giắc dai đến 5 năm. Anh đem lính qua dẹp, và bắt những người cầm đầu làm tội. Mỗi lần bắt một người cầm đầu, thì dân càng tức giận thêm. Đến năm 1775, khi lính Anh

bắt mấy người cầm đầu nữa, dân kéo nhau ra cứu, lại bị lính Anh giết chết 9 người. Việc này như lửa rơi vào thuốc súng, dân tức quá thì nổ, sống chết cũng quyết đuổi được Chính phủ Anh mới thôi.

Cách một năm sau, đến ngày 4 tháng 7 năm 1776 thì cách mệnh được và Mỹ tuyên bố độc lập[51], và nước Mỹ thành ra nước cộng hoà.

Bây giờ Mỹ có 48) và 110.000.000 dân.

4. Ý nghĩa cách mệnh Mỹ với cách mệnh An Nam thế nào?

l. Chính sách Pháp đối với An Nam bây giờ xấu hơn Anh đối với Mỹ trước, vì Pháp đã vơ vét hết của cải dân ta, đã ngăn cấm dân ta làm việc này việc khác; nó lại bắt dân ta hút thuốc phiện và uống rượu. Anh chỉ ham tiền Mỹ, Pháp đã ham tiền lại muốn làm mất nòi, mất giống An Nam đi. Thế mà dân An Nam còn chưa học Mỹ mà làm cách mệnh!

2. Trong lời tuyên ngôn của Mỹ có câu rằng: "Giời sinh ra ai cũng có quyền tự do, quyền giữ tính mệnh của mình, quyền làm ăn cho sung sướng ... Hễ Chính phủ nào mà có hại cho dân chúng, thì dân chúng phải dập đổ Chính phủ ấy đi, và gây lên Chính phủ khác ...".

Nhưng bây giờ Chính phủ Mỹ lại không muốn cho ai nói đến cách mệnh, ai đụng đến Chính phủ!

3. Mỹ tuy rằng cách mệnh thành công đã hơn 150 năm nay, nhưng công nông vẫn cứ cực khổ, vẫn cứ lo tính cách mệnh lần thứ hai.

Ấy là vì cách mệnh Mỹ là cách mệnh tư bản, mà cách mệnh tư bản là chưa phải cách mệnh đến nơ).

Chúng ta đã hy sinh làm cách mệnh, thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc.

---

1) 48 tỉnh: 48 bang, khi cách mạng tư sản Mỹ bùng nổ (1776) ở Mỹ có khoảng 3 triệu dân với 13 bang, hiện nay có khoảng 200 triệu dân với 52 bang.

2) Cách mạng tư sản là cuộc cách mạng không triệt để.

CÁCH MỆNH PHÁP

l. Vì sao Pháp có phong triều cách mệnh?

Hồi thế kỷ thứ 18, vua thì kiêu xa dâm dật, quý tộc và bọn cố đạo thì hoành hành; thuế nặng dịch phiền, dân tình khốn khổ.

Phần thì Canađa và Ấn Độ, nguyên là thuộc địa Pháp, nay bị Anh vơ mất.

Phần thì những người học thức như ông Môngtexkiơ (1755), Vônte và Rutxô (1778) tuyên truyền chủ nghĩa tự do bình đẳng[52].

Phần thì phong triều cách mệnh Anh (ông Krômven chém vua Anh và lập cộng hoà chính phủ năm 1653) còn mới, và phong triều dân chủ Mỹ (1776) vừa qua.

Nhất là vì tư bản mới bị tụi phong kiến ngăn trở, dân thì bị vua, quý tộc và cố đạo áp bức. Vậy nên tư bản mới liên hiệp với học trò, dân cày và người thợ để phá phong kiến.

2. Cách mệnh Pháp khởi từ bao giờ?[53]

Vua thấy dân chộn rộn, thì bắt bớ những người tuyên truyên và tổ chức. Dân thấy vậy thì tức quá, đến ngày 14 tháng 7 năm 1789 kéo nhau đến phá khám lớn (Baxti)[54]. Vua đem lính về giữ kinh đô; dân lại tổ chức cách mệnh đội để phòng chống lại. Vua lui ra ở tại tỉnh Vécxây.

Ngày 5 tháng 10 năm ấy, thợ thuyền đàn bà con gái Pari kéo nhau đến Vécxây bắt vua về khai hội, và ký tờ tuyên ngôn:

l. Là bỏ chế độ phong kiến, giải phóng nông nô.

2. Là đem của các nhà thờ đạo làm của Nhà nước.

3. Là cho dân tự do làm báo, tổ chức, vân vân.

4. Là lập hiến pháp, nghĩa là vua không được chuyên quyền.

1792, vì vua cầu cứu với ngoại quốc và thông với bọn phản cách mệnh, dân mới bỏ vua mà lập ra cộng hoà.

1793, ngày 21 tháng l làm án vua và vợ con vua là phản quốc [1], rồi đem ra chém.

3. Các nước Âu châu đối với cách mệnh Pháp thế nào?

Dân các nước thì đều mừng thầm và tán thành. Nhưng vua và quý tộc các nước thì sợ dân mình bắt chước dân Pháp, cho nên bên ngoài chúng nó liên binh đánh cách mệnh mà bên trong thì giúp cho tụi phản cách mệnh.

Dân Pháp tuy lương thực ít, súng ống thiếu, nhưng chỉ nhờ gan cách mệnh mà trong dẹp nội loạn, ngoài phá cường quyền. Hồi ấy lính cách mệnh gọi là "lính không quần"[2], người không có nón, kẻ không có giày, áo rách quần tua, mặt gầy bụng đói. Thế mà lính ấy đến đâu, thì lính ngoại quốc thua đấy, vì họ gan liều hy sinh quá, không ai chống nổi.

Thế thì biết: một người cách mệnh có gan, hơn một ngàn người vô chí.

4. Pháp cách mệnh đến mấy lần?

Năm 1792 đến 1804 Cộng hoà lần thứ 1. Năm 1804 Napôlêông phản cách mệnh lên làm hoàng đế.

Năm 1814 các nước đánh Napôlêông thua rồi đem dòng vua cũ lên ngôi đến 1848.

Năm 1848 lại cách mệnh lần thứ [3].

Năm 1852 cháu Napôlêông lại phản cách mệnh lên làm vua.

Năm 1870 nhân thua Đức, Napôlêông thứ 3 bỏ chạy, Pháp lại lập lên Cộng hoà lần thứ 3.

5. Pari Công xã (Commune de Paris) là gì[55]?

Năm 1871 vua Pháp thua chạy rồi, lính Đức tới vây kinh đô

1) Kẻ phản bội Tổ quốc.

2) Quân đội cách mạng Pháp thành lập năm 1793, gồm phần lớn là nông dân và thợ thủ công nghèo. Họ không được trang bị quần ngắn như quân đội của bọn quý tộc.

3) Chỉ cuộc cách mạng tư sản Pháp lần thứ 2, nổ ra tháng 2 năm 1848.

Pháp là Pari. Tư bản Pháp cắt 2 tỉnh cúng cho Đức để cầu hoà. Vì giặc giã mà chết nhiều người, hại nhiều của. Dân không bánh ăn, thợ không công làm. Ngày 18 tháng 3, thợ thuyền Pari nổi lên làm cách mệnh cộng sản (Công xã).

Vì thợ thuyền còn non nớt, tổ chức không khéo, vả lại Đức giúp cho tư bản Pháp đánh lại thợ thuyền, nên cuối tháng 5 thì cách mệnh thất bại.

6. Mục đích Công xã ấy thế nào?

Khi vừa lấy được Pari rồi, thì Công xã lập lên Chính phủ dâ[1] và tuyên bố rằng Công xã sẽ thực hành những việc này:

1. Bao nhiêu cơ quan sinh sả[2] riêng đều đem làm của công.

2. Tất cả trẻ con trong nước, bất kỳ con trai con gái, đều phải đi học. Học phí Nhà nước phải cho.

3. Dân có quyền tự do tổ chức, làm báo, khai hội, xuất dương, v.v..

4. Bất kỳ đàn ông đàn bà, ai cũng được quyền chính trị, tuyển cử và ứng cử.

5. Chính phủ tự dân cử lên, và dân có quyền thay đổi Chính phủ.

7. Kết quả Công xã ra thế nào?

Tư bản Pháp khi ấy như nhà cháy 2 bên, bên thì Đức bắt chịu đầu, bên thì cách mệnh nổi trước mắt. Tư bản Pháp thề chịu nhục với Đức, chứ không chịu hoà với cách mệnh. Đức thấy cách mệnh cũng sợ, cho nên hết lòng giúp tư bản Pháp đánh lại cách mệnh. Lúc Pháp vừa hàng, thì Đức bắt bỏ hết lính, chỉ cho 40.000 [3] mà thôi. Khi cách mệnh nổi lên, Đức lại cho phép tư bản Pháp thêm lên 100.000 lính để dẹp cách mệnh.

Xem vậy thì hiểu rằng: "Tư bản không có Tổ quốc".

Dẹp được cách mệnh rồi thì tư bản ra sức báo thù. Nó giết hết

1) Tức là Chính phủ của nhân dân.

2) Cơ sở sản xuất.

3) "Culít": Cảnh sát.

30.000 người cả đàn ông, đàn bà, người già, trẻ con. Nó đày 28.000 người. Nó bắt giam 650 đứa trẻ con, 850 người đàn bà, 37.000 người đàn ông.

8. Cách mệnh Pháp đối với cách mệnh An Nam thế nào?

a) Trong 3 lần cách mệnh, 1789, 1848, 1870, đều vì dân can đảm nhiều, nhưng trí thức ít, cho nên để tư bản nó lợi dụng.

b) Pari Công xã vì tổ chức không khéo và vì không liên lạc với dân cày, đến nỗi thất bại.

c) Tư bản nó dùng chữ Tự do, Bình đẳng, Đồng bào để lừa dân, xúi dân đánh đổ phong kiến. Khi dân đánh đổ phong kiến rồi, thì nó lại thay phong kiến mà áp bức dân.

d) Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hoà và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước [1] công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa. Cách mệnh đã 4 lần rồi, mà nay công nông Pháp hẵng còn phải mưu cách mệnh lần nữa mới hòng thoát khỏi vòng áp bức. Cách mệnh An Nam nên nhớ những điều ấy.

9. Cách mệnh Pháp làm gương cho chúng ta về những việc gì?

Cách mệnh Pháp dạy cho chúng ta:

1. Dân chúng công nông là gốc cách mệnh, tư bản là hoạt đ[2], khi nó không lợi dụng được dân chúng nữa, thì nó phản cách mệnh.

2. Cách mệnh thì phải có tổ chức rất vững bền mới thành công.

3. Đàn bà trẻ con cũng giúp làm việc cách mệnh được nhiều.

4. Dân khí mạnh thì quân lính nào, súng ống nào cũng không chống lại.

5. Cách mệnh Pháp hy sinh rất nhiều người mà không sợ; ta muốn làm cách mệnh thì cũng không nên sợ phải hy sinh.

1) Tước đoạt.

2) Kẻ theo chủ nghĩa cơ hội.

LỊCH SỬ CÁCH MỆNH NGA

l. Nguyên do cách mệnh Nga từ đâu ra?

Nga là một nước rất rộng, nửa nằm về châu Á, nửa nằm về châu Âu. Dân Nga hơn 90 phần là dân cày, không đầy l0 phần là thợ thuyền. Khi trước theo chế độ nông nô, nghĩa là bao nhiêu đất ruộng và dân cày đều ở dưới quyền địa chủ. Địa chủ xem nông nô như súc vật, nó cho sống được sống, nó bắt chết phải chết, khi nó cần tiền, thì nó đem nông nô đi bán như bán trâu bán bò. Nông dân không được bỏ xứ này qua xứ khác.

Chừng nửa thế kỷ thứ 19, tư bản mới hơi phát đạt, nó vừa mở lò máy, nó cần người làm công, nó mới vận động bỏ chế độ nông nô để cho dân cày tới làm với nó, đến năm 1861, chế độ nông nô mới bỏ.

Tư bản mới và địa chủ từ đấy mới sinh hiểm khích to, mà phong triều cách mệnh công nông cũng từ đấy mọc ra.

2. Nông nô được giải phóng rồi thì làm gì?

Được giải phóng rồi, người thì ra thành phố làm công, người thì ở lại làm ruộng.

Đi làm công thì tiền công ít, giờ làm nhiều, phải làm nô lệ cho tư bản, ở lại cày thì đất ruộng ít, trâu bò thiếu, phải chịu lòn tụi phú [1]. Dân tiếng tự do tuy được, kỳ thực cứ kiếp nô lệ: người thợ thì cực khổ, dân cày cũng chẳng sướng hơn.

Những người có lòng cách mệnh thì lập ra đảng để liên hiệp dân cày lại, nhưng mà không chú ý đến thợ thuyền.

Năm 1875 mới có đảng cách mệnh gọi là "Công nhân giải phóng". Năm 1878 lại có một đảng mới gọi là "Công đảng".

Nhưng hai đảng ấy người ít sức hèn, lại bị Chính phủ bắt bớ nhiều, sau hoá ra đảng kịch liệt, chỉ lo đi ám sát vua và các quan.

3. Kết quả hai đảng ấy ra thế nào?

Ám sát là làm liều, và kết quả ít, vì giết thằng này còn thằng

l) Tức là phải chịu luồn cúi bọn nhà giàu.

khác, giết sao cho hết? Cách mệnh thì phải đoàn kết dân chúng bị áp bức để đánh đổ cả cái giai cấp áp bức mình, chứ không phải chỉ nhờ 5, 7 người giết 2,3 anh vua, 9,10 anh quan mà được. Hai đảng ấy tuy hy sinh hết nhiều người, làm được nhiều sự ám sát oanh liệt, nhưng vì đi sai đường cách mệnh, không có sức dân chúng làm nền, cho nên bị Chính phủ trị mãi đến nỗi tan.

Năm 1883, ông Plêkhanốp lập nên đảng "Lao động tự do"[56]. Đảng này tổ chức theo cách ông Mã Khắc Tư[1)] dạy, nghĩa là liên hiệp cả dân cày và thợ thuyền làm cả kinh tế và chính trị cách mệnh.

4. Đảng này làm việc cách mệnh thế nào?

Đảng này lấy thợ thuyền làm cốt cách mệnh, và dân cày phụ vào.

Làm việc rất bí mật.

Ở Nga, ma tà, mật thám nhiều quá, nên cơ quan Đảng phải lập ở ngoại quốc (Luân Đôn).

Năm 1894, ông Lênin vào Đả[2)].

Năm 1898, Đảng khai hội một lần trong nước[57], chẳng may Chính phủ dò ra, bắt hết nhiều đảng viên. Tuy đảng viên bị bắt, nhưng lời tuyên ngôn của Đảng đã truyền khắp cả nước, cho nên phong triều cách mệnh càng ngày càng cao. Những người chưa bị bắt thì hết sức bí mật tuyên truyền và tổ chức.

Ít lâu đổi tên là "Xã hội dân chủ đảng", sau lại đổi tên ra "Cộng sản đảng".

Năm 1904-1905, Nga với Nhật đánh nhau, nhân lúc dân tình xục rục, Đảng ra sức vận động cách mệnh.

5. Sao mà biết dân tình xục rục mà vận động?

a) Trước khi đánh Nhật, vua phỉnh tư bản xuất tiền, lừa họ rằng đánh được thì kinh tế sẽ phát đạt, và tư bản sẽ được lợi to. Sau đánh

1) Tức là Các Mác.

2) Năm 1894, Lênin tham gia vào các nhóm mácxít Nga ở Pêtécbua. Năm 1895, Lênin hợp nhất các nhóm mácxít đó lại thành Liên minh chiến đấu giải phóng giai cấp công nhân. Đó là bước chuẩn bị cho việc thành lập chính đảng của giai cấp công nhân Nga.

thua thì tư bản mất tiền nhiều mà chẳng được gì, cho nên oán vua.

b) Thợ thuyền ghét vua đã sẵn nay vì đánh thua lại bị áp bức thêm, lại thêm ghét vua.

c) Dân cày ghét vua xưa nay, bây giờ đi lính chết chóc nhiều, vả lại thuế má nặng thêm, lòng ghét vua cũng càng ngày càng to.

Ba hạng ấy mục đích tuy khác nhau, nhưng lòng ghét vua thì như nhau. Đảng biết vậy thì vận động cách mệnh đuổi vua.

6. Lúc bấy giờ vua xử trí thế nào?

Vua biết thợ thuyền là hăng hái cách mệnh nhất, thì đặt cách làm cho tư bản, dân cày và thợ thuyền rời nhau. Nó xúi một người cố đạo ra tổ chức công hội, một là để lung lạc thợ thuyền, hai là để dò ai hăng hái thì bắt.

Ngày 9 tháng 1 năm 1905[58], anh cố đạo ấy (tên là Gapông) đem thợ thuyền đến chỗ vua ở thỉnh nguyện. Vì anh ta quên báo trước, và vì vua thấy đông người thì sợ bạo động, nên sai lính ra dẹp, bắn chết mất nhiều người. Gapông bỏ chạy ra ngoại quốc. Thợ thuyền các tỉnh nghe tin ấy thì bãi công và bạo động, lập ra công nhân hội nghị.

Cách mệnh chống nhau với vua và Chính phủ từ tháng 1 đến tháng 10. Vua một đường thì dùng lính dẹp cách mệnh, một đường thì giả tuyên bố lập ra nghị viện cho đại biểu dân bàn việc nước.

7. Vì sao cách mệnh 1905 thua?

1. Vì khi đầu tư bản muốn lợi dụng thợ thuyền đập đổ vua; sau nó thấy thợ thuyền hăng hái quá, nó sợ đập vua rồi lại đập cả nó, cho nên nó phản thợ thuyền mà giúp cho vua.

2. Vì thợ thuyền với dân cày không nhất trí. Khi thợ thuyền nổi lên thì dân cày không theo ngay. Thợ thuyền thua rồi, dân cày mới nổi lên, để cho vua nó trị thợ thuyền rồi nó trở qua trị dân cày.

3. Thợ thuyền chưa có kinh nghiệm nhiều, và tổ chức chưa hoàn toàn.

4. Chưa vận động lính và súng ống khí giới của dân ít quá.

8. Cách mệnh 1905 thất bại, thợ thuyền và Đảng có ngã

lòng không?

Không. Trải qua lần thất bại ấy, Đảng nghiên cứu lại, phê bình lại, sai lầm ở đâu, vì sao mà thất bại? Biết rõ ràng những chỗ khuyết điểm mà sửa sang lại. Cũng như rèn một con dao, thử cắt mới biết chỗ nào sắc, chỗ nào cùn; sau cứ theo chỗ cùn mà mài, con dao mới tốt.

Nhờ chuyến thất bại 1905, thợ thuyền mới hiểu rằng: một là phải tổ chức vững vàng, hai là phải liên lạc với dân cày, ba là phải vận động lính, bốn là không tin được tụi đề [3], năm là biết tư bản và vua cùng là một tụi, muốn đuổi vua thì phải đuổi cả tư bản.

Cách mệnh 1905 thất bại làm gương cho cách mệnh 1917 thành công.

9. Lịch sử cách mệnh 1917 thế nào?

Cách mệnh 1917 có mấy cớ sau này:

1. Khi Âu [2], đế quốc chủ nghĩa Anh và Pháp lợi dụng vua Nga đánh lại Đức. Nhưng vua Nga lôi thôi, tiêu hết nhiều tiền, chết hết nhiều lính, tất bị Đức đánh thua mãi. Các đế quốc chủ nghĩa ấy giận và giúp cho tư bản đẩy vua đi.

2. Tư bản giận vua chỉ tín [3] bọn quý tộc cầm binh quyền, bọn quý tộc lại vô tài, đánh đâu thua đó. Vả tư bản bên Nga phần nhiều là chung với tư bản Anh và Pháp; nếu Nga thua Đức, thì chẳng những tư bản Nga, mà tư bản Anh và Pháp cũng nguy; và nếu cứ để vua thì chắc thua. Vậy nên tư bản cũng muốn đẩy vua.

3. Thợ thuyền và dân cày đối với vua như đối với thù địch đã đành.

4. Bọn hoạt đầu[59] nhân cơ hội ấy, thì lợi dụng 2 bọn này đuổi vua cho tư bản Nga và đế quốc chủ nghĩa Anh và Pháp. Tư bản và đế quốc chủ nghĩa lại lợi dụng bọn hoạt đầu.

10. Bọn hoạt đầu làm thế nào?

1) Bọn cải lương, thoả hiệp.

2) Khi cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918) nổ ra.

3) Tin dùng.

Nhân dịp lính chết nhiều, dân gian đói khổ, thợ thuyền thất nghiệp, Chính phủ lôi thôi; bọn hoạt đầu xúi dân rằng bây giờ cách mệnh đuổi vua đi, thì ruộng đất sẽ về dân cày, công xưởng sẽ về người thợ, nhân dân sẽ được quyền Chính [1], chiến tranh sẽ hoá ra hoà bình.

Chẳng ngờ lúc tháng 2 đuổi vua đi rồi, tụi hoạt đầu và tụi tư bản lên cầm chính quyền, bao nhiêu lời nguyền ước chúng nó quên hết. Chúng nó cứ bắt lính đi đánh; ruộng đất cứ ở tay địa chủ, lò máy cứ ở tay nhà giàu; công nông cũng không được dự vào Chính phủ.

11. Sao Đảng Cộng sản không ra tay làm?

Khi cách mệnh đuổi vua, Đảng Cộng sản vẫn đứng đầu dân chúng. Nhưng lúc ấy đảng viên hẵng còn ít, và hoàn cảnh chưa đến, nên chưa giựt lấy chính quyền[60].

Cách mệnh xong lúc tháng 2. Từ tháng 2 đến tháng 4, dân nhiều người còn tưởng rằng Chính phủ mới chưa kịp thi hành những việc lợi dân, vì chưa có thì giờ.

Đến tháng 4 thì ông Lênin và nhiều đồng chí ở ngoại quốc về. Từ tháng 4 đến tháng 11, Chính phủ mới thì mỗi ngày mỗi lộ mặt phản cách mệnh ra. Còn đảng viên cộng sản phần thì đi tuyên truyền cho dân rằng: "Đấy, các anh xem đấy, tụi hoạt đầu là thầy tớ của tư bản và đế quốc chủ nghĩa, chúng nó chẳng hơn gì vua...", làm cho ai cũng oán Chính phủ mới, phần thì lòn vào nông, công, binh, tổ chức bí mật để thực hành cộng sản cách mệnh.

12. Cộng sản cách mệnh thành công bao giờ?

Cuối tháng 10, đâu cũng có tổ chức cả rồi, ai cũng muốn cử sự. Nhưng ông Lênin bảo: "Khoan đã! Chờ ít bữa nữa cho ai ai cũng phản đối Chính phủ, lúc ấy sẽ cử sự". Đến ngày 5 tháng 11, chính phủ khai hội để ban bố phép [1] mới, mà phép luật ấy thì lợi cho tư bản mà hại cho công, nông. Ông Lênin nói với đảng viên rằng:

1) Được tham gia chính quyền, được dự vào chính phủ.

1) Pháp luật.

Mồng 6 cử sự thì sớm quá, vì dân chưa biết hết luật lệ xấu ấy, mà chưa biết luật lệ ấy thì chưa ghét Chính phủ lắm. Mồng 8 cử sự thì muộn quá vì khi ấy thì Chính phủ đã biết rằng dân oán và đã phòng bị nghiêm nhặt rồi.

Quả nhiên ngày mồng 7 Đảng Cộng sản hạ lịnh cách mệnh, thì thợ thuyền ào đến vây Chính phủ, dân cày ào đến đuổi địa chủ. Chính phủ phái lính ra dẹp, thì lính ùa theo thợ thuyền mà trở lại đánh Chính phủ.

Từ bữa ấy, Chính phủ hoạt đầu bỏ chạy, Đảng Cộng sản cầm quyền, tổ chức ra Chính phủ công, nông, binh, phát đất ruộng cho dân cày, giao công xưởng cho thợ thuyền, không bắt dân đi chết cho tư bản và đế quốc chủ nghĩa nữa, ra sức tổ chức kinh tế mới, để thực hành chủ nghĩa thế giới đại đ[1].

13. Cách mệnh Nga đối với cách mệnh An Nam thế nào?

Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công, và thành công đến nơ[1], nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật, không phải tự do và bình đẳng giả dối như đế quốc chủ nghĩa Pháp khoe khoang bên An Nam. Cách mệnh Nga đã đuổi được vua, tư bản, địa chủ rồi, lại ra sức cho công, nông các nước và dân bị áp bức các thuộc đ[1] làm cách mệnh để đập đổ tất cả đế quốc chủ nghĩa và tư bản trong thế giới.

Cách mệnh Nga dạy cho chúng ta rằng muốn cách mệnh thành công thì phải dân [1] (công nông) làm gốc, phải có đảng vững bền, phải bền gan, phải hy sinh, phải thống nhất. Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mã Khắc Tư và Lênin.

2) Thực hiện chủ nghĩa cộng sản trên toàn thế giới.

3) Thành công triệt để.

4) Lại ra sức giúp đỡ công nông các nước và nhân dân bị áp bức ở các thuộc địa.

5) Thì phải lấy dân chúng.

QUỐC TẾ

l. Quốc tế là gì?

Quốc tế nghĩa là người trong thế giới, bất kỳ nước nào, dân tộc nào, có một mục đích như nhau, hợp sức nhau để làm cho đến mục đích ấy. Như các đế quốc chủ nghĩa liên lạc nhau, để đè nén các dân hèn yếu (Pháp liên lạc Tây Ban Nha để đánh lấy An Nam, liên lạc Nhật để giữ An Nam, v.v.), các tư bản liên lạc nhau để tước bá[1] thợ thuyền (tư bản Anh, Mỹ, Pháp liên lạc tư bản Đức để tước lục thợ thuyền Đức). Thợ thuyền các nước liên lạc nhau để chống lại tư bản (như Hội công nhân quốc tế). Chúng ta cách mệnh thì cũng phải liên lạc tất cả những đảng cách mệnh trong thế giới để chống lại tư bản và đế quốc chủ nghĩa (như Đệ tam quốc tế).

2. Đệ tam quốc tế là gì?

Muốn biết Đệ [2] quốc tế là gì thì trước phải biết Đệ nhất[3] và Đệ nhị[4] quốc tế đã.

Từ thế kỷ thứ 18 trở xuống, tư bản phát đạt rất thịnh, áp bức thợ thuyền rất nghiệt. Thợ thuyền bị áp bức thì tính cách phản đối, như tổ chức công hội, bãi công bạo động. Nhưng hầu hết tỉnh nào biết tỉnh nấy, nước nào biết nước nấy mà thôi, cho nên sức không mạnh lắm.

Năm 1840, thợ thuyền Đức lập ra một hội tên là *Nhân quyền hội*[6]. Khẩu hiệu hội ấy là "Trong thế giới ai cũng là anh em". Khẩu hiệu ấy tuy rất hay, nhưng không đúng; vì bọn tư bản đế quốc chủ nghĩa và phản cách mệnh là thù địch dân, gọi chúng là anh em sao được?

Năm 1847, hội ấy sửa lại gọi là: *"Toàn thế giới vô sản giai cấp liên hợp hội"* - ông Mã Khắc Tư và Ăngghen vào hội ấy. Nhờ hai ông ấy sửa chương trình lại, và khẩu hiệu hội là: Đập đổ tư bản chủ nghĩa - thợ thuyền giành lấy chính quyền - làm cho thế giới đại đồng.

3. Hai hội ấy có phải Đệ nhất và Đệ nhị quốc tế không ?

1) Bóc lột.

2), 3), 4) Trong nguyên bản thường viết là Đệ 3, Đệ 1, Đệ 2.

Không phải. Trong hai hội tuy là có thợ thuyền Đức và Pháp vào, nhưng hội viên có ít, sức lực còn yếu chưa làm được gì. Chẳng qua là biểu hiện rằng thợ thuyền các nước phải giúp đỡ lẫn nhau và bắc cầu cho Đệ nhất quốc tế đi.

Năm 1862 ở kinh đô Anh (Luân Đôn) mở hội đấu xảo; tư bản các nước phái công nhân qua xem xét các máy móc. Công nhân lại gặp những người cách mệnh Nga, Đức, Pháp và các nước khác trốn ở đấy. Hai bên bàn bạc lập một hội cách mệnh thế giới.

Năm 1864, (ngày 28 tháng 2) mới lập thành Đệ nhất quốc tế.

4. Đệ nhất quốc tế làm được những việc gì?

Hội ấy tuy có nhiều người cầm đầu thợ thuyền các nước vào, nhưng vì:

1. Người còn ít,

2. Các công hội trong các nước còn yếu,

3. Không thống nhất cho nên chỉ tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản mà chưa làm được việc gì lớn.

Không thống nhất là vì ba chủ nghĩa chống nhau:

1. Chủ nghĩa Prudông (Pháp);

2. Chủ nghĩa Bacunin (Nga);

3. Chủ nghĩa Mã Khắc Tư (Đức) (xem đoạn chủ nghĩa cách mệnh thì biết).

Sau lúc Pari Công xã thất bại, nhiều hội viên bị chết, bị bắt, nên hội tiêu điều dần, đến 1874 thì giải tán.

Đệ nhất quốc tế tuy chỉ đứng được 10 năm, nhưng khẩu hiệu *"Toàn thế giới vô sản giai cấp liên hợp lại!"* và tinh thần cách mệnh vẫn truyền đến bây giờ. Tuy không làm được nhiều việc, nhưng cái công dạy cho thợ thuyền trong thế giới cách mệnh thì rất to.

5. Đệ nhị quốc tế lập ra bao giờ?

Đệ nhất quốc tế tan rồi, vừa lúc tư bản phát đạt lắm, công nhân vận động cũng phát đạt. Trong khoảng 15 năm ấy (từ 1874 đến 1889)[62] trong các nước nhiều công đảng mới lập lên, và đảng nào cũng hiểu rằng thợ thuyền các nước không giùm giúp lẫn nhau không được.

Năm 1889, đại biểu các công đảng hội nhau tại Pari, lập nên Đệ nhị quốc tế.

Từ khi lập ra, đến ngày Âu chiến, khai hội chín lần bàn bạc và nghị định:

1. Nước nào cũng phải lập ra công đảng;

2. Mỗi năm đến ngày 1 tháng 5 thợ thuyền cả thế giới đều bãi công và thỉnh nguyện;

3. Tất cả công nhân trong thế giới ra sức đòi chỉ làm công mỗi ngày 8 giờ mà thôi;

4. Phản đối đế quốc chủ nghĩa;

5. Các công đảng không được đề huề với tư bản;

6. Đảng viên không được ra làm quan với tư bản;

7. Nếu các đế quốc chủ nghĩa có sự chiến tranh, thì thợ thuyền các nước đều bãi công và kiếm phương thế cách mệnh để giành lấy chính quyền. Vấn đề thứ 7, thì trong 9 lần đại hội đều có bàn đến cả[63].

6. Vì sao Đệ nhị quốc tế lại hay bàn đến việc chiến tranh?

Vì đương lúc ấy, tư bản đã hoá ra đế quốc chủ nghĩa, và đế quốc chủ nghĩa, hoặc thường đánh nhau để giành thuộc địa, hoặc đi cướp nước hèn yếu làm thuộc địa. Như:

Năm 1894, Nhật đánh với Tàu;

1895, Anh đánh với Êgýptơ[1)];

1896, Pháp đánh với Mađagátxca;

1898, Mỹ đánh với Tây Ban Nha để giành Philíppin;

1900, Anh đánh với Nam Phi châu;

1904, Nga đánh với Nhật;

---

1) Nước Ai Cập.

1912, các nước Bancă[1] đánh nhau, vân vân.

Thợ thuyền thấy vậy, thì biết rằng các đế quốc chủ nghĩa sẽ có trận đánh nhau lớn. Vậy nên kiếm cách dè trước đi. Ngờ đâu đến 1914 các nước đánh nhau, thì phần nhiều hội viên Đệ nhị quốc tế đều giúp cho đế quốc chủ nghĩa, công đảng nước nào cũng khuyên dân đi đánh.

7. Đệ tam quốc tế lập ra từ bao giờ ?

Vì bọn hoạt đầu trong Đệ nhị quốc tế đã phản mục đích hội mà hoá ra chó săn cho tư bản và đế quốc chủ nghĩa, hoá ra phản cách mệnh; những người chân chính cách mệnh như ông Lênin, ông Các Lípnếch, Rôda Luyxămbua, vân v., cho Quốc tế ấy như chết rồi, phải lập ra Quốc tế khác. Năm 1915 và 1916, những người cách mệnh hội nhau tại nước Suít (Thuỵ Sĩ) sắp sửa lập Đệ tam quốc tế, để nối theo chủ nghĩa Đệ nhất quốc tế[2] mà làm cộng sản cách mệnh.

Năm 1917, Nga cách mệnh cộng sản thành công.

Năm 1919, Đệ tam quốc tế thành lập tại kinh đô Nga là Mosku (ngày 6 tháng 3). Khi khai hội lần đầu, có đại biểu đảng cộng sản trong 24 nước dự hội.

Trong lời tuyên ngôn Đệ tam quốc tế xướng rõ ràng rằng:

1. Thế nào cũng đập đổ tư bản chủ nghĩa nhất thiết không đề huề như Đệ nhị quốc tế;

2. Thế nào cũng quyết làm cho chính quyền về tay công nông.

8. Từ khi lập ra đến giờ (đầu năm 1927) Đệ tam quốc tế khai hội mấy lần?

Năm 1920 khai Đại hội lần thứ II[64], có 31 nước dự hội. Tụi hoạt đầu Đệ nhị quốc tế thấy hội này mạnh, muốn xen vào để "theo dóm ăn tàn", cho nên Đại hội đặt ra cách tổ chức rất nghiêm; ai thừa nhận theo 21 điều quy tắc mới được vào. (Xem sau cùng đoạn này).

Năm 1921, Đại hội lần thứ III[65]. Từ lúc có Đệ tam quốc tế, thợ

1) Các nước nằm trên bán đảo Bancăng, gồm: Anbani, Bungari, Nam Tư, Hy Lạp, một phần Thổ Nhĩ Kỳ.

2) Chủ nghĩa Mác mà Quốc tế thứ nhất đi theo.

thuyền các nước chia ra hai phái, phái theo cộng sản (Đệ tam quốc tế), phái theo đề huề (Đệ nhị quốc tế). Vì vậy mà sức kém đi; cho nên Đại hội định rằng khi phấn đấu với tư bản thì hai phái phải hợp sức nhau lại không được chia hai .

Năm 1922, Đại hội lần thứ IV[66]. Nhân cách mệnh phong triều trong các nước rầm rộ, tư bản chủ nghĩa toan cùng đường, chúng nó lập ra đảng [1] phản đối cách mệnh tợn lắm. Đại hội định cách đối đãi đảng ấy.

Năm 1924, Đại hội lần thứ V, có đến 61 nước dự hội. Vì nhiều người lầm tưởng rằng tư bản lại tới hồi thịnh vượng như trước khi Âu chiến. Đại hội đem chứng rõ ràng rằng thịnh vượng ấy là thịnh vượng giả; kỳ thực tư bản trong thế giới gần đến mạt [2], và công nông cách mệnh phải sắp sửa ra tay.

9. Đệ tam quốc tế tổ chức thế nào?

a) Mỗi năm hay cách vài năm, đại hội một lần. Đại hội có quyền đoán định tất cả các việc các đảng trong các nước.

b) Đại hội cử một hội trung ương 24 người. Hội này thay mặt đại hội. Các đảng trong các nước đều phải theo mệnh lịnh Trung ương.

c) Có Thanh niên bộ, để xem về việc vận động thanh niên; Phụ nữ bộ, xem việc vận động phụ nữ; Á - Đông bộ xem về việc cách mệnh các thuộc địa bên Á - Đông. Tuyên truyền, tổ chức, cứu tế v.v., đều có một bộ riêng.

d) Đệ tam quốc tế là một Đảng Cộng sản thế giới. Các đảng các nước là như chi bộ, đều phải nghe theo kế hoạch và quy tắc chung. Việc gì chưa có mệnh lịnh và kế hoạch Đệ tam quốc tế thì các đảng không được làm.

10. Đệ nhất quốc tế và Đệ tam quốc tế giống nhau cái gì?

1) Trong điều kiện tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản, giai cấp tư sản không đủ sức duy trì sự thống trị của chúng bằng phương pháp nghị trường được nữa, mà phải dùng đến những chính sách phát xít: độc tài, khủng bố cùng với chính sách mị dân. Để thực hiện các chính sách đó, giai cấp tư sản ở một số nước đã lập ra những đảng phát xít.

2) Đến lúc cùng đường.

khác nhau cái gì?[67]

Đệ nhất quốc tế với Đệ tam quốc tế khác nhau.

a) Đệ nhất quốc tế nhỏ, Đệ tam quốc tế to;

b) Đệ nhất quốc tế chỉ lý luận, Đệ tam quốc tế đã thực hành;

c) Đệ nhất quốc tế không thống nhất, Đệ tam quốc tế chỉ huy tất cả các đảng cộng sản trong các nước phải theo;

d) Đệ nhất quốc tế chỉ nói: "Thế giới vô sản giai cấp liên hợp"; Đệ tam quốc tế nói thêm "Vô sản giai cấp và dân tộc bị áp bức trong thế giới liên hợp lại". Đệ nhất quốc tế không bắt hội viên giúp dân thuộc địa chống lại đế quốc chủ nghĩa như Đệ tam quốc tế.

Ấy là vì hoàn cảnh hai Quốc tế ấy khác nhau. Như việc dân tộc bị áp bức, Đệ nhất quốc tế nói đến ít, vì lúc ấy đế quốc chủ nghĩa chưa phát đạt mấy. Vả lại, Đệ tam quốc tế sinh ra sau thì có nhiều kinh nghiệm hơn Đệ nhất quốc tế.

Đến như chủ nghĩa làm cách mệnh cho đến nơi, làm cho thế giới đại đồng, thì hai Quốc tế vẫn như nhau; chẳng qua Đệ nhất quốc tế làm không đến nơi, mà Đệ tam quốc tế chắc là làm được, nhờ nay Nga cách mệnh đã thành công để làm nền cho cách mệnh thế giới.

11. Đệ nhị quốc tế và Đệ tam quốc tế khác nhau cái gì?

Đệ nhị quốc tế trước vẫn là cách mệnh, nhưng vì kỷ luật không nghiêm, tổ chức không khéo, để tụi hoạt đầu xen vào nhiều quá; sau hoá ra phản cách mệnh. Hai Quốc tế ấy khác nhau những điều sau này:

Đệ tam quốc tế chủ trương đập đổ tư bản làm thế giới cách mệnh.

Đệ nhị quốc tế chủ trương đề huề với tư bản.

Đệ tam quốc tế giúp dân thuộc địa chống lại đế quốc chủ nghĩa.

Đệ nhị quốc tế giúp đế quốc chủ nghĩa đè nén dân thuộc địa (toàn quyền Varen là hội viên Đệ nhị quốc tế).

Đệ tam quốc tế dạy cho vô sản giai cấp trong thế giới - bất kỳ nòi giống nào, nghề nghiệp gì, tôn giáo gì - hợp sức làm cách mệnh.

Đệ nhị quốc tế xui dân nước này chống dân nước kia, nghề nghiệp này chống nghề nghiệp khác.

12. Đệ tam quốc tế đối với cách mệnh An Nam thế nào?

Xem trong cách tổ chức Đệ tam quốc tế, có đặt ra một bộ riêng, chuyên nghiên cứu và giúp đỡ cho cách mệnh bên Á - Đông.

Xem khẩu hiệu Đệ tam quốc tế, chẳng những rằng "vô sản giai cấp" mà lại thêm câu "... và dân tộc bị áp bức trong thế giới liên hợp lại".

Xem quy tắc Đệ tam quốc tế trong 21 điều, điều thứ 8 nói rằng: "Các đảng cộng sản, nhất là Đảng Cộng sản Pháp ... phải hết sức giúp dân thuộc địa làm cách mệnh".

Xem đương lúc Pháp đánh Marốc và Xyri, vì giúp hai nước ấy mà Đảng Cộng sản Pháp hy sinh mấy mươi đảng viên bị bắt, bị tù, Đảng bị phạt hơn l00 vạn đồng bạc.

Xem cách mệnh Nga giúp cho cách mệnh Tàu, Thổ Nhĩ Kỳ, [l], Mông Cổ.

Lại xem kế hoạch về vấn đề thuộc địa là tự tay ông Lênin làm ra.

Xem những việc ấy thì đủ biết rằng An Nam muốn cách mệnh thành công, thì tất phải nhờ Đệ tam quốc tế.

---

l) Nay là nước Iran.

PHỤ NỮ QUỐC TẾ

l. Vì sao lập ra Phụ nữ quốc tế ?

Ông Các Mác nói rằng: "Ai đã biết lịch sử thì biết rằng muốn sửa sang xã hội mà không có phụ nữ giúp vào, thì chắc không làm nổi. Xem tư tưởng và việc làm của đàn bà con gái, thì biết xã hội tấn bộ ra thế nào ?".

Ông Lênin nói: "Đảng cách mệnh phải làm sao dạy cho đàn bà nấu ăn cũng biết làm việc nước, như thế cách mệnh mới gọi là thành công".

Những lời ấy không phải câu nói lông bông. Xem trong lịch sử cách mệnh chẳng có lần nào là không có đàn bà con gái tham gia. Cách mệnh Pháp có những người như cô học trò Sáclốt Coócđây rút dao đâm chết người tể tướng hung bạo, như bà Luy Misen ra giúp tổ chức Pari Công xã. Khi Nga cách mệnh, đàn bà ra tình nguyện đi lính; sau tính lại lính cách mệnh đàn bà chết hết 1.854 người. Nay cách mệnh Nga thành công mau như thế, đứng vững như thế, cũng vì đàn bà con gái hết sức giùm vào. Vậy nên muốn thế giới cách mệnh thành công, thì phải vận động đàn bà con gái công nông các nước.

Vì vậy Đệ tam quốc tế tổ chức Phụ nữ quốc tế.

2. Lịch sử Phụ nữ quốc tế thế nào ?

Năm 1910, bà Clara Détkin (cộng sản Đức) đề nghị trong Đại hội Đệ nhị quốc tế rằng: Mỗi năm đến *ngày 8 tháng 3* thì làm một ngày phụ nữ vận động gọi là "Ngày đàn bà con gái"[68]. Sau ngày ấy đổi ra một tuần. Khẩu hiệu tuần ấy là: "Đòi quyền tuyển cử cho nữ giới".

Năm 1917, ngày 23 tháng 2, đàn bà ở kinh đô Nga nổi lên "đòi bánh cho con" và đòi "giả chồng chúng tôi lại cho chúng tôi" (vì chồng phải đi đánh). Sự bạo động này làm ngòi cho cách mệnh Nga[69].

Mồng 8 tháng 3 năm 1920, Đệ tam quốc tế phái bà Détkin tổ chức Phụ nữ quốc tế. Khẩu hiệu là: "Đàn bà con gái công nông phải liên hợp với Đệ tam quốc tế, để làm thế giới cách mệnh".

Năm 1923, nữ giới Nga ăn mừng "ngày 8 tháng 3" thì mở 66 nhà nuôi trẻ con, 36 ấu trĩ viên, 18 nhà nuôi đồng tử, 22 nhà thương và nhà nghỉ, 15 nhà nuôi đàn bà sinh cữ, 15 nhà ăn chung cho 10.000 người; 27 nhà hiệp tác xã dùng đến 1.300 người đàn bà làm công, 11 cái công viên có nhà nghỉ cho những người có bệnh.

3. Cách tổ chức của Phụ nữ quốc tế ra thế nào ?

Quy tắc và chương trình thì đại khái cũng như Đệ tam quốc tế. Nhưng bên này thì chỉ chuyên trách về mặt tuyên truyền, tổ chức và huấn luyện đàn bà con gái, và giúp về đường giáo dục trẻ con công nông.

Mỗi đảng cộng sản phải có một bộ phụ nữ, trực tiếp thuộc về Phụ nữ quốc tế. Nhưng đảng viên đàn bà trong các đảng phải theo mệnh lịnh Quốc tế, khi phái để làm việc gì dẫu khó nhọc, nguy hiểm mấy cũng phải làm. Thí dụ: Đảng viên A không phải là làm thợ, nhưng khi Quốc tế bảo phải xin vào làm việc trong lò máy nào để vận động phụ nữ trong ấy, thì tất phải bỏ nghề cũ mà vào làm trong lò máy.

Nói tóm lại là quy tắc rất nghiêm, hành động rất thống nhất, và việc làm cũng rất khó. Vì phần nhiều đàn bà con gái còn có tư tưởng thủ cựu. Tuy vậy, ai cũng hết lòng, cho nên tiến bộ mau. Nhờ Phụ nữ quốc tế mà các đảng cộng sản mới lập ra như đảng ở [1], đảng viên đàn bà mỗi ngày một thêm nhiều.

An Nam cách mệnh cũng phải có nữ giới tham gia mới thành công, mà nữ giới An Nam muốn cách mệnh thì phải theo Phụ nữ quốc tế chỉ bảo.

---

1) Nay là nước Inđônêxia.

CÔNG NHÂN QUỐC TẾ

l. Lịch sử Công nhân quốc tế thế nào ?

Trước phải biết qua lịch sử công nhân vận động, sau sẽ nói đến lịch sử công nhân.

Lịch sử công nhân vận động chia làm 3 thời kỳ: a) trước Âu chiến, b) đương lúc Âu chiến, c) khi Âu chiến rồi.

a) Trước khi Âu chiến: Bên Âu và Mỹ có chừng 16 triệu thợ thuyền có tổ chức và có một hội gọi là "Vạn quốc công hội"[70]. Nhưng 16 triệu người ấy không vào "Vạn quốc công hội" cả. Những đoàn thể vào lại chia ra nhiều phái biệt:

1. *Công đoàn chủ nghĩa*[71] Anh và Mỹ chỉ lo sao thợ thuyền sinh hoạt khá, mà không nói đến đánh đổ tư bản.

2. Vô *chính phủ công đoàn*[72] các nước *, thì không muốn lập chính đảng.

3. *Cải lương chủ nghĩa*[73] thì chủ trương công hội nên giúp chính đảng, nhưng không nên hợp với chính đả[)].

4. *Trung lập chủ nghĩa*[74] chủ trương rằng công nhân không phải là nền cách mệnh.

5. *Cộng sản chủ nghĩa,* chủ trương đập đổ tư bản, công nhân là nền cách mệnh, phải có chính đảng để dắt công hội làm cách mệnh.

Vì mục đích và chủ nghĩa lộn xộn không thống nhất như thế, cho nên hội không có lực lượng.

1* Pháp, Ý, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha- những nước nói tiếng Latinh (T.G).

1) Chủ nghĩa cải lương chủ trương công hội nên giúp đỡ chính đảng nhưng không nên chịu sự lãnh đạo của chính đảng.

b) *Khi Âu chiến:* Hội này đi theo Đệ nhị quốc tế, nghĩa là công hội nước nào giùm tư bản nước ấy.

Vả lại, tiếng là Vạn quốc nhưng chỉ có thợ thuyền Âu và Mỹ, còn thợ thuyền Á, Phi, Úc thì không vào.

c) *Sau khi Âu chiến:* Phần thì thợ thuyền cực khổ, phần thì phong triều cách mệnh Nga, công hội càng ngày càng to. Như:

	Năm 1913	*Năm 1919*
Anh chỉ có	4.000.000 người	8.000.000 người
Pháp chỉ có	1.000.000 người	2.500.000 người
Tất cả các nước:	15.000.000 người	50.000.000 người

Công hội bên Á - Đông cùng rầm rầm rột rột lập lên (Tàu, Nhật, Ấn Độ, Java, Philíppin, vân v.).

2. Phong triều ấy kết quả ra thế nào ?

Tư bản các nước thấy thợ thuyền thịnh thì sợ, và kiếm cách làm cho êm dịu xuống. Năm 1919 có khai đại hội bên kinh đô Mỹ, để giải quyết việc thợ thuyền trong thế giới. Trong hội ấy có đại biểu các chính phủ, các tư bản, và các công hội các nước. Nhưng nó chỉ cho bọn Đệ nhị quốc tế đại biểu cho thợ thuyền. Nước nào công nhân thịnh đã đòi được 8 giờ (như Anh, Pháp), thì đại biểu Chính phủ nước ấy yêu cầu các nước kia cũng phải dùng 8 giờ làm lệ chung (vì sợ tư bản nước kia được lợi hơn tư bản nước nó).

Sau tư bản lập ra hội Vạn quốc, lại lập thêm một bộ công nhân, có 12 đại biểu cho các chính phủ, 6 đại biểu cho tư bản, và 6 đại biểu cho thợ thuyền. Nó lại dắt mấy anh công [)] làm đại biểu thợ thuyền!

3. Tư bản làm như vậy, thợ thuyền các nước có làm gì không ?

Thợ thuyền có 31 quốc tế.

29 quốc tế nghề nghiệp, nghĩa là nghề nghiệp nào có riêng quốc tế nghề nghiệp ấy; 1 quốc tế gọi là Quốc tế Amxtécđam hay là Quốc tế "vàng" và 1 Quốc tế đỏ.

---

1) Những công nhân bị bọn tư sản mua chuộc.

Quốc tế nghề nghiệp có đã lâu, ước chừng 20.000.000 hội viên. Trong 29 quốc tế ấy, nghề sắt to hơn hết (3.000.000 người); hai là nghề than (2.500.000 người); ba là thợ làm nhà máy (2.300.000 người), vân v..

Lúc Âu chiến, các quốc tế ấy cũng tan, Âu chiến rồi lập lại, nhưng vì bọn hoạt đầu cầm quyền, nên công việc không ra gì. Như năm 1921, 1.000.000 người đào than Anh bãi công, vì người đào than Mỹ, Đức và các nước không giúp mà thua. Qua năm 1922, 500.000 thợ đào than Mỹ bãi công, cũng vì không ai giúp mà thất bại. Nói tóm lại là các quốc tế ấy có danh mà không thực.

4. Sao gọi là Quốc tế Amxtécđam hay "vàng"?

Vì Quốc tế ấy lập ra tại Amxtécđam (kinh đô Holă[1]). Trong tiếng mới, phản cách mệnh gọi là sắc vàng; cách mệnh gọi là sắc đỏ.

Năm 1919, các công hội theo Vạn quốc công hội hội nhau tại Amxtécđam lập nên quốc tế này. Khi đầu rất to, nhưng sau nhiều công hội bỏ vào Quốc tế "đỏ", nay chỉ còn lại công hội 23 nước, tất cả 14.400.000 người.

Quốc tế này theo bọn hoạt đầu Đệ nhị quốc tế đề huề với tư bản, và làm nhiều việc phản cách mệnh như:

1. Tán thành điều ước Vécxây của đế quốc chủ nghĩa bắt Đức đền 400.000.000 đồng.

2. Đức không gánh nổi, Mỹ lại đặt ra kế hoạch (gọi là kế hoạch Đạo Uy Tư)[2] bắt Đức đền 132.000.000.000 đồng. Kế hoạch ấy làm cho công nông Đức hoá ra nô lệ. Thế mà Quốc tế Amxtécđam cũng tán thành.

3. Không cho công hội Nga vào.

4. Phản đối cộng sản rất kịch liệt, mà đối đãi fasity rất hoà bình.

5. Sao gọi là Công nhân quốc tế đỏ?

Quốc tế vàng đã đề huề với tư bản, những thợ thuyền thiệt cách mệnh kiếm cách lập ra quốc tế khác.

1) Nước Hà Lan.

2) Kế hoạch Đaoxơ.

Năm 1920, tháng 7, chỉ có mấy người công nhân Anh, Ý, Pháp, Tây Ban Nha và Nga lập ra một cơ quan tuyên truyền. Năm 1921, đã có nhiều công hội bỏ bên kia theo bên này. Ngày mồng 3 tháng 7 năm ấy, Công nhân quốc tế đỏ lập thành.

Quốc tế đỏ theo về Đệ tam quốc tế, quyết làm giai cấp cách mệnh.

Nay đã có công hội 47 nước, 11.750.000 người vào.

Tháng 5 năm 1925 bên Á - Đông có những hội này vào:

Tàu:	450.000 người;
Java:	35.000 người;
Nhật:	32.000 người;
Cao Ly:	5.000 người;
Mông Cổ:	5.000 người;
Thổ Nhĩ Kỳ:	20.000 người;
An Nam:	000.

6. Quốc tế này đối với cách mệnh An Nam ra thế nào?

Xem trong Quốc tế vàng không có công hội Á - Đông nào, Quốc tế đỏ thì có 8 hội thuộc địa vào.

Khi thợ thuyền Java, Ấn Độ bãi công, Quốc tế đỏ hết sức giúp, còn Quốc tế vàng thì không ngó đến.

Ở Tàu, thợ thuyền Thượng Hải bãi công hơn ba tháng, Hương Cảng bãi công hơn một năm rưỡi, Quốc tế đỏ đã giúp tiền bạc, phái đại biểu qua yên ủi, lại sức công hội các nước giúp. Quốc tế vàng chỉ in vài tờ tuyên ngôn rồi làm thinh.

Vậy thì biết nếu thợ thuyền An Nam biết tổ chức thì chắc Quốc tế đỏ sẽ hết lòng giúp cho mà làm cách mệnh. Nhưng muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã.

CỘNG SẢN THANH NIÊN QUỐC TẾ

l. Cộng sản thanh niên quốc tế là gì?

Trước kia các đảng xã hội có xã hội thanh niên. Các đảng ấy hợp lại thành Đệ nhị quốc tế. Các thanh niên ấy cũng tổ chức xã hội thanh niên quốc tế. Khi Âu chiến, phần nhiều Đệ nhị quốc tế đề huề với tư bản, phần nhiều thanh niên cũng bắt chước đề huề.

Những người thanh niên cách mệnh bỏ hội ấy cũng như ông Lênin và những người chân chính cách mệnh bỏ Đệ nhị quốc tế ra.

Đến tháng 11 năm 1919, thanh niên cách mệnh 14 nước bên Âu hội nhau tại kinh đô Đức (Béclin) lập ra Thanh niên cộng sản quốc tế.

Năm 1921 đã có thanh niên 43 nước theo vào.

Năm 1922 có 60 nước, 760.000 người.

Năm 1924 có hơn 1.000.000 (thanh niên Nga chưa tính).

2. Cách tổ chức ra thế nào?

Đại khái cũng theo cách tổ chức Đệ tam quốc tế. Thanh niên các nước khai đại hội, cử ra một Hội uỷ viên; Hội uỷ viên có quyền chỉ huy, và thanh niên các nước nhất thiết phải theo kế hoạch và mệnh lịnh Hội ấy.

Ước chừng 16 đến 20 tuổi thì được vào Hội. Trước lúc Hội cho vào thì phải thử, công nông binh thì 6 tháng, học trò thì một năm, làm việc được mới cho vào.

Mục đích Cộng sản thanh niên quốc tế là:

1. Thế giới cách mệnh;

2. Bồi dưỡng nhân tài để đem vào đảng cộng sản;

3. Chuyên môn về việc kinh tế và chính trị, có quan hệ cho bọn thanh niên;

4. Tuyên truyền tổ chức và huấn luyện bọn thợ thuyền, dân cày, học trò và lính thanh niên;

5. Phản đối mê tín và khuyên dân chúng học hành.

3. Cách họ làm việc thế nào?

Nơi thì công khai, như ở Nga, nơi thì nửa công khai, nửa bí mật, như ở các nước Âu và Mỹ. Nơi thì bí mật như ở Cao Ly, Java, vân v..

Tuyên truyền và tổ chức thì theo hoàn cảnh. Phái người lòn vào ở lính, hoặc làm thợ, hoặc đi cày, hoặc đi học để tuyên truyền và kiếm đồng chí. Khi kiếm được một ít đồng chí rồi, thì lập ra tiểu tổ chức. Hoặc lập ra hội học, hội đá bóng, hội chơi để lựa đồng chí và tuyên truyền.

Nói tóm lại là họ làm hết cách để xen vào trong dân chúng.

4. Cộng sản thanh niên đối với đảng cộng sản thế nào?

Hai đoàn thể ấy đối với nhau theo cách dân chủ, nghĩa là khi đảng có việc gì thì có đại biểu thanh niên dự hội. Khi thanh niên có việc gì, thì đảng có đại biểu dự hội. Đường chính trị, thì thanh niên theo đảng chỉ huy, nhưng việc làm thì thanh niên độc lập. Nếu đảng và thanh niên có việc gì không đồng ý, thì có hai Quốc tế xử phân.

Thanh niên cộng sản làm việc rất nỗ lực, rất hy sinh.

Trong năm 1921, Thanh niên Đức chỉ có 27.000 người và Mỹ chỉ có 4 chi bộ. Năm 1922 Đức đã có đến 70.000 người và Mỹ có đến 150 chi bộ.

Hồi lính Pháp đóng bên Đức, vì việc tuyên truyền, phản đối đế quốc chủ nghĩa trong quân đội, mà 120 thanh niên Pháp bị tù. Hồi Pháp đánh Marốc, cũng vì việc ấy mà hơn 3.000 thanh niên Pháp bị bắt.

Việc bãi khoá ở Tàu, vận động ở Cao Ly, bãi công ở Anh, vân v., Cộng sản thanh niên đều đứng đầu đi trước.

Ngày nay nước nào cũng có thanh niên cộng sản.

Chỉ An Nam là chư[1]*!*

---

1) Lúc đó ở Việt Nam chưa thành lập Đoàn Thanh niên cộng sản.

QUỐC TẾ GIÚP ĐỠ

l. Quốc tế giúp đỡ là gì?[75]

Năm 1921, nước Nga bị đại hạn mất mùa, dân chết đói nhiều. Đế quốc chủ nghĩa lợi dụng cơ hội ấy, bên thì muốn xui dân Nga nổi loạn, bên thì muốn kéo binh vào phá cách mệnh Nga. Phần thì đem các tàu bè vây biển Nga, không cho các tàu bè đi lại chở đồ ăn bán cho dân Nga.

Những người có lòng tốt như ông Nanxăn (người khoa học rất có danh tiếng nước), ông ấy đi tàu bay qua Bắc cực), và các công hội đều có tổ chức hội cứu tế đi quyên tiền, đồ ăn, và áo quần gửi cho dân Nga. Nhưng vì tổ chức tản mát cho nên sức lực yếu.

Đệ tam quốc tế và Công nhân quốc tế đỏ (mới tổ chức) xướng lên lập một hội Quốc tế giúp đỡ, để tập trung tất cả các hội cứu tế lại. Đệ nhị quốc tế và Công nhân quốc tế vàng không chịu vào, lập riêng ra một hội cứu tế riêng.

Tuy vậy, Quốc tế giúp đỡ cũng lập thành. Từ cuối năm 1921, đến năm 1922, Quốc tế này quyên được hơn 5.000.000 đồng bạc, và 40.000.000 kilô đồ ăn cho dân Nga.

2. Khi Nga khỏi đói rồi, quốc tế này làm việc gì?

Nga khỏi đói rồi, Quốc tế này vẫn tiếp tục làm việc mãi. Bất kỳ xứ nào có tai nạn gì, Quốc tế này đều ra sức giúp. Như năm 1923 Ailan (Ireland) mất mùa, mấy vạn dân cơm không có ăn, áo không có mặc, nhờ Quốc tế qua giúp mà khỏi chết đói. Năm 1924, thợ thuyền Đức bãi công hơn 60 vạn người, Quốc tế này lập ra nhà ăn

l) Na Uy.

không mất tiền, mỗi ngày hơn 25.000 người thợ tới ăn. Lại lập ra nhà thương để nuôi những người bãi công đau ốm; lập ra nhà nuôi trẻ con của thợ thuyền, lập ra đội lữ hành đem trẻ con Đức qua gửi cho công hội các nước nuôi dạy. Lúc bãi công gần rồi mới đem).

Năm Nhật Bản có động đất, Tàu mắc lụt, Quốc tế này cũng chở đồ ăn, đồ mặc và đồ làm nhà qua giúp.

Nói tóm lại là ở đâu mắc nạn lớn, là Quốc tế này đều giúp cả.

3. Quốc tế giúp đỡ lấy tiền đâu?

Quốc tế này không phải là một hội *làm phúc phát chẩn* và *bố thí* như các hội của tư bản lập ra. Mục đích Quốc tế này là "thợ thuyền và dân cày trong thế giới là anh em, khi anh em xứ này rủi ro, thì anh em xứ khác phải giúp đỡ", vậy nên, khi có việc thì hội viên ra sức quyên, khi vô sự thì phải góp hội phí. Hội phí tuỳ theo hạng người như thợ thuyền làm ra đồng tiền dễ, thì đóng nhiều hơn, dân cày ít tiền thì đóng ít. Nhưng ai cũng phải đóng.

Vì Quốc tế có chi bộ khắp cả 5 châu, và hội viên rất đông, nhất là ở Nga, cho nên chỉ hội phí góp lại cũng đã khá nhiều.

Quốc tế lại đem tiền ấy làm ra hoa lợi, như mở sở cày, làm hát bóng, mở nhà buôn, sở đánh cá, vân v.. Phần nhiều những công cuộc này đều là ở Nga. Chỉ một chỗ đánh cá ở Atrakan mỗi năm đánh được 4-5 triệu kilô cá.

Tiền bán ra đều để dành để giúp đỡ cho thế giới cả.

4. Quốc tế này đối với cách mệnh có ích gì?

Như nước An Nam gặp lúc vỡ đê vừa rồi, hay những khi đại hạn và lụt. Nếu Quốc tế biết, chắc có giúp đỡ. Song:

l. Là vì dân ta chưa ai biết đến mà kêu van;

2. Là Pháp sợ Quốc tế làm cho dân ta biết cách thân ái và liên hợp của vô sản giai cấp trong thế giới;

3. Nó sợ tuyên truyền cách mệnh cho nên nó hết sức giấu dân

1) Lúc bãi công gần thắng lợi rồi mới đem về.

ta không cho biết rằng trong thế giới có một hội như thế và ngăn trở Quốc tế ấy lọt vào đến An Nam.

Cái gì Pháp ghét, tất là có ích cho An Nam.

Còn như việc cách mệnh, Quốc tế này cũng giúp được nhiều. Xem như khi dân Nga đói, nhờ Quốc tế này mà không đến nỗi oán Chính phủ cách mệnh. Thợ thuyền Nhật nhờ Quốc tế này mà khôi phục được công hội lại mau. Thợ thuyền Đức nhờ Quốc tế này mà cứ việc phấn đấu, vân v., thì biết rằng Quốc tế này sẽ có ích cho cách mệnh An Nam nhiều.

QUỐC TẾ CỨU TẾ ĐỎ

l. Quốc tế cứu tế đỏ là gì?[76]

Quốc tế giúp đỡ thì cứu tế cho dân bị tai nạn, và cũng cứu tế cho những người chính trị phạm nữa. Quốc tế cứu tế đỏ thì chuyên môn giúp đỡ cho chính trị phạm mà thôi.

Bây giờ là hồi tranh đấu; vô sản thì tranh đấu với tư bản, dân bị áp bức thì tranh đấu với đế quốc chủ nghĩa. Tư bản và đế quốc chủ nghĩa về một phe, vô sản và dân bị áp bức về một phe. Hai phe ấy cũng như hai quân đội đánh nhau. Quân đội cách mệnh thì theo cờ Đệ tam quốc tế. Quân phản cách mệnh thì theo cờ bọn nhà giàu. Đánh nhau thì chắc có người phải bắ), người bị thương, người bị chết. Quốc tế cứu tế đỏ là như cái nhà thương để săn sóc cho những người bị thương, giùm giúp cho những người bị bắt, trông nom cho cha già mẹ yếu, vợ dại con thơ của những người đã tử trận cho cách mệnh.

2. Quốc tế cứu tế đỏ lập ra bao giờ?

Năm 1923, Đệ tam quốc tế khai đại hội, có hội "bị đày chung thân" và hội "những người cộng sản già" đề nghị, và Đệ tam quốc tế tán thành lập ra Quốc tế cứu tế đỏ. Trước hết lập ra tổng bộ tại Nga. Bây giờ nước nào cũng có chi bộ. (Chỉ có An Nam chưa).

Nga bây giờ có 50.000 phân bộ và 9 triệu hội viên. Tất cả công nhân và nhiều dân cày vào hội ấy, hoặc vào từng người, hoặc cả đoàn thể. Tất cả các người cộng sản và cộng sản thanh niên đều phải vào hội ấy.

---

l) Bị bắt.

Khi mới lập ra, ba tháng đầu đã quyên được 300.000 đồng. Bốn tháng sau thì quyên được 4.000.000 đồng. Ở tỉnh Quảng Đông, Tàu mới lập chi bộ được 6 tháng mà đã được 250.000 hội viên.

Xem thế thì biết Quốc tế ấy phát triển rất chóng.

3. Quốc tế giúp cách thế nào?

Khi những người cách mệnh hoặc bị đuổi, hoặc bị bắt, hoặc bị tù, hoặc bị chết, thì Quốc tế giúp đỡ:

l. Chính trị;

2. Kinh tế;

3. Vật chất;

4. Tinh thần.

a) *Giúp chính trị:* Như có người bị bắt, bị giam, thì Quốc tế [1] cho các chi bộ khai hội và tuần hành thị uy. Như vừa rồi có hai người cách mệnh Ý bị bắt tại Mỹ, toan phải án chết, Quốc tế sức chẳng những là thợ thuyền Mỹ làm như thế, mà lại nước nào, xứ nào có lĩnh [2] Mỹ thì thợ thuyền đều khai hội tuần hành và tuyên ngôn rằng: Nếu Chính phủ giết hai người ấy, thì thợ thuyền Mỹ bãi công, và thợ thuyền thế giới sẽ tẩy chay Mỹ. Mỹ thấy vậy thì không dám làm tội hai người ấy.

b) *Giúp kinh tế:* Hễ bị giam thì thường ăn uống cực khổ, còn vợ con cha mẹ ở nhà thì không ai nuôi. Quốc tế gửi tiền cho để mua đồ ăn trong nhà giam và giúp cho người nhà ít nhiều để khỏi phải đói rách. Như vậy thì những người bị giam cầm đã khỏi cực khổ quá, mà lại vui lòng. Hoặc Quốc tế xuất tiền thuê thầy kiện để chống án cho. Hoặc gửi áo quần sách vở cho.

c) *Giúp tinh thần:* Hoặc phái người hoặc gửi thơ đến thăm.

1. Người ở giam biết rằng mình tuy hy sinh cho quần chúng mà quần chúng không quên mình, thế thì trong lúc bị giam đã không buồn sau được khỏi lại càng hết sức.

---

1) Chỉ thị.

2) Lãnh sự quán.

2. Là người ta biết rằng mình tuy phải giam một nơi, nhưng công việc cách mệnh vẫn cứ phát triển, vẫn có người làm thế cho mình.

4. Cách mệnh An Nam nên theo Quốc tế này không ?

Nên lắm. Cách mệnh An Nam cũng là một bộ phận trong cách mệnh thế giới. Ai làm cách mệnh trong thế giới đều là đồng chí của dân An Nam cả. Đã là đồng chí, thì sung sướng cực khổ phải có nhau. Huống gì, dân An Nam là đương lúc tranh đấu với đế quốc chủ nghĩa Pháp, chắc là về sau sẽ có nhiều người cách mệnh phải hy sinh, phải khốn khổ, phải cần anh em trong thế giới giúp giùm.

CÁCH TỔ CHỨC CÔNG HỘI

l. Tổ chức công hội làm gì ?

Tổ chức công hội trước là để cho công nhân đi lại với nhau cho có cảm tình; hai là để nghiên cứu với nhau; ba là để sửa sang cách sinh hoạt của công nhân cho khá hơn bây giờ; bốn là để giữ gìn lợi quyền cho công nhân; năm là để giúp cho quốc dân, giúp cho thế giới.

Đi lại không phải là bữa này người A có giỗ chạp thì người B tới ăn; mai người B có cúng quảy lại mời người C tới uống rượu. Nhưng đi lại để bày vẽ cho nhau điều khôn lẽ phải, để giao hoán trí thức cho nhau.

Nghiên cứu chẳng những là giở sách vở, giở báo ra giảng; nhưng phải bàn bạc cách phấn đấu với tư bản và đế quốc chủ [1].

Sửa sang cách sinh hoạt như lập hiệp tác xã, mở hội học, hội chơi cho công nhân, vân vân.

Giữ gìn lợi quyền là khi hội đã có thế lực rồi, thì đòi thêm tiền công, bớt giờ làm, vân vân.

Giúp cho quốc dân và thế giới là đem lực lượng thợ thuyền cách mệnh làm cho ai cũng được bình đẳng tự do như thợ thuyền Nga đã làm từ năm 1917.

2. Cách tổ chức công hội thế nào ?

Tổ chức có hai cách, cách nghề nghiệp và cách sản nghiệp.

Nghề nghiệp là ai làm nghề gì thì vào hội nghề ấy. Như thợ may vào hội may, thợ rèn vào hội rèn.

---

l) Câu này hiểu như sau: Nghiên cứu chẳng những là giở sách vở, giở báo ra giảng, mà còn phải bàn bạc cách đấu tranh với bọn tư bản và đế quốc chủ nghĩa.

Sản nghiệp là bất kỳ nghề gì, hễ làm một chỗ thì vào một hội. Như việc xe lửa, người đốt than, người sơn xe, người phát vé, người coi đường, người cầm máy; tất cả nhập vào một công hội xe lửa.

Tổ chức theo cách sản nghiệp thì mạnh hơn, vì thống nhất hơn. Thí dụ khi xe lửa muốn bãi công, nếu hội là sản nghiệp thì hội viên đều phải bãi công hết, thì tư bản sợ hơn. Nếu hội là nghề nghiệp, thì có khi người đốt lửa bãi công mà người cầm máy không, hoặc người phát vé bãi công mà người làm ga không, thế thì sức bãi công yếu đi.

3. Một người công nhân có thể vào hai hội không?

Không. Nếu hội ấy là nghề nghiệp, thì chỉ những người đồng nghề nghiệp được vào; ai đã vào hội sản nghiệp rồi thì không được vào hội nghề nghiệp nữa. Thí dụ: xe lửa đã tổ chức theo sản nghiệp, mấy người thợ [1] đã vào hội ấy rồi. Trong xứ ấy lại có một hội thợ mộc khác, những người thợ mộc trong hội xe [2] không được vào.

Trong một nghề hoặc một sản nghiệp cũng không được lập hai hội.

Nhưng mà một công hội có phép vào hai tổng công hội. Thí dụ: Hội xe lửa Hà Nội đã vào Tổng công hội xe lửa An Nam lại vào tổng công hội ta [3].

Nói tóm lại là đoàn thể thì có phép vào nhiều tổng công hội mà từng người thì chỉ được vào một hội mà thôi. Nếu giới hạn này không nghiêm thì sau hay bối rối.

4. Công hội với chính đảng khác nhau thế nào ?

Công hội chú trọng mặt kinh tế hơn. Đảng chú trọng mặt chính trị hơn. Ai là thợ thuyền thì được vào hội, dù tin Phật, tin đạo, tin cộng sản, tin vô chính phủ, tin gì cũng mặc, miễn là theo đúng quy tắc hội là được.

Đảng thì bất kỳ người ấy làm nghề gì, thợ thuyền hay là dân

---

1) Công nhân các nghề trong ngành xe lửa.

2) Công hội xe lửa.

3) Câu này hiểu là: Hội xe lửa Hà Nội đã vào Tổng công hội xe lửa Việt Nam, còn có thể vào một tổng công hội khác.

cày, học sinh hay là người buôn, miễn là người ấy tin theo chủ nghĩa đảng, phục tùng phép luật đảng[1] thì được vào.

Ai vào cả đảng và hội, chính trị thì theo đảng chỉ huy, mà kinh tế thì theo công hội chỉ huy. Đảng viên ai cũng phải vào hội để mà tuyên truyền chủ nghĩa của đảng. Nhưng không phải hội viên nào cũng vào được đảng.

5. Cái gì là hệ thống của công hội ?

Hệ thống là cách tổ chức ngang hay là dọc.

Ngang là như trong một tỉnh có hội thợ rèn, hội thợ may, hội thợ mộc, hội thợ nề, vân vân, tất cả các hội tổ chức thành tỉnh tổng công hội; hội nào cũng bình đẳng, bằng ngang nhau.

Dọc là như mỗi huyện có một hội thợ may, 4,5 hội huyện tổ chức một hội thợ may tuyền tỉnh, tất cả hội thợ may trong mấy tỉnh tổ chức một hội thợ may cả nước. Ấy là dọc, nghĩa là từ dưới lên trên.

Đã ngang lại dọc, thế thì theo mệnh lịnh tổng công hội ngang hay là tổng công hội dọc ? Nếu quan hệ về sản nghiệp thì theo mệnh lịnh dọc. Nếu quan hệ về địa phương thì theo mệnh lịnh ngang.

6. Muốn hội vững bền thì phải tránh những việc gì ?

Đã vào công hội thì:

l. Nên bỏ giới hạn xứ sở, nghĩa là chớ phân biệt người này là Trung Kỳ, người kia là Nam Kỳ, người nọ là Bắc Kỳ. Và cũng không nên chia ra người An Nam, người Tàu hay là người nước nào. Đã một nghề, một hội tức là anh em cả, phải xem nhau như người một nhà.

2. Đàn ông, đàn bà đều phải bình đẳng.

3. Chớ có bỉ thử mình khéo hơn, lương cao hơn, mà khinh người vụng và ăn tiền ít.

4. Chớ cậy mình là nhiều tuổi mà muốn làm đàn anh.

5. Chớ cho bọn tư bản vào hội.

7. Phải tổ chức thế nào cho kiên cố?

Công hội là cơ quan của công nhân để chống lại tư bản và đế

1) Điều lệ đảng.

quốc chủ nghĩa, cho nên tổ chức phải nghiêm nhặt, chỉ huy phải mau mắn, làm việc phải kín đáo. Muốn được như thế thì phải tổ chức như quân đội.

Quân lính thì có đội ngũ.

Thợ thuyền phải có tiểu tổ, chi bộ.

Thí dụ: Trong tỉnh có 5 nhà máy dệt vải, mỗi nhà máy phải có một chi bộ. Trong mỗi chi bộ lại chia làm mấy tiểu tổ; mỗi chi bộ phải cử 3 hoặc 5 người làm uỷ viên; (phần nhiều nên cử những người làm trong lò đã lâu, thuộc tình hình nhiều) mỗi tiểu tổ phải cử tổ trưởng. Mỗi tiểu tổ không được quá 10 người.

Tiểu tổ theo mệnh lịnh chi bộ, chi bộ theo tỉnh hội, tỉnh hội theo quốc[1]. Có thứ tự như thế thì trong hội có mấy mươi vạn người chỉ huy cũng dễ, và hành động cũng nhất trí.

8. Tiểu tổ làm những việc gì?

Cây có nhiều rễ mới vững, hội có nhiều tiểu tổ mới bền. Tiểu tổ phải:

1. Huấn luyện và phê bình anh em;

2. Thi hành những việc hội đã định;

3. Bàn bạc việc hội;

4. Điều tra tình hình trong lò máy;

5. Đề nghị những việc hội nên làm;

6. Thu hội phí; .

7. Báo cáo những việc làm cho chi bộ, để chi bộ báo cáo cho tỉnh bộ, vân vân.

Chi bộ nhiều người khó khai hội, khó xem xét. Tiểu tổ ít người, làm gần nhau, quen biết nhau, cho nên xem xét, huấn luyện, làm việc và khai hội dễ bí mật hơn và mau mắn hơn. Tiểu tổ là có ích như thế. Vả lại, nếu Chính phủ cấm công hội, mà tiểu tổ khéo tổ chức, thì công hội cứ tiến bộ, cứ làm việc được. Vậy cho nên người ta gọi tiểu tổ là gốc của hội.

1) Công hội toàn quốc.

9. Thứ tự trong công hội thế nào?

Tiểu tổ lên chi bộ.

Nếu trong tỉnh nhiều lò máy, 4, 5 chi bộ tổ chức một bộ uỷ viên (4, 5 lò ấy mỗi lò cử l hoặc 2 người).

Bộ uỷ viên lên tỉnh hội.

Tỉnh hội lên quốc hội.

Ấy là thứ tự tổ chức. Còn quyền bính thì về dự hội, nghĩa là tất cả hội viên khai hội bàn định. Nếu hội viên nhiều quá, khai hội không tiện thì định mấy người cử một đại biểu dự hội, ấy là đại biểu đại hội. Đại hội nghị định việc gì, thì chấp hành uỷ viên hội phải thi hành. Khi hội tan thì quyền về chấp hành uỷ viên hội.

Đại biểu đại hội trong tỉnh một tháng khai hội một lần. Đại biểu đại hội trong nước, một năm một lần.

Đại biểu nên cử công nhân làm, không nên cử những người chức việc trong hội. Khi khai hội, đại biểu phải báo cáo tình trạng và ý kiến của công nhân (không phải ý kiến riêng mình), đề nghị và bàn bạc các việc. Khai hội rồi, phải về báo cáo việc hội cho công nhân.

10. Có việc gì thì giải quyết thế nào?

Từ tiểu tổ đến đại hội đều theo cách dân chủ tập trung. Nghĩa là có việc gì thì ai cũng được bàn, cũng phải bàn. Khi bàn rồi thì bỏ thăm, ý kiến nào nhiều người theo hơn thì được. Ấy là dân chủ. Đã bỏ thăm rồi, thì giao cho hội uỷ viên làm, khi ấy thì tất cả hội viên phải theo mệnh lịnh hội ấy. Ấy là tập trung. Ai không nghe lời thì uỷ viên hội có quyền phạt.

Gặp việc bất thường không kịp khai hội, thì uỷ viên có quyền xử trí, sau báo cáo cho hội.

Gặp việc bất thường lắm, thì hội uỷ viên cứ phép giao quyền cho một người, người này có quyền độc đoán, việc) báo cáo với hội.

11. Sao hội viên phải nộp hội phí?

Có hội thì có phí tổn, như thuê nhà, bút mực, vân vân, ấy là

1) Xong việc rồi.

thường phí, hội viên phải gánh. Lại có bất thường phí, như để dành phòng lúc bãi công hoặc giúp những hội khác bãi công, hoặc giúp đỡ những người trong hội mất việc làm, hoặc làm các việc công ích, vân vân. Nếu hội không tiền thì làm không được. Cho nên hội viên phải "góp gió làm bão".

Khi hội có tiền thừa thãi, thì nên làm những việc này:

l. Lập trường học cho công nhân;

2. Lập trường cho con cháu công nhân;

3. Lập nơi xem sách báo;

4. Lập nhà thương cho công nhân;

5. Lập nhà ngủ, nhà tắm, nhà hát;

6. Mở hiệp tác xã;

7. Tổ chức công), đồng tử quâ), vân vân. Phải xem hoàn cảnh mà làm, chớ cho tư bản và đế quốc chủ nghĩa chú ý. Hội tiêu tiền phải rất phân minh, cho hội viên đều biết. Hội phí không nên thu nặng quá; phải theo sức hội viên.

12. Cách tổ chức bí mật thế nào?

Khi hội được công khai, các tiểu tổ cũng phải giữ bí mật. Khi không được công khai, thì phải mượn tiếng hợp tác xã, trường học, hoặc câu lạc bộ (nhà xéc) vân vân, che mắt người ta. Ở Tàu, ở Nhật nhiều nơi thợ thuyền lập nhà bán nước, ngoài thì bán bánh bán nước, trong thì làm việc hội. Thợ thuyền vào uống nước ăn bánh, và bàn việc; cho nên ma tà mật thám không làm gì được. Có nơi lại giả hội cúng tế hoặc hội chơi, vân vân để che cho công hội.

Lại khi mới gây dựng ra hoặc ở nơi thợ thuyền ít, phải tuỳ cơ ứng biến, không nhất định cứ theo cách thường.

Đại khái cách tổ chức công hội phải thống nhất, bí mật, nghiêm nhặt, thì hội mới vững vàng.

1) Ở đây có thể là đội tự vệ.

2) Một tổ chức của thiếu niên, nhi đồng. (Sau này Đảng ta đã thành lập tổ chức này vào những năm 1930-1931).

TỔ CHỨC DÂN CÀY

l. Vì sao phải tổ chức dân cày?

Nước ta kinh tế chưa phát đạt, trong l00 người thì đến 90 người là dân cày. Mà dân cày ta rất là cực khổ, nghề không có mà làm, đất không đủ mà cày, đến nỗi cơm không đủ ăn, áo không có mặc.

Xem như Trung Kỳ, tất cả chừng 5.730.000 người dân mà chỉ có chừng 148.015 mẫu ruộng.

Trước năm 1926, Tây đồn điền đã chiếm mất 62.000 mẫu. Từ năm 1926, 175 thằng Tây đồn điền lại chiếm hết:

l.982 mẫu ở Thanh Hoá,

35.426 mẫu ở Nghệ An,

17.076 mẫu ở Nha Trang,

13.474 mẫu ở Phan Thiết,

92.000 mẫu ở Kon Tum,

67.000 mẫu ở Đồng Nai.

Như thế thì dân ta còn ruộng đâu nữa mà cày!

2. Tây đồn điền choán ruộng cách thế nào?

Chúng nó dùng nhiều cách. Như tháng 6 năm), 20 thằng Tây rủ nhau xin Chính phủ Tây mỗi thằng 3000[2)] mẫu trong lục tỉnh. Xin được rồi nhóm cả lại thành ra 60.000 mẫu, 19 thằng bán lại cho 1 thằng.

Tháng 8 năm 1926, nhà ngân hàng Đông - Pháp xin 30.000 mẫu, trong đám đất ấy đã có 6 làng An Nam ở. Khi nhà ngân hàng xin được rồi thì nó đuổi dân ta đi.

---

l), 2) Số này trong nguyên bản bị mờ.

Nam Kỳ bị Tây đồn điền chiếm mất 150.000 mẫu ruộng tốt.

Phần thì Tây đồn điền cướp, phần thì các nhà thờ đạo chiếm. Các cố đạo chờ năm nào mất mùa, đem tiền cho dân cày vay. Chúng nó bắt dân đem văn khế ruộng cầm cho nó và ăn lời thiệt nặng. Vì lời nặng quá, đến mùa sau trả không nổi, thì các cố xiết) ấy đem làm ruộng nhà thờ.

3. Chính phủ Pháp đã) dân cày An Nam thế nào?

Tư bản Tây và nhà thờ đạo đã choán gần hết đất ruộng, còn giữ được miếng nào thì Chính phủ lại đánh thuế thiệt nặng, mỗi năm mỗi tăng. Như mỗi mẫu ruộng tốt mỗi năm tất cả hoa lợi được chừng 25 đồng, Tây nó đã lấy mất 2 đồng 5 hào thuế, nghĩa là 10 phần nó lấy mất một.

Nếu tính tiền thuê trâu bò, mua phân tro, mướn làm, tiền ăn uống, thì mỗi mẫu mỗi năm đã hết chừng 30 đồng. Nghĩa là dân cày đã lỗ mất 5 đồng, mà Chính phủ lại còn) lấy cho được 2 đồng rưỡi.

Chẳng thế mà thôi. Dân ta cày ra lúa mà không được ăn. Đến mùa thuế thì bán đổ bán tháo để nộp thuế. Tây nó biết vậy thì nó mua rẻ để nó chở đi bán các xứ, mỗi năm nó chở hết 150 vạn tấn. Nó chở đi chừng nào, thì gạo kém chừng ấy, thì dân ta chết đói nhiều chừng ấy.

4. Bây giờ nên làm thế nào?

Sự cực khổ dân cày An Nam là:

l. Ruộng bị Tây choán hết, không đủ mà cày.

2. Gạo bị nó chở hết, không đủ mà ăn.

3. Làm nhiều, được ít, thuế nặng.

4. Lại thêm nước lụt, đại hạn, vỡ đê, mất mùa.

5. Đến nỗi chết đói, hoặc bán vợ đợ con, hoặc đem thân làm nô lệ như những người nó chở đi Tân thế giới.

---

1) Một hình thức tước đoạt ruộng đất để trừ vào tiền cho vay.

2) Đãi: đối xử với...

3) Bắt ép, chắt chẹt.

6. Nào là chính trị áp bức (thử hỏi dân cày ta có quyền chính trị gì?) văn hoá áp bức (dân cày ta được mấy người biết chữ, trong làng được mấy trường học?).

Nếu dân cày An Nam muốn thoát khỏi vòng cay đắng ấy, thì phải tổ chức nhau để kiếm đường giải phóng.

5. Cách tổ chức dân cày thế nào?

Cách tổ chức đại khái như sau:

1. Bất kỳ đàn ông đàn bà, từ những người tiểu điền chủ cho đến những dân cày thuê cày rẽ, từ 18 tuổi trở lên thì được vào. (Những người đại địa chủ, mật thám, cố đạo, say mê rượu chè, cờ bạc và a phiện[1] thì chớ cho vào hội).

2. Ai vào phải tình nguyện giữ quy tắc hội, và phải có hội viên cũ giới thiệu.

3. Làng nào đã có 3 người tình nguyện vào hội thì tổ chức được một hội làng, 3 làng có hội thì tổ chức hội tổng, 3 tổng có hội thì tổ chức hội huyện, 3 huyện có hội thì tổ chức hội tỉnh, 3 tỉnh có hội thì tổ chức hội nước.

4. Còn cách khai hội, tổ chức các bộ làm việc, tuyển cử, đề nghị, giải quyết, báo cáo thì cũng như công hội.

6. Hội dân cày nên đặt tiểu tổ hay không?

Dân cày trong làng không xúm xít đông đúc như thợ thuyền trong lò máy, cho nên hội dân cày làng thế cho tiểu tổ; người uỷ viên thế cho tổ trưởng cũng được.

Uỷ viên bên thì chỉ huy cho hội viên làm việc, bên thì thi hành mệnh lịnh từ thượng cấp truyền đến, bên thì báo cáo việc đại hội với hội viên, bên thì báo cáo công việc hội viên với đại hội.

Các hội viên thì phải:

l. Kiếm hội viên mới;

2. Điều tra cách ăn làm và các việc trong làng;

3. Đề xướng làm các hợp tác xã;

1) Thuốc phiện.

4. Hết sức mở mang giáo dục, như lập trường, tổ chức nhà xem sách, vân vân;

5. Khuyên anh em dân cày cấm rượu, a phiến, đánh bạc;

6. Đặt hội cứu tế, vân vân.

Nói tóm lại là kiếm làm những việc có ích cho dân cày, có lợi cho nòi giống.

7. Nếu không có tiểu tổ sao giữ được bí mật?

Ấy là nói về lúc bình thường, có lẽ công khai được. Nếu lúc phải giữ bí mật, thì:

l. Phải dùng cách tiểu tổ;

2. Chớ gọi là hội dân cày, nhưng gọi là phường lợp nhà, phường đánh cá, phường chung lúa, vân vân để mà che mắt thiên hạ. Vả trong làng xã An Nam hiện bây giờ cũng có nhiều phường hội như thế, muốn tổ chức dân cày thì nên theo hoàn cảnh mà lợi dụng những phường ấy. Cốt làm sao cho người ngoài đừng chú ý là tốt.

Khi hội đã vững, hội viên đã đông, lại nên đặt các bộ chuyên môn[1] như:

Bộ tập thể thao;

Bộ cải lương nghề cày[2];

Bộ người cày thuê (đi cày thuê gặt mướn cho người ta, mình không có đất ruộng trâu bò gì cả);

Bộ người cày rẽ;

Bộ thủ công nghiệp (thợ thuyền trong làng tuy không cày ruộng, hoặc nửa cày nửa thợ, cũng phải cho vào hội dân cày);

Bộ thanh niên, bộ phụ nữ, bộ giáo dục, vân vân.

8. Có nông hội rồi đã khỏi những sự cực khổ nói trên chưa?

Sự tự do, bình đẳng phải cách mệnh mà lấy lại, hội nông là

1) Các ban chuyên môn.

2) Ban cải tiến nghề cày cấy.

một cái nền cách mệnh của dân ta. Nếu thợ thuyền và dân cày trước tổ chức kiên cố, sau đồng tâm hiệp lực mà cách mệnh thì sẽ khỏi những sự cực khổ ấy. Dẫu chưa cách mệnh được ngay, có tổ chức tất là có ích lợi. Như mỗi năm Tây nó bắt dân ta hút 150 vạn kilô a phiến, nó lấy 1.500 vạn đồng lời. Nó bắt ta mua 173.000.000 lít rượu, nó lấy l000 triệu phrăng lời. Nó vừa lấy lời vừa làm cho ta mất nòi mất giống. Nếu dân cày tổ chức mà khuyên nhau đừng uống rượu, đừng hút a phiến, thì đã cứu được nòi giống khỏi mòn mỏi, mỗi năm lại khỏi đem 1.000.000.000 phrăng và 15.000.000 đồng bạc cúng cho Tây. Tây nó áp bức ta vì ta không thương yêu nhau, vì ta ngu dốt. Có hội hè rồi trước là có tình thân ái, sau thì khuyên nhau học hành. Chúng ta đã biết "cách mệnh" tinh thần, "cách mệnh" kinh tế, thì "cách mệnh" chính trị cũng không xa.

HỢP TÁC XÃ[77]

l. Lịch sử.

Hợp tác xã đầu .) sinh ra ở bên Anh. Năm 1761, mấy người thợ dệt vải rủ nhau lập ra một cái hội "làm vải cho tốt và bán giá trung bình trong làng xóm".

Năm 1777, một hội khác lập ra. Sau còn nhiều hội lập ra nữa, nhưng chẳng được lâu.

Năm 1864, một hội mới lại lập ra được 999 đồng vốn. Đến năm 1923, thì hội này có 5.673.245 đồng vốn và tiền buôn bán đi lại được 47.777.000 đồng, 14 chiếc tàu, và 5.000 mẫu vườn chè (trà), 6 người đại biểu làm hạ nghị viện, 4.580.623 người hội viên.

Hợp tác xã bây giờ bên Nga lớn nhất, thứ hai đến Anh (tiêu phí hợp tá)), thứ ba Pháp (sinh sản hợp tá)), thứ tư Đan Má) (nông dân hợp tác), thứ năm Đức (ngân hàng hợp tá)).

Ở Nhật có một hội khi mới lập chỉ có 1.840 đồng vốn cách 8 năm đã có 370.000 đồng.

2. Mục đích.

Tuy cách làm thì có khác nhau ít nhiều, nhưng mục đích thì nước nào cũng như nhau. Mục đích ấy thì trong lời tuyên ngôn của hợp tác xã Anh đã nói: "Cốt làm cho những người vô sản giai cấp

---

l) Đầu tiên.

2) Hợp tác xã tiêu thụ.

3) Hợp tác xã sản xuất.

4) Nước Đan Mạch.

5) Hợp tác xã vay mượn hay còn gọi là hợp tác xã tín dụng.

hoá ra anh em. Anh em thì làm giùm nhau, nhờ lẫn nhau. Bỏ hết thói tranh cạnh. Làm sao cho ai trồng cây thì được ăn trái, ai muốn ăn trái thì giùm vào trồng cây".

Hồi bây giờ tư bản và đế quốc chủ nghĩa bá tư[1] dân chẳng sót cách gì, chúng nó lấy tiền dân trở lại áp bức dân, chúng nó đã rán sành ra mỡ, lại còn "lấy gậy thầy đánh lưng thầy" cho nên hợp tác xã trước là có ích lợi cho dân, sau là bớt sức bóp nặn của tụi tư bản và đế quốc chủ nghĩa.

3. Lý luận.

Tục ngữ An Nam có những câu: "Nhóm lại thành giàu, chia nhau thành khó" và "Một cây làm chẳng nên non, nhiều cây nhóm lại thành hòn núi cao". Lý luận hợp tác xã đều ở trong những điều ấy.

Nếu chúng ta đứng riêng ra, thì sức nhỏ, mà làm không nên việc. Thí dụ mỗi người mang một cái cột, một tấm tranh ở riêng mỗi người một nơi, thì lều chẳng ra lều, nhà chẳng ra nhà.

Nhóm những cột ấy, tranh ấy, sức ấy, làm ra một cái nhà rộng rãi bề thế rồi anh em ở chung với nhau. Ấy là hợp tác.

Lại thí dụ l0 người muốn ăn cơm, mỗi người riêng một nồi, nấu riêng một bếp, nấu rồi ăn riêng; ăn rồi ai nấy dọn dẹp riêng của người nấy, thế thì mất biết bao nhiêu củi, nước, công phu và thì giờ.

Hợp tác xã là "góp gạo thổi cơm chung" cho khỏi hao của, tốn công, lại có nhiều phần vui vẻ.

4. Mấy cách hợp tác xã.

Hợp tác xã có 4 cách:

1. Hợp tác xã tiền bạ[1];
2. Hợp tác xã mua;
3. Hợp tác xã bán;
4. Hợp tác xã sinh sản.

1) Bóc lột.

2) Hợp tác xã vay mượn hay hợp tác xã tín dụng.

Trước khi nói rõ những hợp tác ấy là thế nào, chúng ta phải biết rằng:

a) Hợp tác xã khác hội buôn, vì hội buôn lợi riêng, hợp tác xã lợi chung.

b) Hợp tác xã tuy là để giúp đỡ nhau, nhưng không giống các hội từ thiện. Vì các hội ấy có *tiêu đi* mà không *làm ra*, và giúp đỡ bất kỳ ai nhưng có ý bố thí, hợp tác xã có tiêu đi, có làm ra, chỉ giúp cho người trong hội, nhưng giúp một cách bình đẳng, một cách "cách mệnh" ai cũng giúp mà ai cũng bị giúp.

5. Hợp tác xã tiền bạc.

Hay là ngân hàng của dân; dân cày và thợ thuyền chung vốn lập ra:

l. Hội viên thiếu vốn làm ăn (vay về tiêu xài thì không cho) thì đến vay được lời nhẹ;

2. Hội viên có dư dật ít nhiều, thì đem đến gửi, được sinh lợi.

Dân nghèo, người có mà góp thì ít, người muốn vay thì nhiều, vậy thì thế nào lập được ngân hàng? Muốn lập được phải có ba điều:

a) Tiền vốn - Nếu 1 người bỏ vào một đồng, l000 người đã được l000 đồng. Có l000 vốn, lưu thông khéo thì cũng bằng l0.000 đồng.

b) Lưu thông - Nếu mỗi người giữ lấy một đồng, thì l000 đồng ấy cũng tiêu mất. Nếu góp lại, tháng đầu cho A vay l00 hẹn 6 tháng trả; tháng 2 cho B vay 100 vân vân, chuyển đi mãi, lưu thông mãi, cả lời đến vốn, mỗi tháng mỗi nhiều, và giúp được hội viên cũng mỗi ngày một nhiều thêm.

c) Tín dụng - Làm có bề thế cho người ta tín [1], thì giao dịch dễ. Vậy thì vốn tuy ít mà dùng được nhiều.

6. Hợp tác xã mua.

Nhà nào cũng không làm đủ đồ dùng được, chắc phải đi mua. Mua nhiều (mua sỉ)[2] thì chắc rẻ hơn mà đồ tốt hơn. Mua lẻ thì đắt

1) Tín dụng là công việc của ngân hàng về cho vay và nhận tiền gửi. Đoạn nói về tín dụng ở đây hiểu là: cần phải làm cho có bề thế để người ta tin tưởng khi gửi tiền và vay tiền.

2) Ở đây dùng từ này theo nghĩa địa phương *mua buôn hay mua nhiều.*

mà đồ thì xấu. Nhưng thợ thuyền và dân cày lấy tiền đâu mà mua sỉ? Mua được, một nhà dùng cũng không hết. Cho nên phải chịu thua thiệt mãi.

Nếu nhiều nhà góp lại, mua sỉ về chia nhau, thì đã được rẻ, đồ lại tốt lại khỏi mất thì giờ.

Thí dụ: Mỗi thùng (dầu lửa giá 3 đồng, được 50 lít. Nhà buôn mua về kiếm cách pha phết thành ra 53 lít. Dân mỗi nhà phải có một người xách chai đi chợ mua mỗi lít phải trả một hào, dầu đã xấu, thắp lại mau hết. Tính lại nhà buôn lời:

1 cái thùng	0đ20
23 lít đầu	2đ30
Cộng cả	2đ50

53 nhà dân lỗ: 2đ50 và 53 giờ đồng hồ.

Nếu 53 nhà ấy góp nhau phái một người đi mua một thùng, thì đã khỏi mất 2đ50, lại lời được 53 giờ. Đem 53 giờ ấy làm việc khác, lại càng lời nữa.

7. Hợp tác xã bán.

Mua càng nhiều càng rẻ, bán càng nhiều càng đắt. Mua càng ít càng đắt, bán càng ít càng rẻ. Ai cũng biết như vậy. Nhưng dân nghèo có đồ đâu mà bán nhiều. Vả lại khi đã đem rổ khoai thúng lúa đi chợ, thì đắt rẻ cũng muốn bán cho xong, không lẽ mang đi mang về mãi. Phần thì sợ mất công, phần thì sợ mất thuế, phần thì sợ hao mòn. Nhà buôn biết vậy, lại càng bắt bí trả rẻ.

Lại thí dụ: 53 nhà có 53 thúng lúa, cho 53 người đem đi bán, phải nộp 53 lần thuế; đong đi đong lại đổ tháo mất 53 nắm, nhà buôn bắt bí trả rẻ mất 53 xu (mỗi thúng một xu). Giời nắng, 53 người phải uống 53 xu nước, vân v.. Tính lại, thua thiệt biết chừng nào.

Nếu 53 nhà ấy có hợp tác xã bán, thì lời biết bao nhiêu!

8. Hợp tác xã sinh sản.

Hợp tác này là để giúp nhau làm ăn. Thí dụ: Dân cày mỗi nhà có một con bò, phải có một thằng bé chăn, phải có một cái [1], lôi thôi biết chừng nào? Lại như những nhà không có, mùa cày phải thuê trâu. Mỗi nhà phải tự sắm lấy cày, bừa, cuốc, liềm, vân v., khi cày mẻ, cuốc cùn chưa có tiền mua thì phải ngồi chịu. Nếu chung nhau mua trâu, mua đồ cày, ai dùng đến thì phải nộp ít nhiều, như thế há chẳng hơn sao?

Lại như trồng ra bông; nhưng không có bàn đánh bông, không có đồ kéo sợi, phải đem bông bán rẻ. Nếu góp nhau làm hợp tác xã, mua đủ đồ mà làm, thì công ít mà lợi nhiều.

Nói tóm lại là hợp tác xã rất có lợi cho nên dân các nước làm nhiều lắm. Thử xem các hàng buôn sở dĩ mà giàu có, chẳng qua nó bớt ngược bớt xuôi của dân. Hợp tác xã là để cho khỏi bị hàng buôn ăn bớt.

9. Nhà buôn lấy lời.

Nhà buôn kiếm được lời là vì người làm ra đồ và người dùng đồ, người mua và người bán cách xa nhau, phải nhờ nhà buôn đứng giữa, nó đã ăn lời khi mua, lại ăn lời khi bán. Thí dụ: Ngoài Bắc là xứ trồng chè, trong Nam là hay uống chè. Nhưng dân Bắc không đem vào Nam bán, dân Nam không ra tới Bắc mua.

Mấy nhà có chè đem bán cho A, hàng chè trong tổng; A đem bán lại cho B, buôn chè trong phủ, *ăn lời một lần.* B lại đem bán cho phố C ở tỉnh, *ăn lời* 2 *lần.* C bán cho công ty Đ Hà Nội, *ăn lời 3 lần.* Công ty Đ bán cho công ty E Sài Gòn, *ăn lời 4 lần.* Công ty E lại bán cho nhà buôn F các tỉnh, *ăn lời 5 lần*. Nhà buôn F bán sỉ cho phố G các phủ, *ăn lời 6 lần.* G bán lẻ cho H, *ăn lời 7 lần.* H bán lẻ cho người uống, *ăn lời 8 lần.*

Thế là người làm ra chè thua thiệt, người uống chè cũng thua

1) Cái chuồng.

thiệt. Nếu có hợp tác xã thì tránh khỏi những điều ấy.

l0. Cách tổ chức.

Không phải làng nào cũng phải lập mỗi làng mỗi hợp tác xã. Cũng không phải mỗi làng phải lập cả mấy hợp tác xã. Cũng không phải có hợp tác xã này thì không lập được hợp tác xã kia. Chẳng qua theo hoàn cảnh nơi nào lập được hợp tác xã nào, và có khi hai hợp tác xã - mua và bán - lập chung cũng được.

Nếu nhiều nơi đã lập thành hợp tác như nhau, thì các hợp tác xã ấy nên liên lạc với nhau, thế lực càng mạnh hơn. Hoặc khi hai hợp tác xã tính chất khác nhau, thì cũng nên liên kết, như một hợp tác xã mua và một hợp tác xã bán.

Hợp tác xã chỉ có hội viên mới được hưởng lợi, chỉ có hội viên mới có quyền, nhưng những việc kỹ thuật như tính toán, xem hàng hoá, cầm máy, vân v., thì có phép mướn người ngoài.

Đã vào hội thì bất kỳ góp nhiều góp ít, vào trước vào sau, ai cũng bình đẳng như nhau.

THƯ GỬI QUỐC TẾ NÔNG DÂN

Béclin, ngày 3-2-1928

Các đồng chí thân mến,

Tôi đã đến Lútsô Uphe, tới địa chỉ mà các đồng chí đã cho tôi. Nhưng tôi không gặp ai cả; và chẳng ai biết *Niu Đoócphơ*. Tôi đề nghị các đồng chí cho tôi một địa chỉ khác chắc chắn hơn.

Tôi chỉ có thể lên đường trong vòng một tháng nữa hoặc một tháng rưỡi. Tôi tranh thủ thời gian viết "Những ký ức của tôi" về phong trào nông dân, chủ yếu về phong trào Hải Lục Phong, nơi hiện nay đã lập các Xôviết nông dân. Người "anh hùng" trong "Những ký ức của tôi" chính là đồng chí Bành Bái, cựu Dân uỷ nông nghiệp của Xôviết Quảng Châu và hiện là lãnh tụ những nông dân cách mạng.

Điều tôi viết chỉ gồm những chuyện nói về đời sống, phong tục tập quán, mê tín dị đoan, vân vân... của nông dân; mà không hề có hoặc hầu như không nói gì về chính trị và số liệu thống kê.

Có khoảng 120 trang đánh máy chia thành khoảng năm chục chương. Tôi đang sắp xếp lại. Nếu các đồng chí muốn xuất bản, tôi đề nghị các đồng chí gửi cho tôi một bưu thiếp theo địa chỉ sau đây:

Ô. Lu, tạp chí *Thư tín Quốc tế,* ban biên tập tiếng Pháp,
Số nhà 225, phố Phrêđrích Strát, Béclin.
Thế là đủ và tôi sẽ gửi bản thảo tới cho các đồng chí.
Chào thân ái.

N.A.K

Ảnh bút tích tiếng Pháp,
lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh.

THƯ TỪ ẤN ĐỘ

Trước khi Uỷ ban Ximô[1] tới, Chính phủ Ấn Độ đã cho ban hành điều 144 của Hình luật, cấm những cuộc biểu tình hay rước xách, phân phát truyền đơn, dán áp phích nhằm tổ chức lễ Háctan (tổng bãi công và quốc tang) và tẩy chay Uỷ ban.

Về phần mình, các ông hiệu trưởng đã báo rằng, mọi sinh viên vắng mặt tại trường trong thời gian lễ Háctan đều bị nghiêm trị.

Tất cả các lực lượng quân sự và cảnh sát đều được huy động; có những kẻ chuyên khiêu khích đã được cử đi khắp nơi để ca ngợi Uỷ ban và phỉ báng Háctan.

Để đáp lại những hành động khiêu khích đó, "Đại hội toàn Ấn"[2] kêu gọi các sinh viên và công chức hãy bỏ trường và bàn giấy, các thợ thuyền hãy đình công, các khách sạn, quán cơm, nhà hát, rạp chiếu bóng hãy đóng cửa, tất cả các công dân hãy đến dự lễ Háctan với lá cờ đen và treo quốc kỳ ở khắp mọi nhà.

Không những các tổ chức tiến bộ mà cả những tổ chức của tư sản như các hội bảo hiểm, các phường thương nhân, các phòng thương mại, v.v. đều đáp lại lời kêu gọi này.

---

1) Uỷ ban Ximông (tên gọi tắt của "Uỷ ban nghiên cứu thể chế Ấn Độ" do Ximông làm chủ tịch. G A. Ximông (1870-1954) - một luật gia Anh làm việc tại Bộ Nội vụ Anh. Ximông đề ra nguyên tắc quyền tự quản các tỉnh và lấy đó làm cơ sở xây dựng thể chế của Ấn Độ, thực chất là chia cắt Ấn Độ thành những vùng riêng biệt về tôn giáo và sắc tộc.

2) Trong nguyên bản, cụm từ "*All India Congress*" viết bằng tiếng Anh.

Phụ nữ Mađrat hội họp ở Gokhale và ra một lời kêu gọi, kết thúc bằng câu: "... Ta phải tỏ cho thế giới biết rằng cả nước một lòng, chỉ có một nền độc lập hoàn toàn mới thoả mãn được dân tộc".

Ngày 3 tháng 2, khi các thành viên của Uỷ ban lên bờ, họ được đông đảo dân chúng mang cờ đen đón tiếp và những băng vải đỏ với các dòng chữ "Hoan nghênh khách đến", "Ximông cút đi", "Đả đảo đế quốc Anh!", v.v..

Trong thành phố, giao thông bị đình trệ hoàn toàn, thợ thuyền bỏ nhà máy biểu tình trên các đường phố. Họ tập trung tại đại lộ Phôrát thành một cuộc mít tinh khổng lồ, đốt hình nộm của Bandin, Ximông và Mắcđô [1].

Dù các ông hiệu trưởng có đe dọa đi nữa thì l0.000 sinh viên cũng vẫn tham gia biểu tình. Cảnh sát bắt tay vào hoạt động. Hơn 80 người bị thương, trong đó nhiều người bị thương nặng, và độ một trăm người biểu tình bị bắt.

Ở Bombay, Mađrat, Amêđabat, v.v., tất cả các công sở đều đóng cửa, mọi việc đều bị dừng lại. Tại những trung tâm lớn có những cuộc mít tinh đông đến 50.000 người. Nhiều tốp lính và cảnh sát vũ trang canh gác những địa điểm chiến lược trong các thành phố, ô tô bọc thép tuần tiễu trên đường phố. Ở Mađrat, cảnh sát nổ súng vào những người biểu tình, hai người chết và bị thương độ 20 người.

Các quan toà tại Toà án Mađrat buộc phải đình các phiên xử. Ông cố vấn của Chính phủ đang đi chơi bằng ô tô bị giữ lại, xe của ông ta bị lật và đốt cháy.

Chưa bao giờ - ngay cả trong thời kỳ mà phong trào bất hợp tác theo chủ trương của Găngđi lên tới tột đỉnh - tinh thần của đất nước sôi động đến mức đó. Nữ tiến sĩ Bidan, một cụ bà bảy mươi tuổi người Anh, trở thành một người dân tộc chủ nghĩa Ấn Độ đầy

1) Những chính khách Anh lúc bấy giờ, như Mắcđônan (1866-1937) là một trong những người thành lập và lãnh đạo Đảng Lao động Anh, Thủ tướng Chính phủ Anh 1924, 1929-1931.

nhiệt tình, rất tích cực trong phong trào dân tộc và được nhân dân Ấn Độ rất yêu mến, đã đưa ra lời kêu gọi vang dội: "Hỡi những người con của Ấn Độ! Hãy đứng lên và đoàn kết lại! Tổ quốc cần đến tất cả các người!".

Phong trào sôi động đó đã buộc Ximông và những đồng sự của y trong Công Đảng phải lùi bước. Ngay khi tới, Chủ tịch Uỷ ban đã công bố là đồng ý cho phép có một "Joint Free Conference" (Hội nghị tự do của đông đảo quần chúng). Nhưng các lãnh tụ Ấn Độ cương quyết đáp lại: "Chúng tôi chẳng liên quan gì với Uỷ ban Ximông, dù ở thời kỳ nào và dưới hình thức nào". Mặt khác, ông Kale, thành viên của Hội đồng Lập pháp Bombay, đã đưa một kiến nghị nhấn ông Thống đốc báo với Chính phủ Anh rằng: "Hội đồng chẳng có một chút tín nhiệm nào đối với Uỷ ban Ximông... và cũng chẳng muốn liên quan gì với Uỷ ban...".

Trong một cuộc mít tinh lớn, ông tổng thư ký Uỷ ban tỉnh Bombay của Đại hội toàn Ấn đề nghị một chương trình hoạt động:

a) Tẩy chay hàng hoá;

b) Tổ chức thanh niên trong nước;

c) Từ chối trả thêm thuế đất;

d) Tổ chức quân đội của nhân dân và các binh đoàn tình nguyện;

e) Nếu có chiến tranh, không cho nước Anh một người, một xu!

WANG

Tập san *Inprekorr,*
tiếng Pháp,
số 28, ngày 17-3-1928.

GỬI MỘT ĐỒNG CHÍ TRONG QUỐC TẾ CỘNG SẢN

Đồng chí thân mến,

Tôi gửi cho đồng chí một bản sao bức thư tôi gửi cho Ban phương Đông để đồng chí được biết. Đồng thời tôi rất cảm ơn về việc đồng chí quan tâm đến vấn đề của tôi và nhanh chóng trả lời tôi. Đồng chí có thể hình dung nổi tôi đang sống trong một tình trạng tinh thần và vật chất như thế nào không: biết là có nhiều công việc nhưng không thể làm gì được, ăn không ngồi rồi, không có tiền, sống ngày nào hay ngày ấy mà không được phép hoạt động, v.v..

Ngay cả khi những sự vận động của đồng chí không có kết quả, đồng chí cũng viết cho tôi một chữ gửi Uỷ ban Trung ương [1] để tôi liệu quyết định. Hôm nay là ngày 12-4, tôi hy vọng nhận được tin tức của đồng chí vào ngày 24 tới. Tôi tin cậy ở đồng chí và gửi đến đồng chí lời chào cộng sản anh em.

NGUYỄN ÁI QUỐC

12-4-1928

Thư đánh máy bằng tiếng Anh,
lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

1) KPD - Đảng Cộng sản Đức.

THƯ GỬI BAN PHƯƠNG ĐÔNG QUỐC TẾ CỘNG SẢN

Các đồng chí thân mến,

Đây là tóm tắt tình hình của tôi:

Tháng 5-1927...	rời Quảng Châu
Tháng 6...	tới Mátxcơva
Tháng 7 - tháng 8	ở bệnh viện
Tháng 11	được phái đi Pháp
Tháng 12	rời Pháp (không thể công tác được do cảnh sát) đến hội nghị Bruyxen.
Tháng 1 - tháng 4-1928	Chờ chỉ thị của các đồng chí ở Béclin và sống bằng sự giúp đỡ của [1].

*

Vì không thể công tác ở Pháp, ở Đức thì vô ích, nhưng cần thiết ở Đông Dương, nên tôi đã xin lại lên đường về xứ sở này. Trong những thư gửi cho các đồng chí, tôi đã lập một ngân sách công tác và một ngân sách đi đường.

Khi đồng chí Đôriô qua Béclin, đồng chí đã hứa sẽ quan tâm đến vấn đề của tôi. Tôi đã nói với đồng chí ấy là nếu không được kinh phí công tác, miễn là đồng chí cho tôi tiền đi đường, thì dù thế nào tôi cũng sẽ đi, bởi vì đã một năm tôi lang thang từ nước này sang nước khác trong khi có nhiều việc phải làm ở Đông Dương.

l) Tên viết tắt của Tổ chức Quốc tế giúp đỡ các chiến sĩ cách mạng.

Nhưng cho tới nay tôi chưa nhận được chỉ thị của các đồng chí, cả câu trả lời của đồng chí Đôriô.

Hiện nay, tôi ở trong hoàn cảnh khó khăn không chịu nổi:

l) Chờ đợi vô thời hạn (tôi chờ chỉ thị đã 4 tháng).

2) Không có gì để sống vì rằng MOPRE không thể giúp tôi một cách vô hạn, ngay cả cho 18 đồng mác mỗi tuần (số tiền đối với tôi không đủ sống nhưng quá nặng cho tổ chức).

Vậy tôi xin các đồng chí cho tôi *càng sớm càng tốt những chỉ thị chính xác về điều mà tôi phải làm và bao giờ thì tôi có thể lên đường.*

Xin gửi lời chào cộng sản.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Béclin ngày 12-4-1928.
Tài liệu tiếng Pháp,
lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

PHONG TRÀO CÔNG NHÂN Ở ẤN ĐỘ

Theo những bản thống kê năm 1921, tại Ấn Độ, có 105.510.858 công nhân nam, nữ làm trong nông nghiệp, 346.349 người trong các mỏ, 16.728.373 trong công nghiệp, 5.819.375 trong thương mại. Theo *Factory inspection report* năm 1923, trong thời kỳ này, có 1.418.000 công nhân nữ, nam làm việc trong các nhà máy thực sự là nhà máy so với 1.270.000 người năm 1921.

Phần đông những người vô sản nông nghiệp làm việc trong các đồn điền trồng cây công nghiệp (đồn điền cà phê, cao su và cây chàm: 382.300 công nhân; đồn điền chè: 695.100; đồn điền trồng bông: 2.875.122; những đồn điền khác trồng cây có sợi: 15.672.372).

Lương rất thấp. Một công nhân có trình độ tay nghề trong ngành dệt lĩnh 29 rupi (bằng 250 phrăng) mỗi tháng. Một nữ công nhân cũng làm việc như thế chỉ lĩnh một nửa số tiền này. Ngày làm việc rất dài. Những người thợ mỏ làm hơn 12 giờ mỗi ngày.

Những điều kiện vệ sinh trong nhà máy cũng như trong nhà ở của công nhân thật tồi tệ. Người ta thường thấy sáu gia đình với tổng số 30 người sống chen chúc trong một nhà dành cho công nhân dài 5 mét và rộng 4 mét.

Trong 130 triệu lao động có độ 3.500.000 người được tổ chức. Phần lớn các nghiệp đ[1] đều chịu ảnh hưởng chủ nghĩa cải lương của Công Đảng Anh. Đây là một số chứng cớ mới về ảnh hưởng tai hại đó: ở phiên họp hằng năm của Đại hội Nghiệp đoàn toàn Ấn Độ, họp tại Capua, tháng 12-1927, vấn đề Đại hội này gia nhập Liên

1) Trong nguyên bản, viết tiếng Anh *"Trade Union"*.

đoàn phản đế được ghi vào chương trình nghị sự. Thế mà một số lãnh tụ Công Đảng Anh, tham dự Đại hội này đã thành công trong việc để vấn đề đó "đến một ngày sau". Ông Iôsai, Chủ tịch Nghiệp đoàn Bombay từ chối giúp đỡ cuộc bãi công mới đây của thợ dệt, viện cớ là những công nhân này không thuộc vào nghiệp đoàn của ông ta và họ đã phát động cuộc bãi công mà không hỏi trước ý kiến của ông.

Mặc dù có tình trạng vô tổ chức của thợ thuyền và thái độ hèn nhát của những người theo chủ nghĩa cải lương, sự nghèo khổ làm cho vô sản Ấn Độ cấp tiến hơn. Năm 1926 có 130 cuộc bãi công với 131.655 người tham gia. Năm 1927, có 128 cuộc bãi công với 186.811 người tham gia. Thế là năm 1927 có kém năm 1926 hai cuộc tham gia, nhưng số người bãi công cao hơn nhiều (hơn 55.156 người) và số ngày bỏ việc năm 1927 tăng gấp đôi năm 1926.

Năm 1928 bắt đầu bằng dấu hiệu phục hồi mạnh mẽ của phong trào công nhân. Không kể những cuộc bãi công chính trị chống Uỷ ban Ximông, số cuộc đấu tranh mang tính chất thuần tuý kinh tế diễn ra trong sáu tuần lễ đầu của năm đó như sau: ngày l0 tháng 1, bãi công của 22.000 thợ dệt ở Bombay. Ngày 22 tháng 1, bãi công của 400 thợ thuyền đường xe hoả tại Nắcpua; 21 tháng 1, thợ luyện kim ở Chalima bãi công đòi tăng lương; 31 tháng l, 700 công nhân xe lửa Cancutta cũng bãi công đòi tăng lương. Ngày 2 tháng 2, bãi công của lái xe tắc xi tại Rangun chống một thứ thuế mới do thống đốc Anh đặt ra; 11 tháng 2, bãi công của 2.500 công nhân khuân vác ở Rangun; 16 tháng 2, bãi công của 8.000 thợ nhà máy, Kôhinpua ở Bombay; 17 tháng 2, bãi công của 1.700 công nhân nhà máy Đarivan.

Dưới đây là mấy đặc điểm rất thú vị về bãi công của thợ thuyền ngành dệt ở Bombay: Phòng thuế chủ trương rằng cải thiện đời sống của công nhân là điều kiện nhất thiết phải có để tăng cường sản xuất. Chủ trương đó không phải vì một mục đích nhân đạo mà vì Phòng thuế muốn bằng cách này làm tê liệt sức cạnh tranh của những nhà kỹ nghệ Bombay, đem lợi lại cho các nhà kỹ nghệ Mansettơ. Về phía họ, các nghiệp chủ muốn làm cho công

nhân tưởng rằng vì lòng ái quốc mà họ muốn tăng sức sản xuất trong nước để có thể đánh bại được hàng hoá của Anh và, do đó, các công nhân cũng phải tỏ ra rằng mình yêu nước và đáng lẽ hưởng 58 rupi mỗi tháng như họ yêu sách thì chỉ nhận 42 rupi.

Cũng như các đảng viên Công đảng Anh, những đảng viên Công đảng Ấn Độ phản bội những người bãi công và rao giảng về "hoà bình công nghiệp". Nhưng công nhân bất cần cái "lòng ái quốc" vụ lợi của chủ cũng như họ bất cần cái "nền hoà bình" do những người cải lương nêu lên. Họ từ chối không ép mình dưới sự lý trí hoá, vì nó sẽ ném 15.000 người trong giới họ ra vỉa hè. Chỉ có Đảng công nông cương quyết ủng hộ những người bãi công và trong công cuộc tuyên truyền tổng bãi công, Đảng đó càng ngày càng được lòng công nhân, những người trông thấy ở Đảng phương tiện duy nhất thắng giới chủ.

WANG

Tập san *Inprekorr,* tiếng Pháp,
số 37, ngày 14-4-1928.

NÔNG DÂN ẤN ĐỘ

Trên 230 triệu người Ấn Độ, tức là 75% dân số, thuộc giai cấp nông dân, sống trong 685.000 làng ở Ấn Độ. 70% đất đai canh tác thuộc quyền sở hữu của các đại, trung địa chủ, số này chỉ bằng một phần ba số nông dân, trong khi đó 90 triệu nông dân tuyệt đối không có một chút ruộng đất gì.

Những địa chủ lớn nhất là Maharátgia phong kiến. Sau đó là các Talúcđa (công chức cao cấp cha truyền con nối), các Sácđa (chỉ huy quân sự) và các Giaminđa (điền chủ lớn). Để có thể bóc lột và áp bức hơn nữa quần chúng nông dân, họ câu kết với chủ nghĩa đế quốc Anh và được nhường cho những quyền lợi kinh tế rộng rãi nhất.

Vô cùng giàu có và cực kỳ phản động, những địa chủ đó hợp thành một khối dưới quyền lãnh đạo của các Maharátgia. Chủ nghĩa đế quốc tìm thấy ở họ một đồng minh trung thành và một chỗ dựa vững chắc. Vừa qua, một trong những người lãnh đạo của địa chủ tung ra một lời kêu gọi khuyên nhủ các địa chủ hãy đoàn kết chặt chẽ hơn nữa để nắm lấy toàn bộ chính quyền trong nước mà vẫn ở dưới "sự bảo hộ" của nước Anh. Hội nghị địa chủ các bang Bengan, Atsam và Oritxa (ngày 2-1-1928) quyết định ủng hộ Uỷ ban Ximông, yêu cầu thành lập hai viện lập pháp chứ không phải một như hiện nay, và thượng viện chỉ gồm những địa chủ. Trong bài diễn văn, chủ tịch hội nghị phàn nàn rằng quyền chính trị dành cho người Ấn Độ còn quá rộng rãi và còn "cho phép những phần tử không có của cải đưa vào luật pháp những xu hướng xã hội và cộng sản".

Bà Anna Bisan viết năm 1919: "Một nửa dân số nhà nông ở Ấn Độ chỉ có một bữa ăn trong mỗi ngày, mà, hơn nữa, một bữa cũng

không đủ ăn". Tình trạng này từ ngày ấy đến nay vẫn không thay đổi vì tình hình kinh tế của người Ấn Độ đáng lẽ được cải thiện thì lại mỗi ngày một trầm trọng thêm. Tháng 5 năm 1927, Bác sĩ Hađica nêu một bảng so sánh thu nhập theo đầu người: Hoa Kỳ 1.115 rupi; Anh 696; Pháp 546; Đức 468; Ấn Độ 15.

Nguyên nhân cái nghèo khổ cùng cực này là do đất thiếu, thuế má quá nặng, chiếm đến 75% hoa lợi của nông dân, diện tích trồng cây công nghiệp quá lớn khiến diện tích trồng ngũ cốc hụt đi. Năm 1925 chỉ có 32.968.000 hécta trồng lúa so với 10.645.000 hécta trồng bông, 287.000 hécta trồng chè và l.025.000 hécta trồng mía. Như vậy là một phần ba đất đai được dành riêng cho việc trồng trọt phục vụ công nghiệp và thương nghiệp của Anh.

Bên cạnh sự bóc lột của địa chủ Anh và địa chủ bản xứ, người nông dân Ấn Độ còn bị bóc lột một cách kinh khủng bởi những tên Sahuka hay những chủ nợ, chúng cho vay 30 rupi trước mùa gặt và đòi lại 146 rupi.

Đói kém là thường xuyên. Từ 1854 đến 1901 trên 28.825.000 nông dân chết đói! Chỉ riêng trong ba tháng cuối năm 1918, trên 7 triệu người Ấn Độ chết vì cúm. Những người không chết đói đi vào các thành phố, hợp thành một đội quân "vô sản mặc giẻ rách", sống vất vưởng bằng ngửa tay ăn xin. Năm 1927, người ta thấy trên 250 người ăn mày chết đói trong các phố Bombay. Cũng năm đó, ông Humantro, một nhà từ thiện Ấn Độ cung cấp cho chúng ta những số liệu sau đây về các làng mà ông đến thăm: trong 79 gia đình ở Sagam chỉ còn 3 người ở lại làng. Trong 811 người làng Mađrát chỉ còn 413. Ở Chankamanđimi trong số 60 người chỉ còn 3; tại Kengan trong số 200 người còn lại 40; ở Katagu trong số 500 người còn lại 125; ở Iurátgi, trong số 450 chỉ còn lại 200 và ở Khagian trong số 50 người chỉ còn 3.

Những người khốn khổ này bỏ làng không những vì đói mà còn để tránh bọn Sahuka, bọn địa chủ và bọn thu thuế.

Tuy không có tổ chức hoặc tổ chức còn lỏng lẻo, người nông dân- do nghèo khổ thúc bách - thường nổi dậy chống kẻ bóc lột. Từ

1792 đến 1921, chỉ trong bang Malaba, 36 cuộc khởi nghĩa của nông dân đã nổ ra. Các cuộc nổi dậy vào những năm 1841, 1844, 1849, 1896 và 1921 đều có tiếng vang lớn.

Những người nông dân ở Promơ (Miến Điện) tự tổ chức thành các Unthanu Rakita hay các Hội nông dân mà mục đích công khai là đấu tranh chống rượu, cờ bạc và tội ác. Sau phong trào chống thuế năm 1924, các Unthanu bị cấm. Tuy vậy, các tổ chức này vẫn tồn tại bí mật và cuối năm 1927, các Unthanu huyện Padinbin đã không chịu đóng thuế. Chính phủ cử lực lượng quân đội đến chống lại những người kháng cự. Hai nông dân bị giết và nhiều người bị thương.

Sau các sự kiện ở Padinbin, Chính phủ giải tán 11 tổ chức hoặc hội nông dân khác. Tuy có đàn áp nhưng cuộc vận động chống thuế vẫn tiếp tục ở Miến Điện và rải rác ở chính trên đất Ấn Độ, nông dân ở Alibay (huyện Maharátgia) thẳng thắn tuyên bố chống thuế. Ngày 10 tháng 1, 500 đại biểu tại Hội nghị tá điền Iubơnpua bỏ phiếu tán thành nghị quyết chống Uỷ ban Ximông và chống việc tăng thuế mới. Ngày 4 tháng 2, hội nghị các tiểu chủ ở Sunrat cũng đã thông qua nghị quyết ấy.

Báo *Mađratta,* tuần báo có thế lực lớn xuất bản ở Puna, khuyên nên chống đối ở khắp nơi. Trong số ra ngày 12 tháng 2, báo đó viết: "Nếu tất cả những người nông dân bị bóc lột tại tất cả các địa phương nhất trí trong một mặt trận thống nhất chống Chính phủ thì có thể làm cho Chính phủ biết điều hơn trong chính sách nông nghiệp của mình".

Ta nên nói thêm rằng Đảng công nông đã ghi vào chương trình ruộng đất của mình những yêu sách sau đây: quyền hoa lợi của đất trồng thuộc về nông dân và quốc hữu hoá đất đai!

WANG

Tập san *Inprekorr,*
tiếng Pháp, số 38, ngày 18-4-1928.

PHONG TRÀO CÔNG NHÂN VÀ NÔNG DÂN MỚI ĐÂY TẠI ẤN ĐỘ

Tại Ấn Độ cũng như ở các thuộc địa khác, chủ nghĩa đế quốc Anh đang tìm cách chia rẽ giai cấp vô sản bằng cách thường xuyên khơi sâu những thành kiến về chủng tộc. Vì thế tất cả các chỗ làm được trả lương cao đều dành cho người Anh và những người lai Anh-Ấn. Trong những nhà máy điện, những người này lĩnh mỗi ngày 15 rupi; họ có nhà ở sang trọng không phải trả tiền, trong khi thợ thuyền Ấn Độ chỉ được từ 4 [1] đến 1,5 rupi mỗi ngày và nhà ở phải trả tiền. Trong ngành xe hoả, một người Anh hoặc người lai lĩnh tới 7 rupi mỗi ngày; trái lại, một thợ không chuyên Ấn Độ chỉ được 8 anna và một công nhân được 13 anna mỗi ngày. Những viên chức người Anh và người lai, ngoài lương cao, còn có các trường học, vườn trẻ và hợp tác xã tiêu thụ mà Chính phủ hoặc các công ty dành riêng cho, cấm không cho người Ấn Độ đến, trong khi ấy các viên chức bàn giấy người Ấn chỉ lĩnh hằng tháng từ l0 đến 20 rupi.

Để đáp lại những đặc quyền đó, những viên chức người Anh và người lai hợp tác với giới chủ chống công nhân bản xứ. Các sự kiện đẫm máu ngày 28 tháng 3 vừa qua minh hoạ một cách rõ ràng thái độ bài vô sản của thứ thợ thuyền quý tộc này: những viên chức người Anh và người lai trên đường sắt Lilôa đã hợp tác tích cực với cảnh sát có vũ trang trong việc ám sát năm người bãi công có nhiệm vụ kiểm tra lệnh đình công.

---

1) 1 anna = 1/6 rupi.

Nhưng thợ thuyền Ấn Độ đấu tranh không mệt mỏi chống các mưu mô của đế quốc và các thành kiến chủng tộc. Vì thế nên mặt trận chiến đấu của họ được củng cố hằng ngày, như nhiều cuộc đấu tranh vừa qua đã cho thấy.

Ngày 21 tháng 2, 400 thợ điện các lò cao tại Iamsétpua bãi công để đòi tăng lương. Họ đòi 5 rupi mỗi ngày chứ không phải 14-15 anna như hiện đang lĩnh.

Ngày 5 tháng 3, sau khi sáu công nhân bị đuổi vì hoạt động nghiệp đoàn, 14.000 công nhân hoả xa ở Lilôa lãn công và, ngày 8, từ lãn công chuyển thành bãi công thực sự. Những người bãi công đòi cho các đồng chí bị đuổi được trở lại làm việc, đòi tăng 25% lương và đòi tự do nghiệp đoàn. Xin nhắc lại rằng Liên đoàn Công nhân hoả xa tồn tại đã được mười năm mà vẫn chưa được Chính phủ và công ty công nhận.

Ngày 7 tháng 3, 10.000 thợ làm việc cho thành phố bãi công đòi 30 rupi mỗi tháng chứ không phải 14 như hiện nay họ lĩnh.

Ngày 9 tháng 3 có cuộc bãi công của 2.500 thợ nhà máy bông ở Lútlốc vì một người thợ bị tên đốc công đánh.

Ngày 15 tháng 3, 900 thợ nhà máy Paren (Bombay) đấu tranh để đòi tăng lương.

Ngày 10 tháng 3 có một hội nghị của nhân viên bưu điện Mađrát.

Hiện nay họ chỉ lĩnh từ 10 đến 20 rupi mỗi tháng. Nhà ở của họ tiều tuỵ đến mức đáng sợ, trong khi những viên chức có đặc lợi, người Anh và người lai, lĩnh đồng lương đế vương và có nhà đầy đủ tiện nghi. Nhân viên bưu điện Mađrát đòi nâng lương từ 30 lên 40 rupi mỗi tháng. Ta hãy nhớ rằng một người đưa thư ở nông thôn, phụ trách đến 60 làng và đi bộ mỗi ngày 30 kilômét mà chỉ lĩnh có 16 rupi mỗi tháng.

Ngày 19 tháng 3, công nhân xe điện Mađrát họp hội nghị đặc biệt đòi tăng lương và phản kháng công ty đuổi thợ mà không hoàn lại số tiền ký quỹ họ đã phải nộp khi được nhận vào làm.

Ngày 22 tháng 3, Đại hội Liên hiệp nghiệp đoàn tỉnh Bombay, thay mặt cho 30.000 công nhân có tổ chức họp tại Đamôda. Nhiều nghị quyết đã được thông qua. Những nghị quyết đó đòi: ngày làm tám giờ, định lương tối thiểu, lương phải trả hằng tuần, có tiền bảo hiểm xã hội cho những trường hợp thất nghiệp, ốm đau, sinh đẻ, già yếu cải thiện điều kiện nhà ở cho công nhân, bãi bỏ chế độ phạt tiền và chế độ khấu lương để đền bù dụng cụ và vật liệu hỏng, trả lại tự do cho những công nhân vì hoạt động nghiệp đoàn mà bị bắt. Đại hội có dự kiến thay thế các nghiệp đoàn nghề bằng các nghiệp đoàn công nghiệp. Về phương diện chính trị, Đại hội tuyên bố chống chiến tranh và chống các luật đàn áp. Đại hội cũng đã dự kiến tổ chức một Đảng Lao động để bảo vệ các quyền chính trị của người lao động.

Những cuộc đấu tranh này của công nhân chỉ là rất thường tình nếu ta xét đến hoàn cảnh vô cùng khổ cực của vô sản Ấn Độ. Đây là một bảng so sánh minh hoạ số thu nhập theo đầu người, trong nhiều nước, do bác sĩ Hácđica lập ra vào tháng 5 năm 1927: Hoa Kỳ 1.116 rupi; Anh 696; Pháp 546; Đức 468, Ấn Độ 15. Ta cũng nên nói qua rằng vấn đề nhà ở là một trong những cái ung đau nặng nhất của vô sản Ấn Độ. Theo báo cáo của ông chủ tịch Liên hiệp thợ thuyền thành phố Mađrát, hơn 10.000 người lao động của thành phố này ngủ đêm ở các chuồng bò hoặc nhà xe, và điều này cũng đúng với những thành phố khác. Sự khổ cực kinh tế này làm cho tuổi thọ của người Ấn Độ rất thấp. Dưới đây là so sánh tuổi thọ tăng bình: Anh 51,5; Hoa Kỳ 50; Pháp 48,5; Đức 47,4; Ấn Độ 24,7. Tỷ lệ tử vong ở Ấn Độ cũng cao hơn ở bất kỳ nơi nào khác: Hoa Kỳ 12,9 phần nghìn; Anh 14,6; Đức 16,2 và Ấn Độ 30!

Nông thôn cũng nổi dậy, ngày càng có phản ứng mạnh đối với tình trạng như vậy. Ngày 15 tháng 2, tại Viện dân biểu Miến Điện, Chính phủ thuộc địa đề nghị cử "những đại biểu đặc biệt" đến các huyện đang đặc biệt tích cực chống thuế. Đề nghị đó bị bác với 24 phiếu chống trên 18 phiếu thuận. Thất bại đó của Chính phủ đã gây chấn động trong nước; lại càng chấn động khi Chính phủ buộc phải thú nhận rằng biện pháp cử "những đại biểu đặc biệt" là cần

thiết vì từ mấy tuần nay đã có đến 22 người thu thuế bị nông dân làm cho khốn đốn.

Để trả thù, ông thống đốc đã cấm 25 tổ chức nông dân và tôn giáo hoạt động và tăng cường cảnh sát ở 44 huyện.

Ngày 19 tháng 3, khi một người của họ bị ngược đãi, các culi ở đồn điền trồng chè lớn tại Đíchgubác đã nổi dậy và đẩy những tên đốc công vào tình trạng khốn đốn. Biến cố nhỏ này có một ý nghĩa lớn: những công nhân nông nghiệp vốn rất dễ bảo và thụ động giờ đây đã thức tỉnh và biết tự vệ. Một dấu hiệu của thời đại! Phong trào chống thuế ở Bácđôlê tiếp tục. Họ tổ chức những nhóm người tình nguyện để bảo vệ những nông dân bị doạ tịch biên. Chính cảnh sát huyện cũng có cảm tình với nông dân và tuyên bố rằng họ sẽ không thực thi những lệnh đàn áp của Chính phủ.

WANG

Tập san *Inprekorr,* tiếng Pháp,
số 43, tháng 5-1928.

CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC, KẺ TIÊU DIỆT NÒI GIỐNG BẢN XỨ

Từ sau chiến tranh, để khôi phục lại những đổ nát, chủ nghĩa đế quốc tăng cường bóc lột thuộc địa. Ngay cả nước Bỉ nhỏ bé cũng thành công khi noi gương "vinh quang" của các láng giềng lớn là Anh, Pháp và những nước khác. Báo "*Essor Colonial et Maritime Belge"* ("Sự phồn vinh của Bỉ trong thuộc địa và trên biển) (14-7-27) thành thực viết: "Nếu không có Cônggô... nước Bỉ sẽ ra sao... không một chân trời chính trị, không một hy vọng về kinh tế nào cả!". Thực vậy, nước Bỉ chỉ có Cônggô là thuộc địa. Nhưng nước Bỉ đã biết từ đó rút ra những món lợi đáng kể bằng cách phát triển kinh tế, kỹ nghệ và thương mại: Năm 1924, thương mại Bỉ ở Cônggô đạt 551 triệu phrăng. Năm 1925, lên tới 981 triệu phrăng.

Vì mạnh hơn nên đế quốc Pháp làm được nhiều hơn đế quốc Bỉ. Thương mại Pháp ở các thuộc địa năm 1927 - theo ông Phrăngxoa Mácsan - lên tới một con số lớn gấp bốn lần năm 1913! Nói đến con số đó chẳng phải là nói ngoa, vì công cuộc khai thác thuộc địa của Pháp mở rộng nhanh chóng từ năm này qua năm khác, như các con số sau đây cho thấy:

Thương mại riêng ở Tây Phi thuộc Pháp

(tính bằng triệu phrăng):

1921 ... 556

1922 ... 599

1923 ... 917

1924 ... 1.347

1925 ... 1.912

Thương mại riêng với các thuộc địa khác (trong 10 tháng đầu năm)

	1925		*1926*	
Angiêri	3.153	triệu	4.804	triệu
Tuynidi	701	-	1.244	-
Marốc	825	-	1.270	-
Mađagátxca	471	-	372	-
Đông Dương	1.162	-	1.934	-
Các thuộc địa khác	1.152	-	1.300	-

Anh, Italia và các nước thực dân khác cũng hành động như thế với các thuộc địa của mình.

Ngoài cái phần vinh ấy, có được là nhờ vào người bản xứ, những người này còn bị đè nặng bởi vô số thuế má, lao động khổ sai và các phương tiện bóc lột khác (chiếm đoạt ruộng đất, bắt phải tiêu thụ rượu và thuốc phiện), những phương tiện khiến dân số của nhiều thuộc địa bị giảm đi nhiều.

Điều mà ai cũng biết là lao động khổ sai được thi hành ở tất cả các thuộc địa Pháp, Bỉ, Anh và những nước khác. Người Pháp gọi là "tạp dịch", người Bỉ gọi là "lao động cưỡng bức", người Anh gọi là "lao dịch", v.v..

Tờ báo Bỉ nói trên thú nhận rằng "trong tất cả các thuộc địa, lao động cưỡng bức còn được coi và được sử dụng như một trong những đòi hỏi tất yếu của chế độ thuộc địa. Tuyên bố ngược lại chỉ có thể là ngu xuẩn, giả dối hoặc nguỵ trang... muốn chọn từ nào thì tuỳ ý".

Ở Hạ nghị viện Anh, ông Omxbai Gorơ, thứ trưởng Bộ thuộc địa, tuyên bố rằng "lao động của người bản xứ ở Kênya, được sung công, tối đa là 60 ngày mỗi năm, và ở Tây Phi thuộc Anh, mọi người phải lao động cưỡng bức để xây dựng đường xe hoả".

Ông Lêông Periê, Bộ trưởng thuộc địa Pháp, ban bố những sắc lệnh để "cho người bản xứ quen với lao động đều đặn... bằng cách dạy dỗ họ, khuyến khích họ và cả bằng những biện pháp *trừng phạt kỷ luật"*.

Chưa hết. Đại tá Ônxen và tướng Huyghe, hai vầng hào quang quân sự Bỉ đề xuất việc tập trung nghiêm ngặt 10.000 người lao động Cônggô, do các ông sếp người da trắng chỉ huy theo lối quân sự.

Hội quốc liên - ta hãy nhắc lại vì vinh dự của nó - cũng hoan nghênh việc thi hành lao động khổ sai. Đây là bản thông cáo báo chí của Văn phòng Quốc tế về Lao động (tháng 5-1927): "Một uỷ ban gồm những chuyên gia về lao động của người bản xứ hiện đang họp tại Văn phòng Quốc tế về Lao động để xem xét vấn đề lao động cưỡng bức của người bản xứ. Uỷ ban xem xét những nguyên tắc nêu lên trong bản tường trình của Văn phòng Quốc tế về Lao động để *quy chế hoá lao động cưỡng bức trong trường hợp không thể bãi bỏ được nó*...".

Những người *bản xứ bị cưỡng bức* lao động được đối xử như thế nào?

Ta hãy nghe chính những người châu Âu thú nhận: Trong một bức thư gửi đến Hội các quyền lợi thuộc địa (10-28)[1] ông Bộ trưởng thuộc địa Bỉ viết: "... Các ngài biết rằng còn phải làm nhiều cho việc xử lý những người da đen được các tư nhân thuê làm; nhiều hãng tư nhân chưa làm được cái cần thiết để bảo đảm đời sống vật chất tối thiểu cho họ: đồng lương khốn khổ không đủ sống, thức ăn, nhà ở, vệ sinh, v.v. thường không tốt...".

Trong một lá thư gửi cho báo *Manchester Guardian* (Người bảo vệ Mansétto), mục sư Oven tuyên bố rằng chế độ nô lệ độc đoán đã được áp đặt tại Kênya, rằng những người bản xứ phải đi bộ hàng trăm dặm để đến nơi làm tạp dịch. Ông nêu lên những sự việc và những con số; ông ta viết: Tháng 10-1922, tôi gặp 471 người bản xứ trong đó có 421 phụ nữ (một số lớn có mang), thiếu niên nam và nữ. Họ phải đi bộ mỗi ngày 30 dặm để mang cỏ về cho chính quyền. Họ lĩnh mỗi ngày từ 1/2 penny đến 2 [2]. Tháng 8 năm 1924, ông gặp những người bản xứ khác bị bắt làm lao động tạp dịch như thế, nhưng lần này họ không được lĩnh một xu nhỏ.

Lao động khổ sai và những hậu quả của nó làm cho số người chết lên đến mức kinh khủng trong các thuộc địa. Trong các thuộc

---

1) Con số này in nhầm, vì bài này đăng vào tháng 5-1928.

2) Penny và pence là đơn vị tiền tệ Anh, 1 penny = 12 pence.

địa Pháp, như Xanh - Pie và Micơlông, Tân Êbrít thuộc Pháp, v.v. người thổ dân đang trên đà bị diệt vong.

Báo *Times* thú nhận rằng từ năm 1874, khi Phigi bị đặt dưới quyền đô hộ của Anh, dân số người bản xứ giảm một cách rõ rệt. Cũng tờ báo đó (17-12-1927) viết: dân bản xứ miền Bắc Ôxtrâylia bị đe doạ diệt vong nhanh chóng và có những bộ lạc trước kia rất đông đúc nay đã hoàn toàn biến mất vì thuốc phiện.

Hoàng tử Bỉ Lêôpôn cũng thú nhận rằng nòi giống Cônggô bị đe doạ tiêu diệt. Và, có lẽ dù chẳng muốn, ông cũng lên án chế độ thực dân Bỉ. Ông viết cho Đại hội thuộc địa:

"Trước khi chúng ta đến, có thể nói rằng người da đen không hề di chuyển. Những bệnh, như bệnh buồn ngủ, trước kia chỉ giới hạn ở một nơi, và chỉ hoành hành trong những vùng nhỏ hẹp.

"Do nhu cầu, ta đã lôi kéo người bản xứ phải di chuyển... Các bệnh truyền nhiễm, trước kia bị khoanh lại, nay đã lan dần trong cả thuộc địa, gây ra những tai hại lớn; nó càng lớn hơn khi không có được một biện pháp miễn dịch... Đối với những bệnh này, người da đen, do nuôi dưỡng tồi, chỉ có thể chống đỡ bằng một sức đề kháng yếu ớt, *toàn bộ nòi giống họ phải chịu đựng tình trạng đó.* Hơn nữa, công việc làm chung đòi hỏi họ phải tập trung trong những điều kiện vệ sinh mà... những kẻ thuê người làm không phải bao giờ cũng làm tốt được...".

Hoàng tử kết thúc lá thư của mình bằng lời khuyên sau đây: "Ta chớ quên: lịch sử của nhiều chế độ thực dân đã cho thấy rằng *nhiều dân tộc bản xứ bị tiêu diệt hoàn toàn khi tiếp xúc với nền văn minh của người da trắng".*

Ta có thể kết luận rằng mọi chế độ thực dân đế quốc đều tiêu diệt hết các nòi giống bản xứ, và muốn cứu vãn những nòi giống này, ta phải lật đổ chủ nghĩa đế quốc!

WANG

Tập san *Inprekorr,*
tiếng Pháp, số 47, tháng 5-1928.

THƯ GỬI BAN PHƯƠNG ĐÔNG, QUỐC TẾ CỘNG SẢN

Béclin, ngày 21 tháng 5 năm 1928

Các đồng chí thân mến,

1. Tôi đã nhận đủ cái cần thiết để lên đường. Xin cảm ơn. Tôi sẽ ra đi vào khoảng tuần thứ ba tháng 5 này.

2. Do lúc này không thể trực tiếp liên lạc với các đồng chí, mọi sự liên lạc của tôi đều qua đồng chí Satô ở Liên đoàn chống đế quốc tại Béclin.

3. Trước khi lên đường, tôi xin phép trình bày mấy nhận xét về Ban thuộc địa thuộc Đảng Cộng sản Pháp.

Tôi đã thông báo với các đồng chí rằng Ban thuộc địa đó đã có nhiều tiến bộ (Trước kia chẳng có gì. Nay đã có những văn phòng và đồng chí thường trực). Tuy nhiên, mới làm được rất ít việc trong số những người bản xứ ở Pháp, ít ra trong những người Đông Dương. Báo chí. Đại hội. Tổ chức. Tất cả những thứ đó mới chỉ còn trên giấy. Tôi nghĩ rằng Ban thuộc địa thiếu sự linh hoạt trong công tác. Tôi xin kể trường hợp riêng của tôi. Trong một tháng rưỡi tôi ở Pari, vì đồng chí Đôriô đang ở tù, cho nên tôi không có dịp nào nói chuyện nghiêm túc với các đồng chí khác. *Nhiều lần*, tôi xin những địa chỉ chắc chắn để có thể liên lạc với họ khi tôi sẽ ở phương Đông, thì đồng chí có trách nhiệm đã *từ chối không đưa cho tôi*. Các đồng chí nói rằng Ban thuộc địa có một ngân quỹ dành cho công tác thuộc địa. Nhưng theo tôi biết quỹ *hoàn toàn rỗng,* thậm chí chẳng

có gì để lo ăn cho các đồng chí đi công tác qua.

Tôi kiến nghị:

a) Tài chính của Ban thuộc địa cần được các đồng chí kiểm soát.

b) Ban thuộc địa thường xuyên gửi đến các đồng chí những báo cáo về công tác đã làm và kế hoạch công tác sắp tới.

c) Ban thuộc địa phải tổ chức những phương tiện giao thông liên lạc đường Pháp - Đông Dương (qua Boócđô, Mácxây, Lơ Havơrơ), chuyển tên các đồng chí và tên các tàu đến chỗ Liên đoàn (đồng chí Satô) báo cho tôi biết, để tôi có thể bắt liên lạc với họ.

d) Sẽ là rất có ích nếu vài đồng chí của Đảng hay của Đoàn thanh niên Nga chịu trách nhiệm săn sóc các sinh viên Đông Dương ở Mátxcơva, giúp họ tìm hiểu đời sống công nhân và thực hành công tác tổ chức (tất cả họ không thuộc thành phần vô sản và, theo như tôi có thể nhận xét, họ biết rất ít các phương pháp tổ chức).

Xin gửi lời chào cộng sản.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Thư đánh máy bằng tiếng Pháp,
bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

CHẾ ĐỘ THỰC DÂN PHÁP VÀ XỨ ĐÔNG DƯƠNG

Trong tất cả các thuộc địa Pháp, Đông Dương là một thuộc địa rộng nhất và giàu nhất, với 710.000 kilômét vuông, 20 triệu dân và 4 tỷ đồng về thương nghiệp hằng năm.

Người xứ Đông Dương cũng là những người bị bóc lột và bị chà đạp nhất vì thuế khoá mỗi năm một tăng lên:

1913: 57.000.000 đồng	(tính số tròn)
1915: 62.000.000 "	"
1917: 70.000.000 "	"
1920: 84.000.000 "	"
1922: 87.000.000 "	"
1928: 91.500.000 "	"

Ngoài khoản sưu thuế đó, người Đông Dương còn bắt buộc phải đóng góp nhiều khoản khác nữa: 32.300.000 phrăng cho chi phí quân sự, 700.000 phrăng cho chi phí hàng không (1927), v.v..

Trong khi bóc lột người bản xứ, bọn đế quốc Pháp lại cho là chúng đang đem lại sự giáo dục và dân chủ cho họ.

Với 20 triệu dân, mà (năm 1926) Đông Dương chỉ có được 3.395 trường học với chưa đầy 214.000 học sinh. Trong khi đó, người Đông Dương - do sáng kiến của mình - đã tổ chức ra 6.751 trường học, tập hợp được 99.800 học sinh. Nhưng Chính phủ thuộc địa lại cố tìm mọi cách để cản trở phong trào giáo dục đó: họ thường đóng cửa các trường tư hoặc cấm người bản xứ không được tổ chức các trường tư mới. Đó là nói về giáo dục.

Còn đây là "dân chủ": Một giáo viên bản xứ lĩnh 555 phrăng và một giáo sư người bản xứ lĩnh 1.200 phrăng mỗi tháng, còn một giáo viên người Pháp lại lĩnh những 3.750 phrăng và một giáo sư người Pháp lĩnh những 6.000 phrăng mỗi tháng, đấy là chưa kể mọi thứ phụ cấp mà chỉ riêng giáo viên và giáo sư người Pháp mới được hưởng.

Ta hãy nêu ra một vài con số nữa: một viên thiếu uý Pháp lĩnh 62.244 phrăng; một viên trung uý Pháp được 77.844 phrăng; một viên đại uý Pháp thì được 93.444 phrăng; một viên công sứ ở Bắc Kỳ thì mỗi năm được 234.000 phrăng, chưa kể các khoản phụ cấp. Còn một công nhân nông nghiệp người bản xứ thì mỗi năm kiếm được từ 400 đến 500 phrăng.

Ách thống trị của bọn đế quốc được dựng lên không những chỉ bằng chính sách ngu dân, chế độ không bình đẳng và nạn bóc lột, mà còn bằng chính sách khủng bố và mật thám nữa. Ở Pháp, người ta nói rằng xứ Đông Dương chưa bao giờ được phồn thịnh và an ninh như thế cả. Nhưng nhà tù ở Đông Dương lại chật ních và chế độ kiểm duyệt thì thường xuyên.

Đây là một đoạn trích dẫn hai chỉ thị của Chính phủ nói về chế độ kiểm duyệt:

"Tôi ra lệnh cho các ông... phải thoả thuận với các chủ sở bưu chính để đặt việc kiểm soát các thư từ và văn kiện đủ các loại nhằm chặn những thứ đó lại cho kịp thời...".

Lệnh này là do viên thống sứ ở Cao Miên ký ngày 24-7-1925 gửi cho các nhân viên cảnh sát.

Một chỉ thị khác, gửi ngày 17-10-1926, yêu cầu các tỉnh trưởng hoặc những đại diện của họ phải hợp tác với cảnh sát để làm công việc đó và cho phép họ được "vào phòng gửi các bưu kiện để kiểm duyệt các thứ đó".

Người dân Đông Dương bị tước quyền tự do được tổ chức, đi lại, ăn nói và viết lách, họ đều bị bịt mồm bịt miệng và bị giám sát, tuy vậy đế quốc Pháp vẫn cứ luôn luôn run sợ cho nền thống trị của chúng. Chúng sợ cách mạng từ ngoài vào.

Chính Varen, đảng viên Đảng Xã hội là người được chúng giao cho trách nhiệm phải "trừ" mối nguy cơ đó. Và thực ra thì anh chàng đảng viên của Quốc tế thứ hai ấy đã cố gắng hết sức để xứng đáng với lòng tin cậy của các ông chủ của hắn. Chúng ta hãy nghe những lời thú nhận do anh ta ký tên đăng trên tờ *Tư bản* ngày 21-2-1928:

"Phương pháp trừ bỏ một nguy cơ là phải phòng trước nguy cơ đó. Chính tôi đã làm như thế. Tôi đã đặt biên giới vào tình trạng phòng thủ. Lúc tôi sang tới nơi, thì số quân của ta giảm đi một nửa so với hồi trước chiến tranh, quân nhu thì rõ ràng là thiếu thốn, các vùng biên giới được trang bị tồi. Đồng ý với Chính phủ, tôi đã tìm đủ mọi cách để trong một thời hạn ngắn nhất, cải thiện được tình hình thật sự nguy ngập đó. Ngay trước khi tôi sang Đông Dương, quân nhu, đạn dược cũng đã được tải từ Pháp sang, tiếp theo là vũ khí, sau cùng là quân đội tiếp viện. Ngay khi tôi sang tới nơi, người ta đã gấp rút trang bị cho quân đội đóng ở vùng giáp giới Trung Quốc. Bây giờ, đằng sau vỏ bọc chắc chắn hơn, chúng ta có thể dứt điểm tiến hành tổ chức quân đội".

Ngài Varen đã quên không nói thêm rằng mình cũng đã bán đạn dược cho bọn quân phiệt Trung Quốc ở Vân Nam, bạn đồng minh của ngài.

Dù bọn xã hội đế quốc chủ nghĩa có đề phòng như thế nào đi nữa, thì nạn nghèo khổ và sự bóc lột vẫn cứ thúc đẩy người dân Đông Dương làm cách mạng, để đạp đổ ách thống trị tàn bạo của chủ nghĩa đế quốc Pháp.

WANG

Tập san *Inprekorr*, tiếng Pháp,
số 49, tháng 6-1928.

CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐẾ QUỐC PHÁP Ở ĐÔNG DƯƠNG[1]

TÌNH HÌNH KINH TẾ

Đông Dương rộng 710.000 kilômét vuông và có dân số là 20.000.000 người, trong đó có trên 26.000 người Âu, không kể những binh lính Pháp.

Những thành phố lớn là:

Sài Gòn, thủ đô[2] của Nam Kỳ	108.000	dân
Chợ Lớn, thành phố ở sát Sài Gòn	203.000	-
Huế, thủ đô[3] của Trung Kỳ	60.500	-
Hà Nội, thủ đô[4] của Bắc Kỳ	74.500	-
Hải Phòng, hải cảng của Bắc Kỳ	74.500	-
Phnômpênh, thủ đô của Cao Miên	79.000	-
Viêngchăn, thủ đô của Lào	68.000	-

Những hải cảng là: Sài Gòn, cách biển 81 kilômét, với một lượng vận chuyển hằng năm là 3.600.000 tấn; Hải Phòng (Bắc Kỳ), cách biển 28 kilômét, với một lượng vận chuyển hằng năm là 1.200.000 tấn; Quy Nhơn và [5] (Trung Kỳ) với một lượng vận chuyển là 500.000 và 100.000 tấn.

---

1) Tài liệu này do cơ quan lưu trữ Đảng Cộng sản Liên Xô gửi Đảng ta, trên tài liệu có ghi: Bài của Nguyễn Ái Quốc gửi cho tạp chí *Thư tín quốc tế,* ngày 2-10-1928.

2, 3, 4) Dưới thời thuộc Pháp, Việt Nam bị chia làm 3 xứ, mỗi xứ lấy thành phố lớn làm thủ phủ.

5) *Tourrane:* Đà Nẵng.

Đông Dương có khoảng 2.200 kilômét đường sắt, trong đó 860 kilômét thuộc con đường Vân Nam - Bắc Kỳ. Có tất cả 150 đầu tàu, 400 toa hành khách và 1.650 toa chở hàng hoá.

Doanh số thương nghiệp của năm 1925 là: 4.236.685.000 phrăng

trong đó, nhập khẩu chiếm	1.780.501.000	-
và xuất khẩu chiếm	2.456.184.000	-

như vậy là trội hơn năm 1924 một tỷ và trội hơn năm 1923 hai tỷ.

SỰ TÍCH LUỸ TƯ BẢN

Tư bản của tất cả những doanh nghiệp Pháp đều tăng lên rất nhanh. Chúng ta hãy nêu lên, chẳng hạn:

Tư bản của công ty vôi đã tăng từ 600.000 lên đến 3.000.000 phrăng.

- của công ty nông công nghiệp Cam Tiêm từ 14 lên đến 30 triệu.
- của công ty trồng chè và cà phê ở Kon Tum từ 5 lên đến 15 triệu.
- của hãng vận tải liên hiệp từ 100 lên đến 300 triệu.
- của công ty xuất vốn cho cao su từ 100 lên đến 200 triệu.
- của công ty thương nghiệp, nông nghiệp và tài chính Đông Dương, từ 1 lên đến 10 triệu.
- của công ty xi măng Đông Dương, từ 8 lên đến 12 triệu.

Tư bản của công ty thăm dò và khai thác hầm mỏ ở Đông Dương đã tăng từ 12,5 lên đến 20 triệu.

Tư bản của Ngân hàng Đông Dương, một ngân hàng chi phối hầu như tuyệt đối nền thương nghiệp và công nghiệp ở Đông Dương, đã tăng một cách liên tục. Được thành lập năm 1875 với số tư bản là 8 triệu phrăng, đến năm:

1888, số tư bản đó đã lên tới	12.000.000
1900, ...	24.000.000
1916, ...	36.000.000

1910, ... 48.000.000

1920, ... 72.000.000

LỢI NHUẬN

Những hãng buôn ở thuộc địa đã giành được những lợi nhuận đôi khi vượt cả những tư bản ứng trước. Chẳng hạn năm 1924, Ngân hàng Đông Dương, với số tư bản là 72 triệu mà đã thu được một món lợi nhuận là 77.845.083 phrăng. Sau đây là tiến độ đi lên của lợi nhuận của các công ty:

Công ty xuất vốn cho cao su:

1918	3.378.486	phrăng
1920	4.950.014	-
1923	12.668.043	-
1925	32.573.850	-

Công ty đường sắt Vân Nam:

1917	1.121.000	phrăng
1919	1.543.000	-
1921	2.637.000	-
1923	3.275.000	-
1925	6.440.000	-

Công ty than đá Bắc Kỳ:

1912	1.926.000	phrăng
1914	3.302.000	-
1918	5.257.000	-
1920	17.601.000	-
1922	23.840.000	-
1923	35.037.000	-

Công ty lâm nghiệp và diêm Đông Dương:

1918	570.000	phrăng
1920	1.327.000	-
1922	1.733.000	-
1924	2.300.000	-
1925	3.414.000	-

CÔNG NGHIỆP HOÁ THUỘC ĐỊA

Báo *Thời đại* ngày 19-3-1927, người phát ngôn của chủ nghĩa tư bản Pháp, đã có lý khi nhận xét rằng: "Sự thật là ở nước ta, những tư bản, đã từ lâu vẫn tỏ ra e ngại đối với những doanh nghiệp khai thác lãnh thổ hải ngoại của chúng ta thì bây giờ lại sẵn sàng hướng về những doanh nghiệp ấy, nhất là ở Đông Dương". Thật vậy, kể từ khi cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa 1914 - 1918 chấm dứt, vô số những hãng hoặc công ty xuất vốn thương nghiệp và nông nghiệp đã mọc lên ở Đông Dương. Dưới đây, chúng tôi chỉ liệt kê những công ty có số tư bản trên một triệu phrăng:

Công ty Pháp ở Á châu, thành lập năm 1922, tư bản là		1.000.000
Công ty Optorg	... 1919 ...	20.000.000
Hãng anh em Đơnít ở Đông Dương	... 1922 ...	2.500.000
Hãng Duymarét ở Đông Dương	... 1922 ...	4.000.000
Hãng Poăngxa và Vâyrê	... 1921 ...	12.000.000
Tổng công ty các cửa hàng tổng hợp	... 1921 ...	12.000.000
Công ty Pháp - An Nam về sợi và xuất khẩu	... 1920 ...	4.000.000
Công ty Mácxây ở hải ngoại	... 1919 ...	1.500.000
Hãng vận chuyển Viễn Đông	... 1917 ...	20.000.000
Tổng công ty lụa Pháp ở Đông Dương	...1921 ...	7.000.000
Công ty hầm mỏ và luyện kim Đông Dương	... 1919 ...	16.000.000
Công ty điện lực Đông Dương	... 1921 ...	15.000.000
Công ty luyện kim, nhà máy cơ khí và xưởng đóng tàu Đông Dương	... 1919 ...	3.000.000
Công ty nhựa cây và sơn "JB"	... 1921 ...	1.000.000

Công ty công trình lớn Viễn Đông	... 1922 ...	25.000.000
Nhà máy xay xát Viễn Đông	... 1922 ...	25.000.000
Công ty vô danh xà lan và tàu kéo Đông Dương	... 1921 ...	4.000.000
Công ty vô danh bất động sản anh em Đơnít	... 1922 ...	15.000.000
Công ty Antraxit Bắc Kỳ	... 1920 ...	5.000.000
Công ty kinh doanh Á châu	... 1921 ...	1.000.000
Công ty thăm dò và xuất khẩu khoáng sản	... 1920 ...	7.500.000
Công ty Pháp làm đồ thuỷ tinh Đông Dương	... 1923 ...	10.000.000
Công ty máy làm lạnh ở Viễn Đông	... 1920 ...	10.000.000
Công ty sơn Đông Dương	... 1919 ...	1.075.000
Công ty mỏ Bàuman	... 1924 ...	1.100.000
Công ty mỏ vàng Bắc Kỳ	... 1924 ...	8.000.000
Công ty đồ thuỷ tinh Viễn Đông	... 1923 ...	5.000.000
Xanhđica nghiên cứu đường sắt	... 1921 ...	2.000.000
Công ty thuộc địa sản xuất thức ăn dinh dưỡng	... 1921 ...	2.500.000

CHIẾM ĐOẠT RUỘNG ĐẤT

Tư bản Pháp không chỉ hướng vào công nghiệp và thương nghiệp Đông Dương, mà còn thành lập những công ty lớn mạnh để khai thác đất đai:

Công ty Cao Miên, thành lập năm 1922 với số tư bản là		5.000.000	phrăng
Công ty ruộng đất thuộc địa	... 1923 ...	2.500.000	-
Công ty đồn điền đất đỏ	... 1923 ...	36.000.000	-

Công ty thương nghiệp và công nghiệp Pháp - An Nam	... 1922 ...	1.000.000	-
Công ty nghiên cứu trồng bông ở Đông Dương	... 1923 ...	1.000.000	-
Công ty Hớn Quản	... 1919 ...	3.000.000	-
Công ty công nghiệp và lâm nghiệp Đông Dương	... 1923 ...	1.000.000	-
Công ty chè Đông Dương	... 1924 ...	10.000.000	-
Công ty đường và chưng lọc Đông Dương	... 1923 ...	10.000.000	-

Chính vì vậy mà ở Nam Kỳ, 250.000 hécta đã bị những chủ đồn điền Pháp chiếm đoạt và 600.000 hécta sắp bị chiếm đoạt.

Hãng vận tải đường sông ở Nam Kỳ mua đất với giá 2,1 phrăng một mét vuông và đem bán lại với giá 1.440 phrăng một mét vuông.

Ở Bắc Kỳ, trên 112.000 hécta đất ruộng và 63.500 hécta đất có quặng đều nằm trong tay 150 chủ đồn điền và 34 chủ mỏ, đấy là chưa kể những đất tô nhượng chưa được khai khẩn.

Ở Trung Kỳ, cho đến năm 1925, chỉ có 62.000 hécta nằm trong tay người Pháp. Chỉ riêng năm 1926, đã có trên 300.000 hécta bị 180 người Pháp chiếm đoạt.

Ở Cao Miên, có tất cả 523.000 hécta đất trồng trọt, nhưng khoảng 1/3 số đó nằm trong tay những tên thực dân hay trong tay giáo hội Giatô.

Ở Lào, những người Pháp đã thiết lập chế độ "Khu dự trữ" - một chế độ mà những người Mỹ đã dùng đối với dân da đỏ và những người Nhật đã dùng với dân Đài Loan - nhằm mục đích chiếm đoạt của người bản xứ 200.000 ha đất đỏ.

SỰ ĐỘC QUYỀN

Chủ nghĩa tư bản thực dân có xu hướng tiến tới sự độc quyền. Tất cả những xí nghiệp đông đảo đó ở Đông Dương đều phụ thuộc

vào một vài công ty có thế lực. Chẳng hạn, chúng ta thấy công ty rượu của Pháp ở Đông Dương tham gia vào các xí nghiệp sau:

Ngân hàng tín dụng ruộng đất Đông Dương

Nhà máy thuỷ tinh Viễn Đông

Công ty than và mỏ kim khí Đông Dương

Vận chuyển đường sông

Công ty nông công nghiệp Cam Tiêm

Công ty thức ăn đạm

Công ty than đá Bắc Kỳ.

Công ty thương nghiệp, nông nghiệp và tài chính Đông Dương, công ty "SICAF" như người ta thường gọi, lãnh đạo những công ty sau đây:

Công ty chè (Kon Tum)

Công ty bông (Sài Gòn)

Công ty nông nghiệp (Kon Tum)

Công ty chè An Nam

Công ty thương nghiệp Pháp - An Nam

Công ty công nghiệp và lâm nghiệp Biên Hoà

Công ty nông công nghiệp Bến Củi

Tổng công ty tơ lụa Pháp và Đông Dương

Công ty cà phê Đông Dương

Công ty nông nghiệp Sông Ruy.

Công ty tài chính Pháp và thuộc địa kiểm soát:

Ngân hàng tín dụng ruộng đất Đông Dương

Công ty cao su Đông Dương

Công ty cây nhiệt đới Đông Dương

Công ty bông Sài Gòn

Công ty máy xúc và công trình công cộng

Nhà máy thuỷ tinh Viễn Đông

Công ty xà lan và tàu kéo

Đồn điền cao su Bình Lộc

Nhà máy đường và rượu Đông Dương

Nhà máy nước và điện Đông Dương

Tân công ty phốt phát Bắc Kỳ

Những mỏ vàng Đắc Lắc

Những nhà máy giấy Đông Dương

Nhà máy in Viễn Đông

Những nhà máy lụa Đờlinhông.

Hãng S.F.F.C. có những chi nhánh đến tận các thuộc địa ở châu Phi.

ĐẦU SỎ TÀI CHÍNH

Những công ty chỉ đạo, đến lượt chúng lại nằm dưới sự kiểm soát của Ngân hàng Đông Dương; mà ngân hàng này lại nằm trong tay một nhóm nhỏ những nhà tài chính độc quyền. Trong hội đồng quản trị của ngân hàng đó, chúng ta thấy có những tên sau đây:

Đờ Môngplanê, chủ tịch tổng công ty tín dụng công nghiệp và thương nghiệp.

Bêtơnốt, chủ tịch ngân hàng tín dụng Liông.

Boayê, chủ tịch chi điếm quốc gia chiết khấu Pari.

Rôxtan, phó chủ tịch chi điếm quốc gia chiết khấu Pari.

Đơnít, chủ tịch công ty anh em Đơnít.

G.Picốt, phó chủ tịch tổng công ty tín dụng công thương nghiệp.

Xtécnơ, quản trị ngân hàng Pari và Hà Lan.

Đờ Tơragômanh, quản trị ngân hàng tín dụng ruộng đất Pháp.

Và anh em Hônbéc nổi tiếng, có tên trong tất cả những xí nghiệp khai thác ở Đông Dương.

TƯ BẢN NƯỚC NGOÀI Ở ĐÔNG DƯƠNG

Chúng tôi không có những thống kê chính xác về tư bản nước ngoài đầu tư ở Đông Dương. Nhưng một vài số liệu dưới đây cũng

đủ chứng tỏ sự tiến triển của tư bản nước ngoài:

Nhật xuất khẩu sang Đông Dương:

2.455.231 yên trong năm 1923

4.214.889 1924

6.382.512 1925

và nhập từ Đông Dương:

15.329.699 yên trong năm 1923

25.077.436 1924

62.272.000 1925

Năm 1924, 101 tàu Anh cập cảng Sài Gòn với 341.364 tấn hàng hóa (gần bằng nửa tổng số trọng tải hàng hoá Pháp lúc đó là 724.874 tấn), và 179 tàu Anh đã rời cảng Sài Gòn với 335.203 tấn hàng hoá. Cũng trong năm đó, 242 tàu của nước Anh đã cập cảng Hải Phòng và rời cảng đó với 285.441 tấn hàng hoá.

Năm 1926, những quan hệ thương mại của Anh với Đông Dương về mặt xuất khẩu là 323.667 xtéclinh, về mặt nhập khẩu là 328.824 xtéclinh.

Năm 1925, Mỹ bán cho Đông Dương 1.125.047 đồng hàng hoá và mua của Đông Dương 28.568 đồng nguyên liệu.

Xuất khẩu và nhập khẩu của Mỹ với Đông Dương trong năm 1926 được đánh giá là 1.434.049 đồng cho xuất khẩu và 211.877 đồng cho nhập khẩu.

ĐỐI KHÁNG THỰC DÂN Ở ĐÔNG DƯƠNG

Nước Nhật đã nhiều lần gửi những "Phái đoàn tuyên truyền", "Phái đoàn nghiên cứu" hoặc "Phái đoàn thương mại" đi khắp Đông Dương. Mặc dù người Pháp thực tình không ưa những ông khách đáng nghi ngờ đó nhưng họ vẫn buộc lòng phải tỏ ra niềm nở, phải tiếp đón những phái đoàn ấy một cách long trọng và đưa họ đi tham quan khắp nơi. Những cuộc du hành ấy của những đại biểu Nhật làm cho chủ nghĩa đế quốc Pháp không yên tâm không những về phương diện kinh tế mà cả về phương diện chính trị. Vì mỗi khi

có một cuộc thăm viếng như vậy thì người An Nam hình như đột nhiên bừng tỉnh nhớ đến tình cảnh bị áp bức của mình, tình cảnh bị áp bức của "những người anh em họ của mình tại đế quốc mặt trời mọc", và cũng nhớ đến khẩu hiệu "Châu Á của người châu Á".

Người Nhật Bản đòi một biểu thuế quan được ưu đãi. Người Pháp không muốn cho người Nhật được hưởng như vậy, nhưng cũng không dám công khai từ chối.

Những cuộc thương lượng đang diễn ra giữa Chính phủ Nhật và Chính phủ Pháp về việc Nhật yêu cầu được tô nhượng những mỏ sắt ở Cao Miên.

Để chứng minh rằng mình chú ý nhiều đến Đông Dương, Chính phủ Nhật vừa mới đổi lãnh sự quán Hải Phòng của mình thành Tổng lãnh sự quán Bắc Kỳ. Ngược lại nước Pháp lại không cho phép Trung Quốc có quyền gửi những lãnh sự sang Đông Dương để bảo vệ quyền lợi của nửa triệu người Trung Quốc sinh sống ở đó.

Năm vừa qua ông M. Uynxtơn, thư ký ngân khố Oasinhtơn, đã đưa ra ý kiến rằng, vì nước Pháp không thể trả được nợ của mình mà nước Mỹ lại cần nhiều cao su, và Đông Dương thì lại có nhiều đất trồng cao su, cho nên thật rất tốt cho tất cả mọi người nếu người Pháp tô nhượng cho nước Mỹ - thay cho việc trả nợ - *một vài triệu hécta đất đỏ (tháng 8 năm 1926)*.

Ông Uynxtơn đã được nhiều nghị sĩ của thượng nghị viện và hạ nghị viện Pháp tán thành. Một vài tờ báo Pháp cũng ủng hộ ý kiến của ông ta.

Với sự ủng hộ của chủ nghĩa đế quốc Anh, nước Xiêm cũng đưa ra những yêu sách với người Pháp ở Đông Dương. Chẳng hạn, ngày 31-7-1926, nước Pháp phải ký những hiệp nghị thừa nhận nước Xiêm có một chế độ quan thuế và thuế khoá độc lập, thừa nhận những quyền tự do rộng rãi cho những công dân Xiêm ở Đông Dương.

SỰ BÓC LỘT NGƯỜI AN NAM

Nếu người Pháp thấy lợi nhuận và tư bản của họ tăng lên

nhanh chóng, thì người An Nam cũng thấy sự nghèo khổ và những đảm phụ mình phải chịu cũng tăng lên nhanh chóng.

Tổng ngân sách toàn Đông Dương do những người bản xứ đóng góp đã tăng lên như sau:

1913	57.370.000	đồng
1915	62.230.000	-
1917	63.860.000	-
1920	70.170.000	-
1921	84.760.000	-
1922	87.120.000	-
1923	88.120.000	-
1924	89.830.000	-

Hơn nữa người An Nam còn phải đóng góp đầy đủ cho những ngân quỹ địa phương nữa: 17.800.000 đồng cho ngân quỹ Nam Kỳ, 18.200.000 đồng cho ngân quỹ Bắc Kỳ, v.v.. Ngoài ra họ còn phải đóng góp cho những khoản chi tiêu của các cơ quan thuộc địa ở chính quốc. Năm 1927, những số tiền đóng góp ấy là:

Chi tiêu quân sự ...	130.000.000	đồng
Hàng không quân sự ...	700.000	-
Trường học thuộc địa ...	225.000	-
Cơ quan kinh tế ...	880.000	-
Viện nghiên cứu thuộc địa ...	302.000	-
Cơ quan thanh tra thuộc địa..	240.000	-
Hội đồng tối cao của các thuộc địa	20.000	-

Ngoài những khoản thuế khoá và đảm phụ ấy, người bản xứ còn buộc phải mua quốc trái, buộc phải quyên góp để khôi phục đồng phrăng, để giúp đỡ những miền bị tàn phá, v.v..

Khi đã thấy rõ diện tích bao la của phần ruộng đất bị chế độ thực dân chiếm đoạt và tiến độ đi lên của thuế má, thì thật là thừa nếu nói thêm rằng nông dân An Nam đang ở trong những điều kiện

cùng khổ không thể tưởng tượng được.

Từ năm 1914 đến 1924, giá sinh hoạt tăng thêm 47%, nhưng tiền lương của công nhân hầu như vẫn đứng nguyên tại chỗ.

Công ty than đá Bắc Kỳ chiếm 21.900 hécta đất mỏ và sử dụng 16.500 công nhân bản xứ. Với tư bản 16 triệu phrăng, năm 1925 công ty đó đã kiếm được 35 triệu phrăng tiền lời, trong khi đó, người thợ mỏ mỗi ngày chỉ lĩnh được 25 xu, tức là mỗi tấn được lĩnh 2,27 phrăng. (Đàn bà được lĩnh 20 xu, trẻ em được lĩnh từ 10 đến 15 xu).

Công nhân làm trong các nhà máy bông vải sợi ở Bắc Kỳ làm suốt ngày từ 6 giờ sáng đến 9 giờ tối được lĩnh 15 xu.

Công nhân nông nghiệp trong các đồn điền cao su Bà Rịa cứ mỗi hố được lĩnh 6 xu. Do công việc khó khăn và khí hậu oi bức, mỗi ngày một công nhân chỉ đào được 2 hố là nhiều, thành thử tiền công của họ được khoảng 12 xu.

Mỗi công nhân cạo mủ cao su làm trong công ty nông nghiệp Xuygiana phải phụ trách 9 hécta, nghĩa là từ 900 đến 1.500 cây cao su mới được lĩnh số tiền công nhật từ 15 đến 20 xu.

Một sắc lệnh ra ngày 11-11-1918 quy định rằng lao động của trẻ em không được vượt quá 10 giờ một ngày.

Về mặt thương nghiệp, với doanh số hằng năm là 5 tỷ, Đông Dương có 50 nghìn tiểu thương người An Nam (22 nghìn người ở Nam Kỳ), thương nghiệp lớn và trung bình nằm trong tay những người nước ngoài.

VÔ SẢN HOÁ NGƯỜI BẢN XỨ

Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản thực dân ở Đông Dương đã tạo ra ở xứ đó hai giai cấp vô sản, giai cấp vô sản công nghiệp và giai cấp vô sản nông nghiệp.

Đa số công nhân công nghiệp làm trong các hầm mỏ và vận tải. Ở Bắc Kỳ có khoảng 30 nghìn thợ mỏ chia ra như sau:

15.500 trong những hầm mỏ ở Hòn Gai

2.500 trong những hầm mỏ ở Bắc Cạn

1.500 trong những hầm mỏ ở Đông Triều

1.200 trong những mỏ than ở Bắc Kỳ

1.200 trong vùng đất sở hữu Kế Bào

1.200 trong những hầm mỏ ở Tràng Đà (tỉnh Tuyên Quang)

900 làm thuê cho công ty hầm mỏ Bắc Kỳ

900 trong những hầm mỏ ở Hà Nam và Hoà Bình

900 trong những mỏ thiếc ở Cao Bằng.

Ngành đường sắt có khoảng 11.500 công nhân, trong đó có 3.750 công nhân làm trên con đường Bắc Kỳ - Vân Nam (2.600 người An Nam và 1.150 người Trung Quốc).

Trong 65 nhà máy xay xát gạo lớn nhỏ ở Nam Kỳ có khoảng 7.000 công nhân, chưa kể một số lớn nhân công phụ làm công nhật (những người đánh xe, chở thuyền, v.v.).

Sau đó là:

2.000 công nhân trong những nhà máy dệt Nam Định

1.000	- -	trong những xưởng sửa chữa tàu thuỷ ở Hải Phòng
800	- -	trong xưởng tàu Sài Gòn
800	- -	trong hãng rượu Phôngten
600	- -	trong nhà máy cơ khí Hải Phòng
600	- -	trong nhà máy in Viễn Đông
650	- -	trong nhà máy gạch ngói Đông Dương.

Những nhà máy, công xưởng sử dụng 400 công nhân thì rất nhiều, đó là: nhà máy xi măng Poóclan, xí nghiệp Ácđen, nhà máy điện, những xưởng máy của công ty chuyên chở và dắt hàng, v.v..

Một trong những đồn điền cao su lớn ở Nam Kỳ sử dụng trên 3.600 công nhân nông nghiệp, một đồn điền khác sử dụng 3.300 công nhân, v.v..

Ở Bắc Kỳ tuy rằng những đồn điền đều hẹp hơn, nhưng số những công ty hoặc công ty nông nghiệp Pháp sử dụng trên 100 công nhân thì có rất nhiều. Thường tất cả những thành viên trong 1 gia đình đều làm cho cùng 1 đồn điền, lúc đó người ta coi gia đình là một đơn vị tức là "gia đình tá điền". Những gia đình đó gồm từ 2 đến 10 người. Trong số những doanh nghiệp nông nghiệp chúng tôi xin nêu:

Đồn điền Vielê	300 gia đình
Công ty thuốc lá Đông Dương	200 gia đình và 400 công nhân
Bonnơpho	200 gia đình
Guyôm	200 -
Huytlê	140 -
Râynôn	130 -
Kêple	100 - và 100 công nhân
Bécđê	100 -
Cácđê	110 -
Công ty nông lâm Yên Mỹ	600 công nhân
Cliét, Mahê và công ty	500 -
Bôren	150 -
Bà goá Halaba	150 -
Lơgiơn	150 -
Lêvi	100 -

v.v..

LAO ĐỘNG KHỔ SAI ĐỐI VỚI NGƯỜI BẢN XỨ

Trước khi người Pháp đến Đông Dương thì lao động khổ sai dưới hình thức lao dịch đã tồn tại. Nhưng chúng tôi đặt vấn đề lao động cưỡng bức dưới một hình thức khác hơn và hiện đại hơn.

Mặc dù Đông Dương có một dân số lớn, nhưng chủ nghĩa tư bản thuộc địa vẫn đang đứng trước tình hình khó khăn khó tìm được đủ nhân công. Vấn đề là như sau:

Nông dân Cao Miên và Lào phản ứng mạnh mẽ chống lại công việc nặng nhọc mà chủ đồn điền Pháp muốn cưỡng bức họ tiến hành.

Nam Kỳ với đất đai khá màu mỡ và dân số thưa thớt không cung cấp được nhân công rẻ tiền.

Thế là chỉ còn người An Nam ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ bị sự cùng khổ đẩy đến chỗ phải lao động trong những điều kiện nặng nề, và họ là đạo quân hậu bị cho thị trường lao động.

Nhưng hiện nay số cầu về nhân công lại lớn hơn số cung về nhân công:

1. Chủ nghĩa quân phiệt Pháp cần có những người bản xứ cho những trại lính của nó.

2. Những đồn điền Pháp ở châu Úc cần có những nô lệ cho đồn điền của chúng.

3. Những chủ đồn điền Pháp ở Nam Kỳ, Cao Miên, Trung Kỳ, Lào và Bắc Kỳ, tất cả bọn họ đều cần có nhân công giá rẻ.

4. Những hầm mỏ, nhà máy, xưởng thợ của Pháp cần có một dự trữ dồi dào về nhân lực cho những xí nghiệp của họ.

5. Chính phủ thuộc địa cần có những người đàn ông đi làm tạp dịch.

Công việc đê điều ở Bắc Kỳ cần 60.000 người. 35.000 người sẽ là cần thiết cho những đồn điền ở Nam Kỳ và 15.000 người cho những đồn điền ở Cao Miên (không kể những người đã có công ăn việc làm), 10.000 người cho những đồn điền ở châu Úc, v.v.. Nếu kể thêm những yêu cầu về mặt quân sự và công nghiệp thì cần đến khoảng 200.000 người có sẵn để thuê mướn. Vì sao khó mà tìm ra 200.000 người trong một đất nước có một dân số là 12 triệu người (Trung Kỳ và Bắc Kỳ).

Trước hết cần phải có những người vạm vỡ, trong khi đó đa số người An Nam lại ốm yếu do sự cùng khổ về sinh lý, (mỗi năm có 2 triệu trong số 5 triệu người An Nam ở Trung Kỳ bị đau mắt). Sau nữa là vì sợ bị ngược đãi, người An Nam chỉ vào làm trong những xí nghiệp Pháp khi họ bị thúc ép bởi sự cùng khổ đến cực độ.

Chính vì vậy mà người Pháp thường nói đến chuyện "thiếu nhân công" và họ nghĩ đến việc đưa ra những "thông báo về nhân công", nghĩa là việc tuyển mộ cưỡng bức hoặc "chế độ tình nguyện" cưỡng bức được thi hành trong cuộc chiến tranh 1914-1918, nhằm mộ lấy 10.000 người An Nam gửi ra mặt trận ở Pháp và ở Salô[1].

SỢ HÃI CÁCH MẠNG

Mặc dù có hoạt động bề ngoài về kinh tế, và mặc dù làm ra vẻ an tâm, những tên đế quốc Pháp ở Đông Dương luôn luôn bị ám ảnh bởi ý nghĩ về một cuộc cách mạng sắp tới. Việc đã tạo ra một giai cấp vô sản và dạy cho người An Nam biết sử dụng súng ống là một bằng cớ chứng tỏ chủ nghĩa đế quốc tự mình đào hố để chôn mình.

Hiện nay chỉ một mảnh truyền đơn do một học sinh nhỏ phân phát cũng đủ để làm cho toàn bộ Chính phủ thuộc địa phải đề phòng, và cái bóng của một phong trào nhân dân cũng đủ để làm cho những phiếu cổ phần thuộc địa bị sụt giá trên thị trường tài chính.

Cái mà bọn đế quốc thường sợ hãi đó là sự tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản.

Nói chuyện ở Côngxtăngtin, ngày 22-4-1927, ông Xarô nguyên là toàn quyền Đông Dương, Bộ trưởng Bộ Thuộc địa và Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã nói: "... Và chủ nghĩa cộng sản Pháp, theo lệnh của nước ngoài đều nhằm vào tất cả những điểm liên kết đời sống dân tộc của chúng ta để tuần tự làm hư hỏng tất cả những bánh xe trong bộ máy, huỷ hoại những cơ quan, phá vỡ những tổ chức, phá hoại những cơ chế hoạt động của chúng ta, đặc biệt là trong những năm gần đây nó ra công tìm cách bẻ gãy những chìa khoá quan trọng của sự nghiệp thực dân vĩ đại của chúng ta. Chính phủ không thể dung túng những kích động cách mạng, nội chiến, sự sụp đổ của quốc gia. Chính phủ đã trừng trị nó, và sẽ còn trừng trị nữa...".

Khi nhận chức toàn quyền, Varen - đảng viên Đảng Xã hội -

---

1) Căn cứ của quân đồng minh chống Đức trong chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918) ở Hy Lạp.

tuyên bố rằng nhiệm vụ đầu tiên của mình là dùng mọi biện pháp để ngăn cản sự thâm nhập của công cuộc tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản vào Đông Dương.

Tuy được bảo vệ bằng một đội quân 25.000 người (con số chính thức là 21.614 người), một hạm đội 27 tàu chiến (con số chính thức là hai pháo hạm, 4 ngư lôi hạm, 21 tàu có vũ trang), chủ nghĩa đế quốc Pháp ở Đông Dương luôn luôn lo sợ cho số mệnh của mình. Năm 1928, khoản chi phí quân sự của ngân sách Bộ Thuộc địa ngốn mất 393 triệu phrăng, như thế là nhiều hơn năm 1927 đến 81 triệu phrăng.

Đến tháng 6, người ta gửi sang Đông Dương ông Mannơcanh, nguyên là Cảnh sát trưởng quận Xen và là viên chức đặc biệt của tổng nha cảnh sát, để lãnh đạo cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cộng sản ở Đông Dương, theo lời của bản thông cáo chính thức.

Khi trở về Pháp, ông toàn quyền Varen đã có những cuộc hội đàm đặc biệt với các ông bộ trưởng Bộ hải quân và Bộ chiến tranh về vấn đề tăng cường bảo vệ Đông Dương.

Tháng 7 năm 1927, tướng Clôđen, uỷ viên hội đồng chiến tranh tối cao sang Bắc Kỳ để nghiên cứu tại chỗ những biện pháp quân sự cần được tiến hành.

Người ta vừa thành lập ở Đông Dương 2 đại đội lính pháo thủ, 4 tiểu đoàn lính sơn cước, một cụm pháo binh gồm 3 khẩu đội, một phi đội và những phân đội xe tăng, những phân đội súng máy khác.

Luôn luôn nói đến chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa đế quốc đã tuyên truyền cho chủ nghĩa cộng sản, mặc dù nó không muốn và không biết như vậy.

Tài liệu tiếng Pháp,
lưu tại Cục lưu trữ
Văn phòng Trung ương Đảng.

ĐÔNG DƯƠNG KHỔ NHỤC

"Ở Đông Dương giết người là việc xảy ra hằng ngày", một diễn giả đã tố cáo như vậy ở Đại hội Liên đoàn chống áp bức thuộc địa và chống chủ nghĩa đế quốc họp ở Brúcxen. Câu nói đơn giản nhưng bao hàm cả sự thật hiển nhiên, đau xót của dân tộc đang bị đày đoạ này, mà đế quốc Pháp đang ra sức bưng bít những tiếng kêu gào của họ. Thực thế, ở đây, trong cái "pháo đài của nước Pháp ở Thái Bình Dương" ấy, người ta được mục kích hằng ngày những hành vi bạo ngược, giết người ăn cướp ghê tởm nhất. Dĩ nhiên là những tội ác của bọn thực dân tàn bạo ấy được chính quyền bao che. Từ người đại diện tối cao của Nhà nước chính quốc đến những tên thực dân bình thường, ai nấy cũng tự ý và đua nhau giết hại, bóc lột đến tận xương tuỷ dân tộc đã bị chinh phục này. Chính Toàn quyền Varen, một đảng viên xã hội, đã cướp không hàng chục nghìn hécta đất của nông dân đem cho bạn nó; chính viên đội Đuyruýt đã bắt phạm nhân tự đào lấy mồ, đánh chết họ như đánh chó rồi đem chôn cất những người đang còn sống; một tên cai mỏ than ở Bắc Kỳ, đã làm chết một anh thợ bằng cách đánh anh gãy hai chiếc xương sườn vì anh đã dám coi thường nó. Đối với những tên sát nhân ấy, tòa án đã cho đứa thứ nhất vô tội, kết án đứa thứ hai hai tháng tù treo. Thật đúng là một thứ công lý chính tông! Đương nhiên cướp của giết người đối với bọn thực dân cá mập là những điều hợp pháp! Chúng ta không có đủ thì giờ kể hết tội ác của bọn côn đồ ấy. Chúng ta chỉ cần nói rằng đế quốc Pháp với quân lính của chúng đã coi tính mạng người Đông Dương như cỏ rác, muốn thì chúng tước đoạt của cải, thích thì chúng bắn giết.

Nhưng áp bức càng đè nặng lên vai dân chúng bao nhiêu thì dân chúng chống lại càng nhiều bấy nhiêu. Trong những năm gần đây, dân bản xứ bị bóc lột ngày một thêm tệ nên họ đã chống chủ nghĩa đế quốc quyết liệt. Những mưu toan mới đây nhằm trưng thu đất đai của nông dân nghèo đã gặp một sự phản ứng đích đáng biểu hiện trong các cuộc nổi dậy và đổ máu. Công việc nặng nhọc không lúc nào được nghỉ ngơi của những phu đồn điền cao su - ở mỗi đồn điền này hằng tháng trung bình có 62 người chết - đời sống khổ sở, đói rét đã dẫn họ đến bạo động, kết quả là một số người cầm đầu bị tử hình. Điều này chứng tỏ rằng bây giờ căm hờn đã sôi sục trong lòng những người nô lệ và từ đây chủ nghĩa đế quốc Pháp không còn có thể bóc lột dân chúng Đông Dương mà không gặp những cuộc đấu tranh một sống một chết. Vì vậy Chính phủ thuộc địa quay lại đàn áp tàn nhẫn những người bất mãn chống lại chính sách cai trị của nó, những người đấu tranh để giành lại tự do và quyền sống. Chính phủ ấy còn đàn áp một cách chưa từng thấy đối với những người cách mạng và tình nghi cách mạng. Chúng xử rất nhiều án tù tội hàng chục năm. Ông Phan Văn Trường, một nhà báo An Nam, đã bị hai năm tù vì ông đã có tội đăng lại một bài của báo *L' Humanité* bàn về sự "Đoàn kết huynh đệ với cách mạng Trung Quốc".

Sách báo viết về vấn đề độc lập dân tộc đều bị cấm ngặt không được lưu hành; còn tác giả và quản lý thì bị kết án nặng. Vì vậy nên hai anh em ông Vương Gia Bật và Vương Gia Ngãi ở Trung Kỳ đã bị kết án một người ba năm tù, một người hai năm, chỉ vì có tội là bày vào tủ hàng sách của các ông quyển "Tiểu sử Tưởng Giới Thạch"[1]. Một học sinh 17 tuổi bị giam cho đến tuổi thành niên vì đã làm bài thơ "Chiêu hồn nước"[2].

1) Quyển tiểu sử này viết khi Tưởng Giới Thạch còn ở trong quân đội cách mạng do ông Tôn Trung Sơn lãnh đạo.

2) Tác giả bài thơ "Chiêu hồn nước" là Phạm Tất Đắc (1909 - 1935), viết năm 1927.

Những vụ khám xét nhà cửa thì không kể xiết được. Chẳng có gì trong nhà, người ta cũng có thể bị bắt vì đã bị tình nghi. Học sinh Hà Tĩnh đã bị bắt như vậy. Chúng bắt các anh đó, tống giam hai tháng rồi thả ra, chẳng cần thủ tục gì. Không những Chính phủ thuộc địa trấn áp những người mong muốn tự do, độc lập mà còn xúc phạm đến cả phong tục tập quán của dân bản xứ nữa. Thờ phụng những người đã quá cố, một việc rất thiêng liêng và thiết tha của người An Nam, cũng bị cấm đoán. Mới đây trong cuộc đưa đám một nhà cách mạng [1], cảnh sát đã đánh đập dân chúng đến viếng mồ, làm một phụ nữ bị thương nặng, và bắt 12 người đưa ra toà, chúng kết án người một năm, kẻ 6 tháng hay 3 tháng tù. Ở Sài Gòn, sáu người bị kết án mỗi người sáu tháng tù vì đã có tên trong danh sách ban tổ chức tang lễ.

Những sự việc trên đây được nhặt ra một cách tình cờ trong lịch sử chế độ thực dân, một lịch sử đầy dẫy chém giết, cướp bóc, đã mô tả khá rõ đời sống khổ cực của dân tộc Đông Dương bị xâm lăng. Bị khuất phục bằng vũ lực, bắt buộc phải chịu đựng bao nhiêu điều nhục nhã, bị áp bức, bóc lột, dân Đông Dương không thể chịu ngồi yên mà không phá gông xiềng của chủ nghĩa đế quốc Pháp. Bọn chúng biết lắm, nên chúng tìm cách giấu giếm tội ác của chúng, bưng bít những tiếng thét căm hờn của người bản xứ và che đậy những cuộc khởi nghĩa bùng nổ không ngớt. Bọn chúng muốn cô lập xứ Đông Dương với nước ngoài để áp bức, bóc lột và cướp của được nhiều hơn. Chúng làm không được. Ngày nay bức màn bưng bít đã bị xé toang, tội ác của chúng đã phơi bày trước giai cấp vô sản thế giới, đặc biệt là trước thợ thuyền Pháp. Hỡi những ai đang đấu tranh ở khắp nơi, hỡi các bạn Nga đã tự giải phóng mình khỏi tay bọn cường quyền, chúng tôi kêu gọi:

"Những người bạn bất hạnh của các bạn hiện đang giãy giụa ở Đông Dương. Họ đang trải qua những giờ phút khó khăn để tự giải phóng. Đế quốc Pháp đang giết hại họ, đang tước đoạt của cải họ.

1) Đám tang của Lương Văn Can vào năm 1927.

Mong các bạn nghĩ tới họ; tiếng thét căm thù của họ phải được hoà lẫn với tiếng thét của các bạn để chặn bàn tay giết người của bọn đế quốc Pháp ăn cướp. Mong rằng sự quan tâm của các bạn đối với phong trào đấu tranh sẽ cổ vũ họ trong tương lai lật đổ được bọn đế quốc áp bức bóc lột".

NGUYỄN

Năm 1928.

Tài liệu tiếng Pháp, lưu tại
Cục lưu trữ Văn phòng
Trung ương Đảng.

PHỤ LỤC

TRUNG QUỐC VÀ THANH NIÊN TRUNG QUỐC[78]

Sách do một nhóm sinh viên Trung Quốc biên soạn, Nguyễn Ái Quốc chủ biên, viết bằng tiếng Pháp, Pêtrôva Sua dịch sang tiếng Nga, Nhà xuất bản Mátxcơva mới xuất bản lần đầu tiên tại Mátxcơva (Liên Xô) năm 1925.

Dịch theo cuốn sách tiếng Nga in lần đầu tiên

TRUNG QUỐC VÀ DÂN SỐ CỦA NÓ

Theo thống kê gần đây nhất, dân số Trung Quốc lên đến 437.000.000 người. Diện tích của nó là 11.138.900 km^2 nghĩa là lớn hơn một chút so với diện tích châu Âu và gần bằng 1/15 tổng bề mặt quả đất.

Ở Tây Tạng và Mông Cổ giá rét rất dữ dội, và những vùng sa mạc kéo dài bất tận. Cho đến tận bây giờ ở đấy dân cư vẫn sống cuộc đời du cư, du mục. Ở miền Nam và miền Đông ruộng đất hết sức phì nhiêu. Những con sông lớn như Hoàng Hà, Dương Tử và những con sông khác chạy dài mấy nghìn kilômét và tưới nước cho các cánh đồng lúa nằm dọc theo các dòng chảy của chúng. Trung Quốc chủ yếu là nước nông nghiệp.

Trung Quốc có nhiều tài nguyên dưới lòng đất hơn các nước khác. Người ta cho rằng chỉ riêng các mỏ than đá của nó ở Sơn Tây cũng có thể đủ thoả mãn nhu cầu của toàn thế giới về than đá trong 2 nghìn năm. Tại nhiều tỉnh có những mỏ lớn chứa kẽm, chì, đồng và các kim loại khác mà cho đến nay vẫn chưa được bắt đầu khai thác.

Sự phát triển xã hội Trung Quốc tập trung dọc theo lưu vực các con sông lớn. Ngay từ thời rất xa xưa, lưu vực những con sông ấy đều có dân cư đông đúc, các cơ chế xã hội đã đạt trình độ văn minh cao, trong khi dân cư ở những vùng khác vẫn còn chìm ngập trong tình trạng mông muội nhất.

Tại sao Trung Quốc, trái với các quy luật phát triển, cho đến nay vẫn là nước lạc hậu về kinh tế? Có nhiều nguyên nhân. Một mặt, những bộ lạc du mục hiếu chiến của Mông Cổ và Mãn Thanh thường xuyên tấn công Trung Quốc. Mặt khác, Trung Quốc không những thường hay bị thiên tai như bão lốc, lụt lội v.v., mà còn chịu khổ vì bộ máy thư lại rất tồi tệ, đặc biệt trong những thế kỷ gần đây, gây nên những cuộc nổi dậy và nội chiến liên miên. Vị trí địa lý của Trung Quốc cũng thúc đẩy sự lạc hậu của nó. Những vùng sa

mạc rộng lớn ở phía Bắc, những vùng băng tuyết vĩnh cửu ở phía Tây, những vùng biển cả to lớn ở phía Nam và phía Đông đã không tạo khả năng có những quan hệ với các dân tộc khác. Nếu cộng vào đó tinh thần ưa chuộng lối sống đồng quê và thiếu tinh thần tháo vát, đặc trưng cho người Trung Quốc, thì chúng ta sẽ dễ dàng hiểu rõ nguyên nhân của tình trạng trì trệ của Trung Quốc. Toàn bộ đời sống trí tuệ của người Trung Quốc đều thấm đượm tinh thần triết học và giáo lý của Khổng Tử. Lòng tôn kính cha mẹ, tình anh em, tình bạn trung thành, sự hoà thuận giữa mọi người, đều hoặc rút từ quan điểm của Phật - tẩy rửa con tim và khối óc, sự kiềm chế những dục vọng và lòng cuồng nhiệt, v.v.. Chúng tôi, những người mácxít trẻ tuổi, cho rằng, mọi thứ đạo đức xã hội chỉ là sự phản ánh các điều kiện kinh tế và do vậy, những ai muốn hoàn thiện tâm hồn thì phải bắt đầu từ việc hoàn thiện các điều kiện vật chất của cuộc sống. Các truyện thần thoại cổ đều nói đến lòng nhân từ khác thường của hàng loạt gia tộc và của từng cá nhân, nhưng tất cả những cái đó không thể làm thoả mãn chúng tôi, bởi vì chúng tôi biết rằng, những truyện cổ tích chưa biết đến chủ nghĩa tư bản nước ngoài và không tiên đoán được cuộc đấu tranh giai cấp.

LỊCH SỬ LÂU ĐỜI CỦA TRUNG)

Lịch sử Trung Quốc đã mở đầu từ 2.500 năm trước Công nguyên, nhưng chỉ đến năm 2357 chúng ta mới tìm thấy những chỉ dẫn đầu tiên về con người và những sự kiện. Từ năm 2357 đến năm 2261, Trung Quốc nằm dưới sự cai trị của vua Nghiêu là vị hoàng đế anh minh và nhân từ.

Vào khoảng năm 1740, nạn lụt khủng khiếp đã nhấn chìm đất nước. Hồi đó thượng thư trông coi các công việc xã hội là Vũ đã thắng nạn lụt; ông đã 9 năm đào kênh và đắp đập. Nhờ những công

1) Một số chi tiết trong phần này chưa phù hợp với những thông tin khoa học ngày nay. Chúng tôi dịch đúng theo sách.

lao của mình, ông đã được chọn làm hoàng đế. Những người kế vị ông đã tỏ ra không được tài ba lắm và không được nhân từ lắm, vì vậy, triều đại này đã bị cuộc cách mạng năm 1783 lật đổ.

Sau triều đại Vũ đến triều đại Thương cầm quyền từ năm 1783 đến năm 1134.

Sau các triều đại đó là triều đại nhà Chu. Vào những đời vua đầu của triều đại này, người Triều Tiên và người An Nam ngưỡng mộ trước sự lừng lẫy của các vị quốc vương vĩ đại ấy, đã cử các sứ thần của mình đến triều đình của hoàng đế Trung Hoa. Chu Công, thái tử kế ngôi, vừa là một vị thượng thư và nhà bác học vĩ đại, đã tặng dân An Nam tặng phẩm - đó là chiếc la bàn. Sự kiện vĩ đại nhất diễn ra vào cuối các đời vua của triều đại này là sự xuất hiện 3 vĩ nhân - Khổng Tử, Lão Tử và Mạnh Tử. Mạnh Tử là một lý luận gia cách mạng của thế hệ ông bởi vì ông là tác giả đầu tiên của câu nói: "Dân là tất thảy, vua không là gì cả".

Vào khoảng năm 246, triều đại nhà Chu đã bị triều đại Tần thay thế. Chúng ta chịu ơn nhà sáng lập ra triều đại này về một trong những "kỳ quan của thế giới" - bức Vạn lý trường thành[79]. Ông là người rất có nghị lực và một nhà cách tân lớn. Ông đã thủ tiêu chế độ phong) và thống nhất Trung Quốc, ông đã đào kênh, xây dựng đường sá để giúp cho công việc giao thông được dễ dàng. Để thắng bọn bảo thủ chống lại chính sách của mình, ông đã thi hành những biện pháp đơn giản nhất và tích cực nhất: ông đã ra lệnh đốt hết sách, trừ sách về y học và thiên văn và bắt giam tất cả những ai phê phán mình. Triều đại này đã tồn tại không lâu, đến năm 206, nó đã bị triều đại Hán thay thế.

Vị vua đầu tiên của nhà Hán đã làm khác hẳn người sáng lập ra triều đại Tần. Ông vua đó đã khuyến khích việc nghiên cứu thời cổ đại và dành cho các môn khoa học một vị trí quan trọng trong nước mình. Nhờ triều đại này, Trung Quốc đã có được một trong những thời đại chói lọi nhất và hạnh phúc nhất. Nghệ thuật, văn

1) Tác giả muốn nói đến chế độ phong kiến cát cứ.

học và triết học đã đạt đến trình độ phát triển thịnh vượng nhất.Đến thời đại ngày nay còn lại chiếc cầu treo tuyệt vời - di tích về nghệ thuật kiến trúc thời nhà Hán - đó là công trình đầu tiên của nghệ thuật kiến trúc. Vào thời kỳ những năm 150 - l08, trong thư viện quốc gia đã có đến 3123 tác phẩm kinh điển, 2705 cuốn sách về triết học và 1383 tập thơ ca. Trong thời kỳ trị vì của triều đại này có một sự kiện lịch sử đặc sắc - đó là sự du nhập của đạo Phật vào Trung Quốc diễn ra trong 58 năm trước công nguyên.

Từ năm 220 đến năm 618, ở Trung Quốc đã diễn ra cuộc nội chiến kéo dài mà hậu quả là triều đại nhà Hán sụp đổ và triều đại Đường lên thay.

Có một nhà sư ở thời đại ấy đã mở cuộc hành trình đến Ấn Độ. Khi đi, ông đi bộ, khi về thì bằng thuyền. Cuộc hành trình đã kéo dài 14 năm. Triều đại nhà Đường đã lừng lẫy nhờ nền văn học đặc biệt chói lọi. Quan hệ quốc tế được mở rộng, và vào khoảng năm 907, đã có các đại sứ Thổ Nhĩ Kỳ, Ba Tư và La Mã hoạt động bên cạnh triều đình hoàng đế.

Sự kiện kinh tế quan trọng nhất là sự xuất hiện tiền giấy vào khoảng năm 960.

Triều đại nhà Tống thay thế nhà Đường và trị vì Trung Quốc cho đến năm 1276, là khi nó bị người Mông Cổ lật đổ.

Từ năm 1280 đến năm 1290, Trung Quốc đã tiến hành cuộc chiến tranh đầu tiên với nước ngoài là Nhật Bản. Nhà Minh đã đánh đuổi được quân Mông Cổ và ở lại ngôi vua cho đến năm 1644. Ngoài việc soạn thảo bộ luật và những cải cách khác, nhà Minh đã làm được rất nhiều trong lĩnh vực giáo dục. Bộ *Bách khoa toàn thư* gồm 22.877 tập, cùng với danh mục 60 tập đã được xuất bản năm 1407.

Vào những năm 1511-1517, đã có 2 người Bồ Đào Nha là Pêrêxtơrala và Đôn Đờ Analađa đến Trung Quốc. Đó là bước mở đầu của sự xâm nhập của nền thương mại phương Tây và là sự xuất hiện đầu tiên của chủ nghĩa tư bản nước ngoài. Trong khi những nhân vật Bồ Đào Nha ấy ký kết các hợp đồng thương mại thì

đồng bào của họ có mặt tại các cảng Trung Quốc đã lừa đảo dân bản xứ và sử dụng vũ khí cưỡng bức thô bạo nhằm chinh phục họ: chúng đã tàn phá hàng loạt làng mạc. Năm 1552, các vùng ngoại vi của Trung Quốc đã bị người Nhật tấn công. Sau 40 năm, người Nhật lặp lại những hành động ấy, nhưng lần này họ băng qua ngả Triều Tiên. Cuộc chiến tranh đã kéo dài 3 năm và Trung Quốc đã thắng. Chính vào thời kỳ này đã diễn ra vụ tàn sát 20.000 người Trung Quốc ở Philíppin do các thương gia Tây Ban Nha thực hiện.

Triều đại Măn Thanh bắt đầu từ năm 1644 và kết thúc vào năm 1911 vào ngày nổ ra cuộc Cách mạng Trung Quốc.

SỰ XÂM NHẬP CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN NGOẠI QUỐC VÀ NHỮNG CUỘC KHỞI NGHĨA ĐẦU TIÊN

Năm 1635, Vua nước Anh Sáclơ I đã cử thuyền trưởng Vêđen với giấy phép được tiến hành công việc buôn bán ở Quảng Châu. Công xưởng đầu tiên của Anh đã được xây dựng tại hải cảng này vào khoảng năm 1681. Đến năm 1728 ở Bắc Kinh đã xây dựng trường trung học đầu tiên để dạy tiếng Trung Quốc cho người Nga.

Năm 1742, chiếc tầu chiến đầu tiên của Anh "Xenturiông" đã đến Trung Quốc. Đại sứ Anh, huân tước Macácnây đã đến Bắc Kinh năm l792. Đến năm 1830, một đại sứ Anh khác, huân tước Nêpirơ, đã xin phép được nhập cảng thuốc phiện. Nhưng đã bị khước từ. Nhưng 6 năm sau đó người Anh nhập lậu 20.280 thùng thuốc phiện vào những vùng được phép buôn bán thuốc phiện. Để buộc Trung Quốc chấp nhận thứ thuốc độc này, nước Anh đã tuyên chiến vào năm 1839, và đến năm 1841 thì Quảng Châu bị hạm đội Anh bao vây [80].

Sau khi ký hoà ước, Hồng Công bị tách khỏi Trung Quốc, còn Phú Châu, A Môi, Ninh Ba và Thượng Hải đã được mở cửa cho chủ nghĩa tư bản ngoại quốc thâm nhập vào. Trung Quốc đã buộc phải

trả khoản đền bù chiến tranh 21.000.000 đôla, trong đó có 6.000.000 được dùng để bù vào giá trị số thuốc phiện đã bị huỷ đi.

Đến năm 1856, nước Anh lại một lần nữa tuyên chiến với Trung Quốc để buộc nước này mở cửa 5 hải cảng mới dành cho công cuộc buôn bán và hợp pháp hoá việc mua bán thuốc phiện.

Năm 1860, quân đội Anh - Pháp đã tràn vào Bắc Kinh, đốt phá các cung điện, ngọn lửa của đám cháy đã hoành hành trong mấy ngày liền. Năm 1885, cuộc chiến tranh Pháp - Trung Quốc[81] đã chấm dứt với việc ký hoà ước ở Thiên Tân quy định vùng phía nam là An Nam thuộc quyền cai trị của người Pháp. Năm 1894, cuộc chiến tranh do Nhật Bản tiến hành đã giải phóng Triều Tiên khỏi ách thống trị của Trung Quốc, nhưng đã đặt nó dưới quyền của "Đế quốc Mặt trời mọc". Năm 1898, nước Đức tuyên chiến với Trung Quốc và chiếm vùng Thanh Đảo.

Năm 1900, có cuộc khởi nghĩa của Nghĩa hoà đoàn, sự phẫn nộ của những phần tử dân tộc chủ nghĩa bị đẩy vào tâm trạng tuyệt vọng do sự ăn cướp của bọn người ngoại quốc, khiến cho Trung Quốc đã phải trả cái giá là 450.000.000 * bồi thường chiến tranh mà quân đội các nước đồng minh đã bắt nó phải gánh chịu.

Sau tất cả những cuộc tấn công kế tiếp nhau ấy, Trung Quốc bị hoàn toàn khánh kiệt, bị trói buộc về kinh tế và chính trị bởi các cường quốc đế quốc chủ nghĩa. Vẫn chưa thoả mãn với những đặc quyền của mình những lãnh địa tô nhượng, các hải cảng được tô nhượng đã mở cửa để họ tiến hành công cuộc thương mại, các cường quốc ấy đã nắm lấy tất cả các điểm chiến lược, các đường trên biển và trên bộ, chia nhau những khoản thu thuế hải quan và các khoản thuế gián thu, chiếm lấy các nguồn tài nguyên kinh tế. Tóm lại, Trung Quốc biến thành con mồi của chủ nghĩa tư bản ngoại quốc.

Nền độc lập của Trung Quốc chỉ là một danh từ trống rỗng. Trên thực tế nó là một nước thuộc địa. Sự cai trị thuộc về các cơ quan ngoại giao nước ngoài đóng tại đây. Không có một hành động

1* 1 taen = 0,74 đôla (chú thích của tác giả).

chính trị nào ở trong nước hoặc ở ngoài nước xuất phát từ Chính phủ Trung Quốc mà lại không thể hiện ý chí của các cường quốc đế quốc chủ nghĩa. Nếu như sự kình địch nhau và lòng ghen tức của các cường quốc ấy đã khiến cho Trung Quốc tránh khỏi bị hạ xuống hàng thuộc địa, thì dù sao các cường quốc ấy cũng duy trì cuộc hiềm thù bên trong Trung Quốc. Mỗi cường quốc đế quốc chủ nghĩa đều có một tay sai Đugiuyn (thống đốc) nào đó mà thực chất là đại biểu cho một hình thức tồi tệ nhất của chế độ quân phiệt Trung Quốc. Những con người ấy gây hiềm thù với nhau, cắn xé nhau, làm khánh kiệt hàng loạt vùng, qua đó, tạo ra tình trạng không vững chắc ở trong nước và tạo duyên cớ cho người nước ngoài can thiệp vào công việc nội bộ của Trung Quốc.

Chính sách kinh tế của Chính phủ Trung Quốc trước khi triều đại nhà Mãn Thanh đổ, và cho đến tận bây giờ, chỉ quy tụ vào một điều: đi vay để mà sống. Số nợ của quốc gia vào năm 1922 là 2.500 triệu taen (l,9 tỷ đôla). Tất cả các khoản thu nhập chủ yếu nhất là: thuế cửa khẩu, thuế muối, đường sắt, hầm mỏ, v.v., đều do người ngoại quốc kiểm soát, nghĩa là họ mua hết. Mười hai nghìn kilômet đường sắt đã được xây dựng hầu như hoàn toàn bằng các khoản vốn của nước ngoài.

Còn tình cảnh của giai cấp vô sản Trung Quốc thì như thế nào dưới sức ép của chủ nghĩa tư bản ngoại quốc ? Chỉ cần nhìn qua số liệu thống kê về thương mại, chúng ta cũng có thể thấy rõ toàn bộ tình trạng nghèo khổ của giai cấp vô sản Trung Quốc. Hằng năm, nhập siêu ít nhất là từ l00-200 triệu taen. Đó là tình trạng bòn rút thường xuyên tiền của Trung Quốc ra nước ngoài, nó không tránh khỏi đưa đến chỗ làm đất nước nghèo đi, và còn dẫn đến một hậu quả to lớn hơn: hàng hoá nước ngoài tràn ngập thị trường nội địa và tạo ra tình trạng cạnh tranh không thương xót gây nguy hại cho hàng hoá nội địa, dĩ nhiên đó là những hàng hoá ít tân kỳ hơn và đắt hơn. Như vậy, khối quần chúng thợ thủ công bị phá sản và trở thành vô sản.

Bọn quan cai trị của Mãn Thanh kiên quyết chống lại tiến bộ hiện đại. Mặc dù bị sỉ nhục và chịu những sự thua thiệt do ngoại quốc gây ra, bọn quan lại đó đã không biết cách và không muốn thực hiện bất kỳ những cải cách nào hết. Bọn chúng không chịu để nhân dân tiếp xúc với sinh hoạt quốc tế ngày nay, chúng dấn thân vào chính sách ngu dân quan liêu kiểu "chúa đất" ghê tởm. Trong chính sách đối ngoại, chúng tiến hành các cuộc chiến tranh bất hạnh; trong chính sách đối nội, thì chỉ thấy những cuộc bất bình vô tận của nhân dân. Năm 1795, đã nổ ra cuộc nổi loạn của phong trào "Bạch liên giáo"[82]. Phong trào "Tam điểm" đã phát động cuộc khởi nghĩa năm 1842. Cuộc khởi nghĩa Thái Bình năm 1849 đã làm cho chính ngai vàng của "Thiên tử" phải lung lay. Cuộc khởi nghĩa của dân Hồi; giáo đã kết thúc bằng cuộc chém giết năm 1859.

Cuộc khởi nghĩa của phong trào Nghĩa hoà đoàn năm 1900 đã kết thúc rất bi thảm đối với nhân dân Trung Quốc và rất nhục nhã cho bọn chiến thắng. Bắc Kinh đã trở thành miếng mồi cho bọn binh lính hung hãn của 8 dân tộc "văn minh". Có thể thấy được các ông tai to mặt lớn với các sứ mạng vẻ vang nhưng đã biến thành những tên cầm đầu các băng cướp bóc. Những quan chức cao cấp đã ngang nhiên cướp đi các tác phẩm nghệ thuật để đem về trang hoàng cho các bảo tàng quốc gia nước mình hoặc cho những tư nhân ham mê sưu tập. Cuộc khởi nghĩa của phong trào Nghĩa hoà đoàn nổ ra do bị áp bức và do thái độ hống hách không thể chịu nổi của chủ nghĩa đế quốc nước ngoài. Nhưng do thiếu kế hoạch và thiếu sự lãnh đạo sáng suốt cho nên phong trào này, về bản chất mang tính chất chống quân phiệt và mang tính chất dân tộc, lại đi vào con đường của chủ nghĩa cuồng tín tôn giáo. Đó là sự lầm lạc không thể tránh khỏi và đặc trưng cho tất cả các dân tộc đã bị biến thành thuộc địa hoặc đang bị đe doạ biến thành thuộc địa, các dân tộc ấy ra sức, một cách tuyệt vọng và vụng về, thoát ra khỏi ách thống trị của ngoại bang! Khoảng năm 1867, đứng trước nguy cơ bị Nga- Mỹ xâm lấn, người Nhật đã phát động phong trào "chống dã

man" cũng mang tính chất cuồng tín như thế, y như phong trào năm 1900 của Trung Quốc.

Ở miền Nam, người Trung Quốc đã có quan hệ với người ngoại quốc từ sớm hơn nhiều so với ở miền Bắc: họ xuất dương để di cư đông đến hàng vạn người, họ làm việc và sinh sống tại các nước tư bản chủ nghĩa. Do vậy, họ đã hiểu rõ hơn - so với đồng bào của mình ở miền Bắc - về ý nghĩa cuộc đấu tranh giữa bọn đi bóc lột và những người bị bóc lột. Họ là những người trước nhất hiểu rõ tính chất vô hiệu của uy quyền hoàng đế và tư tưởng bảo thủ của hoàng đế, nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng suy yếu của đất nước và sự thống trị của ngoại bang. Như vậy, họ đã tìm đến tận cội rễ của bất hạnh. Họ đã dùng cách mạng lật đổ chế độ quân chủ. Giờ đây họ cố tìm cách thoát khỏi nanh vuốt của chủ nghĩa đế quốc nước ngoài bằng công tác tự tổ chức về kinh tế. Ở đây chứa đựng nguyên nhân cho thấy tại sao các cường quốc tư bản chủ nghĩa ưa thích Chính phủ miền Bắc hơn. Chính phủ này luôn luôn thoái hoá và thường hay bị mua chuộc, mà lại không thích Chính phủ miền Nam, là một Chính phủ ít bị cám dỗ hơn và sáng suốt hơn.

CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC CƯỚP BÓC TRUNG QUỐC

Như chúng ta đã thấy, sự mầu mỡ của ruộng đất, tài nguyên dưới lòng đất, tinh thần cần cù lao động của dân chúng đã biến Trung Quốc thành một nước nông nghiệp vĩ đại có khả năng đủ nuôi sống dân cư nước mình. Núi cao, các miền đồng bằng sâu thẳm, những vùng biển cả bao la và những miền sa mạc bất tận bao bọc nó và không cho nó trở thành một nước thương mại. Nét nổi bật trong tính cách người Trung Quốc là tính thích ngồi ở nhà, thái độ ghê tởm sự xa hoa, đạo đức của họ đã đặt vai trò thương nhân xuống vị trí cuối cùng trong nấc thang xã hội, đầu óc bảo thủ trong tất cả các công việc của đời sống - tất cả những điều đó đã dựng lên bức tường hàng nghìn năm và hầu như không thể xuyên thủng, làm cho nhân dân Trung Quốc tách rời khỏi những nước

đương thời năng động hơn. Mặc dù đã hơn mười hai năm trôi qua kể từ khi cách mạng nổ ra, nhưng người Trung Quốc vẫn chưa tự thể hiện được mình. Họ đã phá đổ, nhưng chưa xây dựng. Tất cả những tai ương của chế độ cũ vẫn còn. Chế độ địa chủ và chúa đất và chế độ phong kiến vẫn tiếp tục tồn tại. Một hoàng đế đã bị lật đổ, nhưng cả một đám tiểu hoàng đế đã xuất hiện thay vào đó ở mỗi tỉnh mà đại diện là các viên thống đốc các tỉnh. Bọn quân phiệt, công cụ của bọn tư bản ngoại quốc, đã trở thành những chủ nhân của đất nước. Cuộc nội chiến kéo dài từ ngày nổ ra cách mạng, càng ngày càng đẩy đất nước đến gần sự diệt vong.

Dưới sức ép của những nước láng giềng mới, nhờ sự cần cù và sự dồi dào của mình, nhờ những tài nguyên thiên nhiên mà nó có được, nước Trung Hoa lẽ ra có thể phồn vinh, nếu như các cường quốc tư bản chủ nghĩa không cản trở nó trong vấn đề này một cách ân cần nhất và nếu như bản thân người Trung Quốc không giúp cho sự phá hoại ấy, tuy không tự giác nhưng thật là ngu ngốc.

Bằng những biện pháp nào, tư bản ngoại quốc cản trở được sự phát triển kinh tế của Trung Quốc? Chúng làm nảy sinh các khó khăn chính trị, gây ra những sự hiềm thù nội bộ và tạo ra những vụ rắc rối ngoại giao, chúng cần đến điều đó. Viện vào chỗ nắm trong tay các hải cảng thương mại, chúng chiếm giữ các thành phố quan trọng về mặt chiến lược, khuyến khích những vụ vay mượn, và đòi phải phục hồi những đặc quyền. Chúng chiếm các thị trường, kiểm soát các nguồn tài chính, chiếm đoạt các đặc quyền. Tóm lại, chúng can thiệp vào mọi công việc của Trung Quốc. Dựa vào các tầu chiến và quân đội, chúng điều khiển vận mệnh của nước này theo cách của chúng. Tất cả mọi hành động của chúng đều nhằm tạo ra các trở ngại trên con đường tiến lên của nhân dân Trung Quốc.

Những biểu đồ dưới đây minh hoạ chính sách ăn cướp mà bọn đế quốc thi hành.

Những khoản cho vay dành cho Trung Quốc

Nước cho vay	*Số tiền cho vay*	*Nguồn bảo đảm*	*Thời gian cho vay*
Nga, Pháp	15.820.000 bảng	Thuế quan	1895
Anh, Đức	16.000.000 bảng	-nt-	1896
Anh, Đức	16.000.000 bảng	Thuế quan và thuế thu 7 thị trường	1898
Anh	6.694.000 bảng	Thuế muối, quyền khai thác đường sắt Bắc Kinh-Hán Khẩu	1911-1912-1914
Anh, Pháp, Đức,Nhật,Nga	25.000.000 bảng	Thuế muối	1913
Pháp	50.000.000 phrăng	Tiền thuê các xí nghiệp công nghiệp, thuế nước ăn	1914
Nhật Bản	11.900.000 yên	Thuế nhập bưu chính	1901
Nhật Bản	40.000.000 yên	Thuế đất, các đồ quý giá, muối, các loại giải trí, thuế quan	1918
Mỹ	7.500.000đôla	Thuế thuốc lá	1901
	5.500.000đôla	Thu nhập từ 4 tỉnh	1916
	5.500.000 đôla	Thuế quan, thuế muối	1919
Italia	5.882.046 bảng	Thuế quan,thuế nông nghiệp	1901

Những sự kiện chủ yếu của quá trình các nước đế quốc xâm nhập Trung Quốc (1842 - 1919)

Năm	Nước tấn công	Các khoản đền bù chiến tranh do Trung Quốc gánh chịu (triệu)	Lãnh thổ mà Trung Quốc phải nhượng lại	Những điều khoản khác	Lý do tấn công
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1840-1842	Anh	21 tr. đôla	Các tô nhượng tại các thành phố: Quảng Châu, Thượng Hải, Ninh Ba, Phố Châu; Hồng Kông hoàn toàn thuộc sự cai quản của Anh	Đảo Suxun không được nhượng lại cho nước khác	Trung Quốc không cho phép nhập khẩu thuốc phiện
1856-1858	Anh - Pháp	8 tr. taen 10 tr. Bảng	Mở thêm 5 cảng cho nước ngoài buôn bán	Các cha cố được tự do truyền đạo, xét lại biểu thuế quan có lợi cho các thương gia ngoại quốc	Trung Quốc bắt giữ tàu chở thuốc phiện có treo cờ nước Anh

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1877-1885	Pháp	Trung Quốc thừa nhận quyền lợi của Pháp đối với xứ An Nam và mở cửa thêm 2 thành phố cho người ngoại quốc	Tô nhượng đường sắt cho Pháp tại các tỉnh phía Nam Trung Quốc		
1894-1895	Nhật Bản	200 tr. taen	Đảo Đài Loan, quần đảo Pêxcađo, bán đảo Liêu Đông cùng với hải cảng Lữ Thuận vào tay nước Nhật		Trung Quốc xâm phạm nền độc lập của Triều Tiên
	Nga			Có quyền xây con đường sắt Đông Trung Quốc chạy qua phía Bắc Mãn Châu Lý	Vì làm trung gian giữa Nhật và Trung Quốc và vì đã hoàn lại cho Trung Quốc bán đảo Liêu Đông

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1897	Đức		Được thuê Thanh Đảo trong 99 năm	Các tô nhượng đường sắt và khai thác mỏ ở tỉnh Sơn Đông	Hai nhà truyền giáo bị giết
	Nga		Được thuê pháo đài Lữ Thuận		
1898	Anh		Được thuê hải cảng Uy Hải Vệ, mở rộng thêm lãnh thổ Hồng Công	Đồng bằng sông Dương Tử được thừa nhận là khu vực lợi ích của nước Anh	Để lập lại sự cân bằng giữa các cường quốc
	Pháp			Các tô nhượng về đường sắt ở các tỉnh phía Nam và các mỏ, và không được nhượng lại cho cường quốc thứ ba	Cũng vì lý do trên
1900-1901	Anh, Nga, Đức, Pháp, Mỹ, Áo, Nhật	450 tr. taen		Quân đội nước ngoài được thường xuyên đóng ở Bắc Kinh; Nga hưởng các đặc quyền ở Mãn Châu Lý	Cuộc khởi nghĩa của Nghĩa hoà đoàn

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1905	(Chiến tranh Nga - Nhật)		Các lãnh thổ do người Nga chiếm thì nay chuyển sang tay người Nhật		
1910	Nhật Bản		Triều Tiên		
1915	Nhật Bản		Nhật Bản được hưởng "các đặc lợi" ở Nam Mãn Châu Lý và Đông Mông Cổ	Trung Quốc chấp nhận một số điều khoản trong "21 đòi hỏi" tạo cho Nhật Bản các đặc quyền kinh tế	
1919	Hoà ước Vécxây		Các quyền lợi của Đức ở Trung Quốc hoàn toàn chuyển vào tay Nhật Bản		

Ghi chú: Biểu đồ này hết sức bổ ích, nó chỉ rõ rằng:

1. Chủ nghĩa tư bản da trắng, nhằm mục đích làm giàu, đã không ngần ngại và sẵn sàng đầu độc cả một dân tộc bằng thuốc phiện; để bán được thứ thuốc độc ấy, nó không ngần ngại tuyên chiến và giết hại hàng trăm và hàng nghìn binh lính.

2. Chủ nghĩa đế quốc da trắng gây gổ, vin vào những cớ nhỏ mọn nhất để buộc Trung Quốc dành cho nó những tô nhượng về lãnh thổ và những nhượng bộ khác. Những lý do đó thường do bản thân các cường quốc hữu quan gây nên; đó là trường hợp phái các nhà truyền giáo đến những vùng mà họ thừa biết rằng, ở đấy dân chúng có thái độ thù địch đối với những nhà truyền giáo.

3. Một nước đế quốc chủ nghĩa kêu gọi nước khác hãy dùng vũ lực chiếm một thành phố hoặc hải cảng của Trung Quốc để rồi dưới chiêu bài duy trì thế cân bằng, nước đế quốc nọ có thể cũng làm cái việc như thế.

4. Sự đê tiện và tình trạng bất lương không có giới hạn. Năm 1895, Nga, Pháp và Đức đã đề nghị với Trung Quốc để họ được làm trung gian giữa Trung Quốc và Nhật Bản. Do sự nỗ lực của các nước trên, Trung Quốc đã bị mất lãnh thổ và 20 triệu taen. Điều đó cũng không cản trở họ đòi Trung Quốc phải trả 3.000.000 taen tiền "chè thuốc" về những dịch vụ đặc biệt - y như các cô gái điếm đòi tiền.

5. Chủ nghĩa đế quốc Pháp đã vững chân ở Đông Dương, lại tìm cách thực hiện, qua các giai đoạn tuần tự, quá trình thực dân hoá đối với cả vùng Trung Bộ của Trung Quốc. Nó đã thắng vùng đó về phương diện kinh tế, và chỉ chờ thời cơ thuận tiện để hoàn toàn chiến thắng vùng này.

Ý nghĩa của tất cả các biểu đồ ấy là ở chỗ nào? Là ở chỗ: chủ nghĩa tư bản phương Tây đang trải qua cuộc khủng hoảng: cần có nhiều hơn nữa các nước thuộc địa để phân chia với nhau, cần có nhiều hơn nữa các thị trường mới để khuất phục, song dẫu sao nó vẫn cảm thấy chật chội mỗi khi phải hành động. Và trong trường

hợp ấy tất cả các thành viên trong gia đình tư bản chủ nghĩa hùa nhau lao vào nước trung bình và bắt đầu giằng xé nó tuỳ theo ý mình. Nắm được chiếc chìa khoá mở cửa vào nhà, bọn kẻ cướp ấy lấy đi tất cả những gì quý giá nhất, và Trung Quốc bị trói tay trói chân và tuỳ thuộc vào lòng nhân từ của bọn ăn cướp đó. Vì đời sống kinh tế của đất nước bị rơi vào tay ngoại bang, nên đời sống chính trị của nó cũng rơi vào số phận như thế một cách tai hại. Sau khi trở thành một nước bị nghèo khổ và mang gánh nặng những khoản nợ to lớn, nhân dân Trung Quốc thường xuyên bị lột da do những đòi hỏi không ôn hoà của giới quân phiệt bản xứ.

Những dấu hiệu phá sản ngày càng ảm đạm tích tụ ở chân trời của nhân dân Trung Quốc và dưới những bước đi không vững chắc của nó, người ta thấy hiện ra vực thẳm vô tận của sự nghèo khổ và phá sản. Và nếu cách mạng không đến kịp thời để cứu nhân dân Trung Quốc, thì nó có nguy cơ rơi xuống đáy vực thẳm không có lối trở lên. Do sức mạnh của kẻ địch, của tư bản nước ngoài, và do tình trạng thiếu kinh nghiệm của bản thân mình, nên chủ nghĩa tư bản bản xứ không có khả năng phát triển. Vô sản thành thị và nông thôn, trong những điều kiện của họ, đã không thể có được một quan niệm rõ ràng về phân hoá giai cấp.

Chủ nghĩa tư bản ngoại quốc, với việc du nhập chế độ của mình, hàng hoá của mình và các tư bản của mình, đã làm tan rã - mà nó không hề muốn điều đó - các truyền thống và tập quán gia trưởng. Bản thân sống ăn bám và tiến hành bóc lột, chủ nghĩa tư bản ngoại quốc làm nảy nở những kẻ ăn bám khác và những kẻ bóc lột khác để phục vụ cho mình: bọn mối lái, bọn quan liêu, bọn áp phe.

CÁC GIAI CẤP

Khi triều đại cũ bị lật đổ, nhiều viên thống đốc đã nắm trong tay những trung đoàn cấp tỉnh. Dựa vào binh lính, họ đã duy trì các tỉnh của mình và bằng cách đó mà biến thành các tên phong kiến trong chính thể cộng hoà.

Các cường quốc nước ngoài nuôi các đội quân ấy, vũ trang cho chúng và duy trì sự tồn tại của chúng. Các cường quốc sử dụng những đội quân ấy để thực hiện ý chí của mình. Giới quân phiệt này là tai hoạ đích thực của quần chúng công nhân.

Bọn lãnh chúa, nghĩa là bọn quan lại, cũng còn là những bóng ma của xã hội Trung Quốc ngày xưa, và cũng còn là những con chong chóng, gió chiều nào xoay chiều ấy, miễn là bọn chúng được hưởng lợi. Bọn này hoà nhập với bất kỳ triều đại nào, và với bất kỳ chế độ nào. Trong số bọn họ có những nhân vật khả kính mà lòng dũng cảm và sự nhân từ của cá nhân họ đáng được kính trọng. Nhưng đó là những ngoại lệ. Nhờ họ, Trung Quốc có thể tự hào rằng nó có một giới quan liêu cổ xưa nhất.

Những kẻ gian giảo khéo hành động bằng cả ngòi bút, bằng cả đầu lưỡi, đều là con cháu của các chúa đất hoặc là con cháu của các địa chủ hạng trung với tư tưởng thăng quan tiến chức rất mạnh mẽ. Song lại không vượt quá địa vị của một chức cố vấn khu hoặc tỉnh. Mục tiêu của họ là có được chỗ ấm áp đó bằng mọi cách và mọi thủ đoạn.

Giới thương nhân là giai cấp mới đang ra đời mà đạo lý của nó thì vừa phức tạp, lại vừa mang tính chất trộm cướp. Chắc chắn là giai cấp này lẽ ra không thể ra đời được, không phồn thịnh được nếu không có sự thâm nhập của tư bản ngoại quốc mà về phương diện này thì tư bản ấy là người cha đỡ đầu và người thầy của nó.

Nhưng, sau khi ra đời và trưởng thành, phần nào nó vẫn cảm thấy mình bị người cha đỡ đầu ấy gạt bỏ, hầu như bóp nghẹt vì đã trở thành kẻ cạnh tranh với nó, cản đường không cho nó tiến lên thật xa như nó mong muốn. Ở trong tư thế như hiện nay, Chính phủ không thể dành cho nó một sự giúp đỡ nào cả. Và chính phủ muốn có một tầng lớp khác xuất hiện, hùng mạnh hơn, có sức hơn, có khả năng hậu thuẫn cho Chính phủ tốt hơn. Vậy nhờ cậy vào ai đây? Nhờ cậy giới quân phiệt chăng? Nhưng đó là những tên móc

tiền vô độ và hoàn toàn tỏ ra bất lực trước ngoại bang. Trông cậy vào quần chúng ư? Bản năng ý thức bảo thủ khuyên bảo bọn thương nhân, rằng đối với chúng với tư cách là bọn người đi bóc lột, hoặc cổ vũ bọn đi bóc lột, trước hơn hết là hãy bằng cách nào đó sống lần hồi theo "vận may", còn hơn là chơi với thứ vũ khí hết sức đáng nghi ngờ là sức mạnh cách mạng của quần chúng.

Họ rơi vào tình trạng tuyệt vọng giữa các vòng luẩn quẩn mà chưa nhìn thấy lối thoát ra khỏi đó. Đứng giữa hai mắt xích khổng lồ là bọn tư bản và giai cấp vô sản, nhóm đứng ở giữa bị đẩy vào tư thế tiêu vong dần dần, bị hoà tan lúc thì vào hàng ngũ các nhà tư bản, lúc thì vào hàng ngũ giai cấp vô sản. Người tiểu sở hữu dễ có nguy cơ bị người sở hữu lớn nuốt chửng nhiều hơn là tự bản thân người tiểu sở hữu biến thành người sở hữu lớn. Vì vậy, nhóm người này tự phân tán thành bột và ngày càng bị nghiền nhỏ thành bụi, ngày càng phải chuyển giao cơ nghiệp hoặc cửa hiệu bé nhỏ của mình cho một ông chủ vững vàng hơn anh ta, còn bản thân anh ta thì gia nhập vào gia đình vô sản vốn đã đông đảo, nhưng vẫn còn mang tinh thần mến khách. Nhưng người tiểu sở hữu mang tinh thần cách mạng không phải vì lý do tâm lý mà vì tất yếu. Dĩ nhiên, tinh thần cách mạng của họ mang tính chất tiểu tư sản và thấm đượm tinh thần chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa cải lương và tính ôn hoà. Tâm trạng ấy của các giai cấp hạng trung đều thấy biểu hiện tại tất cả các nước thuộc địa và nửa thuộc địa.

Các thợ thủ công bị mất nghề do máy móc được sử dụng, những người tiểu nông bị phá sản do mùa màng thất thu và đã phải đem bán ruộng đất của mình, những người công nhân không kiếm được việc làm đã tạo thành một tầng lớp đông đảo những người sống lang thang. Họ đi lang thang từ tỉnh này sang tỉnh khác, từ thành thị về nông thôn và ngược trở lại. Để khỏi bị chết đói, họ nhận làm lính đánh thuê trong đội quân của một viên tỉnh trưởng đầu tiên mà họ gặp hoặc biến thành những tên cướp. Nhân đây xin nói rằng

có rất ít sự khác biệt giữa những kẻ làm lính đánh thuê và những tên cướp. Mỗi khi các nhân vật cầm quyền ở các tỉnh cần có quân lính, họ thu góp bọn cướp lại và bằng cách ấy bọn kia trở thành "quân chính quy". Cả hai loại người đó đều có hại cho nhân dân lao động.

SINH VIÊN

Sinh viên đóng một vai trò hết sức quan trọng trong đời sống nước Trung Hoa đang thức tỉnh, cho nên tầng lớp này phải được xem xét riêng.

Mặc dù họ xuất thân là con cháu của giai cấp tư sản lớn hoặc nhỏ, nhưng họ được cổ vũ bởi những tư tưởng mới đặc trưng cho thế hệ hiện đại. Bão táp cách mạng, thế giới bị đảo lộn đã làm cho đầu óc họ thoát khỏi những định kiến, các truyền thống đã bám rễ quá sâu và ý thức các dân tộc phương Đông. Họ cảm thấy đau khổ khi phải chứng kiến sự bất tài của những kẻ cầm quyền, sự dốt nát của bọn quân phiệt, tình trạng hèn yếu của đất nước, thái độ ngạo mạn của bọn người ngoại bang, cảnh cùng khổ của nhân dân. Họ có tinh thần cách mạng vì họ được giác ngộ và lòng thương xót đồng bào, nếu chỉ có thể nói được như vậy. Họ là những nhà cách mạng duy tâm. Họ là những người cuồng nhiệt theo chủ nghĩa Uynxơn, nhưng hoà ước Vécxây đã như gáo nước lạnh giội lên đầu họ, còn cuộc cách mạng Nga thì đã chiếu dọi con đường đúng đắn cho họ đi. Họ đã nghiên cứu kỹ lưỡng học thuyết của Khổng Tử, họ đã có những thử nghiệm với chủ nghĩa Uynxơn và nhờ kết quả thử nghiệm cũng như nhờ sự nghiên cứu sâu sắc nên họ đã đến với chủ nghĩa Mác hoặc như bản thân họ gọi là chủ nghĩa Lênin. Họ rất tích cực hoạt động. Họ là một trong những nhóm cách mạng nhất và có tổ chức nhất ở Trung Quốc.

NÔNG DÂN

Vì Trung Quốc thật ra là một nước nông nghiệp, nên hơn 85%

dân cư sống ở nông thôn. Có thể phân họ thành bốn loại: đại điền chủ, điền chủ hạng trung, tiểu điền chủ, bần nông và công nhân nông nghiệp.

1) *Đại điền chủ.* Phần lớn gồm những chúa đất và các phần tử quý tộc cũ. Số lượng loại này có từ 250 đến 300, mỗi tên chiếm giữ hơn 10.000 *; có gần 30.000 hộ chiếm giữ hơn 1.000 mẫu mỗi hộ, và có 300.000 hộ chiếm giữ hơn 100 mẫu mỗi hộ.

2) Địa vị xã hội của các tiểu chủ, có từ 10-100 mẫu thì thật phức tạp và biến động. Với một số ruộng đất từng ấy, người nông dân có thể trở thành kẻ bóc lột, lại cũng có thể trở thành người bị bóc lột:

a/ Nếu gia đình khá đông người, có thể dùng sức của bản thân để cày cấy, thì anh ta thuộc loại trung gian;

b/ Nếu gia đình không đủ đông thì người nông dân ấy phải phát canh một phần số ruộng của mình và như thế trở thành kẻ bóc lột;

c/ Nếu gia đình quá đông và không đủ ruộng cho từng ấy nhân khẩu, thì người nông dân thường buộc phải cày cấy thêm ruộng đất của người khác ngoài số ruộng đất của mình, và như vậy anh ta trở thành người vô sản và biến thành người bị bóc lột.

Có gần 44.000.000 hộ ở vào địa vị như vậy.

3) Rất nhiều *nông dân nghèo* trở thành các tá điền hoặc bắt đầu nhận cấy rẽ. Người tá điền thuê ruộng, trả một khoản tiền trong một thời gian nhất định. Vào năm được mùa, số lãi của anh ta cũng không nhiều, bởi vì chủ ruộng biết rõ ruộng đất của mình và tính toán chính xác các khoản thu nhập trên số ruộng đó. Nếu mất mùa thì người tá điền hoàn toàn phá sản, còn chủ đất thì không bị mất gì. Với hình thức cấy rẽ, chủ đất thu được từ 40% đến

---

1* Một mẫu = 667 mét vuông; 100 mẫu = 6,6 ha hay là 5,5 đêxiatin (chú thích của tác giả).

50% sản lượng của mỗi vụ thu hoạch.

4) *Công nhân nông nghiệp.* Trước kia chế độ sở hữu ruộng đất ở Trung Quốc mang tính chất hết sức manh mún, mỗi nông dân, thậm chí ngay cả người nông dân nghèo nhất, cũng có một mảnh đất cỏn con. Nhưng đến nay nhiều người không có được "ngay cả mảnh đất cỏn con đó để cắm dùi". Đối với họ, đôi bàn tay là nguồn sống duy nhất. Để kiếm được miếng cơm, họ trở thành người hầu hạ trong các gia đình hoặc trở thành những công nhân làm theo mùa. Công nhân theo mùa không có đồng lương ổn định, cũng không có việc làm thường xuyên. Do vậy, cuộc sống của họ rất khổ sở. Những công nhân lớn tuổi mỗi năm kiếm được từ 20 đến 30 piá[1] kèm theo cơm ăn và chỗ ở. Còn các trẻ em làm việc chăn súc vật thì mỗi năm kiếm được từ 3 đến 5 piát. Sự xâm nhập của tư bản ngoại quốc đã ảnh hưởng hết sức tai hại đến nông thôn. Nếp sống gia trưởng truyền thống bị phá huỷ. Bị thôi thúc bởi lòng hám lợi và bởi tấm gương các người anh em của mình ở thành thị, điền chủ ở nông thôn cũng ngày càng tìm cách độc quyền chiếm ruộng đất. Các công ty khai thác ruộng đất được hình thành và độc chiếm đến 300.000 mẫu, làm cho hàng loạt nông dân bị mất ruộng đất. Năm 1918 đã có hơn 15.500.000 nông dân bỏ thôn xóm ra đi vì cảnh nghèo túng. Nạn lụt lội, mưa bão, đói khát, chế độ quân phiệt, tình trạng dốt nát-tất cả những cái đó làm cho tình cảnh của người nông dân Trung Quốc ngày càng trở nên thê thảm hơn.

CÔNG NHÂN

Căn cứ theo các số liệu thống kê thì số lượng giai cấp vô sản Trung Quốc lên đến 5.056.000 người. Gần 15 tổ chức tập hợp 300.000 thành viên. Các tổ chức được phân chia như sau:

1) Đơn vị tiền tệ của một số nước Tây - Nam Á. Một piát = 1/100 bảng Anh.

Nghề	*Số lượng*	*Được tổ chức lại*
Thợ điện	100.000	5.000
Làm công trong nhà	400.000	8.000
Thợ may	300.000	7.000
Công nhân mỏ đá	300.000	8.000
Công nhân mỏ muối	300.000	10.000
Thợ kéo xe	200.000	10.000
Công nhân xưởng in	80.000	l0.000
Thợ dệt	180.000	l0.000
Thợ cắt tóc	200.000	14.000
Công nhân thuốc lá	100.000	18.000
Công nhân xây dựng	800.000	30.000
Công nhân mỏ	420.000	26.000
Công nhân đường sắt	l00.000	42.000
Vận tải đường sắt	80.000	45.000
Công nhân kim khí	200.000	50.000
Các loại khác		7.000

Mặc dù chỉ đến cuối cuộc chiến tranh châu Âu, giai cấp vô sản Trung Quốc mới bắt đầu thật sự được tổ chức lại, nhưng nó đã đứng vững trong một số trận chiến đấu, vừa chịu những thất bại, vừa giành được thắng lợi. Công nhân các ngành kim khí, hoá chất và ngành biển luôn luôn tỏ ra rất vững vàng về phương diện tổ chức và tinh thần sẵn sàng hành động. Các tổ chức của họ là một sức mạnh thực tế mà chủ nghĩa tư bản ngoại quốc và bản xứ phải tính đến. Giai cấp vô sản có tổ chức đưa ra yêu sách:

1) Tự do hội họp;

2) Quyền bãi công và thành lập các hiệp hội;

3) Chế độ ngày lao động 8 giờ dành cho người lớn và ngày lao động 6 giờ dành cho thiếu niên;

4) Bảo vệ những điền chủ hạng nhỏ;

5) Cấm lao động thêm giờ trong các ngành sản xuất nguy hiểm;

6) Cấm lao động ban đêm đối với phụ nữ và trẻ em;

7) Chế độ nghỉ phép 2 tuần, mỗi năm 2 lần, có trả lương;

Nghỉ 8 tuần lễ trước và nghỉ 8 tuần lễ sau sinh con đối với phụ nữ làm các công việc nặng nhọc;

Nghỉ 6 tuần lễ trước và 6 tuần lễ sau khi sinh con đối với phụ nữ làm công việc nhẹ.

8) Chế độ kiểm soát của công nhân đối với việc thi hành bảo hiểm công nhân;

9) Nhà nước trợ cấp cho các tổ chức công nhân để áp dụng chế độ giáo dục ngoài nhà trường cho công nhân lớn tuổi.

LAO ĐỘNG TRẺ EM

80 năm về trước, khi chưa xảy ra cuộc chiến tranh thuốc phiện, ở Trung Quốc đã ngự trị chế độ gia trưởng chuyên chế. Sau cuộc chiến tranh này (1840) chủ nghĩa tư bản ngoại quốc chiến thắng đã thay thế chế độ gia trưởng bằng chế độ công nghiệp. Cuộc đấu tranh sống mái đã diễn ra giữa các sản phẩm nội địa và sản phẩm nhập nội; có thể dễ dàng thấy trước kết cục cuộc đấu tranh: sự suy sụp của nền công nghiệp bản xứ và sự toàn thắng của nền sản xuất công xưởng ngoại quốc. Các nghề thủ công đã bị giết chết. Một số cơ sở sản xuất hạng trung đã cả gan thống nhất lại, tập hợp lại để chống ngoại bang. Nhưng cuộc đấu tranh không cân sức, vì vậy nền sản xuất cơ giới hoàn hảo đã không gặp khó khăn lắm để hất nền công nghiệp bản xứ xuống vực thẳm.

Sau khi đã dọn chỗ cho mình bằng cách đó, tư bản ngoại quốc chỉ còn một việc là xuất hiện ở Trung Quốc để hưởng sự thịnh vượng. Không phải mời nó đến lần thứ hai. Bọn tư bản bản xứ đã đặt quan hệ êm thuận với những người bạn mới, nhưng trong bụng chỉ hy vọng có dịp nào đó thoát khỏi những ông bạn ấy. Nhưng họ

đã lầm to. Thay vì dịp may mà họ hằng mong đợi, họ đã phải nhìn thấy bản thân mình bị lột khố, một mặt - bởi bọn đế quốc ngoại bang, mặt khác - bởi chính bọn quân phiệt nước mình. Cuộc chiến tranh thế giới nổ ra. Bọn tư bản phương Tây quá bận rộn với công việc của mình, nên không thể quan tâm đến vùng Viễn Đông. Chúng giải phóng các thị trường và rút các con tàu của mình ra khỏi các hải cảng Trung Quốc.

Các mặt hàng công nghiệp trở nên khan hiếm. Tưởng chừng cuối cùng thì ngôi sao vận may đã rọi sáng đến nền công nghiệp và các nghề thủ công bản xứ. Người thì lợi dụng sự vắng mặt của kẻ cạnh tranh đáng nghi ngờ của mình để mở các nhà máy mới và các cửa hàng mới. Có người lại muốn lợi dụng sự non yếu và sự thiếu kinh nghiệm của loại vừa nói ở trên để khôi phục lại những công xưởng đã bị phá huỷ của mình và tìm đến những khách hàng cũ.

Than ôi! Điều đó không hơn gì một giấc mơ đẹp. Nhà tư bản và thợ thủ công chỉ vừa mới kịp chúc mừng nhau là nỗi thất vọng chua chát đã hiện lên trước họ. Cuộc chiến tranh kết thúc. Bọn đế quốc lại quay trở lại. Và chúng trở lại với số lượng đông đảo hơn, và đưa ra nhiều đòi hỏi hơn trước. Chúng cố gắng không chỉ gỡ lại những gì đã bị mất đi ở Trung Quốc trong thời gian vắng bóng, mà còn muốn gỡ lại cả những gì bị mất đi trong thời gian chiến tranh ở châu Âu. Cũng hệt như các nước thuộc địa đã từng có nghĩa vụ phục vụ chiến tranh, bây giờ lại có nghĩa vụ phục hồi chính quốc. Trung Quốc cũng phải làm việc cho châu Âu đã bị kiệt quệ. Nền công nghiệp bản xứ đã bị đặt lại đúng địa vị của mình, còn các thợ thủ công thì bị lãng quên và đi vào đêm tối.

Trong cuộc chơi trò ú tim ấy giữa bọn tư bản, những người công nhân, đặc biệt là thiếu niên, bị rơi vào cảnh là kẻ phải lót đỡ. Số lợi nhuận mà bọn tư bản không đủ sức bòn rút do thiếu tư bản và do máy móc không hoàn hảo thì bọn tư bản bản xứ lại bắt người công nhân phải gánh chịu. Do ít kinh nghiệm hơn, ít có khả năng đấu tranh và hậu quả là những thiếu niên dễ bị thuận lòng lại hoàn toàn nằm trong tay bọn chủ. Thường xảy ra tình trạng là,

cũng cùng làm một công việc trong cùng một thời gian, nhưng các em thiếu niên nhận tiền công ít hơn nhiều so với công nhân lớn tuổi. Nếu các em tỏ ý bất bình, thì tên chủ nói với họ: "Tại sao chúng mày, những kẻ không có sức lực và không có tay nghề, lại không cảm thấy may mắn một khi chúng mày được người ta cho miếng cơm và không để chết đói ở ngoài phố?". Trên thực tế, bọn chủ thích sử dụng các em thiếu niên là những người dễ cam chịu bị bóc lột mà vẫn hoàn thành cùng một định mức công việc. Đó là tình hình trong ngành sản xuất lụa với công việc không phức tạp, còn máy móc thì đơn giản, không đòi hỏi phải có sức vóc và tay nghề.

Bằng cách sử dụng lao động trẻ em, chủ nhà máy tiết kiệm được rất nhiều. Thượng Hải là thành phố điển hình để nghiên cứu sự bóc lột lao động của những công nhân ít tuổi. Ở thành phố này, công nghiệp phát triển mạnh nhất và mang tính chất hiện đại nhất so với bất cứ nơi nào ở Trung Quốc. Các ngành sản xuất chủ yếu là: vải sợi, lụa và thuốc lá. Số công nhân làm việc trong các ngành này lên đến 200.000 người, trong đó có 50% là phụ nữ và trẻ em. Tiền công của 2 loại công nhân này rất thấp, từ l0 đến 20 xu/ngày. Độ dài của ngày lao động là từ 12 giờ đến 13 giờ. Độ tuổi trung bình của trẻ em từ 7 đến 14 tuổi. Với thể chất còn non yếu, với những cơ quan của cơ thể còn mảnh mai, các em đã phải lao động suốt những giờ làm việc kéo dài trong các công xưởng, trong những điều kiện vệ sinh rất tồi tệ. Suốt cả ngày, các em phải hít thở vào phổi những mùi nồng nặc, không khí hôi thối và bụi bậm. Sau một thời gian ngắn lao động tại các công xưởng, sức khoẻ những trẻ em khốn khổ này bị huỷ hoại vô phương cứu chữa, thậm chí lao động ban ngày cũng làm cho mệt mỏi. Những công việc làm ban đêm còn tồi tệ hơn; sự mệt nhọc và tình trạng thiếu ngủ trở thành hình thức tra tấn thực sự đối với trẻ em. Sự tra tấn ấy trở nên khủng khiếp khi diễn ra 10 ngày liền. Trên thực tế, với chế độ làm việc 20 ngày đêm thì trẻ em phải làm l0 ngày ca ban ngày và l0 ngày phải làm theo ca đêm. Nhiều khi bất chấp các nỗ lực vì bị mệt nhọc quá sức, các em đã phải nhắm nghiền mắt lại. Vô số trường hợp tai nạn đã xảy ra vì thiếu ngủ.

Trong ngành sản xuất tơ lụa, điều kiện làm việc thật kinh tởm. Em gái bé nhỏ làm công việc "kéo tơ" phải đảm đương 2 nồi chứa đầy nước sôi và chứa một số lượng kén nhất định. Bằng 2 chiếc đũa nhỏ, người kéo tơ xe những sợi tơ được kéo ra từ những kén tơ và đặt những sợi tơ ấy lên chiếc khung guồng. Vì luôn luôn có kén tơ bị đứt quãng và sợi tơ bị đứt nên người ta liên tục phải nối chúng lại bằng 2 chiếc đũa. Như vậy, một mặt, em gái kéo tơ bị nóng bức do ngồi sát nước sôi bốc hơi, và mặt khác, em lại bị lạnh bởi luồng không khí chuyển động từ chiếc khung quay tít. Sự ồn ào đến điếc tai của máy móc, rồi mệt nhọc do hai bàn tay phải liên tục vận động, hơi nước, mùi hôi thối đến lộn mửa của những chiếc kén tằm đã thối rữa - tất cả những cái đó được quyện lại với nhau để làm rã nát không thương xót những sợi dây thần kinh của cô thợ bé bỏng. Không hề có quạt gió thông hơi, không hề có những thiết bị bảo hộ vệ sinh. Mùa hè cũng như mùa đông đều nóng bức không thể chịu nổi vì bầu không khí ngột ngạt. Đó là những điều kiện làm việc của các em gái ở độ tuổi từ 8 đến 15 tuổi. Bụi tơ bay vào miệng, vào mũi làm tắc cả lỗ tai. Các ngón tay và mặt thường bị tấy đỏ do nước bẩn nóng bỏng chảy từ các nồi nước. Nhưng chưa hết. Để đi đến nơi làm việc và sau đó trở về nhà, các em phải đi bộ nhiều kilômét. Rất ít khi được chở đi bằng những chiếc xe ngựa bé nhỏ lèn các em như lèn cá trong thùng. Các em phải ăn vào giữa trưa (hoặc vào nửa đêm) ở ngay tại công xưởng, bởi vì người ta không cho các em hưởng 15-20 phút để ăn uống. Không có chế độ giải lao, không có chế độ nghỉ hằng tuần. Đó là cuộc đời của các nữ công nhân bé nhỏ khốn khổ ấy.

Từ 7-8 tuổi đã phải lao động mỗi ngày 12-13 giờ trong suốt cả năm, các em không còn thời gian và khả năng để học tập. Các em hầu như nhất loạt mù chữ, đa số mắc bệnh lao.

Và bất kể tất cả những điều đó, các em vẫn tự coi mình là gặp may. Tình trạng nghèo khổ quá ghê gớm, số người thất nghiệp quá đông, khiến cho chỉ nghĩ đến sự mất việc làm đã đủ để cho người nữ công nhân trẻ tuổi không dám đấu tranh hoặc đòi hỏi thực hiện những sự cải thiện nào đó. Bọn chủ biết rõ điều đó và khai thác nỗi

sợ hãi của các em. Nhưng từ năm 1920, các nữ công nhân nhỏ tuổi, noi gương những công nhân nam lớn tuổi, đã thực hiện một số cuộc bãi công đòi tăng lương. Dĩ nhiên, phong trào này còn chưa được tổ chức tốt, lãnh đạo chưa tốt và bị thất bại. Bọn chủ có thái độ khoan dung đối với những phong trào đó, coi đó là trò trẻ con mà thôi.

Các xưởng dệt và các nhà máy sản xuất vũ khí là những xí nghiệp duy nhất ở Trung Quốc được tổ chức một cách hiện đại. Các em thiếu niên trong công nghiệp dệt chiếm 7% tổng số công nhân, tại các nhà máy sản xuất vũ khí các em chiếm 5%. Các em được phân thành 3 loại: học sinh học nghề, thợ bạn và lao công. Loại học nghề lao động l0-ll giờ/ngày, được trả 10-20 xu. Thời gian học nghề kéo dài 2-3 năm. Sau đó họ trở thành thợ bạn. Thợ bạn hưởng tiền công nhiều hơn các em học nghề, nhưng lại ít hơn so với các công nhân thực thụ. Loại lao công hưởng tiền công bằng các em học nghề, nhưng không có tương lai bởi vì họ sẽ không bao giờ trở thành thợ cả. Nhìn chung, hoàn cảnh của các em thiếu niên - công nhân có tốt hơn hoàn cảnh các em gái trong ngành sản xuất tơ lụa. Số giờ làm việc của các em nam ngắn hơn và được nhiều tự do hơn, nhưng các em cũng không được tổ chức lại.

Do đất nước rộng lớn bao la và thiếu phương tiện đi lại, cho nên quá trình nền công nghiệp phá huỷ nghề thủ công vẫn chưa kết thúc. Ở miền quê xa xôi không ở gần các con sông và đường sắt, dân chúng luôn luôn cần đến các sản phẩm địa phương. Trong các vùng đó nghề thủ công tương đối phát đạt, cùng với nó là việc dạy nghề. Các nam nữ công nhân nhỏ tuổi phần nhiều là con cái của công nhân thành thị. Một số lượng không đáng kể xuất thân từ nông thôn; nhiều người trong số đó đã theo học các trường cấp I, một số đã học các trường cấp II- đó là con cái của những tiểu chủ đã biến thành vô sản.

Rất khó xác định con số chính xác các công nhân thiếu niên, nhưng dù sao căn cứ theo tỷ lệ phần trăm, ta có thể nói rằng, trong công nghiệp dệt có 7% số các em ấy, trong công nghiệp sản xuất vũ khí có 5%, trong ngành tơ lụa có 25%, qua đó chúng ta thấy các em

giữ vị trí quan trọng như thế nào trong gia đình vô sản Trung Quốc.

Trong các xưởng được tổ chức tốt, các em học sinh còn kiếm được đôi chút, trong khi đó các em học sinh ở nông thôn không nhận được đồng nào, mà thời hạn học lại kéo dài hơn. Trong những năm đầu các em không được học gì cả, các em làm các công việc sai vặt, quét nhà, đốt lò, gánh nước, tóm lại, làm hàng nghìn công việc trong nhà. Đôi khi ông chủ bảo học trò dắt con cái hắn đi dạo chơi như người hầu.

Sau khi học xong, người học trò không được lập tức rời khỏi nhà ông chủ của mình. Theo tục lệ đã ăn sâu, người học trò phải ở lại trong vòng 2 - 3 năm để giúp việc có được hưởng công, mức tiền công do ông chủ tuỳ ý ấn định, tuỳ theo "lòng tốt". Mới đây, đời sống đắt đỏ đã đẩy công nhân làm việc trong các nghề thủ công đoàn kết lại để bảo vệ lợi ích của mình. Hiện thời, đây vẫn còn là một phong trào yếu ớt, và các đòi hỏi của nó còn rất ôn hoà. Phải thấy rằng, công nhân thiếu niên và các em học nghề đã cảm nhận thấy sự phá sản đang tới gần cửa các xí nghiệp thủ công, nên đã dần dần rời bỏ xưởng của mình để vào làm tại các xưởng máy. Tình cảnh của lao động trẻ tuổi rất thảm hại. Họ không có công việc ổn định, không có đồng lương tạm phải chăng, cũng không có sự bảo đảm cho tương lai. Khi có việc làm thì họ còn sống lần hồi cho qua ngày, nhưng khi không có việc làm thì lâm vào cảnh nghèo đói. Những con người không nhà ấy đi lang thang trong các thành phố, tại các tụ điểm thương mại và trang hoàng những nơi đó bằng những mảnh quần áo rách nát của mình và bằng tất cả các hình dáng nghèo khổ, phơi bày ra trước mắt chế độ quân phiệt và giai cấp tư sản hình ảnh sống động về tội ác của chúng.

THANH NIÊN TRUNG QUỐC VÀ ĐỜI SỐNG CỦA HỌ

Cũng như thanh niên các nước khác, thanh niên Trung Quốc chịu đựng gánh nặng hậu quả của chế độ tư bản chủ nghĩa và quân phiệt.

Với sự nghèo nàn tinh thần, sự thô bỉ và vô sỉ, bất chấp những phẩm giá tiêu biểu cho tất cả những tên tay sai của chủ nghĩa tư bản được trang hoàng bằng các tước hiệu, bọn quân phiệt Trung Quốc không có mục đích, cũng như những người anh em của chúng ở phương Tây, chúng không thể được hưởng sự tha thứ.

Bọn quân phiệt phương Tây chí ít còn biết rằng, chúng tàn sát thanh niên vô sản nước mình là để bảo vệ túi tiền của bọn tư bản, hoặc nhằm mục đích chinh phục các thuộc địa, duy trì lợi ích kinh tế và chính trị của giai cấp tư sản là giai cấp của chúng. Bọn quân phiệt Trung Quốc đẩy một số thanh niên Trung Quốc này đi giết hại những thanh niên Trung Quốc khác nhằm phục vụ lợi ích của bọn tư bản ngoại quốc mà chúng phục tùng. Bọn quân phiệt ấy thậm chí không tìm đến các chiêu bài chủ nghĩa sô vanh và bảo vệ giai cấp mình.

Cũng cần nói thêm rằng, không có ở nơi nào mà người lính lại bị đối xử tồi tệ như thế và bị mất quyền như ở Trung Quốc.

Như chúng ta đã thấy, có lẽ tình cảnh của học sinh ở Trung Quốc thậm chí còn tồi tệ hơn những người anh em của họ ở các nước khác.

Bên cạnh chế độ quân dịch và học nghề, còn có tôn giáo và nền học vấn tư sản với những ý thức giả dối của nó. Chế độ tư bản chủ nghĩa đã làm thanh niên bị biến dạng về phương diện tinh thần và vật chất, khi thanh niên chưa kịp phát triển.

Còn về giáo dục thì quy tắc chung là: trẻ em được học hành tuỳ theo mức sống vật chất của bố mẹ. Nếu bố mẹ giàu có, con cái được học hành chu đáo. Nếu bố mẹ nghèo, con cái hoàn toàn thất học. Như vậy, con cái giai cấp đại tư sản được ra nước ngoài ăn học. Khi chúng trở về tổ quốc với tất cả hành trang khoa học của mình, thì chúng giữ những cương vị quan trọng trong các cơ quan chính trị và kinh tế của đất nước.

Con cái của giai cấp tư sản hạng trung được học hành rất chu

đáo khiến cho chúng có thể trở thành những người lao động có địa vị tốt và làm các nghề tự do. Sau khi tốt nghiệp các trường cấp I và cấp II, con em của các tiểu chủ, do không có tiền, nên không thể tiếp tục tiến lên các nấc kiến thức cao hơn. Họ biến thành những viên chức hành chính, các chủ tiệm buôn ở nông thôn và v.v.. Đôi khi họ đi tìm vận may trong quân đội.

"Con vua thì lại làm vua, con sãi ở chùa lại quét lá đa" - Câu tục ngữ đã nói như vậy. Mặc dù hết sức mong muốn, nhưng công nhân và bần nông không thể gửi con em mình đến trường được. Nếu như họ làm được điều đó thì cũng chỉ làm được một hoặc hai năm, không thể lâu hơn được. Tình trạng nghèo đói đè họ xuống như những gọng kìm. Và những trẻ em nào chật vật lắm mới học đánh vần được đôi ba chữ thì lại ghi tên vào làm tại các xưởng hoặc ra làm ở ngoài đồng ruộng.

PHONG TRÀO THANH NIÊN

Cũng như phong trào công nhân, phong trào thanh niên Trung Quốc ra đời vào cuối chiến tranh thế giới, hay nói đúng hơn, từ khi hoà ước Vécxây được ký kết. Phong trào này hoàn toàn khác phong trào thanh niên ở phương Tây. Phong trào thanh niên ở phương Tây chủ yếu tập hợp thanh niên nông thôn và thanh niên công nhân. Ở Trung Quốc, phong trào thanh niên chỉ tập hợp sinh viên. Ở phương Tây, thanh niên nông thôn cũng như thanh niên thành thị đều đấu tranh vì những nguyên nhân kinh tế và chống bọn quân phiệt, bởi vì trên cơ sở đó, lợi ích của họ trùng hợp với nhau. Còn ở Trung Quốc, trừ một vài ngoại lệ hãn hữu, cuộc đấu tranh lại do thanh niên trí thức tiến hành. Cuộc đấu tranh này thường mang tính chất chính trị nhiều hơn tính chất kinh tế, hơn nữa, những hoạt động đấu tranh ấy chủ yếu nhằm chống lại chính phủ phản động và chủ nghĩa quân phiệt phong kiến. Sự khác nhau này có thể giải thích được. Tại các nước phương Tây, nơi chủ nghĩa tư bản phát triển hơn, nền giáo dục mang tính chất phổ biến hơn. Thanh

niên công nhân phát triển hơn và quen đấu tranh hơn. Nó có được kinh nghiệm - đó là di sản của các dân tộc cổ đại. Còn ở Trung Quốc chủ nghĩa tư bản còn non trẻ. Công nhân quen với lối sống kiểu chế độ gia trưởng. Sự học hành chỉ hạn chế ở một số ít con cái các tầng lớp có đặc quyền đặc lợi. Đa số công nhân không biết chữ và bị tách khỏi phong trào công nhân toàn thế giới. Họ bị đau khổ, họ nhìn thấy rõ tất cả tình cảnh khốn khó của mình. Nhưng họ không biết, do đâu mà họ bị nghèo khổ và bằng cách nào thoát khỏi tình trạng đó. Chỉ có tầng lớp sinh viên là có thể nghe thấy những hồi âm của phong trào cách mạng ở phương Tây. Chỉ có họ mới có thể nhìn thấy, suy ngẫm, so sánh và hiểu được vấn đề. Vì vậy, họ là những người đầu tiên tham gia đấu tranh.

Mặt khác, sinh viên không phải chịu những thiếu thốn về vật chất như người công nhân. Do vậy, họ phát động tuyên truyền chống chủ nghĩa quân phiệt và chống đế quốc. Kinh nghiệm chỉ cho họ thấy rằng, chủ nghĩa đế quốc là nguồn gốc của tất cả mọi căn bệnh mà chỉ có sự thức tỉnh của giai cấp công nhân mới chữa khỏi được.

Họ yêu tự do và trung thực, họ kiên quyết đấu tranh vì sự nghiệp công nhân. Trong tất cả các cuộc cổ động và biểu tình gần đây, sinh viên đã dành vị trí to lớn cho các yêu sách của công nhân. Trước đây ở tất cả các nước, trong thời kỳ trước cách mạng, chúng ta thấy trí thức đảm nhận vai trò tiền phong, mãi cho đến khi tự bản thân người công nhân đã trở nên giác ngộ hơn và có học vấn hơn, đủ sức lo liệu cho vận mệnh của mình. Khi ấy, tầng lớp trí thức thật sự cách mạng sẽ tự hoà nhập và đi vào phong trào công nhân.

Khi mới ra đời, tổ chức thanh niên cộng sản Trung Quốc tự đặt tên cho mình là "Liên đoàn thanh niên xã hội chủ nghĩa". Nó bao gồm tất cả các khuynh hướng và tất cả các sắc thái. Trong đó có cả phái vô chính phủ, phái công đoàn chủ nghĩa, phái Rútxô, những người đi theo Các Mác. Sự pha trộn như vậy các khuynh hướng khác nhau đã không thể kéo dài lâu được. Người ta tranh cãi nhiều, nhưng không làm gì cả. Kết cục là, họ đã tách khỏi nhau.

Nhóm mácxít là nhóm duy nhất còn tồn tại và được tổ chức lại. Từ đó nó hoạt động thật sự, dành mọi sức mạnh cho tổ chức mình, và cho việc giáo dục thanh niên nông dân và thanh niên công nhân.

Vào tháng 5-1919, người ta thấy rõ là, Nhật Bản không muốn trả Thanh Đảo cho Trung Quốc và các đại diện của Trung Quốc ở hội nghị hoà bình đã do dự trong việc ký tên vào hoà ước Vécxây. Khi ấy, tất cả các sinh viên Trung Quốc đã đổ ra đường phố. Họ đã đốt các dinh thự của ba viên bộ trưởng Nhật Bản, chặn đường một viên bộ trưởng đó và chỉ sau khi đã đánh cho nhừ tử mới buông tha. Thanh niên trong toàn Trung Quốc đã noi theo tấm gương các đồng chí của mình ở Bắc Kinh, và cuộc biểu tình đã lan rộng ra toàn quốc. Họ đã gửi các bức điện đến Pari thuyết phục đại diện của mình đừng ký vào bản hoà ước chia cắt này. Họ đòi triệu hồi lập tức ba bộ trưởng phản bội, đưa yêu sách đòi thả các sinh viên bị bắt trong thời gian có biểu tình, tuyên bố tẩy chay hàng hoá của Nhật Bản. Họ hết sức nhiệt thành, và phong trào rất kiên cường, vì vậy đã nhanh chóng đem lại kết quả. Cả ba bộ trưởng bị triệu hồi, đại diện Trung Quốc đã không chịu ký vào bản hoà ước, những người bị bắt giữ đã được thả ra. Cuộc tẩy chay hàng hoá Nhật Bản đã trở nên rộng khắp.

Sau thành công này, anh em sinh viên đã thật sự đi vào hành động và đấu tranh. Nhằm truyền bá các tư tưởng tiên tiến, người ta đã lập ra các câu lạc bộ triết học, văn học và nghệ sĩ; lập ra hội liên hiệp tập hợp hàng vạn sinh viên. Những sinh viên tiên tiến nhất đã quyết định cách mạng hoá sinh hoạt truyền thống đầy tính chất uỷ mị của giới sinh viên Trung Quốc. Họ lập ra các nhóm mà tất cả các thành viên trong đó phải làm công việc chân tay mỗi ngày 3-4 giờ. Có nhiều sinh viên ra nước ngoài để ban ngày làm việc, còn ban đêm học hành. Họ tự kiếm tiền để sống và không nhờ đến sự hỗ trợ vật chất của gia đình, cũng như của nhà nước.

Là những lực lượng đáng chú ý về sức mạnh và về số lượng,

sinh viên thường hay can dự vào các vấn đề chính trị và xã hội. Các phương tiện đấu tranh của họ cũng giống như của giai cấp vô sản: ra lời kêu gọi, tổ chức mít tinh, biểu tình, bãi công.

HAI NHÂN VẬT ANH HÙNG CỦA THANH NIÊN TRUNG QUỐC

Tháng 8 năm 1920, Hội liên hiệp thanh niên xã hội chủ nghĩa ra đời ở Thượng Hải. Vì thành phần rất hỗn tạp nên nó chỉ tồn tại có 1 năm. Tổ chức này giải tán vào tháng 5 năm 1921. Đến tháng 12 năm đó, một số người mácxít trẻ tuổi đã tập hợp nhau lại và lập ra nhóm mácxít. Tháng 5 năm 1922, họ đã có đến 17 chi nhánh địa phương. Những chi nhánh lớn nhất là ở Thượng Hải, Nam Kinh, Bắc Kinh, Thiên Tân, Quảng Châu. Các tổ chức này có 4.000 thành viên, trong đó có 2.400 công nhân trẻ và 1.600 sinh viên. Cần nêu rõ sự vượt trội của thành phần vô sản, bởi vì trước đây thanh niên công nhân Trung Quốc vẫn chưa được huấn luyện vào tổ chức và thường có thái độ quay lưng lại với chính trị. Các chiến hữu của chúng ta - đã rất kiên trì, nhiệt tình và tháo vát để thu hút một số lượng lớn công nhân trong một thời gian ngắn như thế.

Tháng 5 năm 1922, Đại hội toàn quốc lần thứ nhất của thanh niên cộng sản Trung Quốc được triệu tập ở Quảng Châu. Đại hội đã thảo luận các đề cương có quan hệ đến chính sách dân tộc và quốc tế, đã thông qua các nghị quyết về những phương pháp đấu tranh chống đế quốc và chống chủ nghĩa quân phiệt. Đại hội đã thảo luận các phương cách tuyên truyền và thu nạp các thành viên mới. Tóm lại, đã đặt được nền móng vững chắc cho tổ chức thanh niên cộng sản, kể từ ngày đó, ảnh hưởng của nó ngày càng tăng trong quần chúng công nhân.

Tuy còn rất non trẻ, nhưng "thanh niên cộng sản Trung Quốc" đã tham gia các trận chiến đấu, đã đón nhận các đòn giáng của giai cấp tư sản và phải chịu đựng những hy sinh. Lịch sử thanh niên cộng sản Trung Quốc đã có tấm gương hy sinh cao cả. Chưa kể số

thanh niên xung kích đang còn ngồi trong các nhà tù, đã có hai người hy sinh cho giai cấp vô sản.

Vương Ái ra đời năm 1897 tại Trang Tế thuộc tỉnh Hồ Nam. Anh theo học tại một trường dạy nghề. Sau khi tốt nghiệp khoá học, anh làm thợ điện. Sau đó anh tốt nghiệp trường cao đẳng dạy nghề ở Thiên Tân. Năm 1919, sau khi xuất hiện phong trào sinh viên nhân Hoà ước Vécxây, anh gia nhập Hội liên hiệp sinh viên. Hoạt động tích cực và lòng dũng cảm của Vương Ái đã nhanh chóng được các đồng chí của anh biết đến, họ cử anh làm đại biểu đến Bắc Kinh để đặt quan hệ với giới sinh viên Thủ đô và sau nữa để chuyển cho Chính phủ yêu sách của sinh viên. Anh đã bị bắt giam 38 ngày trong nhà tù. Năm sau, anh đã trở về quê và lập ra "Liên đoàn công nhân Hồ Nam". Anh làm bí thư của tổ chức này cho đến ngày qua đời. Tháng 4 năm 1921, anh lại bị bắt trong thời gian nổ ra cuộc bãi công của công nhân ngành tơ lụa. Trong nhà tù, anh đã tuyên bố tuyệt thực 7 ngày và đã được trả tự do. Sau khi ra khỏi nhà tù, anh em công nhân đã công kênh anh lên với niềm hân hoan phấn khởi. Đáp lại sự chào mừng của các đồng chí, Vương Ái đã nói: Tất cả các chiến sĩ trẻ tuổi cần phải biết cảnh tù tội. Đó là nơi thích hợp để rèn luyện - càng nhiều lần bị tù tội thì ta càng có nhiều tinh thần cách mạng. Vào tháng 11, anh tổ chức biểu tình phản đối chính sách phản động của Chính phủ. Hơn 10.000 công nhân đã hưởng ứng lời kêu gọi của anh. Tháng l năm 1922, nổ ra cuộc bãi công mới của công nhân ngành tơ lụa. Bị dồn vào chân tường, bọn chủ xí nghiệp đã phải trả 160.000 piát cho Đào Căn Trì, viên tỉnh trưởng Hồ Nam, để hắn trừ khử Vương Ái và người bạn của anh mà chúng coi là những người cầm đầu. Thế là ngày 17 tháng 1 năm 1922, vào 3 giờ sáng, Vương Ái đã ngã xuống sau khi bị 3 nhát gươm của bọn tay chân viên tỉnh trưởng. Đầu anh không bị đứt lìa và sau khi bị tấn công, anh còn có thể nhận biết mọi người. Anh đã qua đời sau 2 giờ đau đớn.

Phạm Ân Kim sinh năm 1897 cũng ở Hồ Nam, anh học ở trường dạy nghề "dệt và chải sợi". Năm 1917, tốt nghiệp trường này

và đến làm việc tại xưởng sản xuất vải sợi. Năm 1920, anh làm quen với Vương Ái và giúp Vương Ái lập ra Hội liên hiệp công nhân Hồ Nam, làm tổng biên tập tuần báo *Người lao động,* cơ quan ngôn luận của Hội. Bút pháp của anh vừa giản dị, gây xúc cảm lại giàu hình ảnh, rất được công nhân ưa thích. Anh đã cùng với Vương Ái đưa một số cuộc bãi công của thợ in, thợ cắt tóc, thợ mộc, v.v. đến thắng lợi. Phạm Ân Kim là một cán bộ tuyên truyền giỏi. Lời phát biểu của anh đầy sức thuyết phục và đầy nhiệt tình, cũng giống như các bài và các tác phẩm của anh. Trong số các tác phẩm do anh viết, chúng tôi xin nêu lên bài "Cuộc đối thoại giữa hai công nhân" và "Tài năng của người lao động" (kịch viết cho nhà hát) và những bài khác. Có thể thấy anh có mặt trong tất cả mọi cuộc đấu tranh của sinh viên và công nhân. Ở đâu anh cũng nổi bật nhờ hoạt động tích cực và tài hùng biện. Từ sau cuộc bãi công cuối cùng của công nhân ngành tơ lụa, anh đã nhiều lần bị bắt cùng với Vương Ái. Sau cái gọi là xử án, bọn chúng đã tuyên án tử hình các anh. Phạm Ân Kim lúc ấy đã trả lời tên chánh án: "Nếu ông muốn giết chết chúng tôi, ít ra ông cũng phải giải thích xem chúng tôi phạm tội gì". Tên chánh án với nét mặt hầm hầm dữ tợn đã đáp lại: "Các anh sẽ được biết tường tận điều đó khi nào người ta chặt đầu các anh". Họ đã bị hành quyết vào khoảng 3 giờ sáng. Sáng hôm sau, tên tỉnh trưởng sát nhân đã tuyên bố rằng, Vương Ái và Phạm Ân Kim là những kẻ vô chính phủ, đã tuyên truyền những tư tưởng độc hại, giấu vũ khí và sau hết, lập ra tổ chức để lật đổ chế độ hiện hành.

Nhưng các anh, hai người đồng chí của chúng ta, đã không hy sinh vô ích. Máu của các anh đã đổ sẽ làm thấm đượm thêm mầu lửa cho ngọn cờ cách mạng vô sản, bằng sự hy sinh của mình, các anh sẽ thức tỉnh toàn thể giai cấp vô sản Trung Quốc trước đây vẫn còn thụ động và thờ ơ.

TỔ CHỨC CỦA THANH NIÊN CỘNG SẢN

Năm 1922, có đặc điểm là những cuộc nổi dậy của công nhân

đã tăng lên hết sức mạnh mẽ. Hành động giết hại các đồng chí của chúng tôi đã không xa lạ với niềm thức tỉnh nồng nhiệt ấy - hơn 1.700 nam nữ sinh viên và công nhân đã gia nhập "Thanh niên cộng sản". Điều đó thì bọn đao phủ đã không ngờ tới. Đại hội lần thứ nhất họp ở Quảng Châu từ ngày 5 đến ngày 10 tháng 5 năm 1922.

Dưới đây là một số đoạn trích từ các đề cương đã được thông qua tại Đại hội:

l. Tình trạng đất nước bị chia cắt và các cuộc nội chiến nổ ra là do chủ nghĩa tư bản ngoại quốc gây ra, được bọn phản bội người Trung Quốc, bọn giả nhân giả nghĩa, bọn đày tớ của chủ nghĩa tư bản ủng hộ. Chúng đã bán cho ông chủ ngoại quốc tất cả các nguồn sinh lực của đất nước, tất cả đời sống kinh tế của tổ quốc mình.

2. Chủ nghĩa tư bản Trung Quốc đã buộc người ta phải thấy sự bóc lột của nó ngày càng tàn bạo. Nó không tốt hơn người anh em ngoại quốc của nó, bởi vì nó du nhập của người anh em đó chế độ bóc lột và áp bức.

3. Tên cu lắc tư bản chủ nghĩa ngự trị và làm khánh kiệt số quần chúng bao gồm bần nông, buôn bán nhỏ, tiểu chủ và tất cả công nhân.

4. Người tiểu chủ bị đẩy vào con đường phá sản và tiêu vong do bị hai tầng áp bức của tư bản ngoại quốc và chế độ quân phiệt bản xứ, bản năng tự vệ khiến họ phải đấu tranh chống lại hai kẻ thù ấy.

Cuộc khởi nghĩa năm 1900 đã chứng tỏ rằng, tầng lớp trung lưu không muốn chịu đựng thêm nữa chủ nghĩa tư bản ngoại quốc. Cuộc cách mạng năm 1911 chỉ rõ rằng, quần chúng đã hoàn toàn chán ngấy chế độ phong kiến cũng như nền quân chủ.

5. Cuộc đấu tranh này chống lại chế độ quan liêu và giới tài phiệt trong đời sống kinh tế và chính trị của nhân dân có ý nghĩa lịch sử quan trọng. Nếu cuộc đấu tranh ấy đem lại thắng lợi, thì nó sẽ bảo đảm nền độc lập dân tộc trong chính sách đối ngoại và trong đời sống nội bộ của đất nước, nó sẽ đem lại tự do báo chí, lập hội, v.v.,

cũng như đem lại chế độ đầu phiếu phổ thông. Đó là giai đoạn lịch sử tất yếu. Giai cấp vô sản phải hành động để thúc đẩy cho thắng lợi của mình. Bằng hành động giúp lật đổ chế độ cũ, chúng ta tập hợp lực lượng và huấn luyện để chuẩn bị cho cuộc cách mạng sắp tới, cuộc cách mạng vô sản.

6. Tuy nhiên, chúng ta không được quên rằng, mặc dù chúng ta được hưởng một ít quyền lợi nhờ cuộc cách mạng tiểu tư sản ấy, nhưng những lợi ích ấy không phải là mục tiêu của chúng ta và sẽ không đem lại sự giải phóng hoàn toàn cho chúng ta. Ngay sau khi lật đổ được giai cấp thống trị, giai cấp tư sản nhỏ sẽ tự động biến thành giai cấp cao nhất và giai cấp bóc lột. Vấn đề của chúng ta - vấn đề chủ nghĩa cộng sản - vẫn hoàn toàn phải được đặt ra.

7. Vì vậy, ngay sau khi cuộc cách mạng tư sản kết thúc, chúng ta phải lập tức bắt tay vào việc tổ chức cuộc cách mạng vô sản. Mục tiêu của nó là thiết lập các Xôviết công nhân và nông dân, nghĩa là chuyển giao toàn bộ quyền lực chính trị và quyền lực kinh tế vào tay giai cấp vô sản.

8. Cuộc cách mạng ấy nổ ra nhanh hay chậm còn phụ thuộc vào tình hình quốc tế, trình độ tổ chức và nhịp độ đấu tranh của giai cấp công nhân Trung Quốc.

9. Thanh niên cộng sản Trung Quốc được lập ra bởi thanh niên công nhân Trung Quốc và tồn tại để phục vụ thanh niên công nhân. Nó sẽ tạo ra và giành được sự giải phóng của mình: xã hội hoá tất cả tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng, thực hiện nguyên tắc: "Ai không lao động, người đó sẽ không được ăn".

10. Thanh niên cộng sản không chỉ đấu tranh nhằm cải thiện lao động của trẻ em, mà còn mở rộng những đòi hỏi cấp bách của mình nhằm bảo vệ nữ thanh niên và sinh viên. Nó tuyên truyền ý thức giai cấp và đào tạo thanh niên cho cuộc cách mạng vô sản.

11. Kết quả ấy không thể đạt được trong một sớm một chiều mà lại không có sự chuẩn bị. Vì vậy thanh niên cộng sản phải có

quy chế chặt chẽ, các mệnh lệnh và chỉ thị chính xác.

NHỮNG YÊU SÁCH CẤP BÁCH

Chính trị:

a) Thủ tiêu chế độ quân phiệt, chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa tư bản.

b) Quyền phát ngôn không hạn chế cho công nông.

c) Tự do báo chí, hội họp, lập hội và bãi công.

Kinh tế:

a) Chế độ ngày làm 6 giờ cho trẻ em, ngày làm 8 giờ cho người lớn. Cấm tuyển lao động các em dưới 12 tuổi.

b) Mỗi tuần được nghỉ 36 giờ, hoàn toàn được nghỉ vào các ngày lễ.

c) Cấm chủ và thợ học việc ký các hợp đồng tư nhân. Ban hành các đạo luật bảo vệ giới học nghề.

d) Cải thiện điều kiện vệ sinh trong lao động. Cấm sử dụng lao động trẻ em dưới 16 tuổi trong các ngành sản xuất nguy hiểm.

e) Trả công ngang nhau cho nam nữ công nhân. Phụ nữ được nghỉ hai tháng được hưởng lương trong thời gian sinh đẻ.

Giáo dục:

a) Thanh niên cộng sản tổ chức các câu lạc bộ, các lớp học, các tổ chức giáo dục nhằm phát triển ý thức xã hội trong thanh niên công nhân và thanh niên nông dân. Nó sẽ xuất bản các báo, tạp chí và sách nhằm mục đích bảo vệ và tuyên truyền. Sau hết, nó phải giúp dân chúng lớn tuổi mù chữ có được trình độ học vấn phổ thông.

b) Hệ thống giảng dạy sẽ được thay đổi sao cho con em người nghèo được đi học.

c) Chế độ học không mất tiền và chế độ tự quản cho sinh viên.

d) Bình đẳng giữa các tôn giáo và các dân tộc. Thanh niên cộng sản cần phải giúp đỡ phong trào thanh niên, phải đấu tranh chống

thủ đoạn ngu dân tôn giáo và tất cả những gì có thể làm tăm tối đầu óc thanh niên.

Thanh niên cộng sản cho rằng, vấn đề giải phóng các dân tộc thuộc địa là vấn đề quốc tế, vì vậy phải giúp đỡ tất cả mọi dân tộc trong cuộc đấu tranh của họ.

Sau Đại hội, Ban chấp hành mới ghi nhận rằng, đã thành lập thêm được 6 chi hội địa phương, nâng tổng số lên 22 chi hội.

Báo *"Đội tiền phong"* được phát hành.

Các hình thức đấu tranh:

a) Nhân kỷ niệm ngày mất của Rôda Lúcxămbua và Các Lípnếch, đã tổ chức những cuộc biểu tình lớn ở Thượng Hải, Bắc Kinh, Quảng Châu và ở các tỉnh khác.

b) Thanh niên cộng sản tham gia rất tích cực vào phong trào bài mê tín: ở khắp nơi đều có các hội bài mê tín, tập hợp được gần 30.000 thành viên. Phổ biến các bài thuyết trình, các sách mỏng và những bản tuyên ngôn, đồng thời đã tiến hành các hội nghị.

c) Đã tiến hành thắng lợi cuộc biểu tình ngày 1-5.

d) Tại tất cả các tỉnh có những chi hội địa phương đều đã tiến hành ngày chủ nghĩa Mác. Đã phân phối các bản tuyên bố và các cuốn sách cổ động.

e) Thanh niên cộng sản đã ủng hộ cuộc bãi công của thợ dệt ở Thượng Hải. Ban chấp hành của nó đã gửi các thông tri đến tất cả các tổ chức công nhân để yêu cầu họ giúp đỡ, trong 3 ngày Ban chấp hành đã thu được hơn 900 piát qua việc mở đợt đăng ký. Có 10 đồng chí thuộc hội "Thanh niên cộng sản" đã bị cảnh sát bắt vì lý do đó. Chỉ sau khi cuộc bãi công của thợ dệt kết thúc họ mới được thả. Giới thanh niên tràn đầy những dự định tốt đẹp và nhiệt tình đã hoạt động hăng hái. Tuy nhiên, họ vẫn không liên hệ được với quần chúng. Tình trạng ấy là do thiếu các chỉ thị và kinh nghiệm.

Tại Đại hội lần thứ III của Quốc tế Thanh niên cộng sản, đồng chí Liêu Nhân Trần đã dự với tư cách đại biểu. Sau khi trở về đồng

chí đã triệu tập Đại hội toàn quốc lần thứ II. Đại hội được triệu tập vào tháng 7 năm 1923 ở Nam Kinh. Đã xem xét và tiếp nhận các đề cương của Đại hội quốc tế. Những đoạn dưới đây của mệnh lệnh phải được thực hiện:

a) Ủng hộ đòi hỏi hằng ngày của thanh niên công nhân.

b) Đi vào quần chúng để kết nạp những thành viên mới thuộc nam nữ công nhân.

c) Thành lập các chi bộ nhà máy.

Đại hội toàn thế giới đã tán thành các đề cương do Thanh niên cộng sản Trung Quốc trình bày, những đề cương ấy liên quan đến chính sách cần áp dụng đối với "Quốc dân đảng"; các hội viên hội thanh niên cộng sản phải bằng mọi cách giúp mở rộng và củng cố đảng cách mạng ấy, luôn luôn tuyên truyền rộng rãi những nguyên tắc cộng sản chủ nghĩa. Các hội viên Hội thanh niên cộng sản nào đồng thời có tham gia "Quốc dân đảng" phải luôn luôn chịu sự kiểm soát của Ban chấp hành Thanh niên cộng sản và phục tùng các chỉ thị của nó. Tuy tham gia công việc của "Quốc dân đảng", nhưng các hội viên của Hội thanh niên cộng sản không được coi nhẹ việc tuyên truyền tư tưởng cộng sản và trong tất cả mọi trường hợp phải thể hiện tính độc lập về tư tưởng và tổ chức. Các hội viên ấy chịu trách nhiệm trước đảng mình, nghĩa là trước Hội thanh niên cộng sản.

Vì một mặt, do cấu trúc cách mạng tự nhiên của thanh niên nông dân, và mặt khác, cũng do có một số lớn binh lính xuất thân từ thanh niên nông dân, nên Hội thanh niên cộng sản phải dành sự chú ý đặc biệt cho công tác theo hướng này, đặc biệt đẩy mạnh công tác giác ngộ giai cấp trong thanh niên nông dân để họ thành bạn chiến đấu cách mạng của mình. Đòi phải trả cùng một mức tiền công cho thiếu niên làm cùng loại công việc như nông dân người lớn. Trẻ em nông thôn là những người tham gia sản xuất trong tương lai, phải được học hành một cách tương ứng. Thanh niên cộng sản thu thập dữ kiện về tình hình kinh tế của dân cư nông

thôn để hành động cho phù hợp với tình hình.

Giáo dục và tuyên truyền

Bằng những bằng chứng đơn giản và rõ ràng, làm cho quần chúng hiểu rõ lợi ích thật sự của mình. Dần dần đưa quần chúng đến chỗ nhận thức được sự cần thiết phải thay đổi chế độ xã hội hiện hành. Huấn luyện quần chúng nắm vững các phương pháp của tổ chức công nhân. Hoạt động theo hướng đó nhằm làm cho tất cả thanh niên nông dân, thanh niên công nhân và thanh niên học sinh hiểu rõ và thừa nhận các tư tưởng của cách mạng dân tộc và cách mạng quốc tế.

Ra lời kêu gọi gửi tất cả thanh niên công nhân, thanh niên nông dân, binh lính và sinh viên với những lời kết thúc dưới đây:

Đả đảo chủ nghĩa quân phiệt!

Đả đảo chủ nghĩa đế quốc!

Đả đảo bọn tư bản bóc lột!

Cách mạng toàn thế giới muôn năm!

Hiện nay "Hội thanh niên cộng sản" có 6.000 hội viên. Các nhóm và các chi hội dần dần được lập ra trong khắp đất nước. Sinh viên và thanh niên kiều bào cũng thành lập các nhóm cộng sản ở nước ngoài. Trong số đó có hơn l00 người đã học chủ nghĩa Mác tại Trường đại học cộng sản của những người lao động phương Đông ở Mátxcơva.

CÔNG TÁC QUÂN SỰ CỦA ĐẢNG TRONG NÔNG DÂN[83]

CÁC PHƯƠNG PHÁP DU KÍCH CÁCH MẠNG

Cuộc cách mạng vô sản *không thể* thắng lợi ở các nước nông nghiệp và nửa nông nghiệp *nếu như giai cấp vô sản cách mạng không được quần chúng nông dân ủng hộ tích cực.* Đó là một sự thực hiển nhiên đối với cả hai cuộc cách mạng - cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng vô sản. Trong thời kỳ cách mạng tư sản dân quyền, cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản để thực hiện các khẩu hiệu của mình và chuyển cuộc cách mạng tư sản dân quyền thành cách mạng vô sản không thể giành được thắng lợi hoàn toàn nếu không có khối liên minh cách mạng của giai cấp vô sản và nông dân, nếu không có sự tham gia tích cực của quần chúng nông dân bị áp bức vào việc thực hiện những khẩu hiệu của cách mạng. Ba cuộc cách mạng Nga, cuộc cách mạng vĩ đại Trung Quốc và các cuộc đấu tranh cách mạng ở nhiều nước khác đã chứng minh rõ ràng điều đó. Đối với tất cả những nhà cách mạng chân chính hiện nay, nguyên tắc lêninnít căn bản ấy là sự thực hoàn toàn không thể chối cãi. Ở Trung Quốc, Ấn Độ, ở Mỹ Latinh, ở nhiều nước châu Âu (các nước vùng Bancăng, Rumani, Ba Lan, Italia, Pháp, Tây Ban Nha...), bạn đồng minh cương quyết của giai cấp vô sản trong cách mạng là quần chúng nông dân. Cách mạng chỉ có thể thắng lợi nếu như những làn sóng cách mạng lay động được quần chúng nông dân dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản. Do vậy mà việc tuyên truyền của Đảng trong nông thôn có tầm quan trọng đặc biệt.

Bất kỳ một phong trào cách mạng nghiêm chỉnh nào trong

nông dân, như chúng ta đã thấy (và còn thấy bây giờ) ở Trung Quốc, thoạt đầu xuất hiện dưới dạng những cuộc nổi dậy lẻ tẻ, tự phát, rời rạc của các nhóm du kích chống lại bọn đại địa chủ, bọn phú nông, thương gia và bọn cho vay nặng lãi; chống lại các nhà chức trách thu thuế; nói vắn tắt, chống lại mọi thế lực chính trị và hành chính tồn tại ở làng quê hay thành phố và chống lại chế độ hiện hành để tịch thu và chia ruộng đất, bỏ địa tô, xoá nợ và thay thế chính quyền bằng các tổ chức nông dân. Ở giai đoạn đầu của phong trào cách mạng, nông dân ít khi nêu ra bất kỳ khẩu hiệu rõ ràng nào về cách mạng ruộng đất; họ chỉ phản đối những tên địa chủ "tàn ác" và đòi giảm tô và thuế...

Đặc điểm căn bản của cuộc cách mạng nông dân ở giai đoạn đầu là tính chất tự phát của nó: những hành động lẻ tẻ, rời rạc; không có một cương lĩnh chính trị nhất quán cho cả vùng; không có những khẩu hiệu ổn định.

Đối với nông dân, mục đích của đảng vô sản là rõ ràng. Đảng vô sản phải giành lấy quyền lãnh đạo phong trào, tổ chức, động viên quần chúng nông dân xung quanh những khẩu hiệu giai cấp nhất định phù hợp với tính chất của cuộc cách mạng, nói tóm lại là phải dẫn dắt toàn bộ phong trào tiến tới thực hiện những khẩu hiệu ấy. Đảng của giai cấp vô sản cần phải phối hợp phong trào nông dân với các mục tiêu cách mạng và các hoạt động của giai cấp vô sản ở các trung tâm công nghiệp.

Đảng cách mạng phải hiểu rằng phong trào nông dân, cho dù có quy mô to lớn tới đâu đi nữa, cũng không mong gì giành được những thắng lợi quyết định nếu như giai cấp công nhân không hành động. Điều đã nói cũng đúng đối với các hoạt động của giai cấp công nhân (ở các nước nông nghiệp và nửa nông nghiệp) nếu như các hoạt động đó không được hỗ trợ bởi hoạt động cách mạng mạnh mẽ từ phía nông dân. Tổ chức và chuẩn bị các hoạt động phối hợp, nếu có thể cùng một lúc ở thành thị và nông thôn thì đó sẽ là mục đích căn bản của đảng cách mạng ở các nước nông nghiệp và nửa nông nghiệp.

Ở Trung Quốc, nhờ kết quả của cuộc Bắc phạt mà phong trào

nông dân đạt tới tầm vóc to lớn. Cho tới thời điểm Đại hội lần thứ V Đảng Cộng sản Trung Quốc (tháng 5-1926) có khoảng 10 triệu nông dân được tổ chức lại trong các Nông hội ở Hoa Trung và Hoa Nam. Đại bộ phận, chủ yếu ở miền Nam, ở lưu vực sông Dương Tử, đã đấu tranh (năm 1927) có ý thức dưới khẩu hiệu của cách mạng ruộng đất. Đảng Cộng sản Trung Quốc (bộ phận lãnh đạo của đảng thời kỳ này) đáng lẽ phải tiến hành tuyên truyền cổ động trong nông dân phù hợp với những nghị quyết của Quốc tế Cộng sản; đáng lẽ phải hướng quần chúng nông dân đi theo con đường hành động cách mạng bằng cách giúp họ tổ chức lại, vạch ra cương lĩnh chính trị và kế hoạch hành động, bằng cách thúc đẩy sự phân hoá xã hội trong nông thôn; đáng lẽ phải kìm giữ phong trào trong ảnh hưởng của đảng và chỉ đạo theo chiến lược của đảng theo hướng mở rộng và làm sâu sắc thêm cuộc cách mạng ruộng đất, thì đằng này lại phụ thuộc vào phong trào nông dân và phối hợp với Quốc dân đảng chiến đấu chống lại cái gọi là sự hà lạ[1] quá đáng, tức là cái mà trong thực tế đã là sáng kiến cách mạng của các tổ chức nông dân. Đó là sai lầm lớn nhất trong lãnh đạo của những người cộng sản lúc đó.

Điều hết sức ngạc nhiên là chính sách của Đảng Cộng sản đối với nông dân và khối liên minh đó với Quốc dân đảng đã làm nảy sinh một kết cục sau đây: Ngày 1-8-1927, khi nghĩa quân của Diệp Đĩnh và Hạ Long ở Nam Xương tiến xuống miền Nam thì họ không thể tìm ra một số lượng phu đủ để vận chuyển đạn dược và các vật liệu chiến tranh khá[2]. Nông dân đã bỏ làng đi để khỏi bị động viên. Đội quân của Diệp Đĩnh và Hạ Long đành phải để lại phía sau vô số đạn dược để rồi lọt vào tay quân địch. Tương tự như vậy, ở vùng Sán Đầu, các viên chỉ huy cộng sản và cánh tả Quốc dân đảng của quân đội cách mạng đang cố thuyết phục nông dân gia nhập quân đội của mình và muốn phân phát số vũ khí thừa cho họ. Người

---

1) Nguyên văn: so - called - excesses

2) Quân đội miền Nam không có đoàn vận tải riêng: mọi việc vận chuyển vật liệu chiến tranh đều do phu khuân vác đảm nhiệm. Những người phu khuân vác đó cũng là nông dân, những người hoặc sợ động viên hoặc được trả tiền hậu hĩnh.

nông dân không gia nhập quân đội cách mạng vì họ không phân biệt được quân đội cách mạng và quân đội của bọn quân phiệt khác nhau ở chỗ nào. Thực tình là không thể phân biệt được, vì mặc dù trong một số sư đoàn (sư 24 và 25) tất cả những viên chỉ huy trung đoàn và 20 phần trăm sĩ quan đều là những người cộng sản, và mặc dù uỷ ban quân sự cách mạng cũng có những người cộng sản, chính sách của quân đội đối với nông dân về mọi phương diện không khác với cánh tả Quốc dân đảng. Thay cho những khẩu hiệu như "Đả đảo bọn đại địa chủ", "Sung công ruộng đất!" mà Nông hội đã nêu lên, thì Uỷ ban cách mạng nêu ra các khẩu hiệu sau đây: "Đả đảo bọn địa chủ tàn ác!", 'Tịch thu số ruộng đất trên 20 mẫu!", "Giảm tô 50%!"... Vì lẽ đó, không phải ngạc nhiên khi quần chúng nông dân từ chối không gia nhập quân đội cách mạng và rời bỏ làng quê của mình trốn vào núi. Cũng không lấy làm lạ, tại trấn Ôn Tuyền, đội quân của Diệp Đĩnh và Hạ Long được thương nhân biểu tình chào đón thân thiết, mà không có một bóng nông dân nào.

Nên nhớ rằng, lúc bắt đầu và trong suốt cuộc Bắc phạt, những người nông dân ấy với hy vọng Quốc dân đảng sẽ giải thoát cho họ về xã hội và kinh tế, đã chiến đấu với tất cả những gì họ có thể có để giúp Quốc dân đảng đè bẹp đội quân của những viên tướng tá kiểu cũ (Tôn Truyền Phương, Ngô Bội Phu). Họ đã làm như vậy bằng những cuộc nổi dậy ở hậu phương; quấy rối chúng bằng những trận tấn công du kích bền bỉ, và ám sát các sĩ quan và những tên đại địa chủ; nói tóm lại, bằng cách phá thế ổn định ở hậu phương của chúng.

Cần phải nhấn mạnh rằng, chính sách kém cỏi về vấn đề nông dân của Đảng cộng sản là một trong những nguyên nhân quyết định làm cho cuộc cách mạng Trung Quốc năm 1927 thất bại.

Những sự kiện năm 1923 ở Bungari là một thí dụ khác về việc không quan tâm tới phong trào nông dân. Ở đây, vào mùa thu năm 1923, các cuộc khởi nghĩa nông dân đã bùng nổ tự phát ở một loạt vùng. Vậy mà, Đảng Cộng sản Bungari suốt cả một tuần vẫn không làm gì để giành quyền lãnh đạo phong trào. Các cuộc khởi nghĩa nông dân - do thiếu tổ chức và hợp đồng, do sự biệt lập với

nhau và vì thiếu vắng sự lãnh đạo cụ thể của Đảng Cộng sản - đã bị phản cách mạng đè bẹp.

Mặt khác, cuộc Cách mạng Tháng Mười không thể giành được thắng lợi nếu như Đảng Bônsêvích không có khả năng động viên quần chúng nông dân dưới khẩu hiệu của mình và dẫn dắt họ tham gia vào cuộc chiến đấu lật đổ chính quyền của giai cấp tư sản và thiết lập nền chuyên chính của giai cấp vô sản. Nếu như Đảng Bônsêvích không có một chính sách cụ thể đối với nông dân thì không bao giờ có chuyện quân đội Sa hoàng ngả về phía cách mạng. Nhờ chính sách rõ rệt đối với nông dân của Đảng Bônsêvích hoàn toàn đúng đắn nên Đảng có khả năng to lớn thu hút quân đội Sa hoàng - gồm chủ yếu là nông dân.

Một nguyên nhân làm cho cuộc khởi nghĩa Quảng Châu thất bại là vào lúc giai cấp vô sản vùng dậy trong thành phố thì ở những vùng ngoại vi không có một phong trào nông dân cách mạng quan trọng nào cả. Ngược lại, vô số các cuộc nổi dậy của nông dân ở nhiều tỉnh khác nhau của Trung Quốc (ví dụ như ở Sơn Đông) bị thất bại chủ yếu do không phối hợp được với phong trào cách mạng của giai cấp công nhân ở các trung tâm công nghiệp, và không được hoạt động của giai cấp vô sản trong các thành phố ủng hộ.

Vào thời điểm giai cấp vô sản Nga đang đấu tranh cách mạng sôi nổi năm 1905, khối quần chúng nông dân to lớn hãy còn thể hiện hoạt động cách mạng nhỏ bé. Phong trào nông dân ở nước Nga chỉ đạt tới đỉnh cao của nó vào những năm 1906-1907, tức là khoảng một năm sau khi những làn sóng cách mạng của giai cấp vô sản thành thị đã lắng xuống. Phong trào cách mạng ở các thành phố không phối hợp được với phong trào cách mạng ở nông thôn là một sự thực và đó chính là nguyên nhân căn bản đã dẫn cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất tới thất bại.

Để bảo đảm chắc chắn cho sự phối hợp hành động giữa giai cấp vô sản và nông dân, đảng của giai cấp vô sản, trước hết ở tất cả các nước nông nghiệp và nửa nông nghiệp, phải quan tâm tới công tác chính trị và tổ chức (cả về công tác quân sự) trong nông dân. Công

tác này không được phó thác cho sự may rủi hay tiến hành gặp chăng hay chớ, một kiểu giống nhau trên khắp cả nước. Nó phần nào phải ăn nhịp với phương hướng cơ bản của Đảng về mệnh lệnh và ngày tháng cho các hành động cách mạng khác nhau có thể diễn ra ở bất kỳ một vùng hay một tỉnh nào. Việc tuyên truyền cổ động chính trị hoặc công tác tổ chức y như nhau ở một nước rộng lớn như Trung Quốc chắc chắn sẽ dẫn tới chỗ làm phân tán sức người, sức của. Sự không đồng đều của các tỉnh khác nhau trong đời sống chính trị ở Trung Quốc (cũng như ở các nước tương tự) xác định quyền ưu tiên công tác đảng trong nông dân ở mỗi tỉnh. Do đó, tầm quan trọng về chính trị của Cam Túc, Quế Châu, Quảng Tây và các tỉnh cùng loại khác không thể sánh với các tỉnh Quảng Đông, Hồ Bắc, Hồ Nam, Giang Tô ... có các trung tâm thương mại và công nghiệp lớn và giai cấp vô sản đông đúc. Lẽ đương nhiên, việc tuyên truyền cổ động cách mạng cần phải được tiến hành trong nông dân ở mọi nơi, nhưng *sức mạnh chủ yếu của Đảng* phải được dồn cho một tỉnh hay một vài tỉnh đặc biệt. Nguyên tắc này rút ra từ sự thực được mọi người thừa nhận là ở những nước như Trung Quốc, hiện tại có sự khác biệt rất lớn về điều kiện địa lý, kinh tế và chính trị, cuộc cách mạng (việc giành chính quyền của giai cấp vô sản liên minh với nông dân và dân nghèo thành thị) không thể được hoàn thành như một hành động đơn giản (tức là diễn ra trong một vài tuần hoặc một vài tháng), mà nhất thiết phải trải qua cả một thời kỳ kéo dài ít lâu của các phong trào cách mạng ở các tỉnh khác nhau hoặc các trung tâm công nghiệp và chính trị.

Chắc chắn rồi đây chính quyền Xôviết sẽ được thiết lập ở Trung Quốc trong một vài tỉnh hoặc một số tỉnh có trung tâm thương mại và công nghiệp lớn, đó sẽ là căn cứ địa cho sự phát triển nhảy vọt của cách mạng. Ngày mà các vùng lãnh thổ mới, sẽ nhập vào căn cứ địa cách mạng ấy sẽ tuỳ thuộc vào cán cân lực lượng giữa cách mạng và phản cách mạng, không chỉ ở Trung Quốc mà trên toàn thế giới. Đó là vấn đề chỉ có thể giải quyết được bằng đấu tranh. Nhưng trong bất kỳ trường hợp nào, việc củng cố và thống

nhất cách mạng Trung Quốc sẽ đòi hỏi nhiều thời gian hơn thời gian cần thiết để tống khứ các lực lượng phản cách mạng ra khỏi nước Nga sau Cách mạng Tháng Mười ở Pêtrôgrát và Mátxcơva.

Do vậy, khi đảng cách mạng đoán trước được tình thế cách mạng trực tiếp đang tới gần, thì (trong khi tiếp tục giáo dục và vận động giai cấp công nhân) phải chỉ ra được tỉnh nào hay huyện nào là quan trọng nhất theo quan điểm tuyên truyền trong nông dân, phải dồn sự chú ý của Đảng và tập trung các nguồn lực của Đảng cho các tỉnh này. Cùng với sự quan tâm tới công tác tuyên truyền trong nông dân, Đảng cần phải quan tâm săn sóc hơn đến những vùng tiếp giáp với các trung tâm chính trị và công nghiệp chính. Điều đó cũng đúng đối với nhiều nước châu Âu (Ba Lan, Pháp, Rumani...).

Khi phong trào cách mạng mạnh mẽ của nông dân bắt đầu sau khi giai cấp vô sản bị thất bại (có nghĩa là sau cách mạng 1905 ở Nga, hoặc ở Trung Quốc sau sự thất bại của giai cấp vô sản năm 1927), Đảng phải tự mình thay thế vị trí đứng đầu phong trào nông dân ấy và dẫn dắt nó. Cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp nông dân, đặc biệt nếu nó phát triển thắng lợi ở những vùng có các trung tâm thương mại và công nghiệp quan trọng, là một thứ vũ khí mạnh; nó có thể khích lệ giai cấp công nhân - giai cấp đã bị thất bại và đã hơn một lần rơi vào những ổ phản động, lấy lại thế chủ động và hành động.

Thông thường, bất kỳ một phong trào cách mạng nghiêm chỉnh nào trong nông dân đều nhất thiết phải sử dụng hình thức hoạt động vũ trang (nghĩa là những hoạt động quân sự thực sự của những toán du kích nông dân) chống lại sự lộng quyền của bọn địa chủ, bọn cho vay nặng lãi, những công chức chính phủ, v.v., đó là điều hoàn toàn cốt lõi để bàn luận công tác quân sự của Đảng trong nông dân suốt thời gian dài.

Không thể giấu mình một cách đơn giản vào những toán nông dân vũ trang đã có vào bất kỳ thời điểm nhất định nào, cũng tựa như không thể tuỳ ý thành lập các đội tự vệ đỏ trong các nhà máy vậy. Cuộc đấu tranh vũ trang của nông dân với tư cách một hình

thức đấu tranh quần chúng, xuất hiện trong những tình thế chính trị đặc biệt - khi mà ách áp bức của giai cấp thống trị trở nên không thể chịu nổi và quần chúng nông dân đang ở trong tình thế sôi sục cách mạng sẵn sàng xả thân chiến đấu chống lại trật tự hiện hành. Những hành động tự phát của các toán nông dân vũ trang là dấu hiệu chứng tỏ rằng "quần chúng bị bóc lột và bị áp bức đã nhận thức là không thể tiếp tục sống như trước được nữa mà đòi phải thay đổi" (Lênin), rằng đất nước đang bước vào tình thế cách mạng trực tiếp. Không thể có một phong trào du kích cách mạng trong "hoàn cảnh bình thường và hoà bình" vì nó chứng tỏ sự khởi đầu thời kỳ nội chiến công khai giữa hai bộ phận cư dân.

Kinh nghiệm lịch sử của chiến tranh du kích ở các nước khác nhau chỉ ra rằng thoạt đầu nó được đặc trưng bởi những cuộc giao tranh nhỏ chỉ có ý nghĩa địa phương. Điều đó là do sự non yếu và số lượng hạn chế của các đơn vị du kích, do trình độ nhận thức còn thấp kém về mục tiêu trong nông dân - do họ thiếu kinh nghiệm cách mạng và Đảng vô sản không có ảnh hưởng thoả đáng trong nông thôn. Mục tiêu chính của các toán du kích ở thời kỳ này là bảo vệ nông dân trong vùng khỏi bạo lực của chính quyền phản động, khỏi những lệnh độc đoán của quân đội (trong thời chiến), v.v.. Cho tới cuối thời kỳ này, các đơn vị du kích thường sử dụng hình thức khủng bố cá nhân hay phá hoại chống lại bọn viên chức trong làng, các thương nhân, địa chủ, sĩ quan, cảnh sát, các thủ lĩnh phát xít hoặc các tổ chức Trăm đ[1]; tấn công những đơn vị lẻ tẻ đang đi tiễu phạt hoặc tấn công những toán lính nhỏ để tước vũ khí của chúng hoặc giải thoát tù nhân; sử dụng hình thức phá đường bộ và đường sắt; hình thức "sung công", thu lấy một số lớn tiền; đất nhà cửa...

Những vấn đề liên quan tới việc chiếm chính quyền, sự phối hợp các hoạt động du kích giữa các vùng khác nhau hoặc sự áp dụng các hoạt động này vào cuộc đấu tranh chính trị và kinh tế của

1) *Black - hundred:* Một tổ chức của đại địa chủ bảo hoàng, phản động dưới thời Nga hoàng và tiếp tục sau Cách mạng Tháng Mười.

giai cấp vô sản thành phố thông thường không được đặt ra ở thời kỳ ban đầu này của nội chiến trong nông thôn. Các khẩu hiệu của chiến tranh du kích chưa mang tính chất giai cấp rõ ràng.

Nhưng rồi do sự bột phát cách mạng diễn ra trong nông thôn, do đối kháng giai cấp ở nông thôn trở nên gay gắt và do ảnh hưởng của giai cấp vô sản tới giai cấp nông dân tăng lên, các hoạt động du kích sẽ bắt đầu tăng lên gấp bội. Số lượng các toán du kích tăng nhanh và tiếp tục bao chiếm những khu vực mới. Các hoạt động của họ cũng trở nên có hy vọng hơn. Cuộc đấu tranh vũ trang của nông dân bị áp bức chống bọn phản động bây giờ bắt đầu mang tính chất quần chúng. Nó sẽ nhanh chóng chuyển từ hành động phòng thủ sang hành động tiến công và sẽ làm cho chính quyền luôn lo sợ về những cuộc tiến công bất ngờ.

Trong thời kỳ này, các toán du kích không còn tự giới hạn hoạt động trong địa phương mình nữa. Họ đã vươn ra khỏi làng hay huyện của mình, dần dần tự chuyển thành những đội quân xuất quỷ nhập thần, liên kết với những toán du kích từ các vùng khác và táo bạo hoạt động trên quy mô rộng. Các mục tiêu của họ bây giờ cũng rõ ràng hơn. Cùng với những cuộc tiến công nhỏ vào các nhà kho - giết những tên đại địa chủ, bọn phản động và bọn cảnh sát, đốt cháy những dinh cơ lớn... bây giờ họ bắt đầu tiến công thường xuyên vào cảnh sát và quân đội, tiến công bất ngờ vào các thành phố nhỏ.

Lịch sử đấu tranh của nông dân trên khắp thế giới minh hoạ một cách phong phú con đường mà phong trào du kích dần dần tự chuyển thành một lực lượng nghiêm chỉnh; thành một lực lượng có khả năng cung cấp những người lãnh đạo đích thực, thực hiện những nhiệm vụ cách mạng có tầm quan trọng lớn lao.

Trong suốt cuộc Bắc phạt, năm 1926 và đầu năm 1927, quân đội cách mạng của chính phủ Quảng Châu, lúc đầu khi rời tỉnh Quảng Đông chỉ có chừng 90.000 lính mà đã đánh bại quân đội của Ngô Bội Phu, Tôn Truyền Phương và Trương Tôn Xương đông gấp đôi, đó thực sự là một ngoại lệ theo chuẩn mực Trung Hoa. Quân đội Quảng Châu nhỏ bé về số lượng, vũ khí và trang thiết bị nghèo nàn chỉ có thể giành thắng lợi quân sự vĩ đại đó *bởi các hoạt động*

tích cực của các toán du kích nông dân trong vùng địch hậu. Trong suốt cuộc Bắc phạt, đặc biệt là vào lúc đầu, nông dân ở các tỉnh miền Nam và miền Trung lúc đó đã xem quân đội cách mạng dân tộc như là đội quân mẫu mực của cuộc đấu tranh chống bọn đại địa chủ, bọn quý tộc, bọn đế quốc, bọn quân phiệt, đại thể là chống lại tất cả bọn phản động, vì vậy, họ đã ủng hộ không tính toán quân đội dân tộc bằng những hoạt động du kích, những cuộc khởi nghĩa, cắt đường rút lui của quân địch, tiến công bất ngờ vào chúng. Quân đội của bọn quân phiệt vừa phải chống đỡ các cuộc tiến công của quân cách mạng ở ngoài mặt trận, đồng thời phải tổ chức kháng cự tuyệt vọng với các toán du kích nông dân ở hậu phương của chúng. Lẽ tất nhiên, trong hoàn cảnh như vậy không có một đội quân nào có thể chiến đấu có hiệu quả. Quân đội của bọn quân phiệt ở Hoa Nam và Hoa Trung, được chủ nghĩa đế quốc ủng hộ mạnh mẽ, đã tan rã, không thể tránh được trước những đòn tiến công phối hợp của quân đội dân tộc và của nhiều toán du kích nông dân đang tiến công hậu phương của chúng.

Thông qua công tác tiến hành trong nông dân ở các tỉnh do bọn quân phiệt chiếm giữ, Đảng Cộng sản và Quốc dân đảng đã góp phần đáng kể vào việc tổ chức và lãnh đạo các toán du kích nông dân phá vỡ hậu phương của chúng.

Lịch sử cuộc đấu tranh cách mạng ở Trung Quốc cũng đưa ra một ví dụ tiêu biểu về việc dùng các toán du kích nông dân vào mục đích phản cách mạng. Đầu năm 1926, Quân đoàn 2 của Phùng Ngọc Tường đóng ở tỉnh Hồ Nam đánh nhau với quân của Ngô Bội Phu. Do chiến tranh liên miên giữa các phe phái quân phiệt, tỉnh Hồ Nam trở nên tiêu điều, nông dân nghèo khổ xác xơ. Sự nghèo đói của nông dân vẫn tiếp tục diễn ra trong khi Quân đoàn 2 đóng quân ở đấy - 20 vạn binh sĩ tất nhiên phải được nhân dân cấp dưỡng. Sự nghèo đói ấy đã đẩy hàng trăm ngàn nông dân vào các băng cướp. Một số khác tụ tập thành những hội mang tính chất tôn giáo và nửa tôn giáo mà con số hội viên tăng lên gấp bội trong những năm 1925-1926.

Sự bất mãn của nông dân Hồ Nam đã được Ngô Bội Phu khai thác. Những tên tay chân của hắn đã tiến hành tuyên truyền khôn khéo chống lại Quân đoàn 2. Các tổ chức nông dân khác nhau ("Hồng Giáo", "Trường Đao", "Bụng rỗng"...) hăng hái chống lại chế độ mà Quân đoàn 2 đã xây dựng trên đất Hồ Nam; họ tiến công và làm tan vỡ hậu phương của Quân đoàn 2, tiến hành các cuộc tiến công bất ngờ có hệ thống vào các đơn vị nhỏ, kêu gọi lính đào ngũ và gia nhập những toán du kích nông dân...

Do sự thù địch của các tổ chức nông dân bán quân sự, tinh thần của Quân đoàn 2 rệu rã cực điểm. Đội quân 20 vạn người ấy đã tan rã ngay sau những cuộc tiến công đầu tiên của một lực lượng ít ỏi của Ngô Bội Phu.

Ngô Bội Phu đã có thể khai thác những tiềm năng cách mạng của nông dân Hồ Nam cho mục đích phản cách mạng. Tuy vậy, khi quân lính của Ngô Bội Phu đặt chân vào tỉnh thì chính những người nông dân ấy, những con người đã từng phẫn uất tiến công Quân đoàn 2, giờ đây lại quay súng chống lại Ngô Bội Phu. Do hành động thù địch của các toán du kích mà y đã bị thất bại nặng nề trong cuộc chiến đấu chống lại quân đội Quảng Châu.

Ta có thể tìm thấy vô vàn những tấm gương về hoạt động du kích quả cảm trong lịch sử cuộc nội chiến Nga - ở Xibêri, ở Ucraina, ở vùng sông Đông, ở Bắc Côcadơ... - Du kích đã giúp Hồng quân giải phóng đất nước khỏi các lực lượng phản cách mạng: các tướng lĩnh Sa hoàng, bọn địa chủ và tư sản.

Chìa khoá dẫn tới những thắng lợi vững chắc của các toán du kích là sự liên hệ mật thiết với quần chúng nông dân. Hoạt động du kích là việc phi thường trong tình thế cách mạng, là sự sôi sục cách mạng trong quần chúng nông dân. Cuộc đấu tranh du kích phải phản ánh được lợi ích của quảng đại quần chúng nông dân và phải có tình thế cách mạng trực tiếp thì mới có thể giành được thắng lợi. Những đội quân của bọn Culắc do các đảng phái phản cách mạng lập ra một cách hình thức trong nhiều vùng của nước Nga suốt trong cuộc nội chiến đã không và không có thể giành được bất cứ một thắng lợi vững chắc nào, bởi lẽ đội quân đó không phản ánh

khát vọng của nông dân, những người cự tuyệt hoàn toàn chiến đấu chống lại chính quyền Xôviết. Những thắng lợi tạm thời của chúng ở tỉnh Tambốp vào năm 1920, đã nhanh chóng đi tới thất bại, và đẩy tới sự vùng dậy của quần chúng nông dân chống lại các thủ lĩnh phản cách mạng của chúng.

Những điều kiện của cuộc đấu tranh, quy mô của phong trào cách mạng ở nông thôn; những mục tiêu mà nông dân tự đặt ra, - đó là những nhân tố quyết định các hình thức đấu tranh du kích ở bất kỳ thời điểm nào, ở bất cứ nước nào. Từ những hình thức đó lần lượt mới hình thành tổ chức và cấu trúc các đơn vị du kích. Đảng vô sản luôn có bổn phận phải tính tới những điều kiện cụ thể về thời gian, làm sao có khả năng đưa lại cho phong trào du kích những hình thức phù hợp với hoàn cảnh đặc thù ấy và dẫn dắt các hoạt động của nó. Phong trào du kích không chỉ được lãnh đạo về chính trị, mà còn được lãnh đạo về quân sự và chiến thuật.

Các phương pháp chung và công thức phổ biến cho việc tổ chức và chiến thuật là hoàn toàn không thể áp dụng được vào cuộc đấu tranh của các chiến sĩ du kích nông dân. Những hình thức đấu tranh được áp dụng ở Trung Quốc chẳng hạn, khác một cách căn bản với những hình thức sẽ được áp dụng ở Pháp. Chỉ riêng mảnh đất hoạt động đã có sự khác nhau rồi chứ chưa nói tới tất cả các loại khác biệt và nét đặc thù khác. Nếu người ta không muốn đi chệch khỏi mảnh đất của chủ nghĩa Mác và có cơ rơi vào sự trừu tượng thì người ta chỉ có thể nói một cách chung nhất về các hình thức và cơ cấu của các đơn vị du kích, chỉ có thể khái quát những vấn đề nguyên tắc chung.

Trước khi khuyên sử dụng một hình thức tổ chức nào đó trong chiến tranh du kích phải xuất phát từ tình hình chính trị trong vùng đang được xem xét mà tiến hành phân tích hết sức cụ thể, chi tiết. Toàn bộ những đặc điểm về lối sống và văn hóa của cư dân phải được tính đến cùng với kinh nghiệm đấu tranh giai cấp đã có của nông dân.

Trong toàn bộ mô hình đấu tranh giai cấp, các phong trào du kích đóng vai trò của một nhân tố bổ trợ: nó không có thể tự mình

đạt được mục tiêu lịch sử, mà chỉ có thể góp phần giải quyết cái được đưa ra bởi một lực lượng khác - giai cấp vô sản. Theo đó ta thấy rằng mục tiêu đặc thù của các hoạt động du kích là quấy rối và tiêu hao lực lượng phản động, tạo điều kiện thuận lợi cho thắng lợi chung của các giai cấp lao động dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản.

Về phần tổ chức, các điều kiện căn bản mà phong trào du kích phải tuân thủ như sau:

a) Tổ chức phải mềm dẻo và cần phải có một số cấp có khả năng hoạt động độc lập với nhau;

b) Tổ chức phải cơ động; có khả năng hoạt động nhanh; có thể xoay chuyển cực nhanh khi hoàn cảnh đòi hỏi chuyển từ điều kiện bí mật sang công khai và ngược lại, và kết hợp đúng đắn các phương pháp công khai, bán công khai và bí mật;

c) Cấu trúc phải làm sao cho Đảng thực hiện quyền lãnh đạo về chính trị và tác chiến của mình;

d) Cấu trúc phải đơn giản, dễ hiểu đối với quần chúng và phù hợp với phong tục tập quán của họ, bảo đảm tiếp tục phát triển lực lượng mới.

Vào thời kỳ đầu, lúc mà mục tiêu của phong trào còn là bảo vệ nông dân địa phương chống lại sự lộng quyền của bọn phản động, các toán du kích (tức là những nhóm nhỏ ban đầu) được thành lập theo tuyến lãnh thổ. Theo lệ thường, những toán du kích đó còn bí mật. Dần dà, do cuộc đấu tranh giai cấp trở nên gay gắt trong nông thôn và do nó chuyển thành cuộc nội chiến công khai, những nhóm du kích đầu tiên đó nhập lại với nhau để hình thành những đơn vị du kích có quy mô lớn, theo vùng (xã, huyện).

Không thể nói rằng, các đơn vị du kích phải bao gồm những phần tử tiên tiến nhất trong làng mạc (việc này trên thực tế diễn ra lộn xộn). Tuy thế, ở thời kỳ đầu, do nhu cầu phải giữ bí mật, do sự dò la và khiêu khích của các nhà cầm quyền, nên việc tuyển lựa người của các nhóm sơ khai phải được xem xét rất kỹ lưỡng. Về sau, khi phong trào chuyển thành một dòng thác rộng lớn, mạnh mẽ, thu hút vào hàng ngũ du kích tất cả những phần tử tiên tiến

và hăng hái trong các làng mạc thì nguyên tắc giữ bí mật và thẩm tra nhân sự không còn quan trọng lắm. Nhưng việc lựa chọn kỹ những người chỉ huy - những người phải đáng được tin cậy về chính trị và đã được huấn luyện đầy đủ về quân sự, - vẫn luôn luôn là một vấn đề nóng hổi; mọi sự xem thường điểm này chắc chắn sẽ có hậu quả tai hại đối với toàn bộ tổ chức.

Đảng của giai cấp vô sản chỉ có thể lãnh đạo tốt phong trào du kích nếu như Đảng có ảnh hưởng tới nông dân, nếu như nông dân chấp nhận những khẩu hiệu và cuộc đấu tranh của Đảng để thực hiện những khẩu hiệu đó. Ở những nước đã có các tổ chức quần chúng nông dân, Đảng cần phải phấn đấu giành ảnh hưởng và hướng dẫn phong trào du kích cả trực tiếp lẫn thông qua các tổ chức quần chúng (đối với các đơn vị du kích do các tổ chức nông dân chỉ đạo một cách đúng đắn). Nơi nào chưa có các tổ chức quần chúng như thế thì Đảng cần phải sử dụng các tổ chức du kích làm công cụ để hướng dẫn nông dân về chính trị. Tổ chức du kích tự nó thực sự phải là đội tiền phong của giai cấp nông dân chân lấm tay bùn - một bộ phận tích cực, đầy tính chiến đấu và lãnh đạo của nó.

Các cuộc khởi nghĩa ở Bungari (năm 1923) không phát huy được ảnh hưởng là do, lúc đó lực lượng vũ trang và bộ máy lãnh đạo các đơn vị du kích chưa được tổ chức đúng đắn. Điều đó giải thích vì sao sự phối hợp hoạt động của các đơn vị rời rạc như vậy và lý do vì sao quân đội chính quy điều đến đàn áp các cuộc khởi nghĩa, lại thực hiện được một chiến dịch tương đối dễ dàng như vậy. Đảng Cộng sản chỉ bắt tay xây dựng bộ máy lãnh đạo vào đầu năm 1924. Các lực lượng vũ trang nông dân định thành lập hoặc xây dựng lại cho khá hơn thì phải tuân theo cách sau đây: Ở cơ sở, toán 6 người (một chỉ huy và 5 chiến sĩ); ba hoặc bốn toán 6 người lập một trung đội và từ 3 đến 5 trung đội lập một đại đội. Trong trường hợp cần thiết, từ 3 đến 5 đại đội ấy có thể kết hợp lại để lập ra một đơn vị lớn.

Ở cấp làng, ban chỉ huy làng (về chính trị và quân sự) chỉ đạo tổ chức chiến đấu của nông dân, ở cấp huyện là ban chỉ huy huyện, các đại đội được đặt dưới quyền chỉ huy của nó.

Phải ghi nhận rằng, việc tổ chức các đại đội ở Bungari là dựa trên cơ sở phân biệt khá rõ ràng các chức năng để bổ sung cho các đơn vị chiến đấu của một đại đội còn có lính trinh sát, chiến sĩ bắn súng máy, chiến sĩ thông tin liên lạc, v.v..

Nếu như một tổ chức nhận thức đầy đủ như vậy và thành công trong việc tự thích nghi với những điều kiện của khu vực hoạt động và phù hợp với mục tiêu đã chọn, với nhu cầu giữ bí mật, v.v. thì chắc chắn nghĩa quân Bunguri đã thực hiện được một cách có hiệu quả những nhiệm vụ mà họ được trao. Đáng tiếc là, Đảng Cộng sản tổ chức lại các lực lượng du kích theo đường lối đó hơi muộn, đến nỗi trên thực tế không thực hiện được ở một nơi nào cả. Vì vậy, Đảng bắt đầu thấy cần thiết đặt ra vấn đề tổ chức lực lượng vũ trang trong các làng mạc vào lúc làn sóng cách mạng ở Bungari đang ở lúc thoái trào sau thất bại tháng 9-1923.

Ở Trung Quốc, cơ cấu các tổ chức chiến đấu của nông dân ("Hồng Giáo" và các tổ chức còn lại) khác với ở Bungari. Đơn vị cơ sở là toán 10 người; những toán đó hợp thành nhóm 100 người và đơn vị 100 người sau đó thường lập thành những đơn vị mạnh hơn.

Ở Đức, cuối năm 1923, đầu năm 1924 các đơn vị du kích nông dân Pomerania và Đông Phổ được tổ chức theo cùng sơ đồ như đại đ[1] vô sản ở thành phố: đội gồm từ 10 đến 15 người, ba hoặc bốn đội lập thành trung đội, hai hoặc ba trung đội lập thành đại đội.

Thật khó lòng mà đánh giá cơ cấu đó hiện có đến mức nào bởi lẽ tổ chức đại đội vô sản Đức đã không phát triển lên nữa; Đảng cũng chỉ bắt tay xây dựng nó vào lúc mà làn sóng cách mạng bắt đầu thoái trào và các tổ chức đó nhanh chóng tan vỡ. Tuy nhiên các đại đội đó về bản chất là sự lập lại cơ cấu đại đội trong quân đội đế quốc (do kinh nghiệm chiến tranh, quần chúng không lạ gì nó). Và vì đại đội vô sản trong các thành phố được quần chúng yêu mến, trong suốt năm 1923 (và thậm chí trước đó nữa) nên người ta có thể cho rằng tổ chức theo kiểu đại đội là hình thức tốt nhất phù hợp với

---

1) *Hundreds*, nghĩa là hàng trăm, tạm dịch là đại đội theo tổ chức quân đội ta cho dễ hiểu.

điều kiện nước Đức.

Ở Nga, suốt trong thời kỳ nội chiến, phong trào du kích về đại thể đã xây dựng theo hình thức như là những đơn vị nhỏ hơn của quân đội chính quy: tiểu đội, đại đội, tiểu đoàn, trung đoàn kỵ binh. Dần dần, khi Hồng quân tiến công phía trước và du kích đánh sau lưng phối hợp đuổi quân thù ra khỏi vị trí chúng chiếm giữ, các đơn vị du kích hoặc hợp nhất với các đơn vị Hồng quân, hoặc tiếp tục tồn tại như những đơn vị độc lập của Hồng quân - tiếp nhận các sĩ quan chỉ huy, các trang thiết bị từ lực lượng dự trữ của Hồng quân và hoạt động theo mệnh lệnh của chỉ huy tối cao Hồng quân.

Những ví dụ đã nói ở trên về cơ cấu của phong trào du kích ở các nước khác nhau chỉ rõ rằng, về bản chất những nguyên tắc như thế áp dụng ở đây cũng như với các đơn vị cơ sở của quân đội chính quy - *nhưng cũng cần phải tính đến những nét đặc thù của từng nước, mục tiêu của phong trào du kích ở từng thời kỳ, vũ khí hiện có (hoặc có thể được trang bị trong quá trình chiến đấu) và cuối cùng là cần phải giữ được bí mật.* Nếu như tất cả các điều kiện ấy được tuân thủ, chúng ta sẽ đi tới cơ cấu đặc thù của các đơn vị du kích: ở thời kỳ đầu, những nhóm chiến đấu nhỏ, ít nhiều có cùng nhiệm vụ gồm năm, tám hoặc mười người, được hình thành từ làng nọ đến làng kia và đặt dưới sự chỉ huy trực tiếp của các làng, thông qua các chỉ huy của họ, tới các Uỷ ban quân sự xã, huyện và đại diện của họ tại các làng. Khi phong trào phát triển (cùng với cuộc đấu tranh của nông dân nghèo ngày càng trở nên quyết liệt) các nhóm nhỏ đó hợp thành những đơn vị lớn (trung đội, đại đội, tiểu đoàn).

Những đơn vị đó, đến lượt nó, có thể được tập hợp thành những đơn vị lớn hơn. Trong quá trình đó, nếu các đơn vị du kích nhỏ hợp thành những đơn vị lớn thì cần phải tuân theo nguyên tắc đã được xác lập của khoa học quân sự; khoa học này thừa nhận rằng trong suốt quá trình hoạt động, một chỉ huy không được chỉ huy quá bốn, năm đơn vị; bởi lẽ nếu chỉ huy số lượng đơn vị nhiều hơn thế thì nhiệm vụ lãnh đạo sẽ rất khó khăn và kết quả cuối cùng sẽ bị ảnh

hưởng ngược lại. Nguyên tắc này phải được tôn trọng triệt để đối với các đơn vị du kích vì những nét đặc thù của nó và bệnh kinh niên thiếu các vị chỉ huy giỏi trong bản thân du kích. Vấn đề lãnh đạo luôn luôn là một trong những vấn đề họ khó lòng giải quyết được.

Giám sát việc thành lập các đơn vị du kích, việc huấn luyện quân sự của nó và hoạt động của nó ở xã, huyện, tỉnh hoặc trên khắp cả nước, tất nhiên đó là trách nhiệm của từng Uỷ ban chuyên môn trong hội đồng quân sự của Đảng Cộng sản, vì hội đồng này phụ trách toàn bộ công tác quân sự của Đảng. Các đồng chí công tác chuyên trách trong nông dân phải có chân trong hội đồng này. Các hội đồng huyện và xã nhất thiết phải có đại diện quân sự riêng của mình trong nông dân ở từng làng hoặc từng nhóm làng; nhiệm vụ của họ sẽ phải chỉ đạo việc thành lập các đơn vị du kích và huấn luyện quân sự tại chỗ, thông qua vai trò trung gian của những người lãnh đạo (những chỉ huy) có uy tín thuộc các đơn vị du kích cấp thấp hơn và các tổ chức nông dân khác đã có.

Huấn luyện tác chiến cho du kích, trước hết là phải dạy cho họ sử dụng thành thạo các loại vũ khí cầm tay, là một trong những nhiệm vụ chính yếu của những người tổ chức và những người lãnh đạo - trước hết ở những nước mà nông dân chưa bao giờ học nghệ thuật chiến tranh trong quân đội chính quy (tức là những nước có quân đội chuyên nghiệp hoặc hạn chế về quân đội, những nước không dự vào cuộc chiến tranh thế giới vừa qua, hoặc các cuộc chiến tranh khác). Dạy cho du kích biết một ít cách sử dụng các loại vũ khí mà họ có ở thời điểm đặc biệt vẫn chưa đủ; họ cũng cần biết càng nhiều càng tốt cách sử dụng mọi thứ vũ khí mà họ có thể bất ngờ cướp được từ tay kẻ thù. Nguyên tắc căn bản ở đây là mỗi một du kích phải được học bắn thành thạo súng trường, các loại súng lục, học ném lựu đạn và học cho thành thạo khi đánh giáp lá cà (giáo, mác, kiếm ...).

Một điều cũng rất quan trọng là, mỗi đơn vị du kích cần phải có một số lượng đầy đủ các chiến sĩ trinh sát được huấn luyện thích hợp, các chiến sĩ bắn súng máy, các chiến sĩ thông tin liên lạc, các kỹ sư và y tá. Việc tạo ra một số lượng đầy đủ các chiến sĩ như vậy

là một phần trách nhiệm của ban lãnh đạo các đơn vị du kích.

Làm thế nào có thể kiếm được vũ khí để trang bị cho tổ chức du kích mới được thành lập? Đây là một vấn đề khó giải quyết cũng tựa như vấn đề trang bị cho cận vệ đỏ vậy. Tuy nhiên vấn đề này có thể giải quyết được, mặc dù khó khăn, nhưng ít ra là đủ khả năng để có thể chiến đấu đoạt lấy vũ khí. Đại thể, cũng phải nhận rõ rằng không bao giờ có thể tích góp trước một kho vũ khí. Nhất thiết phải dùng mọi cách để có vũ khí: các loại vũ khí thích hợp với nông dân (súng săn, súng lục, rìu, thanh sắt, v.v.) cộng thêm lựu đạn và bom mìn, giáo mác và kiếm ... Trong những trường hợp nhất định có thể mua súng ngắn. Nhưng nguồn trang bị vũ khí chủ yếu cho du kích sẽ là tập kích vào các kho vũ khí, cướp vũ khí của cảnh sát và các toán lính - tất cả điều đó được thực hiện với khí giới thô sơ có thể kiếm được lúc đầu. Cần phải nhấn mạnh rằng, đối với mỗi phong trào du kích nghiêm chỉnh, việc bổ sung cho kho dự trữ vũ khí và đạn dược của du kích sẽ là một nhiệm vụ thường xuyên và lâu dài.

Lịch sử phong trào du kích ở Nga, Trung Quốc và ở những nước khác chỉ ra rằng, các đơn vị du kích tiến hành đấu tranh chống lại các nhà cầm quyền và quân đội lúc đầu không có bất kỳ thứ vũ khí nào khác ngoài rìu, thanh sắt, cái chĩa, liềm hoặc gậy gộc. Dần dà, trong quá trình chiến đấu họ cướp được những thứ vũ khí hiện đại cần cho họ (súng trường, súng máy, đại bác, v.v. với các thứ đạn dược cần thiết).

Cuộc đấu tranh du kích, cũng tựa như hoạt động của cận vệ đỏ ở thành phố, phải được tiến hành theo đúng những nguyên tắc căn bản của khoa học và chiến thuật quân sự. Tuy vậy, vào thời điểm nhất định, nhất thiết phải tính đến những nét đặc thù về thời gian và điều kiện mà các đơn vị du kích phải hoạt động.

Cũng giống như tổ chức chiến đấu trong thành phố, đơn vị du kích chỉ có thể giành được thắng lợi nếu như mỗi chiến sĩ, đặc biệt là các chỉ huy, biểu lộ tối đa năng lực; nếu như, trong các hoạt động chuẩn bị, yếu tố "thời gian" được tuân thủ một cách nghiêm túc; nếu như kế hoạch tác chiến được thảo ra chi tiết từ trước; nếu như

các lực lượng được phân công thực hiện từng nhiệm vụ đặc biệt được bày binh bố trận hợp với hoàn cảnh hiện hành; nếu sự hiểu biết tường tận về kẻ thù và địa bàn hoạt động được hoàn tất; nếu như nguyên tắc tiến công bất ngờ được tuân thủ và v.v.. Việc thiếu vũ khí, không có những đơn vị lớn (phân tán các lực lượng), khó khăn trong việc kiện toàn hệ thống chỉ huy giỏi trên toàn tỉnh hoặc thậm chí trên toàn huyện - những điểm yếu ấy cần phải và có thể được bù đắp bởi những điểm mạnh như bất ngờ, táo bạo và quả quyết trong hoạt động du kích.

Để khẳng định ý tưởng này, chúng ta hãy lấy một trong muôn vàn ví dụ trong lịch sử các chiến sĩ du kích đỏ ở Nga.

Cuối tháng 7-1918, bọn bạch vệ đã bao vây Xôviết huyện San. Làng Platốpxcaia đã bị phân đội Gnilôribốp, với một trăm sĩ quan và khoảng 200 người [1] bị cưỡng bức vào lính đánh chiếm. Chúng bắt đầu bắn những người nông dân có thiện cảm với những người bônsêvích. Budônnưi lập một nhóm 4 người ở ấp Cudôrinô và quyết định tiến công Platốpxcaia để giải thoát tù nhân. Trong đêm 27 rạng ngày 28-7, nhóm này thực hiện một cuộc tiến công táo bạo, giải thoát tù nhân, tước vũ khí của những người lính Canmức đang kinh ngạc và lập tức vũ trang cho những tù nhân vừa được giải thoát. Sau cuộc chiến đấu giáp lá cà ác liệt, một đại đội sĩ quan rút lui để lại cho Budônnưi chiến lợi phẩm: 2 đại bác, bốn súng máy, 300 súng trường, 60.000 viên đạn và 150 con ngựa với đầy đủ yên cương [2].

Các đơn vị du kích chừng nào mà chưa nhóm thành một đội quân nông dân đủ mạnh thì không có khả năng tiến hành cuộc chiến đấu chống lại quân đội chính quy cùng những trận đánh công kiên hoặc trên đất trống. Trong trường hợp các đơn vị du kích ấy bị quân đội chính quy tiến công thì cách giải quyết tốt nhất đối với họ là *tránh đánh nhau* hơn là bắt tay tự phòng thủ như quân đội chính quy. Bởi vì, xét thấy điểm yếu liên quan, các chiến sĩ du kích

---

1) *Canmức:* Một tộc người Mông Cổ sống rải rác từ Tây Trung Quốc đến sông Vonga.

2) *Cách mạng vô sản ở sông Đông,* Miscellany, số I, M, 1922.

không thể hy vọng giành bất cứ thắng lợi nào trong hành động phòng thủ. *Sức mạnh của du kích không nằm trong phòng thủ, mà nằm trong những hành động tiến công táo bạo và bất ngờ. Các chiến sĩ du kích không đủ mạnh về quân sự cho hành động phòng thủ. Ở mọi nơi, mọi lúc họ phải kiên quyết vận động; giáng những đòn nhanh và bất ngờ vào quân địch. Ở những nơi, những lúc mà chúng ít ngờ tới, và nhanh chóng rút lui và tránh một cuộc giao tranh quyết liệt nếu như hoàn cảnh và cán cân lực lượng ở nơi đặc biệt ấy, ở thời điểm đặc biệt ấy không có lợi cho mình, để rồi làm cho quân thù bạt vía kinh hồn ở một nơi khác.*

Trong việc tổ chức các cuộc tiến công trên quy mô rộng vào thành phố, các chiến sĩ, v.v., chỉ huy các đơn vị du kích phải chú ý nhiều tới vấn đề lựa chọn *hướng đột kích chủ yếu.* Mọi sự cố gắng xuất kích với sức mạnh như nhau ở tất cả các điểm đều có nghĩa làm phân tán lực lượng đã có. Các chỉ huy cần phải tập trung nỗ lực và sự chú ý của mình vào một tuyến tiến công chủ yếu mà họ có hy vọng giành được thắng lợi nhanh chóng và quyết định, chỉ giữ lại sức người, sức của tối thiểu cho nhiệm vụ thứ yếu. Vả lại, trong việc tổ chức phối hợp tác chiến của *một số đơn vị* nhằm đạt được một mục tiêu nào đó bằng sự bất ngờ thì phải ghi nhớ rằng yếu tố "thời gian" là cực kỳ quan trọng. Việc không tuân thủ hai nguyên tắc chiến thuật đó thường dẫn tới thất bại, thậm chí dẫn tới tiêu vong các đơn vị đang tiến công.

Trong tác chiến kết hợp ấy *sự thống nhất chỉ huy* cũng đóng vai trò rất to lớn. Không có ban chỉ huy giỏi, hoặc có một vài ban chỉ huy (với mỗi đơn vị đang tác chiến độc lập) là điều không được phép. Kế hoạch tác chiến phải được soạn thảo tập thể và trong khi chiến đấu sự lãnh đạo tập thể phải đưa mệnh lệnh tới những đơn vị tham gia tác chiến. Đó là điều kiện cốt lõi cho kết hợp tác chiến có hy vọng giành được thắng lợi.

Nhu cầu về chỉ huy thống nhất trong các hoạt động du kích là chiến thuật thông thường trong đánh du kích - thực ra là của tất cả các cuộc chiến nói chung. Tuy vậy, kinh nghiệm của cuộc chiến tranh du kích vừa qua, đặc biệt ở Trung Quốc chỉ ra rằng đòi hỏi sơ

đẳng ấy không phải bao giờ cũng được tuân thủ hoặc vận dụng trong thực tế. Đã thường xảy ra những trường hợp nhiều đơn vị du kích có cùng mục tiêu nhưng thiếu chỉ huy thống nhất nên đã phân tán những nỗ lực của họ và do đó bị thất bại.

Không thể có tác chiến mà thiếu sự hiểu biết trước một cách kỹ càng. Thông tin chính xác về quân địch, về các vị trí của nó, về điểm mạnh, yếu của nó, về địa thế, đường sá, phương tiện giao thông, cư dân, v.v., tất cả những điều đó phải nhận được từ các đội trinh sát và phải xem là cơ sở của kế hoạch tác chiến. Luồng tin tức thường xuyên của tình báo về đối phương là một yêu cầu cơ bản trong chiến tranh du kích. Trước mỗi cuộc tác chiến, các chiến sĩ du kích cần phải có những hiểu biết đặc biệt về mục tiêu, phải chú ý tới những chi tiết cực kỳ nhỏ bé.

Tài liệu tiếng Anh,
bản chụp lưu tại
Viện Hồ Chí Minh.

DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐẢ[1]

Quảng Châu, tháng 2-1925

1- *Tên gọi:* Đảng của chúng tôi mang tên...

2- *Mục đích* (Tôn chỉ): a) Hoạt động giác ngộ anh em và giành chính quyền; b) Hoạt động vì hạnh phúc của giai cấp vô sản - người lao động và thợ thủ công.

3- *Đảng viên:* Toàn thể nhân dân không phân biệt giới tính, tuổi từ 18, tự nguyện tuân theo các quy định của Đảng, biết đọc và viết chữ quốc ngữ đều có thể được kết nạp vào Đảng.

4- *Nghĩa vụ của đảng viên:*

a) Tuyệt đối tuân theo mệnh lệnh của Đảng, không quản hiểm nguy có thể gặp phải;

b) Không khai báo công việc của Đảng cho người nhà và những người ngoài Đảng biết;

c) Yêu thương và giúp đỡ đồng chí;

d) Bí mật tuyên truyền chủ nghĩa của Đảng.

5- *Không được kết nạp Đảng:*

a) Những người hút thuốc phiện;

b) Những người uống rượu, đánh bạc;

1) Dự thảo điều lệ của tổ chức Thanh niên trong tương lai, in tháng 2-1925 và bí mật đưa về Đông Dương. Tài liệu bị mật thám Đông Dương bắt được.

c) Những người làm nghề tôn giáo;

d) Những người đã làm hại cho nhân dân hoặc phản bội Tổ quốc.

6- *Tổ chức hành chính:* Đảng chúng tôi có các chi bộ trong mỗi tỉnh lỵ, phủ, huyện, thôn xóm, làng bản trong cả nước.

Đảng viên thuộc đảng bộ cấp cao sẽ tổ chức ra các đảng bộ cấp dưới của mình.

7- Số lượng đảng viên mỗi chi bộ ấn định là 10 người.

8- Mỗi đảng viên không được cùng lúc sinh hoạt tại 2 chi bộ.

9- Khi một chi bộ mới thành lập, sẽ tiến hành bầu một người lãnh đạo chi bộ.

10- *Tổ chức kinh tế:* Mỗi đảng viên sẽ phải tham gia vào tổ chức kinh tế của phân ban của mình. Như vậy, Giáp, thuộc chi bộ của huyện, làm nghề trồng trọt, thì sau khi thành lập chi bộ cấp dưới sẽ phải tổ chức ra ban nông dân. Ất, thuộc chi bộ làng, làm nghề thủ công, sau khi lập chi bộ thôn sẽ phải tổ chức ban thợ thủ công, và cứ tiếp tục như vậy...

11- Hàng tháng, người đứng đầu chi bộ thôn sẽ báo cáo tình hình của ban cho lãnh đạo chi bộ làng; người này cũng làm báo cáo như vậy gửi lên người phụ trách ban của xã, v.v..

12- Tổ chức kinh tế và hành chính là thống nhất đối với mỗi chi bộ. Tuy nhiên không có sự giới hạn nào về địa dư có thể áp đặt đối với tổ chức kinh tế.

13- *Các khoản chi tiêu:* Các khoản chi tiêu của Đảng do đảng viên đảm trách.

Mỗi đảng viên đóng 1 đồng 20 một năm; đảng viên nghèo chỉ đóng 0 đ 60.

14- *Tuyên thệ:* Chỉ sau khi tuyên thệ đảng viên mới sẽ được coi như thành viên của một chi bộ. Lễ tuyên thệ sẽ được tiến hành như sau: Ban đêm, tại một nơi thanh vắng, người mới kết nạp đứng trước mặt người đứng đầu chi bộ của mình, thắp hương, giết một con gà trống và đọc những lời sau: "Đêm nay, tôi xin thề gia nhập chi bộ này để hoạt động a) vì

tự do cho đồng bào tôi, b) vì hạnh phúc cho những người nông dân bị áp bức; vì mục đích này, trước hết tôi tham gia lật đổ các quốc gia đế quốc chủ nghĩa và xâm lược nhằm lập nền tự trị cho đất nước; sau đó, tôi sẽ chiến đấu chống lại sự phân biệt giai cấp xã hội và tham gia vào cách mạng thế giới, đó là mục tiêu cuối cùng chúng ta theo đuổi. Tôi xin thề không màng phú quý, giàu sang hay bất kỳ lợi ích cá nhân nào, xin thề tuyệt đối tuân theo mọi mệnh lệnh của Đảng. Tôi xin thề hy sinh tính mạng cho Đảng, không làm gì tổn hại cho Đảng.

Nếu tôi tiết lộ bí mật của Đảng, bội lời thề với Đảng, thoái hoá và làm hại đến học thuyết của Đảng, thì tôi sẽ chịu chung số phận như con gà này".

Năm... tháng... ngày.

Xin thề

15- Điều lệ này là tạm thời và có thể được sửa đổi tuỳ theo hoàn cảnh.

Dịch lại từ bản dịch ra tiếng Pháp,
lưu tại Viện Hồ Chí).

1) Bài này nguyên văn bằng tiếng Việt, Sở mật thám thuộc Phủ Toàn quyền Đông Dương dịch sang tiếng Pháp. Vì dịch lại nên từ ngữ có thể không đúng với bản gốc. Ngoài ra, chúng tôi còn lần lượt dịch tiếp 7 bài, có bài đăng trên báo Thanh niên. Tài liệu này trong sách của Alain Ruscio: *HO CHI MINH: Textes (1914-1969) Introduction, choix et présentation,* L'Harmattan, 12-1990, pp.75-92.

TUYÊN NGÔN CỦA HỘI LIÊN HIỆP CÁC DÂN TỘC BỊ ÁP BỨC

Quảng Châu, tháng 7-1925

Hỡi các bạn thân yêu, từ khi bọn tư bản tháo bỏ mặt nạ và công khai hành động như bọn đế quốc, các dân tộc yếu, nhất là các dân tộc ở Á châu ngày càng bị áp bức. Chúng biến đất nước của chúng ta thành thuộc địa của chúng hay nửa thuộc địa (như Trung Quốc và Xiêm). Chúng cướp đoạt toàn bộ của cải của đất nước chúng ta. Chúng bắt chúng ta phải mua thuốc độc (thuốc phiện, rượu cồn). Chúng nghiền nát chúng ta bằng thuế khoá đủ loại. Chúng biến chúng ta thành phu phen và đầy tớ... Chúng không chỉ tước đoạt đi những quyền chính trị của chúng ta, mà chúng còn làm cho chúng ta khốn khổ bần cùng. Tệ hơn, chúng còn tìm cách tận diệt nòi giống chúng ta.

Hỡi các bạn thân yêu, muốn xua tan những đau khổ đó cần phải đoàn kết các dân tộc bị áp bức và toàn thể công nhân trên thế giới lại để làm cách mạng. Bọn đế quốc ở tất cả các nước đã liên minh lại để áp bức chúng ta. Còn chúng ta, những người dân thuộc địa và toàn thể công nhân trên thế giới, chúng ta phải hợp lực lại để chống lại chúng.

Những nhà cách mạng của công đoàn thợ thuyền và những nhà cách mạng trong Tổng liên đoàn các dân tộc bị áp bức theo các phương pháp khác nhau nhưng tất cả đều có một mục đích, là đánh đuổi tất cả những kẻ đi chiếm đoạt kia. Những dân tộc bị áp bức

như chúng ta có thể hoặc tốt hơn, phải liên minh với thợ thuyền của tất cả các nước để vùng lên và đòi tự do khắp nơi.

Ngày 9-7-1925, những người cách mạng An Nam, Trung Quốc, Ấn Độ và Triều Tiên đã họp lại để thành lập *Hội liên hiệp các dân tộc bị áp* [1]. Đây là sự thức tỉnh của các dân tộc châu Á. Nhân dịp trọng đại này, chúng tôi xin gửi đến các bạn lời kêu gọi sau đây:

Hỡi hết thảy những người bị áp bức, anh em! Nếu bọn đế quốc áp bức chúng ta và đối xử với chúng ta như loài vật, đó là vì chúng ta không đoàn kết! Nếu chúng ta đoàn kết chúng ta sẽ trở nên đáng gờm.

Sự nghiệp của chúng ta là sự nghiệp của hàng nghìn, hàng nghìn người. Kẻ thù của chúng ta chỉ là một nhúm người. Chúng ta không được sợ chúng. Cho dù chúng có súng đạn dồi dào, chúng cũng không thể giết hết chúng ta được.

Hỡi các bạn thân yêu, chúng ta nên sớm kết đoàn lại! Hãy hợp lực để đòi quyền lợi và tự do của chúng ta! Hãy hợp lực để cứu lấy nòi giống chúng ta!

Hỡi các bạn thợ thuyền! Tất cả các bạn đều biết rằng những kẻ áp bức chúng tôi và những kẻ ngược đãi các bạn chỉ là một. Chẳng phải trong cuộc chiến tranh 1914-1918, bọn tư bản đã dùng người da đen và da vàng để tàn sát người da trắng, cũng như chúng đã dùng công nhân da trắng để giết những người da vàng và da đen đó sao ? Như vậy là, nếu các bạn muốn thoát khỏi nanh vuốt của những kẻ đang hành hạ các bạn thì các bạn hãy kết đoàn với chúng tôi! Chúng tôi cần sự giúp đỡ của các bạn. Chúng ta cùng có chung lợi ích, nên khi đấu tranh cho chúng tôi là các bạn cũng chiến đấu cho các bạn. Khi giúp đỡ chúng tôi các bạn cũng tự cứu mình.

Các bạn thân yêu! Đoàn kết của chúng ta sẽ làm nên sức mạnh. Nó đủ để đánh tan bọn đế quốc. Muốn vượt qua vòng nô lệ, chúng ta chỉ có thể cậy vào sức của mình mà thôi. Toàn thể các dân tộc bị áp bức, toàn thể thợ thuyền trên trái đất đang bị cướp công, hãy kết đoàn với chúng tôi làm cuộc cách mạng tối thượng.

Đả đảo chủ nghĩa đế quốc!

Tình đoàn kết giữa các dân tộc châu Á muôn năm!

Tình đoàn kết giữa các dân tộc bị áp bức và thợ thuyền trên trái đất muôn năm!

Cách mạng muôn năm!

Báo *Thanh niên,* số 5,
ngày 19-7-1925.
Dịch lại từ bản dịch ra tiếng Pháp.

---

1) Nguyễn Ái Quốc (Lý Thụy) được bầu làm Bí thư kiêm phụ trách công việc tài chính của Hội, đồng thời phụ trách trực tiếp chi bộ An Nam.

HÃY YÊU THƯƠNG NHAU VÀ CÙNG NHAU ĐOÀN KẾT

Quảng Châu, 23-8-1925

Hãy yêu thương nhau, cùng nhau ta đoàn kết
Hãy lắng nghe câu hát từ đáy lòng tôi.
Kẻ không đoàn kết cũng như chim lạc đàn
Chóng hoặc chày rồi sẽ trúng tên
Vì đơn độc sẽ làm mồi cho hiểm hoạ
Từ kết đoàn hạnh phúc sẽ sinh sôi.
Chúng ta phải làm sao đoàn kết?
Hãy liên kết như thể thân mình
Ngũ quan cùng với tay chân dính liền
Tách rời nhau thời không thể sống
Chỉ cùng với nhau sức lực mới sinh sôi
Nào ta hãy cùng yêu thương đoàn kết
Chớ ham lợi Pháp mà phản bội sự nghiệp
Hãy kết đoàn tương trợ lẫn nhau
Tựa tứ chi kết lại ta sẽ thành công
Đất nước ta ta xây một thiên đường
Hãy yêu thương nhau và cùng nhau đoàn kết
Nghĩa vụ một người dân là phải yêu Tổ quốc

Mau cải thiện tâm, tài, lực cho dân
Vì sự nghiệp chung hãy học sống và học chết
Hỡi đồng bào yêu quý hãy lắng nghe tôi hát
Rồi học thương yêu nhau và đoàn kết cùng nhau.

Báo *Thanh niên,* số 9.
Dịch lại từ bản dịch ra tiếng Phá[1].

1) Đây là bài văn vần, do không có bản gốc tiếng Việt, chúng tôi dịch lại từ bản tiếng Pháp.

TRẢ LỜI BẠN NỮ SINH VIÊN X CỦA CHÚNG TA

Quảng Châu, 27-9-1925

Trong lá thư vừa rồi, chị đã không thừa nhận là người của chúng tôi; mặc dù vậy, từ đó chúng tôi vẫn coi chị như thế, bởi chúng tôi tin chắc rằng chị sẽ chấp nhận điều đó sau khi đọc bài báo này.

1- Các vua quan, thư lại, thông ngôn, theo chị là những người phản cách mạng. Chị đã nhầm rồi, bạn thân mến, bởi vì một ông vua có thể suy nghĩ và biết cảm thông với những bất hạnh chưa từng thấy đang giáng xuống dân tộc của ông; vì vậy ông ta thà làm một người dân bình thường còn hơn là trị vì một dân tộc nô lệ.

Chính chúng tôi là người dạy cho các vị vua chúa bài học đó và chỉ ra cho họ thấy rằng họ làm cách mạng thì có lợi hơn là sống dưới ách ngoại bang.

Với quan lại, thư ký và thông ngôn, họ miễn cưỡng phục vụ người Pháp. Bị chìm đắm trong bóng tối ngu dốt từ nhỏ, họ không bao giờ có thể tự trau dồi kinh điển hay tri giác được những tiến bộ của nhân loại qua việc đọc báo chí. Họ không biết vì sao có kẻ sung sướng, lại có kẻ nô lệ khổ sở. Họ giống như những con gà què chỉ ăn quẩn cối xay; họ không có chút nỗ lực nào nên đành bằng lòng với thứ thức ăn mà kẻ khác đem cho họ. Vậy nhiệm vụ của chúng ta là phải hướng họ theo lý luận cách mạng.

2- Nếu chúng ta nói với những người cần lao và thợ thuyền:

"Tất cả những gì anh em kiếm được bằng mồ hôi của anh em

đều chui vào túi người Pháp. Nếu cách mạng thành công, anh em sẽ nộp thuế nhẹ hơn so với hiện nay, và chúng ta sẽ dùng thuế đó để đào mương, làm đường, xây trường học, lập nhà thương, làm tất cả những gì có ích cho anh em. Thắng lợi của cách mạng sẽ mở ra một thời kỳ dân chủ, nghĩa là tự do của anh em và quyền tự quyết của anh em.

"Hãy xem người Nga, họ cũng bị áp bức như anh em. Nhưng từ khi có cách mạng, họ là người sung sướng nhất trần gian. Hết thảy mọi người đều có ruộng, có nhà, mọi người đều được học hành và bỏ phiếu bầu cử".

Nếu chúng ta làm cho công nông hiểu được điều này thì hết thảy họ đều giúp chúng ta làm cách mạng.

3- Đàn bà con gái cũng nằm trong nhân dân. Nếu cả dân tộc được tự do, đương nhiên họ cũng được tự do. Ngược lại nếu dân tộc còn trong cảnh nô lệ thì họ và con cái họ cũng sẽ sống trong cảnh nô lệ đó thôi.

Ở nước Nga, không có sự phân biệt giữa đàn ông và đàn bà. Phụ nữ có quyền bỏ phiếu và được bầu. Hiện nay có một bà là bộ trưởng, một bà là đại sứ; nhiều người khác là dân biểu.

Điều đó chứng tỏ rằng vì quyền lợi của đàn bà con gái An Nam mà chúng ta làm cách mạng.

Báo *Thanh niên,* số 13.
Dịch lại từ bản dịch ra tiếng Pháp .

TRUYỆN NGỤ NGÔN

Quảng Châu, năm 1925

Hãy nghe câu chuyện ngụ ngôn này. Tất cả các bạn, hãy im lặng và lắng nghe!

Loài vật đang tranh nhau công trạng

Con rồng mày râu óng ánh, mào và vảy rực rỡ lên tiếng trước tiên:

- Ta là thuỷ tổ của giống nòi An Nam từng chứng kiến sinh ra biết bao vị anh hùng lừng lẫy.

Đến lượt tôm: - Anh bạn nói đùa đấy chứ. Phận tôi còn sướng hơn phận người An Nam. Anh hãy nhìn thân hình tôi. Nó còng xuống là theo ý trời, trong khi đó con cháu anh thì xương sống gập xuống dưới gánh nặng sưu thuế và khổ sai.

Cừu nói: - Lời anh nói khiến tôi buồn. Thực ra người An Nam cũng tựa như loài thỏ. Anh biết đấy, mỗi năm tôi bị cắt lông có một lần, còn những con người tội nghiệp kia thì bị Pháp bóc lột tứ thời.

Bò lên tiếng: - Chưa hết đâu nhé. Tôi dám khẳng định rằng người An Nam còn khốn khổ hơn loài bò. Chúng tôi có nước da tươi tắn, bụng đầy cỏ và xương sườn dạng mo cau, nhưng chúng tôi có thể kiêu hãnh vì được hưởng một thứ tự do còn lớn hơn tự do của họ.

Cua cười chua chát mà rằng:

- Chúng tôi hơn đứt những người An Nam đang cúi mình trước mọi sự đỏng đảnh của người Pháp và những kẻ nô lệ tội nghiệp kia vẫn cam phục vụ bọn chúng mà không hề hé răng nửa lời.

Rắn nói: - Các chị châm chọc mỉa mai nữa kìa. Thử xem, ai là người chiến thắng bằng sự cao quí của tình cảm ? Tôi, hay là những người Pháp khẩu Phật tâm xà mà người An Nam đưa vào nước họ?

Voi nói: - Người An Nam sẽ muôn đời phải gánh chịu hậu quả những lầm lỗi mà họ vô tình phạm phải. Họ đã rước voi về giày mả tổ lại còn bỏ mặc cho người Pháp cái quyền lãnh đạo cả Tổ quốc của họ nữa.

Lươn nói: - Nghĩ đến người An Nam mà tôi buồn.

Họ để cho đồng tiền cám dỗ cứ như mật dụ ruồi. Với những kẻ nô lệ ấy, cúi mình hạ nhục cốt để kiếm chút danh tước bạc bẽo có hề gì.

Chuột nói: - Hãy xem loài chuột chúng tôi, ai cũng có bản mệnh của mình. Còn người An Nam không còn nghĩ gì đến đất nước của họ nữa. U mê vì của cải và giàu có, họ đang thờ ơ can dự vào cuộc diệt chủng giống nòi và vong quốc.

Gà trống nói: - Ta là ông hoàng trên sân gà. Ta sống hoà hợp với các ả thần dân của ta và chúng ta không bao giờ tranh nhau miếng ăn ngon lành như bọn người An Nam vì tiền bạc mà bội bạc phản trắc.

Cá chép: - Nước với tôi cùng nhau sung sướng, rồi nhất định có ngày hóa được thành rồng, tôi sẽ bay đến tận cung tiên. Còn người An Nam thì suốt đời chỉ khoanh tay quỳ gối trong cảnh nô lệ mà không dám vùng lên.

Ếch: - Hỡi anh em, suy đi tính lại, nếu thực sự chúng ta thương xót người An Nam thì hãy cùng nhau đi cứu họ. Loài ếch hèn mọn chúng tôi nhờ có kêu ca mà làm trời phải mủi lòng, và lẽ nào vô cớ trời lại bỏ ngoài tai lời cầu khẩn mà để loài ếch vĩnh viễn bị tận diệt? Nếu họ đồng tâm và đồng sức, nếu họ kết liên trong, ngoài thì người Pháp sẽ mất tinh thần, kinh hãi và phải trả lại cho họ những quyền tự do của họ.

Ôi, những người An Nam, các anh phải luôn nhớ rằng đoàn kết làm nên sức mạnh!

Dịch lại từ bản dịch ra tiếng Pháp,
lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

BÁO CHÍ BÌNH DÂN

Quảng Châu, 17-1-1926

Các bạn của chúng ta phàn nàn nhiều lần rằng các bài báo của ta quá thiếu trau chuốt để có thể gây ảnh hưởng đến tâm trí dân chúng.

Chúng tôi xin báo với các độc giả của mình rằng chúng tôi bất chấp (xem thường) việc sử dụng những từ mỹ miều, văn phong lịch lãm, câu chữ đong đưa, nhịp câu đăng đối song hành, những sự tô vẽ văn chương mà các nhà nho ham chuộng. Nhưng ngược lại chúng tôi gắng sức, vì lợi ích của tất cả mọi người, dùng một văn phong sáng sủa, chính xác và dễ hiểu.

Vì mục đích của chúng tôi là: l- đánh trả sự tàn bạo của người Pháp, 2- khích lệ dân tộc An Nam kết liên lại, 3- làm cho họ thấy được nguyên nhân những đau khổ, đói nghèo của họ và chỉ ra cho họ làm cách nào để tránh được những điều đó, nên bản báo chúng tôi làm tròn nhiệm vụ là hồi kẻng báo động mà người ta gióng lên khi có đám cháy để báo cho người đang trong ngôi nhà cháy, giục giã họ chạy thoát thân để khỏi bị chôn vùi hoặc bị thiêu cháy, và gọi những người xung quanh đến ứng cứu.

Tiếng đàn cầm chắc chắn hay hơn tiếng kẻng; nhưng trước mối hoạ đang đe doạ chúng ta, tốt nhất là đánh kẻng còn hơn gẩy đàn.

Có nhiều cách làm rung động lòng người. Khóc lóc, than vãn, đọc Kiều hay Tam Quốc đều khiến ta mủi lòng. Nhưng đó chỉ là những cảm xúc thoảng qua và hời hợt mà chúng tôi không muốn

gợi lên trong lòng độc giả của chúng tôi. Ngược lại, chúng tôi muốn rằng văn của chúng tôi gây được cho họ một ảnh hưởng sâu sắc và lâu dài.

Ví dụ: Nếu gặp một nông dân An Nam quần áo tả tơi, chúng tôi sẽ bằng một giọng đầy thương cảm, nhưng che giấu đi niềm xúc động và nuốt nước mắt mà nói rằng: "Than ôi! sao mà số phận anh khổ đến thế này. Anh mua giống hết 2 đồng, mua phân 4 đồng; anh thuê trâu 3 đồng, thuê thợ 5 đồng và nộp thuế 1 đồng. Tiền anh chi đã lên đến 15 đồng, anh bán thóc được 18 đồng. Nhưng vì anh đã phải nộp thuế chợ 1 đồng nên thực ra anh chỉ được 2 đồng, mà tiền ấy anh cũng bị Pháp cướp mất. Vì thế tôi mới bảo rằng anh khốn khổ".

Anh nông dân của chúng tôi sẽ không khóc, không than. Nhưng anh ta suy nghĩ, hiểu ra và cuối cùng sẽ vùng lên và làm cái việc tuyên truyền chống chủ nghĩa đế quốc.

Còn những ai yêu thơ, thì họ cứ tự do đắm chìm mà đọc Cung Oán hay Nhị Độ Mai.

Báo *Thanh niên*, số 28.
Dịch lại từ bản dịch ra tiếng Pháp.

MỤC DÀNH CHO PHỤ NỮ: VỀ SỰ BẤT CÔNG

Quảng Châu, 4-4-1926

Đại Đức Khổng Tử nói: Chồng phải dạy vợ.

Đức Mạnh Tử lại lưu ý rằng: Đàn bà và trẻ con khó dạy bảo: nếu cho họ gần thì họ khinh nhờn; nếu bỏ mặc họ thì họ thù oán.

Người Trung Quốc thường so sánh phụ nữ với con gà mái: "Gà mái gáy báo sáng là điềm gở cho cả gia đình".

Ở An Nam, chúng ta nói: Đàn bà phải quanh quẩn trong bếp.

Trong xã hội và trong gia đình, người phụ nữ bị hạ thấp tột bậc và không được hưởng chút quyền gì. Hỡi chị em! Vì sao chị em lại phải chịu sự áp bức bất công này?

MỘNG LIÊN

Báo *Thanh niên,* số 40.
Dịch lại từ bản dịch ra tiếng Pháp.

NGƯỜI CÁCH MẠNG MẪU MỰC

Quảng Châu, ngày 18-9-1926

Sự nghiệp cách mạng rộng lớn và khó thực hiện; nó không thể do một người hay một nhà làm mà tốt được. Cách mạng của các nòi giống có mục đích là giải phóng các dân tộc yếu, sau tiến lên làm cách mạng thế giới, sẽ giải phóng toàn nhân loại khỏi ách đế quốc chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Để hoàn thành vẻ vang vai trò này, người cách mạng kiểu mẫu phải:

1. Đêm ngày nghĩ đến sự nghiệp cách mạng và cứu độ nhân loại.

2. Hy sinh tiền bạc, thời gian và cả máu vì lợi ích các dân tộc bị áp bức; tóm lại, phải vị tha và không ích kỷ, phải tuân thủ theo phương châm "TỔ QUỐC TRÊN HẾT" ở mọi nơi và mọi lúc.

3. Làm việc không mệt mỏi tuỳ theo phương tiện và năng lực của mình, người giàu góp tiền, người trí thức góp tri thức và thợ thuyền góp sức, không gì ngăn trở được sự nghiệp cách mạng tiến lên.

4. Xem thường cái chết, bất chấp hiểm nguy, vì cách mạng là một cuộc chiến đấu trường kỳ và gian khổ do những người vô sản tiến hành chống lại bọn áp bức họ.

5. Thuận theo hoàn cảnh về thời gian, không gian, không bỏ qua điều gì. Có thể, hoặc gây bãi khoá và bãi công, hoặc khích động nông dân không đóng thuế và đi phu khổ sai, hoặc giết chết những tên kẻ thù gian ác, hoặc chiếm đồn với nội ứng của lính bản xứ. Người cách mạng phải luôn luôn nói và hành động một cách có ý thức.

6. Suy nghĩ kỹ càng trước khi hành động, vì việc thực hiện một kế hoạch phụ thuộc vào công tác chuẩn bị; chẳng hạn: Có 2 chiến

sĩ, một người đã chín muồi kế hoạch hành động, còn người kia thì làm ẩu, do đó người thứ nhất sẽ thành công và có ích cho Đảng mình, còn người thứ hai sẽ thất bại và làm hại cho sự nghiệp cách mạng.

7. Lãnh đạo nhân dân vì sức mạnh của họ không thể thiếu được đối với sự thành công của sự nghiệp cách mạng. Dân chúng vốn ít học, ngây thơ, khó liều mạng, dễ bị lừa và bị mua chuộc. Vậy người cách mạng mẫu mực phải giáo dục họ, sửa chữa cho họ và chiếm được sự tin cậy của dân chúng để có thể sử dụng sức mạnh của họ đúng lúc.

8. Thành lập thật nhiều những tổ chức hùng mạnh thúc đẩy mau đến thắng lợi của cách mạng.

9. Xem thường danh vị, ngôi thứ và tiền bạc, vì chúng là cội nguồn sinh ra đố kỵ và hận thù và là nguyên nhân của những hành động chỉ điểm, phản bội làm tổn hại nghiêm trọng đến sự nghiệp cách mạng.

l0. Không cục bộ, bởi vì cách mạng phải vì lợi ích của dân tộc chứ không phải của một cá nhân. Vì vậy, nếu một người cách mạng tìm cách cục bộ thì tham vọng của anh ta sẽ khiến anh ta hành động vì mình chứ không vì mọi người.

ll. Không kiêu ngạo. Kẻ kiêu ngạo thì xa lánh nhân tâm quần chúng và tạo cho mình kẻ thù. Người cách mạng mẫu mực phải khiêm tốn, khoan hoà, lượng thứ, can đảm khi sa cơ, bình tĩnh khi thắng thế, không bao giờ được quên rằng cuộc đời mình và sự nghiệp của mình thuộc về toàn nhân loại chứ không thuộc về mình.

12. Kiên trì và nhẫn nại. Sự nghiệp cách mạng là lâu dài, khó khăn và nguy hiểm. Nếu người cách mạng thiếu kiên trì và nhẫn nại, thì những khó khăn sẽ làm anh ta thối chí và sẽ đào ngũ giữa trận tiền.

Báo *Thanh niên,* số 61.
Dịch lại từ bản dịch ra tiếng Pháp.

NHÂN ĐỨC CỦA PHÁP

Mưa to gió lớn. Nước chảy tràn trề. Sông Hồng (Hồng Hà)[1] mênh mông. Đường đê tràn ngập. Vì thành Hà Nội có nhiều Tây ở cho nên nó hết sức giữ gìn. Còn các nơi dân xã An Nam thì nó không nhìn đến.

Khi nước lấp le vào Hà Nội, Tây nó sai một người lính ta qua phá cái đê bên kia sông, để cho nước tràn qua phía dân ta ở. Tây nó vẫn biết khi đê lở thì nước sẽ ào vào, nếu người lính kia không dự bị trước thì chắc chết trôi. Nó cũng biết rằng nếu nước ào vào thì dân xã ta bên kia chắc chìm hết. Thế mà nó không bảo cho người lính biết. Cũng không bảo cho làng xóm dọn đi.

Quả nhiên, người lính phá đê rồi thì chết đuối ngay. *Và 20.000 dân ta bất thình lình bị nước ùa vào làm cho chết trôi hết.*

Thương ôi! Dân ta bị Tây nó giết mòn, giết mỏi. Giết cách này không chết hết, thì nó giết cách khác. Nó lấy rượu và a phiến làm cho dân ta chết nhiều. Nó bắt đi đào sông, đào đường, bị nước độc mà chết. Nó bắt đi lính đi làm nô lệ bên các xứ đ[2] mà chết. Nay nó lại nhận chìm cả xứ!

Đồng bào ơi! Mau mau dậy cứu lấy nòi!
Kẻo mà Nam Việt đi đời nhà ma!

Báo *Thanh niên*, số 66,
ngày 24-l0-1926.

---

1) 2 chữ Hồng Hà viết bằng chữ Hán.
2) Châu Phi.

KHỔNG TỬ

Quảng Châu, 20-2- 1927

Ngày 15-2, Chính phủ Trung Hoa dân quốc ban hành quyết định: từ nay về sau, xóa bỏ những nghi lễ tưởng niệm Khổng Tử và những khoản dự chi cho những cuộc nghi lễ ấy cũng như những đền thờ Khổng Tử sẽ được sử dụng làm các trường học công.

Khổng Tử sống trước chúng ta 2478 năm. Từ 2400 năm nay, ông đã được nhân dân Trung Hoa tôn thờ. Tất cả các hoàng đế Trung Hoa đều gọi Khổng Tử là vị đứng đầu các nhà hiền triết và tặng những danh hiệu tôn vinh cho những người kế nghiệp ông.

Từ rất xa xưa, người An Nam và các vua chúa An Nam rất tôn kính nhà hiền triết này. Thế mà Chính phủ Trung Hoa vừa mới quyết định từ nay về sau không còn sự tôn thờ chính thức nào nữa đối với Khổng Tử. Xem đó có phải là một hành vi thật sự cách mạng không?

Nhưng hãy xem Khổng Tử là người thế nào? Tại sao các hoàng đế lại tôn sùng đến thế? Tại sao được tôn sùng như thế mà Chính phủ Trung Hoa lại vứt bỏ đi?

Khổng Tử sống ở thời Chiến [illegible]). Đạo đức của ông, học vấn của ông và những kiến thức của ông làm cho những người cùng thời và

1) Bản chữ Pháp dịch là ***Six Royaumes*** nghĩa là thời Chiến Quốc. Có thể người dịch hiểu không đúng. Khổng Tử sống ở thời ***Xuân Thu,*** Mạnh Tử mới sống ở thời Chiến Quốc (ND).

hậu thế phải cảm phục. Ông nghiên cứu và học tập không mệt mỏi, ông không cảm thấy xấu hổ tí nào khi học hỏi người bề dưới, còn việc không được mọi người biết đến, đối với ông chẳng quan trọng gì. Công thức nổi tiếng của ông "Nhìn ngoài, nhìn vào việc từ chỗ nào đi đến như thế, xem cái người ta đi tới chỗ đó, xét cái người ta hoà lòng, thì người ta giấu làm sao được mình"[1)] biểu hiện chiều sâu về trí tuệ của ông.

Nhưng cách đây 20 thế kỷ, chưa có chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc và các dân tộc chưa bị áp bức như chúng ta ngày nay, cho nên bộ óc Khổng Tử không bao giờ bị khuấy động vì các học thuyết cách mạng. Đạo đức của ông là hoàn hảo, nhưng nó không thể dung hợp được với các trào lưu tư tưởng hiện đại, giống như một cái nắp tròn làm thế nào để có thể đậy kín được cái hộp vuông?

Những ông vua tôn sùng Khổng Tử không phải chỉ vì ông không phải là người cách mạng, mà còn là vì ông tiến hành một cuộc tuyên truyền mạnh mẽ có lợi cho họ. Họ khai thác Khổng giáo như bọn đế quốc đang khai thác Kitô giáo.

Khổng giáo dựa trên ba sự phục tùng: quân - thần; phụ - tử, phu- phụ và năm đức chủ yếu: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

Khổng Tử đã viết ***Kinh Xuân Thu*** để chỉ trích "những thần dân nổi loạn" và "những đứa con hư hỏng", nhưng ông không viết gì để lên án những tội ác của "những người cha tai ác" và "những hoàng tử thiển cận". Nói tóm lại, ông rõ ràng là người phát ngôn bênh vực những người bóc lột chống lại những người bị áp bức.

Theo Khổng giáo thì các nước Nga, Pháp, Trung Quốc, Mỹ và các nước dân chủ là những quốc gia ở đó thiếu quy tắc về đạo đức và những thần dân nổi dậy chống nhà vua đều là những tên phản loạn. Nếu Khổng Tử sống ở thời đại chúng ta và nếu ông khăng khăng giữ những quan điểm ấy thì ông sẽ trở thành phần tử phản cách mạng. Cũng có khả năng là siêu nhân này chịu thích ứng với

1) Nguyên văn chữ Hán, phiên âm như sau: "Thị kỳ sở dĩ, quan kỳ sở do, sát kỳ sở yên, nhân yên sưu tai" (ND).

hoàn cảnh và nhanh chóng trở thành người kế tục trung thành của Lênin.

Với việc xoá bỏ những lễ nghi tưởng niệm Khổng Tử, Chính phủ Trung Quốc đã làm mất đi một thể chế cũ và trái với tinh thần dân chủ. Còn những người An Nam chúng ta hãy tự hoàn thiện mình, về mặt tinh thần bằng cách đọc các tác phẩm của Khổng Tử, và về mặt cách mạng thì cần đọc các tác phẩm của Lênin.

Báo *Thanh niên,* số 80,
Dịch lại từ bản dịch ra tiếng Pháp.

NGƯỜI AN NAM Ở XIÊM

Từ khi Tây cướp nước An Nam, dân An Nam lưu ly thất sở, tan cửa tan nhà, phải bỏ quê cha đất tổ, dạt ra đất khách quê người. Cứ vòng duyên biên An Nam mà xem thì Tàu, Diến Điện, Xiêm La đều là có người dạt qua cả. Bây giờ đem tình cảnh người An Nam ở Xiêm điều tra như sau nầy để cho các đồng bào tham khảo:

1. Người An Nam ở Xiêm có đến hơn 3 vạn người, có chỗ tự lập ra thành làng, thành chợ, có chỗ thì ở lẫn với người Xiêm. Những người ở tụm lại với nhau thì nhân tình, phong tục vẫn còn giữ thói cũ cúng tế lễ, cúng tang ma, đường ăn nói thì không thay đổi chút nào cả. Còn những người ở lẫn với dân Xiêm thì bọn người cũ, nhiều người quên mất cả tiếng An Nam mà học thói ăn bốc, mặc vấn như dân Xiêm vậy.

2. Trong 3 vạn có người tin Phật, kẻ tin thần, có người tin Thiên chúa, cứ kể ra thì đều bị ngược [1] áp bức mà chạy cả. Nhưng đến đất Xiêm vì làm ăn dễ dãi, trí thức đổi dần, được chỗ yên thân, quên mất sỉ nhục nên bây giờ nhiều người chỉ biết nước Xiêm mà quên mất Tổ quốc.

3. Chức nghiệp người An Nam ở Xiêm có người làm ruộng, có người đánh cá, người làm thợ mộc, người làm thợ cưa, thợ may, làm ăn rất dễ kiếm tiền nhưng vì đất Xiêm hay cờ bạc, thuốc phiện, đĩ thoã nên làm được đồng nào thì phung phá đồng ấy.

4. Chính phủ Xiêm đối đãi người An Nam về đường đóng góp

---

1) Chính quyền ngược đãi.

cũng như Xiêm vậy. Mỗi năm phải nộp thuế thân 6 bạt (bạc Xiêm) và các tiền phụ cấp, ruộng thì mỗi rày (mẫu Xiêm) 80 xa tang (xu Xiêm). Nhưng chỉ khi cách giáo dục và Tuất phủ thì nó coi người nó hơn người An Nam. Thế là nhẽ đóng góp thì có phần, mà quyền lợi thì không được. Thương thay! Dân mất nước đi đến đâu thì bị người ta hà hiếp đấy.

5. Tình cảnh người mình như vậy đều là lưu lạc quê người, cứ kể bình thường thì người An Nam ở Xiêm trông thấy nhau nên thương yêu nhau, giúp nhau là phải, nào ngờ vẫn giữ lấy thói dã man nào lương giáo giết nhau, lợi hại tranh nhau, lừa đảo nhau, chém giết nhau đến nỗi đem nhau đi kiện cáo cho Xiêm Lào sỉ nhục. Vì một tính không biết đoàn thể, đã đến nỗi bỏ nước mà đi, lại còn vẫn không giác ngộ thế thì còn trách người Xiêm nó khinh, nó chửi. Nói ra thật đau lòng.

Báo *Thanh niên,* số 71,
ngày 28-11-1926.

BÀ TRƯNG TRẮC

Bà Trưng Trắc người nước ta sinh ra thế kỷ đầu [1] là năm 23 ở huyện Mê Linh, tỉnh Phúc Yên, xứ Bắc Kỳ. Năm thứ 40 bà vừa 17 tuổi. Lúc ấy nước ta bị quân Tàu cai trị, chính sách rất bạo ngược như Pháp cai trị bây giờ. Bà thấy cảnh nước suy vi, đồng bào khốn khổ, bèn quên thân bồ liễu phận hèn, liền ra cứu nước, cứu dân. Lúc bấy giờ cùng với em là Trưng Nhì khởi binh lên đánh giặc. Dân Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đều ảnh hưởng nổi lên cả. Chẳng bao lâu đánh đuổi ngay Tô Định, lấy được 65 thành, dựng lên cờ độc lập. Đến năm 44, nhà Hán sai Mã Viện sang đánh, đánh đã nhiều trận, quân hai Bà vẫn không thua. Đến trận ở Cấm Khê, tỉnh Vĩnh Yên, thế quân ít quá, phải thua, hai Bà đều gieo mình xuống sông Đáy tự tận. Can đảm thay! Phận thuyền quyên vì nước quên mình! Tuy chỉ trong 3, 4 năm nhưng cũng đủ làm cho bọn tu mi quân giặc mất vía.

Như buổi ấy là buổi phong kiến mà đàn bà, con gái còn biết K.m[6]. Huống chi bây giờ hai chữ "nữ quyền" đã rầm rầm khắp thế giới[7], chị em ta lại gặp cảnh nước suy vi, nỡ lòng nào ngồi yên được! Chị em ơi! Mau mau đoàn kết lại!

H.T.

Báo *Thanh niên,* số 73,
ngày 12-12-1926.

---

1) Thế kỷ thứ I Công nguyên.

2) Cách mệnh.

3) Phong trào đấu tranh đòi quyền phụ nữ nổi lên mạnh mẽ khắp thế giới.

CÁC SỰ BIẾN Ở TRUNG QUỐC
CỦA ĐẶC PHÁI VIÊN CHÚNG TÔI

Quảng Châu, ngày 13-11-1926

Tình hình chung

Những thắng lợi mới đây chống các lực lượng phản quốc gia của các quân đoàn do tổng tư lệnh lực lượng quốc gia Tưởng Giới Thạch chỉ huy chỉ rõ sự tấn công mạnh mẽ hơn lên phương Bắc. Việc chiếm Khúc Giang, trung tâm công nghiệp và thương mại, quan trọng bậc nhất của thung lũng sông Dương Tử, và Nam Xương -, thủ phủ của Giang Tây, chứng tỏ thống chế Tôn Truyền Phương bị loại khỏi tỉnh này. Thủ lĩnh quân sự này có định bảo vệ Triết Giang không? Các trận xảy ra ở vùng lân cận Vô Tích không thể đánh giá tốt sức chiến đấu của quân ông ta, một đội quân hỗn loạn khi rút lui bỏ lại vũ khí và hành lý. Sự giúp đỡ của thống chế Trương Tác Lâm chưa chắc chắn, vì ông không muốn một lần nữa cố gắng mở rộng quyền lực của mình ở thung lũng Dương Tử. Như thế, người ta có thể kết luận rằng, nếu bị bỏ lại với lực lượng của riêng mình, thống chế Tôn Truyền Phương chẳng bao lâu sẽ bị bỏ rơi, chỉ là một nhân tố phụ không mấy quan trọng. Sự phân công của Ngô Bội Phu mà báo chí nước ngoài ở Thượng Hải và Hán Khẩu coi rất trọng, đã không xảy ra. Cũng không xảy ra cuộc tấn công nào của các trung đoàn do một trong các tướng của ông ta, Nguyên Sâm, về phía Hồ Nam, xuất phát từ Tứ Xuyên và phát triển ra phía nam Hồ Bắc nhằm Ngô Châu và Vũ Xương. Không xảy ra một cuộc tấn công của phe phản quốc gia vào con đường Võ Dương Quan, cửa ngõ phía Bắc của tỉnh Hồ Bắc. Người ta cũng

chẳng biết hiện nay thống chế Ngô Bội Phu ở đâu. Rất có thể ông ta sẽ chịu số phận giống Trương Tác Lâm, kẻ thù cũ của ông, sau trở thành đồng minh trong cuộc đấu tranh chống lại Quốc dân quân. Tóm lại, Ngô Bội Phu và Tôn Truyền Phương đều bị coi là bị loại khỏi vòng chiến đấu về mặt chính trị và quân sự vì họ không nhận được sự giúp đỡ nào của thống chế Trương Tác Lâm, lại bị các lực lượng quốc gia đánh bại nhiều lần và bị các phụ tá bỏ rơi.

Chính phủ quốc dân, được tất cả các thủ lĩnh quân sự thừa nhận quyền lực trên thực tế đã quyết định thực thi một kế hoạch nhằm thành lập một tổ chức trung ương, để phối hợp các chính quyền địa phương theo một chương trình duy nhất. Trụ sở của Chính phủ quốc dân, tạm thời ở Quảng Châu, sẽ dời về Vũ Xương khi tình hình quân sự được giải quyết trong các tỉnh ở miền Trung. Những hội nghị được chuẩn bị trước sẽ diễn ra giữa những quan chức cai trị các tỉnh này và những thành viên của Chính phủ quốc dân để quyết định một kế hoạch thực hiện mà thành công được bảo đảm bằng sự thoả thuận giữa các bên và những cố gắng của các nhân viên thừa hành.

Việc cải tổ ở tỉnh Quảng Đông đã xong. Hệ thống các uỷ ban vẫn còn hiệu lực, nhưng phân giới vùng thì bị xoá bỏ.

Cố gắng của Chính phủ trung ương là nhằm thống nhất trước hết các Bộ Tài chính, Giao thông và Quốc phòng. Bộ Giao thông đã được thiết lập. Bộ tái thiết quốc gia, mà Bộ này thay thế, trở thành một cơ quan cấp tỉnh. Cơ quan tư pháp cũng trở thành một Bộ chứ không phải một uỷ ban, tuy rằng hệ thống uỷ ban vẫn còn hiệu lực trong Bộ mới.

Do những nguyện vọng chung của các thủ lĩnh quân sự và dân sự đều muốn cộng tác để thiết lập một chính phủ dân chủ theo những nghị quyết được thông qua ở Đại hội gần đây của Quốc dân đảng, nên việc thực hiện kế hoạch của Quốc dân đảng cho một thiết chế như vậy đã được bảo đảm.

Các cường quốc nước ngoài và Quảng Châu

Báo chí nước ngoài ở Trung Quốc đã dành một sự quan tâm

đặc biệt đến một thông tin của hãng thông tấn *United Press ở* Luân Đôn nói rằng vấn đề là thừa nhận Chính phủ quốc dân ở Quảng Châu, khi mà quyền lực của nó đang lan rộng ra nhiều tỉnh. Ở đây không phải như người ta tưởng là chính thức thừa nhận Chính phủ quốc dân ở Quảng Châu, mà là thực hiện kế hoạch của Anh nhằm làm suy yếu Trung Quốc và đặt nước này dưới sự thống trị hoàn toàn của ngoại bang. Những người theo chủ nghĩa yêu nước và Chính phủ quốc dân Trung Quốc nói rằng, sự thừa nhận mà Chính phủ Luân Đôn có thể nêu ra và thậm chí cả bàn luận nữa, cũng sẽ được áp dụng cho mọi thủ lĩnh quân sự như Trương Tác Lâm, là người tỏ ra chống quốc gia (chống cộng). Mưu mô này nhất định đã được Chính phủ quốc dân nhận thấy, và những biện pháp thỏa đáng đã được áp dụng để ngăn chặn việc thực thi này.

Một sự kiện quan trọng là việc Trưởng đoàn lãnh sự ở Quảng Châu đã kháng nghị Chính phủ quốc dân phản đối "phụ thu không hợp pháp" đánh vào "thương mại của nước ngoài" theo những chỉ thị nhận được từ Trưởng đoàn ngoại giao ở Bắc Kinh. Chính phủ quốc dân không thừa nhận tư cách Trưởng đoàn của Đoàn ngoại giao ở Bắc Kinh và muốn chấm dứt sự can thiệp liên tục của giới ngoại giao nước ngoài vào các công việc nội bộ của Trung Quốc, nên đã trả lại khiếu nại cho người đưa đơn, đồng thời còn cẩn thận nêu rõ Chính phủ quốc dân sẵn sàng bàn luận mọi vấn đề dính đến những quan hệ với các cường quốc nước ngoài.

Một sự kiện khác cho thấy sự rối loạn đang ngự trị trong giới ngoại giao ở Trung Quốc và những biểu hiện chính sách ngoại giao của nước này cũng chứng minh điều đó.

Một lãnh sự nước ngoài bị giết ở Long Châu - Liễu Châu (tỉnh Quảng Tây), gần biên giới Trung Quốc - Đông Dương. Đại diện của nước ấy ở Quảng Châu đã phản kháng với Chính phủ quốc dân. Tiếp theo cuộc thăm của ông là một bức thư nêu rõ những yêu cầu của Chính phủ mình. Sau đó, người ta được biết chính quyền cấp huyện ở Quảng Tây, thuộc Chính phủ quốc dân, nhận được một bức thư của vị lãnh sự đến thay thế người đã chết đòi bồi thường và định ra thời hạn trả số tiền yêu cầu. Thật lạ lùng là cuộc thương lượng đã diễn ra giữa lãnh sự của nước này với Chính phủ quốc dân, song vị lãnh sự đó lại không được thông báo về những người đồng nghiệp của ông đã làm

trong thành phố, nơi diễn ra sự kiện khốn khổ trên.

Viên lãnh sự bị giết trên đường trở về Bắc Kỳ thuộc Pháp. Ông ta không báo cho chính quyền địa phương biết việc ra đi của mình, cũng không yêu cầu được bảo vệ trong chuyến đi này, điều đó trái với những thủ tục ngoại giao. Mặc dù thế, Chính phủ quốc dân hoàn toàn không phản đối một giải pháp thân thiện, dù rằng những trách nhiệm về vụ ám sát này phải được tìm ra từ phía Hồng Công hơn là từ phía Quảng Châu.

Kỷ niệm ngày sinh của Tôn Dật Tiên

Chúng tôi không thể không nêu nhiệt tình của dân chúng Quảng Châu và cả tỉnh Quảng Đông khi họ kỷ niệm ngày sinh của Tôn Dật Tiên. Sự nồng nhiệt của nhân dân chứng tỏ người Trung Quốc biết ơn dường nào vị lãnh tụ vĩ đại quá cố đã khơi dậy nơi họ ý chí tự giải phóng khỏi ách áp bức về ngoại giao mà bây giờ không gì có thể biện hộ được.

Tình hình ở miền Bắc

Chuyến đi của Trương Tác Lâm đến Bắc Kinh chưa xảy ra lúc chúng tôi viết những dòng này. Ngày nay, người ta bảo rằng ông ta ở Thiên Tân, trên đường tiến về thủ đô phương bắc. Ông ta có đến đó không ? Liệu ông ta có nhận đứng đầu cái gọi là Chính phủ Bắc Kinh không, ngay cả khi Đoàn ngoại giao động viên, khuyến khích. Cùng với việc Trương Tác Lâm đến Thiên Tân, người ta báo tin rằng thủ tướng Wellington Kou xin từ chức với tất cả các thủ lĩnh quân sự, các quan thầy của ông. Trương Tác Lâm đã không hành động, thái độ không vồn vã khi cứu trợ khẩn cấp cho Ngô Bội Phu hay cho Tôn Truyền Phương chứng tỏ rằng ông không chịu cộng tác với hai thủ lĩnh quân sự này. Hoạt động của Quốc dân quân ở Sơn Tây và Cam Túc là đáng chú ý và dường như là khúc dạo đầu của trận chiến mà nay mai họ sẽ đánh vào kẻ thù của mình. Cũng cần lưu ý đến hoạt động của các tổ chức dân tộc chủ nghĩa ở các tỉnh phía Bắc.

X.

Báo *L'Annam,* số 118,
ngày 2-12-1926 (tiếng Pháp).

CÁC SỰ BIẾN Ở TRUNG QUỐC
CỦA ĐẶC PHÁI VIÊN CHÚNG TÔI

Quảng Châu, ngày 20-11-1926

Tình hình chung

Sự kiện nổi bật trong tuần qua là việc cải tổ cuối cùng hệ thống cai trị ở cấp tỉnh tại tỉnh Quảng Đông. Các viên chức được chọn ra để thực hiện kế hoạch mới, đã nhậm chức. Các biện pháp cần thiết cũng đã được thi hành và kết quả thì chẳng phải đợi lâu.

Các thành viên Chính phủ quốc dân đến Nam Xương không hàm ý là đã có quyết định dứt khoát sẽ dời trụ sở của Chính phủ về thành phố này hay về Vũ Xương. Như chúng tôi đã nói trong bài báo trước, sự di chuyển sẽ phụ thuộc vào kết quả hội nghị của đại diện Chính phủ với các tướng lĩnh quân sự, đứng đầu các đạo quân quốc gia và của đại biểu các tỉnh. Dư luận Trung Quốc tán thành chính sách này của Chính phủ, là sẽ không làm gì, không tiến hành những gì mà không được dân chúng ủng hộ.

Những chỉ thị của Hội đồng Chính phủ gửi các quan chức phụ trách hành chính cấp tỉnh trong các vùng do các lực lượng quốc gia đóng giữ đều yêu cầu củng cố các vùng lãnh thổ dưới sự kiểm soát của Quảng Châu. Các chỉ thị này, cho đến nay, đều được chấp hành nghiêm chỉnh và không có gì cho phép giả định rằng chúng sẽ không còn được chấp hành nghiêm chỉnh như thế nữa.

Sự thất bại của các đội quân chống quốc gia, do thống chế Tôn Truyền Phương chỉ huy ở Giang Tây đã loại bỏ hoàn toàn quyền lực của viên tướng này tại tỉnh đó. Thất bại này, xảy ra ngay khi thống

chế Trương Tác Lâm triệu tập hội nghị quân sự ở Thiên Tân, dường như có gây được ảnh hưởng ít nhiều đến các sự biến ở miền Bắc. Chiến thắng của lực lượng quốc gia đối với quân đội của Tôn Truyền Phương làm thay đổi chính sách quân phiệt của Trương Tác Lâm. Trong khi giao cho phụ tá của mình là tướng Trương Tôn Xương, tỉnh trưởng Sơn Đông, lo bảo vệ tỉnh này chống mọi sự tấn công của quân quốc gia, ông ta về Bắc Kinh, và thái độ của thủ tướng Wellington Kou lúc ấy làm viên tướng quân sự cao cấp nhất ở miền Bắc rất lo ngại. Người ta không có tin tức cụ thể gì về thái độ của Trương Tác Lâm sau khi đến Bắc Kinh. Liệu ông ta có điều khiển được cái gọi là Chính phủ Bắc Kinh hay ông ta sẽ bằng lòng làm kẻ bảo vệ cái Chính phủ này thôi?

Những điều kiện hiện nay của tình hình Bắc Kinh không làm ta yên tâm nếu xét trên những thông tin trên báo chí Bắc Kinh và Thiên Tân. Kỷ luật khó được duy trì trong binh lính đồn trú. Nhiều binh sĩ đã bị hành quyết trong tuần qua.

Tình hình tài chính ở Bắc Kinh xem chừng không có lối thoát. Số tiền vay nặng lãi và mấy triệu tăng thuế hải quan không đủ để chi tiêu cho quân sự. Nhiều trường không được mở lại, giáo viên và giáo sư sẽ bãi giảng, nếu không được trả lương. Thái độ của các cường quốc nước ngoài đối với Hội nghị quốc tế về thuế quan chẳng thay đổi tí nào. Các cường quốc này chờ đợi mà cũng chẳng biết họ chờ đợi cái gì. Những đề nghị về một khoản công trái quốc tế thế chấp bằng việc tăng thuế hải quan Trung Quốc, do hội nghị này thông qua, phải hủy bỏ. Bản thân Trương Tác Lâm phải đối phó với một tình hình tài chính đáng lo ngại hơn ở Mãn Châu. Sự phát hành tiền nhà binh, dưới cái tên là "Phụng phiếu" đã làm đảo lộn thương mại và công nghiệp. Không được nước ngoài trợ giúp, nước Mãn Châu sẽ phải phá sản. Không thể có ảo tưởng về vấn đề này. Dù các tỉnh rất giàu lập thành Mãn Châu quốc vẫn không đủ sức trả chiến phí cho bốn cuộc nội chiến và chi phí cho tất cả các xí nghiệp quân phiệt của Trương Tác Lâm. Người ta đặt ngay câu hỏi là Trương lấy đâu ra hàng triệu đồng để tiến hành các cuộc chiến

tranh ấy, để duy trì quyền lực của mình và bành trướng quyền lực ra tận Bắc Kinh.

Chẳng bao lâu, Trương Tác Lâm sẽ bị cô lập và chỉ thu hẹp lại ở lực lượng và phương tiện của mình mà những cái này từ lâu không còn nữa. Sự liên minh của Trương với kẻ thù cũ của mình, Ngô Bội Phu, sẽ chỉ kéo dài trong thời gian cần thiết để có thể sử dụng sự liên minh này nhằm đánh thắng Quốc dân quân do thống soái Phùng Ngọc Tường chỉ huy. Sự liên minh này không nhận được sự giúp đỡ thiết thực nào của Trương, Trương đòi phải nhượng lại đất đai do Ngô Bội Phu kiểm soát. Những quan hệ với Tôn Truyền Phương không còn mờ nhạt hơn. Tôn đuổi quân của Trương đóng ở Giang Tô và tập hợp năm tỉnh: Chiết Giang, Giang Tô, An Huy, Giang Tây, Phúc Kiến và tự tuyên bố làm chủ những đất đai này. Thắng lợi của ông ta đối với Trương không phải là sự phát triển. Tạo ra cho mình một thế mạnh, ông ta theo đuổi một chính sách kiểm soát mà không ai cho là trung lập. Dù báo chí Trung Quốc nói đến một sự hợp tác có thể có giữa Trương và Tôn, chúng tôi vẫn tin rằng chỉ có vài thành viên thuộc hạ của chúng thương thuyết với nhau và báo chí đưa tin là đưa tin về điều ấy. Tôn không thể làm được điều đó bây giờ, vì trong hào quang thế lực của mình, Tôn không thể làm cho Trương chú ý về bất kỳ điều gì, vả lại thế lực ấy nay không còn nữa.

Sự kiện lí thú đáng ghi nhớ: trong khi các thủ lĩnh quân sự Tôn Truyền Phương và Ngô Bội Phu bị quân đội quốc gia đánh cho tan tác, bị loại trừ khỏi vũ đài chính trị - quân sự, thì lực lượng Quốc dân tập họp lại dưới trướng của thống chế Phùng Ngọc Tường, lại hoạt động trở lại. Hoạt động này, bây giờ dù không tấn công, cũng đã tỏ ra đáng gờm. Vùng mà Quốc dân đảng hoạt động hiện nay cách không xa biên giới Hồ Bắc, Hồ Nam, nơi Quốc dân đảng đóng. Việc liên lạc có thể dễ dàng.

Ở miền thượng Dương Tử, tỉnh Tứ Xuyên đang trong tình hình đêm trước của một cuộc cải tổ toàn diện. Tướng Nguyên Sâm, có dưới trướng 20.000 quân, đã đầu hàng Chính phủ quốc dân, nhận thi hành mệnh lệnh của Chính phủ và hợp tác thực hiện kế hoạch

quốc gia. Một sự phục tùng như vậy nhất định có những hậu quả quan trọng đối với tình hình chung của Vân Nam, tỉnh này khó duy trì được thái độ thù địch đối với Chính phủ quốc dân. Về mặt này, ta sẽ có thể trông chờ những sự phát triển lý thú.

Thái độ của dân chúng các tỉnh rõ ràng là thuận lợi cho Chính phủ quốc dân. Như chúng tôi đã nhận xét ở trên, thái độ đúng đắn của binh lính quốc gia, lòng yêu nước và sự trong sạch của các thủ lĩnh dân sự và quân sự, sự đoàn kết giữa họ, lòng mong muốn thành thật và rõ ràng của họ là vì lợi ích chung, tất cả những cái đó làm cho dư luận dân chúng ủng hộ Chính phủ quốc dân. Dân chúng các huyện không bị đánh thuế, bị tịch thu, bị đối xử tàn tệ, họ thấy rằng của cải của họ được bảo vệ, và tự do của họ được tôn trọng, họ không bỏ lỡ cơ hội nào để chứng tỏ cảm tình của mình đối với quân giải phóng - đó là tên họ đặt cho binh lính quốc gia. Quân lính này đã nhiều lần thắng các lực lượng phản quốc gia vì nhờ được thông tin. Chẳng hạn việc nhanh chóng chiếm lại được Khúc Giang là nhờ những thông tin do dân cung cấp. Dân không giấu giếm rằng họ rất mong muốn được thấy các viên tướng đã bóp nặn họ phải chuồn đi nhanh chóng.

Ngoại giao với nước ngoài

Báo chí nước ngoài và Trung Quốc bàn cãi rất lâu về vấn đề công nhận Chính phủ quốc dân Quảng Châu. Điều không chối cãi được là chính phủ Anh chỉ xét vấn đề công nhận một chính phủ địa phương. Luân Đôn sẽ công nhận Quảng Châu như sẽ thừa nhận thủ lĩnh quân sự khác trong một hay nhiều tỉnh. Dư luận của nhân dân Trung Quốc phản đối mạnh mẽ một quan niệm như vậy. Nhằm mục đích tỏ rõ cho dư luận quốc tế thấy rằng Chính phủ có một cương lĩnh xây dựng lại quốc gia, Chính phủ quốc dân rất quan tâm áp dụng những biện pháp nhằm đạt mục đích ấy.

X.

Báo *L'Annam,* số 122,
ngày 16-12-1926 (tiếng Pháp).

CÁC SỰ BIẾN Ở TRUNG QUỐC
CỦA ĐẶC PHÁI VIÊN CHÚNG TÔI

Quảng Châu, ngày 10-12-1926

Tình hình ngoại giao

Chúng tôi sẽ không nói rộng ra về tình hình khó khăn của Đoàn ngoại giao Bắc Kinh. Chỉ nhận xét rằng Bộ trưởng các cường quốc nước ngoài, thành viên của đoàn, tiếp tục quan hệ với một Chính phủ mà quyền hạn không vượt quá các tường thành của Bắc Kinh, một Chính phủ chỉ có cái tên, mà lý do duy nhất tồn tại là sự công nhận ngoại giao của các cường quốc.

Đoàn ngoại giao nói rằng: "Chúng tôi không muốn can thiệp vào công việc của Trung Quốc". Đó là một lời tuyên bố kỳ quặc, trái ngược cả với thái độ của chính Đoàn này, bởi vì việc duy trì các quan hệ quốc tế với cái gọi là Chính phủ Bắc Kinh ấy, bằng cách cung cấp cho nó một phương tiện tồn tại, là một sự trợ giúp trực tiếp cho các thủ lĩnh quân sự đang khai thác nó hơn là lãnh đạo nó.

Vấn đề công nhận Chính phủ quốc dân đang được nhiều chính phủ các nước xem xét và bàn cãi trong báo chí nước ngoài. Theo những nguồn thông tin chính thức, cũng như theo vài tin tức của báo chí nước ngoài, chúng ta biết rằng Chính phủ Luân Đôn chỉ thị cho Bộ trưởng mới của mình ở Bắc Kinh, ông M.Lamxơn, phải từ Thượng Hải đến Hán Khẩu, tại đây ông ta sẽ gặp Bộ trưởng Ngoại giao của Chính phủ quốc dân, hay vài nhân vật quan trọng khác của Chính phủ này. Dĩ nhiên là M.Lamxơn có sứ mệnh đảm bảo cho những dự định của Chính phủ và trình bày cho Bộ trưởng

Ngoại giao của Chính phủ này những quan điểm hiện nay về chính sách đối ngoại của Anh ở Trung Quốc. Xuất phát từ quan điểm rằng nội các Luân Đôn không thể đưa ra những gì có hại cho Chính phủ Bắc Kinh, rằng nó tiếp tục công nhận và duy trì các quan hệ với Chính phủ ấy, chúng ta buộc phải nhận rằng Bộ trưởng Anh ở Bắc Kinh có thể ký với Chính phủ quốc dân một thứ *tạm ước*, chẳng hạn thừa nhận nó bình đẳng với Chính phủ Bắc Kinh. Chẳng cần nhắc lại ở đây những quan điểm của Chính phủ quốc dân không phù hợp với những quan điểm hẹp hòi đến nhường ấy của nước Anh.

Chuyển dời thủ đô quốc gia

Những tin tức làm yên lòng nhất được nhận từ phái đoàn Chính phủ quốc dân ở Nam Xương (Giang Tây). Tại tất cả các thành phố và huyện mà phái đoàn đi qua, dân chúng đã biểu lộ thiện cảm với các thành viên của nó. Tiếp theo dân chúng Nam Xương, dân chúng ở Khúc Giang, Cửu Long và Lư Sơn, nồng nhiệt chào đón tướng lĩnh, sĩ quan của các lực lượng quốc gia trong chiến dịch ác liệt chống các thủ lĩnh quân sự phương Bắc, mà họ gặp. Ngày 15 tháng 12, một hội nghị toàn thể họp tại Vũ Xương, sẽ quyết định dứt khoát tính chất quốc gia cho Vũ Xương.

Từ khi phái đoàn xuất phát từ Quảng Châu cho đến nay, các sự kiện đã diễn ra theo kế hoạch Chính phủ định ra và kế hoạch ấy được thực hiện dễ dàng là do dân chúng nông thôn tận tình, do có sự đồng lòng giữa những nhà chức trách dân sự và quân sự, do lòng mong muốn chung góp phần cải tổ lại nước Trung Hoa. Cho đến nay, chưa bao giờ dân chúng Trung Quốc lại nêu một tấm gương về sự đoàn kết dân tộc, về chính trị, tốt đẹp đến như thế...

Các quan chức rời Quảng Châu ngày 7 tháng 12 đi Vũ Xương để chuẩn bị sắp xếp địa điểm cho Chính phủ, họ đều hài lòng về chuyến đi của mình và nhấn mạnh sự đón tiếp nhiệt tình của dân chúng trên đường đi.

Ở Hán Khẩu

Báo chí nước ngoài ở Hán Khẩu và Thượng Hải, sau khi đưa tin rằng các nhượng địa ở Hán Khẩu lâm nguy và yêu cầu các cường quốc can thiệp để cứu tính mạng và của cải người nước ngoài bị đe dọa, họ báo tin rằng phong trào đe dọa Trung Quốc đã thất

bại. Trong thông báo này, ta thấy sự thú nhận về việc phóng đại các sự kiện ở Hán Khẩu nhằm mục đích rõ ràng để lôi kéo nội các Luân Đôn can thiệp, can thiệp một mình hay cùng với các cường quốc mà nó đã thuyết phục rằng can thiệp là có ích. Các sự kiện, như chúng ta đã biết, chỉ liên quan đến một phong trào công nhân đòi tăng lương và đòi chủ đối xử tử tế hơn. Chắc rằng công nhân đã biểu hiện công khai tình cảm của mình và những cuộc biểu tình này diễn ra cùng với tiếng hô nêu yêu sách của giai cấp công nhân chống chủ nghĩa tư bản và giới chủ. Báo chí đế quốc của nước ngoài nhìn thấy trong các cuộc biểu tình này một nguy cơ trước mắt, trong khi nó tố giác sự liên minh của nhân viên Sở thuế quan Trung Quốc ở Hán Khẩu như là một biện pháp chuẩn bị để cướp lấy công sở này. Một thái độ như vậy của báo chí nước ngoài chỉ rõ rằng đó là một mong muốn thổi phồng các sự kiện nhằm lừa bịp dư luận nước ngoài, một việc lừa dối chỉ có thể gây nên những hậu quả đáng tiếc.

Tình hình ở phía Bắc

Theo tin tức nhận được từ những nguồn khác nhau ở Bắc Kinh và Thiên Tân, tình hình nêu trong bài báo gần đây nhất của chúng tôi vẫn không thay đổi. Các chỉ huy quân sự của Phụng Thiên, đang khai thác cái gọi là Chính phủ Bắc Kinh bị suy yếu trầm trọng do thiếu những khoản tiền cần thiết để chi tiêu cho một chiến dịch chống lại các lực lượng quốc gia. Có vấn đề vay vài chục triệu đô la đã được các nhà băng Anh ở nước ngoài đồng ý cho các vị đứng đầu ở Phụng Thiên... Như đã giải thích ở trên, đây không phải là một việc vay mượn vốn có từ trước đến nay, mà là lặp lại các cuộc vay mượn kiểu Nhật, Nishihara năm 1918, vào thời Đại chiến ở châu Âu. Không còn cái gì để thế chấp, để đảm bảo, các vị cầm đầu ở Phụng Thiên bèn phát hành rộng rãi trái phiếu kho bạc, gọi là phiếu quốc gia, sẽ giao lại cho các nhà băng nước ngoài, họ sẽ chấp nhận. Người ta gạt bỏ mọi sự cổ động, dư luận xã hội sẽ chẳng biết gì và chẳng phản đối được. Dù vấn đề được giữ bí mật tuyệt đối, nhưng sự mặc cả để bán được các phiếu ấy thường được nhiều người biết đến và các tổ chức thương mại, công nghiệp, cũng như các hội quần chúng đã phản đối cách hoạt động tài chính kiểu ấy.

Chúng ta không thể khẳng định rằng các chủ ngân hàng có liên quan đến hoạt động này, sẽ mua tất cả các phiếu, nhưng dĩ nhiên là họ chỉ hành động theo những chỉ thị mật của những phái đoàn nước ngoài có liên quan. Ai cũng biết rằng tiền có được, do bán hay nhượng những phiếu này (ít nhất là một phần), phải được dùng để chi tiêu cho chiến dịch chống những người quốc gia. Thái độ do dự của Trương Tác Lâm và tướng tá của ông, và sau những quyết định của hội nghị các tướng lĩnh này ở Thiên Tân với thống chế Tôn Truyền Phương làm người ta tự hỏi rằng, thiếu tiền có phải là lý do chính của những sự do dự không chối cãi được của Trương Tác Lâm không. Ông này vừa cho phát hành một đợt mới các Phụng phiếu (phiếu Phụng Liêu) có giá trị nhiều triệu đôla. Đó có phải là để chi tiêu về hành chính cho Mãn Châu quốc ? Đó có phải là để trả lương cho nhân viên các bộ của Bắc Kinh, những người chẳng nhận được tí gì từ nhiều tháng nay và có người không được từ nhiều năm nay ? Người ta không thể nói chính xác điều đó, nhưng sự thật là tình hình tài chính của các tướng lĩnh quân phiệt đang khai thác cái gọi là Chính phủ Bắc Kinh, bị suy yếu nghiêm trọng bởi thiếu tiền.

Lý do tài chính không phải là lý do duy nhất. Hoạt động của các lực lượng Quốc dân đảng, phối hợp với hoạt động của các tổ chức cách mạng và dân tộc chủ nghĩa ở miền Tây là một vấn đề nghiêm trọng cho những thủ lĩnh lãnh đạo chiến dịch chống những người quốc gia. Thống chế Tôn Truyền Phương (mà người ta cho là bị thống chế Trương Tác Lâm bắt giữ ở Thiên Tân) chỉ còn lại hai vạn người và các tuỳ tùng cộng tác với ông không còn chút hăm hở giúp ông chống trả lại quân đội quốc gia.

Dù rằng thái độ của các lực lượng thuỷ quân ở Phúc Kiến và ở thung lũng Dương Tử không rõ ràng lắm, sự trung lập của họ đã rõ ràng và nếu chúng ta tin vào các tin tức cho đến giờ chưa được xác nhận, thì các lực lượng này sẽ sớm gia nhập Chính phủ quốc dân.

X.

Báo *L'Annam,* số 125,
ngày 27-12-1926,
(Bản tiếng Pháp).

CÁC SỰ BIẾN Ở TRUNG QUỐC
CỦA ĐẶC PHÁI VIÊN CHÚNG TÔI

Quảng Châu, ngày 24-12-1926

Chính sách ngoại giao của Anh ở Trung Quốc

Chính sách ngoại giao của Anh có thay đổi không?

Báo chí ở nước Anh và Trung Quốc gợi ý rằng nó đã hoặc sẽ thay đổi.

Chúng ta đã thấy một hoạt động ngoại giao của Anh được bảo đảm ở Trung Quốc, ngay sau khi người đại diện mới của Anh bên cạnh Chính phủ Bắc Kinh, ông M.Lamxơn đến Bắc Kinh.

Nhà ngoại giao này đến Hán Khẩu, ở đây ông được Ngoại trưởng của Chính phủ quốc dân tiếp, và hai bên hội đàm nhiều lần, những cuộc hội đàm này chúng ta biết được qua thông báo của hãng thông tấn *Roitơ*.

Thông báo không đưa ra một sự việc mới nào. Qua lối diễn đạt ngắn gọn và sự tuyên truyền của hãng thông tấn ấy cho biết những cuộc hội đàm không thể không có kết quả, bắt buộc chúng ta phải kết luận rằng người đại diện của Anh nhận được, từ miệng của uỷ viên Chính phủ quốc dân, người có thẩm quyền, lời tuyên bố khẳng định những nét lớn của cương lĩnh chính trị dân tộc chủ nghĩa.

Chính vào lúc tin tức về những cuộc nói chuyện ấy lan truyền ở Hán Khẩu, chúng tôi được biết, đại biện lâm thời của Anh ở Bắc Kinh đã trao cho các đại diện của những chính quyền ký kết Hòa ước Oasinhtơn một công hàm mà nội dung chưa được công bố.

Tuy nhiên, báo chí Anh ở chính quốc hình như được thông báo chính thức về nội dung của nó, rằng công hàm ấy đề nghị các chính quyền đã ký kết các hiệp ước cho phép thu ở Trung Quốc thuế phụ thu 2,5% của biểu thuế hải quan, mà phần do hải quan Trung Quốc thu sẽ trực tiếp trao cho chính quyền các tỉnh.

Báo chí dân tộc chủ nghĩa Trung Quốc kịch liệt phê phán một đề nghị như vậy, vì nó chỉ là một phương tiện nguỵ trang để nước Trung Hoa dân quốc tham gia vào sự phòng giữ và duy trì những hiệp ước bất bình đẳng cần phải được xoá bỏ.

Những cơ quan dân tộc chủ nghĩa trên toàn Trung Quốc còn nhấn mạnh khi đặt ra thuế phụ thu 2,5% ấy ở Quảng Châu và các cảng do mình kiểm soát, Chính phủ quốc dân đã đề nghị giao cho Hải quan Trung Quốc thu; đề nghị ấy bị bác bỏ, các cường quốc cũng phản đối việc tăng thuế, và sự phản đối ấy không thay đổi tí nào quyết định của chính quyền tỉnh.

Việc này sẽ được thực hiện ở tất cả những cảng khác dưới sự kiểm soát của Chính phủ quốc dân.

Việc bộ trưởng Lamxơn chấp nhận đề nghị sẽ có lợi cho những người chỉ huy quân sự chống chủ nghĩa dân tộc và Chính phủ Bắc Kinh.

Vì vậy dư luận nhân dân tố cáo kịch liệt mưu toan ngoại giao nhằm cung cấp cho kẻ thù của Chính phủ quốc dân những phương tiện để có tiền của chống lại Chính phủ ấy.

Hình như đại diện của Anh không đặt vấn đề công nhận Chính phủ quốc dân đối với toàn bộ Trung Quốc.

Cương quyết duy trì những lợi ích và đặc quyền do các hiệp ước bất bình đẳng đem lại và áp đặt cho Trung Quốc, Chính phủ Luân Đôn, liên kết với chính sách đế quốc chủ nghĩa được thực hiện ở Trung Quốc của những nước ngoài có những lợi ích và đặc quyền ấy, không thể chịu trách nhiệm về một cuộc vận động ngoại giao đòi công nhận không điều kiện Chính phủ quốc dân cho toàn Trung Quốc.

Bộ trưởng Lamxơn không chỉ hội đàm với những uỷ viên của Chính phủ quốc dân. Một thông tin, về sau bị cải chính, nói rằng ở Nam Kinh ông ta hội đàm với chỉ huy quân sự chống chủ nghĩa dân tộc là Tôn Truyền Phương, trong khi đó một bức điện từ Thiên Tân cho biết rằng khi Lamxơn qua Thiên Tân thì được một chỉ huy chống chủ nghĩa dân tộc là thống chế Trương Tác Lâm tiếp đón.

Tuy nhiên, những cuộc nói chuyện, mà Bộ trưởng Lamxơn tiến hành ở Hán Khẩu với Eugène Trần, cho phép ông ta có được mọi sự chính xác mong muốn về Cương lĩnh chính trị của Chính phủ quốc dân.

Báo chí Trung Hoa ở những trung tâm dân tộc chủ nghĩa lớn kể rằng trong nhiều cuộc hội họp của nhân dân đã thông qua những quyết định chống lại một đề nghị như vậy, có thể sẽ gửi đến cho Chính phủ quốc dân nhằm bảo đảm với Chính phủ sự ủng hộ của nhân dân trong cuộc đấu tranh mở rộng sự kiểm soát của những miền dân tộc chủ nghĩa ở toàn Trung Quốc và thực hiện cương lĩnh chính trị theo chủ nghĩa dân tộc.

Sự tăng cường mới của hạm đội Anh ở Trung Quốc

Chúng tôi đã nói đến việc tăng cường hạm đội Anh ở các biển của Trung Quốc bằng cách tăng thêm đội tầu thứ 3 từ Mantơ đến và nhiều tuần dương hạm tách ra từ hạm đội Anh ở Địa Trung Hải.

Những bức điện gửi từ Anh trong tuần ấy báo tin đã gửi đến Trung Quốc một đội tàu khu trục từ l.200 đến 1.500 tấn, kèm theo một tuần dương hạm 7.000 tấn.

Những bức điện này cũng báo tin rằng 2 tuần dương hạm đã được tách ra khỏi hạm đội Ấn Độ Dương để tăng cường cho lực lượng hải quân ở Trung Quốc.

Dư luận Trung Quốc ngạc nhiên về sự gia tăng nhanh lực lượng hải quân Anh ở các biển Trung Quốc.

Báo chí của phái dân tộc chủ nghĩa không che giấu sự bất bình lớn của mình, và đã có những lời bình luận không có lợi cho nước Anh.

Vấn đề chung là: ý đồ của Anh là gì khi tăng cường lực lượng hải quân ở các biển của Trung Quốc?

Tình hình ở Dương Tử

Sự tiến bộ của những lực lượng dân tộc chủ nghĩa ở Triết Giang được khẳng định.

Một chiến dịch mùa đông hình thành rõ rệt.

Những lực lượng chống chủ nghĩa dân tộc đến Phố Khẩu và Nam Kinh đòi hỏi những hoạt động quân sự quy mô lớn về phía những lực lượng dân tộc chủ nghĩa.

Người ta cũng kể lại rằng những lực lượng chống chủ nghĩa dân tộc ở Kashing, cách Thượng Hải vài chục km, đã rút lui và đặt phòng tuyến về phía sau.

Sự vận động này hình như khẳng định rằng những sĩ quan của viên tướng chống chủ nghĩa dân tộc Tôn Truyền Phương tìm kiếm được một sự thoả hiệp với các chỉ huy dân tộc chủ nghĩa.

Chắc chắn thái độ của họ là do tác động của thái độ nhân dân tỉnh Triết Giang, trong nhiều cuộc hội nghị chính trị công khai phản đối những đội quân ăn cướp của Trương Tác Lâm và người cộng sự của y, Trương Tôn Xương khi chúng kéo xuống lưu vực sông Dương Tử.

Từ vùng thượng lưu Dương Tử, chúng ta nhận được tin tức về các lực lượng dân tộc chủ nghĩa đã chiếm được Tương và giải giáp những trung đoàn đáng nghi ngờ.

Người ta chờ đợi những sự phát triển quân sự ở phía tây tỉnh Hồ Bắc, chủ yếu là ở vùng biên giới Hồ Bắc - Hồ Nam.

Việc quân Quốc dân đảng, dưới sự chỉ huy của tướng Phùng Ngọc Tường, tiến đến biên giới phía tây của Hồ Nam, được thuật lại, trong khi không một tin tức nào khác được công bố về những hoạt động quân sự của những lực lượng chống chủ nghĩa dân tộc do thống chế Ngô Bội Phu chỉ huy.

Những hoạt động quân sự chống tỉnh An Huy được thông báo, những đạo quân tham gia ở đây được đặt dưới sự chỉ huy của những viên tướng nổi lên trong chiến dịch đánh những tên chỉ huy

chống những người dân tộc chủ nghĩa đang kiểm soát tỉnh này.

Tình hình ở Bắc Kinh và Thiên Tân

Những điều kiện được thuật lại trong bài báo trước của chúng tôi về tình hình ở Bắc Kinh không thay đổi.

Tình hình tài chính luôn luôn là bấp bênh và cái gọi là Chính phủ Bắc Kinh tồn tại một cách khó khăn với những sự vay mượn nhỏ ở các chủ ngân hàng Trung Hoa ở địa phương.

Ở Thiên Tân, quân luật vẫn có hiệu lực.

Nhà cầm quyền chống chủ nghĩa dân tộc ở Phong Hàng tiếp tục thông qua những biện pháp mà họ cho là có khả năng ngăn chặn mọi phong trào dân tộc chủ nghĩa và tiếp tục vận động để có sự cộng tác của nhà cầm quyền ở những tô giới nước ngoài đối với công việc mà họ đang thực hiện.

Quảng Đông

Tình hình chung đáng yên tâm.

Việc đàn áp nạn cướp phỉ vẫn tiếp tục.

Ở biên giới Trung Hoa - Đông Dương, bọn cướp bị tiêu diệt.

Những băng tham gia ám sát công sứ Pháp ở Long Châu đã bị bắt, bọn chúng thú nhận đã tham gia giết viên công sứ ấy và lập tức bị hành hình.

Chính phủ gửi quân để quét sạch vùng Vịnh Blát, nơi ẩn náu của bọn cướp biển đã tấn công nhiều tàu trên đường Hồng Kông - Thượng Hải, cũng như các cảng khác nằm ở bờ biển giữa hai thành phố.

Chính phủ Hồng Kông được thông báo về chiến dịch ấy và được yêu cầu bắt những tên cướp trốn ở lãnh thổ Trung Quốc bị Anh thôn tính. Cần nói rằng trong những tên cướp này có những thủ lĩnh nguyên là sĩ quan của viên tướng chống chủ nghĩa dân tộc Trần Quýnh Minh mà tổng hành dinh được đặt ngay tại Hồng Kông.

X.

Báo *L'Annam,*
ngày 31-l-1927,
(Bản tiếng Pháp).

CÁC SỰ BIẾN Ở TRUNG QUỐC
CỦA ĐẶC PHÁI VIÊN CHÚNG TÔI

Quảng Châu, ngày 31-12-1926

Chính phủ quốc dân sau 1 năm

Trước đây 1 năm vào thời ấy, tình hình của Chính phủ quốc dân mà cương lĩnh cải tổ chính trị, kinh tế và tài chính không được biết rõ, hình như là không vững chắc.

Dư luận nước ngoài ở Viễn Đông, trừ vài người am hiểu, không có lợi cho Chính phủ này. Nó sẽ làm gì hơn những Chính phủ trước.

Những người tổ chức Chính phủ bị xem như một nhúm gây rối làm tay sai cho Quốc tế III, nếu không phải là cho nước Nga Xôviết, và bị tố cáo nuôi những ý định bất lương nhất.

Tất cả các cuộc biểu tình thợ thuyền ở miền Nam cũng như ở miền Bắc và miền Trung của Trung Quốc được tổ chức, dường như là do những người bônsêvích lãnh đạo. Đằng sau những người biểu tình, bất kể thuộc giai cấp nào, người ta chỉ ra những Xôviết thúc đẩy họ và cung cấp viện trợ.

Những người dân tộc chủ nghĩa đòi hỏi huỷ bỏ những hiệp ước giữa Trung Quốc với nước ngoài không có lợi cho quyền lợi dân tộc Trung Hoa, đều là những nhân viên "đỏ" tay sai của Mátxcơva. Mặc dù đại lãnh tụ dân tộc chủ nghĩa Tôn Dật Tiên mất ở Bắc Kinh và đám tang là nguyên nhân một cuộc biểu tình của cả dân tộc bị thương lớn nhất chưa từng có ở Trung Quốc, - vẫn khẳng định một

lời tuyên bố công khai rằng việc du nhập chủ nghĩa bônsêvích và việc theo học thuyết bônsêvích là không thích hợp.

Giới ngoại giao nước ngoài xem Chính phủ quốc dân thực chất là cộng sản, còn báo chí nước ngoài thì không tiếc những tính ngữ làm mếch lòng những lãnh tụ dân tộc chủ nghĩa.

Cũng những tờ báo ấy gợi ý về một sự can thiệp của những cường quốc đã ký các hiệp ước, khẳng định rằng việc lập lại trật tự ở Trung Quốc phải đi trước việc thiết lập một chính phủ dân chủ mạnh, điều này không thể thực hiện nếu không có sự can thiệp như vậy.

Một dư luận nước ngoài cho rằng phong trào dân tộc chủ nghĩa là một sự bịp bợm, và các cường quốc đã ký hiệp ước phải lập một mặt trận chung để chống lại.

Có những nhà chức trách nước ngoài ở Viễn Đông che chở cho những đối thủ của Chính phủ quốc dân, những người "chống đỏ", kẻ thù của chủ nghĩa cộng sản ở Trung Quốc, và giúp đỡ họ chống lại Chính phủ.

Quảng Đông, nơi đóng trụ sở của Chính phủ quốc dân, được xem như là trung tâm gây rối, ổ mánh khoé, tổng hành dinh của chủ nghĩa bônsêvích ở Trung Quốc, mà các lực lượng quốc tế phải liên kết để chống lại.

Tất cả những cái đó đều do nhu cầu bảo vệ những quyền của các cường quốc ký hiệp ước, cuộc sống và tài sản của kiều dân của họ ở Trung Quốc.

Năm ấy đi qua.

Dư luận nước ngoài, tuy còn chống đối những người dân tộc chủ nghĩa, bây giờ không còn cố chấp như đầu năm trước.

Đầu tháng 12, báo chí nước ngoài ở Viễn Đông và châu Âu cho rằng có khả năng các cường quốc công nhận Chính phủ quốc dân.

Các giới chính trị của phần lớn các nước cũng xem xét những khả năng ấy, và những vấn đề có liên quan được đặt ra trong nhiều Nghị viện.

Chính đảng mạnh, Quốc dân đảng, chính đảng duy nhất có một tổ chức cho phép tiếp xúc thường xuyên với các giai cấp khác nhau trong nhân dân Trung Quốc, được thừa nhận như là người đại diện của những khát vọng dân tộc Trung Hoa, và Chính phủ quốc dân, Chính phủ duy nhất xứng đáng với cái tên ấy tồn tại ở Trung Quốc, được xem như là chính quyền duy nhất có thể nói chuyện được.

Cách nhìn của người nước ngoài dù có lợi cho những người dân tộc chủ nghĩa Trung Hoa cũng không tránh khỏi những ý đồ đế quốc chủ nghĩa, ví như muốn Chính phủ quốc dân cam kết - nếu không phải là hứa hẹn - xem xét một cách thuận lợi tất cả những lời thỉnh cầu của các cường quốc đã ký hiệp ước. Nước Anh còn có sáng kiến đề ra một cuộc vận động ngoại giao nhằm tạo nên một định hướng mới trong chính sách của các cường quốc ở Trung Quốc.

Sáng kiến này có những ý đồ bí mật hay không, điều này không làm chúng ta ngạc nhiên, nhưng có lẽ hợp lý hơn là thừa nhận lúc này duyên cớ nêu ra là duy nhất thực.

Vì sao chỉ sau một năm lại có sự khác nhau trong dư luận của nước ngoài.

Câu trả lời khá đơn giản.

Dư luận nước ngoài nhận thấy rằng Quốc dân đảng thực sự mong muốn lợi ích cho Trung Quốc và Chính phủ quốc dân thành thực mong muốn đạt điều đó.

Người nước ngoài nhận thấy rằng sau một năm lập Chính phủ quốc dân ở Quảng Châu và ở các tỉnh, sự kiểm soát của những người dân tộc chủ nghĩa lan ra dần dần, những biện pháp về chính trị và hành chính thực sự nhằm mục đích thiết lập ở Trung Quốc một chính phủ của dân, do dân và vì dân, theo ba nguyên tắc lớn của người sáng lập Quốc dân đảng.

Điều làm cho dư luận nước ngoài chú ý nhất là việc tổ chức lại quân đội, kỷ luật làm cho binh lính biết tuân theo lệnh của chỉ huy, chứ không phải là những băng vô kỷ luật và ăn cướp như trước kia.

Sự thống nhất tài chính của Quảng Đông, được thực hiện một cách khéo léo và nhanh chóng bất ngờ, việc các chỉ huy quân sự

không can thiệp vào công cuộc hành chính ngày nay được công nhận, và những công lao của viên chức Trung Hoa qua những kết quả như vậy đã được nêu cao.

Những kết quả đạt được ở Quảng Đông góp phần thay đổi dư luận nước ngoài vốn xem quan niệm dân tộc chủ nghĩa như là hoàn toàn đối lập với quan niệm của các cường quốc ký hiệp ước, tuy cũng chú ý tới những cách thỏa thuận.

Mặc dù luôn luôn bị xem là hoạt động chịu ảnh hưởng của bônsêvích, Chính phủ quốc dân hiện nay vẫn được coi là Chính phủ duy nhất có khả năng cứu vớt Trung Quốc khỏi bọn quân phiệt Trung Hoa và chính sách mang nặng tính chất đế quốc chủ nghĩa của người nước ngoài.

Chúng ta có thể khẳng định rằng, Chính phủ quốc dân buộc quốc tế phải chú ý, và Quốc dân đảng tỏ ra ngang tầm với nhiệm vụ của mình.

Chúng ta còn có thể cho rằng, những kết quả đáng yên tâm ấy giúp tiên đoán tương lai.

Ngay trước năm bắt đầu phần thứ nhất của cương lĩnh dân tộc chủ nghĩa, việc thành lập một chính phủ thực sự dân tộc chủ nghĩa ở Trung Quốc đã được thực hiện.

Tất cả các tỉnh phía nam Dương Tử, trừ Vân Nam, đều do Chính phủ quốc dân kiểm soát.

Chính phủ dời đến Phật Sơn, do đó việc tổ chức lại các tỉnh do lực lượng dân tộc kiểm soát sẽ dễ dàng hơn và dễ theo dõi.

Phóng viên của báo chí nước ngoài đồng thanh thừa nhận rằng người lính dân tộc chiến đấu vì một lý tưởng, nêu lên việc tuyên truyền để giáo dục chính trị cho nhân dân.

Tất nhiên các cường quốc ký hiệp ước không ưa những mục đích chính của chính sách đối ngoại dân tộc, đặc biệt là việc bãi bỏ những hiệp ước bất bình đẳng, mong muốn một sự xét lại dựa trên những lời tố cáo của chúng.

Đường lối ngoại giao của họ, tuy rõ ràng là nhằm tiến gần những người dân tộc chủ nghĩa và tìm kiếm một lĩnh vực thoả thuận, vẫn duy trì việc công nhận Chính phủ Bắc Kinh, một chính phủ không có quyền hành gì và không có khả năng tiến hành một cuộc cải cách nào.

Thật là một sự tương phản mạnh mẽ giữa sự rắn rỏi của Chính phủ quốc dân, sự hoạt động cương quyết và không giảm sút, những thể thức hành chính đứng đắn, xu hướng đổi mới, những quan niệm tự do, hành động dân tộc từ thiện của nó với sự lộn xộn, những mánh khoé của mọi Chính phủ ở Bắc Kinh, nơi có đoàn ngoại giao đại diện cho những cường quốc nước ngoài công nhận Chính phủ của những chỉ huy quân sự trong thành phố, và có liên hệ thân hữu nhất với Chính phủ ấy, mà không nghi ngờ rằng một sự công nhận như vậy là một nhân tố rối loạn ở Trung Quốc.

Giác thư của Anh gửi các cường quốc để thống nhất chính sách ở Trung Quốc

Sự chống đối của Trung Quốc đối lập với ngôn từ trong giác thư do chính phủ Luân Đôn gửi các cường quốc ký kết Hòa ước Oasinhtơn năm 1921 đề nghị chấm dứt những sự khác biệt trong chính sách đối ngoại giữa các cường quốc ấy ở Trung Quốc để thay thế bằng một hành động thống nhất.

Đề nghị cho phép thu thuế phụ thu hải quan 2,5%, theo đúng nội dung Hòa ước Oasinhtơn, bị tố cáo là có lợi cho những chỉ huy quân sự miền Bắc Trung Hoa, họ sẽ có thể có tiền của để chống lại các lực lượng dân tộc chủ nghĩa.

Giác thư này cũng được xem như một sự biểu thị ý muốn cố chấp của các cường quốc ký hiệp ước không chấp nhận bất cứ một sự bãi bỏ nào những hiệp ước được ký kết trong những điều kiện mà ngày nay không còn và không có lý do tồn tại.

X.

Báo *L'Annam*, số 134,
ngày 27-1-1927,
(Bản tiếng Pháp).

CÁC SỰ BIẾN Ở TRUNG QUỐC
CỦA ĐẶC PHÁI VIÊN CỦA CHÚNG TÔI

Quảng Châu, ngày 31-1-1927

Tuyên bố của Chính phủ quốc dân

Tuyên bố của Chính phủ quốc dân về thái độ và ý đồ ngoại giao của mình có làm sáng tỏ triển vọng quan hệ ngoại giao giữa Trung Quốc với các nước ngoài hay không ? Tuyên bố rõ ràng và cương quyết ấy làm cho người ta không còn nghi ngờ gì về chính sách đối ngoại của Chính phủ quốc dân. Chúng tôi cho rằng cần phải dành phần lớn tập san này cho bản tuyên bố ấy.

Trước hết, bản tuyên bố của Chính phủ quốc dân bác bỏ một "giả thiết chung", của Anh và các nước khác cho rằng Trung Quốc bất lực trong việc chăm lo quyền lợi của chính mình, theo "tinh thần Hội nghị Oasinhtơn" và rằng Trung Quốc phải tìm kiếm, yêu cầu hoặc chấp nhận sự giúp đỡ của nước ngoài. Điều đó không đúng, vì theo bản tuyên bố "ngày nay nước Trung Quốc mới đã mạnh; nó đã ý thức được quyền lực và sức mạnh của mình, nó có thể thực hiện ý muốn bằng những phương tiện kinh tế của mình chống lại các cường quốc nước ngoài trên đất nước Trung Quốc. Vì vậy, vấn đề không phải là: Anh và những cường quốc khác muốn nhượng bộ gì cho Trung Quốc để thoả mãn những *tham vọng chính đáng của dân tộc Trung Quốc* mà là chính nước Trung Hoa dân quốc có thể nhượng bộ cho Anh và những cường quốc khác cái gì, và ngày nay sẽ là nhượng bộ gì đối với cái chế độ kiểm soát quốc tế đã từng phân chia dứt khoát số phận của tất cả những hệ thống phụ

thuộc về chính trị?". Có nghĩa là từ nay nước Trung Quốc mới hay nước Trung Hoa dân quốc muốn là chủ trên lãnh thổ của mình và chấm dứt hệ thống chính sách đối ngoại đã được thoả thuận giữa các cường quốc ở Trung Quốc hòng duy trì những đặc quyền và lợi thế khác của Hiệp ước. Dù đứng ở quan điểm nào, dù người ta có những ý thích gì, người ta không thể chối cãi rằng sự khẳng định dân tộc chủ nghĩa ấy tóm tắt một cách đầy đủ mục đích chính của chính sách đối ngoại của Chính phủ quốc dân, đấu tranh đối nội và đối ngoại cho việc chấm dứt chế độ phụ thuộc chính trị do các cường quốc nước ngoài hợp nhau lại để thiết lập lên ở Trung Quốc.

Chính từ sự giới hạn được áp đặt đối với chủ quyền của Trung Quốc về kinh tế, pháp luật và chính trị, có từ thời Hiệp ước Nam Kinh do Anh áp đặt cho Trung Quốc, từ sự thái quá của các chính sách đối ngoại khác nhau ở Trung Quốc, từ việc sử dụng những phương pháp và phương tiện lạm dụng, phiền hà và lăng nhục, đã nảy sinh sự hận thù đối với chủ nghĩa đế quốc, đã giải thích vì sao bản tuyên bố quốc gia chủ nghĩa gợi lên sự đau khổ dai dẳng do "lưỡi gươm thất bại còn cắm sâu trong da thịt Trung Quốc", mà người ta còn nhớ mãi về nó.

Mục đích chính của những người quốc gia chủ nghĩa là gì ? Theo tuyên bố, "đó là giành lại độc lập hoàn toàn cho Trung Quốc, nền độc lập đã bị mất sau khi bị người Anh đánh bại. Nói cách khác là từ bỏ những điều quy định của những hiệp ước bất bình đẳng hạn chế chủ quyền của Trung Quốc". "Cho đến khi sự công bằng lịch sử được thực hiện - tuyên bố tiếp tục nêu -, không thể có hoà bình giữa chủ nghĩa quốc gia Trung Quốc và chủ nghĩa đế quốc Anh", vì theo tuyên bố, một dân tộc không suy vong không thể bình thản chấp nhận sự chinh phục của nước ngoài. Khi mà tinh thần dân tộc của Trung Quốc chưa được thức tỉnh, đã có một thời kỳ dài thụ động chấp nhận, nhưng đó không phải là hoà bình giữa Trung Quốc và những kẻ áp bức nó như người ta đã tưởng, không thể có một nền hoà bình như vậy giữa những kẻ đối nghịch nhau đến thế. Tinh thần dân tộc Trung Quốc bị những sự kiện to lớn lay chuyển sâu sắc, đã thức tỉnh. Những sự kiện ấy là gì?

Đó là sau khi những khẩu súng do Anh kiểm soát được lệnh *bắn giết* sinh viên Trung Quốc ngay trên đất Trung Quốc ngày 20-5-1925 ở Thượng Hải, rồi phong trào đòi tự do sau vụ thảm sát mới đối với sinh viên Trung Quốc và những người khác bằng súng liên thanh của nước ngoài ngày 22-6 ở trước Hạ Môn, Quảng Châu tìm thấy công cụ sức mạnh, một vũ khí kinh tế do những người Trung Quốc quốc gia chủ nghĩa ở miền Nam rèn đúc nên.

Phong trào dân tộc chủ nghĩa phát triển tích cực, và vì dựa trên tinh thần dân tộc được thức tỉnh của một dân tộc đấu tranh giành độc lập, nên phong trào sẽ chỉ chấm dứt khi mục đích ấy đã đạt được. Nhưng người Anh và kiều dân các nước ngoài khác không sợ gì một nước Trung Hoa dân quốc, một nước bác bỏ những phương pháp dã man của một Trương Tôn Xương, bác bỏ chủ nghĩa phong kiến của một Trương Tác Lâm và không muốn duy trì những phương pháp trung cổ còn thịnh hành trong giới quan lại Bắc Kinh.

Chính phủ quốc dân tuyên bố sẽ chăm lo tất cả những vấn đề đối ngoại của cuộc đấu tranh vì độc lập hoàn toàn của Trung Quốc. Nó sẽ không lẩn tránh một vấn đề nào, các vấn đề sẽ được xem xét theo một tinh thần công bằng, nhưng người ta đừng nghĩ rằng việc bảo vệ sinh mạng và tài sản của người nước ngoài có thể, như trong quá khứ, dựa vào lưỡi lê và pháo thuyền của nước ngoài, mà người ta phải chấp nhận rằng, "Chính phủ đã giành lại quyền lực từ tay những kẻ từng tập trung quyền lực làm tê liệt đời sống kinh tế của kiều dân nước ngoài ở Trung Quốc", và rằng chỉ có Chính phủ mới có thể bảo đảm vấn đề đó như tuyên bố dân tộc chủ nghĩa đã nói rõ.

Để chứng tỏ rằng đây không phải là một tuyên bố vô bổ, Chính phủ quốc dân đã thông báo sẵn sàng thương lượng riêng với các cường quốc về những hiệp ước và các vấn đề tương tự khác trên cơ sở một sự bình đẳng về kinh tế và tôn trọng lẫn nhau của các bên ký kết đối với chủ quyền chính trị và lãnh thổ của mỗi bên.

Kết luận của bản tuyên bố dân tộc chủ nghĩa đã tóm tắt một cách rõ ràng chính sách đối ngoại của Chính phủ quốc dân. "Nhưng

luận chứng quyết định nhất của tất cả những điều đó là Chính phủ quốc dân đại diện cho tinh thần đích thực của nước Trung Quốc thức tỉnh, và là công cụ sức mạnh để dẫn dắt phong trào cách mạng mà chủ nghĩa đế quốc nước ngoài sẽ phải đồng tình. Không một cường quốc nào bị nguy hiểm khi thương lượng với một Chính phủ của những người dân tộc chủ nghĩa Trung Quốc đã giành được quyền lực bởi vì chủ nghĩa dân tộc Trung Quốc là một lực lượng không khoan nhượng và vô địch". Đó là kết luận tuyên bố của Chính phủ quốc dân.

Không cần phải làm nổi bật tầm quan trọng lớn và trọng yếu của tuyên bố ấy bằng cách khẳng định: 1) Các cường quốc phải thay đổi chính sách ở Trung Quốc theo thực tế và những đòi hỏi hiện tại; 2) Chính phủ quốc dân do những người Trung Quốc dân tộc chủ nghĩa ủng hộ sẽ đấu tranh giành lại độc lập hoàn toàn về chính trị và lãnh thổ của Trung Quốc; 3) Chính phủ quốc dân quyết định xem xét với tinh thần công bằng tình hình của kiều dân nước ngoài, sẵn sàng thương lượng với các cường quốc nước ngoài, những cường quốc này không có nguy hiểm nào trong việc thương lượng và thoả thuận với Chính phủ quốc dân mà quyền lực của nó dựa trên một lực lượng không khoan nhượng và vô địch: đó là chủ nghĩa dân tộc Trung Quốc.

Tuyên bố này được thông báo toàn thế giới và chúng ta biết rằng nó trở thành đối tượng của nhiều cuộc tranh cãi trong các giới ngoại giao nước ngoài, chúng ta sẽ có tin về những hiệu quả tức thì của nó đối với chính sách của các cường quốc nước ngoài ở Trung Quốc.

Tình hình ở lưu vực Dương Tử

Một bức điện từ Hán Khẩu cho biết ngày 29-1 rằng tình hình ở Hán Khẩu trên thực tế là bình thường và kinh doanh có lúc bị tạm ngừng, đã dần dần hoạt động trở lại. Chính phủ quốc dân luôn luôn quan tâm ân cần đến việc bảo vệ hoà bình, và duy trì an ninh. Tất cả những tin tức lan truyền rằng tình hình là mong manh chỉ nhằm mục đích gây nên một sự sợ hãi về ngoại giao kéo theo một

hành động thù địch của các cường quốc nước ngoài, hay ít nhất là cho phép Anh hành động.

Hoạt động quân sự

Những tin tức nhận được từ Thượng Hải và những tin tức đăng trong báo chí Trung Quốc và nước ngoài ở thành phố này loan báo những thắng lợi của quân đội quốc gia ở tỉnh Triết Giang, ở đó các toán quân phản quốc gia do tướng Tôn Truyền Phương chỉ huy đã bị đánh bại. Đáng chú ý là viên tướng này không nhận được một sự ủng hộ nào của các toán quân trong liên minh cũng không nhận được sự uỷ quyền của tướng Trương Tác Lâm, người gọi là bảo vệ chủ nghĩa bônsêvích mà những đạo quân của ông đã xâm chiếm Giang Tây. Về phía tây trong tỉnh Hồ Nam, chỉ có thông báo về hoạt động của những đạo quân Quốc dân đảng và quân du kích. Hình như sự vận động của quân đội cả hai bên bị chậm lại vì thông báo tuần cuối có rét đậm.

Ở miền Bắc

Tất nhiên bọn quân phiệt miền Bắc tìm cách lợi dụng những hậu quả tất yếu của phong trào dân tộc chủ nghĩa đấu tranh giành độc lập hoàn toàn cho Trung Quốc. Những thủ lĩnh của chúng nói đến việc lấy lại những tô giới của nước ngoài ở Thiên Tân, nghĩ rằng một thông báo như vậy từ phía họ giải hoà được với dư luận cả nước. Mặc dù chúng bí mật liên lạc với nhân viên ngoại giao của các cường quốc ký hiệp ước tại Bắc Kinh song sự chờ đợi như vậy không chắc chắn có được kết quả nào đó, vì người Trung Quốc hoàn toàn biết mục đích của những người phản quốc gia, và không bị những mánh khoé của chúng lừa bịp.

Ở Quảng Châu

Khoảng cuối năm tình hình có yên tĩnh. Tình hình tài chính của ngân khố quốc gia đặc biệt sáng sủa, có thể đối phó với những đòi hỏi vào cuối năm mà không cần đến bất cứ một cách xoay xở nào thường làm ở miền Bắc.

X.

Báo *L' Annam,*
số 138, ngày 17-2-1927.

CÁC SỰ BIẾN Ở TRUNG QUỐC

CỦA ĐẶC PHÁI VIÊN CHÚNG TÔI

Quảng Châu, ngày 14-2-1927

Thái độ của các cường quốc nước ngoài

Những đơn vị đầu tiên của đạo quân viễn chinh mà Anh gửi sang Trung Quốc, gọi là để bảo vệ tính mạng và tài sản của kiều dân, đến Hồng Kông vào tuần vừa qua. Lúc bấy giờ người ta có nói đến việc chúng đổ bộ và lưu lại ở cảng này. Người ta cũng nói rằng chính quyền Hồng Kông có những biện pháp cần thiết để sắp xếp nơi trú quân cho đến khi chúng được gọi về. Một số thông tin nhận được từ Luân Đôn nói đến những yêu cầu gửi Chính phủ Luân Đôn đòi phải từ bỏ cuộc viễn chinh chống Trung Quốc, khiến cho những đạo quân Anh phải dừng lại ở Hồng Kông. Nhưng đó chỉ là những tiếng xì xào sai, vì những đơn vị đầu tiên của Anh, từ Ấn Độ đến sau khi dừng lại 24 giờ ở cảng Hồng Kông, được đưa đến Thượng Hải, nơi tập trung lực lượng của đạo quân viễn chinh Anh.

Những nguồn thông tin khác của Anh thuật lại sự xuất phát từ Anh của những đơn vị khác của đạo quân viễn chinh ấy, cũng như việc gửi những đơn vị hải quân mới đến các biển của Trung Hoa. Một bức điện từ Hán Khẩu cho biết những cuộc nói chuyện giữa ngoại trưởng của Chính phủ quốc dân và phái viên Anh được nối lại. Những cuộc nói chuyện này bị gián đoạn do chính sách có tính chất hăm doạ rõ rệt của Anh, nó chỉ có thể được nối lại với sự cam đoan dứt khoát của phái viên Anh đối với Ngoại trưởng Chính phủ

quốc dân về những ý đồ của Anh. Chính sách ngoại giao hiện nay của Anh ở Trung Quốc, với tất cả những sự khất hoãn, hình như chịu ảnh hưởng của hai trào lưu tuy có biểu hiện trái ngược nhau nhưng vẫn nhằm cùng một mục đích. Có thể Chính phủ Luân Đôn hoàn toàn được thuyết phục rằng việc trả lại những tô giới của nước ngoài cho Trung Hoa là một việc không thể tránh được và những biến cố ở Hán Khẩu vào đầu tháng 1 chỉ thúc đẩy thời hạn trả lại. Công khai chấp nhận sự ngẫu nhiên ấy là một sự mất mặt, làm ảnh hưởng đến uy tín của Anh. Khéo léo tìm kiếm những mánh khoé có thể che đậy được thực tế này, giới ngoại giao Anh khăng khăng đẩy mạnh việc gửi quân viễn chinh đến Trung Quốc, nhằm chứng tỏ rằng nước Anh sẽ bảo vệ tính mạng và tài sản của kiều dân ở Trung Hoa. Và nếu sau này giới ngoại giao Anh tán đồng những quan điểm của những người dân tộc chủ nghĩa, thì những nhân viên của nó sẽ có thể giải thích rằng họ chỉ tuân theo tình cảm hữu nghị và đoàn kết với Trung Quốc, tình cảm luôn luôn hướng dẫn chính sách của Anh. Các biến cố sẽ nói rõ rằng sự giải thích thái độ hiện tại của Anh trong việc nối lại các cuộc nói chuyện với Chính phủ quốc dân và đẩy mạnh việc gửi những đơn vị quân viễn chinh sang Anh, là đúng đắn.

Một số giới Trung Hoa thấy trong thái độ hiện nay của Anh thủ đoạn để thuyết phục những cường quốc khác ký hiệp ước liên kết với mình để trở lại chính sách thống nhất, chính sách rất có lợi cho quyền lợi của nước ngoài trong quá khứ. Cũng những giới này đã vui lòng nhận rằng dư luận ở Anh không nhất trí ủng hộ chính sách của chính phủ Luân Đôn, và những người theo Công đảng Anh liên kết với một số phần tử tự do, đòi Chính phủ từ bỏ những phương pháp hăm doạ và tìm một giải pháp bằng thương lượng.

Dư luận nhân dân Trung Hoa nhất trí trong việc phản đối chính sách hăm doạ của Anh. Báo chí do các viên chỉ huy quân sự ở miền Bắc kiểm soát và những cơ quan ở các trung tâm lớn của miền Bắc cũng tố cáo một chính sách như vậy. Thái độ này là một sự cải chính dứt khoát với điều quyết đoán của báo chí Anh ở Trung Hoa cho rằng một số giới Trung Quốc không những muốn mà còn mong đợi sự can thiệp của nước ngoài ở Trung Quốc.

Báo chí chính thức và không chính thức của Anh không ngừng nêu lên những lý do khéo léo nhất để che đậy mục đích thực sự của chính sách hăm doạ của Anh. Khi thì họ khẳng định rằng nếu những phần tử Quốc dân đảng ôn hoà khống chế trong những hội đồng của đảng này, thì một sự thoả thuận với Anh sẽ nhanh chóng được thực hiện, khi họ tố cáo những sự xúi giục của nước Nga Xôviết là trở ngại duy nhất cho một sự thoả thuận như vậy.

Ở Trung Quốc, cũng như ở châu Âu, chính sách đối ngoại của Anh hình như bị chi phối bởi nỗi lo sợ thấy chủ nghĩa bônsêvích lan rộng trên lãnh thổ của mình, hay ở những nước tự trị và thuộc địa, trong những thần dân của Anh. Các nhà chính khách Anh không ngần ngại tuyên bố rằng đường lối xôviết ở Trung Quốc chỉ có mục đích làm áp lực đối với chính sách của Anh ở châu Âu, nhằm làm cho chính sách của Anh mềm đi và bớt cứng rắn theo quan điểm xôviết.

Tình hình ở Hán Khẩu

6 tuần đã qua từ khi Chính phủ quốc dân quản lý nhượng địa của Anh là Hán Khẩu. Không có một sự thay đổi nào trong nền hành chính hiện hành. Bốn phái viên của Chính phủ bảo đảm giải quyết những công việc hành chính và duy trì trật tự công cộng. Trong 6 tuần lễ ấy, không một sự kiện nào xảy ra làm cho người ta nghi ngờ việc chính quyền dân tộc đã trung thành với tất cả những lời hứa của mình. Tất cả các tin tức, kể cả những tin tức chống chủ nghĩa dân tộc, đều nhất trí thừa nhận rằng tình hình hiện tại ở Hán Khẩu là yên tĩnh. Nếu trong những cộng đồng người nước ngoài còn có một sự gò bó và e sợ về sự bất ổn của tương lai, thì điều đó là do chiến dịch báo chí Anh cho rằng một nguy cơ lớn đe doạ tính mạng và tài sản của người nước ngoài ở Anh, mặc cho những sự kiện xảy ra hằng ngày.

Hãy điểm qua tuyên bố của ông Eugène Trần, Ngoại trưởng, với báo chí Trung Hoa và nước ngoài, ông ta nhấn mạnh sự già cỗi của những chính sách của Chính phủ Anh bị sa lầy vào một con đường cũ (con đường Bắc Kinh) và luôn đề nghị với cái gọi là chính

phủ tồn tại ở thành phố ấy giải quyết những vấn đề do những người dân tộc chủ nghĩa nêu lên. Ông Eugène Trần tuyên bố rằng chính Anh phải quyết định rằng quyền lợi kinh tế của Anh ở Trung Quốc sẽ phát triển tốt hơn với sự bảo hộ của Chính phủ quốc dân có cương lĩnh chính trị và quyền lực cần thiết để bảo đảm những cam kết trong một nước Trung Hoa cải tổ và tái thiết bởi những người dân tộc chủ nghĩa, hơn cái gọi là chính phủ ở miền Bắc Trung Hoa.

Ở miền Bắc Trung Hoa

Tin tức từ Bắc Kinh trong tuần qua nêu rằng thống chế Trương Tác Lâm tự xưng là tổng tư lệnh của những "An quốc quân", tức là lực lượng tái lập hoà bình ở Trung Quốc, ông ta chuẩn bị tái lập đế chế. Không có gì đáng ngạc nhiên về một thông báo như vậy, việc tái lập ấy sẽ có những hậu quả quá quan trọng khiến thủ lĩnh quân phiệt Trương phải tuyên bố ngay.

Chính phủ của ông ta không đạt kết quả gì. Việc cải tổ nội các chỉ là một sự thay đổi người, những bộ trưởng Trung Hoa mới được chọn, cũng như những người cũ, phải thực hiện những ý muốn của ông chủ. Tình hình tài chính không hề thay đổi, và cái gọi là Chính phủ Bắc Kinh tiếp tục sống bằng những xoay xở.

Những mâu thuẫn xảy ra ngay trong việc quản lý tài chính của Bắc Kinh. Ngài Phrăngxit Aglen, tổng thanh tra thuế quan Trung Hoa, từ chối gửi cho viên chức nước ngoài làm việc ở cơ quan này những chỉ thị về việc thu thuế phụ thu 2,5%, bị chính phủ ở Bắc Kinh cách chức, việc này gây nên những sự phản đối của đoàn ngoại giao ở Bắc Kinh. Một bức điện mà Bắc Kinh nhận được ngày 12-1, cho biết rằng người bị cách chức không chịu bàn giao công việc. Chắc chắn là thanh tra Aglen, nhân một dịp phát hành trái phiếu kho bạc Trung Hoa, đã đứng tên những trái phiếu bán ra, nên không muốn làm lâu công việc của mình, vì vậy mà thủ lĩnh quân phiệt kiểm soát chính phủ Bắc Kinh bất bình, và viên thanh tra ương ngạnh bị cách chức.

Hoạt động quân sự ở Dương Tử

Trừ những tin tức xuất hiện trong báo chí Trung Quốc và nước ngoài ở miền Bắc về hoạt động của những lực lượng chống chủ nghĩa dân tộc, không một sự kiện nào đánh dấu hoạt động của những lực lượng ấy. Về phía lực lượng dân tộc cũng không có một tin tức nào nói tới. Có việc tập trung lực lượng quân sự ở cả hai phía.

Những thông tin khác làm nổi bật sự đi lên của đảng Phụng Thiên cũng như sự đi xuống của đảng Tchéty (?) và thủ lĩnh của nó, thống chế Ngô Bội Phu. Người cộng tác chính của thống chế Trương Tác Lâm vẫn là tướng Trương Tôn Xương, thủ hiến tỉnh Sơn Đông, tìm cách chiếm tỉnh Giang Tô và lúc này tự bằng lòng với điều đó. Việc chiếm đóng này gây nên sự bất bình lớn trong nhân dân tỉnh này.

Sự thiếu phối hợp giữa quân của Trương Tôn Xương và quân của tướng Tôn Truyền Phương, cộng tác viên của thống chế Trương Tác Lâm, ngày càng rõ, và báo chí quân phiệt ở miền Bắc thông báo rằng chỉ có quân của Phụng Thiên là sẽ tiến hành chiến dịch chống những lực lượng dân tộc chủ nghĩa.

Việc bảo vệ người nước ngoài

Báo chí nước ngoài đăng những chỉ thị của Chính phủ quốc dân gửi nhà cầm quyền các tỉnh và các chỉ huy quân sự phải bảo vệ tính mạng và của cải của người nước ngoài sống ở các tỉnh của Trung Quốc, điều đó chứng tỏ rằng những lãnh tụ của Chính phủ này biết trách nhiệm và nhiệm vụ của mình.

X.

Báo *L'Annam* số ra ngày 14-3-1927.
(Bản tiếng Pháp).

TÁC PHẨM DỊCH RA TIẾNG VIỆT

QUỐC TẾ [1]

Điệp khúc:

Trận này là trận cuối cùng
Ầm ầm đoàn lực, đùng đùng đảng cơ,
Lanhtécnaxiônanlơ
Ấy là nhân đạo, ấy là tự do.

Đoạn I

Hỡi ai nô lệ trên đời,
Hỡi ai cực khổ đồng thời đứng lên!
Bất bình này chịu sao yên,
Phá cho tan nát một phen cho rồi!
Bao nhiêu áp bức trên đời,
Sạch sành sanh phá cho rồi mới tha!
Cuộc đời này đã đổi ra,
Xưa kia con ở nay là chủ ông!

1) Nguyễn Công Thu, Vương Thúc Oanh, Phan Trọng Bình và Phan Trọng Quảng, những người này học ở Quảng Châu đã xác nhận được hát bài này từ năm 1926. Bản chữ ký xác nhận, lưu tại Bảo tàng Cách mạng.

Đoạn II

Công nông ta có đảng to,
Có nhờ ta mới có kho có tài.
Trời sinh đất để cho người,
Những đồ lười biếng thì mời đi đi,
Những đồ ăn xổi ở thì,
Mình làm chúng hưởng lẽ gì xưa nay.
Nếu đem diệt sạch lũ này,
Mặt trời vẫn cứ ngày ngày xuân dung!

Đoạn III

Việc ta ta phải gắng lo,
Chẳng nhờ trời phật chẳng nhờ thần linh.
Công nông mình cứu lấy mình,
Sửa sang thế đạo kinh dinh nhân quyền.
Muốn cho đánh đổ cường quyền,
Tự do bình đẳng vẹn tuyền cả hai.
Thụt lò ta phải ra tay,
Sắt kia đang nóng đập ngay mà dùng!

Dịch năm 1925.
In trong sách *Thơ ca cách mạng, 1925-1945,* Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973, tr.111-112.

Theo bài in trong sách *Thơ ca cách mạng 1925-1945*

CHÚ THÍCH
VÀ BẢN CHỈ DẪN TÊN NGƯỜI

CHÚ THÍCH

1. *Quốc tế Nông dân:* Một tổ chức cách mạng hoạt động dưới sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản nhằm đoàn kết rộng rãi giai cấp nông dân các nước trên thế giới trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc. Quốc tế Nông dân họp Hội nghị lần thứ nhất tháng 10-1923, tại Mátxcơva.

Với tư cách là đại biểu nông dân của các nước thuộc địa, Nguyễn Ái Quốc đã tham dự Hội nghị và phát biểu ý kiến. Tại Hội nghị, người được bầu làm Uỷ viên Đoàn Chủ tịch Hội đồng Quốc tế Nông dân. Tr.l.

2. *Quốc tế Cộng sản (Quốc tế thứ ba):* Một tổ chức cách mạng của giai cấp vô sản quốc tế, trung tâm lãnh đạo phong trào công nhân thế giới, tồn tại từ năm 1919 đến năm 1943.

Tháng 3 năm 1919, dưới sự lãnh đạo của Lênin, các đảng cộng sản, nhóm cộng sản của 30 nước đã tiến hành Đại hội thành lập Quốc tế Cộng sản tại Mátxcơva.

Quốc tế Cộng sản có vai trò lịch sử và công lao rất to lớn đối với phong trào cộng sản và công nhân thế giới.

Đối lập với Quốc tế thứ hai, Lênin và Quốc tế Cộng sản rất chú trọng đến vấn đề giải phóng dân tộc. Những *Luận cương* về *vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin đã đặt nền tảng cho việc giải quyết đúng đắn những vấn đề phức tạp của công cuộc giải phóng dân tộc. Đường lối cách mạng triệt để của Lênin và Quốc tế Cộng sản đã làm cho Nguyễn Ái Quốc khẳng định được con đường cứu nước, cứu dân đúng đắn nhất là con đường cách mạng vô sản.

Tháng 5 năm 1943, căn cứ vào hoàn cảnh mới, Đoàn Chủ tịch Quốc tế

Cộng sản với sự tán thành của đại đa số các đảng cộng sản, đã thông qua nghị quyết tự giải tán. Tr.3.

3. Ngày 7-11-1917 (tức ngày 24-10, theo lịch Nga), dưới sự lãnh đạo của Đảng Công nhân xã hội - dân chủ Nga, đứng đầu là Lênin, giai cấp công nhân và nhân dân lao động Nga đã lật đổ chính quyền của giai cấp tư sản và bọn phản cách mạng, thành lập Chính phủ Xôviết do Lênin làm Chủ tịch. Cách mạng Tháng Mười năm 1917 là cuộc cách mạng vô sản thắng lợi đầu tiên trên thế giới, đã đập tan ách thống trị của các giai cấp bóc lột lập nên Nhà nước kiểu mới - chính quyền Xôviết, một hình thức của chuyên chính vô sản. Cách mạng Tháng Mười đã thức tỉnh giai cấp công nhân và toàn thể nhân dân bị áp bức, soi sáng con đường cho các dân tộc bị nô dịch đi tới cách mạng giải phóng và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Trong quá trình Nguyễn Ái Quốc đi tìm đường cứu nước, Cách mạng Tháng Mười Nga đã có ảnh hưởng to lớn đến sự chuyển biến tư tưởng và lập trường chính trị của Nguyễn Ái Quốc. Ngay từ đầu những năm 20 của thế kỷ này, người đã sớm khẳng định con đường giải phóng cho các dân tộc bị áp bức là con đường của Cách mạng Tháng Mười. Tr.5.

4. *Quảng Châu:* Thủ phủ của tỉnh Quảng Đông, đồng thời là một trung tâm hành chính, kinh tế và cách mạng của miền Nam Trung Quốc. Đây là một trong những nơi bị bọn thực dân phương Tây tiến hành xâm lược sớm nhất vào Trung Quốc. Chúng đã xây dựng ở đây nhiều cơ sở công thương nghiệp. Chính vì thế Quảng Châu cũng là một trong những nơi tập trung đông công nhân, có phong trào đấu tranh yêu nước sôi nổi và liên tục nhất.

Trước đây, Tôn Trung Sơn đã từng chọn Quảng Châu làm một địa bàn quan trọng để tiến hành cuộc cách mạng chống bọn phong kiến Mãn Thanh. Đến năm 1923, được sự giúp đỡ của Đảng Cộng sản Trung Quốc, ông đã thiết lập ở đây một chính phủ cách mạng, thi hành nhiều chính sách tiến bộ. Nhân dân Quảng Châu nhiều lần nổi dậy đấu tranh anh dũng chống xâm lược. Vào tháng 7-1924, cuộc bãi công của công nhân Sa Điện (tô giới của Anh ở Quảng Châu), dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, có tiếng vang rất lớn. Tháng 6-1925, cuộc đấu tranh của hàng chục vạn công nhân Quảng Châu phối hợp với phong trào bãi công rầm rộ ở

Hương Cảng, Thượng Hải ... đã giáng những đòn mạnh mẽ vào bọn thực dân Anh. Phong trào nông dân cũng phát triển nhanh chóng ở Quảng Đông và nhiều nơi khác. Đảng Cộng sản Trung Quốc có ảnh hưởng lớn lao ở vùng này và đã xây dựng được nhiều cơ sở vững chắc trong quần chúng. Tình hình đó tạo nên những thuận lợi nhất định cho phong trào cách mạng của nước ta. Nguyễn Ái Quốc từ Liên Xô về đến Quảng Châu tháng ll-1924. (Trước đó, ở đây đã có một số nhà yêu nước của Việt Nam đến hoạt động như cụ Phan Bội Châu và tổ chức *Tâm tâm xã).* Ở Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc lấy tên là Lý Thuỵ, đã tìm hiểu tình hình và thành lập *Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội* (tháng 6-1925) - một tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam. Bằng tổ chức cách mạng này, Nguyễn Ái Quốc đã tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và đào tạo nên đội ngũ cán bộ cách mạng đầu tiên của Việt Nam. Tr.8.

5. Đảng lập hiến: Thành lập năm 1923 do Bùi Quang Chiêu cầm đầu, bao gồm một số trí thức, tư sản và địa chủ ở Nam Kỳ. Gọi là đảng, nhưng sự thực không có hệ thống tổ chức, không có điều lệ, không có cán bộ. Phạm vi hoạt động của nó chỉ giới hạn trong những dịp tranh cử vào Hội đồng thuộc địa, Hội đồng thành phố, Phòng thương mại, Phòng canh nông, trên báo chí và nghị trường. Cơ quan ngôn luận của đảng này là hai tờ báo Đông Dương diễn đàn và An Nam hướng truyền. Sở dĩ họ tự gọi là Lập hiến vì họ chỉ muốn xin Pháp ban hành cho một hiến pháp, thực hiện một mức độ tự trị nào đó ở Việt Nam dưới quyền Pháp, và chủ trương "Pháp-Việt đề huề".

Đứng trước phong trào cách mạng của quần chúng ngày càng mạnh mẽ, đảng Lập hiến dần dần càng lộ rõ là một tổ chức phản động, cấu kết chặt chẽ với thực dân Pháp và từ sau 1930 nó không còn là một đảng nữa. Tr.11.

6. *Đảng* Xã *hội cấp tiến Pháp:* Đảng của những người cấp tiến và xã hội cấp tiến được thành lập năm 1901 ở Pháp. Tr.12.

7. *Đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản* họp vào tháng 6 năm 1924. Lúc này, chủ nghĩa tư bản bước vào giai đoạn ổn định cục bộ và tạm thời (1924-1928), có một vẻ ngoài tương đối phồn thịnh. Đại hội đã vạch rõ những mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản và nguy cơ khủng hoảng

của nó. Đại hội nhấn mạnh nhiệm vụ "bônsêvích hoá" các đảng cộng sản, giữ vững nguyên tắc chủ nghĩa Mác-Lênin trong đường lối tổ chức. Việc bônsêvích hoá đòi hỏi - như một điều kiện tuyệt đối - phải đấu tranh chống bọn cơ hội chủ nghĩa thuộc đủ các loại trong nội bộ các đảng cộng sản.

Nguyễn Ái Quốc đã dự Đại hội này. Người tham luận nhiều lần và phát biểu những ý kiến quan trọng về vấn đề dân tộc và thuộc địa. Sau Đại hội này, Quốc tế Cộng sản còn họp Đại hội lần thứ VI (1928) và Đại hội lần thứ VII (1935). Tr.13.

8. *Trường đại học phương Đông* (tên gọi tắt của trường Đại học cộng sản của nhân dân lao động phương Đông), thành lập tại Mátxcơva (Liên Xô) năm 1921, theo quyết định của Quốc tế Cộng sản, để đào tạo cán bộ cách mạng ở các nước thuộc địa và phụ thuộc.

Trong gần 20 năm tồn tại, Trường đại học phương Đông đã đào tạo cho các nước phương Đông hàng ngàn cán bộ, trong đó có những người về sau trở thành cán bộ lãnh đạo có uy tín của các đảng cộng sản ở các nước.

Quan tâm sâu sắc đến phong trào giải phóng dân tộc và vấn đề đào tạo cán bộ cách mạng cho các nước thuộc địa, Nguyễn Ái Quốc đã viết rất nhiều bài báo cổ vũ, giới thiệu Trường đại học phương Đông. Từ năm 1929, sau khi về hoạt động ở Quảng Châu (Trung Quốc), cùng với việc mở các lớp huấn luyện cán bộ cách mạng, Người đã lựa chọn và cổ vũ nhiều cán bộ Việt Nam và một số nước khác ở châu Á sang học tại Trường đại học phương Đông. Người luôn luôn quan tâm theo dõi việc học tập và sự tiến bộ của các đồng chí này.

Trong số những cán bộ Việt Nam được đào tạo tại Trường đại học phương Đông, có nhiều đồng chí sau này trở thành những cán bộ lãnh đạo xuất sắc của Đảng ta như các đồng chí Trần Phú, Lê Hồng Phong, v.v.. Tr.18.

9. *Bản án chế độ thực dân Pháp:* Là một tác phẩm lớn do Nguyễn Ái Quốc viết, được những người bạn cùng hoạt động với Người xuất bản lần đầu tiên bằng tiếng Pháp tại Thư quán Lao động Pari, năm 1925.

Ở Việt Nam, tác phẩm này được xuất bản lần đầu tiên bằng tiếng Pháp năm 1946. Năm 1960, Nhà xuất bản Sự thật đã dịch ra tiếng Việt, xuất bản lần thứ nhất đồng thời đã in trong *Hồ Chí Minh Tuyển tập.* Năm 1980, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 90 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Sự thật đã hiệu đính lại và in trong *Hồ Chí Minh Toàn tập* tập 1.

Tác phẩm này ra đời lần đầu tiên giữa lúc làn sóng cách mạng đang dâng lên mạnh mẽ ở khắp các thuộc địa của thực dân Pháp, phong trào yêu nước ở Việt Nam đang sôi nổi diễn ra khắp Bắc - Trung - Nam; và giữa lúc Nguyễn Ái Quốc đang nỗ lực giáo dục, tổ chức lực lượng nòng cốt của cách mạng Việt Nam theo con đường của Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại. Ngay từ khi mới ra đời, tác phẩm đã có tiếng vang lớn trong nhân dân Pháp và nhân dân các nước thuộc địa.

Với lời văn giản dị, trong sáng và châm biếm sâu sắc, tác phẩm đã tố cáo và lên án đanh thép những tội ác tày trời của chủ nghĩa thực dân nói chung và chủ nghĩa thực dân Pháp nói riêng trên mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội... Với những bằng chứng cụ thể, tác phẩm đã vạch rõ nguồn gốc của mọi sự áp bức bóc lột, mọi nỗi khổ cực của quần chúng ở các thuộc địa. Tác phẩm đã bước đầu vạch ra đường lối đấu tranh cách mạng đúng đắn và những chiến lược, sách lược cách mạng cho nhân dân Việt Nam và nhân dân các nước thuộc địa khác; thức tỉnh, cổ vũ các dân tộc bị áp bức đi theo lời kêu gọi của Các Mác: "Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!" và đi theo con đường của Cách mạng Tháng Mười Nga, chủ động tiến hành đấu tranh cách mạng để tự giải phóng mình.

Tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* ra đời đã giáng đòn tiến công quyết liệt vào chủ nghĩa đế quốc, trước hết là đế quốc Pháp, vạch ra con đường cách mạng và tương lai tươi sáng cho các dân tộc bị áp bức.

Tác phẩm này là một cống hiến quan trọng của Nguyễn Ái Quốc đối với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Nó đã góp phần tích cực vào việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam và các nước thuộc địa khác. Nó không những có giá trị lớn về lý luận - chính trị, mà còn có giá trị lớn về văn học - nghệ thuật.

Những tư tưởng lớn của tác phẩm không chỉ soi đường cho cách mạng Việt Nam và cách mạng các nước thuộc địa phụ thuộc nói chung trong nửa thế kỷ qua mà ngày nay vẫn còn giữ nguyên giá trị đối với cách mạng nước

ta và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Tr.21.

l0. Năm 1922, tại thành phố Mácxây (miền Nam nước Pháp), Chính phủ Pháp mở Hội chợ triển lãm thuộc địa, trưng bày các sản vật mang từ các thuộc địa của Pháp sang, để nói lên sự giàu có của thuộc địa và công lao "khai hoá" của người Pháp, đồng thời kêu gọi bọn tư bản Pháp bỏ vốn kinh doanh và khai thác ở các thuộc địa. Tr.37.

11. Câu chuyện hài hước mà người Mácxây thường kể để chế giễu những kẻ nói khoác. Đại ý: Có một con cá trích bé nhỏ mà đã lấp nghẽn cả hải cảng Mácxây cũ. Tr.37.

12. Một tổ chức dân chủ tư sản nhằm đấu tranh đòi bảo vệ những quyền tự do tư sản. Tổ chức này được thành lập năm 1898 ở Pháp do sáng kiến của nhà văn Pháp Trariơ (Ludovie Trarieu) nhân vụ nhà cầm quyền Pháp xử phạt nhà văn Emin Dôla (Emile Zola). Tr.48.

13. Tháng 8-1917, dưới sự lãnh đạo của Đội Cấn (tức Trịnh Văn Cấn) và Lương Ngọc Quyến, binh lính Việt Nam trong quân đội Pháp ở Thái Nguyên nổi dậy, chiếm thị xã. Sau 6 ngày cầm cự với quân Pháp kéo từ Hà Nội và nhiều nơi khác lên đàn áp, Lương Ngọc Quyến hy sinh, nghĩa quân rút khỏi tỉnh lỵ, chuyển về hoạt động ở vùng rừng núi các tỉnh Thái Nguyên, Vĩnh Yên, Phúc Yên, Hoà Bình, Sơn Tây. Tr.48.

14. Tên một cánh đồng thuộc tỉnh Gia Định xưa (tiếng Pháp gọi là *Plaine des Tombeaux).* Đây là nơi mà năm 1835 bọn phong kiến triều Nguyễn vùi chôn hơn một nghìn người không phân biệt già trẻ, lớn bé, nam nữ, binh lính hay thường dân trong số nghĩa quân của Lê Văn Khôi để trả thù vì đã chống lại chúng. Sự kiện này xảy ra sau khi thành Gia Định - do nghĩa quân đóng giữ - bị chúng chiếm lại. Tr.63.

15. Ám chỉ vua Khải Định, xuất phát từ sự việc sau đây: Năm 1922, Khải Định sang Pháp dự Hội chợ triển lãm thuộc địa tại Mácxây, Nguyễn Ái Quốc viết vở kịch "Con rồng tre" để vạch trần bộ mặt bán nước hại dân của Khải Định. Đại ý: có những cây tre thân hình cong queo, những người chơi đồ cổ lấy về đẽo gọt thành con rồng. Nó là một đồ chơi, một khúc tre nhưng lại được mang tên và có hình dáng con rồng. Thực ra nó chỉ là một vật vô dụng. Tr.68.

16. Năm 1908 đã bùng nổ phong trào đấu tranh quyết liệt của nông dân các tỉnh Trung Kỳ. Hàng vạn nông dân đã rầm rộ đấu tranh chống sưu cao thuế nặng, chống đi lao dịch dài hạn, liên tục từ cuối tháng 2 đến cuối tháng 5-1908 phong trào mới bị thực dân Pháp dập tắt trong máu lửa.

Tháng 6-1908 lại xảy ra vụ đầu độc lính Pháp ở Hà Nội. Một số sĩ phu yêu nước cùng với nghĩa quân Hoàng Hoa Thám đã bắt liên lạc với những lính khố đỏ yêu nước trong quân đội Pháp, chủ trương đánh úp Hà Nội. Theo kế hoạch, đến bữa ăn tối ngày 27-6-1908, những người đầu bếp trong trại lính Pháp sẽ bỏ thuốc độc vào thức ăn để giết bọn quan quân Pháp, sau đó nghĩa quân sẽ cướp kho vũ khí đánh chiếm các công sở, phối hợp với nghĩa quân Hoàng Hoa Thám từ ngoài đánh vào Hà Nội.

Kết quả là một số lính Pháp đã bị trúng độc. Nhưng vì kế hoạch bị lộ nên địch đã kịp thời đối phó. Sau đó những binh sĩ yêu nước làm nội ứng bị chúng xử chém và rất nhiều người khác bị chúng bắt giam và kết án.

Đầu tháng l-1909, chúng lại mở cuộc tấn công quy mô vào căn cứ Yên Thế nhằm dập tắt phong trào.

- Tháng 5-1916 tại Huế và hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi đã bùng nổ cuộc khởi nghĩa của nhân dân và binh lính người Việt bị thực dân Pháp tập trung chờ ngày đưa xuống tàu sang chết thay cho chúng trên chiến trường châu Âu.

- Từ đầu năm 1916, phong trào đấu tranh tự phát của nông dân miền Nam trên đà phát triển mạnh. Liên tiếp nổ ra các vụ đánh phá công sở, đốt sổ sách giấy tờ, bắt chức dịch trong làng và bọn phú hộ đầu sỏ, đánh chết bọn công sai đi bắt lính đưa sang Pháp, phá nhà tù... Những cuộc biểu tình chống bắt lính cũng diễn ra liên tiếp, như ở Trà Vinh ngày 20- 1-1916, ở Biên Hoà ngày 23-l-1916. Đỉnh cao của phong trào là cuộc đánh phá khám lớn Sài Gòn vào đêm 14 rạng sáng 15 -2-1916.

Các sự kiện trên có ảnh hưởng đến tinh thần yêu nước của Nguyễn Ái Quốc. Trong một số tác phẩm, người đã nhắc đến những sự kiện đó. Tr.91.

17. Một nước ở phía Tây châu Á, nằm giữa vùng Trung Đông trông ra Địa Trung Hải, thủ đô là Đamat. Vì Xyri có vị trí chiến lược nối liền ba châu, có tài nguyên phong phú nên từ cuối thế kỷ XIX đến nửa đầu những năm 40 thế kỷ này bị nhiều nước đế quốc như Anh, Pháp, Thổ xâm chiếm.

Pháp còn đặt ra chế độ "uỷ trị" và chia cắt Xyri thành nhiều "nước" rồi lại lập ra "liên bang Xyri" để dễ bề cai trị.

Trước tình hình đó, phong trào đấu tranh của nhân dân Xyri đòi quyền độc lập và thống nhất đất nước ngày càng mạnh mẽ. Vào những năm 20 của thế kỷ này, đã có hai đợt sóng đấu tranh mãnh liệt: 1919-1923 và 1925-1926, nhằm thực hiện nguyện vọng của tuyệt đại đa số nhân dân Xyri là "Công nhận nền độc lập thật sự và thống nhất của nhân dân Xyri".

Trong tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp,* tác giả đã vạch trần chính sách cai trị và âm mưu "chia để trị" của thực dân Pháp ở Xyri cũng như ở Việt Nam và các nước thuộc địa khác; ca ngợi phong trào đấu tranh của nhân dân Xyri giành độc lập và thống nhất đất nước trong những năm 20 của thế kỷ này. Tr.115.

18. Ăngchiôsơ và Alếchxăngđrét là hai thành phố cổ nổi tiếng của nước Xyri, năm 1516 bị Thổ Nhĩ Kỳ xâm chiếm.

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918), Thổ Nhĩ Kỳ thua trận, theo hiệp ước Xevrơ ngày 10-8-1920, Xyri bị giao cho Pháp "uỷ trị".

Những người trong phong trào phục quốc (năm 1922) ở hai thành phố này là những người đấu tranh chống chế độ "uỷ trị" (thực chất là ách thực dân) của Pháp để giành độc lập. Tr.116.

19. Hội nghị giữa các nước đồng minh và Thổ Nhĩ Kỳ họp ở Lôdannơ thuộc Thuỵ Sĩ (1922-1923). Hội nghị này đi đến ký hoà ước Lôdannơ về chế độ các eo biển Đácđanen, chế độ quyền lợi của những người theo đạo Thiên chúa trên đất Hồi giáo và xét lại hiệp ước Xevrơ. Tr.117.

20. Một tổ chức quốc tế thành lập năm 1919 tại hội nghị hoà bình Pari của các đế quốc thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ nhất. Tổ chức này lúc đầu có 44 nước tham gia, gồm hầu hết các nước đế quốc lớn, trừ Mỹ.

Hội quốc liên, tiếng Pháp là "Société des Nations". Trong bài *Về câu chuyện Xiki* đăng trên báo *Le Paria,* ngày l-12-1922... tác giả viết tắt là SDN với nghĩa chệch đi là Sagesse des Nations có thể hiểu là sự khôn ngoan của các dân tộc hay sự tinh khôn của các dân tộc là có ý đả kích, mỉa mai. Tr.118.

21. Ngày 19-6-1924, người thanh niên yêu nước Phạm Hồng Thái trong tổ chức yêu nước Tâm tâm xã của người Việt Nam thành lập ở Quảng Châu năm 1923, đã dùng bom mưu giết tên toàn quyền Đông Dương Méclanh tại Sa Điện (Quảng Châu), trên đường hắn đi liên kết với bọn đế quốc và quân phiệt ở châu Á để chống phá cách mạng Việt Nam. Việc không thành, Phạm Hồng Thái phải hy sinh trên sông Châu Giang (Quảng Châu). Những sự kiện đó đã góp phần thức tỉnh lòng yêu nước của đồng bào ta, thúc đẩy phong trào cách mạng Việt Nam và đã có tiếng vang lớn ở nước ngoài. Tr.120.

22. *Đại hội Bacu:* Họp từ ngày 1 đến ngày 7-9-1920, tại Bacu (thủ đô nước cộng hoà Adécbaidan, Liên Xô). Tham dự Đại hội có 1891 đại biểu của 37 dân tộc phương Đông, (trong đó có 1273 đại biểu là đảng viên cộng sản) Đại hội họp nhằm biểu dương và tăng cường tình đoàn kết giữa các dân tộc phương Đông, giữa các dân tộc phương Đông với giai cấp vô sản Nga và giai cấp vô sản thế giới, đang đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc. Đại hội đã hoàn toàn nhất trí với nghị quyết về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Đại hội II của Quốc tế Cộng sản (1920). Tr.120.

23. *Hội Liên hiệp thuộc địa* là một tổ chức cách mạng của những người thuộc địa, do Nguyễn Ái Quốc cùng một số người yêu nước của các nước thuộc địa Pháp sáng lập tháng 7-1921 tại nhà số 9 phố Valét, Pari. Cuộc họp đầu tiên của Hội vào ngày 9-l0-1921. Lúc đầu Hội có 200 hội viên và hai tổ chức người thuộc địa xin gia nhập là *Hội những người Việt Nam yêu nước* và *Hội đấu tranh cho quyền công dân* của người Mađagátxca. Ban thường vụ của Hội gồm 7 người, đứng đầu là Nguyễn Ái Quốc. Cơ quan tuyên truyền của Hội là tờ báo *Le Paria.* Ngoài ra, Hội những người Việt Nam yêu nước còn ra riêng tờ báo *Việt Nam hồn.* Đến năm 1926, Hội ngừng hoạt động.

Tuyên ngôn của Hội do Nguyễn Ái Quốc thảo ra đã nêu rõ mục đích của Hội là tập hợp mọi người dân thuộc địa cư trú trên đất Pháp nhằm tố cáo trước dư luận những tội ác của chủ nghĩa thực dân, tuyên truyền giác ngộ nhân dân các thuộc địa đứng lên tự giải phóng. Hội đoàn kết nhân dân các nước thuộc địa trong mặt trận chung chống chủ nghĩa đế quốc và xây dựng quan hệ đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân các nước thuộc địa với

giai cấp công nhân và nhân dân lao động Pháp.

Sự ra đời của *Hội Liên hiệp thuộc địa* với Tuyên ngôn của nó là một sự kiện chính trị rất quan trọng đối với các dân tộc bị áp bức. Tr.127.

24. Kỷ niệm một năm ngày V.I.Lênin qua đời, mùa xuân 1925, Nguyễn Ái Quốc viết bài *Lênin và các dân tộc thuộc địa.* Với lòng khâm phục và kính yêu vị lãnh tụ vĩ đại của giai cấp vô sản quốc tế, tác giả nêu rõ sự quan tâm đặc biệt của Lênin đối với cuộc cách mạng của các dân tộc bị áp bức, lập luận có sức thuyết phục và cách giải quyết thực tế ở nước Nga Xôviết làm cho nhân dân các dân tộc bị áp bức đều hướng về Người, tin tưởng và đi theo con đường cách mạng của Người.

Qua bài báo, Nguyễn Ái Quốc đã trình bày rõ công lao vĩ đại của Lênin đối với sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc và tình cảm chân thành của hàng triệu người bị áp bức đối với V.I.Lênin, vị lãnh tụ thiên tài của cách mạng vô sản và cách mạng của các dân tộc thuộc địa trên thế giới. Tr.136.

25. *Quốc tế Công đoàn (Quốc tế công đoàn đỏ):* Tổ chức liên hiệp quốc tế của các công đoàn cách mạng, được hình thành về mặt tổ chức vào năm 1921, tồn tại đến cuối năm 1937. Nó liên kết các trung tâm công đoàn không gia nhập tổ chức công đoàn cải lương là Quốc tế Amxtécđam, và liên kết các nhóm, các khuynh hướng đối lập tiến bộ trong nội bộ các tổ chức công đoàn cải lương ở các nước. Quốc tế Công đoàn đấu tranh để thiết lập một sự thống nhất trong phong trào công đoàn trên cơ sở đấu tranh cách mạng nhằm bảo vệ những yêu sách của giai cấp công nhân, chống nguy cơ chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, và đoàn kết với giai cấp công nhân nước Nga Xôviết. Tr.136.

26. *Quốc tế Thanh niên cộng sản:* Tổ chức quốc tế của thanh niên lao động cách mạng. Theo sáng kiến của Lênin, Đại hội lần thứ nhất của thanh niên xã hội chủ nghĩa được triệu tập ở Béclin (Đức) từ ngày 20 đến 26-11- 1919 (có 29 đại biểu của 13 nước tham dự) đã thông qua nghị quyết thành lập Quốc tế Thanh niên cộng sản. Tổ chức này đã gia nhập Quốc tế Cộng sản với tư cách là một phân bộ.

Quốc tế Thanh niên cộng sản có những phân bộ riêng của mình ở 56 nước. Các cơ quan lãnh đạo của Quốc tế Thanh niên cộng sản là Đại hội quốc tế và Ban chấp hành. Quốc tế Thanh niên cộng sản hoạt động dưới sự lãnh đạo về tư tưởng và tổ chức của Quốc tế Cộng sản. Nó đã có tác dụng quan trọng trong việc tuyên truyền, giác ngộ chủ nghĩa Mác-Lênin trong thanh niên, đề ra mục tiêu, phương pháp đấu tranh cho thanh niên trong sự nghiệp đấu tranh chung của nhân dân thế giới.

Năm 1943, cùng với việc giải tán Quốc tế Cộng sản, Quốc tế Thanh niên cộng sản cũng tự giải tán. Tr.136.

27. *Phong trào Nghĩa hoà đoàn:* Cuộc khởi nghĩa phản đế của nhân dân Trung Quốc năm 1898-1900. Năm 1898 phong trào Nghĩa hoà đoàn bùng nổ ở Sơn Đông, được nhân dân ủng hộ, nghĩa quân đã mở rộng cuộc đấu tranh tới Trực Lệ, Sơn Tây, vào cả Bắc Kinh. Lúc đầu nhà Thanh hợp tác với Nghĩa hoà đoàn chống đế quốc. Sau vì thấy liên quân 8 nước tư bản Anh, Pháp, Đức, Nhật, Mỹ, Nga, Ý, Áo - Hung hợp lực đàn áp Nghĩa hoà đoàn, nhà Thanh quay sang câu kết với đế quốc, chống lại cuộc khởi nghĩa. Tháng 8-1900, phong trào bị dập tắt. Tr.148.

28. *Kế hoạch Đaoxơ* : Kế hoạch bắt nước Đức bồi thường chiến tranh cho các nước Đồng minh thắng trận trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất. Kế hoạch này do Đaoxơ, một nhà tư bản ngân hàng Mỹ có thế lực và có quan hệ chặt chẽ với tập đoàn tài phiệt Moócgăng, đứng đầu Uỷ ban các chuyên gia thảo ra vào năm 1924.

Mục đích chủ yếu của kế hoạch này là dọn đường cho tư bản nước ngoài, trước hết là Mỹ, đầu tư vào nước Đức; đẩy mạnh việc khôi phục tiềm lực công nghiệp quân sự của chủ nghĩa đế quốc Đức nhằm hướng chúng vào con đường chiến tranh xâm lược Liên Xô, đồng thời tăng cường chính sách bóc lột, áp bức và đàn áp phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân Đức. Tr.148.

29. *Hội nghị Oasinhtơn* Hội nghị về việc hạn chế hải quân và các vấn đề thuộc Thái Bình Dương và Viễn Đông họp từ 12-11-1921 đến 6-2-1922 tại Oasinhtơn (Mỹ) có Mỹ, Anh, Pháp, Nhật, Ý, Trung Quốc, Bỉ, Hà Lan, Bồ Đào Nha tham gia.

Mục đích của Hội nghị này là nhằm chia lại thuộc địa và phạm vi ảnh hưởng giữa các nước đế quốc sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, cướp bóc,

nô dịch các nước thuộc địa và chống lại nước Nga Xôviết.

Các giới cầm quyền Mỹ là kẻ khởi xướng của Hội nghị này. Thông qua Hội nghị, Mỹ đã làm cho Anh phải từ bỏ quyền thống trị trên mặt biển, làm cho liên minh Anh - Nhật phải bị thủ tiêu; Nhật chấm dứt độc quyền kiểm soát Trung Quốc, tạo điều kiện cho tư bản Mỹ nô dịch Trung Quốc. Tr.149.

30. *Hội nghị đế quốc:* Các cuộc hội nghị gồm những đại biểu (theo nguyên tắc là các thủ tướng) của Anh và các nước tự trị thuộc Anh. Thỉnh thoảng đại diện hành chính những thuộc địa quan trọng nhất cũng tham dự hội nghị. Từ năm 1887 đến năm 1907, những hội nghị như thế lấy tên là Hội nghị thuộc địa, từ năm 1911 gọi là Hội nghị đế quốc và từ năm 1948 lấy tên là Hội nghị các hội viên Liên hiệp Anh. Những cuộc hội nghị này đều nhằm mục đích thắt chặt quan hệ giữa Anh và các nước thuộc đế quốc Anh. Tr.150.

31. *Chủ nghĩa Sôvanh* : Chính sách của giai cấp tư sản phản động nhằm chinh phục và nô dịch nhân dân các nước khác, tuyên truyền chủ nghĩa lệ ngoại dân tộc, sự thống trị của dân tộc này đối với dân tộc khác, gây thù hằn và căm thù giữa các dân tộc. Tr.151.

32. *Đảng Quốc đại Ấn Độ* thành lập năm 1885 để đấu tranh chống nền thống trị của Anh. Tư tưởng chính thống của Đảng thể hiện trong cương lĩnh gọi là "kháng cự không bằng bạo lực", do nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào giải phóng dân tộc Ấn Độ và nhà lãnh đạo của Đảng Quốc đại là Găngđi đề xướng. Tháng 12-1929, tại Hội nghị hằng năm của Đảng ở Pungiáp đã công bố yêu sách đòi Ấn Độ được hoàn toàn độc lập.

Trong những năm 30, ảnh hưởng của cánh tả trong Đảng Quốc đại Ấn Độ ngày càng tăng, cánh tả yêu sách đòi phải cho người Ấn Độ được tham gia rộng rãi hơn vào bộ máy hành chính. Do Anh từ chối thực hiện yêu sách thành lập "Chính phủ quốc gia", Đảng Quốc đại doạ mở chiến dịch quần chúng không phục tùng, vì vậy, năm 1942, Đảng bị đặt ra ngoài vòng pháp luật. Nhiều lãnh tụ của Đảng bị bắt, trong đó có Găngđi và Nêru.

Năm 1947, sau khi Ấn Độ chia thành hai nước uỷ trị: Ấn Độ và Pakitxtan, Đảng Quốc đại Ấn Độ trở thành Đảng cầm quyền ở Ấn Độ và

thành lập Chính phủ do Nêru đứng đầu.

Hiện nay Đảng Quốc đại vẫn là Đảng nắm chính quyền ở Ấn Độ. Tr.154.

33. Một tổ chức quốc tế của những người công nhân cách mạng thành lập ngày 3-7-1921. *Quốc tế Công hội đỏ* chủ trương đấu tranh cách mạng theo đường lối của Quốc tế Cộng sản. Năm 1925, tổ chức này đã phát triển trong giai cấp công nhân của gần 50 nước, trong đó có nhiều nước châu Á. Nó có vai trò to lớn trong việc giúp đỡ phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa. Tr. 167.

34. Ngày 1-5-1886, công nhân thành phố Sicagô (Mỹ) đấu tranh bãi công đòi bọn chủ tăng tiền lương, giảm giờ làm, cải thiện đời sống... Giai cấp tư sản không chịu giải quyết yêu sách đó, lại tiến hành sa thải những người lãnh đạo. Cuộc đấu tranh bùng nổ gay gắt dẫn đến những vụ xung đột đẫm máu. Mặc dù bị đàn áp, tinh thần đấu tranh của công nhân Sicagô được công nhân thế giới khâm phục. Đại hội lần thứ I của Quốc tế thứ hai (1889) đã quyết nghị lấy ngày 1-5 hằng năm làm ngày đoàn kết, biểu dương lực lượng của giai cấp vô sản và nhân dân lao động toàn thế giới - Ngày quốc tế lao động. Tr.168.

35. *Quốc tế Amxtécđam (quốc tế của các công đoàn vàng),* do các thủ lĩnh công đoàn cải lương chủ nghĩa của một số nước thành lập tại Hội nghị ở Amxtécđam (Hà Lan) họp từ 26-7 đến 2-8-1919. Toàn bộ hoạt động của tổ chức này gắn liền với chính sách của các đảng cơ hội chủ nghĩa thuộc Quốc tế thứ hai. Quốc tế Amxtécđam chủ trương hợp tác giai cấp giữa vô sản với tư sản và bác bỏ các hình thức đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân, khai trừ ra khỏi tổ chức của mình những công đoàn tả, cự tuyệt mọi đề nghị của Quốc tế Công đoàn đỏ về việc cùng nhau đấu tranh chống sự tấn công của bọn tư bản, chống nguy cơ chiến tranh, chống thế lực phản động và chủ nghĩa phát xít, về việc thành lập một khối thống nhất các công đoàn thế giới. Các thủ lĩnh Quốc tế Amxtécđam ủng hộ chính sách thù địch với Liên Xô.

Sau khi Quốc tế Công đoàn đỏ ra đời (tháng 7-1921), ảnh hưởng của Quốc tế Amxtécđam trong phong trào công nhân dần dần bị đẩy lùi. Nó hoàn toàn ngừng hoạt động trong thời gian xảy ra Chiến tranh thế giới thứ hai. Tr.169.

36. *Quốc tế thứ hai:* Thành lập năm 1889 tại Đại hội Liên minh quốc tế các đảng xã hội chủ nghĩa khai mạc tại Pari (Pháp). Quốc tế thứ hai đã có tác dụng phổ biến chủ nghĩa Mác về bề rộng, đã đánh dấu thời kỳ chuẩn bị cơ sở để cho phong trào cách mạng phát triển rộng rãi trong nhân dân lao động ở nhiều nước.

Sau khi Ăngghen mất, cơ quan lãnh đạo của Quốc tế thứ hai rơi vào tay các phần tử cơ hội chủ nghĩa, bọn này đã theo con đường xét lại học thuyết cách mạng của Mác và hoạt động điên cuồng phá hoại phong trào công nhân các nước.

Về vấn đề dân tộc và thuộc địa, Quốc tế thứ hai ủng hộ chính sách đế quốc chủ nghĩa mà bọn tư bản thực hiện ở các nước thuộc địa. Tr.203.

37. *Cách mạng Tân Hợi* : Là cuộc cách mạng dân chủ tư sản dưới sự lãnh đạo của Trung Quốc Đồng minh hội (cuối năm 1912 đổi thành Trung Hoa Quốc dân đảng) đứng đầu là Tôn Trung Sơn. Cuộc cách mạng nổ ra ngày 10-10-1911 (năm Tân Hợi) ở Vũ Xương, và nhanh chóng lan ra các tỉnh ở miền Nam và miền Trung. Đầu tháng 12 quân cách mạng chiếm Nam Kinh. Ngày 1-1-1912 nền cộng hoà của Trung Hoa Dân quốc ra đời, Tôn Trung Sơn được bầu làm Tổng thống lâm thời. Dựa vào thế lực của các nước tư bản Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Viên Thế Khải từng bước thiết lập chế độ độc tài, đàn áp cách mạng. Tháng 3-1913 cách mạng Tân Hợi kết thúc. Cách mạng Tân Hợi đã lật đổ nền quân chủ chuyên chế Mãn Thanh, chấm dứt ách thống trị lâu đời của giai cấp phong kiến. Cách mạng đã thổi bùng ngọn gió dân chủ vào tinh thần nhân dân Trung Quốc, khiến sau đó mọi âm mưu phục hồi đế chế, tự tôn mình làm vua đều bị thất bại. Cách mạng đã thiết lập nhà nước Cộng hoà Trung Hoa Dân quốc, nhưng chưa thủ tiêu hoàn toàn ách thống trị của giai cấp phong kiến về chính trị cũng như về kinh tế, chưa đụng chạm đến các nước đế quốc đang đua nhau xâu xé Trung Quốc. Cách mạng Tân Hợi là một cuộc cách mạng dân chủ, đánh dấu sự thức tỉnh của nhân dân châu Á đầu thế kỷ XX trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do và các quyền dân chủ cho nhân dân. Tr.215.

38. *Quốc tế thứ nhất (Hội liên hiệp lao động quốc tế): Tổ chức quốc tế đầu tiên của giai cấp vô sản, thành lập năm 1864 tại Hội nghị công nhân quốc tế ở Luân Đôn (Anh), do C.Mác và Ph. Ăngghen lãnh đạo.*

Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Quốc tế thứ nhất là Hội đồng trung ương Hội liên hiệp lao động quốc tế mà Mác là uỷ viên thường trực. Bằng cách khắc phục những ảnh hưởng tiểu tư sản và những khuynh hướng bè phái lúc đó đang tồn tại trong phong trào công nhân, Mác đã đoàn kết xung quanh mình những người giác ngộ nhất của Hội đồng trung ương. Quốc tế thứ nhất đã lãnh đạo cuộc đấu tranh kinh tế và chính trị của công nhân ở các nước và củng cố sự đoàn kết quốc tế của họ. Quốc tế thứ nhất đóng vai trò to lớn trong sự nghiệp truyền bá chủ nghĩa Mác và trong việc kết hợp chủ nghĩa xã hội với phong trào công nhân.

Sau khi Công xã Pari thất bại, một nhiệm vụ được đặt ra là thành lập các đảng cộng sản có tính chất quần chúng ở mỗi nước, trên cơ sở những nguyên tắc mà Quốc tế thứ nhất đã đề ra. Năm 1876, tại Hội nghị Philađenphia (Mỹ), Quốc tế thứ nhất chính thức giải tán. Tr.218.

39. Đây là bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa,* do Lênin viết và trình bày tại Đại hội lần thứ II của Quốc tế Cộng sản họp từ ngày 19-7 đến ngày 7-8-1920. Bản đề cương này đã ảnh hưởng rất sâu sắc đến nhận thức tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc. Tr.219.

40. Cuối năm 1924, lấy tên là Lý Thuỵ, Nguyễn Ái Quốc từ Liên Xô đến hoạt động ở Quảng Châu (Trung Quốc) nhằm mục đích xúc tiến việc chuẩn bị cho việc thành lập chính đảng vô sản của giai cấp công nhân Việt Nam. Một trong những việc chuẩn bị đó là mở trường huấn luyện cán bộ.

Từ đầu năm 1925 đến năm 1927, các lớp huấn luyện chính trị do Nguyễn Ái Quốc phụ trách mở tại nhà số 13A , đường Văn Minh (nay là nhà số 248, đường Văn Minh), Quảng Châu.

Thời gian mỗi lớp từ 1 tháng rưỡi đến 2 tháng. Trong những lớp này, Người là giảng viên chính. Ngoài ra Người còn mời các đồng chí trong tỉnh uỷ Quảng Đông của Đảng Cộng sản Trung Quốc đến nói chuyện và giảng bài.

Những bài giảng của Người sau đã được tập hợp trong cuốn *Đường cách mệnh.* Ngoài ra còn một số bài về chủ nghĩa Mác -Lênin, về lịch sử

cách mạng Việt Nam, lịch sử đấu tranh của nhân dân Trung Quốc, Triều Tiên, Ấn Độ, v.v..

Tháng 4-1927, Tưởng Giới Thạch trở lại khủng bố cách mạng Trung Quốc và các tổ chức yêu nước của người Việt Nam ở Quảng Châu. Lớp huấn luyện không thể tiếp tục mở tại đây nữa.

Từ đầu năm 1925 đến tháng 9-1927 Người đã trực tiếp mở được 3 lớp huấn luyện, tổng số học viên có khoảng 75 người (Có tài liệu cho rằng có l0 lớp huấn luyện và trên 200 học viên). Sau khi học xong, một số học viên được đưa vào học trường quân sự Hoàng Phố, một số được đưa về hoạt động gây cơ sở cách mạng trong nước và một số ít ở lại tham gia đấu tranh cách mạng ở Trung Quốc...

Việc Nguyễn Ái Quốc mở trường huấn luyện chính trị ở Quảng Châu có ý nghĩa rất to lớn, đã đào tạo cho cách mạng Việt Nam những lớp cán bộ đầu tiên theo đường lối chủ nghĩa Mác-Lênin và góp phần quan trọng vào việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1930). Tr.223.

41. *Tức là Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức* - tổ chức cách mạng của các dân tộc bị áp bức do Nguyễn Ái Quốc và một số nhà hoạt động cách mạng ở các nước châu Á sáng lập năm 1925. Trong Hội này có người của các nước Việt Nam, Triều Tiên, Malaixia, Inđônêxia, Thái Lan, Ấn Độ, v.v..

Mục đích của Hội là đoàn kết các dân tộc bị áp bức ở châu Á trong một mặt trận chung chống chủ nghĩa đế quốc, giải phóng các dân tộc khỏi ách áp bức, bóc lột của chủ nghĩa đế quốc.

Những người cách mạng Việt Nam tham gia Hội này với tư cách là một chi hội.

Nguyễn Ái Quốc vừa là người sáng lập vừa là Bí thư của Hội và trực tiếp phụ trách chi hội Việt Nam. Tr.224.

42. Báo *Le Paria* là cơ quan tuyên truyền của Hội liên hiệp thuộc địa, do Nguyễn Ái Quốc và một số nhà cách mạng của các nước thuộc địa sáng lập vào năm 1922 tại Pari (Pháp).

Báo xuất bản bằng tiếng Pháp, lúc đầu mỗi tháng một kỳ, sau tăng lên hai kỳ. Số đầu tiên ra ngày 1-4-1922 với tiêu đề: *Diễn đàn của các dân tộc thuộc địa,* đến tháng 1-1924 đổi thành *Diễn đàn của vô sản thuộc địa.* Mỗi số báo ra 5000 bản.

Nguyễn Ái Quốc là chủ nhiệm kiêm chủ bút và quản lý của tờ báo. Sau khi Nguyễn Ái Quốc sang Liên Xô hoạt động (giữa năm 1923) báo ra không được đều đặn, và đến số 38 (tháng 4-1926) thì đình bản.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Nguyễn Ái Quốc, báo *Le Paria* đã vạch trần chính sách đàn áp, bóc lột dã man của chủ nghĩa đế quốc nói chung và của đế quốc Pháp nói riêng. Nó đã góp phần quan trọng vào việc truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Đông Dương và các thuộc địa khác, thức tỉnh các dân tộc bị áp bức vùng dậy đấu tranh tự giải phóng.

Mặc dù bị nhà cầm quyền thực dân ra sức cấm đoán, báo *Le Paria* vẫn được nhiều thuỷ thủ hàng hải quốc tế bí mật chuyển vào nước ta, lưu hành khá rộng rãi ở Sài Gòn, Hải Phòng, Hà Nội, Nam Định, Huế, Đà Nẵng. Nhờ tờ báo này, nhiều người Việt Nam yêu nước thấy rõ hơn tội ác của thực dân Pháp, bước đầu hiểu được Cách mạng Tháng Mười Nga và Lênin, nâng cao ý thức giác ngộ cách mạng. Tr.224.

43. Báo *Thanh niên*: Tờ báo do Nguyễn Ái Quốc sáng lập và trực tiếp chỉ đạo, là cơ quan trung ương của tổ chức Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội. Báo ra hằng tuần bằng tiếng Việt; số đầu tiên xuất bản vào tháng 6-1925. Đến tháng 4-1927 báo ra được 88 số.

Nguyễn Ái Quốc vừa là người phụ trách chủ chốt, vừa là người viết nhiều bài cho báo Thanh niên. Với nội dung ngắn gọn, lời văn giản dị, trong sáng, các bài đăng trên báo *Thanh niên* chủ yếu nhằm phục vụ công nhân và nhân dân lao động nước ta, tuyên truyền tôn chỉ, mục đích của Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội; giới thiệu chủ nghĩa Lênin và Cách mạng Tháng Mười Nga; nêu lên các vấn đề về đường lối chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam.

Báo *Thanh niên* đã góp phần quan trọng vào việc truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam; chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức để tiến tới thành lập chính đảng của giai cấp công nhân Việt Nam vào năm 1930. Tr.224.

44. Sau khi thành lập Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội

(1925), Nguyễn Ái Quốc đã tổ chức một nhóm thiếu nhi Việt Nam ở Quảng Châu (Trung Quốc). Đây là nhóm thiếu nhi cộng sản Việt Nam đầu tiên gồm có 7 em trong đó có Lý Tự Trọng, người đoàn viên đầu tiên của Đoàn Thanh niên cộng sản Việt Nam sau này. Ngay từ thời kỳ này, Nguyễn Ái Quốc đã rất quan tâm đến việc giáo dục, tổ chức các em. Người mở lớp học, dạy cho các em về địa lý, lịch sử Việt Nam; về nỗi khổ cực của người dân mất nước, về nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam và nhiệm vụ của thiếu nhi Việt Nam trong cuộc đấu tranh cách mạng ấy. Để các em được tiếp thụ sự giáo dục cộng sản tốt hơn, ngày 22-7-1926, Người đã viết thư gửi Uỷ ban trung ương thiếu nhi Liên Xô và đồng chí đại diện Đoàn Thanh niên cộng sản Pháp tại Quốc tế Thanh niên cộng sản đề nghị giúp đỡ đưa một số thiếu nhi Việt Nam sang học tập ở Liên Xô.

Về sau, do việc đi lại khó khăn, dự định của Người không thực hiện được . Tr.225.

45. Lợi dụng kết quả của phong trào đấu tranh đòi quyền tự do dân chủ của quần chúng Nam Kỳ trong những năm 1923-1925, năm 1925, Bùi Quang Chiêu lấy tư cách là đại diện của Đảng Lập hiến sang Pháp để vận động Chính phủ Pháp ban hành cải cách tự do dân chủ ở Đông Dương. Cuộc vận động mang tính chất cải lương đó bị thất bại. Tháng 3-1926 Bùi Quang Chiêu về nước.

Nhân dịp này, ngày 24-3-1926 một số tổ chức yêu nước của trí thức, tiểu tư sản và thanh niên, học sinh đã tổ chức một cuộc biểu dương lực lượng của quần chúng yêu nước chống bọn thực dân phản động dưới danh nghĩa cuộc đón rước Bùi Quang Chiêu.

Cuộc biểu tình rầm rộ của 6 vạn người ở Sài Gòn và 6 tỉnh Nam Kỳ, với những khẩu hiệu chống thực dân gay gắt đã làm cho bọn lãnh tụ của Đảng Lập hiến - những kẻ đại diện cho giai cấp tư sản, địa chủ - hoảng sợ. Đứng trước cuộc biểu tình, Bùi Quang Chiêu đã phản bội lại phong trào đấu tranh của quần chúng; tuyên bố đi theo chính sách "Pháp - Việt đề huề", một chính sách phản động do thực dân Pháp đề ra nhằm xoa dịu phong trào đấu tranh của nhân dân ta. Bộ mặt thật của Đảng Lập hiến bị lột trần, ngọn cờ quốc gia cải lương của giai cấp tư sản bị sụp đổ. Từ chỗ là đối tượng của cuộc "đón rước", Bùi Quang Chiêu trở thành đối tượng đả kích của quần chúng. Tr. 231.

46. Hội Phục Việt: Một tổ chức yêu nước được thành lập vào mùa hè năm 1925, do sự kết hợp nhóm những chính trị phạm cũ ở Trung Kỳ (thực dân Pháp phải thả ra dưới áp lực của phong trào quần chúng và phong trào đòi tự do dân chủ phát triển mạnh ở Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất) với nhóm sinh viên Trường Cao đẳng sư phạm Hà Nội. Cơ sở của Hội chủ yếu ở vùng Thanh - Nghệ - Tĩnh.

Trong phong trào đấu tranh sôi nôi của nhân dân ta đòi thực dân Pháp thả nhà ái quốc Phan Bội Châu năm 1925, hội viên của Hội này đã rải truyền đơn ở các thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, thị xã Hải Dương và cả ở Nam Kỳ kêu gọi đấu tranh. Cơ sở của Hội bị lộ và Hội phải đổi tên là Hưng Nam.

Do chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội - tổ chức cách mạng do Nguyễn Ái Quốc sáng lập năm 1925 ở Quảng Châu (Trung Quốc), Hưng Nam đã chuyển thành Tân Việt cách mạng đảng (tháng 7-1928), sau đó phân hoá và dẫn tới sự ra đời của Đông Dương Cộng sản liên đoàn (tháng 1-1930) là một trong ba tổ chức cộng sản đã hợp nhất lại thành Đảng Cộng sản Việt Nam vào tháng 2-1930. Tr.231.

47. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* là tác phẩm do C. Mác và Ph. Ăngghen viết từ tháng 12-1847 đến tháng 1-1848; được xuất bản lần đầu tiên vào tháng 2-1848 ở Luân Đôn; sau đó được dịch ra nhiều thứ tiếng và xuất bản ở nhiều nước trên thế giới.

Trong *Tuyên ngôn,* C. Mác và Ph. Ăngghen đã phân tích một cách khoa học tính tất yếu lịch sử của cách mạng vô sản và vai trò lịch sử của giai cấp vô sản là người đào mồ chôn chủ nghĩa tư bản, sáng tạo xã hội mới- xã hội cộng sản chủ nghĩa. Muốn vậy, giai cấp vô sản phải xây dựng chính đảng của mình, thực hiện cách mạng vô sản, thiết lập chuyên chính vô sản, tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa cộng sản khoa học. Nó đã trình bày *một cách hoàn chỉnh và có hệ thống* (Lênin) học thuyết về chủ nghĩa xã hội khoa học của C. Mác. Nó là cương lĩnh chiến đấu của giai cấp vô sản toàn thế giới.

Thực tiễn của cách mạng thế giới hơn một thế kỷ qua đã chứng minh

sự đúng đắn của những luận điểm cơ bản trong *Tuyên ngôn* và góp phần làm phong phú thêm những luận điểm cơ bản đó. Ở Việt Nam, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã sớm được truyền bá rộng rãi. Nó đã thực sự trở thành ngọn đuốc soi đường cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động nước ta trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc và đi lên chủ nghĩa xã hội. Tr.232.

48. Tháng 8-1925, chiếc tàu chiến Mítsơlê của thực dân Pháp trên đường từ Pháp sang đàn áp cách mạng Trung Quốc ghé vào Sài Gòn để sửa chữa tại xưởng Ba Son.

Để ủng hộ cuộc đấu tranh của công nhân và nhân dân Trung Quốc, để "kìm chân" tàu chiến Mítsơlê, hơn 1000 công nhân xưởng Ba Son dưới sự lãnh đạo của công hội Sài Gòn - Chợ Lớn đã nhất loạt bãi công từ buổi sáng ngày 4-8-1925. Được sự ủng hộ mạnh mẽ của công nhân các cơ sở và xưởng ở Sài Gòn - Chợ Lớn, công nhân Ba Son đã đoàn kết nhất trí, kiên trì và dũng cảm bãi công, bất chấp mọi sự đe doạ và đàn áp của địch. Ngày 12-8-1925, bọn chỉ huy xưởng phải nhượng bộ. Cuộc bãi công thắng lợi. Sau đó, công nhân Ba Son còn tiếp tục đấu tranh bằng hình thức lãn công, kéo dài việc sửa chữa chiếc tàu Misơlê cho mãi đến 28-11-1925. Tr.250.

49. Viện Đuma là một hình thức nghị viện ở Nga do Nga hoàng thành lập trong thời kỳ cách mạng dân chủ tư sản năm 1905-1907, nhằm xoa dịu phong trào cách mạng. Lúc đầu Viện Đuma chỉ có tính chất tư vấn. Công nhân và nông dân không được tham gia bầu cử. Phong trào đấu tranh của quần chúng vào tháng 10-1905 đã khiến Nga hoàng phải triệu tập một Đuma khác, mang tính chất lập pháp. Nhưng nó cũng chỉ gồm bọn địa chủ và tư sản. Thực chất nó là cơ quan bảo vệ quyền lợi cho giai cấp tư sản, địa chủ và chính quyền Nga hoàng.

Vào những năm 20 của thế kỷ XX, để xoa dịu phong trào đấu tranh của nhân dân ta, thực dân Pháp cũng lập ra ở Việt Nam cái gọi là "Viện dân biểu". Viện này không do phổ thông đầu phiếu mà chỉ do một nhóm nhỏ địa chủ và tư sản bầu ra. Nó không đại biểu cho quyền lợi của quần chúng lao động mà đại biểu cho quyền lợi của giai cấp địa chủ, tư sản và phục vụ lợi ích của thực dân Pháp.

Vạch rõ bộ mặt bịp bợm của thực dân Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã gọi "Viện dân biểu" là Viện Đuma Việt Nam. Tr.251.

50. *Đường cách mệnh* là cuốn sách gồm những bài giảng của Nguyễn Ái Quốc tại các lớp huấn luyện chính trị cho cán bộ của Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội do người tổ chức tại Quảng Châu (Trung Quốc) trong những năm 1925-1927. Các lớp huấn luyện chính trị này nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng và phương pháp cách mạng cho những người cách mạng Việt Nam; chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam vào đầu năm 1930. Cuốn sách này do Bộ tuyên truyền của Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông xuất bản năm 1927 để làm tài liệu học tập và tuyên truyền.

Đường cách mệnh là một trong những tác phẩm lớn đánh dấu một trong những mốc quan trọng trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc, đồng thời là một trong những văn kiện lý luận đầu tiên của Đảng ta, đặt cơ sở tư tưởng cho đường lối của cách mạng Việt Nam. Tr.257.

51. Trong thời gian tiến hành cuộc chiến tranh giành độc lập (1775-1781), các thuộc địa của Anh ở Bắc Mỹ đã tổ chức các cuộc Đại hội đại biểu để thảo luận những biện pháp chống thực dân Anh. Đại hội lần thứ hai họp ở Philađenphia (Mỹ) năm 1776 đã cử ra một Uỷ ban do Giépphécxơn làm chủ tịch để dự thảo một nghị quyết tuyên bố các xứ thuộc địa là những nước tự do, độc lập, tách khỏi phạm vi quyền lực của nước Anh. Bản dự án nghị quyết đã được đại biểu 13 thuộc địa ở Bắc Mỹ thông qua ngày 4-7-1776 và trở thành *Tuyên ngôn độc lập* của nước Hợp chủng quốc châu Mỹ (Hoa Kỳ).

Sau khi nêu lên những nguyên tắc về quyền bình đẳng, quyền mưu cầu hạnh phúc của mỗi thành viên, thừa nhận cho nhân dân có quyền làm cách mạng lập ra một chính quyền mới thay thế chính quyền cũ khi chính quyền cũ phản lại nhân dân, bản Tuyên ngôn khẳng định quyền tự do, độc lập, tách rời nước Anh của các thuộc địa ở Bắc Mỹ.

Bản *Tuyên ngôn độc lập* năm 1776 tiêu biểu cho nguyện vọng của nhân dân các thuộc địa Bắc Mỹ đấu tranh giành độc lập, tự do. Tr.270.

52. *Chủ nghĩa tự do bình đẳng* : Một trào lưu tư tưởng ở Pháp thế kỷ

XVIII do Vônte, Môngtexkiơ và Rutxô đề xướng. Mặc dù có nhiều điểm khác nhau, nhưng mục tiêu chung của các ông là chống lại chế độ quân chủ chuyên chế phong kiến, xây dựng một xã hội tự do bình đẳng. Đương nhiên đây chỉ là quyền tự do, bình đẳng của giai cấp tư sản, nhưng ở thời điểm lịch sử lúc đó thì xu hướng tư tưởng này là tiến bộ. Tr.271.

53. *Cách mạng Pháp* (1789-1794) là cuộc cách mạng tư sản điển hình nhất ở châu Âu. Nó đã xóa bỏ chế độ phong kiến chuyên chế - một chế độ mục nát bị nhân dân lao động và giai cấp tư sản Pháp hết sức căm ghét,- mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển mạnh mẽ ở Pháp và một số nước châu Âu.

Cuộc cách mạng này có ảnh hưởng lớn đến các cuộc cách mạng tư sản ở châu Âu trong thế kỷ XIX. Nhưng vì là cách mạng tư sản, cho nên nó vẫn duy trì chế độ tư hữu và chế độ bóc lột. Thực chất của nó chỉ là việc đưa một nhóm người thuộc giai cấp tư sản bóc lột này vào chính quyền thay thế một nhóm người thuộc giai cấp phong kiến trước kia mà thôi. Đó chính là điều khác nhau căn bản giữa cách mạng tư sản với bất cứ cuộc cách mạng vô sản nào. Tr.271.

54. Cách mạng tư sản Pháp bùng nổ ngày 14-7-1789 ở Pari. Sự kiện quần chúng Pari chiếm được nhà tù Baxti đánh dấu thắng lợi của cách mạng. Vua Lu-i XVI và vợ lui về Vécxây, tiếp tục cầm đầu bọn quý tộc trong nước, liên kết với các thế lực phong kiến bên ngoài để chống phá cách mạng. Vì vậy nhân dân rất căm phẫn và ngày 5-10-1789 đã tự động nổi dậy kéo đến cung điện Vécxây buộc vua và bè lũ phải trở về Pari để dễ kiểm soát. Tr.271.

55. Vào cuối thế kỷ XIX, mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản với tư sản trong xã hội Pháp ngày càng trở nên gay gắt. Trước cuộc tấn công xâm lược của quân Đức, Chính phủ tư sản Pháp đầu hàng đã cắt nhượng cho Đức hai tỉnh Andátxơ và Loren, chịu bồi thường 5 tỷ phrăng (tiền Pháp), mở đường cho lính Đức tiến vào sát thủ đô Pari. Công nhân và nhân dân Pari đã tự vũ trang và tổ chức bố phòng để bảo vệ thành phố. Nhưng bọn tư sản, đứng đầu là tên bộ trưởng phản động Chie, đã ra lệnh tước vũ khí của công nhân, giải giáp các tuyến phòng thủ. Điều đó làm nhân dân căm phẫn nổi dậy khởi nghĩa ngày 18-3-1871, đánh đuổi giai cấp tư sản, thành lập

chính quyền mới ở Pari, gọi là Công xã Pari - chính quyền đầu tiên của giai cấp vô sản.

Cuộc cách mạng năm 1871 là cuộc cách mạng vô sản đầu tiên thiết lập Nhà nước của giai cấp vô sản, đánh dấu một bước phát triển mới của phong trào công nhân quốc tế. Nhưng giai cấp công nhân Pháp lúc này chưa có một chính đảng tiền phong lãnh đạo, chưa thực hiện được liên minh với nông dân và chưa kiên quyết trấn áp kẻ thù đến cùng, lại bị giai cấp tư sản Pháp câu kết với bọn xâm lược Đức phản công quyết liệt, cho nên sau 72 ngày tồn tại, Công xã đã bị thất bại (tháng 5-1871). Tr.273.

56. Năm 1883, Plêkhanốp thành lập nhóm *Giải phóng lao động* - nhóm mácxít đầu tiên ở Nga. Nhóm này đã tiến hành một công tác rộng lớn chống chủ nghĩa dân tuý và truyền bá chủ nghĩa Mác ở nước Nga. Nhưng nhóm Giải phóng lao động lại mắc phải một số sai lầm nghiêm trọng như còn mang những tàn tích của quan điểm dân tuý, đánh giá thấp tinh thần cách mạng của nông dân, đánh giá quá cao vai trò của giai cấp tư sản tự do. Những sai lầm đó là mầm mống của các quan điểm mensêvích về sau này của Plêkhanốp và của các thành viên khác trong nhóm.

Hoạt động của nhóm Giải phóng lao động đã có tác dụng trong việc hình thành ý thức cách mạng của giai cấp công nhân Nga, mặc dù trong thực tiễn, nhóm đó không liên hệ với phong trào công nhân. Lênin đã chỉ rõ, nhóm Giải phóng lao động chỉ mới đặt cơ sở lý luận cho Đảng Công nhân xã hội - dân chủ và tiến một bước đầu để xích lại với phong trào công nhân.

Tại Đại hội II của Đảng Công nhân xã hội - dân chủ Nga (tháng 8-1903), nhóm Giải phóng lao động tuyên bố giải tán. Tr.276.

57. Năm 1898, đại biểu của Liên minh chiến đấu giải phóng giai cấp công nhân ở các tỉnh và thành phố của Nga đã họp tại Minxcơ để thành lập Đảng Công nhân xã hội - dân chủ Nga, Lênin không dự được vì đang bị đầy ở Xibia. Đại hội ra bản tuyên ngôn của Đảng nêu rõ: "Giai cấp vô sản Nga sẽ lật đổ ách chuyên chế để rồi lại tiếp tục đấu tranh, với nhiều nghị lực hơn, chống chủ nghĩa tư bản và giai cấp tư sản cho đến khi chủ nghĩa xã hội thắng lợi hoàn toàn". Ngay sau đó, các đại biểu đều bị bắt nên trên thực tế, Đảng chưa hoạt động được.

Năm 1903, Đảng họp Đại hội lần thứ hai. Trên thực tế đến Đại hội này, Đảng Công nhân xã hội - dân chủ Nga mới thực sự trở thành chính đảng của giai cấp công nhân Nga. Đại hội đã thông qua cương lĩnh, điều lệ và bầu ra cơ quan trung ương của Đảng. Tr.276.

58. Ngày 9-1-1905, cuộc cách mạng dân chủ tư sản lần thứ nhất ở Nga bùng nổ. Trước sự bất mãn ngày càng tăng của công nhân, tên thầy tu tay sai của cảnh sát là Gapông dụ dỗ công nhân tiến hành một cuộc biểu tình hoà bình, mang cờ xí của nhà thờ và rước ảnh nhà vua đến cung điện Mùa Đông, đệ đơn thỉnh nguyện xin cải thiện đời sống. Mặt khác, Gapông giúp bọn cảnh sát của Nga hoàng bố phòng cẩn mật để tiêu diệt công nhân.

Nắm được âm mưu đó, những người bônsêvích ra sức khuyên công nhân không tham gia cuộc biểu tình. Nhưng lúc này, phần lớn công nhân còn tin vào Sa hoàng, nên cuộc biểu tình vẫn diễn ra theo kế hoạch. Khi họ vừa xuất hiện ở quảng trường Cung điện Mùa Đông thì Sa hoàng hạ lệnh xả súng bắn giết họ. Trên một nghìn người chết và hơn năm nghìn người bị thương. Ngày này được gọi là "Ngày chủ nhật đẫm máu".

Bộ mặt thật của Chính phủ Nga hoàng đã lộ rõ. Nhân dân căm phẫn nổi dậy đấu tranh, nêu cao khẩu hiệu "đả đảo chế độ chuyên chế!", mở đầu cuộc cách mạng tư sản dân chủ Nga 1905-1907. Tr.277.

59. Bọn cơ hội chủ nghĩa, tự nhận là cách mạng nhưng không tuân theo nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin, thoả hiệp với tư sản và phong kiến. Chúng lợi dụng cuộc cách mạng Nga tháng 2-1917 để nắm chính quyền, lập chính phủ lâm thời, tiếp tục theo đuổi cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, không chịu giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân, truy lùng Lênin và những người bônsêvích, đàn áp đẫm máu các cuộc bãi công và biểu tình của công nhân. Tr.279.

60. Đoạn này tác giả nói về thời cơ khởi nghĩa của cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917. Giữa lúc Chính phủ lâm thời ở Nga đang bị khủng hoảng nghiêm trọng, Đảng đã ra nghị quyết về khởi nghĩa vũ trang và chuẩn bị mọi mặt cho cuộc khởi nghĩa đó. Bọn cơ hội chủ nghĩa ở trong Đảng đã phản bội, tiết lộ cho kẻ thù biết kế hoạch khởi nghĩa. Chính phủ lâm thời quyết định tấn công trước vào lực lượng cách mạng. Ngày 6-11 chúng ra lệnh đóng cửa toà báo *Con đường của công nhân*. Các đội Cận vệ đỏ chiến đấu bảo vệ toà báo và đến trưa hôm đó, tờ báo đã ra lời kêu gọi khởi nghĩa, lật đổ Chính phủ lâm thời. Đêm 6-11 (tức ngày 24 tháng Mười, lịch Nga), Lênin đến điện Smônnưi trực tiếp lãnh đạo khởi nghĩa. Người đã chỉ thị về thời cơ cách mạng Nga như sau: *"Vô luận bằng cách nào cũng không được để chính quyền nằm trong tay Kêrenxki và bè lũ đến ngày 25, việc đó tuyệt đối phải quyết định ngay chiều hôm nay hay đêm nay.*

Lịch sử sẽ không tha thứ những người cách mạng hôm nay có thể chiến thắng (và nhất định sẽ thắng lợi hôm nay), mà lại chậm trễ vì đợi đến ngày mai, không khéo họ lại bị mất hết cả". Ngày 7-11, cuộc khởi nghĩa thắng lợi ở Pêtơrôgrát, đánh dấu thắng lợi vĩ đại của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước Nga. Tr.279.

61. Năm 1836, công nhân Đức thành lập ở Pari một hội bí mật lấy tên là Đồng minh những người chính nghĩa. Năm 1840, trụ sở của Hội chuyển sang Luân Đôn (Anh), mở rộng hoạt động, thu nạp cả công nhân nhiều nước khác. Mục tiêu của Hội là đấu tranh cho nhân quyền (nên còn gọi là Hội nhân quyền).

Vào đầu năm 1847, Mác và Ăngghen tham gia Đồng minh những người chính nghĩa với mục đích cải tổ tổ chức này thành một tổ chức quốc tế của giai cấp vô sản cách mạng.

Do những hoạt động tích cực của Mác và Ăngghen, tháng 6-1847, Đồng minh những người chính nghĩa đã họp hội nghị tại Luân Đôn và đổi tên thành Đồng minh những người cộng sản, khẩu hiệu cũ, mơ hồ: "Tất cả mọi người đều là anh em!" đã được thay bằng khẩu hiệu chiến đấu của chủ nghĩa quốc tế vô sản: "Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!"

Đồng minh những người cộng sản đề ra mục tiêu của mình là lật đổ giai cấp tư sản, thủ tiêu xã hội cũ dựa trên cơ sở đối kháng giai cấp và thành lập một xã hội mới, không có giai cấp và không có chế độ tư hữu.

Đồng minh những người cộng sản đã đóng một vai trò lịch sử to lớn, là trường học của những người vô sản cách mạng, là mầm mống của đảng vô sản, là tiền thân của Quốc tế thứ nhất. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản là một văn kiện có tính chất cương lĩnh của giai cấp vô sản toàn thế giới. Tr.281.

62. Trong khoảng 15 năm (từ 1874 đến 1889), nhiều chính đảng của giai cấp công nhân được thành lập. Chính đảng đầu tiên của giai cấp công nhân được thành lập ở Đức năm 1869 - Đảng Xã hội dân chủ Đức. Chỉ vài năm sau khi Công xã Pari thất bại và Quốc tế thứ nhất giải tán, phong trào công nhân ở châu Âu lại phục hồi và phát triển nhanh chóng. Nhiều chính đảng của giai cấp công nhân được thành lập ở Mỹ (1877), Pháp (1879), Bỉ, Italia(1885), Áo (1888)... Việc xuất hiện các đảng đánh dấu một bước tiến mới của giai cấp công nhân và cũng đề ra yêu cầu thành lập một tổ chức quốc tế mới. Tr.283.

63. Các Đại hội của Quốc tế thứ hai đã thảo luận vấn đề thái độ của giai cấp vô sản đối với cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa sắp bùng nổ. Đặc biệt là tại Đại hội Xtútga (1907), Côpenhagơ (1910) và Balơ (1912), Quốc tế thứ hai đã bàn cãi sôi nổi vấn đề này. Bọn cơ hội chủ nghĩa đưa ra những luận điệu bênh vực chính sách chiến tranh của chủ nghĩa đế quốc. Lênin và những người mácxít kiên quyết đấu tranh chống nguy cơ chiến tranh, đòi bác bỏ ngân sách quân sự, kêu gọi công nhân các nước đoàn kết ngăn chặn chiến tranh bùng nổ, vạch trần tính chất ăn cướp, đế quốc chủ nghĩa của cuộc chiến tranh và đưa ra khẩu hiệu "Biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến cách mạng" để lật đổ giai cấp tư sản trong nước, giành lấy chính quyền và xây dựng nhà nước chuyên chính vô sản. Tr.283.

64. Đại hội lần thứ II của Quốc tế Cộng sản họp vào tháng 8-1920. Tại Đại hội này, Lênin đã nhấn mạnh nhiệm vụ đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội trong phong trào công nhân để giữ vững nguyên tắc mácxít trong các đảng cộng sản. Đại hội đã thông qua 21 điều kiện gia nhập Quốc tế Cộng sản và thông qua bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* do Lênin dự thảo, nhằm vạch ra đường lối đấu tranh giải phóng dân tộc cho nhân dân các dân tộc bị áp bức. Tinh thần cơ bản của 21 điều kiện gia nhập Quốc tế Cộng sản là đòi hỏi các đảng vô sản các nước muốn được kết nạp vào Quốc tế Cộng sản, phải có thái độ dứt khoát chống lại đường lối và tổ chức của Quốc tế thứ hai, phải đấu tranh kiên quyết về mặt tư tưởng cũng như về những biện pháp hoạt động cụ thể, chống mọi hình thức của chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa xét lại. Các đảng đó phải nghiêm chỉnh thực hiện và tuyên truyền giáo dục quần

chúng về đường lối và quan điểm của chủ nghĩa Mác, phải đổi tên là đảng cộng sản, phải có kỷ luật chặt chẽ và triệt để tuân theo những nghị quyết của Quốc tế Cộng sản.

Về vấn đề giải phóng dân tộc, điều 8 của văn kiện ghi rõ: "Đảng nào muốn ở trong Quốc tế thứ ba đều buộc phải thẳng tay vạch mặt những thủ đoạn xảo trá của bọn đế quốc "nước mình" trong các thuộc địa, ủng hộ trên thực tế chứ không phải bằng lời nói mọi phong trào giải phóng ở thuộc địa, đòi hỏi phải trục xuất bọn đế quốc của nước mình ra khỏi các thuộc địa ấy; gây trong lòng công nhân nước mình thái độ anh em chân thành với nhân dân lao động các nước thuộc địa và các dân tộc bị áp bức; và tiến hành tuyên truyền thường xuyên trong quân đội nước mình chống mọi sự áp bức các dân tộc thuộc địa". Tr.284.

65. Đại hội lần thứ III của Quốc tế Cộng sản họp vào tháng 6-1921. Đại hội đã đề ra nhiệm vụ cấp thiết của các đảng cộng sản là phải đánh tan ảnh hưởng của bọn xã hội dân chủ trong quần chúng, phải tranh thủ quần chúng công nhân đi theo cách mạng. Lênin nêu lên rằng nếu không tranh thủ được quần chúng thì không thể đánh đổ được chủ nghĩa tư bản và do đó không thiết lập được chuyên chính vô sản. Muốn tranh thủ quần chúng, phải tham gia tích cực nhất vào cuộc đấu tranh kinh tế hằng ngày của công nhân, phải chiến đấu kiên trì trong các công đoàn để biến nó thành tổ chức chiến đấu của giai cấp công nhân và trục xuất bọn cơ hội chủ nghĩa khỏi phong trào, phải chuẩn bị cho quần chúng đấu tranh để thực hiện chuyên chính vô sản. Lênin đề ra sách lược về mặt trận thống nhất nhằm đoàn kết các lực lượng của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh chung. Tr.285.

66. Đại hội lần thứ IV của Quốc tế Cộng sản họp vào tháng 11-1922. Khi đó, Chính quyền Xôviết đã tồn tại và lớn mạnh được 5 năm, phong trào công nhân phát triển rầm rộ. Đồng thời, bọn phát xít bắt đầu hoạt động trong nhiều nước châu Âu. Đại hội nhấn mạnh nhiệm vụ chủ yếu của các đảng cộng sản là kiên trì tiến hành công tác quần chúng trên cơ sở của sách lược về Mặt trận công nhân thống nhất. Tr.285.

67. Do điều kiện lịch sử khác nhau, hoạt động của Quốc tế thứ nhất và Quốc tế thứ ba có những điểm khác nhau:

Quốc tế thứ nhất ra đời giữa thế kỷ XIX là lúc chủ nghĩa tư bản còn đang phát đạt, phong trào công nhân mới ra đời, cho nên số lượng thành viên tham gia Quốc tế thứ nhất còn ít, tư tưởng chưa thống nhất. Quốc tế thứ nhất phải tiến hành đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng để xác định tính chất cách mạng đúng đắn của học thuyết mácxít. Khẩu hiệu đấu tranh của Quốc tế là "Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!".

Quốc tế thứ ba ra đời đầu thế kỷ XX, khi chủ nghĩa tư bản đã chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa và cách mạng vô sản đã thắng lợi ở nước Nga. Do đó, phong trào công nhân phát triển mạnh mẽ, số thành viên tham gia Quốc tế thứ ba ngày càng đông. Quốc tế thứ ba tiến hành đấu tranh quyết liệt trên lĩnh vực tư tưởng, đồng thời lãnh đạo cuộc đấu tranh thực tiễn của giai cấp công nhân. Quốc tế thứ ba đoàn kết các đảng cộng sản thành một khối thống nhất có sự lãnh đạo thống nhất. Trong thời đại mới, phong trào giải phóng dân tộc gắn bó chặt chẽ với cách mạng vô sản. Lênin đã đề ra khẩu hiệu "Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại!". Tr. 286.

68. Ngày 8-3 là ngày đoàn kết quốc tế của phụ nữ các nước trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng, giành các quyền bình đẳng về kinh tế, chính trị và xã hội.

Ngày 8-3-1899, nữ công nhân ngành dệt và ngành may ở Sicagô (một thành phố lớn ở Mỹ) đã đứng lên bãi công, biểu tình đòi tăng lương, giảm giờ làm. Mặc dù bị bọn chủ đe doạ và khủng bố, chị em công nhân vẫn tiếp tục bãi công, đấu tranh. Cuối cùng, bọn chủ đã phải nhượng bộ và thoả mãn phần lớn những yêu sách của chị em.

Năm 1910, Hội nghị quốc tế phụ nữ xã hội chủ nghĩa lần thứ II họp ở Côpenhagơ (Đan Mạch), theo đề nghị của Clara Détkin, đã quyết định hằng năm lấy ngày 8-3 làm Ngày phụ nữ quốc tế. Tr.288.

69. Tháng 2-1917 (theo lịch cũ của Nga) ở nước Nga đã nổ ra cuộc Cách mạng dân chủ tư sản, lật đổ chế độ Nga hoàng chuyên chế.

Trong cuộc cách mạng này, phụ nữ công nhân ở Pêtrôgrát đã giữ một vai trò nổi bật.

Ngày 23-2 theo lịch Nga (tức là Ngày phụ nữ quốc tế 8-3), hưởng ứng lời kêu gọi của Ban chấp hành bônsêvích Pêtrôgrát, các nữ công nhân đã cùng công nhân các nhà máy ở Thủ đô bãi công, xuống đường biểu tình giương cao các khẩu hiệu: "Đả đảo chiến tranh!", "Bánh mỳ!", "Hoà bình!", "Tự do", "Đả đảo chế độ chuyên chế". Trong ngày hôm đó, hơn 128 nghìn người (chủ yếu là nữ công nhân ngành dệt và công nhân luyện kim) đã tham gia bãi công. Cuộc bãi công chính trị đã biến thành cuộc tổng biểu tình chính trị chống chế độ Nga hoàng. Tr.289.

70. Đây là một tổ chức quốc tế những công hội có xu hướng cải lương chủ nghĩa, đi ngược với những nguyên lý chủ nghĩa Mác. Vạn quốc công hội chịu ảnh hưởng của bọn cơ hội chủ nghĩa trong Quốc tế thứ hai, chỉ kết nạp công nhân lớp trên ở các nước tư bản Âu, Mỹ, đối lập với quyền lợi của tầng lớp công nhân cơ bản, và không liên hệ với phong trào công nhân các nước Á, Phi, Úc là những vùng thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc. Năm 1919, những công hội này tham gia thành lập Quốc tế Amxtécđam.Tr.290.

71. *Công đoàn chủ nghĩa* : Trong thời kỳ chưa có chính đảng mácxít của giai cấp công nhân lãnh đạo, các công đoàn chưa có phương hướng chính trị, nên phần lớn đã đi vào con đường công đoàn chủ nghĩa - tức là chỉ hạn chế trong việc đấu tranh đòi những quyền lợi kinh tế trước mắt của công nhân.(Xem thêm chú thích số 71: Công đoàn vô chính phủ). Tr.290.

72. Tức là chủ nghĩa công đoàn vô chính phủ - một trào lưu cơ hội chủ nghĩa trong phong trào công nhân, chịu ảnh hưởng về tư tưởng và chính trị của chủ nghĩa vô chính phủ.

Những người theo chủ nghĩa công đoàn vô chính phủ cho rằng công nhân không cần tiến hành đấu tranh chính trị, phủ nhận sự cần thiết phải có một đảng chính trị độc lập của giai cấp công nhân, phủ nhận công đoàn phải đặt dưới sự lãnh đạo của đảng, phủ nhận sự tất yếu của chuyên chính vô sản.

Họ cho rằng công đoàn là hình thức tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân và đấu tranh kinh tế là phương pháp đấu tranh duy nhất phù hợp với lợi ích của giai cấp công nhân, coi tổng đình công kinh tế là hình thức đấu tranh cao nhất giúp cho các công đoàn có thể thủ tiêu được chủ nghĩa

tư bản mà không cần đấu tranh cách mạng, để tước đoạt các tư liệu sản xuất và nắm lấy quyền điều khiển nền sản xuất.

Cách mạng Tháng Mười Nga đã giáng một đòn chí tử vào chủ nghĩa công đoàn vô chính phủ, vạch rõ sự vô căn cứ và những hậu quả nặng nề của nó đối với giai cấp công nhân. Tr.290.

73. Chủ nghĩa cải lương là trào lưu chính trị trong phong trào công nhân, đối lập với chủ nghĩa Mác và nhưng lợi ích căn bản của giai cấp vô sản.

Những người theo chủ nghĩa cải lương chủ trương đấu tranh giành những cải cách nhỏ bé trong khuôn khổ của chủ nghĩa tư bản - không động đến cơ sở của chế độ bóc lột tư bản chủ nghĩa - để thay thế cho cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân lật đổ chủ nghĩa tư bản. Mục đích chính của chủ nghĩa cải lương là lừa bịp giai cấp công nhân, điều hoà mâu thuẫn giữa công nhân và tư sản, thực hành "lý luận" hợp tác giai cấp, hòng đem giai cấp vô sản phục vụ quyền lợi của giai cấp tư sản, làm cho công nhân rời bỏ cuộc đấu tranh giai cấp triệt để giành thắng lợi cho chuyên chính vô sản và cho chủ nghĩa xã hội.

Lênin và những người cách mạng chân chính đã đấu tranh không khoan nhượng chống mọi hình thức của chủ nghĩa cải lương, bóc trần bản chất tư sản của nó và chống mọi đại biểu của nó ở các nước. Tr.290.

74. Có thể ở đây tác giả nói đến chủ nghĩa phái giữa, một biến tướng của chủ nghĩa cơ hội trong phong trào công nhân, đối lập với chủ nghĩa Mác - Lênin mà đại biểu về tư tưởng và lý luận của nó là Cauxky.

Trong Quốc tế thứ hai, Cauxky và đồng bọn, về hình thức đã giữ lập trường trung gian giữa phái công khai theo chủ nghĩa cơ hội (Bécxtanh) và phái xã hội - dân chủ cánh tả (Ph.Mêrinh, R.Lúcxămbua và C.Lípnếch), do đó có tên gọi là phái giữa. Nhưng trong thực tế họ ủng hộ và đầu hàng chủ nghĩa cơ hội, chống lại chủ nghĩa Mác và phong trào cách mạng của giai cấp công nhân.

Lợi dụng những lời lẽ mácxít giả hiệu và núp dưới chiêu bài "những người mácxít chính thống", những người theo chủ nghĩa phái giữa mưu toan xoá nhoà bản chất cách mạng của chủ nghĩa Mác, làm lu mờ mâu thuẫn giai cấp giữa công nhân và tư sản, chủ trương đem quyền lợi giai

cấp của giai cấp vô sản phục tùng quyền lợi của giai cấp tư sản, phủ nhận sự tất yếu của cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản.

Lênin và những người cộng sản chân chính đã phê phán kịch liệt bọn cơ hội chủ nghĩa Cauxky, vạch trần sự trá hình, giấu mặt hết sức nguy hiểm của chúng. Tr.290.

75. *Quốc tế giúp đỡ (tổ chức "Giúp đỡ của công nhân quốc tế"),* được thành lập theo sáng kiến của Quốc tế Cộng sản vào tháng 9-1921 tại Béclin (Thủ đô nước Đức), từ cuộc Hội nghị quốc tế của các uỷ ban giúp đỡ nhân dân các vùng bị đói ở nước Nga Xôviết. Sau này tổ chức đó trở thành trung tâm quốc tế giúp đỡ các nạn nhân của chế độ tư bản.

Từ năm 1935, tổ chức quốc tế này ngừng hoạt động; các chi bộ của nó tham gia vào các mặt trận nhân dân hoặc đấu tranh để thành lập các mặt trận nhân dân ở các nước. Tr.296.

76. *Quốc tế Cứu tế đỏ:* Một tổ chức cách mạng thành lập năm 1923 hoạt động theo đường lối của Quốc tế Cộng sản. Mục tiêu chủ yếu của Quốc tế Cứu tế đỏ là đoàn kết các lực lượng cách mạng để đấu tranh chống lại những hành động đàn áp, khủng bố của chính quyền đế quốc, đòi trả tự do cho những nhà hoạt động chính trị của giai cấp công nhân và của phong trào giải phóng dân tộc bị bọn thống trị bắt bớ, giam cầm. Hội còn động viên sự đóng góp của quần chúng lao động để giúp đỡ về tinh thần và vật chất cho những gia đình có người thân hy sinh hay bị tù đày vì hoạt động cách mạng. Quốc tế Cứu tế đỏ có chi nhánh ở nhiều nước trên thế giới.

Năm 1927, trong tác phẩm ***Đường cách mệnh,*** Nguyễn Ái Quốc đã giới thiệu tổ chức này và nêu lên sự cần thiết phải thành lập một chi nhánh Cứu tế đỏ ở Đông Dương. Ngay sau khi Đảng ta được thành lập, Hội nghị Trung ương Đảng tháng 10-1930 đã quyết định thành lập Hội Cứu tế đỏ Đông Dương, một chi bộ của Quốc tế Cứu tế đỏ. Hội Cứu tế đỏ không phải là một tổ chức từ thiện, mà là một đoàn thể đấu tranh cách mạng, một tổ chức tương trợ cách mạng của đại đa số quần chúng, nên hoạt động của Hội chủ yếu hướng vào quần chúng công nông và những người bị áp bức. Đại hội lần thứ I của Đảng ta (năm 1935) ra Nghị quyết về "Cứu tế đỏ Đông Dương vận động" đã kiểm điểm hoạt động, rút kinh nghiệm và vạch

ra những nhiệm vụ cần kíp của Hội. Cứu tế đỏ Đông Dương đã ra sức phát huy vai trò của quần chúng cách mạng trong sự nghiệp giải phóng các dân tộc ở Đông Dương. Tr.299.

77. Trong chương này, tác giả đã nêu lên các kiểu hợp tác xã ra đời từ trong chế độ tư bản chủ nghĩa. Đó là những tổ chức liên hợp tự nguyện của những người lao động trong các lĩnh vực sản xuất, mua bán, tiêu dùng..., nhằm chung sức, chung vốn liếng cùng nhau sản xuất và cải thiện đời sống.

Nêu bật lợi ích của hợp tác xã, tác giả muốn hướng nhân dân lao động đoàn kết đi vào con đường làm ăn tập thể, có tổ chức. Bởi vì, khi chưa được giải phóng thì hợp tác xã vừa là tổ chức kinh tế, nhằm nâng cao sản xuất và đời sống, giảm bớt sự bóc lột của bọn tư bản và phong kiến, vừa là một hình thức tổ chức để vận động, tập hợp nhân dân lao động đấu tranh cho quyền lợi của mình như các hình thức tổ chức khác của quần chúng.

Tác phẩm *Đường cách mệnh* ra đời cách đây đã gần 70 năm, nhưng tinh thần cơ bản của chương *Hợp tác xã* này trong tác phẩm vẫn còn có ý nghĩa to lớn đối với sự nghiệp đổi mới của chúng ta hiện nay. Tr.313.

78. *Trung quốc và thanh niên Trung Quốc:* Trong thời gian hoạt động ở Liên Xô và học tập ở Trường đại học phương Đông (1924), Nguyễn Ái Quốc đã gặp gỡ, trao đổi với nhóm thanh niên Trung Quốc học ở đây. Người đã tập hợp những tư liệu về lịch sử và phong trào cách mạng Trung Quốc và tổ chức viết thành cuốn sách *Trung Quốc và thanh niên Trung Quốc*. Sách viết bằng tiếng Pháp, được dịch ra tiếng Nga, *Nhà xuất bản Mátxcơva mới* xuất bản năm 1925.

Cuốn sách giới thiệu khái quát lịch sử, địa lý, kinh tế, văn hoá, xã hội và con người Trung Quốc. Cuốn sách cũng trình bày tình cảnh các tầng lớp nhân dân Trung Quốc qua các giai đoạn lịch sử và nhất là thời kỳ bị chủ nghĩa tư bản quốc tế áp bức. Chủ nghĩa đế quốc xâm nhập vào Trung Quốc là nguồn gốc của mọi căn bệnh xã hội: đói khổ, bệnh tật, chết chóc. Nông dân bị bóc lột hà khắc. Công nhân bị đày đọa trong các công xưởng nhà máy. Thanh niên bị đầu độc, bưng bít. Cuốn sách cũng chỉ rõ những nét đặc trưng về phong trào cách mạng Trung Quốc, sự khởi sắc của phong trào công nhân và đề ra những nhiệm vụ chủ yếu của tuổi trẻ Trung Quốc trong sự nghiệp cách mạng. Tr.369.

79. *Vạn lý trường thành:* Một kỳ quan của Trung Quốc và thế giới, được xây dựng từ thế kỷ III trước công nguyên dưới triều đại nhà Tần. Vạn lý trường thành chạy dài từ tỉnh Liêu Đông đến Thành Đô gần phía nam biên giới Trung Quốc và Mông Cổ. Vạn lý trường thành dài khoảng 6000 km, cao từ 7 đến 8 m, mặt thành rộng 5 m. Nguyên liệu chính là đất hoàng thổ được nhào luyện công phu. Mặt ngoài được ốp đá và gạch nung. Dọc trên mặt thành là hệ thống tháp canh. Kỹ thuật xây dựng và nghệ thuật kiến trúc đạt tới trình độ cao. Vạn lý trường thành ít bị thời gian huỷ hoại. Trong nhiều thế kỷ sau, Vạn lý trường thành tiếp tục được gia cố vững chắc hơn. Tr.373.

80. *Chiến tranh thuốc phiện* (1840-1842): Việc thuốc phiện bán tràn lan ở Trung Quốc đã gây ra hậu quả về kinh tế và xã hội rất nặng nề. Năm 1839 triều đình Mãn Thanh cử khâm sai đại thần Lâm Tắc Từ xuống Quảng Châu để thực hiện lệnh cấm buôn bán và hút thuốc phiện. Lâm Tắc Từ đã ra lệnh chém đầu một số thương nhân Trung Quốc câu kết với nước ngoài buôn bán thuốc phiện và bắt cả các thương nhân nước ngoài phải giao nộp hết thuốc phiện trong 3 ngày.

Tức tối trước hành động kiên quyết này, quân Anh đã nổ súng tiến đánh nhiều thành phố và hải cảng của Trung Quốc. Triều đình Mãn Thanh phải chấp thuận tất cả các điều kiện do phía Anh đưa ra.

Ngày 29-8-1842, một hiệp ước giữa Anh và Trung Quốc đã được ký kết tại Nam Kinh. Trung Quốc cam kết:

- Cắt vùng Hương Cảng cho Anh.

- Mở 5 cửa khẩu là Quảng Châu, Hạ Môn, Phúc Châu, Ninh Ba và Thượng Hải cho Anh vào buôn bán.

- Bồi thường cho phía Anh 21 triệu bảng Anh chiến phí. Tr.375.

81. Chiến tranh Trung - Pháp và Hiệp ước Thiên Tân: Năm 1858, thực dân Pháp bắt đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Năm 1884, nhà Nguyễn đã ký hiệp ước đầu hàng. Việc Pháp chiếm Việt Nam khiến chính phủ Thanh lo lắng. Nhân triều đình Huế cầu viện, nhà Thanh kéo quân vào Bắc Kỳ, gây nên cuộc xung đột Trung - Pháp. Nhà Thanh bị thất bại, năm 1885 phải ký hiệp ước Thiên Tân lần thứ hai. Nội dung cơ bản của bản hiệp ước này là Pháp thừa nhận các đường biên giới hiện tại của Trung Quốc. Nhà Thanh phải thừa nhận quyền thống trị của Pháp ở Việt Nam. Tr.376.

82. *Bạch liên giáo:* Sự khủng hoảng sâu sắc của chế độ phong kiến ở Trung Quốc vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã dẫn đến cuộc đấu tranh giai cấp gay gắt. Các hội kín nhằm mục đích lật đổ triều đình Mãn Thanh xuất hiện ở nhiều

nơi. Trong các hội kín đó nổi bật là Bạch liên giáo và Tam điểm hội. Bạch liên giáo được thành lập và hoạt động mạnh mẽ ở miền Bắc Trung Quốc. Tam điểm hội hoạt động ở các tỉnh miền Nam và vùng duyên hải.

Bạch liên giáo thu nạp đông đảo nông dân, thợ thủ công, dân nghèo thành thị, công nhân và thợ công trường thủ công. Triều đình Mãn Thanh đã dùng cả lực lượng vũ trang của bọn địa chủ, tướng cướp, lưu manh để đàn áp nghĩa quân. Năm 1805, quân Bạch liên bị đánh tan, mấy chục vạn người bị giết hại. Tr.378.

83. *"Công tác quân sự của Đảng trong nông dân"* là bài giảng của Nguyễn Ái Quốc tại trường quân sự của những người cộng sản Đức ở Mátxcơva vào cuối năm 1927 và được xuất bản lần đầu tiên ở Đức vào năm 1928. (Theo Huỳnh Kim Khánh trong cuốn "*Phong trào cộng sản Việt Nam 1925-1945*", Cornell University Press, Itheca and London, 1972, p. 168).

Năm 1970 trong tập sách *"Khởi nghĩa vũ trang"* do A.Neuberg tuyển chọn, biên tập và xuất bản ở Luân Đôn, tập bài giảng này của Nguyễn Ái Quốc được xếp vào chương XII, chương cuối cùng của tập sách. Ở phần giới thiệu tập sách với tựa đề "Chúng tôi đã viết "khởi nghĩa vũ trang" như thế nào", Erich Wollenberg, một người cộng sản Đức, từng làm việc cùng với Nguyễn Ái Quốc tại Quốc tế Cộng sản năm 1924, đã viết về tập bài giảng của Nguyễn Ái Quốc như sau:

"Tác giả của chương XII: Công tác quân sự của Đảng trong nông dân, là một nhà cách mạng Đông Dương khiêm tốn, thân thiết, người dần dần bước vào lịch sử đấu tranh giải phóng xã hội và dân tộc vĩ đại của thời đại chúng ta, dưới tên Hồ Chí Minh".

Có thể nói rằng, đây là tài liệu đầu tiên bàn về quân sự của Hồ Chí Minh, trong đó chứa đựng những tư tưởng quan trọng về vai trò của giai cấp nông dân trong cách mạng (cả cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng vô sản), về tổ chức, cấu trúc và hoạt động du kích trong tiến trình cách mạng. Đây chính là cơ sở quan trọng để sau này khi về nước Người viết các tác phẩm quân sự như *Cách đánh du kích, Kinh nghiệm du kích Tàu, Kinh nghiệm du kích Nga,* làm tài liệu huấn luyện và trực tiếp chỉ đạo cán bộ chiến sĩ ta từ năm 1941 trở đi, chuẩn bị có hiệu quả cho thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám sau này.

Đây là tài liệu mới sưu tầm được, tác giả không ký tên, chúng tôi chưa có điều kiện xác minh. Vì vậy, chúng tôi xếp vào phần Phụ lục để bạn đọc tham khảo. Tr.413.

BẢN CHỈ DẪN TÊN NGƯỜI

A

ĂNGGHEN, **Ph.** (1820-1895): Người thầy vĩ đại của giai cấp vô sản, người bạn chiến đấu gần nhất của Mác. Cùng với Mác, Ăngghen đã xây dựng lý luận chủ nghĩa cộng sản khoa học và đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân.

Ăngghen không những là một nhà cách mạng vĩ đại, mà còn là một nhà triết học, nhà kinh tế học, nhà sử học, nhà chuyên môn về khoa học tự nhiên và khoa học quân sự, nhà văn, nhà ngôn ngữ học, v.v..

Ăngghen đã kết hợp sự lãnh đạo thực tiễn phong trào công nhân cách mạng thế giới với công tác lý luận sâu sắc. Sau khi Mác mất, ông tiếp tục hoàn thành và xuất bản các công trình lý luận của Mác; làm cố vấn và người lãnh đạo của những người xã hội chủ nghĩa châu Âu.

Ăngghen đã tiến hành cuộc đấu tranh không khoan nhượng chống chủ nghĩa cơ hội trong các đảng công nhân, vạch trần và phê phán kịch liệt những khuyết điểm của nhưng đảng đó, giúp các đảng đó có một phương hướng cách mạng đúng đắn.

B

BACUNIN, **M.A.** (1814-1876): Nhà hoạt động chính trị người Nga, thủ lĩnh phái vô chính phủ trong Quốc tế thứ nhất. Bacunin hoạt động như một kẻ cuồng nhiệt chống lại chủ nghĩa Mác về đấu tranh giai

Cấp, chuyên chính vô sản, là kẻ hoạt động bè phái và vu cáo Mác. Năm 1872, y bị đuổi khỏi Quốc tế thứ nhất.

BÊHEN, **Pinhô đờ** (1741-1799): Theo âm Việt là Bá Đa Lộc, giáo sĩ người Pháp. Dưới danh nghĩa truyền đạo, Bêhen đã tích cực hoạt động do thám và chuẩn bị cho sự can thiệp và xâm lược của thực dân Pháp vào nước ta. Bêhen là kẻ tích cực giúp Nguyễn Ánh chống lại sự nghiệp thống nhất đất nước của phong trào Tây Sơn; giúp Nguyễn Ánh ký với Pháp bản hiệp ước bán nước năm 1787.

BÔ, **Philíp:** Người Pháp; Bộ Thuộc địa cử làm Toàn quyền Đông Dương ngày 1-7-1902, chính thức nhậm chức ngày 15-10-1902. Ph.Bô làm Toàn quyền Đông Dương đến ngày 25-6-1908.

BÔĐOANH, **Pôn:** Viên chức cao cấp của chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương; làm quyền Toàn quyền Đông Dương từ tháng 4 đến tháng 9-1922, từ khi Môrixơ Lông về Pháp cho đến khi Méclanh sang thay. Bôđoanh làm Tổng Giám đốc nhà băng năm 1931, Chủ tịch các nhà băng ở Đông Dương từ năm 1941 đến năm 1944.

BÔNĐUIN**, Stênli** (1867-1947): Lãnh tụ của những người bảo thủ Anh; Thủ tướng Anh năm 1923-1924, 1924-1929 và 1935-1937; là người ủng hộ chính sách thuộc địa và khuyến khích can thiệp vũ trang chống cách mạng Trung Quốc năm 1924-1927. Bônđuin đã cầm đầu vụ đàn áp cuộc tổng bãi công của giai cấp công nhân và cuộc bãi công của công nhân mỏ năm 1926; có thái độ thù địch với Liên Xô năm 1927; thực hành chính sách khuyến khích bọn xâm lược Italia, Đức và âm mưu cấu kết với nước Đức Hítle chĩa mũi nhọn xâm lược của Đức vào Liên Xô.

BÙI QUANG CHIÊU: Kẻ theo chủ nghĩa quốc gia cải lương và "Pháp-Việt đề huề", là lãnh tụ Đảng Lập hiến. Năm 1925, Bùi Quang Chiêu với tư cách là đảng viên Đảng Lập hiến sang Pháp để vận động chính giới Pháp đòi Chính phủ Pháp ban hành cải cách tự do, dân chủ ở Đông Dương. Cuộc vận động thất bại. Sau khi về nước, trước phong trào đấu tranh chống Pháp của quần chúng lên cao, khẩu hiệu chính trị ngày càng gay gắt, cũng như các lãnh tụ khác của Đảng Lập hiến, do bản chất giai cấp, Bùi Quang Chiêu bị thực dân Pháp mua chuộc đã ngoan ngoãn đi theo chúng, phản bội lại dân tộc. Bùi Quang Chiêu công kích phong trào đấu tranh của thanh niên học sinh và tuyên truyền cho "Pháp - Việt đề huề". Sau này Bùi Quang Chiêu tiếp tục con đường phản động và bị đền tội trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

C

CÔLÔNG, **C.** (1451-1506): Nhà hàng hải người Italia phục vụ cho triều đình Tây Ban Nha, được coi là người phát hiện ra lục địa châu Mỹ vào năm 1492.

D

DÉTKIN, **C.** (1857-1933): Nữ chiến sĩ cách mạng Đức, nhà hoạt động nổi tiếng của giai cấp công nhân Đức và phong trào phụ nữ quốc tế. Bà là đảng viên Đảng Xã hội - dân chủ Đức (1891-1916), đứng về phái Xpáctaquýt và đóng góp tích cực vào việc thành lập Đảng Cộng sản Đức.

DUY TÂN (1900-1945): Tức Nguyễn Vĩnh San, vua thứ 11 nhà Nguyễn từ năm 1907 đến năm 1916. Duy Tân là người yêu nước và có tinh thần dân tộc. Năm 1916, cùng Thái Phiên và Trần Cao Vân trong tổ chức Việt Nam quang phục hội dựa vào số binh lính bị mộ sang Pháp dự định tổ chức khởi nghĩa ở Huế và miền Nam Trung Kỳ. Công việc bị bại lộ, khởi nghĩa không thành, Duy Tân bị thực dân Pháp đày sang đảo Rêuyniông (châu Phi). Duy Tân là người ham học và có ý chí. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, gia nhập quân đội Đồng minh chống phátxít; năm 1945 mất vì tai nạn máy bay ở châu Phi.

Đ

ĐAOXƠ, **Sáclơ Ghitơ** (1865-1951): Nhà tài chính và hoạt động chính trị Mỹ. Năm 1925, Đaoxơ đề ra kế hoạch đầu tư tài chính ra nước ngoài dưới sự chỉ đạo của một uỷ ban do ông đứng đầu nhằm thao túng tài chính và kinh tế các nước khác. (Xem Kế hoạch Đaoxơ).

ĐÁCLƠ, **Ôguytxtơ Êđua** (1875-1940): Người Pháp, cử nhân văn chương. Năm 1906, sang Đông Dương vào ngạch 4 quan cai trị. Đáclơ làm Công sứ tỉnh Thái Nguyên, chủ trương đàn áp đẫm máu cuộc nổi dậy của binh lính người Việt do Trịnh Văn Cấn chỉ huy, tháng 8-1917.

ĐÁCUYN, **S.R.** (1809-1882): Nhà sinh vật học nổi tiếng người Anh, người sáng lập ra khoa sinh vật học duy vật chủ nghĩa, nêu ra lý thuyết về sự tiến hoá của giống loài và cuộc đấu tranh sinh tồn giữa các giống loài. Học thuyết của ông kịch liệt bác bỏ những quan điểm duy tâm của giáo hội về nguồn gốc loài người và các sinh vật. Ông đã trình bày những luận điểm khoa học của mình trong cuốn "Nguồn gốc các loài" (1859).

ĐỀ THÁM tức HOÀNG HOA THÁM (1862-1913): Xuất thân từ một gia đình nông dân ở tỉnh Sơn Tây, đã tham gia nhiều cuộc khởi nghĩa chống Pháp, Năm 1888 ông tham gia phong trào khởi nghĩa nông dân Yên Thế (Hà Bắc), một phong trào đấu tranh yêu nước quyết liệt và bền bỉ của nông dân Việt Nam. Dũng cảm, có tài, biết thu phục lòng người nên ông đã trở thành thủ lĩnh của nghĩa quân. Dưới sự lãnh đạo của ông, nghĩa quân đã gây cho địch rất nhiều tổn thất và làm cho chúng phải lo ngại. Ông bị bọn tay sai của thực dân Pháp ám hại năm 1913.

ĐỘI VĂN: Một trong những người chỉ huy cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy (1885-1889) thuộc tỉnh Hưng Yên cũ, do Nguyễn Thiện Thuật lãnh đạo. Năm 1889, bị khủng bố, Đội Văn trá hàng, được Pháp cấp cho 500 quân để đánh lại nghĩa quân. Đội Văn mang toàn bộ quân lính và vũ khí gia nhập nghĩa quân Hoàng Hoa Thám đánh lại quân Pháp.

ĐƠ VALƠRA, **Imơn** (1882-1975): Nhà yêu nước Airơlen, thủ lĩnh cuộc

nổi dậy của những người tình nguyện Airơlen năm 1916, lãnh tụ Đảng Xin Pêin năm 1918. Ông hai lần làm Thủ tướng Airơlen và quyết định Airơlen đứng trung lập trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Năm 1959, là Tổng thống và năm 1966, được bầu lại làm Tổng thống nước Cộng hoà Airơlen.

ĐUME, **Pôn** (1857-1932): Nghị sĩ Quốc hội Pháp (phái cấp tiến) năm 1888, 1895; Bộ trưởng Bộ Tài chính năm 1895-1896, 1921-1922; Toàn quyền Đông Dương năm 1896-1902; Chủ tịch Thượng viện năm 1927; Tổng thống năm 1931; Tác giả cuốn sách *Indochine - Francaise (Đông Dương thuộc Pháp* hay *Đông Pháp*). Bị ám sát năm 1932.

G

GALILÊ, **G.** (1564-1642): Nhà vật lý và nhà thiên văn học xuất sắc, người Italia. Ông phát hiện ra quy luật về sự rơi của vật thể, nêu ra lý thuyết về quán tính và sáng lập ra khoa học về động lực. Ông sáng chế ra kính viễn vọng để quan sát bầu trời, phát hiện quy luật vận động của mặt trời, mặt trăng và hệ thống hành tinh trong vũ trụ.

GAPÔNG, **G.A.** (1870-1906): Linh mục người Nga, người tham gia tổ chức "Chủ nghĩa xã hội cảnh sát" của Dubatốp - tổ chức những hội công nhân cảnh sát nhằm mục đích đánh lạc sự chú ý của công nhân đối với cuộc đấu tranh cách mạng. Dẫn đầu cuộc diễu hành của công nhân Pêtécbua mang bản thỉnh cầu gửi đến Nga hoàng vào ngày 9-1-1905. Sau khi cuộc diễu hành đó bị đàn áp khốc liệt, Gapông chạy ra nước ngoài.

GÁCNIÊ, **Phrăngxi** (1839-1873): Sĩ quan hải quân Pháp tham gia đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ nhất, bị quân ta giết chết ở gần Cầu Giấy (Hà Nội) năm 1873.

GĂNGĐI, **Môhanđát, Karamsan** (1869-1948): Nhà triết học, nhà văn, nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào giải phóng dân tộc Ấn Độ. Để chống lại thực dân Anh, giành độc lập dân tộc, Găngđi chủ

trương không dùng bạo lực và không coi bạo lực là phương thức đấu tranh chính trị . Trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Ấn Độ (1919-1922), Găngđi trở thành lãnh tụ của Đảng Quốc đại và giữ vai trò quan trọng trong việc biến Đảng này thành một tổ chức quần chúng chống đế quốc. Học thuyết đề kháng tiêu cực của Găngđi trở thành tư tưởng chính của Đảng Quốc đại trong cuộc đấu tranh cho nền độc lập Ấn Độ. Năm 1946, Găngđi tuyên bố không nhất thiết chỉ dùng phương pháp đấu tranh không bạo lực. Găngđi có ảnh hưởng và uy tín lớn ở Ấn Độ. Nhân dân Ấn Độ suy tôn là Mahátma nghĩa là "tâm hồn vĩ đại". Năm 1948, bị bọn phản động ám sát.

GIA LONG (1762-1820): Tức Nguyễn Ánh, đại diện của thế lực địa chủ phong kiến phản động đã bị phong trào Tây Sơn lật đổ. Để chống lại Tây Sơn, Nguyễn Ánh đã cầu cứu quân xâm lược Xiêm (1784); ủng hộ quân xâm lược Thanh; câu kết với tư bản Pháp và ký với Pháp bản hiệp ước năm 1787. (Bản hiệp ước gồm 10 khoản, nội dung chủ yếu là:

- Nguyễn Ánh nhượng hẳn cho Pháp đảo Côn Lôn, cửa biển Hội An và cam kết để cho tư bản Pháp nắm độc quyền buôn bán trên cả nước, cung cấp binh lính và lương thực cho Pháp khi có chiến tranh giữa Pháp và các nước phương Đông.

- Chính phủ Pháp nhận giúp Nguyễn Ánh 4 tàu chiến và một đội quân gồm 1.650 người để chống lại phong trào Tây Sơn.

Đây là bản hiệp ước bán nước, mở đường cho sự can thiệp và xâm lược của thực dân Pháp vào nước ta.

Sau khi đàn áp được phong trào Tây Sơn (1802), Nguyễn Ánh lên làm vua lấy niên hiệu là Gia Long; khôi phục và củng cố chế độ phong kiến đã trở thành phản động.

GIÓPPHRƠ, **Giôdép Giắccơ Xêxerơ** (1852-1931): Thống chế Pháp, đã từng ở Bắc Kỳ, Xuđăng, Mađagátxca từ những năm đầu thế kỷ XX; Tổng tham mưu trưởng quân đội và Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng tối cao Pháp năm 1911. Sau khi được phong Thống chế năm 1917, Giópphrơ sang công cán ở Mỹ.

GIƠNUIY, **Rigôn đơ:** Đô đốc hải quân Pháp đã đem chiến thuyền đến bắn phá cảng Đà Nẵng năm 1858, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp ở Việt Nam.

H

HÀM NGHI (1871-1944): Tức Nguyễn Ưng Lịch, vua thứ 8 nhà Nguyễn, người đứng đầu phe chủ chiến chống thực dân Pháp trong triều đình Huế. Khi kinh đô Huế thất thủ (tháng 7-1885), Hàm Nghi cùng Tôn Thất Thuyết ra phía Bắc tổ chức kháng chiến. Bị thực dân Pháp lùng bắt, phải lánh ở vùng rừng núi tỉnh Quảng Bình, xuống chiếu Cần Vương kêu gọi văn thân, sĩ phu và nhân dân chống Pháp. Tháng 11-1888, bị thực dân Pháp bắt, sau đó đày sang Angiê (thủ phủ của Angiêri ở Bắc Phi).

HENĐÉCXÔN, **A.** (1863-1935): Là một trong những lãnh tụ Công đảng Anh; làm Bộ trưởng Bộ Nội vụ (1924) và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao trong Chính phủ thứ hai của Công đảng - chính phủ Mácđônan (1924-1931) thi hành chính sách đối nội và đối ngoại phản động.

HUYGÔ, **Vichto** (1802-1885): Nhà văn Pháp, nhà lý luận và chủ soái của trường phái thơ ca lãng mạn Pháp; tác giả của nhiều tập thơ, kịch, tiểu thuyết nổi tiếng. Các tác phẩm của Huygô đả kích chế độ đương thời, lên án những kẻ tàn bạo giày xéo lên hạnh phúc con người và đặt lòng tin vào con người có khả năng từ bóng tối vươn lên những đỉnh cao của ánh sáng chân lý và đạo đức.

K

KHẢI ĐỊNH (1882-1925): Tức Nguyễn Bửu Đảo, vua thứ 12 nhà Nguyễn. Năm 1916, được thực dân Pháp đưa lên ngôi và đứng đầu triều đình đến năm 1925. Khải Định là một hoàng đế bạc nhược, hoàn toàn phụ thuộc vào người Pháp.

KHỔNG TỬ (511-479 TCN): Tên Khâu, người nước Lỗ sống vào đời nhà Chu thời Chiến quốc (Trung Quốc). Học rộng, tài cao, là người sáng lập ra đạo Khổng - một trong ba giáo phái lớn nhất Trung Quốc (Khổng giáo, Phật giáo, Lão giáo). Đạo Khổng là nền tảng tư tưởng chính thống của chế độ phong kiến Trung Quốc và ảnh hưởng sâu rộng trong nhiều nước châu Á. Đạo Khổng đề cao lòng ái quốc trung thần, phân định rạch ròi quan hệ vua - tôi, cha - con, chồng - vợ, coi thường phụ nữ và người lao động.

L

LÃO TỬ: Tức Lý Đam, người sống đồng thời với Khổng Tử thời Chiến quốc (Trung Quốc) là quan coi kho sách và sáng lập ra đạo Lão là một trong ba giáo phái lớn nhất ở Trung Quốc. Đạo Lão được Trang Tử phát triển theo chủ nghĩa yếm thế, thoát tục. Đạo Lão khuyên con người không nên làm trái với "đạo" (vô vi), tức quy luật tự nhiên. Sau này các môn đệ của Lão Tử biến "vô vi" thành "xuất thế"- có tính chất mê tín, huyền bí, dùng bùa chú, thuật pháp mê hoặc dân chúng.

LÊÔPÔN II (1835-1909): Quốc vương Bỉ từ năm 1865, người tổ chức những cuộc tấn công đánh chiếm vùng Trung Phi và Côngô.

LÊNIN, **Vlađimia Ilích** (1870-1924): Lãnh tụ thiên tài của giai cấp vô sản và nhân dân lao động toàn thế giới, người sáng lập ra Đảng Cộng sản Liên Xô và Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trong lịch sử loài người, và sáng lập ra Quốc tế Cộng sản. Kế tục sự nghiệp của C Mác và Ph. Ăngghen, Lênin đã đấu tranh kiên quyết để bảo vệ tinh thần cách mạng của chủ nghĩa Mác, chống lại mọi sự xuyên tạc của bọn cơ hội chủ nghĩa và phát triển thiên tài cả ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác (triết học mácxít, kinh tế chính trị học mácxít, và chủ nghĩa xã hội khoa học), giải quyết đúng đắn về lý luận và thực tiễn các vấn đề đặt ra cho cách mạng vô sản trong thời đại đế quốc chủ nghĩa.

Lênin đặc biệt chú ý và đã đưa ra nhiều luận điểm quan trọng về phong trào đấu tranh đưa các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc. Trong bản *Sơ thảo những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* được trình bày tại Đại hội II của Quốc tế Cộng sản (1920), Lênin đã nêu ra những vấn đề cơ bản của phong trào giải phóng dân tộc.

LIÔTRÂY, **Lu-i Uybe Gôngdavơ** (1854-1934): Thống chế Pháp; có mặt nhiều năm ở các thuộc địa của Pháp. Năm 1894, Liôtây sang Đông Dương. Năm 1912, làm Tư lệnh quân đội Pháp ở Marốc. Năm 1916-1917, làm Bộ trưởng Bộ Chiến tranh. Bằng những hành động quân phiệt hết sức tàn bạo, Liôtây chỉ huy những cuộc đàn áp đẫm máu các cuộc nổi dậy đòi giải phóng, chống thực dân Pháp ở các thuộc địa.

LÍPNẾCH, **Các** (1871-1919): Nhà hoạt động xuất sắc của phong trào công nhân Đức và quốc tế, chiến sĩ đấu tranh tích cực chống chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa quân phiệt và chiến tranh đế quốc. Lípnếch là một trong những nhà tổ chức và lãnh đạo nhóm "Xpáctaquýt" cách mạng, là một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Đức và lãnh đạo cuộc khởi nghĩa của công nhân năm 1919; bị kẻ thù giết hại trong nhà tù.

LÔNG, **Môrixơ** (? - 1923): Bộ Thuộc địa Pháp cử M.Lông làm Toàn quyền Đông Dương tháng 12-1919; chính thức nhậm chức từ tháng 2-1920. Khi về Pháp công cán, qua Côlôngbô bị chết, lúc chưa hết nhiệm kỳ Toàn quyền Đông Dương tháng 1-1923.

LÔI, **Gióocgiơ** (1863-1945): Người Anh; đại biểu Quốc hội năm 1890, theo khuynh hướng cấp tiến, chủ trương đàn áp đẫm máu cuộc nổi dậy của người dân thuộc địa Bôơ. Năm 1905, làm Bộ trưởng Bộ Thương mại; sau đó làm Bộ trưởng Bộ Quân nhu (1915), Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (1916), Thủ tướng (1916). Sau chiến tranh, Lôi dự Hội nghị Vécxây (1919), làm thủ lĩnh Đảng Tự do Anh và viết hồi ký.

LƠBROONG, **Anbe** (1871-1950): Học sinh trường bách khoa, kỹ sư mỏ, nghị sĩ Quốc hội Pháp từ năm 1900, Bộ trưởng Bộ Thuộc địa (1911-

1914), Chủ tịch Thượng viện (1931), Tổng thống (1932-1940), bị Đức bắt đi đày (1944-1945).

LÚCXĂMBUA, **Rôda** (1871-1919): Nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào công nhân Ba Lan, Đức và quốc tế, một trong những thủ lĩnh cánh tả của Quốc tế thứ hai. Ngay từ đầu cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất, bà đã đứng trên lập trường quốc tế chủ nghĩa, là một trong những người có sáng kiến lập ra nhóm "Quốc tế", sau đổi tên là nhóm Xpáctaquýt, rồi lại đổi là "Hội Xpáctaquýt". Sau Cách mạng tháng 11-1918 ở Đức, bà giữ vai trò lãnh đạo trong Đại hội thành lập Đảng Cộng sản Đức. Tháng 1 năm 1919, bà bị bắt và bị bọn phản cách mạng sát hại.

M

MANUINXKI, **Đimitri Dakhailôvích** (1883-1959): Đảng viên Đảng Công nhân dân chủ - xã hội Nga cuối năm 1903. Sau đó bị bắt, bị đi đày, rồi vượt ngục, sống lưu vong và gặp Lênin ở Pari. Năm 1912, bí mật trở về Nga. Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, Lênin cử Manuinxki ra mặt trận làm Chính uỷ "đỏ" rồi làm Thứ trưởng Bộ Lương thực, Hội trưởng Chữ thập đỏ. Năm 1921, được cử làm Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Ucraina. Từ năm 1922 chuyển sang công tác ở Quốc tế Cộng sản. Năm 1924, là Uỷ viên Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, năm 1928, là Bí thư Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản. Ba mươi năm liền là Uỷ viên Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô.

MÁC, **Các** (1818-1883): Lãnh tụ của giai cấp vô sản thế giới, nhà tư tưởng vĩ đại, người sáng lập ra chủ nghĩa cộng sản khoa học. Mác là người sáng tạo ra lý luận và sách lược của cách mạng vô sản. Từ sự phân tích sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản, Mác đã đề ra học thuyết về chuyên chính vô sản là công cụ của bước quá độ cách mạng từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội. Từ sự phân tích xã hội tư bản, Mác đề ra học thuyết về giá trị thặng dư.

Mác không chỉ là nhà lý luận thiên tài mà trước hết Mác là nhà cách mạng vĩ đại. Năm 1847, Mác và Ăngghen gia nhập *Liên minh những người cộng sản.* Năm 1864, Mác sáng lập và là linh hồn của *Quốc tế thứ nhất,* Mác đã đấu tranh chống các thứ chủ nghĩa cơ hội trong phong trào công nhân, chống bọn vô chính phủ và định ra sách lược cách mạng cho cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân.

MÁCĐÔNAN I, **Giêm Ramxây** (1866-1937): Người lãnh đạo Đảng Công nhân độc lập Anh và Công đảng Anh; ủng hộ chính sách hợp tác giai cấp và cái gọi là "Chủ nghĩa xã hội nhập dần vào chủ nghĩa tư bản". Năm 1924 và 1929-1935 làm Thủ tướng. Mácđônan đã ra sức bảo vệ lập trường của chủ nghĩa đế quốc Anh và đã gieo rắc những ảo tưởng cải lương chủ nghĩa trong phong trào công nhân Anh.

MẠNH TỬ (-372-239): Tên Kha, quan đại thần thời Chiến quốc (Trung Quốc). Ông có tài hùng biện, đã đi khắp đất nước Trung Quốc tuyên truyền, phát triển triết lý của Khổng Tử lên thành Quốc giáo. Ông có câu nói nổi tiếng: "Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh" (Lợi ích của dân trước hết, sau đó đến lợi ích của nhà nước, lợi ích của vua không đáng kể).

MĂNGGIANH, **Sáclơ** (1866-1925): Tướng Pháp. Sau khi tốt nghiệp trường võ bị Xanh Xia, Mănggianh làm việc nhiều năm ở các nước châu Phi đen, ở Bắc Kỳ (1901-1904), làm Phó Cao uỷ Pháp ở Marốc năm 1912. Trong những năm ở các thuộc địa của Pháp, Mănggianh chủ trương đàn áp tàn bạo các cuộc nổi dậy của người bản xứ giải phóng dân tộc, chống chủ nghĩa thực dân.

Mănggianh làm Tổng thanh tra quân đội Pháp ở các thuộc địa và Uỷ viên Hội đồng quốc phòng nước Pháp đầu những năm 20.

MÉCLANH, **Mácxian Hăngri** (1860-?): Vào quân đội năm 1880-1885. Làm viên chức ở nhiều thuộc địa của Pháp (Haiti, Cônggô, Guađơlúp, Tây Phi, châu Phi xích đạo, Mađagátxca) và Toàn quyền Đông Dương năm 1923-1925.

MÊRÍCH, **Vích to Xêlextanh** (1876-1933): Nhà báo Pháp, đảng viên

Đảng Xã hội; đại biểu của quận Xen tại Đại hội lần thứ XVIII Đảng Xã hội ở Tua, bỏ phiếu cho Quốc tế thứ ba; được bầu vào Ban lãnh đạo của Đảng Cộng sản năm 1920-1921 và Hội đồng quản trị báo *L'Humanité*. Năm 1923, bị khai trừ khỏi Đảng Cộng sản.

MÔNGTEXKIƠ, **Sáclơ Lu-i** (1689-1755): Nhà xã hội học tư sản lỗi lạc của Pháp, nhà kinh tế và nhà văn. Đại diện của phái Khai sáng thế kỷ XVIII, nhà lý luận của chủ nghĩa quân chủ lập hiến.

MUYXTAPHA KÊMAN (1881-1938): Còn có tên Kêman Atatuyếch, nghĩa là Cha của người Thổ Nhĩ Kỳ. Học trường quân sự Xalôních. Năm 1905, tốt nghiệp Viện Hàn lâm quân sự với quân hàm đại uý. Năm 1915, là tư lệnh binh đoàn thứ 7 quân Palextin, đánh thắng liên quân Anh - Pháp ở quần đảo Galipôli. Kêman lãnh đạo cách mạng dân tộc tư sản Thổ Nhĩ Kỳ chống chủ nghĩa đế quốc nước ngoài và bọn mại bản phong kiến trong nước, kết thúc thắng lợi năm 1922. Sau đó làm Tổng thống nước Thổ Nhĩ Kỳ độc lập. Kêman chủ trương xây dựng và củng cố tình hữu nghị với Liên Xô. Nhưng Kêman vẫn mang ý thức hệ của giai cấp tư sản, cấm các hội công nhân hoạt động và đàn áp những cuộc bãi công của người lao động.

N

NAPÔLÊÔNG, **Lu-i Bônapác** (1769-1821): Nhà quân sự nổi tiếng của Pháp. Năm 1785, tốt nghiệp trường pháo binh với quân hàm thiếu uý. Tham gia cách mạng Pháp năm 1789 và nhanh chóng trở thành một viên tướng trẻ nắm quyền chỉ huy tối cao quân đội. Năm 1789, tổ chức đảo chính và năm 1804, tuyên bố thiết lập chế độ độc tài. Napôlêông đã lôi kéo nước Pháp vào những cuộc chiến tranh chiếm đóng lãnh thổ nhiều nước châu Âu. Năm 1812, thất bại trong cuộc chiến tranh xâm lược nước Nga. Năm 1814, bị liên quân châu Âu đánh bại.

Năm 1815, chiếm lại ngôi hoàng đế nhưng sau thất bại tại Oatéclô (22-6-1815) lại bị lật đổ.

NAPÔLÊÔNG III, (BÔNAPÁC, LU-I NAPÔLÊÔNG) (1808 - 1873): Hoàng đế Pháp từ 1852 đến 1870, là cháu gọi Napôlêông I bằng bác. Sau khi cách mạng 1848 thất bại, được bầu làm Tổng thống nước Cộng hoà Pháp, ngày 2-12-1851 làm đảo chính lật đổ chế độ cộng hoà và lên làm hoàng đế.

NANXĂN (1861 - 1930): Nhà thám hiểm, nhà hải dương học và nhà hoạt động xã hội nổi tiếng người Na Uy. Là người có cảm tình với Liên Xô, ông là một trong những người tổ chức việc giúp đỡ nhân dân các vùng bị đói ở nước Nga hồi năm 1921. Tổ chức quốc tế, do những cố gắng của Nanxăn đã gửi sang đất nước Xôviết khoảng 5 triệu pút lương thực (1 pút = 16,38 kg). Năm 1922 ông đã được giải thưởng quốc tế Nôben về những hoạt động nhân đạo.

NGHIÊU: Một ông vua mang nhiều tính huyền thoại trong lịch sử Trung Quốc thời mạt kỳ công xã thị tộc. Ông nổi tiếng về lòng yêu nước, nhân từ. Thời ông trị vì, đất nước thanh bình, nhân dân no ấm. Ông nhường lại ngôi vua cho ông Thuấn chứ không truyền lại cho con.

NGÔ BỘI PHU (1874 - 1939): Quê tỉnh Sơn Đông (Trung Quốc), thuộc phái quân phiệt Bắc Dương hệ Trực (tỉnh Trực Lệ). Năm 1920, Ngô Bội Phu đánh thắng phái quân phiệt Đoàn Kỳ Thuỵ rồi thao túng chính phủ quân phiệt Bắc Dương, làm tay sai cho đế quốc Anh - Mỹ. Ngô Bội Phu chủ trương tàn sát dã man công nhân đường sắt Bắc Kinh - Vũ Hán năm 1923. Năm 1926, quân Quốc dân xuất phát từ Quảng Đông tiến hành Bắc phạt, đánh thắng phái quân phiệt Ngô Bội Phu.

NGUYỄN KHẮC VỆ (1896-?): Sinh ở tỉnh Trà Vinh, đỗ tiến sĩ luật khoa năm 1921, tiến sĩ khoa chính trị và kinh tế năm 1922. Tháng 6-1948, Nguyễn Khắc Vệ tham gia các chính phủ bù nhìn do thực dân Pháp lập ra, làm Bộ trưởng Bộ Tư pháp rồi Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Tư pháp, sau đó làm Đại sứ của chính quyền Sài Gòn ở Anh năm 1952-1954.

NGUYỄN THẾ TRUYỀN (1898-1969): Quê làng Hành Thiện, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, sang Pháp du học. Thời kỳ đầu có

tham gia viết báo *Le Paria* và hoạt động trong Hội liên hiệp thuộc địa. Nhưng sau đó đã đi theo xu hướng chính trị khác, lập Đảng Việt Nam độc lập.

P

PHAN BỘI CHÂU (1867-1940): Nhà yêu nước, quê ở Nam Đàn, Nghệ An; người khởi xướng chủ trương Đông du; năm 1905, lập Duy tân hội theo kiểu quân chủ lập hiến; năm 1912, lập Việt Nam quang phục hội, theo đường lối quân chủ tư sản thay thế Hội Duy tân; năm 1924, cải tổ Việt Nam quang phục hội thành Việt Nam Quốc dân đảng; tháng 12-1924, chịu ảnh hưởng của Nguyễn Ái Quốc, Phan Bội Châu chủ trương chuyển hoạt động theo đường lối cách mạng mới, nhưng bị địch bắt nên chủ trương không thành. Năm 1925, bị toà án thực dân xử tử hình sau hạ xuống chung thân và giam lỏng ở Huế.

Trong thời gian ở Huế, Phan Bội Châu thường nhắc đến Nguyễn Ái Quốc và bày tỏ lòng tin tưởng vào chủ nghĩa xã hội trong cuốn sách *Chủ nghĩa xã hội* do ông viết năm 1935.

PHAN CHÂU TRINH (1872 - 1926): Nhà yêu nước, quê tỉnh Quảng Nam (nay là Quảng Nam - Đà Nẵng), đỗ Phó bảng năm 1901. Năm 1903, làm Thừa biện Bộ lễ. Năm 1905 cáo quan về quê hoạt động chính trị. Năm 1906, sau chuyến đi Nhật về, Phan Châu Trinh ra sức tuyên truyền chủ trương cải cách và trở thành một trong những người cầm đầu xu hướng cải lương ở nước ta đầu thế kỷ XX. Năm 1908, khi phong trào chống thuế của nông dân Trung Kỳ bị đàn áp, Phan Châu Trinh bị thực dân Pháp bắt đày ra Côn Đảo; năm 1911, nhờ có Hội nhân quyền Pháp can thiệp, được trả tự do và sang cư trú tại Pháp. Năm 1925, thực dân Pháp bố trí đưa Phan Châu Trinh về nước, âm mưu lợi dụng chủ trương cải lương của ông để ngăn chặn phong trào cách mạng đang phát triển.

PHAN ĐÌNH PHÙNG (1847 - 1895): Một sĩ phu yêu nước nổi tiếng cuối thế kỷ XIX; nhiệt liệt hưởng ứng phong trào Cần Vương của vua Hàm Nghi năm 1885, tổ chức khởi nghĩa chống thực dân Pháp, lập căn cứ ở vùng rừng núi Hương Sơn - Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh. Phan Đình Phùng đã vượt nhiều gian khổ, duy trì cuộc chiến đấu gần 10 năm; bị thương trong một trận đánh rồi lâm bệnh mất ngày 28-12-1895.

PHAN VĂN TRƯỜNG (1876 - 1933): Sinh trong một gia đình yêu nước, quê huyện Từ Liêm, Hà Nội; sang Pháp năm 1908, vừa làm việc, vừa tiếp tục học thêm. Năm 1914, bị bắt đi lính; vì nghi hoạt động chống Pháp nên bị tù 11 tháng. Sau ra khỏi tù vì trắng án, nhưng đến năm 1919 mới được giải ngũ. Phan Văn Trường hoàn thành luận án tiến sĩ luật và làm luật sư ở Toà thượng thẩm Pari. Năm 1923, về nước; năm 1923, thay Nguyễn An Ninh làm giám đốc chính trị báo *La Cloche fêlée* xuất bản ở Sài Gòn, cho đăng toàn văn *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* của Mác và Ăngghen; đăng lại nhiều bài của các nhà hoạt động cộng sản Pháp đã xuất bản ở Pháp. Phan Văn Trường có cảm tình với Nguyễn Ái Quốc từ khi mới đến Pháp và cùng hoạt động yêu nước chống thực dân ở Pari; ủng hộ Cách mạng Tháng Mười Nga, tán thành đường lối của Quốc tế Cộng sản và kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân Pháp trên lập trường tiến bộ. Tháng 5-1926, báo *La Cloche fêlée* đổi tên là *L'Annam,* vẫn do Phan Văn Trường làm giám đốc một thời gian, tiếp tục tôn chỉ và mục đích của tờ báo trước.

PLÊKHANỐP, **G.V.** (1856 - 1918): Nhà hoạt động trong phong trào công nhân Nga, người đầu tiên truyền bá chủ nghĩa Mác vào nước Nga và tổ chức nhóm "Giải phóng lao động" - nhóm mácxít Nga đầu tiên (1883). Từ năm 1903, Plêkhanốp chuyển sang lập trường cơ hội chủ nghĩa và đi theo phái mensêvích chống lại quan điểm cách mạng của Lênin.

PRUĐÔNG, **P.G.** (1809 - 1865): Nhà văn, nhà kinh tế học, nhà xã hội học Pháp, nhà tư tưởng của chủ nghĩa vô chính phủ sau này. Pruđông phê phán chủ nghĩa tư bản nhưng lại chủ trương duy trì

chế độ tư hữu nhỏ, chống lại học thuyết đấu tranh giai cấp và chuyên chính vô sản của Mác. Quốc tế thứ nhất đã đấu tranh kiên quyết chống những người theo học thuyết Prudông.

POĂNGCARÊ, **Raymông** (1860 - 1934): Trạng sư Pháp, Nghị sĩ Quốc hội, Bộ trưởng Bộ Giáo dục (1893-1894); Bộ trưởng Bộ Tài chính (1894-1895, 1906); Thủ tướng phụ trách Bộ Ngoại giao (1912-1913); Tổng thống (1913-1920). Luôn luôn thực hiện chính sách đối ngoại cực hữu, nên có tên "Poăngcarê hiếu chiến". Những năm 1922-1924, lại làm Thủ tướng phụ trách ngoại giao. Từ năm 1929, rút khỏi chính trường về viết hồi ký.

R

RIVIE, **Hăngri:** Sĩ quan hải quân Pháp tham gia đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ hai, bị quân ta giết chết ở gần Cầu Giấy (Hà Nội) năm 1883.

RÔI, **Manabenđra Nát** (1892-1948): Người Ấn Độ, tham gia phong trào đấu tranh chống đế quốc Anh từ năm 1910. Năm 1915, sống ở nước ngoài và tham gia phong trào cộng sản. Đã dự các Đại hội II, III, IV, V của Quốc tế Cộng sản. Năm 1922, được bầu là Uỷ viên dự khuyết Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản. Năm 1924, được bầu là Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Quốc tế Công sản.

Sau bỏ Đảng Cộng sản, tham gia phong trào đấu tranh chống đế quốc Anh theo xu hướng tư sản.

RÚTXÔ, **Giăng Giắc** (1712 - 1718): Nhà văn, nhà triết học Pháp nổi tiếng. Rútxô bài xích giáo hội và cho rằng nguyên nhân của sự không công bằng trong xã hội là chế độ tư hữu lớn, từ đó nảy sinh mâu thuẫn trong xã hội. Rútxô đề cao dân chủ tư sản, tính nhân đạo và lý tưởng hoá xã hội cộng sản nguyên thuỷ.

S

SĂMBÉCLANH, **O.** (1863-1937): Một chính khách Anh. Trong các chính phủ của Đảng bảo thủ, làm Bộ trưởng tài chính, Bộ trưởng ngoại giao, v.v.. Là kẻ thù của Liên Xô, Săмbéclanh coi mục đích chủ yếu trong chính sách của mình là cô lập Liên Xô và lập khối các nước tư bản lớn chống Liên Xô. Săмbéclanh ủng hộ việc hồi phục chủ nghĩa quân phiệt Đức và muốn lợi dụng nó để chống Liên Xô.

STÊPHENXÔNG (1781-1848): Kỹ sư người Anh, người đầu tiên sáng chế ra đầu máy xe lửa chạy bằng hơi nước (1804). Công trình đường sắt đầu tiên của ông hoàn thành trong thời gian 1826-1830 ở nước Anh.

T

TÔN DẬT TIÊN (Tôn Trung Sơn, 1866-1925): Nhà cách mạng dân chủ tư sản Trung Quốc, người lãnh đạo cách mạng Tân Hợi (1911) lật đổ triều đại phong kiến Mãn Thanh; sáng lập thuyết Tam dân và Trung Quốc cách mạng đồng minh hội (sau cải tổ thành Quốc dân đảng). Năm 1912, được bầu làm Đại Tổng thống Trung Hoa dân quốc, sau đó từ chức. Năm 1916, tổ chức Chính phủ ở Quảng Đông, được cử làm Đại Nguyên soái. Tôn Trung Sơn chủ trương đoàn kết với nước Nga Xôviết, Đảng Cộng sản, quần chúng nông dân, công nhân và xoá bỏ các hiệp ước bất bình đẳng với nước ngoài.

TỐNG DUY TÂN (1838-1892): Một sĩ phu yêu nước đã tích cực hưởng ứng phong trào Cần Vương của vua Hàm Nghi (1885), cùng với nhiều văn thân, sĩ phu giương cao cờ khởi nghĩa ở Thanh Hóa (1885-1992), và trở thành thủ lĩnh chính của phong trào. Tháng 9-1892, bị địch vây bắt và xử tử ngày 5-10-1892.

TƠRANH, **Anbe Êđua** (1889-1971): Người Pháp, đại biểu dự Đại hội lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp ở Tua, được bầu làm Uỷ viên chính thức Ban lãnh đạo của Đảng theo Quốc tế thứ ba, Uỷ viên Trung ương Đảng Cộng sản Pháp năm 1925-1926, Uỷ viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng năm 1923-1924. Năm 1928, bị khai trừ khỏi Đảng Cộng sản. Năm 1934, tham gia Đảng Xã hội.

TRẦN QUÝ CÁP (1870-1908): Quê ở Quảng Nam (nay là Quảng Nam-Đà Nẵng), đỗ tiến sĩ, ham thích tìm hiểu những tư tưởng tiến bộ của Tây Âu. Trần Quý Cáp thường đi vào quần chúng diễn thuyết, vận động cải cách xã hội, tuyên truyền tinh thần yêu nước. Năm 1908 bị Pháp đưa vào Khánh Hoà làm giáo thụ để cắt đứt quan hệ với phong trào chống thuế ở Quảng Nam. Do những tư tưởng và hoạt động tiến bộ của Trần Quý Cáp, thực dân Pháp ghép vào tội "phản nghịch", xử tử ngày 5-5-1908.

THUẤN: Một ông vua mang nhiều tính huyền thoại trong lịch sử Trung Quốc thời mạt kỳ Công xã thị tộc cổ, là người có công tìm ra cách cân đo thống nhất. Sau nhường ngôi cho ông Vũ, một thượng thư tài ba, đức độ chứ không truyền lại cho con.

U

UTƠRÂY, **Ecnếxtơ:** Người Pháp, tham gia Hội đồng thuộc địa Nam Kỳ và là đại biểu của Hội đồng thuộc địa Nam Kỳ trong Hạ Nghị viện Pháp. Utơrây là một đại địa chủ, dùng quyền thế chiếm 2000 ha đất lập đồn điền ở Nam Bộ. Về chính trị, Utơrây là một viên chức thực dân cực kỳ phản động.

UYNXƠN, **Vuđrô** (1856-1924): Tổng thống Mỹ năm 1913-1921. Dưới thời Uynxơn, về đối nội, Chính phủ Mỹ đã thi hành chính sách đàn áp dã man phong trào công nhân; về đối ngoại, thi hành chính sách ăn cướp và bành trướng, can thiệp thô bạo vào công việc nội bộ của các nước khác, đặc biệt là với các nước châu Mỹ latinh.

Năm 1918, Uynxơn đưa ra "Chương trình 14 điểm". Thực chất chương trình này là thiết lập ách thống trị của Mỹ trên thế giới, chống lại nước Nga Xôviết mới ra đời. Chính sách này được che đậy bằng những lời lẽ mỹ miều như "dân chủ", "quyền dân tộc tự quyết".

Năm 1920, Uynxơn bị thất bại trong cuộc bầu cử tổng thống và thôi hoạt động chính trị.

V

VAREN, **Alếchxăngđrơ Clốt đơ** (1870-1947): Luật sư, nhà báo, đảng viên Đảng Xã hội Pháp, dự Đại hội Straxbua và Tua (thuộc phái Lôngghê), không tán thành Quốc tế Cộng sản. Toàn quyền Đông Dương năm 1925. Sau bỏ Đảng Xã hội; đại biểu của Đảng Xã hội cấp tiến trong Quốc hội năm 1945-1946, Bộ trưởng năm 1946.

VĂNGĐÉCVENDƠ, **Ê** (1866-1938): Một tên xã hội sô vanh, lãnh đạo Đảng Công nhân Bỉ và là một trong những người lãnh đạo của Quốc tế thứ hai, tích cực giúp các nước đế quốc can thiệp vũ trang chống nước Nga Xôviết và thi hành chính sách chia rẽ phong trào công nhân.

VINHÊ ĐỐCTÔNG, **Pôn.** Pôn Vinhê Đốctông là bút danh của Pôn Echiên Vinhê (1839-1943): Người Pháp; học dược và phục vụ trong ngành hàng hải từ năm 1880. Từ năm 1889-1893, làm việc ở châu Phi, sáng tác văn học, đã xuất bản 10 cuốn tiểu thuyết. Trong hoạt động chính trị, Vinhê Đốctông tham gia phái cấp tiến cực tả, tác giả cuốn *Vinh quang của lưỡi gươm,* xuất bản lần đầu năm 1900, được các nhà nghiên cứu lịch sử ở Pháp xem là cuốn sách đầu tiên công khai chống chủ nghĩa thực dân.

VÔITINXKI **(Đarkhin), Grigôri Naumôvích** (1893-1953): Người Nga, tham gia Đảng Cộng sản Nga (b) năm 1918. Năm 1920, làm Thư ký Ban phương Đông của Quốc tế Cộng sản; Phó Tiểu ban Viễn Đông của Ban phương Đông. Những năm 20, Vôitinxki đến Trung Quốc với tư cách đại biểu của Quốc tế Cộng sản làm việc với Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc. Từ những năm 30, làm công tác khoa học và giáo dục ở Liên Xô.

VÔNTE, **Phrăngxoa Mari Aruê đơ** (1694-1778): Nhà văn, nhà triết học xuất sắc, nhà tư tưởng của trào lưu triết học "Ánh sáng" ở Pháp thế kỷ XVIII. Đả kích chế độ phong kiến, phê phán sâu sắc giáo hội,

đòi hỏi tự do, bình đẳng. Nhưng không triệt để, vẫn chủ trương bảo hoàng và duy trì tôn giáo.

VÔRỐPXKI, **Vaxláp Vaxlavôrích** (1871-1923): Nhà hoạt động nổi tiếng của Đảng Cộng sản Liên Xô, nhà phê bình văn học, nhà ngoại giao; tham gia đoàn đại biểu Liên Xô tại hội nghị Lôdannơ (1922-1923); bị quân bạch vệ phát xít bắn chết ở Lôdannơ ngày 10-5-1923.

VŨ: Một ông vua mang nhiều tính huyền thoại trong lịch sử Trung Quốc thời mạt kỳ công xã thị tộc, nổi tiếng về lòng yêu nước và đức nhân từ; có nhiều công lao tổ chức đắp đê, xây đập phòng chống bão lụt, hạn hán bảo vệ mùa màng.

X

XANH, **Luyxiêng**: Toàn quyền Pháp ở Tuynidi.

XARÔ, **Anbe** (1872-1962): Toàn quyền Pháp tại Đông Dương trong những năm 1911-1914 và 1917-1919. Trong những năm 20, là Bộ trưởng Bộ Thuộc địa; năm 1936, là Thủ tướng Pháp; năm 1951, là Chủ tịch Hội đồng Liên hiệp Pháp.

XELIÊ, **Lu-i** (1885-1978): Đảng viên Đảng Xã hội Pháp, tán thành những quan điểm của Casanh - Phrốtxa; tham gia Quốc tế thứ ba; đại biểu Đảng bộ Xen tham gia Đại hội lần thứ XVIII ở Tua và được bầu vào Ban lãnh đạo Đảng Cộng sản Pháp năm 1920, năm 1922-1924; Uỷ viên Trung ương Đảng năm 1925-1926; Uỷ viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng năm 1923-1926. Năm 1929, ra khỏi Đảng Cộng sản; sau trở lại Đảng Xã hội rồi lại bị khai trừ khỏi Đảng Xã hội.

XITRÔÊN, **Ăngđơrê** (1878-1935): Kỹ sư và nhà công nghiệp Pháp. Năm 1915, lập xưởng sản xuất vũ khí. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918), chuyển sang sản xuất xe chạy xích, rồi xe hơi. Sản phẩm của Xitrôên có tiếng ở Pháp và trên thế giới.

XTALIN, **Iôxíp Víchxariônôvích** (1879-1953): Một trong những nhà hoạt động nổi tiếng của Đảng Cộng sản và Nhà nước Liên Xô (cũ). Năm 1898, gia nhập Đảng Công nhân dân chủ - xã hội Nga rồi trở thành đảng viên bônsêvích sau Đại hội lần thứ II của Đảng. Thời kỳ chuẩn bị tiến hành Cách mạng Tháng Mười Nga, là Uỷ viên Trung tâm quân sự cách mạng. Thời kỳ nước ngoài vũ trang can thiệp và nội chiến, là Uỷ viên Hội đồng Quân sự cách mạng. Năm 1922, là Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga. Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (1941-1945) là Chủ tịch Uỷ ban Quốc phòng và là Uỷ viên nhân dân Bộ Quốc phòng Liên Xô, Tổng tư lệnh tối cao các lực lượng vũ trang Liên Xô. Xtalin còn là tác giả của nhiều tác phẩm lý luận.